

ĐẶC SAN

Nguyễn Đình Chiểu
Lê Ngọc Hân

2006

**HỘI ÁI HỮU CỰU HỌC SINH TRUNG HỌC
Nguyễn Đình Chiểu & Lê Ngọc Hân Mỹ Tho
CALIFORNIA - USA**



BAN CHẤP HÀNH (Nhiệm kỳ 2005-2007)

Quý vị giáo sư:	Cố vấn: Nguyễn Thanh Liêm Trần Quang Minh Phạm Văn An Lê Thị Hồng Châu Huỳnh Chiêu Đăng Tô Văn Lai Bác sĩ Huỳnh Văn Chính (Trung Chính)
Hội Trưởng:	Ngô Ngọc Vĩnh
Phó HT Ngoại Vụ:	Chung Bích Phượng
Phó HT Tổ Chức và Kế Hoạch:	Nguyễn Văn Nở
Phó HT Nội Vụ (Nguyễn Đình Chiểu):	Võ Thiện Hiếu
Phó HT Nội Vụ (Lê Ngọc Hân):	Nguyễn Thị Xuân Hương
Thủ Quỹ:	Nguyễn Thị Trung
Tổng Thư Ký:	Đỗ Phương Quế
Phó Tổng Thư Ký:	Ngô Hữu Thái
Các Ủy Viên:	Nguyễn Hiền Sĩ Từ Quế Minh

Địa Chỉ Liên Lạc

4555 University Ave San Diego, CA 92105 - USA

Phone : (619)-584-7568 / Fax : (619)-284-9822

Email : vinhngo2000@yahoo.com

Website : <http://saigonline.com/ndclnh/>

MỤC LỤC

BÀI VIẾT	TRANG	TÁC GIẢ
Đôi Lời Dẫn Nhập	5	Ngô Ngọc Vinh
Nguyễn Đ Chiêu Qua Lăng Kính...	7	Lâm Văn Bé
Triều Nguyễn Với Lê Ngọc Hân	26	Đỗ Đức Hùng
<i>Người Xưa Và Người Nay</i>	31	<i>Phan Chùng Thanh</i>
Thiên Chức Người Mẹ...	33	Nguyễn Thanh Liêm
Dòng Sữa Mẹ	46	Sapy ĐiĐi
Một Chút Hương Xưa	55	Trần Thanh Giang
<i>Già Sừ Mai Ta Về</i>	59	<i>Nguyễn Xuân Thiệp</i>
Ngược Dòng	60	Trần Quang Minh
Tâm Tình Của Người Học Trò Cũ	74	Ph. Lan
<i>Áo Trắng Phượng Hồng</i>	80	<i>Dương Thị Hằng</i>
Hoài Niệm Học Đường	82	Nguyễn Văn Hơi
Thầy Tôi	87	Trần Châu
<i>Hè Xưa</i>	102	<i>Lê Mỹ Nam</i>
Tàn Mạn Về Một Lần Hạnh Ngộ	103	Huỳnh Hồng Cầm
<i>Thầy Cũ Trường Xưa</i>	111	<i>Hồng Lan</i>
Nguồn Gốc Chữ Nôm	113	Lê Văn Đặng
Tàn Mạn Về... Văn Hóa Đông Sơn	117	Hồ Hữu Hiệp
Gọt Nước Mắt	126	Sapy Nguyễn V Hường
Miền Nam Đạo Lý	137	Nguyễn Vy Khanh
Giai Thoại Văn Chương (Đối Đáp)	169	Hoàng Phùng Miên
Nhà Văn Nguyễn Ngọc Tư	174	Trần Hữu Dũng
<i>Hạnh Phúc</i>	180	<i>Nguyễn Nguyên</i>
Châu Thổ Sông Cửu Long	181	Xuân Vũ
Cải Lương Hồi Nấm	192	Nguyễn Nguyệt Ánh
<i>Bến Lạc Hồng</i>	198	<i>Mặc Nhân</i>
Chợ Mỹ Tho	201	Huỳnh Quốc Minh
<i>Tình Thu Trên Xứ Mỹ</i>	208	<i>Nguyễn Tấn Hưng</i>
Khi Đi Du Lịch Chọn...	209	Huỳnh Chiêu Đăng
Một Chuyến Đi	218	Nhất Anh TAV
Như Nước Trong Ngọn	220	Nguyễn Văn Sâm
Tào Khê Nước Chảy	240	Nguyễn Xuân Thiệp

Cái Chết Của Một Cuồng Sĩ	243	Nguyễn Nhi
<i>Bên Bờ Thương Nhớ</i>	244	<i>Lê Ngọc Trùng Dương</i>
Chát...!	245	Phùng Nhân
Lộn Sòng Lộn Dĩ	258	Lê Tấn Lộc
Vào Nơi Gió Cát	266	Nguyễn Tân Hưng
Vườn Me Đậu Phụng	281	Hồng Lan
<i>Con Dốc</i>	295	<i>Nguyễn Nhi</i>
Cây Số 16	296	Cao Thanh Phương Nghi
Định Mệnh	302	Nguyễn Trân
Mùa Xuân Tình Yêu Đến	318	Đông Nghi CBL
Ru Tình	320	Mình Hằng
Lê Ngọc Hân ngày ấy	323	Nguyễn Trần Trác
<i>Nhớ Mẹ</i>	328	<i>Thảo Trân</i>
Viết cho Lê Ngọc Hân	329	Kim Oanh
<i>Tình Xưa</i>	333	<i>Mình Nguyệt (HI)</i>
Những khoảng cách	334	Chung Bích Phượng
<i>Gửi Mỹ Tho</i>	340	<i>NTT</i>
Mỹ Tho- Quê Hương & Con Người	341	Nguyễn Thái Bửu
<i>Tranh</i>	347	<i>Chung Thanh Thủy</i>
Liên Khúc Tiếng Vọng Sông Tiền	348	Nhạc
DANH MỤC	351	THƯƠNG MẠI

ĐÔI LỜI DẪN NHẬP

Cũng như 6 số Đặc San mà trong thời gian qua Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Trung Học Nguyễn Đình Chiểu & Lê Ngọc Hân Mỹ Tho (California, Hoa Kỳ) đã ấn hành, ĐS 2006 đánh dấu 10 năm thành lập Hội, bao gồm những bài viết với nhiều thể loại do các Giáo Sư, Cựu Học Sinh và Thân Hữu từ các Quốc Gia như Canada, Úc Châu, Đức Quốc, Pháp, Phần Lan, Hoa Kỳ và Việt Nam đóng góp.

Bên cạnh những bài khảo cứu rất có giá trị viết riêng cho Đặc San 2006, chúng ta còn gặp được những bài viết thật cảm động, nói lên tình cảm quý báu của những môn sinh dù đã thành công trên Trường đời, nhưng vẫn một lòng tôn kính Thầy Cô của những ngày mới chập chững bước chân vào ngưỡng cửa Trung Học. Những bài viết với địa danh và nhân vật có thật khiến người đọc nhận ra ngay nếu đã là CHS hai Trường Nguyễn Đình Chiểu hay Lê Ngọc Hân.

Không những CHS nhớ về Trường Xưa, Bạn Cũ, nơi chuẩn bị kiến thức căn bản khi bước chân vào Xã Hội, các Vị Giáo Sư cũng có những bài viết khiến người đọc bồi hồi nhìn lại chặng đường các vị này đã trải qua với tất cả tấm lòng của một Người Thầy tận tụy với thế hệ Trẻ.

Không gian của những bài viết, như truyện ngắn, thơ, tùy bút, khảo cứu còn mở rộng hơn cho cả Thành Phố Mỹ Tho, cho cả đất nước Việt Nam trước và sau năm 1975 và ngay cả Quốc gia mà người viết hiện đang sinh sống. Người đọc sẽ tìm gặp trong Đặc San 2006 hình ảnh của chính mình trong sân trường, hay một góc phố nào đó trong thành phố Mỹ Tho.

Trong Đặc san 2006, người đọc còn có dịp thưởng ngoạn tranh vẽ của một cựu Nữ Sinh Lê Ngọc Hân và Liên Khúc Tiếng Vọng Sông Tiền của hai vị Giáo Sư tại NĐC & LNH cùng

một số hình ảnh của Trường NĐC & LNH từ những thập niên 1950 cho đến ngày nay.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn tác giả của các bài viết cho Đặc San 2006 và vì khuôn khổ của Đặc San, một số các bài viết khác xin được dành lại cho Đặc San 2007 với chủ đề "Lê Ngọc Hân, từ Công Chúa đến Trường Nữ Trung Học Lê Ngọc Hân".

Hội cũng chân thành cảm tạ các cơ sở thương mại và Quý vị Mạnh Thường Quân đã tích cực yểm trợ cho Đặc San 2006 bằng cách cho đăng quảng cáo hoặc giúp đỡ Hội về phương diện tài chánh. Chúng tôi cũng trân trọng cảm ơn người đọc, vì chính Quý vị là nguồn động lực để người viết và Hội AH/CHS/TH/NĐC & LNH tiếp tục ấn hành các Đặc San kế tiếp.

Chúng tôi chân thành cảm tạ Giáo Sư Trần Quang Minh đã dành nhiều công sức để giúp Ban Biên Tập hoàn thành Đặc San 2006.

Mặc dù hết sức cố gắng tôn trọng người viết và người đọc, chắc chắn Đặc San 2006 không sao tránh khỏi những sai lầm, khuyết điểm ngoài ý muốn của Ban Biên Tập, chúng tôi rất mong sự thông cảm của Quý vị.

Trân trọng,
Ngô Ngọc Vĩnh

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU QUA LĂNG KÍNH CỦA NGƯỜI PHÁP (*)

Lâm Văn Bé
Cựu học sinh, cựu giáo sư, cựu hiệu trưởng
Trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho
(1952-1973)

Gabriel Aubaret, trong bài giới thiệu bản dịch Lục Vân Tiên được xuất bản lần đầu dưới thể văn xuôi với tựa là Poème populaire annamite đăng trong Journal asiatique năm 1864 đã viết và dịch nghĩa như sau :

Ở Nam Kỳ, có lẽ không một người thuyền chài hay chèo đò nào mà không ngâm nga vài ba câu thơ Lục Vân Tiên khi đưa đay mái chèo.

Nguyễn Văn Xuân trong tác phẩm Khi những lưu dân trở lại đã nhận định :

Hoài Thanh có nhận xét khá đúng là từ bên kia đèo Hải Vân ra Bắc, người ta đọc (tôi gọi là xem) Truyện Kiều. Từ bên này vào Nam, người ta đọc Lục Vân Tiên. Nhưng Truyện Kiều, khi qua đèo Hải Vân rồi, dân chúng không hiểu, chỉ có trí thức mới hiểu. Ngược lại, Lục Vân Tiên, ai cũng hiểu mà có lẽ giới trung lưu và quần chúng ưa thích hơn là trí thức.

Nhiều người nặng về hình thức cho là Lục Vân Tiên không hay, không điều luyện. Ấy là chỉ nhìn bằng cái mắt đọc giả mà quên lối tài tình giả.

Lục Vân Tiên là tiêu biểu cho miền Nam để đọc chớ không hẳn để xem...

(Nguyễn Văn Xuân. KNLDTL. Văn Nghệ, 1990. tr. 73-74)

Và Phan Văn Hùm trong bài tựa quyển Ngư Tiều Ván Đập Y Thuật đã phân tích :

Sánh với Lục Vân Tiên, tiểu thuyết luân lý, công trình thời tuổi trẻ, sánh với Dương Từ Hà Mậu, văn chương chiến đấu để bình vực đạo Nho, bản Ngư Tiều Ván Đập Y Thuật là công trình khi đứng tuổi, có phần già dặn chính tề hơn.

(Phan Văn Hùm. NTVĐYT. Saigon : Tân Việt, 1964, tr. XIX)

Qua các nhận xét tiêu biểu trên, chúng tôi cố tìm hiểu những yếu tố khiến các tác phẩm, đặc biệt truyện thơ Lục Vân Tiên của văn hào Nguyễn Đình Chiểu đã được người Việt Nam ưa thích và Nguyễn Đình Chiểu thường được vinh danh như nhà văn quan trọng nhất của miền Nam. Một số lời phê bình của các nhà chính trị và văn học người Pháp và người Cộng Sản cũng được đề cập đến để dẫn chứng cho các xác quyết này.

Lục Vân Tiên là tác phẩm của người Nam Kỳ lục tỉnh

Truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, từ hơn 150 năm nay, ngay khi còn ở thời kỳ chưa hoàn tất đã được phổ biến rộng rãi và yêu thích bởi dân Nam Kỳ, từ giới sĩ phu đến hàng thứ dân.

Người dân Nam kỳ là những người đi khai phá, bắt khuất trước hiểm nguy và quyền lực cũng như không màng lợi danh phi nghĩa. Nguyễn Đình Chiểu là biểu tượng cho cái bản chất kiên cường này. Nhiều giai thoại đã được truyền tụng trong dân gian về tư cách thanh cao của nhà giáo, nhà chí sĩ Nguyễn Đình Chiểu khiến người đọc thơ Lục Vân Tiên không sao quên kể đến cuộc đời gương mẫu của tác giả. Thí dụ như khi viên Chánh tham biện tỉnh Bến Tre là Michel Ponchon ba lần đến nhà ông để khéo léo dụ dỗ ông bởi lẽ biết uy tín của ông với nhân dân, cả ba lần ông đều chối từ.

Lần đầu, Ponchon đi với người thông ngôn tên Lê Quang Hiên, ông giả bộ điếc không nghe.

Lần khác, Nguyễn Đình Chiểu giả đau không tiếp khiến Ponchon phải vào đến chỗ ông nằm và đề nghị trả đất đai ở Tân Khánh cho ông. Nguyễn Đình Chiểu ôn tồn trả lời: *Nước chung đã mất, đất riêng còn có sao được?* Lần chót, Ponchon đề nghị cấp tiền dưỡng lão, ông từ chối và khẳng khái đáp rằng ông đã sống trong sự tôn kính đầy đủ của môn đệ và sự quý mến của

đồng bào của ông (... *il vivait dans une honorable aisance au milieu des élèves qui écoutaient son enseignement, et de ses compatriotes dont il avait l'estime.*

(Lời tựa quyền Histoire du grand lettré Luc Vian Tian do Eugène Bajot dịch và xuất bản năm 1885).

Với dân Nam Kỳ lục tỉnh, Nguyễn Đình Chiểu không phải chỉ là một nhà giáo, một người rao giảng đạo thánh hiền, mà còn là mẫu mực cho đạo làm người, một nhà chí sĩ chống Pháp. Ông là bó đuốc soi đường, là thần tượng của dân miền Nam.

Chính vì sớm nhận biết được ảnh hưởng của Nguyễn Đình Chiểu và Lục Vân Tiên đối với dân chúng vùng đất mới xâm chiếm, nhà cầm quyền Pháp đã tài trợ việc dịch thuật và xuất bản truyện Lục Vân Tiên để phổ biến rộng rãi trong dân chúng với ý đồ vừa thu phục nhân tâm, vừa lợi dụng bài học Nho giáo trong truyện để cô vũ lòng trung thành, biết ơn chánh phủ bảo hộ.

Trong viễn tượng ấy, bản dịch ra quốc ngữ đầu tiên của Jeanneau xuất bản năm 1864 là do lệnh của Thống đốc Nam Kỳ Dupré, bản dịch tiếng Pháp in năm 1868 là của Gabriel Aubaret, đại tá hải quân sau là lãnh sự Pháp ở Bangkok và bản dịch tiếng Pháp của Eugène Bajot, đốc học trường Chasseloup Laubat xuất bản năm 1887 là do sự tài trợ của Hội đồng Địa hạt Nam Kỳ (Conseil colonial) theo quyết định phiên họp ngày 28-12-1885.

Các nhà chính trị này là những người am tường tiếng Việt đã không hết lời ca ngợi Lục Vân Tiên trong các bài báo hay bài tựa của tác phẩm

G. Aubaret đã viết :

Nhận xét thấy thi phẩm Lục Vân Tiên có những tính tình đặc biệt của một quốc gia do chúng tôi đã chung sống lâu ngày, chúng tôi vẫn coi như một sản phẩm hiếm có của trí óc nhân loại và có lợi ích hiển nhiên là phản ánh trung thực những tình cảm của cả một dân tộc....

Báo chí Pháp cũng hợp lực hay áp lực với chánh quyền của họ để phổ biến Lục Vân Tiên.

Tờ Courrier de Saigon, số 14, ngày 20-7-1886 đã viết :

...Chúng tôi vừa nhận được của ông Aubaret, lãnh sự Pháp ở Vọng Các bản dịch một thi phẩm tiếng Việt Nam, tuy bình thường, đơn giản, nhưng người ta vẫn thấy vẻ tươi sáng, một tinh lực về tình cảm rất xứng đáng với những quốc gia tiên tiến.

Chúng tôi rất hân hoan giới thiệu với quý độc giả một danh tác đã phác họa trung thực những phong tục tập quán cổ truyền và ý tưởng cao đẹp của một dân tộc rất đáng chú ý về mọi lãnh vực. Khi đọc những trang sách vừa mộc mạc, vừa hấp dẫn về tính chất bình dân Nam Kỳ, ta thấy rằng các người bạn mới của nước Pháp đã thoát ly khỏi ranh giới gò bó của cú pháp Trung hoa để có thể xây dựng một nền văn hóa quốc gia có khí sắc hơn, tự nhiên hơn để thỏa mãn những nhu cầu cấp bách về tâm hồn và trí tưởng tượng của họ.

Nhà xuất bản Linage ở Pháp cũng đã gửi cho Hội Đồng Địa Hạt Nam Kỳ năm 1886 một bức thư như sau :

Quyển *Lục Vân Tiên*, một thi phẩm quốc gia, được toàn thể nhân dân Việt Nam ưa chuộng, hiện nay chỉ có những bản in bằng chữ quốc ngữ mà giá sách quá đắt nên không hợp với túi tiền của đa số độc giả địa phương là giới bình dân. Tôi muốn nói đến bản dịch của Jeanneau (Paris 1873) mà giá bán ngay ở Pháp đã tới 6 quan. Vậy tôi thiết tha đề nghị với Hội Đồng Địa Hạt vui lòng viện trợ tài chánh để tôi có thể ấn hành một loại mới rẻ tiền mà tôi cam đoan trước sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm

(Cả ba lời dịch trên trích từ : Tìm hiểu Đồ Chiểu qua Lục Vân Tiên của Võ Lang đăng trong Văn hóa tập san, tập 13, quyển 2 tháng 2, 1964)

Quyển *Lục Vân Tiên* vẫn tiếp tục được sự tán thưởng của các học giả Pháp sang thế kỷ sau.

Georges Cordier đã phê bình :

Truyện Lục Vân Tiên làm ta nhớ đến truyện *Nhị Độ Mai*. Truyện được chú ý là nhờ lời văn sáng sủa tao nhã. Có vài đoạn thơ hay như trong truyện Phan Trần hoặc như trong truyện Kim Vân Kiều. Tập truyện thơ này làm nổi bật ba đức tính xã hội An Nam : hiếu với cha mẹ, tôn trọng thầy, trung với vua.

(Morceaux chosis d'auteurs annamites. Hanoi:Nhà XB Lê Văn Tân, 1932, tr.188)

Bộ Tự Điển Văn Chương Thế Giới (Dictionnaire universel des littératures) đã dành một cột viết về Nguyễn Đình Chiểu và các tác phẩm.

Nguyen Dinh Chieu (1822-1888), poète aveugle, originaire de Gia Dinh (Sud Viet-Nam), fut sans doute le dernier grand représentant de la tradition littéraire classique. Dans son oeuvre, on retrouve tous les traits : écriture nô, valeurs confucéennes de fidélité au roi, de piété filiale, d'intégrité et de droiture, et, en même temps la grande tradition patriotique et humaniste qui imprègne la littérature des lettrés. Son roman en vers Luc Van Tien exprime cette conception de l'honnête homme confucéen et demeure un classique toujours apprécié. Dans ses célèbres oraisons funèbres à la mémoire des résistants à la colonisation française- Van Te chien si Can Giuôc , Van Te Truong Dinh, Van Te si dân luc tinh- on retrouve la tradition patriotique vietnamienne, mais on trouve aussi, émergeant des faits historiques, une figure qui deviendra plus tard une figure importante de la littérature contemporaine du Viet-Nam : le paysan....

(Dictionnaire universel des littératures / sous la direction de Béatrice Didier. Paris : Presses universitaires de France, 1994. t. 3, p. 4030)

Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), người thi sĩ mù, quê ở Gia Định, là nhà đại văn hào cuối cùng của dòng văn học cổ điển Việt Nam. Trong tác phẩm của ông, người ta tìm thấy tất cả các sắc thái như chữ nô, các tư tưởng trong văn chương của kẻ sĩ như tinh thần trung quân của Đạo Nho, lòng hiếu thảo, tính cương trực , sự liêm khiết và tinh thần ái quốc cũng như nghĩa nhân ái. Tác phẩm Lục Vân Tiên của ông là một tiểu thuyết bằng thơ diễn tả các quan niệm con người theo Nho giáo là một tác phẩm được dân chúng ưa thích. Ngoài ra, trong các bài văn tế các nghĩa quân chống Pháp như Văn Tế Chiến sĩ Cần Giuộc,

Văn Tế Trương Định, Văn tế sĩ dân Lục tỉnh, người ta tìm thấy qua các sự kiện lịch sử, chẳng những tiềm ẩn tinh thần ái quốc mà còn là hình ảnh quan trọng của nền văn chương Việt Nam cận đại : người nông dân.

Nếu người Pháp đã sớm nhận biết được giá trị bình dân nhưng hấp dẫn của tác phẩm Lục Vân Tiên thì đối với người Việt Nam, đặc biệt người dân Nam Kỳ, truyện Lục Vân Tiên, đã làm rung động lòng người bởi lẽ quần chúng đã tìm thấy thân phận, suy tư và ước mơ của mình qua các nhân vật của truyện kể.

Cái bản chất trọng phụ, hào phóng, trọng nhân nghĩa của các nhân vật như Hớn Minh, Tử Trục, ông Quán, ông Ngự, ông Tiều, Lão Bà là những hình ảnh hào hùng đánh đúng cái khát vọng vươn lên đạo làm người của người dân trong vùng đất mới.

Hớn Minh là người trực tính, khi đi giữa đường thấy Đặng Sinh là con một tên quan huyện, ý thế cha, hăm hiếp con gái người ta thì nổi nóng đánh nó ngay dù biết rằng sau đó sẽ bị tù tội :

*Tôi bèn nổi giận một khi,
Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò*

Tử Trục là người bạn tốt, trọn tình chung thủy với bạn bè, không ngần sợ bạo lực khi mắng Võ Công vì ông ta đem Võ Thế Loan gả cho mình khi biết Vân Tiên bị mù lòa .

Tiều Đồng nêu lên tấm gương tình nghĩa thầy trò đã hết lòng giúp đỡ Vân Tiên khi chủ mình đau ốm và khi tưởng là Vân Tiên đã mất thì ngày đêm ngồi bên nắm mồ để tưởng nhớ.

Ngay đến những người dân lao động như ông Quán, ông Tiều, ông Ngự cũng chuyên chở những tư tưởng thanh cao về đạo làm người. Thí dụ như ông Quán đã chẳng sợ mất thực khách khi ông đã ngao ngễ chê cười hai ông khách nhiều tiền là Trịnh Hâm và Bùi Kiệm:

*Chẳng hay ông Quán cười chi,
Vỗ tay xuống chiếu một khi cười dài
Tiên rằng : ông Quán cười ai*

Quán rằng : Cười kẻ bất tài đồ thơ

Dĩ nhiên, hai nhân vật chính là Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga là những hình ảnh hào hùng mà cụ Đồ Chiểu đã gói gắm trọn cái nhân sinh quan đạo làm người mà ông muốn phổ biến trong dân gian. Lục Vân Tiên cứu Nguyệt Nga khi thấy chuyện bất bình, mù lòa vì hiều với mẹ, nhưng vẫn yêu đời và cứu đời với nghề dạy học và hốt thuốc dù trong cảnh mù lòa. Cuộc tình của Kiều Nguyệt Nga với Lục Vân Tiên là tấm lòng thủy chung dù phải trải qua bao nhọc nhãi, gian truân. Sự tranh đấu của Kiều Nguyệt Nga trong các nghịch cảnh vừa làm rung động lòng người, vừa gần gũi với người phụ nữ Nam Kỳ bởi lẽ nàng tượng trưng cho nghị lực rắn rỏi của người phụ nữ trong vùng đất mới.

Xem Lục Vân Tiên, người đọc không thấy tuyệt vọng dù trong bi thương, và cái mạch văn cũng như tư tưởng lạc quan chiến đấu để vượt nghịch cảnh đã vừa lôi cuốn người đọc, vừa kích thích người đọc với những xúc cảm mãnh liệt.

Nếu dân Nam Kỳ rung cảm theo nhịp đau khổ và vui vầy với Vân Tiên và Nguyệt Nga cũng như cổ vũ những thái độ, hành động của những nhân vật liêm chính thì họ cũng cảm hờn, nguyên rủa những tên gian hùng, bất nhân bất nghĩa như Trịnh Hâm, Võ Thế Loan, Bùi Kiệm, công phần trước sự mù quáng của Thái Sư.

Lục Vân Tiên là tác phẩm của dân gian bởi lẽ phản ánh cái xã hội muôn đời với những con người từ thiện đến ác, những phong tục tập quán từ tốt đến xấu, những bất công và những phần đấu. Đọc thơ Vân Tiên, người dân cảm thấy những ước mơ, thương ghét, những giá trị đạo lý đều được Cụ Đồ diễn tả qua các nhân vật. Cái tín ngưỡng đơn giản Phật Trời của dân miền Nam là ở hiền gặp lành, ác lai ác báo, ăn ở có nhân có hậu, đã thể hiện qua các nhân vật của tác phẩm.

Chính cái bản chất dân gian của đạo làm người mà Nguyễn Đình Chiểu muốn đem ra rao giảng đã khiến dân chúng ưa thích nhiều so với một số truyện thơ Nôm khác đồng thời hay trước đó

như Phạm Công - Cúc Hoa, Thoại Khanh -Châu Tuấn, Lâm Sanh Xuân Nương, Thạch Sanh-Lý Thông...

Ngoài giá trị tư tưởng, truyện Lục Vân Tiên sở dĩ được người dân miền Nam ưa thích là bởi lời văn giản dị, dễ hiểu, nhiều địa phương ngữ, gần gũi với cách nói của người miền Nam.

Thật vậy, cho đến thời Nguyễn Đình Chiểu, gần như các thơ văn đều do các tác giả Bắc hà, do đó các từ ngữ tự nhiên là của người dân phương Bắc. Nguyễn Đình Chiểu là nhà văn của Nam Kỳ, đã sử dụng trong Lục Vân Tiên và các tác phẩm của ông những phương ngữ Nam Kỳ như: heo (thay vì lợn), bắp (ngô), ghe (thuyền), cạp (hồ), trái (quả), hổi (giục), hốt thuốc (bóc thuốc) đau (ôm), kêu (gọi), dè (ngờ), rớt (rơi), giỡn (đùa), dơ (bẩn), đui (mù), đường (đàng), bầu áo, bầu (anh), luông tuồng, xóm giềng, nhân ngãi (nhân nghĩa), hiển vang (hiển vinh), tiên phuông (tiên phong)....

Những thành ngữ của dân gian cũng đã được Nguyễn Đình Chiểu tài tình gắn vào các câu thơ như: *màn trời chiếu đất, sớm còn tối mất, phận bạc như vôi, tiền mất tật còn, nước có nguồn cây có cội, sống sao thác vậy, trọng nghĩa khinh tài, vạch lá tìm sâu, đàn gảy tai trâu...*

Nhiều câu lại có hơi hám của ca dao miền Nam :

Tới đây thì ở lại đây, (câu 1123)
Cùng con gái lão sum vầy thất gia

Và có những câu hát của dân gian ghép gọn vào truyện thơ :

- Lênh đênh một chiếc thuyền tình, (1583)

Mười hai bến nước gởi mình vào đâu

Ai từng mặc áo không bầu (1585)

Ăn cơm không đũa, ăn trầu không cau.

- Xin đừng tham đó bỏ dăng (411)

Chơi lễ quên lự, chơi trăng quên đèn

Ngoài ra, cách sắp xếp cốt chuyện có lớp, có hồi khiến người nghe theo dõi dễ dàng và cách giới thiệu nhân vật bằng cách xưng tên giống như lời bạch, lời xưng trong tuồng hát bội là một yếu tố khác khiến người miền Nam ưa thích Lục Vân Tiên.

- *Đoạn này đến thứ Nguyệt Nga(1265)* thứ= lớp

- *Thứ này đến thứ Vân Tiên (931).*

Và cách giới thiệu nhân vật :

- *Thưa rằng: Tôi Kiều Nguyệt Nga(153)*

Con này tí tât tên là Kim Liên

Quê nhà ở quận Tây Xuyên

Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê

- *Đông Thành vốn thật quê ta (189)*

Họ là Lục thị, tên là Vân Tiên

Nhưng thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu không phải chỉ có phương ngữ, lời văn bình dân, mà vẫn có tính chất bác học, nhưng là cái bác học được phổ cập hóa (vulgarisation) cho dân gian. Phải có một học thuật uyên bác và văn phong bình dị mới chuyển tải được những điển tích thành lời giảng đạo lý cho dân gian như trong đoạn thơ thương ghét sau đây :

Quán rằng ghét việc tâm phào,

Ghét cay ghét đắng, ghét vào tận tâm

Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm

Để dân đến nỗi sa hãm sẩy hàng

Ghét đời U, Lệ đa đoan,

Khiến dân luống chịu lầm than muôn phần

Ghét đời Ngũ Bá phân vân,

Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn

Ghét đời Thúc, Quý phân băng,

Sớm đầu tối đánh lẳng nhằng rối dân

Dưới một khía cạnh khác, nhiều nhà phê bình văn học cho rằng chuyện Kiều có nhạc điệu, còn chuyện Lục Vân Tiên khô khan. Nói như vậy là có thiên kiến bởi trong Lục Vân Tiên, người nói thơ tìm gặp không biết bao nhiêu đoạn thơ có âm điệu nhẹ nhàng, rung cảm và chan chứa ý tình sâu sắc.

Ai lại không cảm thấy bị lôi cuốn khi đọc :

*Trước đèn xem truyện Tây Minh
Gầm cười hai chữ nhân tình éo le
Ai ơi lắng lắng mà nghe
Dữ răn việc trước, lành dè thân sau*

Hay phải lắng lòng suy gẫm :

*Người đời như bóng phù du
Sớm còn tối mất công phu lỡ làng*

Nói tóm lại, vượt lên trên những lời khen tặng của các nhà chính trị và văn học người Pháp, hoặc vì họ ngưỡng mộ thành tựu văn tài của Nguyễn Đình Chiểu, hoặc vì họ có ân ý lợi dụng cho các mục tiêu chính trị, truyện thơ Lục Vân Tiên muôn đời vẫn là truyện thơ được ưa thích của người Nam Kỳ và ảnh hưởng trên người Nam Kỳ bởi lẽ nó phản ánh tâm tình và tâm tính của người Nam Kỳ.

.....

Nguyễn Đình Chiểu có phải là tác giả Lục Vân Tiên không?

Đó là tựa bài viết của ông Nguyễn Quảng Tuân, giáo sư Trường Trung Học Võ Tánh Nha Trang trước 1975, nay là nhà nghiên cứu Thành phố Hồ Chí Minh. Bài viết đã đăng trong Tạp chí Văn học (Viện Văn học Hanoi, số 8, 1994, tr. 36-38).

Câu hỏi đã gây sự ngạc nhiên bởi lẽ từ hơn 150 năm nay, các nhà nghiên cứu văn học Việt Nam đều đồng thuận một sự kiện hiển nhiên Nguyễn Đình Chiểu là tác giả Lục Vân Tiên cũng như Nguyễn Du là tác giả của Kim Vân Kiều.

Sở dĩ ông Nguyễn Quảng Tuân đã thả trái bom như trên vì ông dựa vào một bài báo cũ của M. E. Villard, tựa là Étude sur la littérature annamite, poésies et chants populaires đăng trong tập Excursions et reconnaissances, số 8, in bởi Imprimerie du Gouvernement de Saigon năm 1882.

Chương 3 của tài liệu trên có cái tựa là *Analyse du Luc Van Tien* bắt đầu nguyên văn như sau :

Le poème appelé Luc Van Tien, du nom de son héros, est, sans contredit, l'oeuvre la plus populaire de l'Annam. Tout le monde le sait par cœur, et il n'est pas de chaumière où l'on n'entende chaque soir psalmodier des passages, même par les enfants, qui souvent n'en comprennent pas le sens.

L'auteur du Luc Van Tien est inconnu; c'est à tort que ce poème a été attribué à un lettré de la province de VinhLong, nommé Nguyen Dinh Chieu, qui n'a fait que le transcrire en caractères démotiques et l'importer dans la basse Cochinchine il y a cinquante ou soixante ans. Luc Van Tien est connu au Tonkin de toute antiquité, et c'est peut-être l'œuvre d'un de ces aèdes des premiers âges qui chantaient leurs compositions littéraires sans les fixer par l'écriture, ce qui expliquerait comment nous en possédons plusieurs textes différant sensiblement les uns des autres... (sdd trang 286)

Truyện thơ Lục Vân Tiên, tên vị anh hùng chắc hẳn là tác phẩm bình dân nhất ở Annam. Mọi người đều thuộc lòng và không chiều nào, người ta không nghe tiếng ngâm nga vài đoạn thơ từ các mái nhà tranh, kể cả trẻ con, dù rằng đôi khi chúng không hiểu hết nghĩa.

Tác giả Lục Vân Tiên là vô danh. Thật là một điều nhảm lẫn khi người ta gán cho nhà nho gốc ở Vĩnh Long tên là Nguyễn Đình Chiểu là tác giả. Ông này chỉ làm công việc là viết chuyển thành chữ Nôm và du nhập vào Nam Kỳ 50 hay 60 năm về trước. Truyện Lục Vân Tiên đã được biết ở Bắc Kỳ từ thời Thượng cổ và có lẽ đó là công trình của một trong những nhà thơ xưa đã chỉ ngâm đọc mà không có ghi chép lại, đo đó mà chúng ta có nhiều bản Lục Vân Tiên khác nhau.

Ngoài tài liệu kể trên, ông Tuân còn dựa vào sự kiện bản dịch đầu tiên ra tiếng Pháp của Eugène Bajot tựa là Histoire du grand lettré Louc Vian Tian (nhà XB Challamel aîné Éditeur, 1887) và trang bìa quyển Vân Tiên cổ tích tân truyện của Tự Văn Đường in năm 1897 được Liễu Văn Đường in lại năm 1921 tại Hanoi, và nhất là bản chữ Nôm của Duy Minh Thị, cả ba đều không có ghi tên tác giả Nguyễn Đình Chiểu để đặt ra nghi vấn cho rằng LVT đã được phổ biến ở Bắc Kỳ trước khi được Nguyễn Đình Chiểu nhuận sắc lại.

Nghi vấn của ông Tuân thật ra chẳng có gì mới mẻ bởi lẽ các nhà nghiên cứu văn học tiền bối của ông Tuân đã đặt ra vấn đề tìm văn bản nguyên gốc Lục Vân Tiên, nhưng điều kiện sáng tác và hoàn cảnh xã hội của tác giả đã sống không thể nào xác quyết được đâu là bản gốc. Trước tiên, về vấn đề LVT được sáng tác lúc nào, vào khoảng năm 1859 khi ông bắt đầu về quê vợ ở làng Thanh Ba để dạy học hay vài năm sau đó khi quân Pháp chiếm được Nam Kỳ, các nhà nghiên cứu không đồng thuận nhau. Nhưng dù năm nào thì cụ Đồ Chiểu cũng đã mù loà và truyện Lục Vân Tiên được thành hình bằng cách do ông đọc cho môn sinh ông chép. Trình độ các môn sinh khác nhau, cách ghi chú từ câu thơ của ông đọc sang chữ viết của nhiều môn sinh khác nhau, chưa kể chuyện Lục Vân Tiên đã được nhân dân ưa thích ngâm đọc, ghi chép, từng đoạn từng hồi ngay khi tác phẩm chưa hoàn tất. Ngoài ra, khi chuyển từ chữ nôm sang chữ quốc ngữ lại có vấn đề khác biệt giữa các bản chữ quốc ngữ bởi tùy thuộc vào gốc gác sinh trưởng và căn bản học thức của người chuyển tự dạng. Trong quá trình phổ biến truyền khẩu và ghi chép, chuyển ngữ như vậy, chắc chắn quyển truyện đã bị thêm bớt, sửa đổi, do đó có nhiều bản dị biệt. Nhưng dù cho có bao nhiêu dị bản, nội dung chính yếu vẫn là ý tình, lời văn của Nguyễn Đình Chiểu.

Các văn bản Lục Vân Tiên

Ông Nguyễn Thạch Giang, trong một bài nghiên cứu nghiêm túc đã phân biệt những bản được in khi tác giả còn sống và sau khi tác giả đã mất, những bản xuất bản trong Nam và ngoài Bắc, những bản bằng tiếng Pháp, chữ Nôm và quốc ngữ.

Khi Nguyễn Đình Chiểu còn sinh tiền, có bản in khắc gỗ của Duy Minh Thị ở Trung Quốc, sau in lại ở Chợ Lớn (năm 1865) có Tôn thọ Tường trông coi việc in ấn. Cùng lúc ấy, Gabriel Aubaret, sưu tập những đoạn viết tay bằng chữ Nôm rồi dịch ra tiếng Pháp và cho in trong *Journal asiatique* năm 1864.

Bản *Lục Vân Tiên* bằng chữ quốc ngữ đầu tiên được xuất bản ở Saigon là bản của Janneau, và sau đó được hoàn chỉnh lại bởi bản nôm tựa là *Lục Vân Tiên ca diễn* của Abel des Michels, giáo sư trường École des langues orientales, được nhà Ernest Leroux xuất bản ở Paris năm 1883.

Sau khi Nguyễn Đình Chiểu mất, các bản *Lục Vân Tiên* chữ nôm, phần lớn là quốc ngữ kế tiếp nhau được xuất bản và lưu truyền ra cả miền Bắc. Theo ông Nguyễn Thạch Giang đã có *hơn 40 bản Lục Vân Tiên được in của gần 20 nhà xuất bản khác nhau là một bằng chứng về tính chất được phổ biến sâu rộng của tác phẩm này*.

Trong số các bản xuất bản trong Nam, bản của Trương Vĩnh Ký (1889) là bản gần với nguyên tác hơn cả. Nguyên tác đây chắc chắn không phải là nguyên tác của Nguyễn Đình Chiểu, khó mà tìm được theo thực trạng sáng tác *Lục Vân Tiên*, mà chỉ là bản được hoàn chỉnh chấp nối những đoạn nôm chép tay hay truyền khẩu lưu truyền rộng rãi trong nhân dân như Janneau trước đó đã làm, khi ông còn là đốc học trường Thông ngôn Saigon, và chính Trương Vĩnh Ký đang dạy ở trường ấy. Vì vậy, chắc chắn Trương Vĩnh Ký cũng đã có tham khảo bản Janneau và cả bản của Abel des Michels khi chỉnh lý bản của ông (NĐC, tác phẩm, tác giả, tr. 564).

Bản *Lục Vân Tiên* của nhà Tân Việt in năm 1951 do Nguyễn Thanh Tâm chú thích mà thể hệ học sinh, sinh viên miền Nam dùng làm sách giáo khoa trước 1975 là bản sửa đúng theo bản

của Trương Vĩnh Ký phát hành năm 1889 gồm 21 đoạn, 2076 câu.(ghi trên trang bìa).

Trong cùng thời gian đó, miền Bắc có bản Lục Vân Tiên do Hoàng ngọc Phách, Lê Trí Viễn và Vũ Đình Liên hiệu đính và được Bộ Giáo Dục CS xuất bản năm 1957.

Năm 1973, tại Saigon, Phủ Quốc vụ Khanh đặc trách Văn hóa có thành lập một Ủy ban San Định các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu gồm Lê Thọ Xuân, Đỗ Thiếu Lăng, Tăng Văn Hỷ, Bùi Đức Tịnh, Lê Ngọc Trụ, Nguyễn Văn Y, Ngọc Hồ, Trần Văn Mãi, Vũ Văn Kính và bà Ái Lan. Ủy ban đã hiệu đính quyển Lục Vân Tiên chữ nôm của Abel des Michels và so sánh những dị biệt của các bản quốc ngữ.

Sau năm 1975, Nguyễn Thạch Giang, căn cứ chính yếu vào bản của Trương Vĩnh Ký và các bản Pháp Việt xuất bản trước đó để hiệu đính thành một bản Lục Vân Tiên gồm 6 đoạn và 2082 câu xuất bản năm 1980 bởi nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Bản này được sử dụng hiện nay như tài liệu giáo khoa chính thức.

Ngoài hoàn cảnh đặc biệt sáng tác trong mù lòa của cụ Đồ Chiểu và do đó có sự xuất hiện nhiều dị bản như trên, hoàn cảnh đất nước loạn ly khiến cụ Đồ nhiều lần dời nhà và những tai biến đã khiến con cháu ông khó lòng bảo quản được trọn vẹn gia tài văn hóa của cụ Đồ.

Tai biến thứ nhất là đám cháy thiêu rụi ngôi nhà nơi NĐC sống tại An Bình Đông. *Nguyễn Đình Chiểu mất ngày 24 tháng 5 năm Mậu Tý thì đám cháy đã xảy ra trong mùa thu ấy* (theo Lê Thọ Xuân. Tiểu sử NĐC, Nam kỳ tuần báo ngày 26-6-1943).

Trận bão Năm Thìn (1904) là đại tai biến cho người Việt Nam và gia đình ông khiến con cháu ông bị hoàn toàn tiêu tán hết hết của cải.

Phan Văn Hùm, trong Ngư tiều Vãn đáp y thuật, tr.13 đã viết :

... Năm giáp thìn(1904), một trận bão lụt phi thường mãnh liệt đã giết vô số con người, nhất là nơi vùng Ba Tri của tiên sinh

ở, bấy giờ sinh linh còn chưa ắt dễ bảo tồn thời sách vở phải đành cùng người trôi dạt. Và lại trước đó mấy tháng, người con trai thứ ba của tiên sinh là Nguyễn Đình Chúc du phương mất tại Trung Lương, hạt MỹTho, một phần sách vở của Đồ Chiểu mất theo nơi đó, rồi có lẽ không bao lâu sau cũng chìm rãi dưới nước lụt tràn ngập cả vùng này.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Quảng Tuân chắc hẳn có am hiểu những tài liệu và trạng huống này, và nhứt là có trao đổi ý kiến với ông Nguyễn Thạch Giang, người chủ trì hiệu đính Lục Vân Tiên cho Việt Nam hiện nay.

Ngoài ra, với tài liệu của M. E. Villard, dài 48 trang gồm 6 chương, không hiểu ông Tuân có đọc nguyên văn hay hiểu hết ý chính của Villard.

Theo nhân viên hành chánh bảo hộ này, thì Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của một bộ Lục Vân Tiên viết bằng chữ Nôm phóng tác từ một bản gốc theo thể loại anh hùng ca (épopée) đã được phổ biến ở miền Bắc từ thời thương cổ. Villard đề cao giá trị nghệ thuật và tư tưởng cao cả của Lục Vân Tiên như Iliade nhưng lại so sánh nội dung của truyện Kiều tương tự như chuyện dâm ô Justine của Sade (...*On peut comparer Luc Van Tien à l'Iliade, on trouvera plus justement une analogie frappante entre Tuy Kieu et le roman pornographique de Justine du marquis de Sade...*sdd, p.304)

Ý chính của Villard là như vậy, và bài viết của Villard, đã chìm vào quên lãng với những nhận xét chủ quan của ông ta như vậy.

Quyển Lục Vân Tiên, ngoài giá trị văn chương, luân lý và tinh thần ái quốc còn là một tác phẩm có bản chất tự truyện. Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu, thuở thiếu thời chính là của Lục Vân Tiên. Một vài dẫn chứng tiêu biểu.

Trước khi lên đường dự thí, Lục Vân Tiên được tôn sư lấy cho lá số tử vi, và nếu đem so những lời của tôn sư với cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta thấy có nhiều điểm tương đồng :

*Số con hai chữ khoa kỳ
Khuê tinh đã rụng, tử vi thêm hòa
Hiềm vì Ngựa chạy còn xa
Thỏ vừa ló bóng, Gà đà gáy tan...*

Nguyễn Đình Chiểu sinh ngày 13 tháng 5, năm Nhâm ngo , tức Ngựa (1-7-1822). Đến năm Thỏ tức Quý Mão (1843), ông đỗ Tú tài. Năm Gà tức năm Kỷ Dậu (1849), khi sửa soạn thi cử nhân tại Huế thì được tin mẹ mất, ông phải bỏ thi về cư tang, tiêu tan hết ước nguyện.

Ngoài ra, những trầm luân khổ ải của Lục Vân Tiên như bị mù vì khóc than trên đường cư tang, bị hôn thê Võ Thế Loan bội ước là những khổ ải của Nguyễn Đình Chiểu.

Nếu Nguyễn Đình Chiểu không là tác giả sao có sự trùng hợp này.

Để trả lời nghi vấn khơi khơi của ông Nguyễn Quảng Tuân, ông Nguyễn phương Nam, GS khoa ngữ văn trường Đại học Sư Phạm Huế đã dùng phương pháp đối chiếu các từ ngữ sử dụng trong LVT với hai tác phẩm Dương Từ Hà Mậu (DTHM) và Ngự tiêu y thuật vấn đáp (NTYTVĐ) vốn đã được khẳng định về tác quyền của Nguyễn Đình Chiểu. Trong số 48 từ ngữ dùng để đối chứng, ông Nam tìm ra 45 chữ trong DTHM và 31 trong NTYTVĐ. Cùng so 48 từ ngữ này với các truyện có cốt truyện tương đối giống nhau với LVT như Truyện Kiều của Nguyễn Du, truyện Song Tinh của Nguyễn hữu Hào và Nhị Độ Mai (Vô Danh thị). Kết quả cho thấy trong Truyện Kiều chỉ có 3 chữ, Song Tinh có 2 chữ và Nhị Độ Mai thì không có chữ nào cả.

Điểm đặc biệt trong 48 chữ trên có nhiều chữ quen thuộc của người Nam Kỳ : chàng ràng, hăm hút, luông tuồng, tầm phào, so đo, vắng hoe, phui pha, quả báo, quày quả...

Chẳng những giống nhau từ ngữ, mà còn giống cả câu:

Di Tề chẳng khứng giúp Châu (LVT, câu 511)

Di Tề chẳng khứng giúp Châu (NTYTVĐ, câu 2671)

Lỡ bề báo hiếu, lỡ đường lập thân (LVT 590, DTHM 2826)

Nghiêm Lăng đã mấy đua bơi (LVT, câu 517)
Thà như hai họ Nghiêm Châu (NTYTVD, câu 2677)

.....

Ngoài ra, Nguyễn Phong Nam còn chứng minh điểm tương đồng của ba tác phẩm LVT, DTHM, NTVĐYT trong cách trình bày tiết đoạn, cách thức kể chuyện, tư tưởng triết lý...

Từ hơn một thế kỷ qua, các nhà nghiên cứu văn học đều khẳng định Nguyễn Đình Chiểu là tác giả Lục Vân Tiên. Chúng tôi không hiểu ông Tuân có dụng ý gì khi nêu ra nghi vấn như trên trong khi trước đó, ông đã hợp tác soạn thảo với Nguyễn Khắc Thuần quyển sách mà ông nghi ngờ tác quyền. (Quyển sách này tựa là Từ ngữ thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, từ điển Lục Vân Tiên. NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1989)

Kết luận

Trong lịch sử văn học cận đại, Nguyễn Đình Chiểu và các tác phẩm của ông đã bị bỏ quên hay bị bỏ qua.

Bỏ quên vì không được biết đến, bỏ qua vì được biết nhưng bị đánh giá thấp nên không được xét đến hay nếu có được xét đến thì chỉ xét qua loa, với nhiều thiên kiến.

Ông Dương Quảng Hàm, trong quyển *Việt Nam văn học sử yếu* đã giới thiệu truyện Lục Vân Tiên với lời khen kèm theo những từ như : *không, cũng* :

Lời văn truyện này bình thường giản dị tuy không được điêu luyện uẩn súc như văn Truyện Kiều và truyện Hoa Tiên, nhưng có vẻ tự nhiên, có giọng chất phác, cũng là một áng văn hay trong nền quốc văn ta.

Nhận định này đã cụ thể hóa trong bộ *Việt Nam văn học sử yếu* của ông dùng làm tài liệu giáo khoa cho học sinh trung học từ 1938 đến 1975 (ông đặc trách soạn thảo chương trình quốc văn) chỉ với 3 trích đoạn ngắn.

Nhưng Nguyễn Đình Chiểu không phải chỉ có Lục Vân Tiên. Trong 30 năm sáng tác, ông đã để lại nhiều tác phẩm và nhiều thơ văn yêu nước mà hậu thế chỉ mới biết đến sau này.

Quyển *Dương Từ Hà Mậu* chỉ mới được biết đến lần đầu khoảng năm 1935-1936 do bà Mai Huỳnh Hoa, chất ngoại của cụ Đồ Chiểu giới thiệu(cháu ngoại của bà Sương Nguyệt Anh, con gái thứ năm của ông) và sau đó, năm 1938, ông Phan Văn Hùm (chồng bà Mai Huỳnh Hoa) sao lục một số đoạn đăng trong *Nổi lòng Đồ Chiểu*, nhưng bị thực dân Pháp cấm lưu hành. Phải chờ đến năm 1964, quyển *Dương Từ Hà Mậu* do Phan Văn Hùm hiệu đính toàn thể mới được nhà Tân Việt cho xuất bản.

Theo GS Thanh Lăng, *Nguyễn Đình Chiểu là người của hai thế hệ : thế hệ 1820 và thế hệ 1862. Nguyễn Đình Chiểu của Lục Vân Tiên, của Ngự Tiều vấn đáp y thuật là Nguyễn Đình Chiểu của thế hệ 1820 là thế hệ của những nhà nho chính thống, mà tư tưởng không ngoài trung hiếu và văn thể không khỏi có tính xa xôi, dài cắc, lý tưởng. Nguyễn Đình Chiểu của thế hệ 1862 là Nguyễn Đình Chiểu của một loạt văn chương thời thế, kháng chiến. Dưới hình thức Đường luật ta có thể kể đến các bài : Xúc cảm, Ngựa tiêu sương, Đạo người, Làm thuốc, Chạy giặc, Điều Phan Công Tòng (10 bài), Điều Trương công Định (12 bài), Điều Phan Thanh Giản, Tự thuật; dưới hình thức những bài văn tế ta có thể kể đến Văn tế Trương công Định, Điều sĩ dân Lục tỉnh Nam Kỳ (Tế nghĩa sĩ trận vong trong sáu tỉnh), Tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (Tế vong hồn mộ nghĩa); dưới hình thức những bài hịch ta có thể kể đến: Thảo thư hịch (Hịch bắt chuột) Hoàng Trùng trập khởi (Cào cào dấy lên phá lúa); dưới hình thức lục bát : truyện Dương Từ Hà Mậu.(Bảng lược đồ văn học VN, quyển hạ. Saigon : Trình Bày, 1967)*

Nếu Nguyễn Đình Chiểu là văn hào bị bỏ quên hay bị bỏ qua, trở trêu thay, ông lại là nhà văn bị các nhà chính trị Pháp Việt lợi dụng tư tưởng và uy tín của ông để phục vụ cho những mục tiêu chính trị của các chế độ. Nhà cầm quyền Việt Nam hiện nay đã chỉ trích cách thu phục nhân tâm này nhưng họ lại **cũng áp dụng phương thức này** trong việc mượn thơ văn yêu nước

cũng như tư cách thanh cao của Nguyễn Đình Chiểu trong các chiến dịch **tâm lý chiến**.

Montréal, hè 2006

(*) Trích *Nguyễn Đình Chiểu Qua Lăng Kính Của Người Pháp Và Người Cộng Sản* của Lâm Văn Bé.



GS Lâm Văn Bé (X) và học sinh làm sinh hoạt học đường trên bờ giếng nước Mỹ Tho vào gần cuối thập niên '60.

TRIỀU NGUYỄN VỚI LÊ NGỌC HÂN

Đỗ Đức Hùng

Đặc San Nguyễn Đình Chiểu & Lê Ngọc Hân 2006 25

Kết cục cuộc đời Lê Ngọc Hân, công chúa của vua Lê Hiến Tông, Bắc cung Hoàng hậu của vua Quang Trung (1789 - 1792) và là một tác giả có tiếng của thi đàn Việt Nam cuối thế kỷ XVIII, đã được viết nhiều. Tuy nhiên còn có nhiều điều chưa sáng tỏ. Bài viết này muốn cung cấp thêm một số tư liệu góp phần làm sáng tỏ kết cục cuộc đời một nàng công chúa tài sắc vẹn toàn mà cũng lắm gian truân.

1. Về cái chết của Lê Ngọc Hân

Cụ Ngô Tất Tố trong "Lược sử công chúa Ngọc Hân" (Thi văn bình chú, Hà Nội 1952) viết: sau khi nhà Tây Sơn thất bại, Ngọc Hân và các con đều đổi tên họ lên vào một làng thuộc tỉnh Quảng Nam. Nhưng chẳng bao lâu thì bị phát giác. Ngọc Hân phải uống thuốc độc tự tử, còn hai con đều bị thắt cổ chết.

Hai cụ Lê Thước và Lê Tư Lành đều xác định Lê Ngọc Hân mất vào ngày 8 tháng 11 năm Kỷ Tỵ (1799) (1). Tác giả Nhất Thanh (1971) thì cho rằng khi triều Tây Sơn sụp đổ, Lê Ngọc Hân có bị bắt cùng với hai con hoặc ở Huế hoặc ở nơi khác. Vua Gia Long đã sai giết hai con bà một cách kín đáo, còn riêng Lê Ngọc Hân thì cho về quê mẹ (2).

Các sử thần triều Nguyễn, trong Đại Nam thực lục chép: Người xã Phù Ninh là Nguyễn Thị Huyền làm cung nhân của vua Lê Hiến Tông, có con gái là Ngọc Hân, gả cho nguy Huệ, sinh được một trai một gái. Ngọc Hân chết, trai gái cùng chết non cả. Khoảng đầu năm Gia Long, nguy đô đốc tên là Hải ngầm đem hài cốt mẹ con Ngọc Hân từ Phú Xuân về táng trộm ở địa phận xã Phù Ninh; Thị Huyền ngầm xây mộ dựng đền, khắc bia giả, đổi lại họ tên để làm mất dấu tích. Tới đây (năm 1842) việc ấy mới bị phát giác, vua sai hủy bỏ đền thờ, đào bỏ hài cốt kẻ nguy đi" (3).

Trước đây trong một số bài viết của mình, tôi cũng theo ý kiến của Lê Tư Lành tin rằng công chúa Ngọc Hân đã mất từ trước khi triều Tây Sơn bị sụp đổ hoàn toàn.

Song khi đọc kỹ lại "Quốc sử di biên", tôi thấy tác giả đời Nguyễn là Phan Thúc Trục (1808 - 1852) chép rõ ràng như sau:

"Tháng 5 năm Giáp Tý (1804) công chúa nhà cựu Lê là Ngọc Hân tạ thế. Nguyên năm Bính Ngọ (1786) niên hiệu Lê Cảnh Hưng, vua Lê gả công chúa Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ. Đến khi nhà Tây Sơn mất, công chúa lại về ở tại mẫu quán là làng Phù Ninh. Tại đây, công chúa từ trần. Kẻ hàng thần hiện nhậm chức quan tại huyện Đông Ngạn xin làm tang lễ cho cố công chúa, nhà vua chấp thuận, dân làng Phù Ninh làm từ đường thờ cố công chúa" (4).

Với tư cách là bộ sử tư nhân, ghi chép và bổ sung những sự kiện mà quốc sử còn bỏ sót hoặc đề cập đến chưa chính xác, được biên soạn vào khoảng đầu thời vua Tự Đức (khoảng 1851 - 1852), quốc sử di biên đã cung cấp những thông tin quan trọng:

- Có thể là hai người con của bà Ngọc Hân với Quang Trung Nguyễn Huệ đã bị giết hại sau khi nhà Tây Sơn bị sụp đổ, nhưng riêng Lê Ngọc Hân vẫn còn sống mà trở về quê mẹ là làng Phù Ninh (tục gọi là làng Nành, huyện Gia Lâm, Hà Nội).

- Bà Lê Ngọc Hân đã qua đời tại quê nhà vào tháng 5 năm Giáp Tý (1804) và đã được vua Gia Long nhà Nguyễn cho phép làm tang lễ và nhân dân làng Phù Ninh đã xây dựng từ đường để thờ bà. Điều này có thể hiểu được vì chính vua Gia Long đã lấy em gái của Lê Ngọc Hân, nên khiến ông vua này không thể làm khác được.

2. Công chúa nhà Lê lấy vua Gia Long là ai? Và trong hoàn cảnh nào?

Số đâu có số lạ đời,

Con vua mà lại hai đời chồng vua.

Đó là hai câu ca dao vẫn còn lưu truyền trong dân gian tại vùng đất cố đô Huế cho đến những năm đầu thế kỷ XX. Nó phản ánh một thực tế lịch sử. Song cái nguy hại là nhiều người đã hiểu lầm câu ca dao kia ám chỉ vào công chúa Lê Ngọc Hân. Thậm chí, một tác giả đã viết cả một bài trên tạp chí "Những người bạn của cố đô Huế" (BAVH số 4-1941) rằng công chúa Ngọc Hân, người đã lần lượt có hai đời chồng, cả hai đều là những bậc "anh hùng" của Việt Nam, nhưng lại là hai kẻ thù không đội trời chung. Đó là Nguyễn Huệ - Quang Trung và Nguyễn Ánh - Gia

Long. Không những thế, tác giả kia còn dựng lên một cách sinh động cả một cuộc hội ngộ đầy kịch tính giữa Gia Long và Ngọc Hân với đầy vẻ lãng mạn "trao anh hùng gặp gái thuyền quyên!". Đó là một sự lầm lẫn. Trong thực tế, qua các tài liệu đã dẫn ở trên có thể thấy Lê Ngọc Hân chưa từng bao giờ lấy vua Gia Long. Sở dĩ có sự lầm lẫn bởi lý do, chính em gái Lê Ngọc Hân là Lê Thị Ngọc Bình đã làm vợ vua Gia Long sau khi nhà Tây Sơn thất bại. Nhưng bà Ngọc Bình lấy vua Gia Long trong hoàn cảnh nào? Và kết cục ra sao?

Trong "Quốc sử di biên" Phan Thúc Trực chép một sự kiện cuối cùng của triều đại Tây Sơn có liên quan đến hoàn cảnh công chúa Ngọc Bình trở thành vợ Gia Long như sau:

"Tháng 6 năm Nhâm Tuất (1802) loan giá đức Thế tổ (chỉ vua Gia Long) đến kinh thành Thăng Long... nhân dân hào mục bắt được anh em "ngụy quyền" Nguyễn Quang Toàn và đem dâng lên nhà vua... Nguyên trước đó, Nguyễn Quang Thiệu và Nguyễn Quang Toàn chạy về phủ Lạng Giang. Lúc đi đến làng Phương Lan, thì kẻ tùy tùng của Toàn chỉ còn hơn trăm người mà thôi. Chánh tổng Yên Mầu là Võ Thám và bọn Trần Huy Giao ở đất Kinh Than đốc suất các hào mục thuộc huyện Yên Lãng và huyện Lục Ngạn đến bao vây anh em Nguyễn Quang Toàn - mãi về sau bọn Tổng Thám mới bắt được Quang Toàn và Quang Thiệu đem dâng... Bọn Tổng Thám (chánh tổng Võ Thám) lại dâng nạp bà phi là Lê Thị Ngọc Bình vào trong nội cung nhà vua" (5)... Nhờ hiền những người thuộc "ngụy đảng" bị bắt sống cùng với các hạng khí giới nhà binh và của cải châu báu nên bọn Tổng Thám và Trần Huy Giao được triều đình ban thưởng công lao cao thấp khác nhau" (6).

Theo "An Nam nhất thống chí" của Ngô gia Văn phái và "Lịch triều tạp kỷ" của Ngô Cao Lãng thì khi gả cô công chúa thứ 9 là Ngọc Hân mới 16 tuổi (năm 1786) cho Nguyễn Huệ, vua Lê Hiển Tông còn có đến 5 người con gái chưa chồng. Vì thế nếu Ngọc Hân còn có người em gái sau đó được gả cho Quang Toàn, con trai cả và là người nối ngôi Quang Trung thì cũng là điều dễ xảy ra. Đến khi Quang Toàn và tùy tùng bị bắt tại phủ Lạng Giang thì Ngọc Bình cũng ở trong số đám tù binh đó.

Theo tục lệ xưa, vua chúa mỗi khi trả thù thì bắt giết những con trai của người có tội, còn đàn bà (vợ và con gái họ) thì sung làm nô tỳ ở trong cung hay tại các nhà quan to. Bà Lê Thị Ngọc Bình (người đã từng được Quang Toàn phong làm phi) cũng ở trong trường hợp này. Chỉ có điều, vì có nhan sắc, Ngọc Bình được vua Gia Long yêu quý lấy làm vợ và phong lên đến Đệ tam cung (hàng phi) và đã có với Gia Long hai người con trai. Nhân chép về sự kiện vua Gia Long sách lập Tổng Thị làm hoàng hậu năm Bính Dần (1806) tác giả sách Quốc sử di biên cho biết thêm: dưới Hoàng hậu họ Tống còn có Đệ nhị cung là Ngọc Đường sinh ra Phúc Đảm (vua Minh Mệnh sau này), Phúc Đài và Thiệu Hoá công. Đệ tam cung chính là Ngọc Bình (chị em với Ngọc Hân công chúa - vợ vua Quang Trung) sinh ra Quảng Oai công và Thường Tín công (7).

Các sử thần triều Nguyễn trong "Đại Nam chính biên liệt truyện" phần Hậu phi chỉ chép đến hai bà vợ của vua Gia Long là Thừa Thiên cao Hoàng hậu họ Tống và Thuận Thiên cao Hoàng hậu họ Trần mà không thấy chép đến các bà vợ khác, kể cả bà Ngọc Bình. Nhưng ở phần truyện của các hoàng tử thì lại thấy chép đến Quảng Oai công (con thứ 10 của Gia Long) mẹ là Đức phi họ Lê. Ông này được phong làm Quảng Oai công năm Gia Long thứ 16 (1817) và mất năm Minh Mệnh thứ 10 (1829) khi mới 21 tuổi; Người con trai thứ 11 của vua Gia Long (em cùng mẹ với Quảng Oai công) tên húy là Cự cũng được phong tước công năm Gia Long thứ 16 (1817) đó là Thường Tín công. Ông này mất năm Tự Đức thứ 2 (1849) thọ 40 tuổi.

Trong truyện của các công chúa, sử nhà Nguyễn cho biết Ngọc Bình còn có với vua Gia Long một người con gái. Đó là An Nghĩa công chúa Ngọc Ngôn, con gái thứ 10 của vua Gia Long (8). Bà công chúa này mất năm Tự Đức thứ 9 (1856) thọ 53 tuổi. Như vậy là bà sinh năm 1814.

Từ một công chúa nhà Lê, Ngọc Bình được gả cho vua Cảnh Thịnh nhà Tây Sơn, rồi lại làm đệ tam cung của vua Gia Long nhà Nguyễn. Câu ca dao đã dẫn trên hẳn ám chỉ trường hợp của bà. Bà mất khi nào? Không thấy sử sách chép. Có lẽ vì cái lý lịch "hai đời chồng vua" của bà mà mặc dù đã từng được lập làm Đệ

tam cung (hàng phi) bà vẫn không được các sử thần triều Nguyễn chép trong liệt truyện chăng?

Rõ ràng, qua các tư liệu đã dẫn trên, có thể khẳng định lại một lần nữa, công chúa Lê Ngọc Hân, tác giả bài Ai tư văn nổi tiếng vẫn giữ được sự chung thủy với người anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ. Người được ca dao nhắc đến lại là em gái bà, công chúa Lê Thị Ngọc Bình.

1. Lê Thước: Công chúa Ngọc Hân chết năm nào? NCLS số 34/1962.

Lê Tư Lành; Công chúa Ngọc Hân. Trong Danh nhân Hà Nội. Tập 1, Hội Văn nghệ Hà Nội 1973, tr.215 - 231.

2. Nhất Thanh: Công chúa Lê Ngọc Hân... Trong: Văn sử địa, số 21, Sài Gòn, 1971.

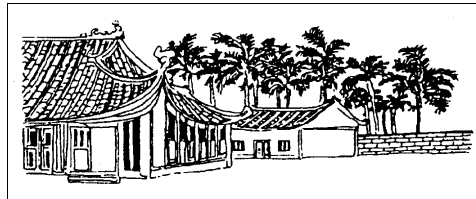
3. Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục chính biên, Đế tam kỷ. Bản dịch VSH, NXBKHXH, H. 1970, TXXIV, tr.183-184.

4. Phan Thúc Trục: Quốc sử di biên. Tập thượng. Bản dịch Sài Gòn 1973, Tr.136.

5, 6, 7. Quốc sử di biên, đã dẫn, tr.74-75, tr.190-191.

8. Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập. Bản dịch Viện Sử học, NXB Thuận Hoá, Huế 1993, T.2, Tr61-62, 69.

Nguồn: <http://www.suutap.com/default.asp?id=853&muc=3>



NGƯỜI XƯA NGƯỜI NAY

GS Phan Chừơng Thanh

*Thời dạy học ở trường Đình Chiểu
Tỉnh Mỹ Tho vẫn hiểu Định Tường
Thanh niên đồng nghiệp thân thương
Hàng ngày chuyện văn hiên trường giờ chơi
Sang đất Mỹ không vui nổi nhớ
Những đồng liêu nơi nố năm nao
Nào như cụ Kiệt thâm giao
Vì cùng môn dạy độ nào Pháp văn
Thanh nhớ lại in hằn trong óc
Mới về trường môn học cũng kham
Lý Hóa môn chính vẫn ham
Nhưng vì không có đành cam ngược đời
Thanh giảng đọc mở lời rất lớn
Cụ phòng bên có chón ra xem
Thấy đàn con trẻ đàn em
Noi gương thầy đọc thật thềm thật mê
Từ đạo đó không nề hơn tuổi
Cụ cùng Thanh những buổi thân đàm
Vẫn đem tiếng Pháp vấn tham
Trau dồi kinh nghiệm thêm ham chuyên ngành
Trần Ngọc Tế tiếng Anh tuyệt kỹ
Giọng nhẹ nhàng như Mỹ lú lo
Tính vui nên thích pha trò
Láng giềng hàng xóm câu hò thân nhau.
Thầy Chung Tốt sinh sau giỏi trí
Xuất thân trường Vĩnh Ký Sài thành
Du học Anh ngữ nước Anh
Đồng liêu Bộ bỏ đua tranh với đời
Không chỉ giỏi nhất thời nhất lãnh
Hội họa môn diện hãnh thật nhiều
Vẽ hồ Hoàn Kiếm phiêu diêu
Tình anh truyền cảm những điều đam mê*

Môn Toán pháp hủ hê bọn nhỏ
 Hà Xuân Châu bày tỏ đường đi
 Giỏi giang nổi tiếng khó bì
 Hai năm đỗ được bốn kỳ cử nhân
 Ngoài đồng nghiệp ân cần Thanh nhớ
 Những con em trong cỡ tuổi thơ
 Mỹ Dung giỏi Toán đầu cờ
 Điểm kỳ Đệ Thất ai ngờ hai mươi
 Nguyễn Minh Hạc cười tươi đầu số
 Đạt thủ khoa công khổ học hành
 Hội đồng Trung học thành danh
 Mỹ Tho Đình Chiểu tình anh vang lừng
 Võ Phan Toán tin mừng cũng rạng
 Đậu Tú Tài với hạng tối ưu
 Môn sinh Văn Hữu danh lưu
 Ngọc Hân dạy Triết giờ lưu nơi nào
 Thanh gửi tới lời chào tốt đẹp
 Lời thân thương không hẹp tâm tình
 Đồng liêu bằng hữu môn sinh
 Mỹ Tho Đình Chiểu bóng hình năm xưa.



Dãy lớp văn phòng Trường LNH

THIÊN CHỨC NGƯỜI MẸ

VÀ PHONG TRÀO DÀNH QUYỀN SỐNG

CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ

Nguyễn Thanh Liêm

Trong mấy mươi thế kỷ đã qua chưa có thế kỷ nào chứng kiến được sự tiến bộ nhanh chóng và những biến đổi lớn lao trong thế giới loài người bằng thế kỷ XX vừa rồi. Những người được sinh ra trong thập niên đầu và còn sống đến thập niên cuối của thế kỷ này chắc chắn đã nhận thấy những thay đổi lớn lao đó trong đời sống của con người, nhất là trong các xã hội văn minh tân tiến. Những khám phá mới của khoa học, cùng với những sáng chế ở địa hạt kỹ thuật đã đưa con người đến một nền văn minh mới với mức độ tân tiến vượt xa nền văn minh nhân loại hồi cuối thế kỷ XIX, nhất là về phương diện vật chất và khoa học/kỹ thuật.

Bên cạnh những tiến bộ vượt bậc về khoa học và kỹ thuật, người ta cũng nhận thấy sự thay đổi rất nhiều trong địa vị và vai trò của người phụ nữ đối với gia đình và xã hội trong thời gian này. Phụ nữ Mỹ cũng như phụ nữ Việt Nam đều có những đổi thay lớn lao và đều phải qua những phong trào tranh đấu mạnh mẽ gọi là phong trào hay chủ nghĩa phụ nữ (feminism). Đó là phong trào phụ nữ dành quyền sống, quyền đi học, đi làm, quyền bầu cử, quyền bình đẳng với đàn ông, v v . . . Các phong trào này đã giúp phụ nữ giải thoát họ ra khỏi những áp bức, đè nén của xã hội trọng nam khinh nữ. Tuy có những đổi thay trong địa vị, trong vai trò của họ đối với xã hội nhưng có điều họ không thay đổi bao giờ, đó là thiên chức làm mẹ mà người phụ nữ ở Mỹ cũng như ở Việt Nam, cũng như ở các nơi trên thế giới đều không hề thay đổi. . .

Vào đầu thế kỷ XX, tuổi thọ trung bình (life expectancy) của người phụ nữ Mỹ được ước tính khoảng 51 năm. Phần đông dân chúng hồi đó sống về nghề nông. Thành thị còn thưa thớt, điện thoại được xem như là một xa xỉ phẩm. Hát bóng còn là những phim câm. Muốn đi một khoảng đường vài mươi miles, người ta phải mất cả ngày, bằng phương tiện tốt nhất lúc đó là xe ngựa.

Chuyện ly dị hầu như là chẳng bao giờ xảy ra. Họa hoằn mới có một vụ xì căn đần có thể đưa tới hôn nhân tan vỡ. Người phụ nữ còn phải mặc áo lót bó sát thân mình thật chặt, với cái váy dài phủ cả bàn chân. Phần đông không trang điểm gì cả. Sơn phấn phần lớn được dành cho giới “chị em”. Phụ nữ chưa có quyền đi bỏ phiếu. Rất ít người được đi học, và nếu có một số ít phụ nữ được đi học thì họ cũng không có cơ hội được học nhiều như nam giới.

Phần đông đều còn giữ được trinh tiết cho đến khi lấy chồng. Việc ái ân, chăn gối với người khác phái và sự thai nghén trước khi có chồng là một điều hết sức xấu hổ cho những cô con gái con nhà lành. Những cô gái lỡ bị chữa hoang, khi bụng to lên và bắt đầu trông thấy được là kẻ như không dám bước chân ra khỏi nhà. Vì không được đi học, không được đi làm, người phụ nữ thời đó có nhiều thì giờ lo cho gia đình, nhà cửa và chồng con. Chỉ có những người giàu có lắm thì mới có thuê mướn người làm hay có kẻ hầu người hạ, còn phần đông thì phải làm lụng cực nhọc với việc nấu nướng, lo bữa ăn cho chồng con, lau quét dọn dẹp nhà cửa, giặt ủi quần áo, may vá thêu thùa, quần quật suốt cả ngày từ sáng đến chiều tối. Họ làm việc không có lương bổng gì cả, chỉ để làm tròn bổn phận của người vợ đối với chồng và thiên chức của người mẹ đối với các con. Tuy nhiên xã hội thời đó chỉ xem họ như những công dân hạng nhì (second citizen) với địa vị thứ yếu so với địa vị chính yếu của người đàn ông.

Qua hai lần thức tỉnh với phong trào phụ nữ (feminism movement) nổi dậy đòi bình quyền cùng nam giới và quyền sống của phụ nữ vào các thập niên 1920-30 và sau đó là các thập niên 1960-70, địa vị và vai trò của người phụ nữ đã được thay đổi, cải thiện rất nhiều. Các thập niên 1920-30 tuy có đem lại quyền bầu cử và quyền làm việc cho phụ nữ nhưng những cải cách này chưa tiến xa bao nhiêu thì bị hậu quả tai hại của kinh tế khủng hoảng khiến cho nhiều phụ nữ phải từ bỏ việc làm để nhường chỗ cho nam giới lúc đó đang bị thất nghiệp nặng nề. Phải đợi đến khi có phong trào phụ nữ nổi lên lần thứ hai vào các thập niên 1960-70 mới thật sự có những thay đổi lớn lao trong vấn đề

nam nữ bình quyền ở xã hội Mỹ. Những thay đổi đó bắt đầu từ thập niên 1960 và tiếp tục diễn ra cho đến những năm cuối của thế kỷ vừa rồi. Đạo luật về quyền công dân (Civil Rights Act) tự do và bình đẳng ra đời năm 1964 và cơ quan EEOC (Equal Employment Opportunity Commission) của chính phủ Liên Bang đã là những công cụ tiếp tay với phong trào phụ nữ đẩy mạnh những cải cách xã hội liên hệ tới địa vị người phụ nữ Mỹ. Vào năm 1970 chỉ có 5.4% phụ nữ tốt nghiệp ngành luật và 8.4% tốt nghiệp ngành y khoa. Đến năm 1993 có đến 42.5% phụ nữ tốt nghiệp ngành luật, và 37.7% tốt nghiệp y khoa. Vấn đề trình độ, quan niệm về tình yêu và hôn nhân cũng như vai trò của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội đều được đặt lại. Thuốc ngừa thai ra đời năm 1963 đã tiếp tay rất nhiều trong việc bành trướng tinh thần tự do nhục dục trong giới thanh thiếu niên. Nạn bị cưỡng dâm và quấy nhiễu tình dục (sexual harassment) giảm sút khá nhiều trong những năm gần đây, nhưng mặt khác tình trạng ly dị lại gia tăng nhanh chóng, hơn 100% từ 1960 đến 1994. Số phụ nữ không chồng mà có con đã gia tăng quá nhiều, hơn 400% trong các thập niên 1970-80. Tuổi thọ trung bình bây giờ cũng gia tăng đáng kể, khoảng 79 tuổi rưỡi vào giữa thập niên 1990. Đến đầu thế kỷ XXI, người phụ nữ Mỹ gần như đã chiếm địa vị quan trọng không kém gì nam giới. Thống kê gần đây cho thấy ở địa vị lãnh đạo trong lãnh vực chính trị và thương mại/kinh tế người phụ nữ Mỹ đã có mặt với con số đáng kể (tuy vẫn còn kém đàn ông). Mặc dù số phụ nữ tốt nghiệp đại học có hơn 50% nhưng số người phụ nữ giữ vai trò lãnh đạo trong giáo dục và chính trị còn ít hơn đàn ông khá nhiều. Trong số 47 vị viện trưởng và phó viện trưởng viện đại học vùng Trung Tây nước Mỹ, chỉ có 10 vị là phụ nữ, và trong số 10 người đó chỉ có 3 người là viện trưởng mà thôi. Tại các quận hạt Butler, Clermont, Hamilton, Warren, Boone, Kenton, Campbell và Dearborn của Tiểu Bang Michigan, số phụ nữ làm chánh sở học chánh (superintendent) chỉ được có 26%, và số phụ nữ làm hiệu trưởng thì được đến 40%. Ở địa hạt chính trị, tổng số phụ nữ dân biểu là 22.5% nhưng con số này chỉ có 19% ở Ohio, 18% ở Indiana, và chỉ có 11% ở Kentucky. Tổng số nữ dân biểu ở ba

Tiểu Bang này là 33 người nhưng không có một người phụ nữ nào có trong Thượng Viện. Số phụ nữ làm thị trưởng ở ba nơi này chỉ chiếm được có 11%. Trong số 400 quản trị viên các công ty lớn ở vùng này, chỉ có 37 người là phụ nữ, và nếu hồi 1960 tính trung bình mỗi người phụ nữ chỉ lãnh được 60% số tiền của một nam giới thì bây giờ con số đó tăng được đến 76% (tính cùng nghề, cùng chức vụ). Nhưng ở đã hạt dịch vụ bất vụ lợi thì phụ nữ chiếm vị thế quan trọng hơn. Hiện có đến hơn 52% phụ nữ giữ vai trò điều khiển trong các tổ chức bất vụ lợi trên nước Mỹ.

Những thay đổi lớn lao về địa vị và vai trò đó phải nói là nhờ ở sự tranh đấu dẻo dai và mạnh mẽ của một số phụ nữ trong phong trào phụ nữ ở thập niên 1960-70. Một người trong phong trào này đã hãnh diện nói:

“Ở đây (trên nước Mỹ) chúng ta là những kẻ dẫn đường. Phong trào phụ nữ rất quan trọng đối với tất cả phụ nữ chứ không riêng cho phụ nữ Mỹ. Hầu hết phụ nữ, nhất là những người ở các nước thuộc thế giới thứ ba (third world) mà tôi đã gặp và làm việc chung trong các đại học đều muốn có được sự độc lập và tự do như phụ nữ Mỹ.”

Nhưng bên cạnh những thay đổi lớn lao đó, có điều dường như không bao giờ thay đổi trong cuộc sống của phần đông phụ nữ. Đó là vai trò của người mẹ đối với các con của mình. Đây có thể xem như là một thiên chức của phụ nữ ở khắp nơi trên thế giới từ bao nhiêu ngàn năm rồi. Một bà mẹ dù rất có nhiệt tình với phong trào phụ nữ, đã bày tỏ ý kiến chống đối lại phong trào này như sau: *“Tôi có chân trong phong trào phụ nữ, nhưng tôi không chấp nhận quan điểm của phong trào này trong vấn đề chống lại việc ở nhà nuôi con.”* Bà nói thêm là khi con bà ra đời bà chỉ muốn ở nhà để nuôi nấng dạy dỗ và sống bên nó ít năm chớ không muốn đi làm và giao phó nó cho người khác giữ. Một số đông phụ nữ khác cũng có cùng quan điểm như thế.

Công cuộc nghiên cứu gần đây của Bộ Lao Động Mỹ cho thấy mối quan tâm nhiều nhất của phụ nữ ngày nay là làm thế nào giữ được quân bình giữa việc làm ở sở và những công việc phải làm ở nhà. Tội nhất là những bà mẹ phải sống cảnh một

mình nuôi con. Họ phải đi làm từ sáng đến chiều, 8 tiếng mỗi ngày. Họ phải mất cả tiếng đồng hồ để đi tới sở và đi về nhà. Sáng sớm phải đưa con đi học, chiều phải đón con về. Họ phải sửa soạn thức ăn cho con, tắm rửa cho chúng, giúp chúng làm bài vở. Cuối tuần lo quét dọn nhà cửa, lau chùi nhà tắm, hút bụi, giặt đồ, đi chợ. Có khi còn phải đưa con đi chơi thể thao, hoặc học nhạc, hoặc làm văn nghệ ở trường. Từng ấy công việc làm cho họ bận rộn vô cùng. Có nhiều người chỉ ngủ được có 5 tiếng đồng hồ mỗi ngày hay ít hơn nhưng họ vẫn chịu đựng nổi. Đó là vì con mà họ phải chịu như vậy. Họ phải chu toàn thiên chức làm mẹ của họ. Họ có thể bỏ chồng, có thể hận thù hay phản bội chồng nữa nhưng đối với con mình thì không thể bỏ, không thể hận thù hay phản bội được, dù nó có ngỗ nghịch, bất hiếu, hay kỳ khôi đến đâu đi nữa. Ngày nay trên xứ Mỹ ta thấy có người sinh con ra rồi vứt đứa con mới sinh vào thùng rác, thậm chí có người còn tàn nhẫn cho con lên xe rồi nhận chìm xe dưới hồ, giết chết hết mấy đứa con thơ dại của mình, nhưng đó là trường hợp hãn hữu, một trong cả trăm triệu người. Hàng triệu người mẹ khác vẫn chịu đựng khổ nhọc làm tròn thiên chức của mình, không có gì lay chuyển được. Bà mẹ Mỹ thì như vậy, còn bà mẹ Việt Nam thì sao?

Phụ nữ Việt Nam trong thế kỷ vừa qua cũng trải qua nhiều thay đổi như phụ nữ Mỹ, có thể còn nhiều hơn nữa là khác. Đến gần cuối thập niên 1910-20 địa vị của người phụ nữ Việt Nam không có gì khả quan so với địa vị của họ vốn đã có từ bao nhiêu thế kỷ trước. Quyền lợi của họ trong xã hội xưa là con số không. Họ không có chút quyền gì cả, họ chỉ có bốn phận mà thôi, bốn phận đối với cha mẹ, bốn phận đối với chồng. Phận con gái là phải theo những lời “Gia Huấn” mà Nguyễn Trãi đã viết ra từ thế kỷ XV:

*“Phận con gái ở cùng cha mẹ,
Lòng phải chăm học khéo, học khôn.
Một mai xuất giá hồi môn,
Phận bỏ liều giá trong như ngọc.
Khéo là khéo bánh trong bánh lọc,
Lại ngoan nghề học vóc may mền.*

*Khôn là khôn lẽ phải đường tin,
Lại trợn đạo nâng khăn sửa túi.”*

Và:

*“Phận con gái này lời giáo huấn,
Lắng tai nghe chuyện kể tam cương.
Dầu ái ân cùng chiếu cùng giường,
Đạo chồng sánh quân thần chỉ đạo.
Làm tôi con chí trung chí hiếu,
Làm dâu thời chí kính mới nên.”*

Phạm Quỳnh, trong một bài viết về “Địa Vị Người Đàn Bà Trong Xã Hội Nước Ta” đã có nhận xét như sau về quyền “Gia Huấn Ca” của Nguyễn Trãi: *“Thật không khác gì những thế lệ của cảnh sát, từ đầu chí cuối chỉ những điều nghiêm cấm cả, như giam người đàn bà vào trong cái lưới luật lệ, không còn để cho một chút tự do nào cả.”*

Phụ Nữ Thời Đàm, số tháng 1 năm 1932, trong bài “Phụ Nữ Với Bộ Dân Luật Mới Bắc Kỳ” nhận thấy rằng *“trước mặt luật pháp thời xưa, quyền lợi của phụ nữ chỉ là số không”*. Tình trạng của phụ nữ Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX có thể còn tệ hơn tình trạng của phụ nữ Mỹ cùng thời mặc dầu lúc này văn minh Tây phương đã bắt đầu xâm nhập vào xã hội mình. Phải đến năm 1918 mới có tờ “Nữ Giới Chung” ra đời ở Sài Gòn. Đây là tờ báo đầu tiên dành riêng cho những vấn đề của phụ nữ ở Việt Nam do bà Sương Nguyệt Anh làm chủ bút. Tờ báo xuất bản mỗi tuần vào ngày Thứ Sáu, số đầu ra ngày 1 tháng 2 năm 1918. Trong lời phi lộ có ghi là: *“Ngay sau khi đến Sài Gòn và trong chương trình nhằm cải cách nâng cao mức sống xã hội của Annam, ông Albert Sarraud đã cho phép xuất bản một tờ tạp chí phụ nữ đầu tiên dùng để nâng cao mức sống của phụ nữ”*. Albert Sarraud lúc này là Toàn Quyền Đông Dương. Bà chủ bút Sương Nguyệt Anh ghi rõ mục đích của tờ Nữ Giới Chung là nâng cao luân lý, dạy cho phụ nữ biết cách sống hằng ngày, chú trọng đến thương mại và tiêu công nghệ, tạo sự tiếp xúc giữa con người v v . . . Bà Sương Nguyệt Anh, con gái của cụ Đồ Chiểu, là người phụ nữ Việt Nam đầu tiên làm báo, và là người phụ nữ Việt Nam đầu tiên làm chủ bút một tờ báo cũng đầu tiên dành cho các vấn

đề về phụ nữ ở Việt Nam. Nhưng tờ Nữ Giới Chung chỉ xuất bản được không đầy 6 tháng thì đình bản. Tuy chưa gây được tiếng vang lớn lao trong quần chúng nhưng tờ Nữ Giới Chung cũng đánh dấu sự thức tỉnh của một số người về vấn đề phụ nữ ở nước mình. Tiếc rằng sự thức tỉnh này còn rất lẻ loi chưa gây được một phong trào phụ nữ có đủ tầm vóc để thúc đẩy những cải thiện thật sự ngoài xã hội. Tiếng nói của Nữ Giới Chung im bật đến hơn 10 năm mới có tiếng nói khác nổi lên. Phải đến năm 1929 một tờ tạp chí khác về phụ nữ mới lại xuất bản ở Miền Nam, đó là tờ Phụ Nữ Tân Văn. Chương trình 4 điểm của tờ này cũng đại để không khác gì mấy chương trình nâng cao đời sống người phụ nữ Việt Nam của Nữ Giới Chung hồi 11 năm về trước. Chi tiết bốn điểm được ghi ra như sau:

“Phải làm sao cho người đàn bà cũng có học vấn rộng rãi, trí thức mở mang có thể hiểu biết phận sự mình là một bà nội tướng thì mới hữu ích được.”

“Phải làm sao cho người đàn bà biết trọng chức nghiệp để tự lập lấy thân, bỏ hẳn thói quen nhờ chồng, nhờ con.”

“Phải làm sao cho người đàn bà biết rằng trong nền luân lý và phong tục của ta có nhiều chỗ êm đềm cao thượng tức là hương hoa của cha ông để lại cho, hãy nên giữ gìn trân trọng.”

“Làm sao cho người đàn bà biết lịch sử để yêu nước, biết vệ sinh nuôi con.”

Từ đây báo chí về phụ nữ nổi lên khắp cả Ba Kỳ. Năm 1930 tờ Phụ Nữ Thời Đàm ra đời ở Hà Nội với chủ trương dung hòa mới cũ, với mục đích *“mong ngăn ngừa bên nọ (bên thủ cựu) diu dắt bên kia (bên tân tiến) để điều hòa hai cái xu hướng trái ngược ấy. . . sao cho những hành động của chị em sau này thích hợp với lẽ tiến hóa thiên nhiên mà mẹ hiền vợ thảo, nếp cũ nền xưa vẫn giữ được cái vẻ riêng của giá nhà Nam Việt”*. Ở Huế, mãi đến năm 1932 mới có tờ Phụ Nữ Tân Tiến ra đời. Tuy ra đời muộn nhưng tờ báo chứa đựng nhiều tư tưởng rất tiến bộ. Đúng như cái tên đã nói, chủ trương của Phụ Nữ Tân Tiến là *“chấn khởi phong hóa, truyền bá văn minh và bênh vực quyền cho chị em bị người ta đè nén. . . Còn riêng phần phụ nữ, ta lấy cái cơ quan ngôn luận ấy làm người hướng đạo cho ta hầu phá chốn*

khuê phòng để ra nơi đồng địa và bênh vực cho nhau những cái lợi quyền bị hạn mà rêu chiếm đoạt.” Đến đây mới thấy rõ ràng đặt ra những vấn đề căn bản của phụ nữ như vấn đề phụ nữ bị đè nén, bị chèn ép, vấn đề quyền làm người của phụ nữ, vấn đề bình quyền với nam giới, và vấn đề giải thoát phụ nữ ra khỏi bốn bức tường chật hẹp của luân lý Tống Nho. Cũng trong thời gian này xuất hiện nhiều tiểu thuyết luận đề và tiểu thuyết xã hội của Tự Lực Văn Đoàn hô hào đập phá chế độ đại gia đình, giải thoát phụ nữ ra khỏi luân lý khắt khe ràng buộc bởi tứ đức tam tòng của Nho giáo. Phong trào phụ nữ ở Việt Nam đã thật sự bắt đầu.

Nó đã bắt đầu trước nhất ở trong Nam với bà Trương Nguyệt Anh, và một số các văn nhân học giả hồi cuối thập niên 1910 sang đầu thập niên 1920. Lúc này ở Miền Nam đang có phong trào cổ võ cải cách xã hội trong nhiều lãnh vực mà người ta gọi là cải lương, (nhưng về sau này danh từ cải lương lại chỉ được dùng để chỉ phong trào cải lương sân khấu mà thôi). Trên báo Nữ Giới Chung Mme Nguyễn Từ Thúc bàn về cải lương nếp sống của phụ nữ. Nguyễn Chánh Sắt yêu cầu cải lương tập tục. Hồ Biểu Chánh đề cập đến cải lương giáo dục trong bài “Việt Nam Giáo Dục Luận” của ông. Trong bài “Thiết Nghiệp Yếu Luận” Nguyễn Chánh Sắt hô hào cải lương nông nghiệp. Trần Phát Văn nêu ý kiến cải lương cách đọc tiểu thuyết và Hồ Biểu Chánh đã bắt tay làm công việc cải lương tiểu thuyết bằng những sáng tác mới của ông. Tuy nhiên phong trào phụ nữ thật sự nổi lên là do các cựu nữ sinh Gia Long nhiều hơn. Vào thập niên 1920 đã có nhiều phụ nữ đi học Trung Học rồi. Những người này đã học được nếp sống văn minh của người Tây phương. Họ là những nữ sinh các trường trung học Collège de Mỹ Tho (tức trường Le Myre de Vilers và sau này là Nguyễn Đình Chiểu), Collège de Cần Thơ (tức trường Phan Thanh Giản), và Collège Des Jeunes Filles Indigènes (tức trường Gia Long sau này) và cả trường Petrus Ký nữa, nhưng quan trọng nhất đối với phong trào phụ nữ bấy giờ phải nói là từ các nữ sinh Gia Long.

Năm 1924, một cựu nữ sinh Collège des Jeunes Filles, cô Nguyễn Thị Kiêm, trong một hội nghị về Dự Luận Nam Giới đối

với Phụ Nữ Tân Tiến đã cho thấy chủ nghĩa phụ nữ là “*làm thế nào giải phóng phụ nữ ra khỏi những lễ giáo hủ bại, bênh vực quyền lợi cho phụ nữ, kiếm những cách sinh hoạt cho chị em để sự sống của mình được hoàn toàn hơn và nâng cao trình độ trí thức của mình.*” Để tránh ngộ nhận là chương trình của chủ nghĩa phụ nữ sẽ đưa tới sự xung đột giữa hai phái nam và nữ, cô Kiêm giải thích thêm rằng “*lo cho đàn bà có nghề nghiệp là để cho vợ giúp chồng mà nuôi con, em giúp anh để nuôi cha mẹ; lo cho đàn bà bỏ những thành kiến hủ bại, khỏi những lễ giáo gắt gao trái với sự sống, lo cho họ có học vấn là nâng cao phẩm giá đàn bà tức là phẩm giá người mẹ, người vợ, để cho họ biết rõ cái trách nhiệm của mình mà dạy dỗ con cho hợp thời, để hiểu chồng, giúp chồng trong xã hội.*”

Song song với các buổi hội thảo, các bài vở đăng trên các báo chí, phụ nữ ở Miền Nam bắt đầu có những hoạt động rất đáng kể nhằm mục đích cải lương đời sống phụ nữ như đã nói trên. Vào tháng 8 năm 1933, hội Ái Hữu các nữ sinh trường Collège des Jeunes Filles được ra đời với bà Henry Cordier làm hội trưởng danh dự, bà Phan Văn Gia làm hội trưởng và cô Nguyễn Thị Kiêm làm Tổng Thư Ký. . Đây là hội ái hữu nữ sinh đầu tiên ở Miền Nam, và đó chính là hội ái hữu của trường mang tên Gia Long sau này. Cũng trong năm 1933, vào tháng 11, Viện Nữ Lưu Văn Học Hội (L’Institut de Culture Feminine) ra đời ở Sài Gòn. Mục đích chính của Viện là (1) nâng cao trình độ văn hóa của nữ giới, (2) cứu giúp và giáo dục thành phần nghèo khổ và thất học, và (3) giao tiếp với phụ nữ trên thế giới.

Cô Nguyễn Thị Kiêm hoạt động rất hăng say trong phong trào phụ nữ. Cô từng đi diễn thuyết ở nhiều nơi về các vấn đề thăng tiến đời sống phụ nữ. Tháng 8 năm 1934 cô diễn thuyết tại nhà hát lớn Hà Nội với khoảng 500 người tham dự. Buổi diễn thuyết của cô được mọi người hoan nghênh nhiệt liệt. Trong bài diễn thuyết cô có đề cập đến cuộc sống của một người đàn bà lý tưởng ở Việt Nam phải như thế nào? Hình ảnh lý tưởng đó được mô tả như sau:

“*Tân Nương (tên người đàn bà mới) có chồng và có 3 con. Năm giờ sáng nàng đã thức dậy để lo tập thể dục để giữ thân*

hình cho cân đối. Sau đó nàng đi tắm, làm đẹp một tí, thay quần áo. . . Xong rồi nàng bắt đầu bữa ăn sáng cho chồng và các con. Trong bữa ăn nàng chuyện trò vui vẻ với chồng con. Sau đó, nàng bàn với người làm về việc đi chợ mua những gì để làm những món ăn gì trong ngày mà chồng con nàng ưa thích. Khoảng 7 giờ rưỡi sáng, sau khi chồng đã đi làm, và con đã đi học rồi thì nàng mới lo tắm rửa cho đứa con nhỏ nhất. Sau khi tắm rửa thay đồ xong, đứa bé được người vú em đưa ra vườn chơi. Sau đó nàng đến nhà họ sinh giảng dạy về vệ sinh cho những người đàn bà nghèo khổ thiếu thốn thường đến đây để xin thuốc men. Nàng chỉ dẫn cho họ cách nuôi con, cách pha sữa cho con bú. Đến khoảng 9 giờ nàng đi dạy ở một trường tư thực. Khoảng 11 giờ hơn nàng về nhà, cắm lại mấy cành hoa trong phòng ăn và chơi với con. Sau bữa ăn trưa nàng đọc báo, nghỉ ngơi một tí. Buổi xế trưa nàng chăm sóc tủ quần áo và soạn bài cho ngày mai. Năm giờ chiều các con lớn ở trường về lo tắm rửa. Sau đó nàng dắt cả ba con đi dạo chơi ngoài vườn. Trong khi đi dạo nàng cất nhắc cho con những điều nghe thấy ở dọc đường. Khi các con chơi đùa với nhau trong vườn, nàng nghĩ tới những dự án mà nàng có thể làm cho Viện Văn Hóa (Nữ Lưu). Khoảng 6 giờ 30 chiều, chồng nàng ở sân tennis về đây để cùng nàng và các con trở lại nhà. Buổi ăn chiều sẽ rất vui vẻ. Chồng nàng kể cho vợ con nghe những chuyện xảy ra trong sở. Chàng mong nàng có chút thì giờ đến nói chuyện về nghệ thuật ở Viện Nữ Lưu. Sau bữa ăn chiều nàng coi cho con học bài, làm bài ở trong trường. Nàng khuyến khích mấy người giúp việc đi học chữ ở các lớp đêm do Viện Văn Hóa Nữ Lưu mở. Sau đó nàng soạn chút bánh ngọt cho chồng. Nàng ghi những chi phí trong ngày vào sổ, ghi những việc phải làm vào sổ tay trước khi đi ngủ”.

Đại khái đó là công việc hằng ngày của một người phụ nữ mới, một phụ nữ lý tưởng trong xã hội Miền Nam vào thập niên 1930-40. Vào thập niên này đã có một số phụ nữ có học thức, có bằng cấp cao không thua gì nam giới. Tuy nhiên với khả năng học vấn đó người phụ nữ không tìm được việc làm dễ dàng như đàn ông, nhất là trong thời kỳ hậu kinh tế khủng hoảng thế giới.

Báo Đàn Bà Mới hồi tháng 9 năm 1935 có nói đến tình trạng đặc biệt này : “*Cách đây ít lâu mấy chị em Bắc Hà đã đấu bằng cấp thành chung và không được bổ dụng và kiếm không ra việc làm, rủ nhau đệ đơn xin ông Toàn Quyền cho phép được dự những kỳ thi tuyển thư ký vào các công sở khác. Ông Toàn Quyền trả lời rằng ngài rất lấy làm tiếc không thể chuẩn lời yêu cầu của các cô được vì từ xưa đến nay chưa có đạo luật nào nói đến đàn bà làm thư ký trong các ngạch, ngoại trừ ngạch y tế và giáo dục.*” Qua đoạn trích dẫn trên ta thấy phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ này đã có những người đi làm trong các ngành giáo dục và y tế. Ngoài ra còn một số ít khác cũng đã tốt nghiệp ngành dược, ngành luật, và một ít ngành tự do khác. Đoạn văn sau đây của Nguyễn Văn Vĩnh trong tờ L’Annam Nouveau, số 500 tháng 1 năm 1934 cho thấy lúc này xã hội Việt Nam đã có nữ giáo viên, nữ giáo sư, nữ hộ sinh, nữ dược sĩ người Việt :

“Les femmes annamites n’ont certes à se plaindre momentanément d’aucune restriction quant à leur accès dans les diverses carrières administratives. Elles sont institutrices, professeurs, sage-femmes, pharmaciennes, et rien ne nous dit qu’elles ne peuvent pas être admises dans les administrations comme secrétaires, interprètes ou dactylographes”. (Người phụ nữ Việt Nam chắc không phải than phiền về sự giới hạn đối với họ trong các ngành hành chánh. Họ là giáo viên, giáo sư, nữ hộ sinh, nữ dược sĩ, và không có gì nói rằng họ không được nhận vào trong các ngành hành chánh như thư ký, thông dịch viên hay đánh máy).

Thập niên 1940-49 là thập niên loạn ly, xáo trộn. Bao nhiêu biến chuyển lớn lao xảy ra, đưa đất nước vào vòng chiến chinh khói lửa. Nào Nhật đảo chánh Pháp, Việt Nam độc lập với chính phủ Trần Trọng Kim ra đời. Phong trào Thanh Niên Tiền Phong nổi lên. Nạn đói giết chết hàng triệu người ở Miền Bắc, Sài Gòn thường xuyên bị Mỹ dội bom, dân chúng di tản về quê, trường Petrus Ký dời đi nhiều chỗ. Rồi Nhật đầu hàng, quân Trung Hoa và Anh Aán vào giải giới Nhật. Pháp trở lại, Cộng Sản lên nắm chính quyền. Mặt trận Việt Minh được thành lập, rồi Miền Nam kháng chiến chống Pháp, v v . . .Việc học hành nhiều nơi bị gián

đoạn. Phải đến cuối thập niên khi chánh phủ Bảo Đại được thiết lập lại rồi thì việc giáo dục ở Miền Nam mới bắt đầu phát triển mạnh. Sang thập niên 1950-59 nhiều trường trung học được mở ra. Số phụ nữ đi học trung học xấp xỉ gần bằng số học sinh nam giới. Những trường nữ trung học dành riêng cho nữ sinh càng được mở rộng thêm ra. Trường Gia Long, trường Trưng Vương, trường Lê Văn Duyệt thu nhận rất nhiều nữ sinh vùng Sài Gòn, Gia Định. Sang thập niên kế đó, 1960-69, nhiều trường trung học lớn khác cũng bắt đầu tách rời nam nữ như Lê Ngọc Hân – Nguyễn Đình Chiểu, Phan Thanh Giản – Đoàn Thị Điểm. Riêng trường trung học Trịnh Hoài Đức ở Bình Dương thì tuy chỉ có một ban giám đốc nhưng trên thực tế hai khu nam sinh và nữ sinh ở cách biệt nhau khá xa. Càng lên cao số nữ sinh, nhất là ở đại học số nữ sinh viên càng có vẻ đông hơn nam sinh viên, vì một phần không nhỏ nam thanh niên đã phải vào quân ngũ. Trường Văn Khoa, trường Luật, trường Dược, Đại Học Sư Phạm thu nhận rất nhiều nữ sinh viên. Ở những phân khoa hay viện đại học khác tuy ít phái nữ hơn phái nam nhưng nữ sinh viên vẫn có mặt như trường Quốc Gia Hành Chánh, đại học Nông Lâm Súc.

Vì chiến tranh đa số đàn ông phải phụng sự quê hương trong quân đội. Số phụ nữ đi làm trong các ngành dân sự mỗi ngày một đông hơn nam giới. Thời Việt Nam Cộng Hòa nữ giới đã phải cáng đáng nhiều công việc nặng nề chẳng kém gì nam giới. Họ là những người bạn đời chia sẻ quyền lợi và trách nhiệm với chồng từ trong gia đình đến ngoài xã hội. Nhưng cũng như người phụ nữ Mỹ hay nhiều phụ nữ khác trên thế giới, họ không bao giờ quên thiên chức làm mẹ của mình. Thiên chức đó càng rõ ràng hơn ở một nước có nhiều chiến tranh loạn lạc mà người chồng thường phải xa vợ con lên đường đáp lời sông núi. Người chinh phụ thuở xưa phải thay chồng phụng dưỡng mẹ cha làm tròn chữ hiếu và phải nuôi dưỡng dạy dỗ con cái, đóng vai trò cả mẹ lẫn cha:

*“Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,
Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.
Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam,
Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân.”* (Chinh Phụ Ngâm)

Phụ nữ Việt Nam trong các thập niên gần đây cũng vậy. Khi chồng phải nhập ngũ tòng chinh, vợ ở nhà phải lo cho gia đình, nuôi nấng dạy dỗ con cái cho nên người. Sau 1975, đất nước lọt vào tay Cộng Sản, nhiều quân, cán, chính Việt Nam Cộng Hòa phải đi tù cải tạo, lao động khổ sai, một số khác may mắn hơn, vượt biên ra xứ ngoài, nhiều người vợ ở lại nhà mua tảo bán tần nuôi chồng trong tù, và nuôi đàn con dại ở nhà, biết bao nhiêu gian lao, khổn khổ. Một số những người khác mạo hiểm đem con ra xứ người, trải bao gian nguy, làm lụng vất vả cho con ăn học thành tài. Cũng có những người ly dị với chồng bước thêm bước nữa. Cũng có những người góa chồng đi tái giá lập lại cuộc đời mới. Cũng có người thù hận, bỏ chồng. Tuy nhiên đối với con, họ không ruồng bỏ, thù hận hay phản bội bao giờ, kể cả những trường hợp họ bị cưỡng bức, bị hãm hiếp, bị lường gạt lỡ mang thai. Khi họ đã sinh con ra là họ thương con, lo lắng săn sóc, nuôi dưỡng cho con lớn lên, cho con nên người, để chu toàn thiên chức của người làm mẹ. Thiên chức đó trời đã phú cho người phụ nữ, nó như một thứ bản năng gắn liền với cơ phận của người đàn bà. Đó là thứ bản năng sinh tồn, kéo dài sự sống của giống sinh vật ở trên trần gian. Nó cũng giống như bản năng của con tò vò, khi đẻ ra cái trứng là đi giết chết một con mồi, để xác con mồi bên cạnh cái trứng rồi xây ổ đất đắp kín lại, để khi cái trứng nở ra, con tò vò con có sẵn đồ ăn mà ăn để sinh sống, để kéo dài sự tồn tại của giống sinh vật tò vò. Riêng ở con người bản năng thiên phú đó đã được loài người thiêng liêng hóa nó biến thành một thứ gì vô cùng cao đẹp mà ta gọi là thiên chức của người làm mẹ. Từ thuở còn ăn lông ở lỗ đến chỗ tân tiến như ngày nay, từ địa vị số không hồi thế kỷ trước đến ngang hàng với nam giới về mọi mặt vào đầu thế kỷ này, ở đâu còn có người phụ nữ sinh con đẻ cái để vĩnh viễn hóa giống người thì ở đó thiên chức người làm mẹ vẫn còn.

Đoản Khúc Mẹ Số 5: DÒNG SỮA MẸ
Sapy ĐiĐi

*Mẹ ơi dài rộng nghĩa tình
Vắt khô bầu sữa nên hình hài con
(Mai Bá Án)*

Từ lúc gặp Ngọc Trân cho tới bây giờ, hai dì cháu lúc khóc lúc cười. Thoạt trông cứ tưởng khóc cười là hai thái cực, biểu lộ sự buồn, sự vui trong lòng. Nhưng nước mắt và tiếng cười đó thật ra chỉ để biểu lộ niềm vui, sự sung sướng, hoan lạc, hạnh phúc được phát sinh từ một tình yêu thương nồng ấm, chân thành của mẹ tôi mà thôi.

Ngọc Trân phụ tôi dọn bữa cơm ra bàn. Hai dì cháu vừa ăn vừa tiếp tục "hát liên khúc" tình ca Mẹ. Để bắt chước lối "trình làng" bài viết "Chiếc Bông Tai" của cháu. Tôi vừa ăn vừa bảo Ngọc Trân:

- Nhắc đến Ngoại thì có rất nhiều chuyện để nói. Ngày mai Dì cháu mình có nguyên một ngày nữa tha hồ ôn lại những kỷ niệm về Ngoại. Riêng hôm nay, ăn cơm xong, Dì Ba sẽ đưa con đọc một bài nữa viết về Ngoại. Bài này viết bằng tiếng Anh lúc Ngoại còn sống.

Ngọc Trân tròn xoe đôi mắt nhìn tôi chờ đợi. Tôi nói tiếp:

- Con cứ ăn cơm đi, Dì Ba sẽ từ từ bật mí cho con thấy những điều Dì Ba vừa nói.

Ngọc Trân chuyển sang giọng con nít những nhẽo thúc giục:

- Thôi Dì Ba làm ơn vô đề ngay giùm con đi, cứ vọng vo tam quốc mãi làm con sốt cả ruột.

- Để Dì nghĩ thêm một chút xem nên bắt đầu câu chuyện từ đâu.

Một lát sau, tôi bắt đầu vào chuyện:

- Hè năm rồi, anh Duy xin thôi việc để trở lại trường tiếp tục việc học. Anh Duy mang hết đồ đạc về San Diego. Lúc phụ con dọn dẹp, Dì Ba nhặt được một lá thư anh Duy viết bằng tiếng Việt cho bố mẹ mà không bao giờ gửi. Đọc thư, Dì thấy thời gian hai năm Duy tình nguyện về Việt Nam dạy học đã giúp cho

vốn liếng tiếng Việt của Duy khá lên rất nhiều. Ngoài lá thư ấy ra còn một xấp giấy anh Duy viết bằng tiếng Anh; bài nói chuyện cùng các bạn trong buổi họp nhóm tại Nha Trang cuối năm 1998. Dì đã nhờ Bác Ba dịch đoạn viết có liên quan tới Ngoại ra tiếng Việt. Trước khi con đi ngủ, Dì Ba sẽ đưa bản dịch ấy cho con đọc.

- Dì Ba đưa cho con ngay bây giờ được không?
- Nhút ngôn ký xuất, tứ mã nan truy.
- Con không hiểu Dì Ba nói gì hết.
- Đó là tiếng Hán Việt, có nghĩa là: Một lời đã nói, bốn ngựa khó theo.
- Sao Dì Ba không nói là chắc như đinh đóng cột, có phải dễ hiểu hơn không?
- Con nói vậy không sợ phạm húy hay sao. Đinh là họ ông Ngoại đó. Ăn cơm xong Dì Ba đưa con đi dạo một vòng Bonita Shopping Center, để con ngắm thiên hạ mua sắm trước khi đi ngủ.

Hai Dì cháu rời shopping về đến nhà thì đã hơn 9 giờ đêm, giờ này ở Montreal đã bước qua ngày mới. Tôi bảo cháu:

- Thôi con đi ngủ đi để lấy lại sức, ngày mai đi chơi mà thiếu ngủ thì mất vui.

Tôi định quay ra khép cửa phòng thì Ngọc Trân kêu giựt ngược lại:

- Dì Ba quên đưa cho con.
- Quên đưa cái gì?
- Cái mà Dì Ba hứa ban chiều đó.

Tôi chợt nhớ ra, lên lầu lấy cho cháu bản dịch, bài nói chuyện của Duy tại Nha Trang cuối năm 1998, có liên quan đến má tôi.

Các bạn thân mến

Trước khi tôi nói cùng các bạn về kinh nghiệm giảng dạy của tôi tại trường Đại Học Khoa Học Huế. Tôi xin chia sẻ một đôi điều vừa xảy ra mấy ngày trước khi tôi rời Huế vào Nha Trang hội họp cùng các bạn, những người từ Mỹ tình nguyện về

Việt Nam dạy học theo chương trình VIA (Volunteer In Asia).

Nhận được tin bố mẹ tôi từ Mỹ về Việt Nam thăm tôi, tôi mừng lắm. Hôm bố mẹ tôi ra Huế có cả bà Ngoại tôi đi nữa. Dù đã là một người đang giảng dạy tại trường Đại Học, nhưng gặp mẹ, tôi luôn là một đứa bé thơ. Tôi đưa Ngoại cùng bố mẹ tôi đến căn phòng tôi ở. Bố tôi chau mày khi thấy căn phòng vừa nhỏ bé vừa bừa bộn. Còn Ngoại thì trêu mếu bảo tôi:

- Bộ không có ai phụ dọn dẹp phòng cho con hả? Để Ngoại dọn lại cho con nhe.

Tôi vội thưa ngay với Ngoại:

- Ngoại đi đường xa mệt nhọc, Ngoại cứ nghỉ ngơi đi, để lát nữa con dọn dẹp được rồi.

Sau khi tôi kể sơ qua về cuộc sống của tôi nơi xứ Huế xong. Nhìn thấy mái tóc tôi dài, mẹ tôi kéo chiếc ghế ra trước hàng ba rồi lục va ly lấy kéo lược cắt tóc cho tôi. Tuy không phải là thợ hớt tóc nhưng mẹ tôi khéo tay, mẹ đã chăm sóc mái tóc tôi ngay từ hồi tôi còn tám bé. Những ngày sống xa nhà, tôi bị mất đi cái thú ngồi cho mẹ o bế cái đầu. Cắt tóc xong, trở vào phòng, tôi tưởng như mình bước lầm vào một căn phòng khác. Vào đến phòng tắm, Ngoại đang ngồi vò áo quần giặt giũ cho tôi. Thấy tôi, Ngoại ngẩng đầu lên nhìn tôi cười thật tươi. Trời ngoài Huế đã trở lạnh, nó càng lạnh hơn đối với người sống nơi xứ nóng như Ngoại tôi. Nhưng tôi thấy trên vàng trán Ngoại lấm tẩm mồ hôi, còn nét mệt nhọc trên gương mặt lúc Ngoại mới đến thì không còn nữa. Ngoại âu yếm nói:

- Con thấy Ngoại dọn phòng lại cho con được không? Mẹ mới cắt tóc cho con hả! Ngồi xuống đây để Ngoại gội sạch tóc cho con.

Thưa các bạn. Đứng trước mẹ, tôi luôn là một đứa bé. Giờ đây, tôi còn nhỏ bé hơn nữa trước tình thương của Ngoại. Tôi nhớ có một lần bố mẹ tôi đưa tôi đi xem phim Việt Nam, nhìn cảnh người mẹ múc nước từ dưới ao lên xối tắm rửa cho con, tôi ngơ ngác hỏi mẹ: "Mẹ ơi! Hai đứa tụi nó làm gì vậy mẹ?". Hôm nay tuy không có cái cầu ao, nhưng những ca nước Ngoại múc xối lên đầu đã làm dịu mát tâm hồn tôi. Những ngón tay Ngoại

cào lên từng chân tóc, như Ngoại đang truyền sang cho tôi tất cả tình thương yêu từ con người Ngoại tuôn ra. Tôi không thể nào diễn đạt được hết mọi niềm cảm xúc của một thanh niên cao lớn có khom lưng xuống thật thấp để cho Ngoại có thể đưa tấm khăn lông lên lau khô mái tóc, lau khô từng giọt nước đọng trên khuôn mặt tôi.

Đêm hôm ấy, Ngoại không về phòng riêng bố mẹ đã thuê cho Ngoại. Ngoại sang hỏi tôi:

- Tối nay con cho Ngoại ngủ với con được không?

Tôi mỉm cười gật đầu, thế là Ngoại mừng rỡ, đi dọn ngay lại cái giường rồi giăng màn để hai bà cháu ngủ. Cái màn của tôi bị rách một lỗ lớn. Tôi đã báo cho nhân viên nhà trường biết, nhưng họ vẫn chưa vá lại hoặc đem cho tôi cái màn khác. Thấy vậy, Ngoại bảo tôi:

- Con có kim chỉ không đưa cho Ngoại vá lại cái màn.

Tôi làm gì có kim chỉ, trời cũng đã khuya, cổng cư xá cũng đã đóng. Ngoại đưa mắt tìm kiếm khắp căn phòng. Chợt mắt Ngoại sáng lên khi nhìn thấy chiếc đàn ghi ta treo trên vách. Cây đàn bị đứt một sợi dây. Ngoại bảo tôi gỡ sợi dây ấy xuống cho Ngoại dùng thay chỉ vá lại cái màn. Vá xong Ngoại bảo:

- Hai bà cháu mình ngủ tạm trong cái màn này đêm nay, ngày mai Ngoại bảo mẹ mua cho con cái màn mới!

Đêm ấy, lần đầu tiên trong đời tôi được ngủ với Ngoại. Ngoại say sưa kể cho tôi nghe về cuộc đời của Ngoại, về những ngày còn bé của mẹ tôi...Ngoại đưa bàn tay cho tôi nắm, cái bàn tay lúc ban chiều tuôn đổ tình thương sang cho tôi, lại là một bàn tay chai cứng. Ngoại bảo ngày xưa Ngoại phải làm việc vất vả mới kiếm đủ tiền nuôi người chồng bệnh hoạn cùng mười đứa con. Kể chuyện xưa xong, Ngoại dạy tôi, phải chải tóc tai gọn ghẽ, ra đường phải quần áo chỉnh tề, ăn uống phải điều độ, đừng thức khuya, bớt hút thuốc, phải nghĩ đến chuyện vợ con...Ngoại còn bảo, giờ Ngoại đã có bố mẹ tôi nuôi rồi, không còn phải lặn lội cực khổ nữa. Ngoại xin tôi cho Ngoại ở lại để lo cơm nước, dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ quần áo cho tôi...

Thưa các bạn. Tôi là một đứa trẻ sinh ra ở Việt Nam, rồi đất nước ra đi lúc mới 13 tháng tuổi. Tôi lớn lên ở Mỹ nhưng được

nuôi bằng bầu sữa mẹ. Tôi đã được hưởng tất cả những tình thương nồng ấm của người mẹ. Cho đến cái đêm tôi thiếp đi dưới làn gió mát của cây quạt giấy trên tay Ngoại, cùng lời dạy dỗ đơn sơ chân thành mộc mạc. Buổi tối hôm ấy, tôi tìm ra người đã truyền cho mẹ tôi cái tình thương con vô bờ vô bến ấy. Cái tình thương con của người mẹ Việt Nam, được lưu truyền đời này sang đời khác bằng chính những dòng sữa mẹ từ gần năm ngàn năm nay. Hôm nay tôi muốn đem cái tình mẹ ấy ra chia sẻ cùng các bạn.

Vì muốn Ngọc Trân sống lại cái không khí miền quê, nên tôi thức dậy sớm nấu một nồi cháo trắng. Lúc tôi đang trộn dưa mắm thì Trân từ trong phòng ngủ bước ra. Tôi liền hỏi cháu:

- Đêm qua con ngủ ngon không?

- Quá đã luôn Dì Ba! Nếu không có mấy con gà gáy chắc giờ này con còn nướng cho nó thành than luôn. Đã lâu lắm rồi con không nghe tiếng gà gáy, nay nghe lại con thấy nó êm ả làm sao ấy!

Nhìn sang đĩa dưa mắm, mấy cái hạt vệt muối đã chẻ làm đôi... Ngọc Trân mừng rỡ la lên:

- Hôm nay giống y chang như những lần con theo má từ Sài Gòn về dưới Cà Mau chơi vậy đó Dì Ba. Chỉ tiếc một điều là không có Ngoại.

- Vậy con ra bàn thờ đốt nén nhang lên là con cảm thấy Ngoại về với mình ngay.

Ngọc Trân bước ra ngoài phòng khách, tôi dọn chén bát lên bàn, thế là hai dì cháu có một bữa ăn sáng đậm nét quê hương trong một khung cảnh gia đình đầm ấm. Hai dì cháu vừa ăn vừa bình phẩm bài Duy diễn tả về Ngoại. Ngọc Trân nói:

- Đêm qua con đọc đi đọc lại ba bốn lần bài anh Duy viết. Con nghĩ nếu con còn ở trong nước chắc con khó lòng mà cảm nhận hết những gì anh Duy muốn giải bày. Bởi chuyện ấy quá bình thường đối với nếp sống Việt Nam. Nhưng đối với anh Duy và bạn bè người ngoại quốc thì quả là một điều lạ lùng.

- Đúng vậy đó con. Sau khi đưa Ngoại ra thăm đất Bắc, trở về đến Nha Trang thì nhằm ngay lúc nhóm anh Duy hội họp

xong. Họ mời luôn Ngoại cùng Dì và Bác Ba đến dự buổi tiệc chia tay. Bạn bè anh Duy ai cũng đến chụp hình chung với Ngoại, ai cũng gọi Ngoại bằng Ngoại và muốn Ngoại là Ngoại của mình. Ngoại nói chuyện bằng tiếng Việt với người ngoại quốc rất tự nhiên, chẳng cần biết họ có hiểu hay không. Gặp ai Ngoại cũng mời về Cà Mau để Ngoại đãi mắm lóc, mắm sặc ăn với dưa bòn bòn.

Điểm tâm xong hai dì cháu đưa nhau qua bán đảo Coronado nhìn ngắm thành phố San Diego. Sáng nay màu trời trong xanh biển làn nước biển thành màu thạch bích. Đứng từ bờ bên này nhìn sang thành phố San Diego bờ bên kia, tôi có cảm tưởng như đang ngắm một bức tranh sơn thủy tuyệt đẹp. "Sơn" là những tòa building trắng lè, "Thủy" là dòng nước từ biển Thái Bình Dương đổ vào vịnh San Diego. Tôi đến đây không biết bao nhiêu lần, nhưng lần nào tôi cũng thấy cảnh quang đẹp tuyệt vời. Tôi thích tản bộ trên con đường xi măng sạch bóng, một bên là nước một bên là thảm cỏ xanh mướt. Theo nhịp chân đi, lúc thì thành phố hiện ra trước mắt, khi thì lui về phía sau lưng. Ngọc Trân vừa đi vừa khen cảnh đẹp như tranh vừa ca ngợi thời tiết San Diego rồi rít. Tôi "bình loạn" cho cháu nghe về thành phố mình đang ở:

- Nơi có khí hậu tốt nhất nước Mỹ là California. Nơi có khí hậu tốt nhất California là San Diego. Con có biết nơi nào có khí hậu tốt nhất San Diego không?

- Dạ biết Dì Ba!

Tôi trở mắt ngạc nhiên. Ngọc Trân nhìn tôi mỉm cười rồi dùng cái giọng học trò trả bài nhí nhảnh nói:

- Dạ thưa Dì Ba, nơi có khí hậu tốt nhất San Diego chính là Chula Vista nơi Dì Ba đang ở đó.

Tôi phì cười bảo cháu:

- Con biết hết tầy của Dì Ba rồi!

Đi ngắm cảnh xem hoa và chụp ảnh được một lát, tôi hơi thấm mệt nên quay sang bảo cháu:

- Con ngồi trên ghế đá này đợi Dì Ba đi mua cà phê về uống.

- Để con đi luôn với Dì Ba.

Mua cà phê xong, hai dì cháu ra ngồi trên thảm cỏ ngắm nhìn tàu thuyền, thành phố, mây trời... Dưới ánh nắng ban mai,

dưới bầu trời cao rộng. Tôi muốn chia sẻ nốt với cháu tôi thêm vài điều về má tôi. Tôi hỏi cháu:

- Cho đến giờ phút này Dì Ba và con đã đọc được lời diển đạt về Ngoại của bốn người. Con có biết trong bốn người này, ai là người sống bên Ngoại lâu nhất không?

- Dạ biết. Má con có nói, Dì Ba chỉ sống với Ngoại trên mười năm thôi. Như vậy so với má con, Dì Ba thua rất xa. Con thì được gần Ngoại hơn Dì Ba ít năm, còn anh Duy thì chỉ được vài ngày.

Tôi tiếp lời cháu:

- Nhưng dù là con, dù là cháu, dù lâu năm hay chỉ vài ngày bên Ngoại, đều cảm nhận được tình yêu thương của Ngoại. Được sống trong tình thương tràn đầy của mẹ, nên Dì luôn tội nghiệp cho những ai không may mất mẹ sớm hay vì một lý do nào đó mà không có mẹ.

- Con cảm ơn Dì Ba đã cho con thấy rõ thêm về Ngoại.

- Mới mười tuổi đầu Dì Ba đã phải sống xa nhà, nhớ nhà quá nên nước mắt Dì Ba chảy mỗi ngày. Sợ Dì Ba khóc nhiều sinh bệnh, người lớn trong nhà đã bàn đến việc trả Dì về cho Ngoại. Dì sợ không được học hành đến nơi đến chốn nên Dì Ba phải khóc thầm. Sự hy sinh và tình yêu thương của Ngoại còn là một sức mạnh giúp Dì Ba vượt qua mọi khó khăn để sửa mình, chăm lo việc học... Con có biết Ngoại để lại cái gì quý giá nhất cho gia tộc mình trước khi Ngoại nhắm mắt không?

- Con không đủ sức hiểu tới điều này.

- Trước đây Dì Ba vẫn tưởng cái tin Ngoại mất sẽ là một tin khủng khiếp nhất đến với Dì, nó sẽ gây cho Dì đau khổ tột cùng. Nhưng ngược lại, lúc mất, Ngoại mang đi hết những nỗi buồn đau, xót thương. Ngoại để lại sự bình an cho tất cả mọi người. Dì Ba tin con cũng nhận thấy rõ điều này nơi con và ba má con trong những ngày ấy. Các dì dượng, cậu mợ bên nhà đã cho Dì biết, những gì tốt đẹp nhất đều xảy ra sau khi Ngoại ra đi. Đám tang Ngoại tựa như một tiệc cưới. Có nhạc, có hoa, có đông người đưa tiễn. Lúc đưa tang có cờ hoa vờn lộng. Qua đó Dì Ba hiểu thật rõ nghĩa câu: "Sống gửi thác về". Trong bài viết, con cho sự chết của Ngoại "là sự ngăn cách vĩnh viễn". Không phải

vậy đâu con. Nếu con sống tốt lành con sẽ gặp lại Ngoại sau cuộc sống này. Con có nhớ Dì Ba đã nói gì cùng con sau khi đọc bài "Chiếc Bông Tai" không?

Ngọc Trân vẫn chưa nhớ ra thì tôi nói tiếp:

- "Nếu Dì trở nên một nhà văn thì bài đầu tiên Dì viết sẽ là bài ca ngợi tình yêu của Ngoại". Đến giờ thì bài viết ấy đã tượng hình trong đầu Dì Ba rồi. Dì sẽ có một bài viết về mẹ mà không cần trở thành một nhà văn.

Ngọc Trân vừa vỗ tay hoan hô tôi, vừa nói chơi, vừa khen ngợi tôi:

- Con không ngờ Dì Ba có nhiều tư tưởng sâu sắc sâu như vậy. Con cần phải thọ giáo Dì Ba nhiều hơn. Qua lời Dì Ba vừa nói, con cũng nói cho Dì Ba biết luôn. Món quà mà con muốn Dì Ba thưởng cho con là bài viết về Ngoại vừa tượng hình trong đầu Dì Ba đó.

Nói xong Ngọc Trân nhìn tôi như trâu chọc, tưởng như vừa nói khích được tôi. Tôi liền đưa một ngón tay ra rồi nói:

- Dì Ba móc ghẹo với con là Dì Ba sẽ gởi tặng con món quà đó trong một ngày rất gần đây.

Ngọc Trân ở chơi với tôi đúng một tuần lễ. Hôm đưa cháu ra phi trường, cháu ôm lấy tôi rồi nói:

- Con cảm ơn Dì và Bác Ba rất nhiều. Chuyến đi San Diego này là một dấu ấn khắc sâu vào tâm trí con. Dì Ba nhớ tụi mình đã móc ghẹo rồi không được ăn gian con nghe chưa!

Một tuần lễ sau ngày cháu về. Tôi viết gởi cháu lá thư.

San Diego Mùa Chay 2004.

Ngọc Trân cưng của Dì!

Những ngày tháng này hai năm về trước, Ngoại như đã đi vào sa mạc 40 ngày để đồng hình đồng dạng với Đức Kitô bằng căn bệnh có bứu trong ruột, bệnh tim, bệnh cao máu... Để rồi được Chúa đón Ngoại đi đúng vào ngày Chúa Phục Sinh. Sau khi con trở về Canada, Dì Ba ngồi suốt mấy ngày liền ghi chép lại từ lúc con bước xuống phi trường San Diego cho đến khi con rời xa nơi này, là Dì Ba đã hoàn tất "Đoản Khúc Mẹ". Đoản khúc này không phải của riêng Dì, mà là của má con, của anh

Duy, của Con, của mọi người trong gia tộc, của mọi người quen biết Ngoại... Chắc con sẽ hỏi Dì, tại sao một bài dài hơn một truyện ngắn, ngắn hơn một truyện dài mà Dì lại đặt cho nó một cái tên ngắn ngủn là "Đoản Khúc Mẹ"? Mỗi khi nhắc đến Ngoại thì lời ca tiếng nhạc bài Lòng Mẹ của cố nhạc sĩ Y Vân lại văng vẳng bên tai Dì: "Lòng Mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào...". Dì đem mấy trang viết này so với biển Thái Bình thì nó còn "đoản" hơn cái tên "Đoản Khúc Mẹ" nữa.

Dì Ba cảm ơn con đã sang thăm Dì. Dì Ba cảm ơn con đã xin món quà, bài Dì viết về Ngoại. Hy vọng con sẽ vừa ý món quà này. Dì Ba chúc con luôn tươi trẻ, yêu đời.

Thương con nhiều.

Dì Ba của con



Dãy lớp học sau văn phòng Trường LNH

MỘT CHÚT HƯƠNG XU'A

Trần Thanh Giang

Cựu nữ sinh Lê Ngọc Hân, Mỹ Tho.

** Để “còn một chút hương thừa ôm mộng cũ ...”*

Những giây phút ngọt ngào thân thương nhất vẫn là những giây phút nhớ về một quê hương nghìn trùng xa cách, mà ở đó từng góc phố con đường, hàng cau bụi chuối, từng viên sỏi nhỏ bên lề, từng màu trời màu mây, đều nhắc trong ta đầy ắp kỷ niệm - kỷ niệm của thời thơ ấu, tuổi học trò, của tình yêu đôi lứa, của tình mẹ, tình cảm gia đình và tình quê hương. Đời nghiệt ngã chia lìa tôi và quê hương yêu dấu. Đời xô tôi ra biển, và đây tôi tập đến bến bờ này. Đôi khi bất chợt nhìn quanh, những ngọn núi cao chập chùng vây quanh thung lũng, những bóng mây đùn trên chóp núi với muôn ngàn dáng lạ trong những chiều mưa, tôi nhận ra mình đã ghen lối trở về.



Nhà mẹ ở cạnh bên dòng Bảo Định. Đời mẹ vui buồn theo từng con nước ròng nước lớn. Chị em tôi lớn lên nhờ gió mát bến Lạc Hồng và gao nàng Hương. Nhớ những ban mai thức sớm, tôi thường ra vườn Lạc Hồng, nhìn những giọt sương mềm - thật trong - còn đọng trên tờ lá mướt, tôi mỉm cười đón một ngày sắp đến với nhiều hy vọng. Những chiều hè oi ả, khi những tia nắng cuối cùng dần tắt bên cồn, chúng tôi rủ nhau ra công viên, ngồi trên băng đá nhìn dòng sông trước mặt, những ghe thuyền xuôi ngược, từng đám lục bình lặng lẽ trôi, loáng thoáng trong trí óc ngây thơ tôi lúc đó, vẫn có những đời người giống như từng đám lục bình - trôi và không biết trôi về đâu. Những đêm rằm nơi quê hương, tôi thích nhìn trăng trên sông, không thể thấy được trăng trong dòng nước xao động, nhưng ánh nước bàng bạc màu trắng, hòa cùng tiếng mái chèo khua, tiếng trẻ thơ

cười giòn trên thuyền, tất cả đã quên rũ lòi kéo tôi vào một thiên nhiên tuyệt vời, mà đã bao năm lưu lạc xứ người, mệt mỏi với cuộc sống, hình ảnh đó vẫn nằm nguyên vẹn trong ký ức để thỉnh thoảng trở về dỗ tôi trong từng đêm khó ngủ.

Nhớ những buổi tựu trường lòng nôn nức, tất cả đều mới đối với tôi, từ chiếc áo dài trắng muốt còn thơm mùi chỉ, chiếc nón lá bài thơ mẹ vừa mua cho chiều hôm qua, đôi guốc gỗ quai trong ngời sáng mấy cây đinh bóng loáng, những Thầy Cô, bạn mới, tất cả nhìn nhau bằng những nụ cười. Trên áo chúng tôi, đứa nào cũng mang phù hiệu trắng viền xanh màu chữ đỏ “Nữ Trung Học Mỹ Tho”, gói ghém tuổi thơ chúng tôi trong đó. Rồi những buổi tan trường, dọc con đường Hùng Vương, Ngô Quyền đầy ngập lá me, chúng tôi vừa đi vừa giòn, vừa lượm me khô, cảm thấy thích thú với hương vị vừa ngọt vừa chua của những trái me giót.

Nhớ làm sao những con đường dẫn tôi ra bến Bắc, hương vị đậm đà của trái chuối khô, những chiếc bánh ít gói bằng lá chuối ánh ngời mời mọc, những miếng khóm vàng tươi xẻ mỏng với gói muối ớt bên cạnh, chân vội vã bước lên phà vì sợ trễ, mắt vẫn còn nhìn lại những đôi mắt trên bờ nhẵn nài mời mua. Rồi gió mát trên sông, rồi tiếng máy xịch xịch đều đều ru tôi vào giấc ngủ hồn nhiên, cho đến khi mẹ vỗ nhẹ vào đầu tôi để đánh thức, mới hay mình đã đến bên kia bờ.

Bao nhiêu con đường dẫn tôi về bao nhiêu lối - đường nào đưa tôi đến trường học, đường nào dắt tôi vào trường đời, đường nào luyện tôi làm người, đường nào nâng tôi lên đỉnh cao, đường nào dìu tôi xuống vực thẳm - Tôi bị cuốn hút vào những ngõ ngách quê hương, và tuổi thơ mình đã đánh mất ở dọc đường quê hương lúc nào không hay biết! Cho đến khi làm quyết định biệt xứ, thuyền nhỏ chúng tôi ra đến cửa biển, tôi cảm nhận ra giờ đây không những mình chỉ mất tuổi thơ thôi mà mất cả cuộc đời - mất cả quê hương - nơi đó còn hình bóng thân thương của cha mẹ, anh chị tôi hằng trông ngóng.

Còn những lối quanh trong hồn, còn những lối quanh trên đường, còn những lối quanh của các dòng sông, là còn gần gũi nhau vì vẫn còn quanh quẩn bên nhau. Nhưng khi khúc quanh đã

ra đến giữa dòng, như các nhánh sông đổ dồn về biển, thì không còn mong gì được nữa . Cửa biển là ranh giới phân ly, bên kia sông là nửa đời tôi đã chết, ngoài khơi tôi còn lại nửa đời lênh đênh dạt dờ, đang bắt đầu lại một đời khác từ tận cùng nỗi chết.

Từ đó, mẹ âm thầm đếm từng viên gạch trong nhà để lường xem thuyền chúng tôi đi bao lớn, có thể đương đầu hay không với ngàn cơn sóng dữ. Từ đó mẹ khóc từng đêm. Nước mắt thấm ướt gò má, mềm khăn tay mẹ.

Thằng em trai tôi bên trời Mỹ, có lần gọi về cho mẹ hai câu thơ:

“Đường con đi bước dài thương nhớ
Lối mẹ về mây trời ngẩn ngơ...”

Đứa em út tôi viết thư về hỏi mẹ: “Con đi rồi , không biết mỗi chiều ai chẻ củi cho mẹ đây?”

Văng bên tai tôi, những câu thơ nào đó như một điệp khúc ray rứt :

“Mẹ nghìn xa mấy năm rồi mẹ hỡi,
Con chưa về tóc mẹ trắng nhiều không?
Trời mưa bắc gió sông thu gờn gợn,
Lừa ai nhen cho mẹ bớt se lòng?”

Lờ mờ trong ký ức, những hình ảnh vụn vỡ ngày xưa trôi về, những đêm tôi thức học bài thi, mẹ ngồi bên tôi im lặng vá áo - đèn không đủ sáng, mắt mẹ mờ phải đeo kiếng, những sợi tóc bạc lòa xòa trước trán, da mẹ trắng nhưng tuổi đời làm nhăn nheo - tôi thương mẹ vì mẹ chịu con và chịu khó. Mẹ đội mưa đi chợ để vẫn có thức ăn ngon cho Ba và chị em tôi trong những ngày mưa bão. Mẹ canh chừng giấc ngủ cho chúng tôi. Mẹ đập từng con muỗi, mẹ sửa lại từng góc mền sợ chân tôi bị lạnh. Thỉnh thoảng mẹ dẫn chị em tôi về quê nội trong mùa nhãn vàng tươi. Chúng tôi say sưa với những trái nhãn chín mọng no tròn đầy nước. Mấy đứa em tôi tung tăng thả diều trên sân, hồn tôi bay cao theo cánh diều. Trời chiều miền quê thật trong, mây xanh vời vời, gió ấp ủ hồn người. Xa xa từng sợi khói lam mong manh nhà ai đang thổi cơm bay lẫn trong gió. Ôi những ngày xưa thân ái nơi quê hương sao êm đêm quá! Làm sao tôi níu thời gian

lại - để còn mộng mơ một mảnh trời xanh trong lòng quê hương -
để chị em tôi còn được chụm đầu nhau bên một ghềnh đá trong
những ngày hè - để tôi còn được chạy dài theo bờ cát trắng nghe
tiếng sóng vỗ ngoài xa, nghe thùy dương reo những bản nhạc dài
không dứt...

Có phải thiên đàng đẹp nhất là thiên đàng đã mất hay không?
Và có phải khi ta không xây đời bằng mộng được, ta đang trốn
đời trong mộng?

Hãy cứ tưởng tượng ta còn một quê hương thanh bình của
mấy mươi năm trước - để hồn ta còn bóng mát tìm về. Và mai
ngày nếu mình không còn dịp trở lại quê xưa trong khung cảnh
tưng bừng của một ngày hội lớn, tôi vẫn mơ đàn em cháu chúng
mình sẽ có ngày oai nghi ngồi trên lưng ngựa như những vị danh
tướng thời xưa, các cô gái sẽ cỡi voi noi gương Trưng Triệu -
mím cười giữa trời quê hương yêu dấu!

Tháng 9-1988

*(Chú thích: Các câu thơ trong ngoặc kép chữ nghiêng không
nhớ tên tác giả)*



Hai nữ sinh trường NĐC là Trịnh Thị Hồng Ngọc và Nguyễn
Thị Hải (bạn học của tác giả bài này) chụp hình chung với 4 nữ
sinh trường Đoàn Thị Điểm Cần Thơ đến viếng Mỹ Tho. (Hình
chụp giữa TN '60).

GIẢ SỬ MAI TA VỀ

Nguyễn Xuân Thiệp

*Giả sử mai đây ta về lại trên đường, gặp tuổi thơ ta cười giòn
tan trong nắng
Đuối bắt trái sao khô xoay tròn khi gió vang, ai gọi ta mà mùa
Thu rơi đỏ mộng
Giả sử mai đây ta về trên con phố cũ, ai đốt lên cho ta những
ngọn đèn trong sương?
Có đôi mắt nào nhìn ta qua khung cửa kính?
Ôi con gấu bông vàng từng mơ mùa chín mật hương
Ôi cuộc đời đâu đã xa còn y như ngày trước
Những bức tường nghiêng và những khóm tầm xuân
Ai trèo lên cao mà vừa nghe huyết sáo
Mặt trời, bạn hiền ơi, chờ ta qua mấy ngọn thùy dương*

*Bởi chiếc roi bạo lực chẳng thể vung hoài trong gió
Chú ngựa non reo tiếng lạc trên đồi
Các con ta dưới vầng trăng tuổi nhỏ với ước vọng xanh như
người thổi bóng lên trời
Và em nữa tất nhiên vẫn là em thời trẻ, của Saigon nằm mở cửa
những đêm vui
Em và Saigon ăn ô mai ngoài phố, em và Saigon như một vệt son
môi
Đã lâu lắm dường như ta không còn trẻ nữa
Con chim biếc bay rồi vờn vắng cây khô
Chợt một buổi nghe dòng sông nước nở, gọi ta về thăm kẻ những
đêm xưa*

*Ôi giả sử mai đây ta về lại bên đời
Đâu chẳng còn ai biết đến ta chẳng còn ai đợi chờ
Thì trọn kiếp ta xin làm người nghệ sĩ rong chơi
Đi đọc thơ ta giữa vùng bụi đỏ*

NGƯỜI DÒNG

Trần Quang Minh

*Cuộc đời như cánh phù du
Sớm còn tối mất, công phu nhọc nhằn.
Ca dao*

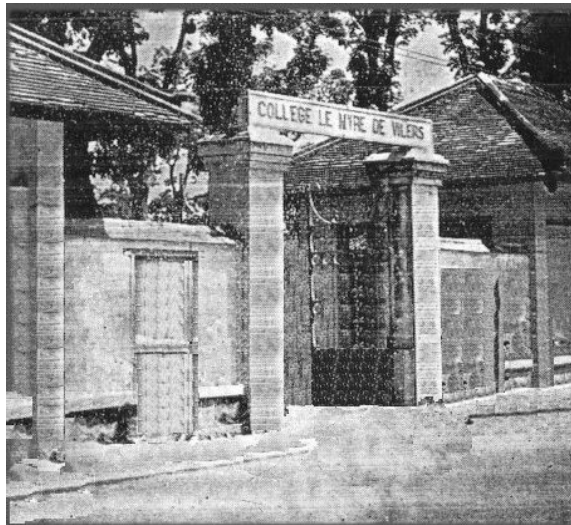
Các Bản Tin của Hội Ái Hữu Nguyễn Đình Chiểu & Lê Ngọc Hân California mỗi tam cá nguyệt có đăng tin buồn liên hệ đến sự vĩnh viễn ra đi của một số thầy cô, nhân viên và cựu học sinh hai ngôi trường thân thương này. Mục Vô Cùng Thương Tiếc ở trang cuối bản tin được tô điểm thêm một khung hình với những chiếc lá vàng đang rơi rụng... Đọc đến mục này, tôi không khỏi bùi ngùi xúc động và nghĩ rồi đây mỗi người trong chúng ta sẽ lần lượt bị hóa kiếp để trở về với Cát Bụi như những lời ca trong một bản nhạc của Trịnh Công Sơn:

*Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi,
Để một mai vươn hình hài lớn dậy...
Bao nhiêu năm làm kiếp con người,
Chợt một chiều tóc trắng như vôi,
Lá úa trên cao rụng đầy,
Cho trăm năm vào chết một ngày...*

Các tin buồn này làm tôi cảm thấy ngậm ngùi vì thương tiếc những gì mà tôi trang trọng quý mến nay không còn nữa: đó là tình đồng nghiệp và tình nghĩa thầy trò. Thật vậy, sự vĩnh viễn ra đi của một người đã chấm dứt quan hệ giữa tôi và người đó, với tên họ quen thuộc mà tôi đã biết, có dịp chuyện trò, tiếp xúc vì lý do nghề nghiệp hay đã giao thiệp thân tình với tư cách bạn bè trong khoảng thời gian dạy học tại Trường Nguyễn Đình Chiểu. Các giáo sư, giám thị hay nhân viên văn phòng khi khuất bóng tên tuổi họ được ghi trên những bài vị đặt trong Phòng Tiền Vãng của trường. Họ trở thành một thứ keo sơn gắn bó nhiều thế hệ học trò đặt chân đến ngôi trường này, ngôi trường có mặt từ cuối thế kỷ 19, ngôi trường mà tôi đã dự phần vào công tác giáo dục để cung cấp những kiến thức cơ bản cho giới trẻ tại địa phương.

Vào đầu thập niên 60, tôi nhận được sự vụ lệnh của Bộ Giáo Dục về dạy tại Trường NĐC Mỹ Tho. Trái với anh bạn cùng khóa sư phạm và là một cựu học sinh Trường NĐC, anh cương quyết xin về dạy tại trường này bằng cách ghi vào đơn chọn nhiệm sở một nơi duy nhất: Mỹ Tho, Mỹ Tho và Mỹ Tho. Khi chọn nhiệm sở, tôi ghi vào đơn ba địa điểm khác nhau: Sài Gòn, Mỹ Tho và Cần Thơ. Tôi tính cầu may, nếu không được dạy học ở Sài Gòn thì về dạy ở thị xã nằm cạnh sông Tiền cũng được. Mỗi tuần, tôi đi xe lô Minh Chánh hay đón xe đò Á Đông về hòn ngọc viễn đông để thăm gia đình và giải trí cũng dễ dàng thôi. Thỉnh thoảng một ngày nào đó trong tuần nếu ham vui, sau khi tan học chiều ra ngã ba Trung Lương tôi có thể đón xe đò lục tỉnh về Sài Gòn chơi rồi sáng sớm hôm sau xuống Mỹ Tho làm việc cũng được. Rốt cuộc, tôi được bổ nhiệm về dạy học tại Mỹ Tho. Âu đây cũng là do số trời...

Mùa tựu trường năm đó, lần đầu tiên tôi dự lễ chào Quốc Kỳ buổi sáng thứ hai. Học sinh một lớp trực được hướng dẫn đến cột cờ ở giữa sân trường để hát Quốc Ca. Học sinh các lớp còn lại tự động xếp hàng ngay ngắn trước lớp mình với sự hiện diện của một giáo sư bên cạnh các giám thị đặc trách cấp lớp của họ. Trong không khí trang nghiêm của buổi lễ chào cờ, tự nhiên tôi bị cảm xúc



manh trước sự dàn dựng ngoạn mục này, một sự dàn dựng có thứ tự lớp lang, tượng trưng cho một truyền thống kỷ luật học đường chặt chẽ kết hợp từ công lao của biết bao người làm công tác giáo dục qua nhiều thế hệ khác nhau. Hiệu trưởng, giám học, tổng giám thị cùng tất cả nhân viên của trường đều có mặt trước dãy văn phòng tức dãy lầu Bắc phía đường Ngô Quyền. Bên cạnh các vị giáo sư tiền bối, các bậc thầy, những người thuộc lớp đàn anh trong ngành giáo dục, tôi cũng thấy biết bao gương mặt rạng rỡ của các cậu học trò với tương lai xán lạn, đầy hứa hẹn, những thân thể cường tráng, căn đầy nhựa sống của tuổi trẻ hồn nhiên trong bộ đồng phục màu trắng - phù hiệu NĐC ở phía ngực trái. Sân trường yên lặng lạ kỳ, sự yên lặng cảm nhận được trong các giáo đường và tĩnh thất hay trong phút mặc niệm, truy hồn tử sĩ. Mọi người đều đứng yên trong tư thế nghiêm trang, mặt hướng về cột cờ theo dõi lá Quốc Kỳ bay phất phơ theo gió ban mai, từ từ được một học sinh kéo lên theo nhịp điệu oai hùng của bản Quốc Ca: Này công dân ơi, Quốc Gia đến ngày giải phóng. Đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống. Vì tương lai quốc dân, cùng xông pha khó khăn, làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền...



Những đồng nghiệp mà sau này tôi có dịp tiếp xúc để học hỏi thêm về kinh nghiệm nghề nghiệp có mặt trong buổi chào cờ đầu niên học đó, nay họ đã ra người thiên cổ. Đó là các giáo sư Trần Văn Ất, Trần Ngọc Tế, Phùng Văn Tài, Dư Văn An, Huỳnh Đình Trảng, Nguyễn Văn Châu, Nguyễn Anh Bồn, Dương Thanh Hoàng, Lê Thị Nhân, Hồ Thế Viên, Đoàn Đồng, Nguyễn Văn Kiến... Bên cạnh những vị này, tôi còn thấy sự hiện diện của các giám thị,

nhân viên văn phòng nay đã khuất bóng như các vị Võ Văn Đây, Trần Văn Vạng, Nguyễn Văn Khánh, Đinh Văn Cửa, Nguyễn Thị Tốt, Huỳnh Thuận, Dương Văn Thông, Trần Văn Bi, Huỳnh Văn Thê, Mai Văn Quý... và còn nhiều người khác nữa, nhưng ngày nay ký ức tôi mai một dần, nên không thể ghi lại đầy đủ tên họ những người đã một thời dự phần trực tiếp hay gián tiếp vào việc giáo dục giới trẻ và nung đúc chí hướng thanh thiếu niên thành biết bao người hữu dụng cho đất nước. Các vị này là những chiến sĩ văn hóa với súng đạn là tâm huyết và nhiệt tình của mình trong sự truyền giảng biết bao kiến thức khoa học và toán học bên cạnh những triết thuyết, văn học, lịch sử và ý thức hệ của các bậc hiền nhân quân tử cổ kim cho nhiều thế hệ học trò xuất thân từ ngôi trường cổ kính miền Nam này.

Những vị này không còn nữa! Nhưng mỗi khi có dịp nhắc nhở đến họ, tức thì tôi hình dung lại cả một sân trường rộng lớn đóng khung trong hai dãy lầu Nam, Bắc và dãy lầu Dơi, nơi đó có biết bao hình ảnh thân thương của thầy trò già trẻ, lớn nhỏ đang ở thế trang trọng đứng nghiêm, mặt hướng về Quốc Kỳ, tai đang chăm chú theo dõi từng nhịp điệu của bản Quốc Ca... Họ không chỉ là những hình ảnh đơn thuần ẩn hiện đâu đó nơi tiềm thức tôi, chờ khi có cơ hội tôi đem những hình ảnh này ra ngắm nhìn như lần giở lại từng trang quyển album hình cũ. Thực sự, mỗi khi có dịp nhắc đến tên một người nào đó dù là nhân viên giảng huấn hay người làm việc văn phòng, dù người đó đã quá vắng hay còn sống, tức thì ký ức tôi phải làm việc như một bộ nhớ trong máy điện tử chẳng chịt với những móc nối điện tử để đưa tôi về với một thực tại



hư ảo. Nơi đây, tôi sống lại với họ không phải chỉ qua những tiếp xúc xã giao hằng ngày liên hệ đến các sinh hoạt học đường mà còn qua cả việc chia sẻ biết bao niềm vui, nỗi buồn cùng những tâm sự và mơ ước thầm kín của chúng tôi một thời đứng trên bục giảng... Tôi làm sao quên được tính tình và hình dáng của họ: Thầy Ất hiền hòa, nói năng nhỏ nhẹ, chậm rãi. Thầy Tề với tính khí trẻ trung, vui vẻ, hễ hà. Thầy Tài ít cười, ít nói, ít tiếp xúc với ai, đi đứng như con sếu vườn. Bác Ba Vạng với cú bắt tay rắn chắc đã làm cho biết bao giáo sư trẻ phải kêu hít hà mỗi khi có dịp bắt tay với ông già gân. Bác Nữ làm việc ở phòng Giám Học có biệt hiệu là Ông Kỳ Dư vì mỗi khi có thay đổi thời khóa biểu, bác đều ghi ở đoạn cuối tờ giấy kỳ dư không có gì thay đổi. Chú Hai Bi với tác người nhỏ thó, nhưng luôn luôn nhanh nhẹn, sẵn sái trong các công tác chạy giấy tờ quanh trường... Nay họ là một phần tinh thần của tôi được kết tinh lại. Trong những năm tháng dài dạy học tại trường này, cuộc đời chúng tôi gắn liền với các sinh hoạt trường sở và nhất là với sự thành đạt của học sinh mỗi năm. Chúng tôi vui cái vui của học trò mỗi khi thấy gương mặt các em rạng rỡ sau những kỳ thi. Chúng tôi cũng buồn với nỗi buồn của các em học tài thi phận khi nghe các em đọc thuộc lòng thơ của Nguyễn Công Trứ: *Còn trời, còn đất, còn non nước / Có lẽ ta đâu mãi thế này!*

Chúng tôi cùng chia sẻ nỗi lòng của các bậc làm cha mẹ khi lo lắng cho con cái họ bỏ học đi hoang hay theo bạn bè du đảng hoặc bị



nghiện ma túy dễ rồi tương lai của chúng đi vào một ngõ cụt đen tối. Chúng tôi cảm thấy bứt rứt, khó chịu vì bất lực không thể giúp phụ

huynh học sinh được gì khác hơn là những điều khuyên giải suông.

Một số đồng nghiệp của tôi đã đi vào cõi hằng cửu! Thật sự có ai muốn mình rời bỏ người thân ra đi vĩnh viễn đâu? Nhưng rồi mỗi người cứ thế âm thầm ra đi như từng chiếc lá vàng rơi rụng. Tại sao lại thế? Câu hỏi này làm tôi nhớ lại trong Thiền Tông có câu chuyện *Sinh ư? Tử ư?* thuật lại đối thoại giữa một thiền sư và một tăng sĩ hầu cận sau chuyến viếng thăm một người vừa qua đời. Tăng sĩ vỗ quan tài hỏi: Sinh ư? Tử ư? Thiền sư đáp: Sinh cũng chẳng nói! Tử cũng chẳng nói! Trong suốt quãng đường trở về chùa, tăng sĩ cố gắng hỏi cho bằng được câu trả lời thỏa đáng, nhưng vị thiền sư cũng tiếp tục đáp chẳng nói. Về sau vì sự bất hòa giữa hai người phát sinh từ việc đối đáp ngắn gọn trên, tăng sĩ rời vị thiền sư đến tá túc tại một chùa khác. Thời gian trôi qua... Sau đó, nhân nghe một tuấn kinh nhật tụng của các tiểu đồng, vị tăng sĩ bất chợt hiểu thấu ý nghĩa câu trả lời trước kia của vị thiền sư. Không hiểu, rồi lại hiểu. Hừ hừ, thực thực. Tăng sĩ muốn tìm lại vị thiền sư để giải bày, nhưng ông này đã viên tịch rồi! Bây giờ, tăng sĩ muốn nói gì đi nữa cũng không được. Nét mặt ưu tư, ông lặng lẽ nhìn ra xa, mông lung... Thấy đó rồi mất đó. Không có gì vĩnh cửu cả. Sinh, lão, bệnh, tử là những biểu hiện nhất thời trên những chặng đường khác nhau trong suốt hành trình của đời người. Vì không thể thay đổi luật tự nhiên của trời đất, nên con người cũng không thể thay đổi chu kỳ sinh tử của chính mình. Thật vậy, nếu con người được sinh ra đời để làm một hành trình định mệnh - dài hay ngắn - một hành trình bắt buộc mà không ai có thể từ chối được thì cái nôi là khởi điểm và nấm mồ là điểm cuối của con đường. Ở cuối chặng đường, thân chết chỉ có thể đem thân xác một người trở về với cát bụi nhưng không thể xóa tan sự hiện diện của người đó trong lòng người thân còn ở lại. Đối với người ở lại, những cái hay, cái đẹp, cái khả kính, cái sinh động nhất của người chết vẫn được thân nhân, bạn bè và đồng nghiệp trang trọng nhắc đến mỗi khi có dịp. *Trăm năm bia đá thì mòn / Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.*

Như vậy, những ai một thời đã góp phần vào việc làm vang danh ngôi trường NĐC dù người ấy là một giáo sư, một giám thị, một nhân viên văn phòng hay một cựu học sinh đều đáng được hậu thế ngưỡng mộ và kính trọng.

Cuối tháng tư 1975, tôi bị cho nghỉ việc sau mười lăm năm hành nghề gõ đầu trẻ. Lòng buồn vô hạn. Ngày đầu tiên tôi bị thất nghiệp là một ngày dài nhất, dài bằng cả thế kỷ. Trong ngày đó, trật tự cuộc sống của tôi bị đảo lộn. Trong ngày đó, trời đất bao trùm mây xám như thông cảm nỗi buồn của tôi.

Thói quen của một người không thể dứt bỏ trong một sáng, một chiều. Thế là mỗi sáng, tôi cũng thức dậy sớm để làm những việc cần thiết chuẩn bị cho một ngày làm việc như trước kia, đến trường, đến lớp để dạy học hay vào sở học chánh... Thật sự, tôi không đến trường hay vào sở nữa mà đi ra vườn để cuốc đất trồng khoai, trồng rau, nuôi heo, nuôi gà vịt. Những ần uất, ưu phiền và giằng co trước nghịch cảnh của cuộc sống hằng ngày cứ đeo đuổi tôi để rồi bộc phát trong giấc mơ như một lối thoát tạm bợ. Tôi thấy mình đang giảng bài cho học sinh trong một lớp học. Sự ngoan ngoãn và yên lặng bất thường của học sinh với nét mặt lạnh như tiền làm tôi thắc mắc, nghi ngờ về sự hư ảo của lớp học. Giấc mơ làm tôi nhớ đến Tú Xương: *Đêm nghe tiếng ếch bên tai / Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò!*

Như người lái đò đưa khách sang sông gần nửa đời người, nay vì nghịch cảnh tôi phải gác mái chèo để xuôi theo định mạng đẩy đưa. Sau những năm tháng dài đi lại trên sân trường, sau biết bao nhiêu giờ đứng lớp trước bảng đen với phấn trắng, tôi phải mất một thời gian dài để cố gắng tập thích nghi với sự đổi đời. Thật sự, tôi không thể thay đổi tâm trí mình hẳn mặc dù thân xác tôi có già đi từng tháng, khô héo đi từng ngày đi nữa. Tôi nghĩ: *Dù cho núi lở non mòn / Con tằm đến thác vẫn còn vương tơ.*

Sau đó, mỗi khi có dịp đi lại trên đường Hùng Vương ngang qua trường NĐC, tôi đều cố nhìn sâu vào cổng trường để hình dung lại bóng dáng quen thuộc của một cậu thư sinh ngày nào mới ra trường sơ phạm, lần đầu tiên e dè, bỡ ngỡ đến nhận việc

tại ngôi trường kỳ cựu miền Nam này. Mỗi lần như thế, tôi đều lục lạo tìm tòi một vài kỷ niệm đáng ghi nhớ trong suốt thời gian dạy học tại đây, như gương mặt đắm chiêu của những cậu học trò ngoan đang theo dõi bài giảng trong một lớp học ở dãy lầu Nam hay nét mặt nghịch ngợm của vài cậu học trò chờ cơ hội để phá phách trong một lớp học ở dãy lầu Dơi. Hình như tôi vẫn còn nghe văng vẳng đâu đây những tiếng cười giòn giã của các giáo sư trong Phòng Giáo Sư ở dãy lầu Bắc sau một mẩu chuyện khôi hài chọc cười của một đồng nghiệp trong giờ ra chơi. Trong các lớp học tôi có dịp đặt chân đến để giảng dạy trên ba dãy lầu của trường, tôi có thể hình dung lại gương mặt, nụ cười, vóc dáng, tướng đi của những đồng nghiệp tôi đã gặp qua và chuyện vẫn trong những giờ đổi lớp hay trong phòng họp giáo sư hoặc trong các dịp sinh hoạt học đường, lễ lộc, phát thưởng tất niên... Trong số đó, có người đã rời bạn bè ra đi nước ngoài, có người còn ở lại sống khiêm nhường khép kín ở một nơi nào đó, phục tùng vô điều kiện trước định mệnh an bài sẵn cho mình. Nhưng có người thì chạy theo thời thế để sau cùng nghiền ngẫm, lắc đầu, chắc lưỡi như con thạch sùng lấm nhảm: *Cuộc đời như cái bánh xe / Lăn đi, lăn lại chỉ nghe phèng phèng.*

Làm sao quên những ngày cuối tuần, tôi và một số đồng nghiệp chơi quần vợt suốt ngày trên sân tennis của trường ở cuối dãy lầu Nam, phía sau thư viện. Đôi khi chúng tôi mải mê đánh độ nên tiếp tục đánh đèn ban đêm luôn! Trong không khí vui nhộn và thoải mái của những ngày chủ nhật sống ngoài trời, chúng tôi được hít thở không khí trong lành của bao ngày nắng đẹp và quên bẵng đi



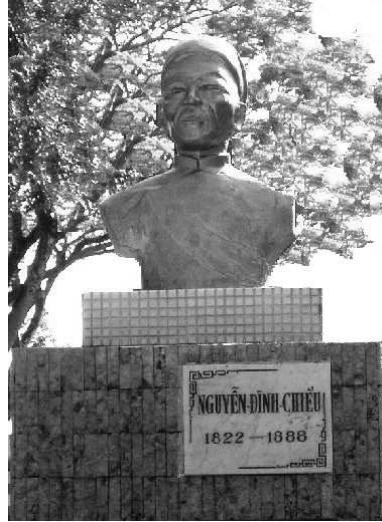
những nỗi nhọc nhằn hằng ngày của nhà giáo. Trong những lúc như vậy, mọi người cảm thấy mình được lột xác để sống với con người thực của mình, một con người không bị ràng buộc bởi những giáo điều đạo đức hay bị lương tâm chức nghiệp day nghiến. Những người thường xuyên có mặt trong các trận so tài trên sân quần vợt thuở nào gồm các giáo sư Bùi Văn Chi, Lê Phú Thứ, Phạm Nghĩa Vụ, Từ Hữu Đán, Dương Văn Nhi, Lâm Văn Bé, Trần Quang Minh, Nguyễn Hoàng Mai, Đỗ Trung Ruyên, Nguyễn Văn Kiên, Lê Trọng Thủy, Lê Kim Hải, Trịnh Công Đạt, Nguyễn Văn Trạng, Dương Công Thái, Nguyễn Văn Ri... và còn một số giáo sư khác mà tôi quên tên. Lý do chúng tôi xách vợt ra sân tennis không phải để tranh tài cao thấp, ai hơn ai kém, ai thắng ai bại, mà chính là để chúng tôi gặp mặt nhau chuyện trò, trau dồi những mẫu chuyện vui buồn sau một tuần lễ giam mình trong lớp học...

Thật sự, tôi đã rời ngôi trường này từ hai năm trước 1975 để qua nhận nhiệm vụ mới tại Sở Học Chánh, sau đổi là Ty Văn Hóa, Giáo Dục và Thanh Niên ở phía bên kia đường Hùng Vương, đối diện với cổng Trường NĐC. Tuy nhiên, tôi vẫn tiếp tục dạy các lớp đêm tại trường như thường lệ. Ấu đây cũng là cái nghiệp của tôi sau khi chọn nghề dạy học: *Chẳng tham ruộng cá, ao tiền / Tham về cái bút, cái nghiên anh đồ*.

Trong khoảng thời gian này tôi chứng kiến một số giáo sư, giám thị hay nhân viên văn phòng lớn tuổi về hưu từng người một làm cho sân trường vắng bóng dáng quen thuộc của các bậc lão thành trong nghề, mất những nét mặt nghiêm nghị của các thầy giám thị, bằng đi những lời giảng morale của giáo sư mỗi khi học sinh quên làm bài hay không thuộc bài. Thay vào sự mất mát này, giáo sư mới tốt nghiệp sư phạm cũng như giáo sư từ những tỉnh lỵ xa xôi được bổ nhiệm về dạy tại đây làm cho trường có những bộ mặt mới và trẻ trung.

Ngoài ra, trường NĐC có một thay đổi quan trọng: bức tượng bán thân của Cụ Đồ Chiểu được dựng lên chiếm một vị trí khiêm nhường cạnh cột cờ giữa sân trường, mặt hướng về phía

cổng trường ở đường Hùng Vương. Ở tư thế này, Cụ Đồ Chiểu như đang vui vẻ đón nhận mỗi năm các môn đồ trẻ đi vào ngôi trường này để cúi chào kính sử tiếp tục nối bước các bậc đàn anh đi trước. Và cũng ở tư thế đó, Cụ lại hãnh diện tiễn đưa từng thế hệ trẻ thành tài ra trường để sau đó họ gia nhập vào trường đời học thành nhân. Học sinh đi lại trên sân trường đều nghe văng vẳng bên tai những lời nhắn nhủ của Cụ:



*Hỡi ai lắng lặng mà nghe,
Dữ răn việc trước lành dè thân sau.
Trai thì trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình....*

Năm 1995, tôi có dịp trở lại Trường NĐC nhân một chuyến viếng thăm thân nhân sau nhiều năm xa quê hương. Bước vào cổng trường tôi có cảm tưởng là mình đang trở về mái nhà xưa, nơi mà tôi đã đem công sức và tinh thần để góp phần vào việc giáo dục giới trẻ lứa tuổi học trò trong suốt thập niên 60 đến giữa thập niên 70. Vẫn bức tượng bán thân Nguyễn Đình Chiểu năm nào ngự trị giữa sân trường với nhiều tàn cây rải rác theo các lối đi. Vẫn thái độ triết lý nhân sinh ngày nào của nhà nho: *Dầu đui mà giữ đạo nhà / Còn hơn có mắt ông cha không thờ.*

Cụ Đồ ngày nay với nét mặt bình thản, nhân từ, sẵn sàng đón nhận các khách vãng lai đến thăm viếng ngôi trường này.

Hiệu trưởng lúc bấy giờ là một cựu học sinh Trường NĐC hướng dẫn tôi thăm vài nơi đáng ghi nhớ của trường như thư viện và phòng tiền vãng. Hiện nay, thư viện chiếm ngự phòng lớn hội trường trước kia trên dãy lầu Nam. Trước 1975, đây là nơi được dùng để tiếp đón những phái đoàn hay quan khách từ các nơi đến thăm viếng trường và cũng là nơi tổ chức hằng năm lễ phát thưởng cho các học sinh xuất sắc. Vào giữa thập niên '60, đây cũng là nơi tôi tổ chức các buổi nói chuyện hay thuyết trình dành cho học sinh trong chương trình sinh hoạt hiệu đoàn. Như có lần tôi và một giáo sư nói chuyện về đề tài: tương quan giữa văn chương và âm nhạc qua việc so sánh tác phẩm *La Symphonie Pastorale* của André Gide và hòa tấu khúc số 6 của Beethoven có cùng tựa đề. Tôi cũng có thuyết trình về Chu Tử qua một số nhân vật trong tiểu thuyết của ông, một nhà văn được giới thanh thiếu niên ưa chuộng lúc bấy giờ qua các tác phẩm có tựa đề ngắn, gọn, hấp dẫn như *Yêu, Sống...* Ngoài ra, tôi tổ chức cho học sinh nghe nhạc ngoại quốc thịnh hành vào thập niên 60 mà giới trẻ ưa thích như Sylvie Vartan, Françoise Hardy, The Beatles... Thư viện cũ của trường trước kia nằm ở phía bên kia dãy lầu Dơi gần sân quần vợt. Hằng năm, một số giáo sư được đề cử làm việc trong ủy ban mua sách cho thư viện và sách phát thưởng cuối năm cho học sinh. Thế là tha hồ giáo sư chọn lựa sách và nhất là loại sách xuất bản tại Pháp. Tôi nhớ năm đó, một anh trong Ban



Thư Viện Cũ Cảnh Sân Quần Vợt

Việt Hán đề nghị mua bộ *Cô Gái Đồ Long* của Kim Dung. Lúc bấy giờ bộ sách chương này được nhiều giới đọc đến nên cốt chuyện rất phổ biến

trong dân chúng. Nhưng khổ nỗi là anh bạn đồng nghiệp của tôi lại đề nghị mua bộ sách này bằng chữ Tàu với hảo ý đề một số học sinh ban D giỏi chữ Tàu đọc. Trong thực tế chỉ có vị giáo sư này mình nên đọc bộ sách đó thôi! Thư viện ngày nay tuy phòng ốc có rộng lớn nhưng sách vở lại không nhiều và ánh sáng trong phòng đọc sách lại không đủ.

Nơi thứ hai tôi đến viếng thăm là Phòng Tiên Vãng. Hiện nay, phòng này chiếm ngự một căn phòng nhỏ ở cuối dãy lầu Nam nằm cạnh thư viện tức Hội Trường cũ năm nào. Cảnh tranh tối tranh sáng trong phòng tạo cho khách viếng thăm một cảm giác rợn người trước những bài vị với tên của nhiều bậc tiền bối đã từng góp phần xây dựng Trường NĐC thành một trường có uy tín trong nước. Tôi không khỏi ngậm ngùi khi thấy số lượng bài vị tăng nhiều, vì vậy danh sách những người quá vãng cũng dài hơn trước. Có một năm, tôi được ban giám đốc trường giao nhiệm vụ thuyết trình trước các giáo sư và học sinh về cuộc đời và học thuyết của Khổng Tử, nhân ngày lễ của vị Vạn Thế Sư Biếu. Một đại diện học sinh lên Phòng Tiên Vãng ở giữa dãy lầu Dơi làm lễ và thỉnh bài vị của các giáo sư quá vãng xuống đặt trên bàn hương án được thiết lập ở khoảng giữa lối đi ngang dãy lầu Dơi. Ngày nay, dãy lầu này không còn nữa nhường chỗ lại cho một dãy lầu mới đang xây cất dang dở nửa chừng. Đi trên dãy lầu mới này, lòng tôi không khỏi bồi hồi liên tưởng đến suốt thời gian dài trong hơn một thế kỷ qua mà dãy lầu Dơi được dùng làm phòng học và phòng nội trú cho biết bao cô cậu học trò. Trong số này có người đã từng dự phần vào các biến cố chính trị làm nên



lịch sử Việt Nam cận đại.

Tôi ra về theo hướng cổng sau của trường phía đường Lê Lợi. Tôi không quên nhìn về hướng sân quần vợt, nơi mà mỗi ngày chủ nhật tôi và một số đồng nghiệp đã đổ biết bao nhiêu mồ hôi trong các trận đánh độ rồi sau đó đi ăn nhậu miễn phí hay phải trả tiền gấp đôi để ăn bò lúc lắc ở chợ Hàng Bông vào buổi chiều, hoặc ăn mì buổi tối tại xe mì trên đường Lê Đại Hành với muống bọt ngọt sống đề sẵn trên mặt tô mì. Bất chợt tôi khựng lại, lặng người như Từ Hải chết đứng vậy! Nét mặt ngơ ngác tìm kiếm phòng thư viện cũ bên cạnh sân quần vợt. Hoang vắng lạ kỳ. Cố gắng định thần lại, tôi mới biết người ta đã phá bỏ căn phòng trọ trọ ở quãng giữa con đường nối liền dãy văn phòng trường hồi thời ngôi trường mang tên Collège de Mytho dẫn tới dãy lầu sắt. Trước mắt tôi, một khoảng đất trống trải dài xuyên suốt sân tennis đến tận bức tường bảm đầy rêu rêu chứng tích thời gian, ngăn cách bên trong ngôi trường với phía ngoài đường. Sau phút lặng thinh để thích nghi với sự đổi thay trước mặt, để đè nén bớt những nỗi đau trong lòng, tôi tiếp tục đi về hướng cổng sau. Lại một ngạc nhiên khác đến với tôi: mấy cây me già cũng bị bật gốc lên tạo thành khoảng trống trọ trọ. Bảng hiệu của trường nơi cổng sau cũng không còn nữa! Từ hơn một thế kỷ nay, bảng hiệu này đã được dựng lên để lần lượt ghi các tên trường khác nhau: Collège de Mytho, Collège Le Myre de Vilers và Trung Học Nguyễn Đình Chiểu. Bảng hiệu trường đã chứng



Danh Sách Các Bậc Tiền Vang

kiến biết bao biến đổi cảnh vật trước mặt: từ tên đường Ariès đến Lê Lợi, từ sự hiện diện của bến xe lô đến chợ Hàng Bông rồi hiện nay đang chuẩn bị cho

một công trình kiến trúc chợ mới... Mặc dù, bảng hiệu của trường không còn nữa, nhưng chắc hẳn trong lòng những cựu học sinh NĐC từ thập niên '50 trở về trước vẫn ghi nhớ mãi hình ảnh cũ kỹ - một kỷ niệm nhót kín cả đời - về một cổng trường mà sau lần đầu tiên họ bước chân qua hai cánh cửa sắt đã biến họ vĩnh viễn thành học sinh của ngôi trường cổ kính này.

Trước khi rời hẳn trường, tôi dừng lại ở lề đường Lê Lợi để nhìn vào trường một lần cuối từ phía cổng sau hiện nay và cũng là cổng trước ngày nào ngôi trường mới thành lập, với lòng ngậm ngùi và hoang mang tự hỏi: biết bao giờ mình có dịp trở lại đây để đi trên sân trường này lần nữa? Không biết tuổi đời có cho phép mình thực hiện một chuyến thăm viếng khác không? Thôi thì hãy mượn mấy câu thơ của Nguyễn Trãi để diễn tả nỗi lòng của kẻ tha hương:

*Trải biến cố tâm thân già sớm,
Chốn tha hương thêm cảm trời sâu.
Hư danh có ích gì đâu,
Quây đầu muôn việc khác nào trong mơ!*



LỜI TÂM TÌNH CỦA NGƯỜI HỌC TRÒ CŨ KHOÁ 1962-1969
KÍNH GỬI QUÝ THẦY CÔ
TRƯỜNG TRUNG HỌC NĐC & LNH

Ph. Lan

1.- Ngày xưa - Ý tưởng:

Ngày xưa có một người học trò hỏi vị Thầy của mình rằng: “*Cây tre bên núi Nam, không cần phải vót mà thẳng sẵn, cắt làm tên thì bắn thủng làn da, can gì mà cần phải học nữa?*”. Vị Thầy đáp lại: “*Cây tre dẫu rằng thẳng sẵn thật nhưng nếu biết vót đi mà sửa lại thì bắn vào chẳng càng sâu thêm ư?*”.

Câu chuyện chỉ có thể nhưng cũng đủ để ta thấy là, **không một người nào không lấy sự học làm phương tiện để phát triển nhân cách, nâng cao kiến thức** mà không cần người chỉ dẫn, dạy bảo. Bởi thế vị trí người Thầy vô cùng to lớn trong cuộc đời, trong tâm hồn của mỗi con người ở xã hội chúng ta.

Xưa ở phương Đông, những người học trò làm nên danh phận, chức tước cao sang đến bậc nào, khi đến thăm Thầy cũ, vẫn phải xuống ngựa, dừng kiệu từ xa, đi bộ vào nhà Thầy, đứng chấp tay, rót nước hầu Thầy, chẳng khác gì lúc còn cắp sách đến trường. Khi có điều lầm lỗi thì dù làm đến Thái sư, Tể tướng vẫn bị Thầy quả trách như thường, thậm chí còn bị phạt đòn.

Chính cái tình sư đệ ở thời **mực tàu giấy bản** ấy đã làm căn bản cho cái ý thức hệ đạo đức của người Việt ta mấy ngàn năm nay.

Ở phương Tây, tiếng nói của Ông Carnot lúc về thăm Thầy cũ, vẫn còn vang vọng trong lòng tất cả mọi người ở chỗ sâu thẳm nhất: “*Thưa Thầy, Thầy còn nhớ con không? Con là Carnot, học trò cũ của Thầy, hôm nay con về thăm Thầy đây*”.

2.- Ngày nay - Cảm nghĩ và nỗi nhớ:

Từ những **ý tưởng** của **ngày xưa** như trên, em - một cựu học sinh trường Nữ trung học Lê Ngọc Hân, Mỹ Tho - xin được thay mặt những bạn học cùng khoá 1962 - 1969, viết những dòng **cảm nghĩ** này kính gửi đến Quý Thầy Cô.

Nhớ ngày nào, em và các bạn còn là những đứa học trò nhỏ, mái tóc thì còn xanh, tâm hồn ngây thơ, vô tư, được tung tăng rong chơi, vui đùa trong sân trường Lê Ngọc Hân, được Quý Thầy Cô thương yêu, chăm sóc, dạy dỗ. Đến nay bạn nào cũng đã ở vào cái tuổi **biết được mệnh trời**, tóc pha màu sương khói, gia đình nặng nợ, sức khỏe suy kém, gánh nặng cuộc đời oằn vai. Những tưởng tâm hồn **đầy ắp bao lo toan cho việc mưu sinh** của mình cũng đã biến thành **sỏi đá** từ lâu; nhưng cứ mỗi lần có dịp ngồi lại với nhau, cùng ôn lại chuyện xưa thì mới thấy rằng, trong lòng chúng em vẫn **không bao giờ phôi pha** sự mến tiếc cái thuở hoa niên của tuổi học trò nơi trường cũ, như thể vẫn còn nghe lại được tiếng cười trong trẻo, giọng nói líu lo của chúng em nơi sân trường lộng gió ba mươi năm về trước, như thể vẫn còn thấy được hình ảnh “*em tan trường về, đường mưa nho nhỏ*” của mình thời còn đi học, và, cũng **không bao giờ nguôi ngoai** nỗi nhớ thương cùng với hình ảnh Thầy Cô ngày xưa.

Bây giờ chúng em, học trò của Thầy Cô, tuy tóc đã điểm sương (có bạn đã **đầy sương**), mỗi người mỗi cảnh đời, ở mỗi ngã đường, ở mỗi thành phố, quốc gia khác nhau nhưng có cùng chung một điểm: **luôn nhớ thời đi học** và mỗi khi nhắc đến Quý Thầy Cô thì bên tai như vẫn còn nghe vang vọng tiếng giảng bài đầu đầu của từng bộ môn ở từng khối lớp. Trong mỗi người chúng em, chắc chắn rằng sau bao năm tới nữa, “*tưởng tình đã cũ, mây bay bao năm tưởng mình đã quên*” nhưng “*tình ngỡ đã phôi pha nhưng tình vẫn còn đây, người ngỡ đã đi xa nhưng người vẫn quanh đây*”. Tình cảm thương mến ấy luôn luôn tồn tại, vượt thời gian, “*tình bất phân ly, tình vẫn như mơ*”.

Hằng năm, chúng em đều tổ chức họp mặt với nhau một lần để mời Quý Thầy Cô từ những năm của thập niên 60 của thế kỷ trước còn ở tại Mỹtho, Sài Gòn mà chúng em liên lạc được, cùng về dự. Tổ chức với hình thức đơn sơ, giản dị nhưng ấm cúng, không rình rang nhưng trang trọng, nội dung thấm đẫm tình sư đệ ; Thầy - Trò vui vẻ hàn huyên, gặp gỡ nhau trong cảnh “*vui sao nước mắt lại trào*”.

Chúng em rất tiếc trong những lần họp mặt ấy không có mặt của khá nhiều Quý Thầy Cô vì có Thầy Cô ở quá xa Mỹtho,

chúng em không có điều kiện tìm gặp, cũng có Thầy Cô đã *đi xa* - hiểu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Thôi thì kính mong Quý Thầy Cô thương mến của chúng em không phiền trách, vì như người xưa có nói: *"Nhân sinh nhược đại mộng"* và *"Dù có tôn vinh đến bậc nào rồi thì cũng trăm năm thấm thoát, một giấc mơ màng"*; do đó, Quý Thầy Cô hiện giờ đều đã bước vào hoặc đã vượt qua cái tuổi *ngoại nhĩ, cổ lai hy*, chắc hơn ai hết, sẽ thấm thía nhiều cái lẽ vô thường, vô ngã - cái lẽ *"thấm thoát trăm năm, mơ màng một giấc"* của *"giấc mộng dài đời người"*.

Em không thể nào quên được, sân trường có những tàng cây me tây rợp bóng mát - nơi chúng em hay ngồi tựa đầu vào nhau tán gẫu sau những giờ tập thể dục mệt đừ ; nhớ mãi nụ cười thân thương, hiền từ của Chị Nị, Chị Anh (nhân viên phục vụ), Cô Bảy, Cô Định (nhân viên văn phòng) cùng Quý Cô giám thị (Cô Lê Thị Bích, Cô Phan Thị Ngọc Nữ, Cô Lê Thị Điều, Cô Đỗ Thị Nhung) nghiêm nghị nhưng hết lòng thương dạy và lo lắng cho học sinh trong khối lớp mình phụ trách. Bên cạnh còn có bàn tay nhân ái, êm dịu của Cô Lang (y tá) tận tình chăm sóc mỗi khi chúng em bị bệnh. Quên sao được những giọng đọc bài, những lời giảng hấp dẫn, lời cuốn cùng với nét vẽ tuyệt vời của Thầy Cô trước bao đôi mắt thán phục của học sinh. Tất cả những hình ảnh, dáng dấp đặc trưng của mỗi Thầy Cô mà *bản thân em* may mắn được học từ năm lớp đệ Thất (năm 1962) đến lớp đệ Nhất (1969) đều khắc sâu vào tâm trí của em cho tới tận bây giờ và mãi mãi về sau : Quý Thầy Cô Lê Thị Ngọc Sương, Lê Thị Hồng Châu, Hồ Thị Hiệp, Nguyễn Thị Bội, Nguyễn Thiên Thụ, Hoàng Thị Thanh (môn Việt văn) ; Thầy Nguyễn Văn Lộc (môn Triết) ; Quý Cô Huỳnh Thị Trị, Lâm Thị Huỳnh Hoa, Trần Thị Thanh Tân, Lê Thị Kim Anh, Thầy Phan Nguyên (môn Công dân giáo dục và Hoạt động học đường) ; Quý Thầy Cô Phạm Thúy Nga, Bùi Bích Hà, Huỳnh Phương Liên, Nguyễn Thị Thu Thủy, Phan Tấn Khôi (môn Pháp văn) ; Thầy Nguyễn Khắc Quỳnh, Thầy Đặng Vượng, Quý Cô Âu Thị Ánh, Trần Thị Phước Lý (môn Anh văn) ; Quý Cô Lê Thị Hồng Sương, Tường Thị An, Huỳnh Liên Hoa, Huỳnh Thị Ngọc Hường (môn Sử - Địa) ; Quý Thầy Cô Hồ Thị Sương, Lữ Thị Hiêm, Đinh Thị Loan, Tô Văn Lai,

Vũ Kim Dung, Phạm An Hoà, Trần Mạnh Tường, Vũ Đình Lạc (môn Toán) ; Trần Thị Ngọc Châu, Nguyễn Thị Tuyết Nga, Thái Diễm Thuần, Lê Huy Hoà, Huỳnh Thị Xuân Đào, Văn Kim Anh, Nguyễn Văn Danh, Đinh Thế Vinh, Hứa Thị Vĩnh, Trần Văn Ty, Nguyễn Văn Hai (môn Lý - Hoá - Vạn vật) ; Quý Thầy Cô Võ Ngọc Phán, Nguyễn An Ninh, Đoàn Duy Tường, Nguyễn Thị Tâm, Hồ Ngọc Sương, Tạ Thị Thu Cúc, Đoàn Thế Hồng, Hàng Thị Thao, Phan Ngọc My, Đan Mỹ Loan (môn Thể dục, Âm nhạc, Nữ công).

Em cũng không quên Quý Cô đã từng làm lãnh đạo trường trong thời gian em còn đi học: Cô Nguyễn Như Hằng, Cô Dương Thị Lớn, Cô Nguyễn Diệu Thông, Cô Nguyễn Thu Hồng, Cô Nguyễn Thị Hạnh, Cô Phạm Thị Cúc.

Quý Thầy Cô đã không những dạy chữ mà còn truyền dạy cho em **đạo làm người**, cái đạo mà dù ở nơi nào, lúc nào - xưa hay nay - vẫn luôn là cái đạo **nhân bản nhất**, mang **tính người** nhất, vì chỉ có con người mới có được sự giáo dục theo đúng nghĩa, nghĩa là mới có thể có được cái đạo ấy.

Được may mắn là học sinh của trường Nữ trung học Lê Ngọc Hân Mỹtho xưa, từng là học trò lại được hân hạnh nối tiếp con đường dạy học của Quý Thầy Cô, em luôn tâm niệm lúc nào cũng phải hết sức cố gắng trong thời gian còn đứng ở bục giảng, không phải vì thành tích, vì bằng khen mà chỉ là để khi về nghỉ hưu, em vẫn luôn tự hào để thừa với Quý Thầy Cô rằng : em đã làm hết sức mình với tất cả lương tâm và trách nhiệm của một con người, hơn thế nữa, của một **người Thầy** để xứng đáng là học sinh cũ của ngôi trường thân yêu mà mình đã từng học. Trong suốt thời gian giảng dạy 31 năm, em chưa lần nào đạt một “**danh hiệu thi đua**” nào cả, và dù chỉ là một giáo viên dạy lớp bình thường, em luôn hãnh diện vì đã không để cái **bình thường** ấy trở thành cái **tầm thường** dưới cái nhìn của các bạn đồng nghiệp, của học sinh và phụ huynh.

Rồi thế nào **dòng suối trên non cao cũng chảy ra tới biển thẳm**, ba năm nay, em, như một dòng suối nhỏ ngày xưa, uốn éo, nũng nịu trong vòng tay áp ủ đầy tình thương của ngôi trường cũ, của Thầy Cô, đã được về nghỉ ngơi sau 31 năm tiếp nối nghề

ngiệp của Quý Thầy Cô. Ra về, để mong được như cây thông già kia, nằm “*đuối chân trong đất đá, gối đầu trong mây gió*” mà bình thản nhìn tất cả đã và rồi sẽ đi qua, sẽ trôi lăn mãi cho đến khi mất hút như dòng thời gian vô thủy, vô chung, như dòng nước không bến bờ, như đám mây trôi lang thang, vô định, không biết đến từ đâu rồi sẽ đi về đâu; cho tới một ngày tất cả sẽ phải đi xa vào cái chỗ **không gian mông lung, mịt mù núi biếc non cao** để rồi không bao giờ trở lại nữa (ai trong mỗi chúng ta lại không phải **đi xa**?).

Em đã cố gắng sống, làm việc và ra về đúng như lời Thầy Cô đã dạy bảo, và cũng giống như lời của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác: “*Sống trên đời tôi luôn cố gắng không để mọi vinh hoa phú quý cám dỗ, tự hào tôi đến và lặng lẽ tôi rời*”. Em đã đến với nghề dạy học một cách tự hào vì truyền thống gia đình, em đã may mắn gặp Quý Thầy Cô để được dạy bảo thêm, để kính trọng và thương nhớ đến mãi ngày hôm nay và rồi em đã ra về, êm êm, lặng lẽ. Biết đâu nếu như vậy thì những kỷ niệm đẹp mới chôn chặt, giữ kín trong lòng mình mãi mãi. Tất cả rồi sẽ không còn gì - trừ kỷ niệm. Kỷ niệm và nỗi nhớ quá khứ có thể vui hay không vui nhưng lúc nào, bao giờ cũng đẹp và sẽ trường tồn, không hư hoại. Vì lẽ ấy những hình ảnh đẹp của ngôi trường xưa - Nguyễn Đình Chiểu, Lê Ngọc Hân Mỹtho - và Quý Thầy Cô cũ sẽ không bao giờ phai lạt trong tâm trí chúng em.

3.- Lời kết:

Vì nỗi niềm có quá nhiều ý muốn thưa với Thầy Cô nên mới bộc lộ thành những dòng thô thiển như trên đây. Xin Quý Thầy Cô thông cảm cho em, do vẫn còn bị ám ảnh bởi cái **sự** nên mới làm phát sinh cái **lý**, bởi vẫn còn cảm cái **cảnh** nên mới phải khởi cái **tình**. **Ơn** quá nặng, **nghĩa** quá sâu, **tình** quá tràn đầy nên mới ra **nông nổi** như thế !

Cũng may, em nhớ người xưa có nói “*phần lớn lòng người là vô ngôn*”, “*ý tại ngôn ngoại*”, “*có lời là vì ý, được ý hãy quên lời*”, vì vậy xin Thầy Cô hãy vui lòng bỏ qua cho em nếu có lời nào thất lễ, như ngày xưa Thầy Cô đã từng tha thứ cho đứa học trò nhỏ này, như ngọn gió kia khi thổi qua rừng trúc thưa, gió

bay đi mất rồi mà không còn giữ lại chút âm thanh nào, như con chim nhận kia khi bay qua đầm nước lạnh, chim bay qua mất rồi mà mặt nước không còn giữ lại một chút hình ảnh nào. Và em tin chắc rằng Thầy Cô sẽ hiểu cho em về những gì mà em **không nói ra được, không thể thừa được** với Thầy Cô trong bài này.

Tuổi em càng lớn lại thêm bệnh hoạn, buổi tối em hay khó ngủ. Những khi trằn trọc, em hay nhớ đến chuyện ngày xưa khi còn đi học, nhớ trường cũ, nhớ Thầy Cô, nhớ bạn bè nhưng khi sáng thức giấc, em đều cảm tạ cuộc đời có thêm được ít nhất một ngày nữa để **nghĩ về nhau, để yêu thương và nhung nhớ**.

Tận sâu thẳm trong tâm hồn, em luôn mơ ước có một dịp nào đó đám học trò cũ ngày xưa chúng em được dịp gặp lại Thầy Cô, lại được ngồi lại bên nhau và bên Thầy Cô, cười - nói - vui - buồn với nhau, cùng nắm tay nhau mà ôn lại những ký ức ngọt ngào của thuở xa xưa, “*cầm tay hỏi hết xa gần*” (Nguyễn Khuyển). Và tuy thời gian cùng không gian có khác nhưng em cũng xin mạo muội mượn mấy câu thơ (trong phim **Tam quốc diễn nghĩa**) để kính gởi đến Quý Thầy Cô làm lời kết cho bài viết này :

“Đắm mình với gió sông -
chung chén rượu nồng thêm thỏa chí,
dưới ánh trăng thu càng thấm thiết cuộc trùng phùng
Chuyện xưa - chuyện nay, bại - thành - được - mất
Đốc hết nỗi niềm, thư thái ung dung”

Từ trái : 3 nữ sinh
trường LNH (1962-1967)
Trần T Huỳnh Anh,
Nguyễn T Tuyết Hồng và
Nguyễn Thị Trung (thủ
quỹ của Hội NĐC-LNH)



ÁO TRẮNG PHƯỢNG HỒNG

Dương thị Hằng

Một chiều tôi đến Hạ Uy Di
Chân bước ngập ngừng chẳng muốn đi
Cát trắng biển xanh tình nhiệt đới
Ngàn hoa khoe sắc thắm xuân thì
Cả trời vang dậy A-lô-ha
Gió nhẹ hôn đôi má mượt mà
Cô gái thổ dân khoe áo mới
Người yêu em gửi tặng hôm qua
Bên đường thẳng tắp hàng dừa xanh
Tôi bỗng bàng hoàng khi ngó quanh
Rực rỡ giữa trời cây phượng vĩ
Lá xanh hoa đỏ điểm tô cảnh
Nhìn cánh phượng lòng tôi xót xa
Nhớ về trường cũ chốn quê nhà
Một thời áo trắng thơ ngây đó
Trái mộng đông đầy hương ướp hoa
Tôi nhớ thầy Dinh dạy Sử hay
Cả trường ai cũng thích nghe Thầy
Riêng tôi mệt mỏi lim dim ngủ
Thầy thấy mà không một tiếng rầy
Sau những giờ học tôi thành thói
Đi cùng lũ bạn khắp nơi nơi
Có khi họp mặt vườn Ông Khánh
Khi đến Vườn Hoa ngắm đất trời
Tơ trời trang điểm tuổi đôi mươi
Mấy đứa đùa vui rộn tiếng cười
Còn Phụng, Còn Ròng in dấu tích
Đào tơ mơn mớn nụ hoa tươi
Ngày tháng vô tư vẫn cứ trôi
Gái Xuân thanh thản với dòng đời
Tôi mê mải học cho danh phận
Còn chuyện yêu đương gác lại thôi

Nhưng bỗng một hôm tôi bỗng sờ
 Có chàng “Đình Chiểu” chặn đưa thơ
 Thẹn thùng bối rối tôi quay bước
 Bỏ lại đằng sau kẻ thần thờ
 Kể từ hôm ấy tôi bàng hoàng
 Mười chín tuổi Xuân chưa sẵn sàng
 Chàng đã mở đầu trang giấy trắng
 Cuộc đời thiếu nữ vốn bình an
 Người ơi! Sao làm tôi mộng mơ
 Trăng sao chia xẻ điệu mong chờ
 Sao người bước nhẹ vào tim đại
 Khuấy động tâm hồn cô gái thơ
 Rồi bóng thời gian vun vút trôi
 Người đi biệt tím khung trời
 Tôi đành quên lãng chuyện xưa ấy
 Cất bước theo chồng vẹn lứa đôi
 Nhưng rồi định mệnh chẳng buông tha
 Hương lửa ba sinh độ mặn mà
 Chồng bỗng là đời con bạo bệnh
 Tôi cô phụ, bé chẳng còn cha
 Vào cuối tháng Tư cảnh nhiều nhương
 Một màu tang tóc phủ quê hương
 Người người bỏ nước tìm sinh lộ
 Tôi cũng ẵm con bước dặm trường
 Rồi đến Cali như ước mơ
 Táo tợn bương chải mặc duyên hò
 Mẹ vui mừng thấy con khôn lớn
 Gia thất yên bề trọn ý thơ
 Thấm thoát thời đưa những tháng ngày
 Màu hồng phượng vĩ vẫn còn đây
 Nhưng màu áo trắng xưa đâu nhỉ?
 Chỉ thấy ngậm ngùi tóc trắng bay

* * *

Để nhớ lại một thuở vui buồn áo trắng ngày xưa
 San Jose, Mùa Phục Sinh 2006

HOÀI NIỆM HỌC ĐƯỜNG

Nguyễn Văn Hợi

*Tròn nhiệm vụ một đời mô phạm.
Ám linh hồn chút nghĩa đồng liêu.
Thầy tôi nay đã già rồi.
Một đời dạy trẻ, vun bồi nước non.*

Tôi sanh ra và lớn lên trong một đất nước triền miên khói lửa. Lúc còn nhỏ, tôi học ở trường tiểu học Phan Thanh Giản tỉnh Bến Tre. Tôi nhớ lại khoảng năm 1945, khi đến trường học, chúng tôi hát quốc ca bài Thanh Niên Hành Khúc của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước và bài Học Sinh Hành Khúc của Ông Lê Thương. Thầy tôi bắt buộc chúng tôi phải thuộc nằm lòng. Mỗi buổi sáng, hát trước khi vào lớp, lúc chào cờ ngoài sân trường.

Thầy của tôi năm 1945-1949. Sau đệ nhị thế chiến, người Pháp trở lại Đông Dương, hoàn cảnh đất nước Việt Nam rất lộn xộn chém giết hằng ngày. Vào thời đó ba mẹ tôi ở làng An Hội, quận Châu Thành tỉnh Bến Tre. Tình hình ở chợ không được mấy an ninh, tôi còn nhỏ chỉ là một đứa con nít không hiểu biết nhiều. Tôi học trường tiểu học Phan Thanh Giản, trường bị đốt cháy. Các công sở, tòa án, tòa bố, bưu điện đều bị cháy và đập phá. Tôi học lớp nhứt (cours supérieur) tại đình An Hội, gần nhà lồng chợ Bến tre. Gia đình tôi phải tản cư rồi hồi cư, tôi đi học rất bất thường. Lúc đó, thầy tôi tên là Thầy giáo Sáu dạy lớp nhứt A. Tôi xem thầy tôi là thần tượng lúc nào cũng oai phong lẫm liệt. Thầy tôi nói tiếng Pháp nhiều hơn tiếng Việt. Thầy tôi rất thương học sinh siêng năng, chăm chỉ và rất ghét những trò làm biếng. Đình An Hội được trưng dụng làm trường học, có một số dân chúng chạy giặc về ở tạm trú thật chật chội và hơi ồn ào. Lớp nhứt A và lớp nhứt B được xếp ở mái hiên đình. Hai lớp được ngăn cách bởi một tấm mê-bô bằng tre. Lớp bên này ngó qua lớp bên kia thì thấy những bàn chân bên kia. Chúng tôi chọc phá các cô nữ sinh bên kia, thừa gởi bị đòn thường lắm! Thầy tôi lúc nào cũng tận tụy và dồn nỗ lực dạy chúng tôi. Có khi đang giờ học lại có báo động giả báo tin giặc tới, lớp học tạm ngưng.

Thầy tôi dắt chúng tôi đi ra ngoài và đi xuống giao thông hào bên ngoài đình. Chúng tôi rất thích những giờ ấy vì được dịp quây phá. Chương trình học của lớp bằng tiếng Pháp, chỉ có 6 giờ tiếng Việt. Hằng ngày đều có một giờ toán đố. Chúng tôi đều sợ giờ toán. Cả lớp đều yên lặng, không khí nặng nề. Thầy giảng và kiểm tra, và gọi từng học sinh lên bảng đen làm bài. Tôi nhớ rõ có một lần thầy gọi anh Cường để hỏi bài. Anh đứng dậy, đi lên bảng, trả lời ú ớ và run lập cập. Anh bị Thầy tôi bạt tay rồi đang cơn nóng giận Thầy đá anh Cường một đá giống như đá một trái banh. Anh Cường mất đà, đầu va vào bảng đen làm sập bảng luôn. Anh Cường quá sợ và tè trong quần. Từ đó về sau thầy tôi có vẻ hối hận bớt đánh học sinh. Cứ đến giờ toán, phía bên kia tôi cũng nghe tiếng roi mây, và có tiếng khóc thút thít. Mười hai giờ trưa là tan học. Thầy tôi còn bắt chúng tôi ở lại để học phụ trội thêm một giờ toán. Nhờ vậy chúng tôi mới khá toán đố. Rồi một năm học cũng trôi qua và chúng tôi được đưa qua Mỹ Tho để thi vào lớp đệ thất (première année) của trường trung học, tên trường lúc đó là Collège Le Myre de Vilers, sau này là Trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu. Lúc đó tôi trúng tuyển. Đến Mỹ Tho tôi thấy cái gì cũng lạ. Thành phố đẹp sạch sẽ và sang trọng hơn Bến Tre. Ở Mỹ Tho có 2 chợ: Chợ Cũ và chợ Mới còn gọi là chợ Thành.

Khi vào lớp đệ thất, tôi là một đứa bé quê mùa, tôi còn đeo một sợi dây bùa trên cổ, bạn tôi cứ chê và chọc tôi hoài. Tôi ở trạm trú bên chợ Cũ, nhà của dì Năm cho đỡ tiền trọ và tiền cơm. Đi học phải đi bộ. Bạn tôi hỏi tôi ăn ở đâu? Tôi trả lời bên chợ Cũ. Bạn tôi cho biết, hết chỗ mày ở rồi sao? Bên đó mất an ninh lắm, làm sao mày dám ở? Không có sự lựa chọn nào khác, tôi đành làm thính. Chỗ nhà dì tôi bên Chợ Cũ không yên ổn, cứ bố ráp hoài. Thỉnh thoảng ban đêm có bắn nhau giữa lính Lê Dương và Việt Minh. Ở trong trường, lâu lâu cũng có rải truyền đơn. Đàng đàng mấy năm trôi qua, cuối cùng tôi cũng đậu được mảnh bằng thành chung.

Năm 1955-1970. Lịch sử mỗi ngày mỗi sang trang, đời tôi cứ trôi theo như khóm lục bình trôi theo dòng nước. Tôi chọn nghiệp giáo giống như thầy tôi. Ngày xưa tôi mơ ước được như

thầy giáo Sáu. Tôi thích làm thầy, được cầm phấn đứng trên bục giảng và nhứt là có uy quyền với nhóc con. Năm nay trên 70 tuổi, vậy mà trải qua mấy chục năm làm thầy giáo tôi vẫn còn nằm chiêm bao thấy lại học trò cũ của tôi. Tôi học trường Sư Phạm tại số 1 đường Thành Thái Chợ lớn. Sau 3 năm học, ra trường tôi được chuyển về dạy học tại trường trung học các tỉnh Kiến Phong (Cao Lãnh), Mỹ Tho (Bến Tranh) và Bạc Liêu.

Sau hiệp định Genève ngày 20-7-1954, miền Nam được thanh bình. Mỗi tỉnh đều có một trường trung học. Chương trình giáo dục được đổi mới và phát triển dần dần. Chỉ vài năm yên ổn, đến năm 1960, mào mông chiến tranh lại nổi dậy, và từ từ lan dần đến các tỉnh; chết chóc, đau khổ càng ngày càng mãnh liệt. Đến năm 1962, có lệnh tổng động viên. Chúng tôi phải tạm ngưng dạy học, gia nhập vào quân đội. Tất cả thanh niên phải làm nhiệm vụ, tôi được học ở quân trường SQ/TB bộ binh Thủ Đức. Hầu hết các bạn thầy giáo đều nhập ngũ. Chúng tôi gặp lại nhau trong cùng khóa và sau này được biết các anh đã bỏ mình hy sinh khá nhiều trong các trận giao tranh đẫm máu.

Cuộc đời lính tráng của tôi đã phục vụ các đơn vị xa xôi hẻo lánh, có nhiều lần hành quân qua các trường học trống vắng, không bóng hình thầy cô – học trò, lòng tôi buồn tê tái.

Đến năm 1971-1975, theo nhu cầu giáo dục, một số đông quân nhân gốc giáo chức được chánh phủ trả về phục vụ tại trường cũ. Chúng tôi được gọi một tên mới là “quân nhân biệt phái gốc giáo chức”.

Theo nhận xét, tôi thấy nền giáo dục và văn hóa của miền Nam khá tốt. Từ cấp bộ trở xuống, được cải tổ theo hệ thống từ trung ương đến tận nông thôn hẻo lánh. Dưới bộ là các nha học chánh, khu học chánh. Đặc biệt là ở các tỉnh, các ty tiểu học được sáp nhập biến thành sở học chánh. Chánh sở là anh Huỳnh Trung Nghĩa. Vào năm 1970, tôi phụ trách trong sở học chánh Bạc Liêu, với chức vụ thanh tra tiểu học. Ông sếp tôi là ông Huỳnh Chư Khiêm lúc đó là trưởng ty tiểu học. Ông là người Việt gốc Hoa kiều. Ông hiền hậu bình dân, năng nổ hăng say với nhiệm vụ. Thuở đó, các trường ở nông thôn hẻo lánh chưa có,

nhưng theo chương trình bình định xây dựng nông thôn phải có trường cho dân. Tôi theo ông Khiêm cùng các phái đoàn tổng hợp bên tỉnh để nghiên cứu thực tế tại mỗi địa phương tới tận ấp để xây cất các trường ấp tân sinh. Chúng tôi bị bắt sẽ. Chúng tôi không từ nan, bất cứ khó khăn nào; đến trường ấp phải dùng tắc ráng, tàu đò, có khi phải dùng đến trực thăng.

Thường thường là các trường ấp thì có các nữ giáo viên ấp, phái nam không chịu xin vào làm. Các cô thường nhát gan cứ hơi động là các cô sợ hãi, mặc dù được tuyên dụng tùy theo người ở địa phương. Có cô gốc người Hoa, gốc người Kampuchia. Trong đội ngũ giáo viên bấy giờ chỉ có cấp giáo viên ấp là lương thấp thiệt thòi nhất. Họ gặp chúng tôi thường mĩa mai tui em là giáo viên ấp, ấp hòa ai mà không nở (có nghĩa là không được cứu xét nâng lương). Ở xã thì có các trường trung học cấp xã. Tỉnh thì có trường trung học đệ nhị cấp, trường trung học bán công và phát triển thêm trường trung học tỉnh hạt. Có vài tỉnh có cả trường đại học và trường sư phạm. Nói chung, nền giáo dục ở miền Nam được đầu tư phát triển thật nhanh, nỗ lực của các anh em giáo chức rất đáng khâm phục mặc dù tình hình chiến sự càng lúc càng khốc liệt.

Sau hiệp định Paris 20-3-1973, được ký kết giữa 4 bên, hòa bình nào thấy lập lại, chiến tranh vẫn sôi sục từng ngày. Đến ngày 30-4-1975, toàn bộ cơ cấu chính quyền bị sụp đổ. Tất cả quân nhân, binh lính các cấp, công chức, cán bộ, giáo chức biệt phái đều bị đi cải tạo, học tập... Đầu tiên, ngày 20-6-75, chúng tôi bị đưa vào trường trung học Bạc Liêu. Chỗ chúng tôi mới dạy ngày hôm qua, thì hôm nay biến thành chỗ bị nhốt và tối đều phải cùng nhau chen ngủ ở nền gạch xi măng.

Cuốn theo chiều gió, kể từ ngày đó, chúng tôi chấm dứt cuộc đời gõ đầu trẻ. Bạn tôi nói: thôi rồi thầy giáo phải tháo giày và giáo chức coi như dứt cháo. Cuộc sống coi như phiêu bạt, thiếu thốn và nghèo khổ. Bạn tôi bán vé số và chạy xe đạp ôm, thật là buồn cho câu “lương sư hưng quốc” dành cho ngành mô phạm.

Viết đến đây tôi nhớ đến chị Trương Thị Mai người cùng làm việc với tôi tại trường Nam Tiểu Học Mỹ Tho. Tôi xin có vài hàng gửi đến chị cho vui.

Chị Mai ơi, nhà Việt Nam đau khổ. Mẹ Việt Nam nước nỡ.

Tôi nhớ chị là một cô giáo dạy giỏi nhất trường. Chị dạy lớp tiếp liên trường Nam Tiểu Học Mỹtho, sau chị chuyển về làm hiệu trưởng trường Nữ Tiểu học Mỹtho. Chị đã đóng góp công lao rất nhiều, dạy các em nhỏ thành người hữu dụng sau này. Bây giờ chị ở Cali, chị đã trên 70 tuổi, chị có còn nghĩ đến nghiệp giáo, thân phận một cô giáo và có luyến tiếc những ngày dạy học tận tâm tận lực? Chị là một bà giáo chân chính, lớn tuổi, đau yếu, bệnh hoạn. Vậy mà nợ trần ai, nợ giáo dục chị còn đeo đuổi. Tôi thật khâm phục chị, chị có nhớ ngôi trường này không?

Trường tiểu học Cầu Bắc Rạch Miễu Mỹtho, gọi là Trường Lá.

“Một phút chạnh lòng nhớ trường xưa.

Phên tre, mái lá gió đông đưa.

Còn đâu nào thấy bóng hình cũ!!

Hàng me bên đường đứng lưa thưa.”

Mến chào chị.

Sự đời là vô minh.

Cuộc đời là vô thường.

...Trời kia đã bắt làm người có thân

Bắt phong trần, phải phong trần

Cho thanh cao, mới được phần thanh cao...

Nguyễn Du.

Bạn đồng nghiệp



THẦY TÔI

Trần Châu

*Thành kính tưởng nhớ và tri ân Ông Võ văn Liễu,
Giáo sư Trung Học Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho.*

Tỉnh Sa Đéc, nơi tôi sinh ra và lớn lên, là một tỉnh nhỏ, vào các năm đầu của thập niên 50, chưa có được một trường Trung học, nên khi học hết lớp Nhất, hay học thêm lớp Tiếp Liên, muốn thi vào trường Trung học, phải qua Vĩnh Long để dự cuộc thi tuyển vào lớp Đệ Thất của trường Trung học Tổng Phước Hiệp, hay đến tỉnh Mỹ Tho, thi vào trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu.

Lúc đó, tôi còn nhỏ quá, có anh trai và chị nhưng lớn tuổi hơn tôi nhiều, học trên tận Sài Gòn xa xôi, nên chẳng ai kèm cặp hay hướng dẫn về việc học cho tôi. Mẹ tôi ít học, lại suốt ngày bận lo buôn bán ngoài chợ Sa Đéc, nên ngoài việc đi đến trường, tôi chẳng biết gì thêm. Vì thế, khi học xong lớp Nhất ở trường Tiểu học Sa Đéc, vào hạng khá, tôi nghe lời một số bạn học, không thi tuyển vào lớp Đệ Thất liền, mà xin học thêm lớp Tiếp Liên để cho giỏi hơn, rồi mới xin thi tuyển vào trường Trung học Tổng Phước Hiệp, Vĩnh Long... Nhưng năm đó, tôi không đậu vào được, nên năm sau, tôi không thêm xin thi vào nữa, mà đi đến tận Mỹ Tho xin thi vào Trung học Nguyễn Đình Chiểu (TH NĐC).

Lần đầu tiên đi xa nhà lâu mấy ngày như vậy, tôi sợ và lo lắm dù có mẹ tôi đi theo để hỗ trợ tinh thần! Không biết sao mẹ tôi quen được, đến cùng ở trọ nơi nhà của anh Đào Hồng Hải (gần bót số 8). Lúc đó anh Hải đã học Đệ Tứ (chương trình Pháp), vừa đậu Diplome rồi, nên tôi rất ngưỡng mộ anh! Lần này, nhờ “Phước Đức Ông Bà”... tôi đậu vào, hạng thấp, nên không được học bổng, nhưng vẫn vui lắm!

Tôi đến Mỹ Tho học (năm 1954) với bầu không khí còn âm vang của đám tang vĩ đại chấn động Sài Gòn năm trước “Đám tang trò Trần Văn Ôn”, và vụ xôn xao, cảm động trong lòng

người học sinh Trung học NĐC “chuyện tình của chị Hải Đường”!

Đến ngày tựu trường, nhờ sự giới thiệu của người quen, tôi xách rương đến ở trọ nhà bác Bảy Vàng, làm thợ mộc, ở đường Trương Vĩnh Ký, Mỹ Tho (đối diện với nhà BS Lê Tài Sinh). Tôi ở đây cùng với hai người bạn cùng quê là Trâm Kinh Thịnh (học cùng cỡ với tôi) và anh Đặng trường Phước (học trên tôi một lớp). Nhà bác Bảy bằng ván và gỗ, lợp ngói âm dương rất rộng, chung quanh có sân, trồng nhiều loại cây ăn trái như: mít, vú sữa, liu-kê-ma, sakê. Đây là lần đầu tiên tôi thấy loại cây này, vì ở Sa Đéc không có. Cây giống như cây mít, trái cũng vậy, nhưng không thơm và ăn không ngon bằng. Nhưng trái Sakê mà đem nấu với bí rợ (hay chuối xiêm) hầm nước cốt dừa, thì ăn ngon... hết xẩy luôn!

Ở trọ nhà bác Bảy, ngoài chúng tôi ra, toàn là các anh chị từ Bến Tre qua, gồm tất cả độ 10 người, Lúc đó tôi ốm nhom, hiền và ít nói lắm, nhưng chăm học và học giỏi. Vì lúc nhỏ, tôi hay đau yếu, ở nhà với thằng em nhỏ thôi, ít bạn, nên ngoài việc học, chẳng biết làm gì! Và lại lúc nhỏ, ở nhà với dì tôi, bà hay dạy tôi học (lúc lớp 2, lớp 3), và thường khuyên tôi ráng học, noi gương cậu ba tôi, học giỏi, thành tài, làm Bác sĩ rồi, muốn gì cũng có! Vì thế, tôi thường chăm học, và rất ngưỡng mộ các người học giỏi, có bằng cấp cao! Lúc còn học ở Sa Đéc, tôi thường nghe một giai thoại: Gần nhà tôi, có hai thằng bạn học cùng cỡ tôi tên: Đỗ Đức Hiệp, và em nó tên Đỗ Tô Gô! Chúng có người anh tên rất đặc biệt (như thằng Tôgô) là Đỗ Đông Dương! Anh ấy thi đậu Thủ khoa Diplome ở trường Tổng Phước Hiệp. Người ta kể lại rằng: có một ông Giáo sư, lúc vào thi oral (hoạch miệng) anh ấy, thấy cái tên thấy.... ghét, muốn cố tình đánh rớt anh ấy, nhưng vì anh ấy trả lời giỏi quá, nên không đánh rớt được, mà còn cho đậu cao! Lúc đó, ở Sa Đéc, chúng tôi còn tự hào có được ông Bác Vật (Tiến sĩ Nông Nghiệp) Nguyễn Thành Giung, đang làm Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục.

Lúc tôi học lớp Đệ Thất, các lớp nữ sinh còn học tại đây, vì chưa có trường nữ Trung học. Thầy Phạm văn Lược làm Hiệu Trưởng, thầy Võ quang Định làm Giám Học, và thầy Lê văn Chí

làm Tổng Giám thị. Thầy Hiệu Trường và thầy Giám Học lúc nào gương mặt cũng nghiêm trang, chúng tôi sợ lắm, còn thầy Tổng Giám thị thì hiền, nói năng nhỏ nhẹ. Lúc đó, chương trình tiếng Việt chỉ dạy đến lớp Đệ Tứ, còn trên đó, lớp Seconde, Première còn dạy chương trình Pháp. Học trò nhỏ chúng tôi, nam sinh còn mặc áo sơ mi trắng ngắn tay, quần đùi đen, đi guốc, nữ sinh cũng vậy, áo trắng dài tay, quần dài đen. Lớp chúng tôi được thầy Huỳnh Thuận dạy Việt văn, cô Chi (chưa chồng, rất đẹp) dạy Vạn Vật, cô Liên, rất đẹp làm Giám thị, cô Hường (vợ thầy Mùi) dạy Toán..., gần như hầu hết các thầy cô tôi tự bậc Tiểu học đưa lên! Thầy Sâm dạy Công dân Giáo dục, là thầy mà bọn tôi sợ nhất, vì thầy khó lắm, mà có khi đánh học trò! Nhưng bọn tôi chẳng có đứa nào bị thầy đánh, chỉ có bạn Trương hoàng Khôi, học cùng lớp, là con thầy, bị thầy đánh tại lớp thôi! Nhờ thầy dạy, chúng tôi đã được học những bài học quý giá: biết thờ cha, kính mẹ, kính trọng thầy cô, người già, thương yêu, giúp đỡ bạn bè v.v... Chương trình có dạy các câu chuyện “Nhị Thập Tứ Hiếu” rất hay và rất cảm động! Tôi nhớ nhất là chuyện bà Mạnh mẫu dời nhà, để con được ở xóm hiền lương, chăm học, và chuyện bà hứa với con, nếu làm tốt sẽ cho ăn thịt heo (thay vì rau cháo, vì bà rất nghèo), và bà đã quyết giữ lời hứa với con. Ôi, cha mẹ giữ lời hứa với con để làm gương tốt cho nó, quý lắm thay! Cô Tốt khó... giàn trời mây, bọn tôi cũng sợ, nhưng cô dạy Pháp văn hay! Thầy Ninh dạy Âm nhạc, có thân hình ốm và nhỏ như bị bệnh, nhưng được nghe thầy đàn violon thích mê luôn! Thầy Trứ (sau này đổi về làm Hiệu Trường Trung học Sa Đéc), dạy Anh văn. Vì thầy mới chuyển qua dạy Anh văn, nên có nhiều đứa bạn hay kể nhiều giai thoại về thầy! Vì tôi hiền, ốm yếu, học giỏi, đứng nhất tất cả các môn (trừ môn Thể Dục), nên được thầy cô thương! Năm đó, tôi được lãnh thưởng hạng nhất cấp Đệ Thất toàn trường. Ở nhà bác Bảy, tôi được ăn món Sake hầm nước cốt dừa và món mắm kho với con nghêu rất ngon! Chị Sáu, con bác Bảy, (sau này là chị dâu thứ hai của vợ tôi), đổi theo chồng từ Huế về, ở chung nhà với chúng tôi (vợ chồng chị ở một phòng riêng biệt), đem theo một đồng tiểu thuyết tình cảm

uớt át của Dương Hà, bà Tùng Long, Ngọc Linh v.v... cho tôi mượn đọc say mê luôn!

Nhà bác Bảy rất xô bồ, tuy hai bác rất tốt, tôi thường bị ăn hiếp, có khi bị đánh vài thoi (nhẹ thôi) bởi anh Trần Hữu Thọ, cùng học Đệ Thất (nhưng khác lớp). Anh to hơn tôi, vạm vỡ, da hơi ngăm đen, xứ dừa Bến Tre. Chúng tôi nằm ngủ kế bên nhau trên các sạp lót ván dày trong một phòng rộng thoáng như trại lính. Tôi nằm kế hai thằng bạn Sa Đéc, vậy mà lâu lâu, anh tìm cách đến gần véo tôi, hay thui tôi một cái! Lúc đầu, tôi còn méc anh Trần kế Xương, anh ruột anh, đang học Đệ Tứ, anh Xương có rầy anh, có khi bác Bảy gái thấy, cũng rầy, nhưng tôi vẫn bị ăn hiếp! Tuổi trẻ, có những người thích trêu hay ăn hiếp người khác! Vì nhiều lý do như vậy, nên tôi muốn dọn đi nơi khác, nhưng chưa tìm được nơi đâu!

Mấy tháng đầu năm lớp Đệ Lục, thằng Phước đã dọn đi nơi khác, tôi lại càng bơ vơ! Năm này, thầy Phạm Mạnh Cường, vừa tốt nghiệp ĐH Sư Phạm Sài Gòn về dạy Việt văn chúng tôi. Thầy người Trung, ốm, miệng hơi hô, tóc chải ồ chim, thoa brillantine bóng mượt! Thầy dạy Việt văn rất hay, nhất là giảng truyện Kiều... mê luôn! Thầy giảng say mê sùi bọt, có khi... văng vào mấy đứa bạn ngồi bàn đầu luôn! Thầy Trần văn Dinh dạy Sử Địa rất hay. Thầy là con người thể thao, thường mặc áo quần “sọt” tennis trắng đi dạy, trông rất đẹp trai. Thầy Nguyễn văn Dậu dạy vẽ, rất hiền, vui và dễ thương! Cô Tốt vẫn dạy Pháp văn và thầy Sâm dạy Công dân. Trong số các thầy mới ở lớp Đệ Lục, có thầy Võ văn Liễu dạy Toán chúng tôi. Thầy cao, ốm, mắt hơi bị lé, dạy giỏi, nhưng rất khó và nguyên tắc, nhưng ai làm đúng các điều thầy dạy, thầy thương lắm! Thầy vừa làm Giám thị, vừa dạy Toán chúng tôi. Thầy đến lớp thường ôm cái cặp da to, và cây Compa bằng gỗ cũng to! Trong lớp thầy dạy phải êm re, và thầy thường kêu trả bài hay lên bảng làm các bài toán đố. Tôi được thầy thương, thường bị kêu trả bài, và xung phong lên giải toán. Nhân một dịp theo thầy về nhà, tôi gặp thằng Phước ở nơi đây! Bạn cũ gặp lại, tôi mừng lắm và hỏi thăm nó cách nào nó ở được nơi đây? Nó bảo ba nó trước kia là thầy giáo (sau đổi qua làm Thư ký Tòa Hành chánh tỉnh Sa Đéc),

nên quen thầy. Nó dạy tôi muốn đến ở trọ (vì nhà thầy có nuôi học sinh ở trọ còn trống vài chỗ), phải nhờ người quen giới thiệu, thầy mới nhận vào. Tôi về nhà viết thư tỏ bày với mẹ tôi, tuần sau, mẹ tôi qua Mỹ Tho, dẫn tôi đến nhà thầy Huỳnh Thuận nhờ giới thiệu tôi đến ở trọ nhà thầy Liễu (thầy Thuận sẽ là người bảo trợ, chịu trách nhiệm về tôi). Tôi không biết tại sao mẹ tôi lại bảo mình là bà con với thầy Thuận, và kêu thầy vai Ông tôi (cậu mẹ tôi). Tôi chỉ biết ở Sa Đéc, tôi có người Ông bà con (cũng là cậu của mẹ), giàu lắm, tên Huỳnh Thủy Lê (sau này là xui gia với Phó Tổng Thống Trần văn Hương), hiện đang ở trong một biệt thự, trên đầu nhà có khắc chữ Huỳnh Thuận. (Sau này, tôi học cùng cỡ với “dì” Huỳnh Xuân Thanh, đã ra Đốc Sự Hành Chánh, thuộc Viện Quốc gia Hành Chánh, và tôi có dạy luôn cả hai vợ chồng em của Xuân Thanh tại ĐH Cần Thơ.)

Có thầy Thuận giúp đỡ, nên tôi hôm sau từ giã bác Bảy để đến ở nhà trọ mới. Ở đây, tôi gặp hai học sinh cùng quê Sa Đéc với tôi là Đặng trường Phước và Ngô thành Lộc (học cùng cỡ với tôi). Ngoài độ 7 hay 8 anh nữa, đa số là cháu và cùng quê Gò Công với thầy. Nhà thầy tự xây cất kiểu biệt thự song lập, hai căn giống hệt nhau, rất rộng, phía trước là tầng trệt, gia đình thầy ở, phía sau có lầu bằng cây, ván rất đẹp và chắc chắn, trên lầu chứa nam sinh, ở dưới là chỗ trọ cho vài chị nữ sinh, cháu thầy. Biệt thự bên kia là của gia đình bác Năm Võ văn Tùng (ba của Võ Bá Thiện, bạn học cùng cỡ tôi), em ruột thầy.

Vừa nhập môn, tôi đã được thầy giới thiệu nơi ăn, chốn ở và các luật lệ qui định nghiêm ngặt ở nhà thầy. Vì trước kia, thầy và cô (sau này chúng tôi gọi là bác Tư) đều tốt nghiệp từ trường Sư Phạm Quốc Gia (rất hiếm người có bằng Diplome mà tốt nghiệp trường này thời Pháp thuộc), thầy ở trong nội trú, nên đem nội qui của trường nội trú ra áp dụng cho bọn tôi. Một thời dụng biểu mỗi ngày được dán ở ngay cửa vào:

- 5g30 sáng thức dậy, đánh răng, rửa mặt, vệ sinh cá nhân.
- 6g ngồi vào bàn học đến 7g.
- 7g ăn sáng tự do.
- 8g ngồi vào bàn học (ai học buổi sáng thì đi đến trường) đến 11g.

- 11g đến 12g tự do.
- 12g xuống nhà dưới ăn cơm trưa.
- 12h đến 13g30 tự do (có thể ngủ trưa).
- 14g ngồi vào bàn học đến 17g (ai đi học buổi chiều thì đã đến trường.)
- 17g đến 20g tự do, và ăn cơm chiều lúc 18g30.
- 20g ngồi vào bàn học đến 21g30.
- 22g tắt đèn, tất cả phải đi ngủ.

Nội qui áp dụng rất nghiêm, anh Bảy Hồ văn Châu, cháu gọi thầy bằng cậu ruột, lớn nhất, đang học lớp Premiere, được làm trưởng phòng, coi sóc bọn đàn em này! Thầy luôn nhắc nhở bọn tôi: “Học là phải ngồi, ngủ là nằm”, vì biết tánh bọn trẻ tụi tôi, nằm mà học, một chút sẽ thờ pho.... pho... thôi! Trong giờ ngồi học, phải tuyệt đối yên lặng, không xì xào nói chuyện. Trong giờ ngồi học, thầy hay rón rén đi nhẹ lên thang lầu (bằng ván) để xem chừng bọn tôi, nên ai nấy đều sợ! Nhất là lúc buổi sáng, tuổi trẻ ngủ say, không nghe được chuông nhà thờ ở gần đó đổ, hay ngủ quên, bị thầy lên vặn đèn, tức mừng dậy, ai nấy đều hoảng vía luôn!! Có người vừa ngồi dậy đã bị một bạt tai, tỉnh ngủ luôn! Nhưng thật ra, với bọn tôi, thầy chỉ ra oai... la hét thôi, chứ chưa đánh, chỉ có con và cháu ruột thầy là bạn Nguyễn ngọc Châu (cháu gọi thầy bằng cậu), học cùng cỡ tôi (em họ và cùng lớp với Võ bá Thiện) là bị đòn một lần thôi!

Lúc mới đầu chưa quen, chúng tôi còn sợ và bị rầy, nhưng lâu dần quen đi, và lên lớp cao dần, gần như tự động, chúng tôi vào nề nếp, thầy ít khi lên xem.

Thầy Cô tôi có tất cả bảy người con, năm trai, hai gái. Chị Hai Võ Bạch Mai đang học ĐH Sư Phạm ở Sài Gòn, anh Ba Võ ngọc Trước, đang du học Kỹ sư ở Pháp. Ở nhà, còn anh Tư V.N. Diệp, học lớp Seconde, anh Năm V.N. Bá (cùng tuổi tôi), học lớp Đệ Tứ, em “đực” Sáu V.N. Lãng, em “đực” Bảy V.N. Đình thì còn bé, đang học Tiểu học, và sau cùng em “bé” Tám Võ Bạch Lan. Còn của thầy tôi, thường được gọi ở nhà bằng thứ, với chữ “đực” ở trước (nếu là trai), và chữ “bé” ở trước (nếu là gái), dù họ đã lớn rồi! Còn ở nhà bác Năm kế bên, con trai lót chữ Bá, và con gái lót chữ Minh, như anh Hai Võ bá Thọ, chị Ba Võ

Minh Hồng, kể đó V.B. Thiện và sau đó nhiều em nữa. Anh Thọ lúc đó học lớp Seconde với anh Tư Diệp, còn chị Ba Minh Hồng người mặt trái xoan, rất hiền và đẹp, học lớp Đệ Tứ với anh Năm Bá.

Tôi sống ở nơi đây suốt sáu năm sau cùng của bậc Trung học, cố gắng học rất nhiều cái hay của thầy tôi và gia đình. Về học vấn, tôi khâm phục anh Năm V.N. Bá, có cái môi dưới hơi “trề” ra một chút, hiền và học giỏi lắm! Anh bằng tuổi tôi, đã học Đệ Tứ rồi (trong khi tôi mới học Đệ Lục), mỗi kỳ thi, anh đều vượt qua dễ dàng và đậu cao! Với Tú Tài I (học ở NĐC), và Tú Tài II (học ở Chu Văn An), anh đậu hạng Bình, (vào thời đó rất khó đậu hạng Bình. Một Hội đồng thi, khoảng 7000 thí sinh, có được khoảng 5 thí sinh đậu hạng Bình, độ 100 người hạng Bình Thứ, không ai đậu Ưu cả!), nên nhận được học bổng sang Canada du học một cách dễ dàng! (Vào thời đó, học sinh mười tám tuổi, đậu Tú Tài II hạng Bình, là chắc chắn nhận được một học bổng nào đó đi du học nước ngoài.) Các con của thầy tôi đều học giỏi (chỉ trừ em Sáu Lãng, tánh nghệ sĩ và bay bướm), và thành đạt, với anh Năm và em Bảy V.N. Đình, đều đậu Tiến sĩ ở Canada sau này.

Về lối sống gia đình và cách đối xử, tôi rất ngưỡng mộ gia đình thầy tôi. Bác Năm làm Cò mi (danh xưng một quan chức Hành chánh thời Pháp), sau này làm Quận Trưởng quận Chợ Gạo (Mỹ Tho), và bác Năm gái, người phốp pháp, rất hiền, đẹp, sau này làm Tổng Giám Thị trường Lê Ngọc Hân (mà một số người đẹp Lê Ngọc Hân, gọi lén là “Bà Sáu... “Khoai Lang””), đối xử với thầy cô tôi rất mực cung kính, hiền dịu! Cô tôi, lúc đó làm Hiệu Trưởng trường nữ Tiểu học Mỹ Tho, người đẹp, tướng sang và quý phái, luôn ăn nói nhỏ nhẹ, hiền hòa. Trong gia đình bác Năm và gia đình thầy cô tôi, luôn có sự kính trên, nhường dưới, thương yêu nhau, anh chị nói, em út nghe răm rắp! Cô tôi đi làm về mệt, nhưng hôm nào về cũng đều ghé mắt nhìn vào bếp, xem các thức ăn nấu cho chúng tôi có chu đáo không? (Gia đình thầy tôi, nuôi học trò, cốt để giúp đỡ con cháu, chứ không phải mưu cầu lợi lộc!).

Chiều và tối thứ bảy, chúng tôi được rảnh rỗi, có lúc họp nhau hòa nhạc. Anh Bảy Châu, thổi Harmonica rất khá, bạn Trương văn Thành đàn Mandoline và anh Năm Bá chơi guitare khá hay. Nhất là em Sáu Lãng, có tính nghệ sĩ và ngón đàn guitare rất lả lướt, quyến rũ! Chúng tôi hùn tiền nhau đúc tạ, lập Parallele, Parafixe... để tập thể dục cho thân thể cường tráng! Các bạn Trương văn Thành, Trương văn Tấn, Mai văn Long và em Sáu Lãng đều có thân hình đẹp. Sau này, khi lên Đệ Tam, chúng tôi còn lên “xóm giếng nước” “tâm sư học đạo” bái sư phụ “Chín Xế” để học võ Thiếu Lâm, võ Bình Định. Chúng tôi hùn tiền mua một con gà và kết bia cúng tổ. Mỗi tuần chúng tôi học hai buổi chiều, tập từng thế, từng bài quyền theo thầy Chín, và về nhà rảnh dợt lại vào các buổi chiều tập thể dục. Bạn Thành và Tấn dợt hay và sôi nổi nhất, còn tôi nhát đòn, nên chỉ dợt sơ sơ với Mai văn Long, hay tự tập một mình. Thành và Tấn cùng quê ở làng Hòa Nghị (Gò Công), và có lẽ có bà con với nhau (cùng họ Trương), Tấn (học sau chúng tôi một lớp) thường bắt Thành kêu bằng chú, nhưng Thành không chịu gọi như vậy! Hai người đều là gốc dân lao động, không phải dân thành thị như tôi, nên thân hình vạm vỡ, rắn chắc, tuy hơi thấp một chút. Còn anh Châu trung Chánh thì dợt với Nguyễn văn Đào. Anh Chánh, học dưới tôi một lớp, và trên Đào một lớp. Anh là con trai út của ông Đốc Phủ sứ ở Gò Công, nhà giàu, nhỏ tuổi mà ăn chơi dữ lắm, cái gì cũng biết. Anh thuật đủ thứ chuyện cho bọn tôi nghe một cách thần phục! Đào kêu anh bằng chú Út, vì có bà con nhau. (Sau này, tôi kêu anh bằng chú Út luôn, vì anh là chú ruột của vợ tôi.) Anh Chánh lúc bấy giờ mới học lớp Đệ Lục thôi, nhưng là “Đại ca” lãnh đạo bọn tôi chọc phá hàng xóm!

Lúc đó, thầy tôi có mua một chiếc xe hơi ô tô nhỏ, như xe con cóc, hiệu gì lạ lắm, (mà anh Chánh đặt tên là xe “con bù tọt”), mỗi buổi chiều thường chở hết gia đình lên thăm miếng vườn nhỏ ở miệt Bình Đức. Lúc đó, ở nhà chỉ còn bọn tôi phá như quỉ!

Đối diện nhà thầy tôi (số 7 Ngô Quyền) là nhà ông Cả Hường, nhà ngói kiểu xưa, rộng, có hàng rào gạch bao quanh. Ở trước nhà có cây đu đủ, bao nhiêu trái vừa chín, đều bị bọn tôi

hái sạch. Gần đó là nhà thầy Cửa, có cây vú sữa cũng bị đám học trò qui do “Đại ca” lãnh đạo hái hết. Kế bên nhà ông Cửa, là nhà một cô giáo góa chồng, có một người con gái học trường nữ Lê Ngọc Hân, vào các buổi tối, thường ngồi chăm chỉ học bài bên người mẹ ngồi soạn bài, trông cô rất hiền và ngoan. Tôi nhớ thầy: “Sau này ai lấy cô này chắc... có phước!” Lúc lên đến Đệ Tam, tôi được biết đó là chị Lê thị Sen, học cùng lớp với người yêu tôi, và sau này, chị ấy lập gia đình với anh Châu quan Trọng, bạn tôi (nay anh chị đã đoàn tụ với con ở Mỹ). Thỉnh thoảng, vào buổi tối thứ bảy, “Đại ca” Chánh dẫn đám lâu la đi một vòng Ngô Quyền – Nguyễn Trung long – Nguyễn Trãi. Ngang nhà bác Sáu (sau này là nhạc gia tôi), kế nhà thờ Tin Lành, thấy thầy Thế Viên (thầy Viên không có dạy tôi, mà đang dạy Việt văn lớp Đệ Lục của em Đào) đang ngồi ở phòng khách nói chuyện. Đào bảo: “Ông Viên lên dạy thêm Anh văn cho chị mười tôi nhưng thiệt ra ông muốn “cua” chị Bảy tôi!” Vừa ngang qua nhà, anh Chánh la lớn lên: “Thiên”, và cả nhóm bèn la tiếp theo: “D...ê...ê...”, rồi co giò chạy luôn! Về đến nhà, ngồi vào bàn học, còn cười khúc khích!! Trong đám bạn ở nhà trọ này, có Lê quang Xáng (học dưới tôi một lớp), ốm, cao, hiền, học rất giỏi, năm nào cũng đứng nhất, lãnh phần thưởng Tổng Thống, sau này đỗ Tiến Sĩ Đệ Tam cấp, về dạy Địa Chất, cùng trường ĐH Cần Thơ với tôi.

Phía bên trái nhà bác Năm, là nhà bà Phán Tuấn, cũng có con nuôi học trò ở trọ, lúc đó có anh Lê văn Mịn, anh Nguyễn hữu Chung (sau này là Dân biểu) ở trọ.

Ở lớp Đệ Ngũ, thầy tôi vẫn tiếp tục dạy môn Toán cho chúng tôi, và tôi vẫn được thầy thương yêu vì học giỏi và cẩn thận đúng ý thầy. Thầy Đỗ trung Ruyên dạy Lý Hóa rất hay. Có thầy Phan chừng Thanh, thỉnh thoảng đến dạy thể, khi thầy tôi bận. Thầy Thanh rất vui, tôi thích nhất xem thầy đánh bóng bàn, đánh hay, nhưng có lúc “trêu” bóng, thầy nằm lên bàn luôn! Tôi học đều các môn khác, chú tâm vào hai môn Toán và Lý Hóa để chuẩn bị nền tảng cho kỳ thi Trung học Đệ nhất cấp vào năm tới. Thầy Phạm văn Lược đã đổi đi nơi khác, và thầy Lê quang Toàn về làm Hiệu Trưởng. Thầy Lê văn Chí về hưu và bác Ba Trần vẫn

Vạng làm Tổng Giám thị. Trường không còn chức Giám học nữa. Bác Ba Vạng rất vui, dễ, học sinh nào cũng yêu mến bác.

Lên năm Đệ Tứ với bao lo âu, hồi hộp, vì có vượt qua được kỳ thi cuối năm này, thì mới từ từ mở được tương lai sau này. Từ năm học Đệ Tứ, chúng tôi mặc đồng phục áo trắng, quần xanh, đeo phù hiệu. Các nữ sinh, đã dời qua học trường nữ (lúc đầu gọi là Âu Cơ, sau đổi tên là Lê Ngọc Hân), mặc áo dài xanh, quần trắng hay đen. Lớp này, thầy Phạm văn An dạy Toán rất hay, thầy Ruyên vẫn dạy Lý Hóa, dạy chậm rãi, rõ ràng, rất hay. Thầy Hồ dạy Việt văn, tuy không hay bằng thầy Phạm mạnh Cương, nhưng cũng tạm khá. Thầy Châu (mà học trò lén gọi là “Châu ghiền”, vì thầy rất ốm như dân ghiền thuốc lá hay á phiện) dạy Pháp văn không được hay, nên tôi đi học thêm lớp đêm với thầy Trúc Giang ở trường tư thực. Thầy Trúc Giang dạy Pháp văn rất hay, tôi say mê nghe thầy giảng từng bài, giải nghĩa Văn phạm Pháp, các cách Analyse rất khó của Văn phạm Pháp. Tôi rất sợ Pháp văn, nhưng học với thầy Trúc Giang, tôi yêu văn thơ Pháp, mê các nhà văn lớn của nước Pháp! Những câu thơ hay, những đoạn văn mượt mà, óng chuốt, tôi học thuộc lòng luôn! Thầy Dương minh Kính dạy Anh văn cũng tạm được! Thầy Nguyễn Chu dạy Sử - Địa, lâu lâu... lên cơn đánh học trò, làm tôi sợ lắm! Tôi không học thêm lớp dạy tư Toán – Lý Hóa, vì tôi tin tưởng khả năng tôi. Thời khóa biểu học ở nhà của tôi chú trọng nhiều hai môn này. Tôi mua thêm các sách về hai môn này để tự học thêm và giải bài tập. Các sách của Đào văn Dương, Đặng sĩ Hí, Phan thế Roanh, tôi đã giải hết trong các cuốn Giáo Khoa và bài tập. Tôi lại tìm mua thêm các sách tiếng Pháp, Giáo khoa và bài tập, của Lebosse-Hemery về nhà mà mò học. Bộ sách của hai ông này hay quá, tôi cố gắng giải hết luôn, và tôi an tâm đi dự kỳ thi TH/DNC cuối năm. Tuy thế, trong lớp tôi, giỏi Toán nhất là bạn Bùi ngọc Đường (con thầy Bùi văn Mạnh, dạy Pháp văn), kế đó là bạn Nguyễn văn Giàu, tôi chỉ đứng hạng 2 hay 3 thôi! Bạn Đường còn giỏi đều các môn khác, và sau này, bạn ấy qua ba kỳ thi (TH/DNC, Tú Tài I và Tú Tài II) đều hạng Bình, đi du học ở Pháp (hay Canada?), lấy bằng Tiến sĩ luôn. Một người bạn thân trong lớp năm Đệ Tứ, ngồi kế bên tôi, nhỏ tuổi hơn tôi, ốm và

hiền như tôi và B.N. Đường, bạn ấy tên Phạm an Nhân, học giỏi đều các môn (tuy không xuất sắc như Đường), nhưng đỗ luôn qua ba kỳ thi với hạng Bình, cũng từ giã tôi đi du học Canada với nhiều bịn rịn! Tôi nghĩ rằng, chắc bạn ấy đã đậu TS ở Canada rồi. Bạn Lê văn Thu, chúng tôi thường gọi là Thu đen, học thường thôi, bạn ấy tuy ốm roi roi, nhưng thân thể rắn chắc, đặc biệt rất giỏi võ nghệ. Tôi say mê nhìn bạn ấy đi nhiều bài Quyền đẹp và ước mong giỏi võ như bạn! (Sau này, bạn ấy tốt nghiệp Võ Bị Đà Lạt, và làm Quận trưởng quận Chợ Gạo, Mỹ Tho.)

Trong lúc ngồi trên bãi cỏ sân sau trường (lúc ấy trường tôi còn quay cửa ra bên xe đò (chợ Hàng Bông sau này)), để chờ nghe kết quả thi TH/DNC, tôi liên tưởng và mong được học giỏi như hai bậc đàn chị Lê thị Bất Minh và Lê thị Bất Trị. Rồi các thầy ra xướng kết quả kỳ thi, lòng tôi run và hồi hộp quá! Thành linh Ng. v. Đào đến nói với tôi một cách vui mừng: “Anh, chị Tám tôi đậu Bình thứ rồi!” Tôi quay qua nói: “Cho gửi lời chúc mừng nha!” Vào lúc đó, tôi cũng vẫn nghe một số bạn bàn tán và khen nàng đẹp, và hiền thôi, chứ chưa gặp và nói chuyện được với nàng! Tôi nhủ thầm: “Ráng đậu cao nha con, rút hay đậu Thứ thì ê mặt lắm!” Rồi cũng kêu đến tên tôi với hạng Bình thứ! Tôi vui mừng vô cùng, rủ Đào và các bạn ra uống nước đá đậu đỏ bánh lọt ở xe đậu đỏ của ông Tàu trước cổng trường. Kỳ thi này, cô bạn Nguyễn Khai (bạn cùng lớp với nàng), đậu Thủ Khoa, hạng Bình! Cùng đậu hạng Bình, có thêm ba hay bốn người nữa thôi. (Sau này, chị Nguyễn Khai, lấy bằng M.Sc. ở Mỹ về, dạy chung trường với tôi ở Đại học Cần Thơ. Chị cũng là vợ của anh Đặng văn Trên, bạn Exryu với tôi ở Nhật, và dạy cùng trường ở Cần thơ.)

Sau khi nghỉ Hè, tôi vào học lớp Đệ Tam B8, cùng với một số bạn cũ và một số bạn mới, ở các lớp khác, hoặc ở nơi khác chuyển đến như Bến Tre. Lúc đó, vì chúng tôi quan niệm lớp Đệ Tam, là lớp không thi, lớp ăn chơi cuối cùng của bậc Trung học, nên chỉ học cầm chừng các môn quan trọng (Toán, Lý Hóa, Anh, Pháp...), nên trong lớp giỡn và phá thầy kinh khủng luôn! Thầy tôi bây giờ làm Giám thị các lớp Đệ Tam. Dạy Pháp văn năm ấy

là thầy Long, người ốm, cao, hút thuốc lá liên tục, tánh hơi... không bình thường, mà bạn bè tôi hay kêu sau lưng thầy là “ông Long... khủng”. Thầy là con nhà giàu ở Gò Công, đi du học ở Pháp về. Không biết thầy đậu bằng cấp gì, vào lớp dạy Pháp văn thì ít, mà thầy thích kể chuyện vui, ăn chơi, và mấy cái Château (lâu đài) ở Pháp thôi. Bọn quý sứ chúng tôi nương dịp đó, đến giờ thầy dạy, vào lớp chưa nóng chỗ ngồi, đã vỗ bàn rầm rầm la: “Kể chuyện Château đi thầy!”, có lúc mặc thầy kể, chúng nó rượt nhau chạy giỡn trong lớp! Ngồi kế bên tôi là hai người bạn thân nhất là Lê quang Hậu và Trần vương Quang (con thầy Trần lương Thành, dạy Pháp văn.) Thằng Quang không biết lúc nhỏ có... khai gian tuổi không (xin lỗi nha Quang), mà nó nhỏ hơn tôi đến ba tuổi! Tuổi trẻ nhưng tài cao, cái gì nó cũng biết hơn tôi (chuyện bạn gái, đi chơi...), và thường dẫn tôi đi đó đi đây. Dĩ nhiên, phá nhất lớp cũng là nó và các thằng “cu” Phùng văn Bá (con thầy P.v. Tài) và Nguyễn Triền (em người đẹp Nguyễn Anh Tú!) (Sau này, các bạn P.v. Bá, Trương văn Thành đều là Bác sĩ.) Hậu thì cũng như tôi, tham gia thôi, nhưng thân với tôi vì hợp tính, và cùng muốn “cua” người đẹp Lê Ngọc Hân như tôi! (Chắc có lẽ, tôi sẽ viết một bài riêng mới kể hết chuyện các bạn tôi!)

Dạy Toán năm Đệ Tam (1959) là thầy Phạm văn Cảo, thầy dạy rất hay, rất hấp dẫn, nhưng nghe đồn là thầy chỉ có bằng Tú Tài thôi! Thầy Hoàng mới tốt nghiệp ĐH Sư Phạm về dạy Vạn Vật. Nhìn cuốn sách Vạn Vật về đất đá, nham thạch... là thấy sợ rồi! Thầy Kính, người nhỏ con, da hơi ngăm đen, vẫn dạy Anh văn. Thầy Vũ trọng Phan dạy Sử Địa, hay lắm. Thầy Nguyễn Cự dạy Việt văn hay, nói chuyện rất tâm tình! Có vẻ như thầy là một người kháng chiến hay làm Cách mạng thuộc hệ phái Đại Việt ở miền Trung. Thầy Cự đã thổi thêm một luồng gió vào tâm hồn lãng mạn của tôi bằng cách dạy và giới thiệu các bài thơ tình của Vũ Hoàng Chương, Đông Hồ, Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Huy Cận, Hàn Mặc Tử. Chúng tôi chép thơ vào Lưu Bút, vào các tập thơ riêng, chúng tôi bắt chước làm thơ (con... cóc), lập các hội thơ.

Cũng trong năm này, chị Hai Võ Bạch Mai, sau khi tốt nghiệp ĐH Sư Phạm bốn năm ở Sài Gòn, về trường nữ Lê Ngọc Hân dạy Văn Vật lớp Đệ Tam của nàng. (Lúc đầu năm học, tôi chưa quen thân với nàng, thường chỉ xa xa ngắm nhìn, hay nhiều lắm là đón chận đầu nàng đi học về hỏi vài câu, nhưng nàng làm thính!) Chị Hai rất hiền, đẹp, ăn nói nhỏ nhẹ, dịu dàng, tôi thường nhủ thầm, anh nào sau này lập gia đình với chị sẽ có phúc lắm! Đến kỳ thi học kỳ I, đợi chị Hai chấm bài xong, tôi năn nỉ chị cho xem bài thi của nàng. Nàng học thuộc lòng giỏi quá, bài thi được điểm cao. Nhìn nét chữ đẹp, tròn trịa, thấy thương vô cùng!

Năm Đệ Tam trôi qua nhanh chóng, tôi chuẩn bị sẵn sàng để lên học lớp Đệ Nhị. Thầy Nguyễn văn Bồn dạy Pháp văn, ăn nói nhỏ nhẹ, dạy khá hay. Thầy Nguyễn văn Nghĩa (Hiệu trưởng Tư thực Hùng Vương sau này), dạy Lý Hóa rất vui, và rất hay. Vì lớp toàn nam sinh, nên thầy đưa ra nhiều ví dụ rất tức cười, nhưng dễ nhớ vô cùng, không thể nào quên được! Thầy Châu Hi dạy Toán cũng khá hay. Thầy Lê Sử dạy Việt văn, thầy Phan văn dạy Sử Địa rất hay. Theo lời giới thiệu của thằng T.V. Quang, tôi và nó đi học thêm lớp dạy tư ban đêm, do ba nó (thầy Thành) dạy Pháp văn, thầy Lê Thuận Vinh (từ Sài Gòn xuống) dạy Lý Hóa và thầy Phạm văn An dạy Toán đều rất hay. Thầy Vinh cao lớn, tướng rất “ngầu”, chạy chiếc xe Vespa một cách ngổ ngáo như cao bồi cưỡi ngựa! Tôi chăm chỉ tự soạn ra thời khóa biểu học ở nhà như thầy tôi đã dạy từ trước, trong đó dành một buổi chiều (độ hai giờ thôi) đến thăm nàng. Sau bao nhiêu gian khổ truân chuyên, kèm với năn nỉ hối lộ cho hai ông “thần” chú Chánh và thằng Đào, dẫn đi kèm lên nhà nàng nhiều lần, hai con chó berger to lớn ở nhà nàng mới không cắn tôi!

Tôi mua thêm các sách Giáo khoa và bài tập về Toán, Lý Hóa của Nguyễn văn Phú (Hiệu trưởng Trung học tư thực Hưng Đạo), Lê văn Lâm... sách Việt văn của Nguyễn sỹ Tế, Nguyên duy Diễm về đọc thêm và giải hết các bài tập. Tôi viết thư cho ông anh ruột bên Pháp, xin gửi cho tôi hai bộ sách Giáo khoa và giải bài tập Toán cho lớp “Bac” 1 và 2 (thi Tú Tài I và II) của Union des Professeurs. Tôi từ từ giải hết và.... thuộc luôn các

bài toán khó đặc biệt! Tôi yên tâm và vững bụng đi thi Tú Tài I, đậu hạng Bình thứ. Thủ khoa khóa này vẫn là Nguyễn Khai!

Lên lớp Đệ Nhất (niên học 60-61), tôi thấy mình lớn hẳn ra. Nhà trọ của thầy tôi đã ít bớt học trò đi, do một số bạn rẽ đi ngành khác, Bạn T.v. Thành cũng học giỏi và lên học Đệ Nhất ban A (Vạn Vật). Bạn T.v. Tấn, rất có chí, bỏ ra học luyện thi Tam Nhị, đã đậu Tú Tài I, lên Sài Gòn học Đệ Nhất. Lúc đó vì nữ trung học Lê Ngọc Hân không có lớp, nên các chị qua học chung với tôi ban B (Toán), như các chị Nguyễn Khai, Phạm thị Trước (chị họ của Phạm an Nhân, bạn tôi). Học chung với Thủ khoa, thì e ngại và phải cố gắng lắm, thua thì... mất mặt bầu của hết!! Mà suốt cả năm học, tôi thua thiệt! Chỉ có hai môn Toán và Lý Hóa, tôi có điểm cao hơn N.Khai thôi, còn kỳ dư các môn khác... thua hết!

Thầy Trần văn Ất, lớn tuổi, rất hiền từ, dạy chậm rãi, rất hay, nhưng khó vô cùng! Trong lớp im phăng phắc, con ruồi bay cũng nghe! Thầy Ất dạy rất nhiều bài tập Toán, cho bài rất hay, và thường bảo cứ học và nhớ các bài thầy dạy là đủ, không cần học thêm nơi khác! Thầy Đồng sĩ Khiêm, giảng viên ĐH Khoa học Sài Gòn dạy Lý Hóa. Thầy dạy không hay, khó hiểu, nhưng không hiểu sao, cả hai kỳ thi học kỳ, tôi đều đứng nhất?! Thầy Nguyễn ngọc Quang (bạn học trò chúng tôi gọi lén ông là thầy “Quang lé”) dạy Pháp văn, chậm rãi và rất hay. N. Khai là học trò cưng của thầy! Đa số các môn, cô đều đứng nhất! Cha Long ở Chung việc Chân Phúc Liêm, dạy Triết học rất hay, nhưng mà tôi chỉ hiểu... mơ mơ màng màng thôi! Thầy Phan vẫn dạy Sử Địa rất hay. Tôi làm bài Triết trong lớp rất kém, nên sợ lắm, mua thêm sách của Trần bích Lan về học thêm! Tôi lại đem các bài toán trong sách Pháp của anh tôi gửi giải hết.

Cuối năm học, với một chút hồi hộp, một chút tự tin, tôi lên Sài Gòn thi Tú Tài II ở trường Petrus Ký, với kết quả Bình thứ!

Về lại Mỹ Tho, báo tin vui cho thầy cô tôi, tôi từ giã nơi đây với bao lưu luyến trong lòng! Lúc này, chị Hai Mai đã có anh GS Lê Hàng Quảng Lan, dạy ở Petrus Ký coi mắt, và chị Ba Minh Hồng đã lập gia đình với một anh kỹ sư ở Pháp về. Anh Năm Bá đã đi du học Canada, anh Tư Diệp đã học về Công Chánh –

Hàng Hải ở Sài Gòn. Em Sáu Lãng đã vào TH NĐC, với phong cách bay bướm, và ngón đàn Tây ban Cầm lá lướt! Em Bảy Đình đường như mới bước vào lớp Đệ Thất (?). Em bé Tám Võ bạch Lan, vẫn còn nhỏ, và anh ba Võ ngọc Trước, đã tốt nghiệp kỹ sư ở Pháp sắp về nước. (Sau này, anh làm giám Đốc nhà máy đường Hiệp Hòa.)

Tôi đem theo hình ảnh của thầy tôi, cách sống, cách học tập và làm việc đó với hành trang đi vào đời, và ảnh hưởng đến cách dạy dỗ con cái tôi thành công sau này!

(Phản Lan, tháng 1 năm 2006)



Dãy lớp học mới Trường LNH (phòng y tế)

HÈ XƯA

Lê Mỹ Nam

*Ta ngồi đây trưa hè nghe chim hót
Đôi sáo nào tình tự ở trong cây
Buổi trưa hè trời cao và nắng gắt
Cánh diều bay no gió ở trong mây
Ta nhớ xưa tuổi mười lăm, mười bảy
“Làm học trò nhưng không sách cầm tay
Có tâm sự đem nói cùng cây cỏ” (1)
Tuổi chim bướm và ép hoa vào vở
Chép thơ tình hay nghĩ chuyện vu vơ
Trong giấc ngủ mang theo nhiều mộng mị
Chuyện tình đầu ta ôm lắm ước mơ
Khi lớn lên thấy đời toàn mộng ảo
Dối gian nào giết chết tuổi thơ ta
Hôm nay đây ta thăm mơ tuổi nhỏ
Đẹp làm sao là tuổi của học trò
Vui cùng thầy cùng bạn với vần thơ
Lòng trong sạch như từng trang giấy mới*

CA Hè 98

(1) Thơ Huy Cận



TẢN MẠN VỀ MỘT LẦN HẠNH NGỘ

Huỳnh Hồng Cẩm

(Cựu học sinh NĐC 1951-1956,
cựu Giáo sư Võ Trường Toản)

Cẩm tôi bình an về đến Sài Gòn đã mấy tuần nay. Viết thư hoặc e-mails đến đầu nọ, đầu kia đã xong, nay mới ngồi lại viết một vài cảm nghĩ gởi đến các Anh, Chị.

Vì sao có sự muộn màng đó? Vì tôi cảm thấy trước rằng đây là một bài dài hơi, và hẳn sẽ đòi hỏi nhiều năng lượng! Hoặc là vì đối với các Anh, Chị tôi có nhiều cảm xúc lắm, ngại trong khi viết thì cảm xúc sống động ngổn ngang! Hoặc cũng có thể là vì có những nguyên nhân tiềm ẩn? Những nguyên nhân tiềm ẩn đó hiện chưa biết được, nhưng tôi biết là có! Tôi tin nơi lời nói của một triết gia, H. Bergson thì phải, nói rằng cái được ý thức giống như phần nổi của một tảng băng; phần kia chìm sâu trong vô thức – cần phải có cách để khơi nó ra!

Thực sự thì tôi rất xúc động vì thịnh tình các Anh, Chị dành cho tôi. Tôi không nghĩ mình có nhiều phúc đức để được như vậy!

Nay viết bài này, trước là để bày tỏ chút tâm tình cùng các Anh Chị. Ấy cũng vì yếu tính của tình cảm là muốn được tỏ bày. Người xưa có câu: “Tình thâm nhi văn minh” – tình cảm sâu đậm tự nó tỏ bày ra. Ngoài ra cũng là viết để khơi lên cái mà tôi biết rằng còn chìm sâu trong vô thức.

* * *

Nhớ lại buổi trưa hôm ấy, ngay ngày hôm sau khi tôi đặt chân lên nước Mỹ. Một học trò tôi, Trần Bình Chánh chở tôi đi loanh quanh rồi tới trước một villa. Rồi, ơ kìa, chẳng phải là anh Tráng kia sao? Anh ra đón tôi trước nhà! Rồi em Chánh “bàn giao” tôi cho anh Tráng. Mời vào nhà. Bạn bè tề tựu sẵn ở đó! Bàn tiệc cũng đã được sẵn bày ra đó! Đúng rồi! A nice surprise! Ai nấy hỏi Cẩm tôi tới tấp:

-Ai đây?

-Còn ai đây?

Do có được tặng hình từ trước, tôi nhận ra ngay anh Tư và chị Hồng Châu, anh Tráng và chị Thanh Thủy. Còn mấy anh bạn kia, tôi cần phải được gợi nhớ! Các anh Nguyễn Sanh Biên, Kiều Văn Chương và Bùi Phong Quang ngày xưa cùng học và cùng ở nội trú tại Viện Đại Học Đà Lạt! Nói chung thì vui thật là vui! Và thân thật là thân! Rất tiếc là hôm ấy, vì mới vừa ăn sáng xong, tôi không thể tham gia buổi tiệc cho “hết lòng” được!

Cám ơn chị Thanh Thủy đã cho đề mang về mấy cuốn chả giò và mấy cái bánh bao ngọt... Nói thật nhé, mấy cái bánh đây, không tiện mời ai, tôi ăn mãi đến sáng hôm sau mới hết! Bánh bao ngọt ở Mỹ ngon hơn hẳn thứ bánh đó ở VN!

Sau tiệc, một số anh chị hướng dẫn tôi đi tham quan vài chỗ đáng xem ở đại phương – các chị Hồng Châu và Thanh Thủy, các anh Tư và Bùi Phong Quang.

Chúng tôi đến một cái mall, dường như là “At Macy’s” thì phải! Trên đường vào mall, chị Hồng Châu hỏi, mà tôi hiểu như tình cờ mà hỏi:

-Anh Cẩm sang đây mà chị có dặn mua gì không?

Cẩm tôi vô tình nói ngay:

-Nhà tôi muốn mua một máy chụp hình digital, Chị ạ! Để rồi nhờ các Anh, Chị tư vấn giùm.

-Ồ, việc này để hỏi lại phía các anh.

Nói vậy thôi, tôi vốn để dành việc shopping, riêng tư, mãi đến khi xong việc công, tức là việc tham dự Đại Hội do cựu học sinh tổ chức.

Trên đây là *hiệp một* trong tiệc Cẩm tôi được các Anh Chị ưu ái đón tiếp tại Nam Cali.

* * *

Hiệp hai diễn ra vào một buổi trưa, cũng tại nhà chị Thanh Thủy – được biết là tại nhà anh Tư và chị Hồng Châu đang bề bộn chuẩn bị dời nhà. Lần này thì chỉ có mặt hai chị Hồng Châu và Thanh Thủy. Sau mấy câu chào hỏi xã giao, chị Thanh Thủy bảo chị Hồng Châu đứng ra đại diện nói năng:

-Anh Cẩm à! Anh sang đây tụi này muốn tặng anh một món quà mà khi sử dụng anh mãi nhớ về tụi này. Anh hãy mở quà đi!

Ôi! Một máy ảnh digital chính hiệu Canon! Thôi rồi, bởi vì tôi đã “thiếu cảnh giác”! Than:

-Trời ơi, món quà của mấy chị khiến tôi cảm thấy nặng lòng quá!

Chị Thanh Thủy lái chữ “nặng” sang một hướng khác:

-Nhẹ hều hà, anh Cẩm ơi! Cái máy đó chia cho 5 người thì nhẹ hều hà!

Năm người? Chị Hồng Châu viết rõ trên một tấm thiệp:

“Thân kính tặng anh Cẩm chút quà nhỏ của những người bạn cũ: Sen Trương, Châu Tư, Thủy Tráng. California, May 22/2006”

“Bạn cũ”? Chắc là Chị nói theo tiếng Anh. Trong tiếng Việt thì chữ “cũ” có một âm hưởng “cũ kỹ” lắm! Do đó tôi thích một chữ khác, chẳng hạn: bạn “cố cựu chi giao”! Chữ này thì lại hơi dài, phải không?

Hiệp hai không chỉ có thể! Khi ấy chị Thanh Thủy còn khoe với tôi tủ poupées của Chị. Một tủ to, đầy những poupées! Trong tâm hồn chị họa sĩ này vẫn có đủ chất trẻ trung để vui với poupées! Chị nói:

-Anh Cẩm chọn một con cho cháu nội đi! Tôi tặng cho cháu đó!

Tôi từ tạ. Mà rồi chị cố nài, cho cháu tôi những hai con poupées!

Chị lại cho biết:

-Tủ poupées đó của tôi, bạn bè đến chơi, thích thì cứ lấy!

Chị còn khoe với tôi tủ sách, Tủ sách của chị có nhiều sách lạ, không có ở VN. Rồi tôi lại nghe chị nói:

-Anh Cẩm chọn mấy cuốn đi! Chọn những cuốn nào anh thích! Tôi xin biếu anh!

Chưa hết! Chị còn đem ra xấp hình chụp những tác phẩm của chị.

-Anh Cẩm chọn tấm nào anh thích. Tôi xin biếu anh!

Chị Thanh Thủy là như vậy đó!

Sau đó anh Tư đến chở cả đoàn đi ăn nhẹ. Rồi tôi từ giả mấy anh chị hôm sau đi Virginia để tham dự phần chính của Đại Hội VTT Trùng Phùng Thế Giới được tổ chức bên đó.

* * *

Sau đó còn có *hiệp ba!*

Ấy là sau khi tôi từ Virginia trở về Nam Cali, chuẩn bị lên Bắc Cali để tham dự phần cuối của Đại Hội được tổ chức ở San José. Các anh chị đưa xe đến chỗ trọ của tôi mời đi ăn sáng. Đến gặp mấy anh chị tôi mang theo món quà tặng mang từ VN sang và kèm theo đó là một tin không mấy vui. Quà tặng là hai bức tranh thư pháp.

Bức tranh tặng hai anh chị Tráng và Thanh Thủy mang dòng chữ vốn thường quen trong giới Phật tử:

THÂN TÂM THUỜNG AN LẠC.

Nó có ý nghĩa như một lời chúc lành tôi gửi lại hai anh chị.

Bức tranh tặng hai anh chị Tư và Hồng Châu mang dòng chữ:

THERE'S NO WAY TO HAPPINESS, HAPPINESS IS THE WAY!

Ý tứ có vẻ mới, phải không? Tôi muốn mượn nó để chúc hai anh chị có hạnh phúc ngay trong hiện tiền.

Cái tin không mấy vui là: tôi sẽ phải trở về VN ngay sau khi phần tổ chức Đại Hội tại San José kết thúc. Có nghĩ rằng tôi không thể ở nán lại Mỹ thêm mấy tuần lễ để giao lưu với thân nhân và bạn bè như đã dự kiến trước đó! Lý do là do huyết áp không ổn định. Chủ yếu là vì người sponsor yếu bóng vía!

Buổi sáng hôm đó chúng tôi đi ăn phở. Sau đó thì đi uống cà phê via hè, hàn huyên tâm sự. Anh Tráng gợi ý cho tôi về cách tiếp cận một xứ sở mới. Chị Hồng Châu biếu tôi thêm một album, để giữ những tấm ảnh chụp được trong chuyến đi Mỹ. Tôi cũng nhớ một câu chị nói:

-Thuở ấy học chung mà bên con trai và con gái không nói với nhau một lời nào. Ngay cả không dám nhìn mặt nhau! Vậy mà sau khi liên lạc lại với nhau không lâu mà sao tôi cảm thấy như thể mình thân nhau từ thuở ấy!

Tôi hiểu sâu câu nói của chị. Vì chính tôi đã có cùng ý nghĩ đó như chị. Tôi tỏ ý đồng tình, nhưng không phẩm bình gì thêm. Bởi vì khi ấy tôi lo ra! Tâm trí tôi trong phút chốc trở về những

ngày xưa. Những hình ảnh phai mờ theo thời gian trong phút giây chợt sống dậy. Tôi cũng chợt liên tưởng đến suối nước khoáng nọ ở Salzbourg. Một hòn cuội, một cành cây thả xuống đó ít lâu sau được bao phủ những tinh thể muối khoáng, óng ánh, lung linh!

Rồi chúng tôi chào từ giã! Lúc bắt tay hai chị, tự nhiên tôi buột miệng nói:

-C'est pour la vie!

Người Pháp có kiểu nói đó không? Thực tình tôi không biết! Nhưng ý tôi muốn nói rằng đây là lần đối mặt mà từ giã sau cùng!

Ngày hôm sau thầy trò chúng tôi ngồi xe hơi đi San José. Trần Bình Chánh lái xe, có tâm hồn thật đẹp! Em chọn con đường ven biển Thái Bình, xa hơn đường giữa nhiều, bảo là để quý thầy ngắm cảnh!

Biển ở phía trái. Tại một chỗ dừng xe chúng tôi ngắm biển và sóng, và ánh mặt trời chiếu xuyên qua những đám mây. Nhiều ánh màu, vừa tiếp giáp nhau, vừa chập lên nhau. Đẹp diệu kỳ! Và tôi cảm thấy cay cay trong mắt! Núi ở bên phải. Nhiều đoạn có hoa dại, rung động dạt dào trong gió. Có lần thi sĩ R. Tagore thấy hoa là sứ giả của Chúa. Ở đây tôi có cảm nhận hơi khác: Hoa chính là Chúa hiện thân! Chúa thật xinh đẹp, thật mỹ miều! Chúa thật dịu dàng, thật từ ái! Ôi Chúa của tôi!

Đến đại hạt San José, nhìn đồng hồ thì thấy là 8:30pm. Vậy mà mặt trời vẫn chưa gác núi, nắng chói chang! Thì ra mùa hè Bắc Cali là vậy!

Đó là ngày Chúa Nhật 04, tháng 06, 2006. Ngày 06.06.2006, lúc xế chiều, tôi nhờ một cựu học sinh VTT chở đến thăm chị Sen Truong. Buổi sáng thì hai thầy trò dành ít thời gian tham quan tu viện Kim Sơn nổi tiếng.

Khu nhà ở 6th Ave của chị Sen Truong là một khu “housing” khá mới, kiểu dáng và màu sắc đều thanh lịch. Nghe điện thoại chúng tôi gọi, từ tầng 1, chị xuống đón tận ngoài đường. Phải đón như vậy thì bọn này mới vào được, bởi vì nhà của chị thuộc loại “kín cổng cao tường”!

Từ hôm ấy tới nay tôi chưa có dịp “phát biểu cảm tưởng” về trang trí trong nhà chị Sen Truong. Chắc có lẽ chị cũng muốn nghe tôi nói về điều ấy, phải không, Chị? Trang trí trong nhà chị Sen Truong, cũng như nhà chị Thanh Thủy thì tràn ngập hoa lan, và hoa lan! Rồi thì tranh và tranh! Tranh của họa sĩ Chung Thanh Thủy, và một ít của bạn bè. Nhà chị Sen Truong thì như hướng cái tâm người ta về một thời xưa lưu luyến. Trên bàn thờ, trong phòng khách, trong phòng ăn, đặt trên bàn, treo trên vách, có rất nhiều hình chụp từ những ngày xa xưa. Hình của quý Bà Cố, Bà Nội, song thân của chị. Rồi thì là hình của chị những ngày đi tu nghiệp ở Hoa Kỳ đầu thập niên 70, hình chụp ngày chị tốt nghiệp tại một Đại Học Hoa Kỳ giữa thập niên 80, thế kỷ trước!

Sau vài ba câu chuyện hàn huyên, chị ngỏ ý mời tôi dùng cơm chiều. vốn hơi mệt, tôi đề nghị chị cho ăn cháo.

Vào bàn ăn, chị cho biết là đã có gọi điện cho chị Đinh Thị Loan, mời chị này đến chơi, nhưng mà không contact được! Món cháo cá thì rất ngon! Hỏi chị:

-Cá gì mà ngon vậy, Chị?

-Catfish! Anh biết rồi chứ gì?

-Chỉ mới nghe nói thôi! Đây là lần đầu tiên tôi được thưởng thức món cháo catfish!

Trước đó, trong khi chị đang bận rộn trong nhà bếp, tôi ra tham quan phòng khách của gia chủ, thì lễ trước bàn thờ Phật và bàn thờ gia tiên. Chợt thấy trong phòng có một ghế xích đu xinh xinh, tôi nói với chị:

-Chị cho tôi cái ghế này đem về VN, nhen!

-Được thôi, nếu anh có can đảm nhận!

Giây lâu, thấy trong phòng này có một máy tập thể dục đa năng, tôi lại hỏi:

-Chị cho tôi cái máy này luôn nhen?

-Ồ! Thì cứ chờ hết nhà tôi đi!

Cách nói của chị Sen Truong là như vậy đó!

Đáp lại, tôi gợi tặng chị một món quà, quyển *Đạo Học Đông Phương Giản Yếu*, kèm theo lời giới thiệu và dặn dò:

-Đây là mang từ VN sang đó! Tâm huyết của tôi đó! Chị đừng bỏ bê đó!

-Anh làm thơ vắn “ó” đó hả?

Rồi tôi cảm ơn chị về sự tiếp đãi thân tình, chào tạm biệt, hứa sẽ trở lại từ già chị trước khi trở về VN.

Tôi đã trở lại, cũng vào một buổi xế chiều. Thật xúc động biết bao, khi chị bày ra trước mắt tôi bao nhiêu thứ: những tấm nấp bàn cá nhân, những bọc bút chì, bút bi, dầu xanh con ó, dầu trắng hai con sư tử, v.v...

-Anh chịu khó mang về làm quà cho bè bạn bên đó!

Còn nữa, giống như chị Thanh Thủy, chị Sen Truong cũng quan tâm đến đứa cháu nội gái của tôi. Chị gọi về cho cháu một bộ đầm, và một máy tính bỏ túi. Tôi lại xúc động xiết bao!

Tiện đây, tôi cũng muốn được “báo cáo” với chị về “hậu kỳ” của những món quà đó. Về đến Sài Gòn, nghỉ ngơi vài hôm, sau đó tôi mua thêm một ít dầu xanh con ó, xà bông thơm Mỹ, phân ra được chục gói quà nhỏ. Rồi “ông già Noel” mang một túi quà to đi phân phát đến tận từng nhà. Niềm vui được khơi lên, lan rộng. Chị có nghĩ rằng đó là cái mà nhà Phật gọi là “công đức” không? Và chị có biết trong đạo Phật có một hành vi gọi là “hồi hướng công đức” không? Phải, bao nhiêu “công đức” lập được hôm ấy tôi xin “hồi hướng” về chị, về hảo tâm, hảo ý của chị!

* * *

Chị Sen Truong sau đó lái xe đưa tôi đến nhà một học trò cũ, em ấy sẽ đưa tôi ra sân bay. Tôi bắt tay từ già chị. Rồi thì vẫy tay tạm biệt từ xa!

Máy bay cất cánh giữa đêm hôm khuya khoắt, lúc 1:30 sáng, từ sân bay San Francisco.

Thế là tôi rời đất Mỹ sau ngót một tháng đến đây!

Thế là tôi rời California!

Thế là tôi rời San José!

Tạm biệt những thân tình từ nay lắng đọng lại thành kỷ niệm! Tâm trí sao như bần thần, như băng khuâng!

Mười hai tiếng ngồi chịu trận trên chuyến bay từ San Francisco về Taipei! Hai tiếng đợi chuyển chuyến bay tại sân bay Taipei! Và ngọt sáu tiếng ngồi trên chuyến bay về Sài Gòn!

Về Sài Gòn, tôi sẽ trở lại với cái “everyday life”? Nghĩa là sẽ sống kiểu sống “mỗi ngày như mọi ngày”? Tôi không muốn thế! Và tôi cũng thấy rõ là không phải như vậy! Tôi đã có tiên kiến về tầm quan trọng của chuyến đi đó ngay từ trước khi lên đường, trong bài viết cho Đặc San VTT năm 2006 – *Tán Mạn về Một Chuyến Đi*. Tôi đã thấy đó là *một sự kiện lớn* trong trọn cả một đời người, bên cạnh 5 hoặc 6 sự kiện quan trọng khác. Quan trọng đến thế đó!

Quan trọng như thế nào? Tôi muốn nói: ấy là một chữ tình! Tình thầy trò, đặc biệt là tình thân hữu. Những thứ tình đó được biểu hiện đến một cung bậc tuyệt vời, khi tiềm tàng trong đó hòa quyện tác lòng “cổ quốc tha hương”! Mà cũng có thể đó là thứ thân tình lịch sử mấy mươi năm lắng đọng!

Tôi đã chứng kiến những biểu hiện tuyệt vời! Cảnh thật tuyệt vời! Người thật tuyệt vời! Khi ấy, tôi trực nhận đó là hiện thân của Chúa!

Tâm hồn tôi bị chạm mạnh vì những biểu hiện tuyệt vời đó. Tôi mở rộng lòng ra để tiếp nhận những chấn động đó. Tôi chăm chỉ theo dõi những chấn động đó lan rộng và ngấm sâu vào tâm hồn. Tôi biết rằng tôi đã trải qua một chuỗi những thiện duyên để lớn lên. Thêm một lần lớn lên. Thêm một lần được hoàn thiện.

Tôi chợt nhớ lại tên một cuốn phim xem từ ngọt năm mươi năm về trước: *The Grass Is Greener*. Ở trường hợp tôi thì sẽ không phải là cỏ chỉ có một lần xanh hơn. Nếu có một người làm vườn tốt thì cỏ sẽ xanh hơn mãi mãi. Tôi ước mong sẽ là một người làm vườn tốt!

Xin cảm tạ ơn Trời!

Xin cảm tạ ơn người!

Một cách đặc biệt, xin cảm tạ Chị Hồng Châu và Anh Tư, Chị Thanh Thủy và Anh Tráng, Chị Sen Truong.

Sài Gòn, ngày 06.07.06

hhc

THẦY CŨ TRƯỜNG XƯA

Hồng Lan

Hằng ngày hai chuyến sang sông
Qua đò An Hóa trông mong đến trường
Tiểu học đồng ấu mến thương
Thầy Hơn lớp một thầy thường đem roi
Trò nào không có giẻ bôi
Phấn viết bảng đá lồi thôi ra ngoài
Lớp hai thầy Đồi nhớ hoài
Hiền như ông Bụt giảng bài thật êm
Lớp ba khu mới cất thêm
Mái lá, nền đất cần thềm đá ong
Cô Lệ giờ dạy thủ công
Bút có mũ dán đèn lồng Trung Thu
Thỉnh thoảng lượm trái mù u
Học làm toán đố đếm xu thay tiền
Địa lý học qua ba miền
Hình cong chữ S nối liền Việt Nam
Sử ký tìm hiểu xứ Chàm
Huyền Trân công chúa gả làm vợ vua
Nặc Ông xây cất đền chùa
Phan Rang, Phan Rí giặc thua kinh hoàng
Bình Chiêm khai phá mở mang
Miền Nam đất tốt rờ ràng dân ta
Kể đến hai dãy ngó ra
Sân trường rộng rãi nhảy nhà, nhảy dây
Dãy phải chỉ có một thầy
Thầy Nhân khó tánh hay rầy phạt luôn
Cô Tâm ít nói mặt vuông
Miệng cười chẳng hờ mắt buồn nghiêm trang
Dọc theo lớp học hành lang
Cô Sen cuối dãy đăng hoàng vui tươi
Bên trái lớp trai hay lười
Quét lớp đổ giấy gà bươi xuống hào

Thầy Minh, thầy Quán bắt cào
 Thầy Phước hưu trí tuổi cao lục tuần
 Mỗi năm vào tiết mùa xuân
 Cảnh trường tiểu học chòm quân chín nhiều
 Lối vào có mấy cây điều
 Phu trường bác Hiến chất chiu từng ngày
 Dãy trước cổng chính cửa gài
 Văn phòng hiệu trưởng nhìn ngay cột cờ
 Phong tô nền đúc ban sơ
 Hai bên hai lớp tới giờ ra chơi
 Lớp nhứt thường khi phải đợi
 Thầy Biên cho phép mới rời xả hơi
 Hiệu trưởng ông Triệu qua đời
 Cô Quới, cô dạy quá thời dở dang
 Số cô phạm bạc hồng nhan
 Bẩm sinh bệnh tật bề bàng tơ duyên
 Trải qua binh biến triển miên
 Xa quê, xa nước, xa thuyền cổ hương
 Nỗi niềm lây lất vấn vương
 Thầy cô lưu lạc bước đường loạn ly
 Bên này thương nhớ nhiều khi
 Thầy cô bạn thiết ra đi phương nào
 Mái trường kỷ niệm xiết bao
 Như hình với bóng lòng đau tìm về
 Con đồ bến đậu lê thê
 Trường xưa thầy cũ không hề phôi phai...



NGUỒN GỐC CHỮ NÔM (*)

Trần Văn Giáp biên soạn

Lê Văn Đặng thực hiện văn bản

1. Đại cương

Hai thiên *Kinh tịch chí Việt Nam* đầu tiên hiện còn, đã thống kê và nghiên cứu được một số sách quan trọng của Việt Nam từ đời Lý, Trần (thế kỷ X – XII) đến cuối đời Lê (thế kỷ XVIII). Tổng số được 427 (213 + 214) bộ sách¹. Trong số các sách ấy, ngoài sách chữ Hán, có một số sách bằng chữ Nôm, và một số lẫn chữ Hán và chữ Nôm.

Theo các tác giả về thế kỷ XVIII, thì chữ Nôm tuy thấy có từ thế kỷ thứ XII, nhưng mãi đến đầu thế kỷ XIV, mới thấy thơ văn Nôm phát triển rộng rãi. Trong sách *Hải Đông chí lược* 海東志略 (A.103, tờ 38)², Ngô Thời Nhiệm³ nói: “Ngã quốc văn tự đa dụng quốc ngữ, tự Thuyền thủy 我國文字多用國語自詮始 (Văn tự nước ta dùng nhiều tiếng đất nước bắt đầu từ [Nguyễn] Thuyền [hay Hàn Thuyên đời Trần, thế kỷ XII – XIII]).

Việc sáng tạo ra chữ Nôm dựa theo chữ Hán, các nhà bác học Tây phương đều cho là có thể có từ thời Nguyễn Thuyền, thời kỳ mà thơ văn tiếng Việt phát triển, với dẫn chứng bằng một số chữ Nôm tìm thấy ở các bài văn khắc trên bia đá, từ năm 1343⁴. Khoảng năm 1930, Nguyễn Văn Tố, trong bài phê bình sách *Việt Hán văn khảo* của Phan Kế Bính đã đưa việc xuất hiện chữ Nôm lên thế kỷ thứ VIII với dẫn chứng cụ thể theo lịch sử và truyền thuyết. Ông Tố nói: “Những bằng chứng này xác nhận sự tồn tại các chữ Nôm “bố cái” 布盖, nghĩa là cha mẹ, có từ cuối thế kỷ thứ VIII, trong danh tự “Bố Cái Đại vương” 布盖大王 mà nhân dân thời đó dùng để tôn sùng Phùng Hưng⁵. Phùng Hưng 馮興, người Sơn Tây (Hà Tây ngày nay), năm 791 đã đánh đuổi Cao

Chính Bình, lấy lại An Nam đô hộ phủ trong tay phong kiến đời Đường, tự xưng làm vua đã chiếm giữ và làm chủ được từ tháng 4 đến tháng 7 năm Tân Mùi (791). Sách *Quang Mục* (tiền biên, 93, tờ 26) chưa rõ: “Cổ tục hiệu phu viết bố, mẫu viết cái 古俗號父曰布母曰盖 (nếp xưa gọi “cha” là “bố”, mẹ là “cái”). Hai chữ bố và cái trong chữ Hán, không có nghĩa là cha mẹ)⁶. Vấn đề này khá phức tạp, sẽ xin nghiên cứu sau đây. Dù sao, hồi xưa chữ Nôm vẫn không được coi trọng như chữ Hán. Chữ Nôm xưa kia chỉ dùng trong việc làm thơ, ca, vè, truyện, v.v... không dùng trong các giấy tờ, các công văn, v.v...⁷ Dưới chế độ phong kiến, việc dùng chữ Nôm không hề được khuyến khích mà trái lại chữ Nôm còn bị ngăn trở phát triển.

2. Chữ Nôm có từ bao giờ ?

Hồi cuối thế kỷ thứ XVII, năm Cảnh Trị thứ nhất (1663), triều đình sai làm 47 điều giáo hóa tuyên truyền và nghiêm cấm dân gian không được sử dụng chữ Nôm. Rồi, lệnh cấm gián tiếp ấy không có công hiệu lắm, vì bằng chữ Hán, cho nên đến năm Cảnh Hưng thứ 21 (1760), chính 47 điều giáo hóa ấy lại phải dịch ra văn Nôm. Đó thật là một mâu thuẫn: Việc này được phản ánh rõ ràng trong lời giới thiệu sách *Nam Thiên ngữ lục*, như sau:⁸ “Với sách *Nam Thiên ngữ lục*, ta chứng kiến sự trưởng thành của thể thơ lục bát. Thể thơ yêu vận này đã được hình thành trong ca dao và chắc rằng vào khoảng thế kỷ thứ XVII đã được dùng để sáng tác các truyện Nôm. Đời Trịnh Tạc (1657-1682), nhà Chúa có làm ra 47 điều giáo hóa để chỉnh đốn trật tự phong kiến bị suy vong sau hàng trăm năm loạn lạc. 47 điều giáo hóa này làm năm Cảnh Trị nguyên niên (1663), mùa thu tháng bảy, viết bằng chữ Hán, đến năm Cảnh Hưng 21 (1760) đem ra lục tổng cho dân gian do Lại bộ Tuyên khảo ti lang trung Nhữ Đình Toàn diễn ra quốc âm. Trong bản diễn Nôm của Nhữ Đình Toàn, có đoạn:

*Ngũ kinh chư sử xưa nay
Với chư, từ tập cùng rày văn chương
Dạy bèn có ích đạo thường
Mới nên san bản bốn phương thông hành.
Kỳ như thích đạo phi kinh
Lời tà mới lạ tập tành truyện ngoa.
Cùng là truyện cũ nô nôm na,
Hết thơ tập ấy lại ca khúc này.
Tiếng dâm dễ khiến người say,
Chớ cho in bán hại nay thói thuận.*

Như vậy thì chắc là đồng thời với *Thiên Nam ngữ lục* và trước nó đã xuất hiện các truyện Nôm mà ngày nay một số khá lớn đã thất lạc vì sự bách hại của Chúa Trịnh.

Bản thân Trịnh Cương là người thích làm thơ Nôm. Trái lại, chính ngay Trịnh Cương (1709-1729) theo sách *Lịch Triều tạp kỷ* của Lê Cao Lãng⁹, lại hạ lệnh cấm lưu hành sách Nôm. Khoảng niên hiệu Vĩnh Thịnh (1705-1719), Trịnh Cương hạ lệnh nghiêm cấm khắc in và phổ biến các sách vở bằng quốc âm. Nhà nào tàng trữ các loại sách Nôm, phải cho nhà chức trách đến tịch thu và tiêu hủy đi. Về điều Trịnh Cương thích thơ Nôm đã được nêu rõ trong lời chua về bài khảo của Cao Huy Trạc dâng sách *Việt Âm thi tập* như sau: "...Lúc đó, Cao Huy Trạc vâng mạng Dụ Tổ Thuận Vương (tức Trịnh Giang là con của Trịnh Cương) thu chép các thơ của Hi Tổ Nhân Vương (Trịnh Cương) làm thành sách. Sách làm xong, Cao Huy Trạc viết tờ khảo tiến trình..." Tôi là Cao Huy Trạc đã vâng chỉ biên soạn các thơ của tiên thánh vương, xin xếp theo từng loại, chữ Nôm và chữ Hán chia làm hai quyển".

Nguyên văn: “... 時奉裕祖順王命。編集禧祖仁王詩集。書成。具啓進呈... 臣高輝濯等... 奉旨奉編纂先聖王御製詩集。謹從南北二音厘爲二卷。...”

Phiên âm: ... Thời phụng Dụ Tổ Thuận Vương mệnh, biên tập *Hi Tổ Nhân Vương thi tập*. Thư thành, cụ khải tiến trình... “Thần Cao Huy Trạc dâng... phụng chỉ phụng biên toàn tiên thánh vương ngự chế thi tập, cần tông Nam, Bắc nhị âm, li vi nhị quyển...”.

Xem đây, ta thấy rõ chúa Trịnh Cương có hai quyển thơ, do Cao Huy Trạc biên soạn, một quyển là *Việt Âm thi tập* bằng chữ Nôm (ký hiệu: AB.7), hiện nay mới bị mất, chỉ thấy còn ghi tên sách trong mục lục sách của Thư Viện Khoa Học xã hội; còn một tập nữa là thơ chữ Hán chưa tìm thấy.

(*) Nguồn: *Lược Khảo Vấn Đề Chữ Nôm (từ khởi thủy đến thế kỷ XIX)* – Trần Văn Giáp biên soạn, Lê Văn Đăng thực hiện văn bản (tr. 1-4)



TẢN MẠN VỀ ĐỒNG CỔ TRIỀU ĐẠI NHÀ ÂN, CHU VÀ VĂN HÓA ĐÔNG SƠN

Hồ Hữu Hiệp, AIA

Nhìn vào một cổ vật đồng đời Ân, ta chỉ muốn soi mói tìm tòi từng góc cạnh, để rồi sau cùng hỏi nhỏ một câu, “Ê, anh đã thấy Thánh Gióng của chúng tôi không? hãy kể cho chúng tôi nghe đi...”

Tục truyền rằng vào đời vua Hùng Vương thứ 6 có đám giặc gọi là giặc Ân rất là hung dữ. Những tên giặc này đi tới đâu lại gây đau thương tang tóc cho dân lành tới đó. Nhà Vua mới cho sứ giả đi rao truyền khắp nơi để tìm người tài giỏi ra đánh giặc giúp nước. Bấy giờ ở làng Phù Đổng, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam, có đứa trẻ xin đi đánh giặc giúp vua. Sau khi được sứ giả về tâu, vua lấy làm lạ nên đòi cậu bé vào chầu. Đứa trẻ ấy xin đúc cho một con ngựa và cái roi bằng sắt. Khi ngựa và roi được đúc xong thì đứa trẻ ấy vươn vai một cái, tự nhiên con người trở nên cao lớn lên một trượng, rồi phóng lên ngựa cầm roi đánh giặc. Phá được giặc Ân rồi, người ấy đi đến núi Sóc Sơn thì biến mất. Sau đó vua nhớ ơn, truyền lập đền thờ ở làng Phù Đổng, về sau được phong là Phù Đổng Thiên Vương, hoặc còn gọi là Thánh Gióng..

Câu chuyện trên được truyền miệng qua nhiều ngàn năm nay và đã có vô số những khảo cứu về đề tài này qua những góc nhìn khác nhau, từ khía cạnh lịch sử, văn hóa cho đến đời sống nhân gian cũng như phong tục tập quán của dân Bách Việt, tổ tiên chúng ta thời bấy giờ. Trong phạm vi hạn hẹp của bài này, người viết muốn nhìn về chiều sâu của một vài chi tiết nhỏ trong câu chuyện mà hình như ít thấy những người đi trước đề cập tới: Những tên giặc Ân (có sách gọi là Thương) này là ai? Vai trò của họ trong lịch sử của Trung Quốc thời bấy giờ ra sao? Văn hóa của họ như thế nào? Gia tài nghệ thuật của đám giặc này có gì đáng kể không hay chỉ giỏi về việc dùng sức mạnh của mình để cướp đất của những bộ tộc hiền hòa hơn? Ngoài ra, qua câu chuyện trên, ta có thể hình dung được nỗi ưu tư của dân Việt

chúng ta thời bấy giờ là sự mơ ước có một cái gì rất thiêng liêng, cao cả, dũng mãnh để che chở, bao bọc người dân và niềm mong mỏi được xử dụng ngành luyện kim sở trường của mình có từ văn hóa đồ đồng để chế biến loại vũ khí tối tân như roi và ngựa bằng kim loại biết chuyển động thần kỳ hầu đánh đuổi quân ngoại xâm ra khỏi bờ cõi rồi sau đó lại bay về một cõi không gian vô tận. Thử tản mạn về đồ đồng của Trung Hoa, điển hình nhất là đồ đồng qua những triều đại Ân, Chu và sự liên hệ phần nào với dân tộc Việt thuần túy của tổ tiên chúng ta thời bấy giờ qua khía cạnh nghệ thuật của đồ đồng Đông Sơn hẳn sẽ đem lại nhiều lý thú bên tách trà nóng hồi với những người bạn tâm giao.

Theo truyền thuyết bên Trung Hoa, nhà Hạ do vua Vũ sáng nghiệp (2205 TCN) truyền được khoảng 400 năm. Đến khi vua Kiệt lên ngôi, lạm dụng quyền uy bóc lột nhân dân, sưu dịch nặng nề, dân chúng chịu không thấu bèn nổi loạn, Bấy giờ vua Thang hiệu triệu các chư hầu để cùng nhau đánh đuổi vua Kiệt và lên ngôi để lập nên nhà Thương đóng đô ở đất Hào thuộc tỉnh Sơn Tây và Hà Nam bên Trung Hoa ngày nay. Sau đó, vua thứ 8 của nhà Thương là Bàn Canh thấy đế đô cũ hay bị thủy tai nên triệu tập hội nghị chủng tộc để bàn. Mặc dầu có sự phản đối mạnh mẽ của người dân, Bàn Canh vẫn dùng thủ đoạn để cưỡng bách dời đô và nhà Ân bắt đầu được thành hình từ đấy.

Thời Gian	Trung Hoa Cổ	Việt Cổ	Truyền Thuyết / Văn Hóa
1833 TCN	Nhà Ân (Thương)	Hồng Bàng	Thánh Gióng: Phù Đồng Thiên Vương (Đời Hùng Vương thứ 6)
1134-314 TCN	Nhà Chu	Hồng Bàng	Sơn Tinh Thủy Tinh (Đời Hùng Vương thứ 18)
307-246 TCN	Thời Chiến Quốc	Nhà Thục (249 TCN)	Giai đoạn cuối cùng của đời Hùng Vương thứ 18, khoảng 275 TCN.

221-209 TCN	Nhà Tần	An Dương Vương	• Trọng Thủy, Mỹ Châu; nữ thần và những mùi tên đồng. • Cổ Loa Thành được xây.
206TCN-196 SCN	Nhà Hán	Triệu Vũ Đế, Triệu Văn Vương, Triệu Minh Vương, Hán Thuộc. Trưng Vương (40-43 SCN)	• Trống đồng Đông Sơn.

Hình 1 - Bảng Thời Gian từ Nhà Ân đến Nhà Hán

(*) TCN: Trước Công Nguyên

SCN: Sau Công Nguyên

Xã hội của Trung Hoa qua triều đại Ân thời bấy giờ được kể lại qua những chữ viết cổ thô sơ còn tồn tại trên những mu rùa, xương chim cho thấy chế độ thị tộc có từ thời tiền sử đã đến giai đoạn suy vi để thay vào đó chế độ phụ quyền như cha truyền con nối. Tiểu gia tộc đã bắt đầu xuất hiện đồng thời với chế độ tài sản riêng tư và từ đó nô lệ được sử dụng như phương tiện để bồi đắp thêm vào sự sung mãn về vật chất của giới quý tộc. Ở đời Ân, mặc dù nghề săn bắn cũng còn được duy trì từ thời tiền sử, nhưng ngành này đã không được coi là phương pháp kiếm ăn chính yếu nữa, mà theo những ghi chép được khám phá sau này thì chỉ còn là thú tiêu khiển của giới thượng lưu. Trong thời gian này, nghề nông được phát triển rộng rãi với những dụng cụ cày cuốc khá tinh xảo để sản xuất bắp, lúa, mì.. ngoài ra cũng có những khám phá xác nhận sự hiện diện của ngành trồng dâu nuôi tằm.

Qua những truyền thuyết cũng như những bóc từ cho thấy dân tộc Ân vốn rất hiếu chiến và hay gây hấn với những bộ tộc chung quanh. Phạm vi xâm lấn của nhóm tộc hung hãn này bao

gồm nhiều bộ lạc khác nhau. Có truyền thuyết cho rằng Vua Thang chỉ là một tù trưởng của bộ lạc tộc Thương, tiêu diệt tộc Hạ để rồi tiến chiếm nhiều bộ lạc lân bang khác để kết hợp thành một nước chớ không phải lên ngôi vua qua lòng trời. Ở một thời gian vừa bước qua giai đoạn tiền sử, không có dấu sinh hoạt hiệu tôn giáo rõ rệt nào ngoài sự thờ phượng thần linh và hình tượng. Khi có những buổi lễ tế tự, những tù nhân bị bắt từ những bộ tộc khác thường bị giết để làm lễ tế thần.

Nhưng điều quan trọng nhất vào đời nhà Ân là khả năng của họ về công nghiệp và thủ công nghệ. Họ đã biết chế tạo những dụng cụ nông nghiệp bằng đá, bằng sành, và nhất là đóng góp không nhỏ cho sự phát triển của nền văn minh thế giới khi vừa từ giã những sinh hoạt thời đồ đá để sang qua giai đoạn thời đại kim khí mới. Gần đây, qua những chứng tích được đào xới trong địa bàn của nước Ân trước đây, những vật liệu bằng đồng được dùng trong các buổi tế lễ, dùng chứa các thức ăn uống qua những mẫu mã khác nhau. Điển hình là những bình rượu tế thần có dạng cầm thú như cọp, tê giác, hươu, nai..., hay gia cầm mục súc như dê, cừu...(hình 2); hoặc dạng của những quái vật như là sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú của nghệ nhân thời bấy giờ (hình 3). Những vật dụng bằng đồng tìm được đã làm cho giới khảo cổ và nghiên cứu về nghệ thuật phải kinh ngạc khi trực diện với những di tích cổ với số tuổi gần 4,000 năm. Những cổ vật đồng này như thách thức với thời gian, khoắc trên thân một lớp rỉ ten loang lổ nhưng vẫn biểu lộ nét kiêu sa. Những mảnh đồng mục nát gần biến thành đất nhưng vẫn tỏa những nét đẹp huyền bí, thâm trầm và bộc phá. Nhìn vào một cổ vật đồng đời Ân, ta chỉ muốn soi mói tìm tòi từng góc cạnh, để rồi sau cùng hỏi nhỏ một câu, “Ê, anh đã thấy Thánh Gióng của chúng tôi không? hãy kể cho chúng tôi nghe đi..” Cho đến thời bấy giờ, sự khéo léo và đa dạng của người thợ đúc đồng vào thời buổi chữ viết bên Tàu chỉ mới trong giai đoạn hình thành được thể hiện qua những nét chữ nguệch ngoạc trên những mu rùa, xương chim..., làm nhiều người vẫn nghĩ những sản phẩm này chỉ đến được qua phép lạ nào đó trong một thời gian nhất thời. Không thấy có dấu hiệu đồ đồng phơi thai được sản xuất vào thời Ân, thay vào đó, những cổ

vật đồng với những thiết kế phức tạp nhưng không kém phần thanh tao đầy nghệ thuật được bốc lên sau khi bị chôn vùi hàng ngàn năm trong những ngôi mộ cổ hoặc dưới lòng đất sâu.



Hình 2: Chung Rượu Tế
Nhà Ân, kh. thế kỷ 13 TCN
Bộ sưu tập Hồ Hữu Hiệp



Hình 3: Quái Vật và Người
Nhà Ân, kh. thế kỷ 13 TCN
Bảo tàng viện Cernuschi, Paris

Hình 3 cho ta thấy một bình rượu với hình tượng của con quái vật đang ngón trọn thân hình của một người đàn ông. Cho đến bây giờ vẫn có nhiều khác biệt trong sự giải thích về ý nghĩa của hình tượng này từ những nhà khảo cổ trên thế giới: phải chăng đó là tượng trưng của sự chiếm đoạt, sở hữu? hay là bao bọc che chở một sinh vật nhỏ bé trước sự khắt nghiệt vũ bão của thiên nhiên? Ngoài vẻ đẹp cầu kỳ của một tác phẩm gần như toàn hảo về phương diện nghệ thuật, qua cấu trúc, người ta còn nhận thấy được một bố cục thật là chặt chẽ, với những cân nhắc tinh vi nên đây có thể được xem là một trong những kiệt tác quan trọng nhất của giai đoạn của nhà Ân còn tồn tại cho đến ngày nay và nó còn giúp người thưởng lãm hình dung ra phần nào sinh hoạt và đặc tính của bộ tộc Ân thời bấy giờ.

Đồ gia dụng thời Nhà Chu (sau nhà Ân hàng trăm năm cho đến gần một ngàn năm, xem hình 1) mặc dù với lối trang trí mạnh mẽ, kích thước đồ sộ và táo bạo hơn về phương diện thiết kế so với triều đại trước, nhất là có sự hiện diện của những chữ viết trên vật dụng bằng đồng (hình 4 và 5), những mẫu mực căn bản của nghệ thuật tạo hình như là không thay đổi: cũng với sấm sét và gió mây được dùng như hoa văn cơ bản, cùng những mô thức uyển chuyển với những đường cong hoàn mỹ. Nghệ thuật trên những tác phẩm bằng đồng ở đời Chu hoàn toàn tương phản với nhà Hán. Ở giai đoạn cuối đời Hán, nghệ thuật đồng bị xuống cấp một cách trầm trọng với những thiết kế trơn tru, đơn sơ, và thiếu hẳn phần sáng tạo có từ những triều đại trước, mặc dù có sự hiện diện của kỹ thuật tráng vàng và bạc trên những tác phẩm (hình 6).



Hình 4: Bình Rượu
Nhà Chu, kh. thế kỷ 3 TCN
Bảo Tàng Viện Nghệ Thuật, Boston



Hình 5: Chi Tiết trên Chuông Đồng
Nhà Chu, kh. thế kỷ 3 TCN
Bộ Sơ Tập Hồ Hữu Hiệp



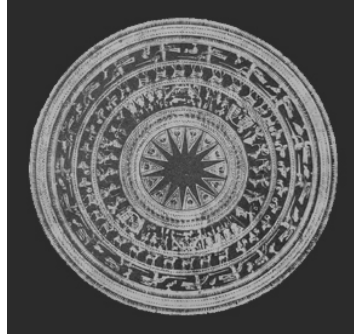
Hình 6: Con Cừu
Nhà Hán, kh. thế kỷ 1 SCN
Bảo Tàng Viện London, England

Mặc dù trong truyền thuyết, bộ tộc Việt cổ đã có kỹ thuật luyện kim từ thời vua Hùng Vương thứ 6 như câu chuyện Phù Đổng Thiên Vương ở trên, tức là đồng thời với triều đại Ân; cho tới bây giờ, cổ vật đồng xưa nhất của người Việt được khám phá được liệt kê vào thời đại văn hoá Đông Sơn, khoảng thế kỷ thứ 3 TCN, cùng thời với Nhà Tần (xem bảng đối chiếu, hình1). Những chạm khắc trên những trống đồng cho ta thấy thể đứng hoàn toàn độc lập về mỹ quan của tộc Việt thời bấy giờ so với anh láng giềng to xác ở phương Bắc. Những chiếc trống có hình dáng và kích thước nhịp nhàng, cân đối với những hoa văn phong phú. Trống vốn là một trong những nhạc khí tiêu biểu của bộ tộc Việt vào thời dựng nước của vua Hùng như theo truyền thuyết. Đặc tính cộng hưởng của kim loại như được khai thác một cách đầy sáng tạo nhằm mục đích tạo nên sự vang động trong những buổi lễ lộc cũng như dùng vào việc truyền thông và liên lạc với những bộ tộc lân cận. Cấu trúc căn bản với 4 phần của trống: mặt, thân, eo và chân được phối hợp nhịp nhàng và

thành hình với những đường nét thanh nhã (hình 7). Trống đồng Đông Sơn được xem là một thí dụ điển hình của sự phối hợp toàn hảo giữa nghệ thuật tạo hình và khoa học về âm vang.



Hình 7:
Dạng của Trống Đồng Đông Sơn
kh. thế kỷ 3 TCN,
Bộ Sưu Tập Hồ Hữu Hiệp



Hình 8:
Mặt Trống Đồng Ngọc Lũ
kh. thế kỷ 3 TCN,
Ảnh minh họa

Hoa văn của trống Đông Sơn như mô tả một thế giới đã đang xảy ra, rất phức tạp và sinh động, được thể hiện qua nhiều hình thức khác nhau về đời sống của cư dân Việt thời xa xưa. Trên những trống đồng này, người ta không thấy sự lặp lại, hay dựa theo những mô thức thiết kế trang trí đã hiện hữu từ những thời đại trước bên Trung Quốc. Mặt trên của trống Ngọc Lũ (hình 8), một trong những kiệt tác tiêu biểu của nền văn hoá Đông Sơn, là hình ảnh của những người đang nhảy múa nhịp nhàng lẫn lộn với hoa văn động vật như chim, hươu, nai cũng như biểu dương của trạng thái sung mãn về đời sống xã hội, vật chất và tinh thần của người dân thời bấy giờ qua phương tiện săn bắn, đánh cá và nơi ăn chốn ở với những nhà sàn với nhiều kiểu cách khác nhau.

Nền văn minh đồ đồng đến rồi qua như cơn gió thoảng. Gần 2 thiên niên kỷ đi qua từ đời Ân cho đến nhà Hán, có biết bao đổi thay trên bình diện thế giới đã trải qua. Trong phạm vi thu gọn ở vùng lưu vực sông Dương Tử cho đến vùng Bắc Việt cổ xưa, thời gian như xoá nhoà phần lớn những vết tích của những

công trình của nhân loại thời bấy giờ. Thành quách kiên cố của nhà Ân không còn dấu vết. Những cung điện tráng lệ của nhà Chu đã bị san bằng qua những cuộc chiến tranh khốc liệt trong thời chiến quốc. Thành Cổ Loa của nước Việt chúng ta một thời uy nghi và hùng vĩ, nay chỉ còn lại một vùng đất san bằng nhỏ bé. Tuy nhiên, những cổ vật đồng của các thời đại nói trên vẫn còn tồn tại như thách đố với thời gian, như những bằng chứng hùng hồn nhất về nền văn minh cổ cho kẻ hậu thế hàng ngàn năm sau chiêm ngưỡng, suy gẫm và thán phục. Những tác phẩm nghệ thuật này không dễ bị uốn nắn như những ngòi bút mang nặng phần chủ quan của những nhà viết sử qua nhiều thời đại, hoặc qua những truyền thuyết và huyền thoại không tránh được sự thêm thắt, tưởng tượng và thiếu sót. Ngược lại, những cổ vật này đóng phần không nhỏ vào sự góp nhặt trí tuệ, nghiên cứu và suy luận qua ánh nhìn trung thực của những người luôn khao khát và mong mỏi tìm được phần nào sự giải đáp về nguồn cội.

Tài Liệu Tham Khảo:

1. Việt Nam Sử Lược, Trần Trọng Kim, Trung Tâm Học Liệu, Bộ Giáo Dục VNCH, in năm 1971
2. Bronzi Cinesi, Fratelli Fabbri Editori, Milan, 1966
3. Trung Hoa Sử Cương, Đào Duy Anh, nxb Bốn Phương, 1941.
4. Việt Nam Anh Hoa, Thái Văn Kiểm, Làng Văn, 2000



GIỌT NƯỚC MẮT

Sapy Nguyễn Văn Hưởng

Sau chuyến du hành sang thăm miền Đông nước Mỹ vào mùa Thu năm 2002. Lúc giờ xấp bốn giờ ra nghiên cứu lộ trình trở lại Cali, thấy mình đang ở gần thành phố Atlantic, tôi bàn với nhà tôi: "Hay mình đến Atlantic viếng thành phố cờ bạc miền Đông Hoa Kỳ, xem thử có to lớn như Las Vegas bên miền Tây hay không?" Nhà tôi gật đầu đồng ý. Thế là tôi ngồi ghi lại chi tiết đường đi xuống một mảnh giấy, để cho bà xã nhìn vào đây chỉ đường cho tôi đi. Trên đường đến Atlantic, không biết bao nhiêu lần, tấm bảng chỉ lối vào Đài Tưởng Niệm Chiến Tranh Việt Nam Bang New Jersey đập vào mắt tôi. Mỗi lần nó xuất hiện tôi lại nhủ thầm: "Mình sẽ đến viếng Đài Tưởng Niệm Chiến Tranh Việt Nam tại thủ đô Washington DC, thì chắc không cần dừng lại thăm Đài Tưởng Niệm địa phương nhỏ bé này làm gì!". Rồi càng đến gần, sự mời gọi càng tăng thêm. Cuối cùng tôi tìm ra được lý do dừng xe, bởi trời đã quá trưa, tôi cần nghỉ ngơi trong chốc lát và để bà xã nấu bữa cơm trưa. Thế là tôi đã đến Đài Tưởng Niệm Chiến Tranh Việt Nam Bang New Jersey cách San Diego nơi tôi cư ngụ gần ba nghìn dặm đường. Tuy không ai bảo ai, nhưng chắc nhà tôi cũng chẳng tha thiết vào viếng thăm Đài Tưởng Niệm này.

Trong lúc nhà tôi ở lại trên xe nấu bữa cơm trưa, tôi thông thả tản bộ cho giãn gân cốt. Bầu không khí nơi đây thật trong lành yên tĩnh, có thảm cỏ xanh sạch đẹp, có hàng cây cao đầy bóng mát. Giữa khung cảnh nên thơ ấy mọc lên một kiến trúc trang nhã mang tên Trung Tâm Học Viện Thời Chiến Việt Nam Bang New Jersey đã quyến rũ tôi bước chân đến. Đưa tay đẩy cánh cửa để vào bên trong, tôi bị khựng lại khi nhìn thấy một tấm bảng giá treo trên khung cửa kính ngay lối vào: "Trẻ em 2\$. Người lớn 4\$. Cựu quân nhân và gia đình miễn phí". Tôi không tiếc mấy đồng bạc vào cửa, nhưng phải trả tiền cho cái mà tôi nghĩ không cần xem thì nó phí đi. Nhưng tôi vẫn đẩy cửa bước vào. Khung cảnh bên trong vắng lặng, tiếng xì xào của vài người trung niên đứng trò chuyện bị tan loãng trong không gian cao

rộng của tòa nhà. Bầu không khí trang nghiêm, êm đềm cùng nhiều hình ảnh Việt Nam trong quá khứ thúc giục tôi tiến lại quầy mua vé. Cô thu ngân tươi cười chào đón, tôi vừa tìm tiền trong túi vừa lên tiếng hỏi làm quen:

- Chào cô! Tôi là cựu quân nhân, nhưng là cựu quân nhân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, như vậy tôi có phải mua vé vào cửa không?

Vẫn giữ nụ cười tươi tắn trên môi, cô đưa mắt hỏi người đàn ông đứng bên cạnh. Ông ta tiến lại gần tôi hơn, đưa tay ra bắt tay tôi rồi bảo:

- Chào ông, tôi tên là Sibley Smith, Giám Đốc Trung Tâm Học Viện Thời Chiến Việt Nam Bang New Jersey, hân hạnh chào đón ông. Đã là cựu quân nhân thì xin mời ông và gia đình ông vào thăm viếng Trung Tâm và Đài Tưởng Niệm mà không cần mua vé. Xin ông vui lòng ghi danh tánh và nơi cư trú vào quyển sổ lưu niệm này.

Tôi vừa cầm bút viết vừa nói:

- Thưa ông, tôi tên Nguyễn Văn Hương đến từ San Diego.

Ông cười hóm hỉnh rồi bảo:

- Vậy chúng ta có họ hàng với nhau rồi. Vì họ Smith ở đất nước này cũng là họ lớn nhất như họ Nguyễn của người Việt Nam vậy.

Nói xong, ông lấy từ trong ngăn kéo ra tặng tôi một số tài liệu rồi giới thiệu sơ qua về Đài Tưởng Niệm Và Trung Tâm Học Viện Thời Chiến Việt Nam Bang New Jersey. Trước lúc tạm chia tay ông vui vẻ bảo tôi:

- Có điều gì thắc mắc cần đến tôi, xin ông cứ tự nhiên báo cho tôi biết.

Tôi gật đầu cảm ơn ông rồi thông thả bước đi. Nơi phòng ngoài, họ trưng bày những tấm ảnh, tạm gọi là tiêu biểu cho Việt Nam thời còn chiến tranh. Nhìn vào, các cựu quân nhân từng chiến đấu nơi đó, thấy cả một trời dĩ vãng hiển hiện lên trước mắt họ. Chiếc áo bà ba gọn gàng ôm trọn thân hình mảnh mai người thôn nữ, con trâu đang cày đám ruộng xấp xỉ nước, bờ mầu xanh màu cỏ dại, chiếc thuyền ba lá mong manh... những biểu tượng của miền quê đất Việt. Còn nơi thành thị, họ treo hình

ảnh các nữ sinh tha thướt trong chiếc áo dài, cô gái bán bar ngồi chờ khách, chiếc xích lô đạp dưới cái nóng trưa hè, những em bé đánh giày gầy ốm lang thang, người ăn xin tiều tụy; một tay ôm con một tay ngửa ra xin tiền... Nhìn những tấm ảnh được chụp gần nửa thế kỷ qua đi, khiến lòng tôi đau xót. Đau xót vì những biểu tượng nghèo nàn lạc hậu ấy vẫn còn tồn tại mãi cho đến bây giờ. Ngoài chiếc áo dài, chiếc áo bà ba truyền thống, là những thứ cần được bảo tồn để sống mãi với thời gian, người Việt nào không ước mơ cho con trâu, cái cày, bờ mầu, con thuyền mong manh, những hình ảnh tuy đậm nét quê hương, nhưng cũng là biểu tượng cho sự nghèo nàn lạc hậu, đi mau vào bảo tàng viện, để nhường chỗ cho những công trường, nhà máy... mọc lên. Nhưng, ngay giờ phút này nơi quê hương Việt Nam, giữa lòng phố thị, người phu vẫn còng lưng đạp xích lô, các em bé đánh giày vẫn lê la trên phố, người ăn xin vẫn đầy dẫy trên đường... Nơi vùng nông thôn, người vẫn kéo cày thay trâu, vẫn bán lưng cho trời, bán mặt cho đất... Quá khứ và hiện tại lẫn lộn trong tôi, tôi không đủ thời gian để lắng nghe lòng mình đang thổn thức. Tôi phải tạm rời xa quá khứ để quay về thực tại khi cảm thấy đói trong lòng. Ra ngoài xe, bữa cơm trưa nóng sốt đang chờ tôi trên bàn. Vừa ăn tôi vừa kể cho nhà tôi những gì tôi nghe thấy bên trong tòa nhà trước mặt.

Sau bữa cơm trưa, vợ chồng tôi đưa nhau đi viếng Đài Tưởng Niệm Cựu Chiến Binh Việt Nam Bang New Jersey. Bước theo những bậc thang, chúng tôi chậm rãi tiến vào Đài. Đến nơi cao nhất, Đài như mở toang đón khung trời rộng. Đưa mắt nhìn bao quát cảnh quan, tôi lên tiếng giải thích cho nhà tôi:

- Đài này dựng theo hình tròn, đường kính dài đúng 200 feet, được nối với nhau bằng 366 phiến đá hoa cương đen. Trên mỗi phiến đá ghi khắc tên, ngày sinh, ngày tử của từng người một.

Lướt nhìn qua các phiến đá một lượt, nhà tôi thắc mắc lên tiếng hỏi:

- Sao nhiều tấm họ ghi hàng chục tên, lại có tấm chỉ khắc tên vài người thôi vậy anh?

- Mỗi phiến đá hoa cương, như một tấm bia tượng trưng cho một ngày trong năm. Ai chết ngày nào thì ghi tên đúng vào tấm bia ngày đó.

Nghe tôi giải thích, vợ tôi bán tin bán nghi, hỏi lại cho chắc:

- Sao anh biết rõ quá vậy?

- Lúc này ông Smith, vị Giám Đốc Trung Tâm cho anh một số tài liệu, anh vừa đọc qua trong lúc em nấu cơm.

Ngẫm nghĩ một lát nhà tôi nói:

- Xếp đặt như vậy có nghĩa họ xem ngày tử là ngày quan trọng đáng ghi nhớ nhất đối với người chết. Em thấy điểm này có phảng phất nét văn hóa Việt Nam mình trong đó.



Phiến Đá Hoa Cương

Tôi không chú ý đến chi tiết này, nhưng khi nghe nhà tôi phân tích, ngẫm nghĩ một lát tôi gật đầu tán đồng:

- Cũng rất có thể là như vậy!

Chúng tôi nắm tay nhau chậm rãi bước đi, mắt nhìn vào bức tường đá hoa cương đen, đi trọn một vòng Đài, như để tỏ lòng

biết ơn 1.556 người con yêu bang New Jersey, đã mất tích, đã vĩnh viễn ra đi. Sự phân chia ra từng ngày này cho tôi hiểu rằng, trong suốt cuộc chiến, trong năm, ngày nào cũng có người New Jersey hy sinh. Từ trên cao, tôi chỉ xuống trung tâm điểm Đài, nơi trồng một cây Sồi gỗ đỏ, rồi ôn tồn giải thích thêm:

- Cây Sồi đỏ là biểu tượng của bang New Jersey, dưới bóng mát tàng cây có ba bức tượng. Tượng người chiến binh đứng hiên ngang, biểu tượng cho người chiến sĩ can trường sau khi hoàn tất nhiệm vụ quay trở về quê hương. Tượng người nữ y tá, biểu tượng cho nữ giới luôn luôn sát cánh cùng nam giới trong mọi nhiệm vụ khó khăn. Tượng người chiến binh nằm xuống, biểu tượng cho người lính đã ra đi không trở lại.

Nghe xong nhà tôi gật gù khen:

- Lúc mới vào em những tưởng, Đài Tưởng Niệm dựng lên chỉ để ghi nhớ công ơn các chiến sĩ trận vong mà thôi. Giờ em mới hiểu, nơi này còn là nơi tôn vinh, tưởng nhớ, ghi công cả quân lẫn dân, cả người ra đi vĩnh viễn lẫn người còn sống quay trở về.

Chiêm ngưỡng cái hùng dũng, hiên ngang... của quân dân New Jersey, khiến lòng tôi ngậm ngùi khi nghĩ đến người đã khuất. Giây phút tưởng nhớ những người bạn đồng minh đã ngã xuống trên quê hương Việt Nam, trong tay tôi không có một nén hương hay một đóa hoa để tri ân họ. Tôi chỉ còn biết đứng cúi đầu, đặt tay lên phiến đá lạnh, lần mò dòng chữ khắc ghi tên tuổi họ, rồi tôi thầm dâng lời cầu nguyện. Tôi cũng nghĩ đến những chiến sĩ, đồng bào tôi đã vĩnh viễn ra đi vì bảo vệ lý tưởng tự do. Không biết đến bao giờ anh em đồng đội và đồng bào tôi mới có một nơi xứng đáng để mọi người đến viếng thăm, hương khói, tưởng nhớ... Tôi không dám nghĩ xa vời, bởi càng nghĩ càng khiến tâm tư tôi đi vào con đường bế tắc. Tôi âm thầm lặng lẽ nắm tay vợ, cúi đầu già từ Đài Tưởng Niệm Cựu Chiến Binh Việt Nam Bang New Jersey. Trên đường trở vào Trung Tâm Học Viện Thời Chiến Việt Nam, chúng tôi thấy một khu đất nhỏ có hàng rào bao quanh. Dừng chân lại nhìn vào, phía bên trong có vài phần mộ. Vợ tôi thắc mắc:

- Không lẽ họ chôn những người lính tử trận ở đây? Mà tại sao lại chỉ có vài ngôi mộ?

Tôi lắc đầu:

- Không đâu, người chiến binh Hoa Kỳ chết đi đều được chôn cất tại Nghĩa Trang Quân Đội cả, anh không nghĩ bang New Jersey này được ngoại lệ đâu.

Đã xác quyết như vậy, nhưng tôi cũng chẳng hiểu tại sao mấy mộ phần này lại nằm ngay trước cổng vào Đài Tưởng Niệm. Tuy mấy ngôi mộ làm tôi quan tâm, nhưng sự quan tâm ấy đến và đi thật nhanh vì còn nhiều điều đang chờ đón chúng tôi bên trong tòa nhà. Vào đến bên trong, gặp lại ông Smith, tôi chỉ vờ tôi rồi giới thiệu:

- Thưa ông, đây nhà tôi.

Rồi hướng mặt về phía ông Smith tôi nói:

- Còn đây ông Smith, Giám Đốc Trung Tâm.

Ông Smith mỉm cười cúi đầu chào nhà tôi rồi đưa tay ra bắt:

- Hân hạnh được tiếp đón bà. Hai ông bà vừa đi viếng Đài Tưởng Niệm về phải không?

- Thưa vâng!

Vẫn giữ nụ cười tươi tắn trên môi, ông lên tiếng hỏi:

- Ông bà có biết ai là người vẽ kiểu Đài Tưởng Niệm này không?

Tôi lắc đầu:

- Thưa không!

Ông đưa chúng tôi lại trước tấm ảnh chụp mấy người cầm cuốc xẻng đang đào đất, biểu tượng cho sự khởi công xây dựng Đài. Theo ngón tay ông chỉ, tôi nhận ngay ra gương mặt người Á Đông. Ông từ tốn giải thích:

- Một cuộc thi vẽ mô hình Đài Tưởng Niệm Cựu Chiến Binh Việt Nam Bang New Jersey được tổ chức từ mùa xuân năm 1987 đến mùa xuân 1988. Trong toàn bang có tất cả 421 đồ án gửi đến dự thi. Ngày 7-7-1988, hội đồng chấm giải họp lần cuối và công bố kết quả cuộc thi. Ông Nguyễn Trọng Hiền, một người trẻ Việt Nam tỵ nạn Cộng Sản đến Hoa Kỳ năm 1975, sinh sống tại New Jersey đoạt giải nhất và đồ án ấy được chọn để xây Đài Tưởng Niệm.

Nghe đến đây nhà tôi lên tiếng:

- Hèn chi tôi thấy có phảng phất chút văn hóa Việt Nam qua việc dựng 366 tấm bìa đá hoa cương đen.

Ông Smith gật đầu khen:

- Quả đúng như bà nhận xét.

Nói xong ông đưa chúng tôi đến trước một tấm ảnh khác, chỉ ngón tay vào đấy rồi nói:

- Ông bà hãy nhìn tấm ảnh này xem có nhận ra đôi nét văn hóa Việt Nam nào ẩn hiện trong đó không? Xin lỗi, tôi bận chút công việc, khoảng nửa giờ sau tôi trở ra đây tiếp tục hầu chuyện với ông bà.

Ông Smith đi rồi, vợ chồng tôi chăm chú nhìn lên tấm ảnh. Đây là bức ảnh toàn cảnh Đài Tưởng Niệm chụp từ trên máy bay. Nếu đem so sánh với các Đài Tưởng Niệm tôi từng viếng qua, tôi chỉ nhận ra một điểm hơi khác biệt là sự hiện diện của mấy phần mộ đặt ngay trước cổng ra vào. Cố suy nghĩ thêm, nhưng vợ chồng tôi chẳng nhận ra nét văn hóa Việt nào phảng phất nơi đó. Trong lúc chờ đợi ông Smith quay lại giải thích điều "bí ẩn", tôi hướng dẫn vợ tôi đi xem ảnh treo trên tường. Bởi không còn nhiều thời gian, nên chúng tôi nhìn lướt qua nhiều hơn suy gẫm tìm hiểu học hỏi. Có hai tấm ảnh gây cho tôi nhiều chú ý nhất:

Tấm đầu tiên, một tấm ảnh tôi đã nhìn nó không biết bao nhiêu lần trong đời. Tấm ảnh đó được trang trọng treo nơi đây đã khiến tôi hết sức bất mãn khi đọc lời chú thích phía dưới: "Tướng Nguyễn Ngọc Loan, Chỉ Huy Trưởng Cảnh Sát Quốc Gia Miền Nam Việt Nam, xử bắn một viên chức Việt Cộng trên đường phố Sài Gòn vào tháng 2/1968. Hành động xử bắn này làm phần nộ người Mỹ, đây như là bằng chứng của sự rối loạn trong Quân Đội Miền Nam Việt Nam. Ít ai hiểu rằng, tất cả những người trong gia đình một phụ tá thân cận nhất của tướng Loan vừa bị Việt Cộng tàn sát". Tôi tự hỏi họ treo tấm ảnh này lên với mục đích gì? Nhận ra cái chau mày của vợ tôi khi nhìn tấm ảnh, tôi ôn tồn nói lên sự hiểu biết của riêng tôi về tấm ảnh đó:

- Theo anh, đây là một trong những tấm ảnh góp phần vào việc khai tử chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Bởi nhìn ảnh, ai cũng

thấy sự tàn nhẫn của người cầm súng, thân nhiên bắn chết một người đang bị trói tay. Nhưng đâu có mấy người hiểu, trước khi tấm ảnh ấy được chụp thì "nạn nhân" bị bắn cùng đồng bọn đã đốt cháy biết bao căn nhà và giết cả những người dân vô tội.

Tấm ảnh thứ hai, một tấm ảnh rất đẹp, chụp chiếc xích lô cùng anh phu xe ngồi nhàn nhã đọc tờ báo Anh ngữ "The Saigon Post", số ra ngày 01-11-1968, trên trang báo có chạy hàng tin lớn: "Tổng Thống Lyndon B. Johnson ra lệnh ngưng giới bom Bắc Việt". Tôi phân trần với nhà tôi:

- Vào thời buổi ấy và ngay cả bây giờ, một người có trình độ đọc và hiểu những bài viết trong tờ báo Anh ngữ. Anh đoán chắc không một ai chọn mưu sinh bằng nghề đạp xích lô cực khổ này. Tấm ảnh tướng Loan và tấm ảnh người phu xích lô như đối nghịch nhau. Một bức chụp cảnh thật, sống động đến rợn người, một bức dàn dựng giả tạo đến trơ trẽn lộ liễu. Anh sẽ lên tiếng phản đối việc treo hai tấm ảnh ấy nơi đây và nhân tiện tìm hiểu xem họ treo lên với dụng ý gì? Anh cũng sẽ trình bày cái nhìn của riêng anh với ông Giám Đốc Sibley Smith.

Khi ông Smith quay lại. Để đo lường sự hiểu biết của ông về chiến tranh Việt Nam, tôi lên tiếng hỏi:

- Thưa ông Smith, ông có từng sang chiến đấu bên Việt Nam chưa?

- Thưa chưa, ngày ấy tôi còn quá bé.

Sau câu trả lời, tôi hơi nghi ngờ sự hiểu biết về Việt Nam của ông. Đưa ông đến trước hai tấm ảnh, Tôi giải bày về cái nhìn của tôi rồi nêu lên vài thắc mắc vừa nảy sinh lúc xem ảnh. Biết tôi hơi bất bình trong cử chỉ và lời nói, nhưng ông Smith vẫn chăm chú lắng nghe, rồi ôn tồn giải thích:

- Thưa ông, tôi rất thông cảm sự xúc động trong ông. Tuy tôi chưa từng tham chiến ở Việt Nam, nhưng tôi thấu hiểu tâm trạng người lính chiến thời buổi đó, vì tôi được hoàn toàn tự do nghiên cứu về cuộc chiến ấy. Ngoài những gì ông vừa trình bày, tôi còn biết thêm, vị tướng bắn người Việt Cộng trong ảnh đã gặp nhiều khó khăn trong thời gian tỵ nạn ở Hoa Kỳ vì có một số người xem ông ta là tội phạm chiến tranh. Chính người chụp bức ảnh đó đã đến xin lỗi tướng Loan và gia đình ông ta về hậu quả do

bức ảnh gây ra. Còn bức ảnh người phu xích lô ngồi đọc báo, đúng là bức ảnh được dàn dựng. Bức ảnh chụp tướng Loan bắn người Việt Cộng là bức ảnh rất thật, nhưng nó không diễn tả được chút sự thật nào. Còn bức ảnh thứ hai là bức ảnh giả tạo, nhưng nó diễn tả được hết sự giả tạo trong đó. Thật giả trong cuộc chiến Việt Nam đang lẫn lộn nhau trong thời đại chúng ta, chỉ có thời gian mới gạn lọc hết những gian dối để sự thật được phơi bày. Nơi đây chúng tôi chỉ cung cấp dữ kiện, không bắt ai phải nghe và tin theo bất cứ điều gì. Chúng tôi dành mọi sự nhận định phán xét cho những người muốn đến đây học hỏi và tìm hiểu.

Tôi đứng im lặng cúi đầu lắng nghe từng nhận định của ông Smith. Nơi Trung Tâm Học Viện Thời Chiến Việt Nam này vừa cho tôi một bài học về sự tự do, điều cao quý nhất của nhân phẩm con người. Một khi tự do được tôn trọng thì không còn cảnh áp đặt người khác phải hiểu và nhận định theo hướng của mình. Tôi chạnh lòng nghĩ đến người Việt Nam ở quê nhà đang phải nghe, phải suy luận, phải giải thích... theo chính sách đường lối của một đảng độc tôn đưa ra.

Trở lại với tấm ảnh ông Smith đề cập đến trước lúc tạm chia tay, ông nói:

- Chắc ông bà chưa nhận ra được nét độc đáo của văn hóa Việt Nam qua tấm ảnh này phải không?

Tôi mỉm cười gật đầu:

- Chúng tôi đành chịu thua và đang nôn nóng chờ nghe ông giải thích đây!

Như đề sắp xếp lại những điều sắp nói, ông Smith đứng im suy nghĩ một lát xong, ông bắt đầu vào chuyện:

Người chiếm giải nhất trong cuộc thi thiết kế Đài Tưởng Niệm Cựu Chiến Binh Việt Nam Bang New Jersey được trao tặng năm nghìn đô la tiền thưởng. Nhận giải xong, ông Nguyễn Trọng Hiền biểu ngay lại số tiền ấy cho công cuộc xây dựng Đài.

Đài Tưởng Niệm được xây dựng trên khu đất rộng, do một gia đình cư dân sinh sống lâu đời ở đây trao tặng. Khi tìm kiếm địa điểm dựng Đài, mọi người đồng ý chọn một nơi cao ráo thoáng mát nhất. Đến lúc sửa soạn khởi công, mới phát hiện ra

cạnh bên vùng đất được chọn có mấy phần mộ của tổ tiên người hiền đất. Hai giải pháp được đưa ra ngay lúc đó là:

- Chọn một địa điểm mới.
- Di chuyển mấy phần mộ đi nơi khác.

Giải pháp đầu bất khả thi vì không tìm ra địa điểm nào đẹp và thích hợp hơn địa điểm đã chọn. Cho nên giải pháp di chuyển phần mộ đi nơi khác được đem ra thi hành. Đến lúc này, ông Nguyễn Trọng Hiền đứng lên kể cho cử tọa nghe câu chuyện xảy ra sau ngày gia đình ông cùng gần một triệu người miền Bắc di cư vào miền Nam lánh nạn Cộng Sản năm 1954.

Vài năm sau ngày vào Nam tìm tự do, bố mẹ ông Hiền nhận được hung tin, mộ phần tổ tiên ông ở ngoài Bắc bị di chuyển đi nơi khác để lấy đất xây nhà kho. Tin chẳng lành này làm bố mẹ



*Đài Tưởng Niệm Chiến Tranh Việt Nam
Bang New Jersey & Giọt Nước Mắt*

ông khóc hết nước mắt. Ngày ấy, ông Hiền vẫn chưa chào đời. Nhưng hàng năm cứ đến ngày Giỗ, ngày Tết, bố ông lại đem chuyện xưa ra kể cho con cháu nghe trong niềm đau đớn tức

thương. Bố ông thường đem câu tục ngữ: "Sống vì mồ vì mả, chứ không ai sống vì cả bát cơm" ra giảng dạy. Cho nên ông Hiền như bị dị ứng mỗi khi nghe đến chuyện động mồ động mả. Ông Hiền muốn tổ tiên ông được mồ yên mả đẹp. Cho nên ông không muốn đào bới mồ mả tổ tiên người khác, dù là đào lên để làm một việc có ý nghĩa cao cả như việc xây Đài Tưởng Niệm, ghi nhớ công ơn các chiến sĩ vì quốc vong thân. Ông xin mọi người một đặc ân, cho ông đôi ba ngày, để ông suy nghĩ tìm cách sửa lại đồ án sao cho khỏi phải đụng chạm đến mộ phần người quá cố mà vẫn giữ được nguyên vẹn vẻ đẹp của Đài.

Để mong tránh khỏi việc đào mồ cuốc mả, về nhà ông Hiền suy nghĩ suốt mấy ngày liền. Đến ngày hẹn, ông Hiền trình lên hội đồng thẩm định ý muốn dựng một bức tường rào quanh khu mộ, bức tường ấy biểu tỏ được lòng biết ơn cùng sự thương tiếc tổ tiên người đã dâng hiến một khu đất thật đẹp để xây dựng Đài Tưởng Niệm. Làm được việc này, vừa tăng vẻ đẹp nơi ghi công các anh hùng tử sĩ, vừa giữ gìn mồ mả tổ tiên người hiến đất. Một công đôi ba chuyện đều lo vẹn toàn. Diễn đạt những ý tưởng trên, ông Nguyễn Trọng Hiền dùng hình dáng giọt nước mắt để tạo thành bức tường bao quanh khu mộ. Nghe ông Smith kể xong, tôi nén cảm xúc ngược lên nhìn lại tấm ảnh. Bức tường rào với dáng hình giọt nước mắt bao quanh khu mộ như sáng tỏ lên trong mắt tôi. Tôi có cảm tưởng như giọt nước mắt mình rơi lên trên ấy. Một người Việt giải thích về văn hóa nước mình cho người ngoại quốc hiểu là chuyện rất khó, ông Nguyễn Trọng Hiền đã làm được việc này. Còn một người ngoại quốc giải thích về văn hóa Việt cho người ngoại quốc hiểu và cảm nhận được nét hay đẹp của nó, tôi chưa thấy ai ngoài ông Smith. Tôi rất mến phục ông, nhờ ông, tôi hiểu rõ thêm về quê hương đất nước tôi. Cảm ơn ông Nguyễn Trọng Hiền, cảm ơn ông Sibley Smith và cảm ơn Giọt Nước Mắt.



MIỀN NAM ĐẠO LÝ

(Tinh thần đạo-lý ở miền Nam
qua văn học chữ quốc-ngữ từ thời khởi đầu)

Nguyễn Vy Khanh

Nay thì đã hiển nhiên là hành-trình của văn-học và báo chí chữ quốc-ngữ hiện-đại đã khởi đi từ miền Nam (1). Báo chí khởi đầu với tờ *Gia Định Báo* từ 1869 (2), sau đó từ 1875 mở thời kỳ phiên âm ra chữ quốc ngữ thơ văn chữ Nôm như Nhị Độ Mai, Phan Trần, Lục Súc Tranh Công, Lục Vân Tiên, Sãi Vãi, ... với Trương Vĩnh Ký, Phan Đức Hòa, Lương Khắc Ninh, v.v., sau đó là tiểu-thuyết sáng-tác theo hình-thức và thể-loại Tây phương đầu tiên là quyển *Thầy Lazaro Phiền* của Nguyễn Trọng Quản được xuất bản năm 1887 (nhưng phải đợi đến 1910, viết truyện tiểu thuyết mới trở thành phong trào), rồi hát bội, kịch nói (Tuồng Joseph, 1887 của Trương Minh Ký - cũng là người viết thành tuồng Kim Vân Kiều 1896, "drame en 3 actes"), rồi đến thời *dịch truyện Tàu* từ khoảng năm 1904 và tự truyện với *Chon Các Tự Sự* (1910) của Michel Tinch. Các biến cố đó trong hoàn cảnh đặc biệt giao lưu văn hóa và chuyển đổi kinh tế, xã hội đã góp phần hình thành một nền văn học quốc gia với sắc thái và truyền thống đặc biệt mang dấu vết cá tính của con người miền Nam "lục châu, lục tỉnh" - vùng đất mới. Hiện đại nhưng nội dung mang tính đạo đức của thời đại đó, ghi đậm dấu tích phong hóa của thổ-ngôi đất mới.

Một mặt, các nhân sĩ và tác-giả thời tiền phong đã lựa chọn con đường kỹ thuật và thể loại của Tây phương để cập nhật và hiện đại hóa văn chương học thuật lúc bấy giờ bị phong tỏa bởi Tổng Nho gò bó đã đưa đến bế tắc tinh thần cũng như bại vong về quân sự. Từ 1887, Nguyễn Trọng Quản đã dứt khoát sáng tác theo Tây phương nhưng người đồng thời với ông không hưởng ứng, họ vẫn tìm đường! Mãi 37 năm sau Nguyễn Trọng Quản, ở Hà Nội, mới có người theo kỹ thuật và thể loại của Tây phương như Hoàng Ngọc Phách với *Tố Tâm* 1925 và trước đó, Trọng Khiêm với *Kim Anh Lệ Sử* (1924): "Tôi viết bộ Kim Anh Lệ Sử này, có ý thử viết tham bác hai lối văn xem; các ngài đọc sách sẽ

nhận ra rằng tuy bề ngoài có mượn lối văn Âu Tây, song bề trong vẫn phảng phất cái hồn luân lý của Việt Nam cổ quốc ta vậy"(3). Nhưng mặt khác, một trong những hiện tượng song-hành tìm kiếm lúc đầu là truyện Tàu.

Đạo lý trong truyện Tàu và ảnh hưởng

Lùi lại thời lịch-triều quân chủ, giáo dục thật ra chỉ là cái học Nho dù cái học đạo lý trên nguyên tắc gắn chặt với học chữ, vì thường là đạo lý hình thức cứng nhắc chứ không hẳn là đạo lý nhân bản. Thật vậy, từ gần hai thế kỷ, đạo lý rất quan trọng: "tiên học lễ, hậu học văn". Khi người Pháp sang, soạn lại chương trình giáo dục, luân lý trở thành một môn học, dù vẫn được xem trọng nhưng đã bắt đầu rời nguyên lý giáo dục làm người thời xưa. Xã hội cũ bị tấn công từ căn bản! Tín ngưỡng, đạo lý cũ vừa mất sức mạnh vừa mất hấp-lực trong việc giải đáp những nhu cầu xã hội và tâm linh mới. Trong bầu không khí giao thời đó, nói chung đa số các nhà trí thức, nhân sĩ đã có một số cái nhìn chung, một số đồng thuận đặc biệt về học thuật, văn hóa, đạo đức, ... hoặc đi đến những tổng-hợp tín-ngưỡng mới mà chúng tôi thử phân tích trong bài này.

Ngay từ khi văn học chữ quốc ngữ mới manh nha, các nhà trí thức đã chú tâm đến đạo lý dân tộc, trước mắt để chấn chỉnh phong hóa và về lâu dài nhằm gìn giữ chính-đạo tức đạo Nho. Cái buổi giao thời đó phong hóa xã hội đang trên đà xuống thấp. Họ dịch sách đạo lý của nho-học ra chữ quốc ngữ, soạn sách về đạo đức văn hóa truyền thống, sao lục thơ văn có mục đích luân lý, giáo dục, v.v. Huỳnh Tịnh Paulus Của đã có những sách về *Gia Lễ* (1886) nói đến quan hôn tang tế là 4 lễ đầu cùng lễ phép học trò công tư thông dụng, *Thơ Mẹ Dạy Con* (1907), v.v. Trương Minh Ký soạn *Tiểu Học Gia Ngôn Diễn Nghĩa*, v.v. Trương Vĩnh Ký trong các số báo *Thông Loại Khóa Trình* viết nhiều bài xiển-dương tinh-thần đạo-lý căn bản của người Việt Nam, dịch Kim Cổ Kỳ Quan ra tiếng Pháp, phiên dịch ra quốc ngữ *Minh Tâm Bửu Giám* (1891-3), v.v. Tờ *Thông Loại Khóa Trình* ra mắt năm 1888 như một tờ học-báo; nhan đề nơi trang đầu ghi chữ Hán "thường bả nhất tâm hành chánh đạo"(luôn đem tấm lòng mà hành đạo). Trong bài Báo mở đầu số 1 khi nói về

mục đích, họ Trương đã nói : "Phép học là trước học lễ, sau học văn; được cả hai ấy mới ra con nhà gia giáo, biết phép tắc, lễ nghi, cang thường, luân lý, biết chữ nghĩa văn chương, kinh sử truyện tích cổ kim, ấy là đáng được con người từ tể..." (4). Mở đầu cuốn *Minh Tâm Bửu Giám* - gồm những châm ngôn đạo lý, giáo dục của tam giáo chứ không chỉ riêng đạo Nho, ông viết "Khi mà người ta biết soi mình vào tấm gương báu ấy rồi, tất sẽ thấy được những điều hay lẽ phải để mà gắng sức noi giữ ăn ở cho trọn đạo làm người, đồng thời người ta cũng sẽ tất thấy những điều hư lẽ trái (lỗi đạo làm người) để mà sửa đổi và trau dồi lấy chính mình cho được trở nên con người trọn lành (tốt) vậy"(5). Bản thân ông còn làm gương ở cách suốt đời ăn mặc như ông bà ngày xưa và không xin vô dân Tây!

Trương Vĩnh Ký cắt nghĩa Tam Cang như sau trong Thông Loại Khóa Trình, số 2 : "Ở dưới đời, người ta không phép sinh ra mà ở một mình choặng. Có cha có mẹ, có anh em chị em, bà con cô bác, có bằng-hữu, thân-quyến. Có vợ có chồng sanh con đẻ cháu ra nối dòng; thành nên gia-thất; nhiều ra, ở lan ra có xóm có làng, có huyện, có phủ, có tỉnh, có xứ, có nước, có ra như vậy thì phải có tôn-ti, đẳng-cấp, nên phải có vua có chúa, có quan có quyền mà cai-trị, gìn-giữ đùm-bọc lấy nhau cho yên nhà vững nước.

Vì vậy phải có đạo tam-cang ràng-rit vắn-vít nhau; mà giữ phép ở với nhau cho trên thuận dưới hòa, thì mới bảo hộ nhau được. Lớn theo phận lớn, nhỏ theo phận nhỏ các y kỳ phận thì bằng-an. Vua cũng có phép buộc phải ở với tôi dân làm sao; con dân cũng có luật buộc phải ở với vua quan thể nào cho phải đạo. Cha mẹ có phận phải giữ với con-cái cách nào; con-cái có phép dạy phải ở làm sao với cha mẹ cho trọn niềm; còn chồng với vợ cũng có ngãi phải giữ với nhau cho trọn nhân trọn ngãi nữa. Ấy là ba mối cả, là chánh giềng làm nên tấm lưới chắc chắn vững bền"(6).

Tiếp đến, cùng với phong trào báo chí lên cao, cùng lúc viết báo xiển dương mỹ tục, đạo lý cũng như canh tân xã hội và dịch các áng văn chương như Kim Cổ Kỳ Quan (Nguyễn An Khương), Liêu Trai Chí Dị (Nguyễn Chánh Sắt), v.v., một số nhà

báo và trí thức đã quan niệm nên dịch ra quốc ngữ các truyện Tàu tức tiểu-thuyết chương-hồi lúc bấy giờ gọi là "tiểu-thuyết cổ điển" hay "bach thoại tiểu-thuyết". Nhưng dịch giả truyện Tàu ra quốc ngữ đầu tiên là một người Pháp, Canavaggio chủ báo *Nông Cổ Mìn Đàm*, dịch Tam Quốc Chí Tục Dịch đăng báo ngay từ số báo ra mắt (1-8-1901), sau đến Huỳnh Tịnh Paulus Của với *Tổng Từ Vân* (1904). "Những tay dịch thuật trứ danh ở Nam Kỳ" - nói theo một Lời Rao trên tờ *Phụ Nữ Tân Văn* giữa năm 1930 (7), và theo Bằng Giang (8), trứ danh và số lượng nhiều nhất là ba ông Nguyễn Chánh Sắt (là dịch giả *Truyện Nhạc Phi* xuất-bản ở Sài-gòn năm 1905, đồng dịch với Phụng Hoàng San, sau một mình dịch thêm *Tây Hớn*, *Đông Hớn*, *Chung Vô Diệm*, *Tam Quốc Chí*, *Ngũ Hồ Bình Tây*,... trước khi sáng tác *Nghĩa Hiệp Kỳ Duyên*, *Gái Trá Thù Cha*, *Tài Mạng Tương Đồ*, *Thập Nhị Quả Phụ*, ...). Trần Phong Sắc (18 truyện Tàu tính ra hơn 5000 trang như *Tam Hạ Nam Đường Diễn Nghĩa*, *Phong Thần Diễn Nghĩa* 1906, *Tiết Đình San Chinh Tây*, ...), và Nguyễn An Khương (*Phán Trang Lầu Diễn Nghĩa*, *Thủy Hử Diễn Nghĩa*, *Vạn Huê Lầu Diễn Nghĩa*, ...).

Một số các nhà trí thức thời bấy giờ có thể đã nghĩ rằng truyện Tàu là phương tiện tốt nhất vì tải đầy đạo lý. Lật truyện Tàu ta sẽ thấy nhan nhản những gương trung nghĩa như Quan Công, gương trung hiếu của Nhạc Phi "tận trung báo quốc", ơn nghĩa (bát com Phiếu Mẫu của Hàn Tín), tinh thần thượng võ (Quan Công không giết người dưới ngựa), quân tử nhút ngùn (Quan Công), tình bằng hữu tri âm (Bá Nha - Tử Kỳ), tri kỷ (Quản Trọng - Thúc Nha), tiết tháo trung thần (Khuất Nguyên), v.v. Những tam cang, ngũ thường, tam tông, tứ đức đã ăn sâu vào đời sống người Việt Nam (dù tương đối và tùy vùng vì yếu tố Việt khá mạnh), những khi người ta nói đến "nhân, nghĩa, lễ, trí, tín" hay đối xử với nhau trong họ hàng, xã thôn và làng nước. Đã là một thứ "đạo đức" vượt không gian và thời gian của dân tộc. Tất cả đều có thể tìm thấy trong truyện Tàu! Nhưng đạo lý trong truyện Tàu đa dạng, không thuần độc tôn. Nền tảng tam giáo Nho-Đạo-Phật thấm nhuần trong mọi sinh hoạt tín ngưỡng, trí thức cũng như giao tiếp, lễ nghĩa, xã hội. Nho giáo vẫn luôn là

căn bản vì Nho còn là triết lý chính trị của các triều đại vua chúa, một triết lý nhập thế. Đạo giáo đem đến tư tưởng thoát tục, xuất thế, nhưng cũng khuyến sống thiện và không quá bám víu vật chất hoặc danh (hảo) để sống an nhiên, nhàn nhã - trong đó có kiểu "quảng gánh lo đi mà vui sống", ngay cả khi hành thế. Triết lý nhà Phật đưa đến ý niệm tu thân và từ bi. Tùy giai đoạn của cuộc đời và nhân sinh quan của mỗi người mà những tư tưởng, đạo lý đó áp dụng nặng hay nhẹ, nhiều hay ít. Truyện Tào là tấm gương phản ánh trung thành những quan niệm sống này! Có truyện chỉ đề cao một đạo như Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân mục đích xuất-thế, giải-thoát; nhưng qua các nhân-vật tác-giả cũng để lại dấu ấn ảnh-hưởng những triết-lý khác : "Lão Tôn" đại diện cho lý-trí kiêu căng ưa phân-biệt, phản-diện của một Đường Tăng quyết chí tu-hành đã phải vượt thoát bao cám-dỗ, yếu đuối. Nói chung, khác với kinh sách chính thức, nội dung truyện Tào tải đạo Nho nhưng đồng thời có cả tam giáo hòa đồng vốn đã trở thành nhân sinh quan của người Trung quốc, và trong thể truyện Tào, con người đã bắt đầu có chỗ đứng, dù khiêm tốn!

Truyện Tào được in ấn rất nhiều hồi đầu thế kỷ XX, được tái bản nhiều lần và có nhiều bản dịch khác nhau của một truyện - y như hiện tượng dịch truyện chương Kim Dung (9) vào thập niên 1960 ở miền Nam và ở trong nước từ năm 1988 tái bản truyện Tào - nay được phức tạp gọi là "tiểu-thuyết cổ điển Trung quốc", khởi đầu với *Tam Quốc Chí*, rồi in lại và "dịch lại" Kim Dung và gần đây nhất ào ạt dịch các tác giả họ gọi là "đương đại" như Trương Hiến Lương, Mạc Ngôn, Giả Bình Ao (10), v.v.. Ảnh hưởng truyện Tào như vậy khá hiển nhiên ở các tiểu-thuyết kim-văn thời tiền phong ở miền Nam. Về số lượng cũng vậy. Phong trào phiên âm quốc ngữ những tác-phẩm chữ Nôm dù được hùng hậu cổ vũ, nhưng kho tàng văn học này không đồ sộ lắm, mỗi tác-phẩm lại không đủ dài và hấp dẫn người đọc (ngoại trừ Lục Vân Tiên), do đó vẫn bị khối lượng truyện Tào lấn lướt. Lục Vân Tiên dù sao cũng đã đóng trọn vai trò của truyện Kiều của Đoàn Ngoài, đã là sách đầu giường và đầu môi giảng dạy đạo lý làm người vừa là văn chương truyền thống truyền khẩu; tác-giả Nguyễn Đình Chiểu đã tài tình cho nhân vật những cá-tánh của

con người lục tỉnh bộc trực, thẳng thắn, có tình nghĩa, lạc quan và chịu đựng, can đảm. Riêng Lục Vân Tiên đã là một hiện tượng về xuất-bản hồi đầu thế kỷ 20, được tranh giành nhau in và bốn cũ soạn lại, thành cũng có một số dị bản, và lại tác-giả mù lòa đọc cho học trò và con cháu chép lại nên khó mà kết luận đâu là nguyên-bản trung thành nhất. Truyện Tàu thay thế phần nào chỗ của Lục Vân Tiên, cung cấp cho người đọc (và người nghe kể) những hình ảnh anh hùng, những gương sống và ứng xử ở đời, do đó gây thích thú say mê nhiều thế hệ và hấp dẫn nhiều tầng lớp xã hội, trí thức, dân thị thành cũng như thợ thuyền, nhà nông. Nhà văn Trúc Hà tác-giả một số biên khảo văn học sử từng thú nhận ông mê truyện Tàu ra sao: "Giữa khoảng tám, chín tuổi, tôi sống với truyện Tàu. Không một bộ truyện nào trong thời ấy có bán mà tôi không đọc. Tôi lấy làm thích mà tưởng tượng Triệu Tử đang tung hoành ở Đương Dương trường bản, La Thành đi miếng hồi mã thương, Lưu Khánh nhẹ nhàng cất mình lên không nhờ cặp tích vân phách. Nhà viết truyện cổ thời của Trung Hoa khéo sáng tạo những nhân vật phi thường có thể thỏa mãn đầy đủ tánh hiếu kỳ và vượt hẳn sức tưởng tượng của độc giả. Tôi còn thích hơn nữa là nghe được mấy ông lão trong làng bình phẩm các nhân vật ấy"(11). Cụ Vương Hồng Sển thì học được nhiều bài học xử thế từ những tuồng đời bất hủ trong truyện Tàu, ông viết cả một tập tản mạn *Thú Xem Truyện Tàu* (12).

Truyện Tàu được người trong Nam ưa thích đặc biệt phần lớn là tiểu-thuyết bạch thoại trường thiên xuất hiện từ thời nhà Minh, thành công mở đầu cho truyền thống tiểu-thuyết chương hồi - theo thứ tự xuất hiện là *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* (đào viên kết nghĩa: Lưu Bị -Quan Công - Trương Phi; Ngũ Hồ (cắt máu ăn thề); *Thủy Hử* (tứ hải giai huynh đệ: Lâm Xung, Lỗ Trí Thâm, Võ Tòng, Dương Chi, Tống Giang), *Tây Du Ký* (Đường Tăng, Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới, Sa Tăng), rồi *Liệt Quốc Chí Truyện*, *Phong Thần Diễn Nghĩa* (các vua Vũ, Trụ), v.v. Riêng *Kim Bình Mai* cũng thuộc thời này, nhưng giới dịch thuật Việt Nam lúc bấy giờ chưa đụng tới - phải chăng cũng vì lý do đạo lý? Dù vậy, cũng có thể vì áp lực đạo lý mạnh mà lại có hiện

tượng buông thả vượt cương tỏa luân lý Tống Nho: Lê Hoảng Mưu năm 1915 đã "dám" viết *Hà Hương Phong Nguyệt* (ghi chú là "roman fantastique"), và đến 1931, *Người Bán Ngọc* kể chuyện phòng the với nhiều chi tiết tuột khỏi khuôn luân lý đương thời, trở thành cây viết tiên phong trong lãnh vực, trước cả Vũ Trọng Phụng, Trương Tửu, ... !

Truyện Tàu văn bạch thoại, mang hình thức truyện kể, do đó có những đặc điểm là dễ đọc, dễ hiểu, có thể đọc đứt đoạn - trong khi "văn ngôn" súc tích câu kỳ gằn thê truyện ký hơn là tiểu thuyết. Về thể loại, truyện Tàu cũng đa dạng : đã sử như *Tam Quốc Chí*, *Phong Thần Diễn Nghĩa*, *Tây Hớn*, *Đông Hớn*, ... ; võ hiệp, nghĩa hiệp, "đạo lý" giang hồ như *Thủy Hử*, ...; kỳ tình, tình cảm, xã hội như *Hồng Lâu Mộng*, *Kim Bình Mai*, .. phóng thích như *Nho Lâm Ngoại Sử*, ... *Phấn Trang Lầu Diễn Nghĩa* ở phần kết có hậu, yến tiệc khoản đãi người tài và ngay (La Xáng), trai tài gái sắc đoàn tụ (những năm phu nhon!), được thiên-tử tưởng thưởng, người viết truyện Tàu đã nói : "Lúc ấy cả nhà vui lòng đẹp ý, muôn thuở vinh hoa, ngàn thu khoái lạc; ấy cũng đủ mà sánh so cho trung nịnh hai đảng, và xét suy quốc vận. Nửa bộ trước mịt mù như địa phủ u minh, đến nửa bộ sau thiết rõ ràng là quang thiên hóa nhựt; cũng nên lấy sự than hiên viễn nịnh mà răn mình. Nay tôi dịch bộ truyện này ra đây, là có ý để làm gương cho kẻ hậu lai, coi lấy đó rồi suy cổ nghiệm kim, chớ có bất chúc theo lũ Trầm Khiêm mà mang tai mang họa. Thận chi! Giai chi!"(13).

Ảnh hưởng của truyện Tàu nhập vào trong đời sống, trong nền tảng đạo đức luân lý mà cả trong ca-dao, vè bình dân cũng như tiểu thuyết, lý luận của báo chí, giới trí thức sử dụng như phương tiện giáo dục. Dĩ nhiên từ truyện Tàu khai sinh ra nhiều điển tích, thành ngữ và nhân vật tiêu biểu, người ta có thể dùng trong đối thoại và thuật xử thế thường ngày (cùng với nguồn thứ hai là tục ngữ tức kho tàng khôn ngoan của riêng tiền nhân ta để lại). Những nhân vật Quan Công, Tào Tháo, Lỗ Thâm, Lữ Bố, Phàn Lê Huê, Đắc Kỷ, Diêu Thuyền, Bao Tự, Tây Thi, ... trở thành "điển tích" nói đến là ai cũng có thể hiểu và được đem vào trong các truyện thơ sáng tác! Trương Duy Toàn còn phỏng theo

nhân vật truyện Tàu viết truyện đăng báo Đơn Hùng Tín An Nam Tục Kêu Ba Tính (14).

Trước hiện tượng truyện Tàu bành trướng đến thành phố thông và bình dân một cách tự nhiên đó, có người bắt đầu lo lắng, lên tiếng tra vấn có nên không, ... Có người thì từ dịch truyện Tàu đi đến sáng tác như Hồ Biểu Chánh bước đầu muốn viết tiểu-thuyết cũng đã phải đi học chữ Nho (15) vì ông cho biết viết khó khăn vì "không tìm ra lời mà tả trí-ý cho người ta thông cảm được"(16). Ông bắt tay dịch lấy 20 truyện Tàu từ hai tập Tình Sử và Kim Cổ Kỳ Quan (sau xuất-bản 1910 tựa *Tân Soạn Cổ Tích*, cùng Giáo Sỏi Đỗ Thanh Phong) và viết truyện lục bát *U Tình Lục* ("roman annamite"), trước khi thật sự viết truyện văn xuôi với *Ai Làm Được* (1912, đăng *Nông Cổ Mìn Đàn* 2-1920, xuất bản năm 1922). Có người không dịch mà bắt đầu bằng sáng tác như Trần Thiên Trung viết cuốn *Hoàng Tổ Anh Hàm Oan* (1910), trong lời Tựa ông cho biết : "... Nay tôi ngụ ý soạn một bản nói về việc trong xứ mình, dùng tiếng tầm thường cho mọi người dễ hiểu đặng. Ấy là làm thử, nên chỗ nào có sơ siêng, xin chư quý vị khán quan dung túng. Truyện này tuy là đồ thuyết, song theo cuộc đời thường tình thiên hạ hằng có như vậy luôn, chẳng phải nói việc dị đoan sang đàng quá trí khôn cho con người"(17). Tờ *Nông Cổ Mìn Đàn* 3-5-1910 quảng cáo truyện này cùng với *Phan Yên Ngoại Sử Tiết Phụ Gian Truân* cho biết: "Từ xưa nhứt nay, truyện nào sách nào cũng chỉ có một việc khuyên lành lánh dữ mà thôi. Song người trước thường ưa những việc dị đoan, cho nên phải lập dị đoan mà răn thiên hạ, chớ như đương lúc nầy là lúc văn minh đã tràn ra khắp hoàn cầu, vậy ta cũng nên bỏ mất cái nẻo dị đoan lần lần, đặng có gọi nhuần gió Mỹ mưa Âu, hầu mở mặt mày cùng chư quốc. Nay có một bọn nho gia hiệp lại kêu là Trứ Thơ viện mà làm truyện đời nay hoặc truyện đời xưa của Nam Việt và truyện Âu Mỹ... trong ấy chỉ lo một điều thuần phong mỹ tục, còn những thói hư vô bạo ngược thì đều có lời răn luôn..."(18). Một người khác cùng thời là Trương Duy Toàn cũng bắt đầu sự nghiệp với sáng tác, vì "theo trí mọn của tôi nay phải bỏ những Lê Huê pháp thuật, Kim Đinh thần thông, Khương Thượng phong thần (...) mà sắp bày những

món cho mới miễn là lánh khỏi cái nẻo dị đoan và báo ứng phân minh là đủ rồi"(19).

Bước đầu truyện Việt Nam đã phải cạnh tranh khó khăn với truyện Tàu, một trong những lý do khiến phải đăng trên các báo hoặc quảng cáo các hiệu thuốc người Hoa như trường hợp hai cuốn truyện của Nguyễn Chánh Sắt, *Tình Đời Ấm Lạnh* in trong *Thiên Sanh Đường* đại dược-phòng ở Chợ Lớn và *Nghĩa Hiệp Kỳ Duyên* in trong sách quảng cáo *Vệ Sanh Chỉ Nam* (1919) của nhà thuốc Nhị Thiên Đường, v.v. Đó cũng là lý do khiến nhiều nhà trí thức tân học không để ý tìm đọc hoặc xem thường. Nhưng rồi truyện Tàu cũng như truyện Việt Nam đều đã trở nên món ăn tinh thần của mọi tầng lớp dân chúng, mà rồi ngôn ngữ cũng chuẩn hơn và kỹ thuật, hình thức cũng thuyết phục người đọc hơn!

Đạo lý trong truyện Ta

Truyện Tàu chương hồi bạch-thoại đọc để giải trí, lại chuyên chở đạo lý nên dù có tính dung-tục không nhiều giá trị văn chương nhưng có nghệ thuật và hợp thị hiếu đa số quần chúng, giá trị tinh thần thật là thiết yếu cho buổi giao thời bấy giờ! Sau khi đã dịch và soạn sách giáo dục luân lý cũng như dịch truyện Tàu, các nhà trí thức, nhân sĩ nghĩ đến sáng tác tiểu thuyết. Như lời cổ võ của tờ *Nông Cổ Mĩn Đàn* vừa trích, "nay có một bọn nho gia hiệp lại kêu là Trứ Thơ viện mà làm truyện đời nay hoặc truyện đời xưa của Nam Việt và truyện Âu Mỹ... trong ấy chỉ lo một điều thuần phong mỹ tục, còn những thói hư vô bạo ngược thì đều có lời răn luôn...". Do đó mục đích của tiểu thuyết ban đầu có tính cách giáo dục, "văn dĩ tải đạo" vì các tác giả quan niệm tiểu-thuyết có khả năng giáo hóa quốc dân; họ viết đủ loại "kim thời tiểu thuyết" như "luân lý tiểu-thuyết", "nghĩa hiệp tiểu-thuyết", "kiếm hiệp tiểu-thuyết", "lý tưởng tiểu-thuyết", ... các danh xưng sau cũng trong sứ mạng khai hóa, giáo dục, nên cuối cùng cũng là luân lý!

Như vậy khởi đầu, năm 1910 có Trần Thiên Trung tức Trần Chánh Chiêu viết cuốn *Hoàng Tố Anh Hàm Oan* (52 trang) và Trương Duy Toàn với *Phan Yên Ngoại Sử Tiết Phụ Gian Truân* (48 trang), tập trước truyện ta mà tác giả khiêm tốn gọi là "đồ

thuyết", tập sau truyện dã sử; hai tập tiểu thuyết đầu tiên 23 năm sau Nguyễn Trọng Quản này vẫn theo phân hồi như truyện Tàu cũng như bố cục vẫn hiệp rồi tan và cuối cùng "thiện ác đáo đầu chung hữu báo", mà các nhân vật hai phe chính và tà, và riêng *Phan Yên Ngoại Sử Tiết Phụ Gian Truân* cách đặt tên nhân vật cũng đã ngụ ý : Nguru Cường, Mã Kiện, ... như dựa theo truyện Kiều!

Cũng trong chiều hướng đó, Trọng-Khiêm khi viết *Kim Anh Lệ Sử* (1924), "một câu chuyện về đầu thế kỷ 20", đã cho biết tuy hình thức mượn của Âu tây nhưng "bề trong vẫn phảng phất cái hồn luân lý của Việt Nam cổ quốc ta vậy"(3). Thực vậy, hình như chủ đích của tác giả là phê phán xã hội buổi giao thời. Truyện kể cuộc đời bi thảm đầy nước mắt của một thiếu nữ con nhà nề nếp, vì hoàn cảnh gia đình sa sút phải chạy theo cuộc sống gian truân đầy cay đắng. *Mảnh Trăng Thu* của Bửu Đình, đăng *Phụ Nữ Tân Văn* năm 1930, xuất bản 1931, kể lại chuyện tình lãng mạn của đôi thanh niên tân học Minh Đường và Kiều Tiên lòng trong vụ án mạng ngay trong đêm hợp-cần người chồng Kiều Tiên bị ép lấy. Một cốt truyện và văn bản xuất hiện trước *Đoạn Tuyệt* (1935) của Nhất Linh về nếp sống hiện đại, mới, và những đụng chạm với những thể lực văn hóa cựu trào, nhưng câu văn, hình thức đơn sơ hơn!

Ảnh hưởng truyện Tàu nặng nề nhưng phần nào đó cũng là nền nếp, phong hóa của Việt Nam ta từ lâu đời. Có thể nói các tiểu thuyết của Nguyễn Chánh Sắt rồi Hồ Biểu Chánh là một phát triển tự nhiên từ những truyện Lục Vân Tiên, Hậu Lục Vân Tiên hoặc những truyện thơ phát triển mạnh ở trong Nam. Về hình thức đã vậy, mà về nội dung, các tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh và một số nhà văn tiền phong vẫn cố giữ yếu tố truyền thống dân tộc trong đó luân lý, phong hóa giữ một nhiệm vụ quan trọng. Đa số các tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh nặng tính luân lý, chỉ cần xem qua các tựa cũng đã rõ phần nào nội dung và chủ đích. Văn dĩ tải đạo, viết để xiển dương đạo lý, mà ông lại tỏ ra thủ cựu tư tưởng dù làm việc cho tân trào là chánh quyền thuộc địa Pháp. Một đạo lý truyền thống nhưng phổ quát, bình dân, thực tế áp dụng chứ không luân lý suông, cứng nhắc, do đó

mà truyện ông lắm khi dài dòng: cảnh Trần Văn Sửu lỡ xô ngã sát vợ ngoại tình, mười mấy năm trốn sống vùng người Thổ (Miên) lén lút về thăm con, dài dòng nói đi lý lại cốt chỉ để tả cha con thâm tình ra sao, tía vợ hiểu con rề thế nào, v.v. trong *Cha Con Nghĩa Nặng*! Tình cha con thâm thiết nhưng nhẹ nhàng, đầy đủ chứ không cứng nhắc như "nghiêm đường, hiểu tử" ở miền Ngoài! Tình phụ-tử con với cha được Hồ Biểu Chánh triển-khai trong *Ngọn Cỏ Gió Đùa* khác với nguyên bản *Les Misérables* của Victor Hugo : tình con Vương Thê Phụng đối với cha Thê Hùng thật thâm thiết! Bên cạnh lànhững chuyện khuyến khích lập gia đình, con thừa tự (*Cay Đắng Mùi Đời*), cổ võ những hành xử đúng trái đạo luân thường (*Bức Thư Hối Hận*), ... Đạo lý làm người quân tử cũng được cổ võ (*Bức Thư Hối Hận*, v.v.), ...

Như vậy nghĩa là vẫn có phần riêng của phong hóa Việt. Vẫn mạnh tư tưởng đạo đức luân lý, tính nghĩa hiệp, trọng công bằng và tình người. *Phan Yên Ngoại Sử Tiết Phụ Gian Truân* 1910, kể chuyện chàng Vương Thê Trân ở Phan Yên (tức Sài Gòn) thời Nguyễn Huệ đánh lấy thành Gia Định, chàng lên đường giúp Chúa Nguyễn qua bao chiến đấu trận mạc để rồi cuối cùng tái-hồi hôn lễ với Nhan Khả ái tiểu thư bị cướp Chàm bắt cóc. Truyện nói đến nhiều thứ tình nghĩa lỏng trong không khí kêu gọi cứu nước khỏi thực dân Pháp. Đề cao hiếu nghĩa đã có Phạm Minh Kiên với *Hiếu Nghĩa Vẹn Toàn* (1923), Hôn nhân tuy vẫn theo nếp cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy nhưng cũng đã có hiện tượng dung hòa rộng rãi hơn, tự do luyến ái được đề cao hơn nhưng vẫn trong khuôn khổ. Có tác giả thực tế nhiều kinh nghiệm sống hơn như Hồ Biểu Chánh trong vài truyện như mặc nhiên nhìn nhận việc trai gái sống chung không hôn thú và cả "tiền dân hậu thú" (*Hai Thà Cưới Vợ, Bỏ Vợ*, ...), nhưng đâu đó vẫn thấy phân biệt được phải quấy. Xung đột mới cũ được đề cập trong nhiều tiểu thuyết của ông như *Tiền Bạc Bạc Tiền* (1925), đến *Chút Phận Linh Đình*, tình nghĩa vợ chồng nhiều thử thách trong xã hội xưa "cha đặt đâu con (trai) ngồi đấy, áo mặc không qua khỏi đầu", nhưng cuối cùng tác giả đã để cho nhân đạo và lẽ phải thắng, cải hóa hết trong đoàn viên và niềm vui. Bản chất

người được đề cao và "nhân chi sơ tánh bổn thiện", từ đó mới có chuyện hoàn lương, cảm hóa hoặc giàu sang mà không kiêu và gần gũi những cùng đinh trong xã hội!

Mặt khác, nếu truyện Tàu như Phong Thần kể những phép thuật tu hành - tiền bối của những truyện chương Kim Dung sau này, thì một số tác giả Việt Nam tin ở sự đầu thai (HBC *Tơ Hồng Vương Vấn*), tin ở Phật Trời (HBC *Một Đời Tài Sắc*), ... Tuy vậy đa số đều chủ trì sự thờ cúng ông bà như phần đông người dân miền Nam. Truyện đề cao lợi ích chung, của tập thể, quên cá nhân (*Giọt Máu Chung Tình* của Tân Dân Tử; *Ngọn Cỏ Gió Đùa*, v.v. của Hồ Biểu Chánh, v.v.).

Vai trò của phụ nữ được đề cao hơn so với văn hóa Tống Nho. Nhiều nhân vật nữ trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh có học khá như Đoàn Thu Hà trong *Khóc Thảm*, Xuân Hương trong *Một Đời Tài Sắc*, hoặc tích cực xông xáo như nhân vật Bạch-Tuyệt trong *Ai Lâm Được* (1912,1922) hoặc nhân vật cô Hai Tân tự lập và có những tư tưởng tiến bộ và có những quyết định hay hành động vượt qua nếp sống cổ hủ của thời đại hãy còn nặng đạo lý Nho giáo trong *Tân Phong Nữ Sĩ*, vv. Theo tinh thần đạo lý của truyện Tàu, nhưng các tác giả Việt Nam cũng đề cao tính người, giá trị con người, muốn con người hãy làm con người đúng nghĩa và con người là hiện thân của Chân Thiện Mỹ - một đạo lý hoàn toàn nhân bản, dân gian, liên hệ đến hoàn cảnh sống cụ thể của miền đất Nam-kỳ tân lập, chứ không phải xuất phát từ giáo điều, tôn giáo!

Tiểu thuyết có hậu, quả báo nhân tiền, mọi việc đều có ý để răn dạy - anh-hùng nữ-kiệt trong truyện Việt Nam tha hồ "thể thiên hành đạo". Quan niệm tiểu thuyết đề giáo hóa con người, một số viết truyện đề cao đạo-đức, luân lý bình dân như Biền Ngũ Nhi (Kim Thời Dị Sử, đăng *Công Luận Báo* 10-1917, xuất bản 1921), Nguyễn Chánh Sắt, Hồ Biểu Chánh, ... Trần Thiên Trung trong *Hoàng Tổ Anh Hàm Oan* (1910) chứng minh thuyết nhân quả và người hiền rồi cũng được thưởng và kẻ ác phải đền tội. Nguyễn Chánh Sắt qua *Nghĩa Hiệp Kỳ Duyên* (1919): chuyện nàng Chăng Cà Mùm bị người Miên bắt cóc từ nhỏ về làm đầy tớ, với những nhân vật gian như Lâm Trí Viễn, Phi

Đàng, Triệu Bất Thanh, hiền như Trọng Nghĩa, .. Truyện minh chứng quan niệm đạo-đức xưa "thiện ác đão đầu chung hữu báo" với kết cuộc kẻ hiền được thưởng, được đoàn viên, kẻ ác phải chết hay bị trừng phạt. Cũng như trong các truyện sau đó của ông như *Tài Mạng Tương Đồ* (1925). Phú Đức thì thành công hợp thị hiếu với *Châu Về Hiệp Phố* 1926, Khuynh hướng giáo dục quần chúng do đó đã lộ rõ trong nhiều tác phẩm của thời khởi đầu này. Hồ Biểu Chánh kể trong "Đời của tôi về văn nghệ" rằng ông viết tiểu thuyết với ý muốn cảm hóa quần chúng theo con đường chính trực (20). Giáo dục quần chúng, đề cao những giá trị truyền thống của dân tộc như lễ nghĩa, nhân đạo, thuyết nhân quả. Đối với Hồ Biểu Chánh và một số nhà văn tiền phong miền Nam, tác phẩm được viết không cốt yếu để đưa ra những lý thuyết cao siêu trừu tượng, những diễn văn đao to búa lớn rỗng nội dung, mà như chỉ để chứng minh những truyền thống, tư tưởng luân lý ngàn đời, về chân dung những phong hóa đặt trong môi trường sinh động của buổi giao thời. Chính việc làm này đã đóng góp cho việc bảo tồn văn hóa dân tộc trước ảnh hưởng ngày càng lớn của văn hóa ngoại lai.

Truyện thời này nói chung nhằm mục đích hướng thượng, nội dung thường là cuộc thư hùng giữa thiện và ác, người viết luôn đề cao những nhân vật thiện hoặc người xấu cuối cùng cũng cải hóa, theo con đường lương thiện. Kết cục loại truyện này có hậu, thiện bao giờ cũng thắng ác. Lạc quan: nhân quả, phúc họa vô lường, ở hiền gặp lành, tin có thần đến cứu (*Ngọn Cỏ Gió Đùa* HBC). Ngay *Thầy Lazarô Phiền* cũng là truyện luân lý nói đến sự hối hận và chuộc tội! Đời sống mới, có tốt thì cũng có mặt trái. Các nhà văn tiền phong tiếp như Lê Hoàng Mưu (*Oán Hồng Quân Phùng Kim Huê Ngoại Sử*, 1920), Biên Ngũ Nhi (*Kim Thời Dị Sử*, 1921), nhất là Hồ Biểu Chánh ngay từ những tác phẩm đầu như *Ai Làm Được* (1912, 1922), v.v., đời thường đó được đưa vào tiểu thuyết một cách tự nhiên các nền tảng đạo lý trở nên nồng cốt cho một xã hội mới từ đây không vua ở trên và không huân-đạo ở địa phương, mà giai cấp nhà Nho cũng mất chỗ đứng!

Người dân thích truyện Tàu, cho nên một số nhà văn Việt Nam viết theo thị hiếu, vì người đọc thích những truyền thống ông bà để lại xuyên qua những chuyện trung hiếu tiết nghĩa, những gương dũng khí, anh hùng. Muốn so sánh khi đối thoại hoặc lý luận, truyện Tàu đã có sẵn nhân vật hai mặt chánh-tà, trực-phản, nào Tần Cối-Nhạc Phi, La Thành-Đơn Hùng Tín, Tào Tháo-Quan Công, Tôn Tẫn-Bàng Quyên, v.v. Như vậy, có người tiếp tục cóp nhặt sản phẩm văn hóa Trung Hoa, nhưng lại có người chủ xướng một tinh thần học thuật có tính quốc gia và bài xích chống đối những gì là của ngoài (Ấn, Hoa,...). Khoảng năm 1907, một số nhà Nho ở Nam kỳ như Tân Dân Tử, Nguyễn Tử Thúc đề xướng việc "đưa Quan Công về Tàu" và "mời Thích-ca về Ấn Độ" gây thành phong trào quốc gia phục hưng (21). Mặt khác cho rằng truyện sử Tàu không đáng học bằng lịch sử nước ta. Từ đó có hiện tượng truyện lịch sử mà số lượng rất đáng kể dù về văn chương và hình thức chưa trưởng thành lắm. Các truyện lịch sử này là một phản ứng lại khuynh hướng mê truyện lịch sử Tàu, một thức tỉnh của tinh thần dân tộc đối kháng với ảnh hưởng Trung Hoa. Vấn đề quốc-gia xã-tắc : dân tộc đang gặp khủng hoảng trong một xã hội bình mà không an vì những phong trào kháng Pháp vẫn liên tục âm ỉ hoặc ra mặt và kẻ cai trị không được lòng dân! Phần khác, một vài đạo lý chủ trì trong các truyện Tàu có thể không thích hợp với thời đại và người Việt, các nhà văn nhà báo Việt Nam xét lại tính quân tử Tàu cổ chấp và cực đoan ở Quan Công, Bá Di Thúc Tề, Giới Thôi Tử, v.v. cũng như đề cao sự uyển chuyển hợp lý trong hành động qua một số nhân vật tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, Phú Đức, v.v.

Tinh thần đạo lý Nho giáo đề cao lòng trung quân ái quốc và người siô-phu Việt thêm tự hào dân tộc. Thời đầu thế kỷ, một số nhà vận động Duy tân đã xuất bản những tập gọi là "tiểu-thuyết" (nay gọi là tiểu-luận) như *Minh Tân Tiểu Thuyết* (1907) của Trần Chánh Chiếu luận văn khuyên đồng bào theo lẽ phải và "minh minh đức"(làm sáng đức sáng) và "tác tân dân" (làm mới dân)! Sau đó phong trào lớn mạnh, bị đàn áp nhưng lúc nào cũng có người vận động, các Trữ thơ viện và Thư xã cũng như các hội kín mọc lên ở nhiều nơi.

Một số tác-giả viết truyện lịch-sử Việt Nam như Phạm Minh Kiên (*Việt Nam Anh Kiệt Vì Nghĩa Liễu Minh* 1926, *Lê Triều Lý Thị* 1931, *Tiền Lê Vận Mạt* 1932, *Vì Nước Hoa Rơi* 1936,...), Trương Duy Toàn (*Phan Yên Ngoại Sử Tiết Phụ Gian Truân*, 1910), Tân Dân Tử (*Giọt Máu Chung Tình* 1926, *Gia Long Tẩu Quốc, Hoàng Tử Cảnh Như Tây và Gia Long Phục Quốc*). Tiểu thuyết lịch sử *Giọt Máu Chung Tình* không thành công về văn chương nhưng đã gây tiếng vang thời đó nhờ ở nội dung chuyện tình Bạch Thu Hà - Võ Đông Sơ giả tưởng con Võ Tánh xảy ra vào đời Gia Long, đề cao trung hiếu tiết nghĩa với hai cái chết của đôi tình nhân vào cuối truyện. Võ Tánh ứng mộng dạy bảo Đông Sơ hy sinh vì nước : "Con ôi! Con hãy coi theo cha mà tận trung báo quốc, cho rõ tấm nhiệt thành. Chẳng nên ràng buộc theo đám nhi nữ thường tình mà làm cho tiêu ma cái chí khí của con nhà trung thần hiếu tử. Con phải lấy giang san quê vức mà gánh vác ở đầu vai, phải lấy phẩm giá nhơn tài mà đúc rèn lòng thiết thạch..."(22). Đây là phản ứng lại phong trào dịch truyện Tàu theo tác giả đã làm "thêm mê muội tâm thần làm cho hai mươi mấy triệu linh hồn của quốc dân ta đến ngày nay hãy còn mơ màng theo lối ám quỷ làng ma, lẫn bần theo thói tin tà tưởng mị, đã chẳng lợi cho quê hương, mà cũng chẳng ích chi cho trí thức"(23). Tuyên ngôn văn chương nhịp nhàng với những bài báo nẩy lửa của Nguyễn An Ninh trên *La Cloche Fêlée* cùng những biến cố như cái chết của cụ Phan Chu Trinh (24-3-1926).

Trung quân ở đây là với nhà Nguyễn Gia-Long. Báo chí cũng như tiểu thuyết và nghiên cứu lịch sử trong Nam đều chứng tỏ lòng trung không lay chuyển với nhà Nguyễn, từ các Chúa Nguyễn đến các vua sau này. *Cours d'histoire annamite* (1875-1879) của Trương Vĩnh Ký cũng như *Đại Nam Việt Quốc Triều Sử Ký* (1879) đều xem nhà Tây Sơn là ngụy. Dân Sài-gòn ai mà không nhớ những vụ năm 1776 Nguyễn Lữ cướp lúa kho chở hơn 200 thuyền đem về Qui Nhơn và năm 1782 Nguyễn Nhạc giết 10,000 người Hoa thả trôi sông làm tê liệt kinh tế Sài-gòn. Sài-gòn cũng là kinh đô của chúa Nguyễn Ánh từ 1779 đến 1801. Trong tiểu-thuyết như *Giọt Máu Chung Tình* (1926) nền

truyện xây trên bối cảnh Tây Sơn là ngụy triều, là giặc, trong khi Gia-Long là chính-thống.

Hồ Biểu Chánh viết hai tập tiểu thuyết lịch sử *Nam Cực Tinh Huy* (1924) về thời Ngô Quyền và *Đại Nghĩa Diệt Thân* (1955) kể chuyện gia-đình làng xóm ông Nhiêu Võ Minh Giám thời Thủ Khoa Huân kháng chiến chống Pháp. Văn học thời kháng chiến ở Nam bộ chủ trì hiện thực và những vấn đề khẩn thiết của đất nước, do đó đã rời bỏ lãnh vực tiểu thuyết lịch sử xa xôi. Sau hiệp định đình chiến Genève tháng 7-1954, một số tác giả như Tô Nguyệt Đình (*Mỵ Lan Hương* 1961, *Cờ Bay Theo Gió* 1962, ...), v.v. đã tiếp tục truyền thống thể loại tiểu thuyết lịch sử.

Một khía cạnh khác của ảnh hưởng truyện Tàu và sự bành trướng của các "luân lý tiểu-thuyết" là hiện tượng văn học sân khấu tức bài bản hát bội và cải lương diễn từ các truyện Tàu cũng như các đề tài lịch-sử và truyện cổ Việt Nam. Các tuồng nổi tiếng: Sơn Hậu, Đình Lưu Tú và Trần Trá Hôn, v.v. được diễn nhiều lần. Chính một số tác-giả truyện soạn các bài bản cải lương như Trần Phong Sắc (viết 13 vở tuồng lấy tích truyện Tàu: Tham Phú Phụ Bần, Bội Thê Thiên Xử, Tam Tạng Xuất Thế, Đắc Kỳ Nhập Cung, Khương Hậu Thọ Oan, Hạng Võ Biệt Ngu Cơ, v.v.), Trương Duy Toàn (Kim Vân Kiều, Lục Vân Tiên, Trang Tử Cổ Bồn Ca, Lưu Yến Ngọc Cứu Cha Đại Hiếu, Hạnh Nguyên Cống Hồ), v.v.). Truyện *Giọt Máu Chung Tình* của Tân Dân Tử sau cũng được biến thành tuồng cải lương (Bạch Thu Hà) có một thời rất ăn khách! *Châu Về Hợp Phố* và *Lửa Lòng* của Phú Đức lên sân khấu cải lương thành nhiều vở Bách Sĩ Ma, Hoàn Ngọc Ân, Đỗ Hiếu Liêm Phục Thù, v.v hơn thập niên sau khi tiểu thuyết ra đời! Tính cách răn đời, đả kích cái xấu, đề cao đạo lý xem ra hữu hiệu hơn ở các vở cải lương hay ca vọng cổ, như đã từng với truyện thơ Lục Vân Tiên!

Tưởng cũng cần nhắc nhở ở đây rằng cái tinh thần đạo lý đó đã có trước thời văn học hiện đại vừa phân tích. Tinh thần đạo lý đã đến với con người miền Nam đất mới từ những giai đoạn Nam tiến: Song Tinh Bất Dạ của Nguyễn Hữu Hào đầu thế kỷ 18, Truyện Sãi Vãi (1750) của Nguyễn Cư Trinh, ... rồi truyền thống "nói thơ Vân Tiên" xuất từ Lục Vân Tiên của Nguyễn

Đình Chiểu. Có thể nói truyện Lục Vân Tiên đã thay thế các huấn đạo và thầy đồ và đi sâu vào cả những vùng hẻo lánh được Sơn Nam tài tình tả lại trong *Hương Rừng Cà Mau*. Từ Lục Vân Tiên sinh ra hàng loạt thơ biến thể như Hậu Lục Vân Tiên,... Trần Phong Sắc viết thêm 6 hồi truyện thơ Hậu Lục Vân Tiên Diễn Ca (1925. 54 tr.) - để tiếp nối truyền thống biểu dương chính đạo và trừ tà cũng như bọn gian - trong Lục Vân Tiên, người ngay là Vân Tiên tài đức, Kiều Nguyệt Nga chung thủy, Hớn Minh nghĩa hiệp, kẻ gian-tà là Bùi Kiệm, Trịnh Hâm, v.v. Đây là truyền thống giáo dục bằng văn chương bình dân. Nguyễn Đình Chiểu trong Lục Vân Tiên đã trình bày một số đề nghị cải cách xã hội cũng như đã cho thấy ngôn ngữ và tâm lý con người Đàng Trong.

Ảnh hưởng đạo lý mạnh mẽ với các truyện thơ rồi về bình dân : Thơ Thầy Thông Chánh (cuối thế kỷ 19), Thơ Sáu Trọng, Thơ Cậu Hai Miêng cả ba chỉ trích cuộc đời nhố nhăng và đều nhắm người Pháp. Đoạn mở đầu Thơ Cậu Hai Miêng :

"Đêm thu bóng nguyệt soi lành,
Bâng khuâng dạ ngọc chạnh tình ngâm nga.
Xét trong thế sự người ta,
Tài ba cho mấy cũng là như không.
Cho hay thiên địa chí công,
Dữ lành báo ứng vô cùng mầu linh.
Gương xưa trông thấy rành rành,
Người nay xem đó giữ mình cho yên.
Nam Kỳ có cậu Hai Miêng,
Con quan lớn Tấn ở miền Gò Công,... "

Và đoạn kết Thơ Sáu Trọng :

"Trước sau lời đã tỏ lòng,
Anh em coi giữ lấy thân kéo lằm.
Chẳng ai ở dạng hảo tâm,
Bãi buôi trước mặt hại thầm sau lưng"(24).

Trí thức và văn chương hơn có các tác giả như Hồ Biểu Chánh đã chứng tỏ chịu ảnh hưởng đạo lý này qua hai công trình đầu đều là tiểu thuyết văn vần: *U Tình Lục* (viết 1909, xuất bản

1913, ghi roman annamite) và *Vậy Mới Phải* (viết 1913, xuất bản 1918), tựa sau phỏng theo vở kịch *Le Cid* của Corneille mở đầu:

"Trên đời chữ hiếu chữ tình,
Cả hai đều trọng, khó gìn vẹn hai.
Đêm thu nường án thơ dài,
Buồn xem ngoại sử thấy bài kỳ duyên
Tiều Lê niên hiệu Thuận Thiên,
Có quan học sĩ Thanh Tuyền là danh..."(25).

Truyện thơ ngoài loại sáng tác như vừa nói, còn có loại "bồn cũ soạn lại" như thơ Thạch Sanh, Lý Thông, v.v. Khi muốn dạy đời hay châm chọc, nói chuyện thời sự thì thơ thành vè và vè ở đây xa dần nghĩa gốc là một bài văn có vần và cốt kể chuyện. Vè được Huỳnh Ngọc Trảng gọi là "báo chí truyền miệng"(26) và thời đó cũng đã có "thơ rơi" là thơ nặc danh có vần có điệu về những việc chướng tai gai mắt trong xã hội - có lẽ đây là nguồn gốc của hiện tượng "thơ rơi" sau này?

Các nhà văn tiền phong của nền văn học chữ quốc ngữ ở miền Nam đã đại chúng hóa văn học, vì trước đó văn học quá trí thức với ảnh hưởng Nho học. Thứ nữa, đạo lý có thể biến mất ở miền đất đã bị thực dân ngoại bang xâm chiếm. Tinh thần đạo lý bình dân được các phương tiện văn hóa nói trên đến với người bình thường, mà rồi người trí thức cũng biết đến. Hồ Biểu Chánh tỏ rõ lập trường đạo đức của ông như là một tiểu thuyết gia cải lương xã hội. Trong số các tiểu thuyết gia thời đầu thế kỷ XX, Hồ Biểu Chánh có tư tưởng dung hòa cũ-mới một cách chọn lọc, mời gọi khai phóng và thực tế. Truyện ông nói đến đủ thể thái nhân tình mới cũ, chân dung và quan hệ, mỗi cái đều có tích cực cũng như mặt trái, vấn đề là làm sao để áp dụng vào cuộc sống, Hôn nhân gia đình là phong hóa tốt, nhưng cũng có những mặt trái, cổ hủ phong kiến cũng như theo mới quá tự do đều có những trở ngại, hạn chế. Mê tín dị đoan, ngoại tình, án mạng, lường gạt, thủ đoạn, v.v. xuất hiện thường xuyên trong nhiều tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, được ghi nhận như bức tranh xã hội nhưng đồng thời ngụ ý chê trách, mời gọi cải đổi. Cả giai cấp thống trị, quan lại mà ông là thành phần cũng bị ông phê phán (Từ Hải Yến trong *Ngọn Cỏ Gió Đùa*, Võ Như Bình trong *Bỏ*

Vợ, *Bức Thư Hối Hận*), vì đối với ông có nhiều cái vượt quá khuôn khổ đạo lý thông thường! Dĩ nhiên thể giới tiểu thuyết của ông vẫn có những địa chủ giàu lòng nhân ái, sẵn sàng giúp đỡ người hoạn nạn như Hội đồng Chánh trong *Khóc Thâm*, ... Ông có ý định dùng quan niệm đạo lý của dân gian "Thiện ác báo đầu chung hữu báo" để giáo dục con người, như ông đã từng nói trong "Đời của tôi về văn nghệ": "Viết tiểu thuyết để cảm hoá đặng lần lần dắt quần chúng trở về đường chánh đại quang minh"(21), thành thử ông đã không ngần ngại đưa cả những giảng dạy luân lý của tác giả vào, như một nghị luận. Các truyện nói đạo lý đi kèm với nói chuyện đời hoặc dùng chuyện đời để nói đạo lý, như Hồ Biểu Chánh phác họa được nhiều khuôn mặt đầy tình nhân ái của tầng lớp nông dân nghèo. Có định mệnh nhưng cũng có cố gắng của con người. Lê Văn Đó (*Ngọn Cỏ Gió Đùa*) định mệnh oan trái, cùng đình mạt vận, bị đời khinh rẻ một cách bất công, phải sống âm thầm, chịu đựng, không dám chống lại "định mệnh" cay nghiệt đó; vì muốn sống bình thường, nhân ái nên vẫn phải liên tục cố gắng dù bị vùi dập đến cùng! Xin ghi nhận về sau Hồ Biểu Chánh đã viết các thiên biên khảo và sưu tập như *Trung Hoa tiểu thuyết lược khảo* (1944), *Đông Châu liệt quốc chí bình nghị* (1945), *Nho học danh thơ*, *Nho giáo tinh thần* (1951),...

Những nhà văn khác cùng thời như Phú Đức viết *Châu Về Hợp Phố* (1926), *Lửa Lòng* (1929), v.v. và nhiều thập niên sau như Bình Nguyên Lộc, Ngọc Linh, các bà Tùng Long, Vân Trang, Hợp Phố, Minh Quân, v.v. cũng theo đuổi cùng mục đích! *Châu Về Hợp Phố* một thời nổi tiếng và tái bản nhiều lần; thành công và để đáp ứng đòi hỏi của độc giả, Phú Đức đã ra tiếp *Lửa Lòng* nối dài chuyện *Châu Về Hợp Phố*. Cả hai pha trộn trinh thám với võ hiệp kỳ tình; một thể giới anh hùng hiệp khách hảo hán quen thuộc trong văn chương Nam-kỳ vừa hiện thực xã hội đương thời như giới làm báo và guồng máy cai trị thực dân Pháp. Một thể loại tổng hợp đông-tây! Kết thúc câu chuyện *Lửa Lòng* thỏa mãn tự ái dân bị (Pháp) trị : Lâm Hồ Hiệp tự sát trước mặt quan biện-lý bên cạnh xác người yêu sau những lời vĩnh biệt "Một nhà được cả người là anh hùng, một nước được cả nhà như

vậy thì nước sẽ được mạnh được tự trị, không sợ nước nào đè nén áp chế. Người anh hùng mới ái quốc được, đưa hèn nhát không bao giờ ái quốc. Ở đời việc đáng chết, thì phải chết chứ có sợ, cái chết ấy là một vinh diệu rỡ mặt non sông, đẹp mặt nở mày, toàn cả quốc dân. Anh sẽ chết, ... chết vì nghĩa vụ, ... chết mà được rạng danh anh hùng là cái chết để cho người noi gương đó, ... chết vinh hơn sống nhục..." (27). Và chén rượu vĩnh biệt đàn em! Hiệp khách, giang hồ nhưng thấm đầy tình nghĩa, nhân đạo và lòng ái quốc - khác nào Hoàng Dung trong Anh Hùng Xạ Điêu của Kim Dung nửa thế kỷ sau!

Tóm, tinh thần đạo lý của văn học giai đoạn đầu này đã góp phần quan trọng cho việc bảo tồn, xiển dương văn hóa của Việt Nam và đặc thù của miền lục tỉnh đất mới dùng văn tự, văn viết mà giáo hóa, bảo tồn. Một câu hỏi: liệu tính đại chúng có làm giảm giá trị sáng tạo và văn chương của các tác phẩm xuất bản thời này?

Thể hiện trong hình thức, kết cấu

Ảnh hưởng của truyện Tàu thấy rõ nhất là vào giai đoạn đầu thế kỷ 20 trong hình thức và kết cấu các truyện và tiểu thuyết Việt Nam. Nhân vật, nội dung, khung cảnh lịch sử Việt Nam nhưng hình thức, thể loại vẫn bị ảnh hưởng truyện Tàu. Thứ nữa, ảnh hưởng rõ rệt ở thể loại chương hồi của truyện Tàu - có mào đầu có kết hậu! - và thường mở đầu với hai câu đối tóm lược nội dung như kiểu "abstract" hôm nay - tuy vậy nhiều nhà văn thời này đã biết phối hợp đông-tây cả trong thể loại, vừa chương hồi vừa hiện đại theo tiểu thuyết phương Tây. Hai câu đối mở đầu tập truyện *Phan Yên Ngoại Sử Tiết Phụ Gian Truân* như sau :

"Đời loạn lạc anh hùng toan ẩn tích,

Giữa lộ đồ hào hiệp gặp gian nan"(28).

Oán Hồng Quân Phùng Kim Huê Ngoại Sử (1920) của Lê Hoàng Mưu, mở đầu hồi thứ ba:

"Bỏ vợ góa Triệu lang cam mạng bạc;

Ôm trẻ thơ Phùng thị tạc lòng son"(29).

Hai câu có thể dùng để chung kết truyện, như: "Long vân thiên cổ kỳ phùng; / Loạn phụng bách niên túc ước", để chấm dứt chuyện tình của Tô Huệ Nhi (Lê Hoàng Mưu) (30).

Ảnh hưởng ở cách đặt tựa cô-động các chương hồi như trong *Bức Thư Hối Hận* (HBC): Cang mạnh dạn hy sinh, Bình để lời hối hận, ... Cũng như ảnh hưởng ở lối khai mào theo kiểu "trước đèn xem chuyện ...", nghe rồi kể lại, vừa khiêm tốn vừa nhắc nhở chuyện người xưa chứ không dám nhận là do mình sáng tác. Cách đặt tựa truyện khiêm tốn như *Việt Trung Tiểu Lục* (1920) của Nguyễn Thành Phương hoặc cũng còn phân biệt nội-ngoại, chính-dã như *Oán Hồng Quân Phùng Kim Huê Ngoại Sử* và *Tô Huệ Nhi Ngoại Sử* (1920) của Lê Hoảng Mưu hoặc "dã sử" nhẹ nhàng như những tiểu thuyết của Phạm Minh Kiên, Tân Dân Tử, v.v. chứ không như các cây viết tiểu thuyết lịch sử thời nay (2000) cứ ghi là "tiểu thuyết lịch sử"! Hoặc đem tác-giả vào cuối truyện cố cắt nghĩa tại sao có truyện, thí dụ lấy ở đoạn cuối *Nghĩa Hiệp Kỳ Duyên*: "... Vậy sẵn lúc này có ông Nguyễn Chánh Sắt là người đồng hương với ta, đang bình bút một tòa báo quán tại Sài-gòn, một người trước thuật có danh thì thầy nó cũng nên biên hết đầu đuôi lai lịch của vợ chồng ta đây, gởi lên cây người tô điểm lại cho hoàn toàn mà làm cho thành một pho tiểu-thuyết, gọi là Nghĩa Hiệp Kỳ Duyên rồi ấn hành ra hầu có nêu để làm gương mà lưu truyền cho hậu thế"(31).

Ảnh hưởng còn ở lối viết truyện như kể chuyện, ở văn tron trượt như nói, khiến lắt nhắt khi dài dòng, hoặc ở lối văn biên ngẫu, viết như để đọc, để kể với giọng lên bổng xuống trầm, không những trong văn tả mà còn cả trong các mẫu đối thoại. Trong *Oán Hồng Quân Phùng Kim Huê Ngoại Sử* của Lê Hoảng Mưu, nàng Kim Huê sợ ngộ Triệu Bất Lượng tại nhà ga Tân Hiệp đã xưng thiếp gọi thầy như sau: "Thiếp mới nghĩ thiếp là con nhà gia giáo, lại cũng có chút danh giá với đời; vì ngặt ngang bỏ nhà cha mẹ mà đi, tưởng lập đăng nên thân, chẳng dè rủi sa nơi bùn lầy. Lỡ vậy thì thôi, phải giữ sao cho 'bạch ngọc di ư ô nê bất năng tham thấp kỳ sắc' cũng như thầy 'quân tử xử ư trước địa bất năng nhiễm loan kỳ tâm', mới phải cho. Không lý đem thân ra mà lót đường, cho nhục nhã tông môn, hư danh tổ đức. Nghĩ vậy nên thiếp chẳng chịu dạn sương dày gió, theo một phường liễu ngô hoa tường, thiếp chẳng cam bướm chán ong chường, vui với lũ mèo đường chó điếm. Dầu rủi gặp lòng người nham hiểm,

thiếp cũng nguyên gìn chữ trình một điểm không dời. Thà thiếp cam chín suối ngậm cười, đền tội với đất mười trời chín ..." (32) - một Kiều Nguyệt Nga của năm 1920 đầu thế kỷ!

Ngoài ra, kỹ thuật xây dựng kết cấu, thường sắp xếp các tình tiết theo một trật tự thời gian xuôi, diễn biến trước sau. Mặt khác, kết thúc tác phẩm trong truyền thống này thường có hậu nhưng dễ mắc khuyết điểm thiếu tự nhiên: *Lòng Người Nham Hiểm* (1926) của Nguyễn Chánh Sắt kết thúc với cảnh "đại đoàn viên" hơi gượng ép! Thêm tính "vòng vo Tam quốc", không đi thẳng, mà phải chờ sự việc xảy ra, rồi lý luận, khuyên lơn! Lại có khi đang kể chuyện bỏ ngang để thêm nhiều cốt nghĩa, bàn luận luân lý dài dòng, như trong *Ngọn Cỏ Gió Đùa*, v.v. Nguyễn Chánh Sắt trong truyện *Lòng Người Nham Hiểm* vừa kể, đã lý giải tâm trạng của hai nhân vật Phan Quốc Chấn và Hoàng Hữu Chí.

Về nhân vật, ngoài các nhân vật xuất phát từ lòng sùng bái cổ nhân, các nhân vật lịch sử cũng như anh hùng giai nhân, thời này đã bắt đầu đa dạng có thêm những nhân vật đời thường và con người hiện thực của xã hội mới. Ngoài ra, các nhân vật trong tiểu thuyết đạo lý thường có tính tiêu biểu cho một hạng người: tốt hoặc xấu, thiện hoặc ác, khiến thiếu tính hiện thực. Có tác giả như Nguyễn Chánh Sắt, đi xa hơn vai trò, đặt tên tiêu biểu theo từng cá tính nhân vật: hiểm độc thì tên là Lâm Trí Viễn, Trịnh Bất Thanh người tốt có là Trần Trọng Nghĩa, Trịnh Thế Xương, người sẽ phải đền tội mang tên là Trịnh Phương Lang, Đào Phi Đáng! Hồ Biểu Chánh cũng vậy, đặt tên người con gái trinh trắng là Bạch Tuyết, kẻ có chí tên Chí Đại, ... Muốn đổi đời, nhân vật Lê Văn Đó đã phải đổi tên lại là Trần Chánh Tâm!

Ngoài ra, về thể-loại, truyền thống văn chương đạo lý có tính kể lể này đặc dụng thể-loại thơ lục bát, cũng có thể do truyền thống nói thơ Vân Tiên, đã ảnh hưởng đến nhiều thế hệ nhà thơ trong Nam, đến cả thời Bình Nguyên Lộc sau này, điển hình là những bài trong tập *Thơ Ba Mến* của ông.

Khuynh hướng tổng hợp tâm linh đặc biệt ở miền Nam

Từ những lưu dân đầu tiên từ Thuận Hóa đến những lớp di dân từ những vùng khác của đất nước đã đưa vào vùng đất mới

văn hóa dân tộc chính thống, sẵn có, truyền-thừa, để rồi khi hợp với dân địa phương trở nên một thứ văn hóa tạp-đa, phức-tạp hơn. Tính hiếu kỳ, hội-nhập, khai-phóng, ... tạo nên khuôn mặt (cũng như cái ruột) mới cho miền Nam, từ con người, nếp sinh hoạt, liên hệ xã hội đến tín ngưỡng, kiến trúc đền chùa. Người Việt sống chung với người Miên (Thổ), Chàm, Ấn (Chà), Hoa - mà Hoa ở đây là người Minh Hương tức cũng đã bắt đầu pha trộn - nếu chưa thì đã được gọi là khách, khách trú!

Về tín ngưỡng, Việt Nam ta đã đón nhận tam-giáo, mỗi đạo có thời thịnh suy, nhưng nói chung và với thời-gian, người Việt bao-dung, cởi mở hơn người Ấn, Hoa, do đó có hiện-tượng "tam-giáo đồng nguyên". Đạo ông bà sống chung với đạo Phật tiểu thừa, đại thừa và Bà La Môn, Hồi rồi Thiên Chúa giáo. Và người Việt thờ Trời, tin ở định-mệnh, thờ Quan-công, cả chư tiên chư thánh. Người ngoài di dân vào Nam lập nghiệp do đó hội nhập hòa mình với thổ ngời và con người xa lạ và khác tín ngưỡng, đã có khuynh hướng cởi mở, chấp nhận và hòa đồng theo các tín ngưỡng khác. Nguyễn Cư Trinh đã viết *Sãi Vãi* (1750) và Nguyễn Đình Chiểu trong *Dương-Từ Hà-Mậu* đã đề Tiên Nho ngồi lại bàn luận với nhau đi tìm Chính Đạo mà theo nhưng vẫn đề cao trung hiếu tiết nghĩa cùng trung quân ái quốc! Tức, các tinh-hoa đạo-lý đã được Việt Nam hóa, dung hóa! Mặt khác, tôn giáo, "tín ngưỡng" ở trong Nam trở thành tư tưởng, triết-lý sống thay vì vẫn là "tôn giáo" cứng nhắc như ở đất Bắc.

Từ Trương Vĩnh Ký đến Hồ Biểu Chánh, ta đã thấy có một tinh thần cộng-cư, dung hòa Đông Tây, văn minh khoa học Âu Tây với phong hóa, đạo lý Á-đông. Mặt khác, một khuynh hướng tổng hợp khác về tâm linh (syncretisme) chỉ có và mạnh ở miền Nam lục tỉnh hoặc xuất phát từ miền đất tổng hợp này. Nói chung, các tín ngưỡng "tư tưởng" này có tính cứu nhân độ thế. Lớn thì có các đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Bửu Sơn Kỳ Hương (Phật Thầy Tân An), ... Phần lớn là tín ngưỡng dân gian nhưng cốt tủy hoặc nguồn vẫn là đạo Phật cộng với tinh thần nông dân nghĩa là thích ứng với địa lý, đó là các đạo Lành, đạo Phật Đường, đạo Minh Sư, đạo Hiếu Nghĩa (Tứ Ân Hiếu Nghĩa), ... và đạo các Ông Đạo Dừa, Đạo Kiềng, Đạo Cây, Đạo Trần,

v.v. Riêng đạo Cao Đài thì tổng hóa rộng nhất, quy nguyên tam giáo và hợp nhất ngũ chi cũng như trở về nguồn thể tánh của các đạo vừa tự phức-thể ra. Có thể nói các tôn-giáo khi nhập vào đất đàng Ngoài vốn dễ dị-ứng, bảo thủ, định-kiến, đã được chấp nhận gần như nguyên-thể; nhưng khi vào đến đàng Trong thì từ khai-phóng đón nhận đã đi đến biến-hóa, tổng-hợp cho phù hợp tâm-hồn và nhu-cầu tín-ngưỡng của con người nơi vùng đất mới. Có những biến-thể đã sa-đọa thành mê-tín dị đoan, nhưng cũng có những tổng-thể thành công thuyết-phục được người bình dân cũng như trí-thức.

Đạo ở miền Nam có tính nhập thể nên có khuynh hướng dính luôn đến chuyện chính trị, quân sự: các đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo tổ chức như một guồng máy và có thời có quân đội hay lực lượng phòng thủ và an ninh riêng, như trước đó Thiên Địa Hội đến từ con cháu nhà Minh! Nhóm Minh-Tân của Trần Chánh Chiêu có liên-hệ nhiều với đạo Cao-Đài ở "tư tưởng" hòa đồng, tổng-hợp Đông-Tây, canh tân. Mà sau đó nhóm Phan Xích Long khi khởi nghĩa đã ghi trên lá cờ những chữ "Bửu Sơn Kỳ Hương" và "Thánh Minh Vương Phật" để thu hút quần chúng. Các đạo tổng hợp ở trong Nam lại thêm đặc tính hay sử dụng thể thơ trong kinh kệ nhất là thể lục bát, có thể vốn đã quen thuộc với con người miền Nam vẫn nói thơ Vân Tiên!

Hồ Hữu Tường là một điển hình tổng hợp đặc biệt đó. Tư tưởng và tác phẩm của ông thường mang tính tổng hóa này; ông có khoa học Tây phương (du học Pháp, có cao học Toán), thông thái lý thuyết chính trị (ông là đệ tử quốc tế), nhưng cũng là một tổng hợp tín ngưỡng khi ông phổ biến đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Hòa Hảo, ông cũng chứng tỏ rất rành Thánh kinh Thiên Chúa giáo và dĩ nhiên kinh điển Phật giáo cũng như các đạo. Khoảng 1970, ông xuống tóc tu tại gia theo đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Ông luận thuyết về hòa đồng (ra cả báo cùng tên khoảng 1966), và các chủ trương "đường lối thứ ba", Trung lập chế và giải pháp Siêu-lập của ông cũng do tính đặc thù tổng hợp của con người miền Nam của ông. Minh Đạo "cứu rỗi" của ông cũng là một tổng thể từ Hồ Quý Ly, Nguyễn Huệ (mà ông cho là tên Hồ Thơm) đến tư tưởng Phật tử Nam Á vào. Cũng như Phật Thầy

Tân An, Hồ Hữu Tường nói nhiều đến đáng minh quân cứu đời độ thế - một tổng hợp đạo lý tam cương ngũ thường cộng thuyết nhân quả và tận-thể luận (Hội Long Hoa). Cũng vậy, khi viết về văn học Việt Nam, ông chủ trương chỉ giữ lại phần bình dân, nôm và chữ quốc ngữ; nhưng về tư tưởng "Việt Nam" thì ông lại chủ trương xét hết những gì người Việt viết bất cứ ngôn ngữ nào! Trong *Lịch Sử Văn Chương Việt Nam*, ông nói: "nếu ghép các tác phẩm bằng chữ Hán, dầu cho người Việt viết ra, vào 'văn chương Việt Nam' là một việc vô lý" vì "văn chương của một dân tộc tất phải biểu diễn bằng tiếng nói của dân tộc ấy. Mà tiếng Việt không phải là một phương ngữ của tiếng Tàu,..."(33).

Trong *Tương Lai Văn Hóa Việt Nam*, Hồ Hữu Tường đề cao một nền văn hóa Việt Nam đặc sắc. Theo ông, Việt Nam có khả năng văn hóa đáp ứng cho toàn thể nhân loại "đòi hỏi một cái văn hóa, đòi hỏi cho đạo học, khoa học xưa 'chân ngược lên trời, đầu động xuống đất' để phụng sự cho văn hóa, để rồi văn hóa phụng sự cho nhân loại"(34).

Do đó tâm linh là một trong những đặc tính của văn học lục tỉnh, đậm nét từ Lục Vân Tiên, Trương Vĩnh Ký đến Hồ Biểu Chánh, Phú Đức, Phi Vân, ... rồi đến Hồ Hữu Tường, Sơn Nam, Nguyễn Thị Thụy Vũ, v.v.

Trong một nghiên cứu khác (1), chúng tôi đã trình bày ý kiến phổ biến của một số nhà văn học sử cho rằng thời đầu trong Nam chỉ biết dịch truyện Tàu bình dân (35), hoặc chỉ có những "tác phẩm tiểu thuyết cho một công chúng hạ lưu dễ dãi"(36), là không thấu triệt, là sai, vì thời đó trong Nam vẫn có dịch những truyện Tàu Tam Quốc Chí, Đông Chu Liệt Quốc cũng như đã có những truyện dịch chọn lọc từ các truyện cổ tích Kim Cổ Kỳ Quan và những bản dịch kinh sách như Đại Học, Trung Dung, .. của Trương Vĩnh Ký! Phán xét thiên lệch và thiếu công bằng. Truyện Tàu phổ biến rộng, được yêu thích vì được đa số bình dân thưởng thức và dùng như kim chỉ nam cho đời sống. Cũng như Lục Vân Tiên, truyện Tàu đã không được giới trí thức rộng tay đón nhận dù rằng chính các thức-giả đã phổ-biến truyện Tàu.

Thứ nữa, khi nhìn lại chữ quốc ngữ cứ tưởng là công cụ cai trị của thực dân Pháp và cũng như quyết định của người Pháp cho dịch sách Nho giáo với mưu đồ làm quên lòng trung quân ái quốc, nhưng thực tế đã cho thấy phản ứng ngược lại. Chữ quốc ngữ được các vị truyền giáo Bồ Đào Nha, Pháp, v.v. chế biến ra như phương tiện thông tin, truyền giáo (37), bị người Pháp sử dụng như phương tiện thống trị, đã trở thành phương tiện lần hồi vững vàng cho một nền văn học mới, hiện đại; bước đầu dùng để phiên dịch các tác phẩm văn học, sau được dùng để sáng tác. Thật vậy chữ quốc-ngữ đã tác động đến tư duy và ảnh hưởng lên đời sống văn hóa! Chữ quốc-ngữ, một trở trêu của lịch sử, đã là phương tiện để phát triển văn hóa, khai mở một nền văn học mới, mà còn chứng tỏ là khí-cụ thống-nhất ngôn ngữ và văn tự, từ ải Bắc đến mũi cực Nam. Thêm hoàn cảnh thuộc địa của miền lục tỉnh, khiến cho người dân ở đây thoát khỏi vòng cương tỏa của Tống Nho giáo điều, khoa cử gò bó, mà tư tưởng đạo đức Nho được người dân và trí thức gạn lọc để trở thành một nền luân lý truyền thống, không nhiều hình nhi thượng nhưng đã đủ đáp ứng cho những vấn nạn nhân sinh và đạo lý. Vào thế kỷ 19, cái học Nho giáo ở trong Nam đã khác Đàng Ngoài quá Tống Nho khoa cử làm hại văn chương văn hóa và tính đặc thù Việt. Trong Nam-kỳ lục-tỉnh đã nảy mầm tiết nghĩa, con người nhắm nghĩa lý hơn là câu nệ từng chữ từng luật. Lục Vân Tiên thí dụ đã đưa người đọc vào những phiên lưu của vùng đất mới với một tâm lý thích ứng với vùng đất của người dân lưu xứ từ từ xa dần không còn giống như trước đó ở Đàng Ngoài. Nhà trí thức hay văn hóa trong Nam từ thế kỷ 19 đã phải tự vượt chính mình (nhà Nho) để làm người Việt Nam ! Có thể vì lý do địa lý vùng đất mới và lại không còn giữ chặt "truyền thống" khiến đạo lý đã phải trở nên như vậy chăng?

Mặt khác, trong khi miền Nam "ôm" truyện Tàu và tiểu thuyết lịch sử thì ở miền Bắc cũng có phong trào mê truyện dịch Tàu ngoài Tam Quốc Chiếu, Đông Chu Liệt Quốc, Tây Sương Ký, ... còn là một Tàu trữ tình lãng mạn như Gương Tự Do, Tuyết Hồng Lệ Sử, Ngọc Lê Hồn, Vân Lan Nhật Ký, Dư Chi Phu (Chồng Tôi), Dư Chi Thê (Vợ Tôi), v.v. Những tiểu thuyết

của Từ Trầm Á đó đã đưa đến phong trào sáng tác lãng mạn như *Kim Anh Lệ Sử* (1924) của Trọng Khiêm, *Tổ Tâm* (1925) của Hoàng Ngọc Phách,... Đưa đến kiểu cách, phong lưu có nếp! Ngoài Bắc từ Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh cũng dịch nhiều tác phẩm tiếng Pháp hơn, do đó đưa đến hiện tượng mà Phạm Thế Ngũ đã chỉ lý nhận xét: "khi đã đọc Mai Nương Lệ Cốt hay Kê Khôn Nạn thì ít ra đối với một thiếu số, người ta chán Chinh Đông Chinh Tây, và thấy như rứa mới là tiểu thuyết chân chính"(38). Tuy nhiên họ Phạm không nhắc đến rằng trước đó, vào năm 1926, trong Nam-kỳ, Hồ Biểu Chánh đã tài tình Việt-hóa *Les Misérables* thành *Ngọn Cỏ Gió Đùa!* Một lý do cắt nghĩa là từ sau năm 1932, con người văn hóa, thơ văn trở mặt quay lưng lại Sài Gòn và hướng về Hà Nội như đỉnh cao của học thuật, văn nghệ cho đến thời kháng chiến chống Pháp thì văn học lại vùng dậy từ Sài Gòn!

Văn hóa gắn liền với địa dư, con người, do đó khi muốn nói đến văn hóa là phải nói đến một địa-danh nhất định và chúng mình được là sản phẩm đặc thù của con người từng sinh hoạt nơi vùng đất đó. Bản sắc văn-hóa là những cụ-thể cộng với những tâm linh, tinh thần, trù tượng, nhưng bộc lộ, hiển hiện qua vật chất, con người cũng như môi trường sống. Người miền Nam dù gì thì vẫn có một nếp văn hóa và đời sống tâm lý khác người ở những vùng khác. Có thể do ảnh hưởng truyện Tàu bình dân mà người Nam có những đức tính hào phóng, anh hùng mã thượng, hào hiệp ngang tàng và quân tử Tàu, mà phong lưu cũng khác! Truyện Tàu tóm lại đã ảnh hưởng đến sinh hoạt văn hóa của người Việt mà nhiều cao điềm có thể được ghi nhận từ hồi đầu đến cuối thế kỷ XX . Vào giai đoạn đầu của nền văn học chữ quốc ngữ, truyện Tàu đã đến với người dân Nam kỳ lục tỉnh thuộc địa của Pháp như một bù đắp cho khoảng trống tinh thần do việc triều đình nhượng đất, ở một vùng đất mới nơi phong hóa cổ truyền chưa thật sự chi phối. Nho học chưa đủ nên rể, con người lại tạp chủng hoặc chịu sự ảnh hưởng và hội nhập trong hoàn cảnh bắt buộc, do đó đạo lý nội dung của các truyện Tàu đã như một lớp đất phù sa bồi lên mảnh đất nhân-tình ít nhiều phối thai nếu không muốn nói là đơn sơ, "trình nguyên" (cả với trai tứ

chiếng gái giang hồ!). Lớp phù sa này trong hoàn cảnh đó đã là một căn bản, đã gây rễ tạo nên tâm tính con người lục tỉnh và biến họ khác đồng-bào ở miền Ngoài.

Khi người Pháp đến chiếm lục tỉnh miền Nam đã xáo trộn cuộc sống người dân cũng như các sinh hoạt thượng tầng. Thiên tử ở đất Thần-kinh nay càng xa hơn, mờ nhạt, văn hóa Tây phương nhập vào đời sống người dân. Đất, vật chất không còn, đã vậy hiểm họa Tây hóa ở ngay trước mặt không thể trốn tránh, người Nam-kỳ đã khéo trồng "cây" đạo lý để trường tồn phần tinh thần truyền thống. Giai cấp "sĩ, nông, công, thương" thay đổi giá trị, tổ chức xã hội, kinh tế thay đổi, nhà nông vẫn chính nhưng người thị thành ngày càng đông và dần dà nắm nhiều quyền về thương trường cũng như văn hóa (Trần Chánh Chiêu, Lương Khắc Ninh, ...). Những kẻ chủ động về văn hóa không còn là nhà Nho, kẻ sĩ, khoa bảng cũ, nay thay đổi, nay là những trí thức tân-học tức tây-học (Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Trọng Quản, Trương Minh Ký, Biền Ngũ Nhi, ...) và những kẻ làm quan chức cho Pháp (Huỳnh Tịnh Paulus Của, Tôn Thọ Tường, Hồ Biểu Chánh,...). Trong số có nhiều người nhạy bén với cái mới, cái khác sẽ vận-động khiến thêm nhiều người đón nhận rồi chấp-nhận cái mới, cái khác. Mặt khác, kẻ sĩ (cũ) thì chọn thái độ ở ẩn hoặc bất hợp tác với chủ mới (Phan Văn Trị, ...), thành thử sự tham gia chính thức của họ dần yếu đi trong các sinh hoạt văn hóa cũng như văn học nghệ thuật. Trong tình thế đó, các nhà cầm bút (nhà báo, nhà văn) đóng vai trò rất quan trọng trong việc hướng- dẫn dân-trí và cải-lương xã hội, và từ hoàn cảnh bị đất nước mất nhà tan đã tự lực giúp miền đất Nam-kỳ trở thành tự chủ về văn hóa. Trí thức mới làm báo, viết nghị luận và các thể loại văn chương, nội dung cũng nhắm văn hóa, tinh thần và cả chính trị, cụ thể thực hiện những quan niệm xiển dương đạo lý, "văn dĩ tải đạo", "văn ngôn chí, thi ngôn chí". Tinh thần đạo lý như đã trình bày, đã là cách thế của các nhà trí thức Nam-kỳ thời đó chống lại sự đô hộ của văn hóa Pháp, trung hòa cái độc tôn của kẻ cai trị, cũng là cách bảo tồn và truyền thừa phần nào phong hóa cổ truyền!

Mặt khác, tinh thần đạo lý này đã là căn bản để hiện-đại hóa văn học lịch triều chữ Nôm và Hán, với phương tiện chữ quốc ngữ - cũng chính chữ quốc ngữ đã chứng minh rồi ra là sợi dây liên hệ với đồng bào cả nước, với hồn Việt. Nếu chữ Hán và Nôm đã từ Đàng Ngoài vào Nam thì chữ quốc ngữ đã làm cuộc hành-trình ngược lại! Từ chỗ nội dung rập khuôn đạo lý cương thường và hình thức sáo mòn đi đến sáng-tác chú tâm đến nhân vật và kỹ thuật. Hiện đại hóa tức đa dạng hóa và màu mè hơn, do đó nhiều nhà văn đã phải phân đấu giữa truyền thống và hiện đại - vì hiện đại thời đầu còn mang ý nghĩa theo Tây, theo "ngoại bang"! Vừa hấp thụ, tinh lọc, vừa phải đề kháng chống lại ngoại-lai; hai vận động văn hóa với mục đích giữ gìn và dựng nên tinh-túy Việt Nam! Hoàn cảnh bị bắt buộc đó dù sao cũng đã giúp văn học hiện đại hóa dễ dàng hơn là tự ý đi tìm, giúp vươn ra khỏi cái vỏ á-đông để đi đến dung hòa, dung hóa, tổng hợp, để thích ứng với tình thế mới và nhân sinh quan mới. Người có Nho học còn khá đông, mà người Nam-kỳ gốc Hoa cũng tương đối có tỉ lệ cao, nên dịch truyện Tàu cũng tiện lợi đôi bề. Người giỏi tiếng Pháp dần dà đông đảo nên dịch truyện Pháp cũng thoải mái. Mà dịch truyện, sách Tàu hay Pháp đều là những tìm kiếm. Cái Tôi dần quan trọng ra nhưng vẫn còn nền tảng đạo lý, phải đợi đến nửa cuối thế kỷ XX ở miền Nam, cái Tôi sẽ chiếm gần hết chỗ văn học nghệ thuật!

Nói khác đi, văn hóa miền Nam lục-tinh là một tổng thể văn hóa mới, một dòng nước từ nhiều thượng và hạ nguồn giao lưu, kết chung lại và trở thành một "đặc thù" ở mặt tiềm-ẩn cũng như biểu-hiện. Đạo lý, tín ngưỡng, văn học, v.v. đều như cũ mà khác, mới mà như đã thấy qua. Những nỗ lực văn hóa vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã làm thay đổi miền Đàng Trong thành một miền Nam khác hẳn phần còn lại của đất nước. Tổng thể văn hóa này biến dịch theo thời đại và con người, khiến văn hóa miền đất này hồi thế kỷ XIX hay XX và hôm nay đều có điểm cốt lõi còn đó nhưng bao quanh bởi những biến thay và thời thượng. Do đó về văn hóa không thể xét đoán hay hoặc dờ, nhưng một điều có thể xác quyết chắc chắn là đã khác!

Từ đó nhìn lại hiện tượng của thập niên cuối thế kỷ XX ở trong nước có hiện tượng in lại sách của thời tiền phong văn học chữ quốc ngữ ở trong Nam: tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, Phú Đức cũng như các tác giả khác được in lại, được tìm đọc và nghiên cứu ở các đại học. Phải chăng đây là đi tìm một thời văn học bị bỏ quên, hay trân trọng tìm lại cái phong hóa - những bóng dáng, những tấm gương ("minh tâm bảo giám"), đã và đang mất dần? Phải chăng sau một thời liên lục chiến tranh, phân ly, loạn lạc, con người sống sót và hậu-sinh của họ muốn vớt vát lại phần nào những đạo lý, văn hóa đã bị rẻ rúng?

Nguyễn Vy-Khanh
4-2004

Chú-Thích:

1. X. Nguyễn Vy-Khanh. "Miền Nam Khai Phóng" in *Văn Học Và Thời Gian* (Văn Nghệ, 2000), tr. 15-61; cũng như các biên khảo của Bùi Đức Tịnh (*Phần Đóng Góp Của Văn học Miền Nam: Những Bước Đầu Của Báo Chí, Tiểu Thuyết Và Thơ Mới*, 1-1975; tb 1992: *Những Bước Đầu Của Báo Chí Tiểu Thuyết và Thơ Mới*), từ sau 1988 : Nguyễn Văn Trung, Tầm Vu và Nguyễn Văn Y. "Văn học chữ quốc ngữ ở Sài Gòn-Gia Định cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20". in *Địa Chí Văn Hóa Thành Phố Hồ Chí Minh*. Tập 2 - Văn Học. Thành phố HCM: NXB Thành Phố HCM, 1988); Nguyễn Q. Thắng (*Tiến Trình Văn Nghệ Miền Nam*, 1990); Bằng Giang (*Văn Học Quốc Ngữ Ở Nam Kỳ 1865-1930*, 1992), v.v.
2. Số ra mắt ngày 15-4-1865 nhưng thực sự chỉ từ 1869, khi Trương Vĩnh Ký làm giám đốc và Huỳnh Tịnh Paulus Của chủ bút, và với phần chữ quốc ngữ.
3. Trích theo tuyển tập *Khảo Về Tiểu Thuyết: Những Ý Kiến, Quan Niệm Về Tiểu Thuyết Trước 1945* (Vương Trí Nhàn biên soạn. Hà Nội: NXB Hội Nhà Văn, 1996), tr.44.
4. Trích lại theo Ngô Hà. "Lược sử báo chí thành phố 1865-1945". *Địa Chí Văn Hóa Thành Phố Hồ Chí Minh*. Tập 2 -

Văn Học. Thành phố HCM: NXB Thành Phố HCM, 1988, tr. 328.

5. *Mình Tâm Bửu Giám*. Bản Xuân Thu in lại từ bản Hoa Tiên (Sài-gòn, 1968), tr. 11.

6. *Thông Loại Khóa Trình*, số 2, tr. 3.

7. Vì có bản dịch in bất chính, theo Bằng Giang, *Văn Học Quốc Ngữ Ở Nam Kỳ 1865-1930*, NXB Trẻ, 1992, tr. 237.

8. Bằng Giang, *Văn Học Quốc Ngữ Ở Nam Kỳ*. Sdd, tr. 236.

9. Truyện chương Kim Dung có thể xem là một tổng hợp nhiều thể loại nghĩa hiệp, dã sử, tâm lý xã hội, triết lý, v.v. Thập niên 1960 còn là thời truyện Quỳnh Dao, cũng như truyện Kim Dung, được giới phê bình gọi là "cận văn học"(para-literature).

10. Trương Hiền Lương tác giả *Một Nửa Đàn Ông Một Nửa Đàn Bà* được dịch và xuất bản thời Cờ Trội văn nghệ 1987; Mạc Ngôn giải Tiểu thuyết Trung quốc 1995 tác giả Báu Vật Của Đời, Cây Tỏi Nổi Giận, Đàn Hương Hình; Giả Bình Ao tác giả Phế Đô, ... được đọc một phần vì nói đến và phê phán những truyền thống dân gian Trung quốc - như Lỗ Tấn đã làm hồi đầu thế kỷ XX. Từ 1992 trong nước tái bản truyện kiếm hiệp Kim Dung "đồi trụy" của miền Nam trước 1975, năm 1996 nhà Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh in Tam Quốc Chí, nhưng Hà nội thì từ năm 1999 mới chính thức dịch và xuất bản truyện kiếm hiệp, bắt đầu với cuốn *Tuyết Sơn Phi Hồ* (mà Tiền-Phong đã dịch từ thập niên 1960).

11. Trúc Hà. "Luân lý là gì?" *Đại Việt Tập-chí* 3, 1-11-1942, tr. 1, trích theo Bằng Giang. Sdd, tr. 248.

12. X. Hiếu Cổ Đặc San (SG) 2, 1970, Xuân Thu tb 1989, tr. 50.

13. Nguyễn An Khương. Bản Xuân Thu tb, tr. 414.

14. Theo *Khảo Về Tiểu Thuyết...* Sdd, tr. 421.

15. Ông đề ra 3 năm học các sách Tứ Thư. X. Nguyễn Khuê. *Chân Dung Hồ Biểu Chánh* (SG: Lửa Thiêng, 1974), tr. 30.

16. Trích tự thuật ở đầu cuốn *Cha Con Nghĩa Nặng*, đăng lại trong *Khảo Về Tiểu Thuyết...*, Sdd, tr. 27.

17. 3-1916, Trích KVTT ..., Sdd, tr. 26.

18. Trích theo *Địa Chí Văn Hóa TP HCM*. Sđd, tr. 236.
19. Lời Tựa, Phan Yên Ngoại Sử Tiết Phụ Giang (sic) Truân 1910, Trích theo *KVTT* Sđd, tr. 25.
20. X. Nguyễn Khuê. Sđd, tr. 33.
21. Hồ Biểu Chánh. *Đời Của Tôi Về Văn Nghệ* - theo Nguyễn Khuê. Sđd, tr. 30.
22. Trích theo Bùi Đức Tịnh. Sđd, tr. 192.
23. Lời Tựa, Trích theo Bằng Giang, Sđd, tr. 220.
24. Cả hai đoạn trích theo Bùi Đức Tịnh. Sđd, tr. 158-9 và 146.
25. Trích theo Bùi Đức Tịnh. Sđd, tr. 164.
26. *Về Nam Bộ*. NXB TpHCM, 1988. Tr. 14.
27. Phú Đức. *Lửa Lòng*. S.l.: NXB Tổng Hợp Tiền Giang, 1989, tr. 428.
28. Trích lại theo Bùi Đức Tịnh, Sđd, tr. 175.
29. Trích lại theo Bùi Đức Tịnh, Sđd, tr. 180.
30. Trích lại theo Bùi Đức Tịnh, Sđd, tr. 185.
31. Trích theo Bùi Đức Tịnh. Sđd, tr. 231-2.
32. Trích theo Bùi Đức Tịnh. Sđd, tr. 181-2.
33. Hồ Hữu Tường. *Lịch Sử Văn Chương Việt Nam*. Tập 1 : *Lịch Sử Và Đặc Tánh của Tiếng Việt*. Paris: Lê Lợi, 1950?, tr. 6 & 7.
34. Hồ Hữu Tường. *Tương Lai Văn Hóa Việt Nam*. Sài Gòn: Huệ Minh tb lần 3, 1965, tr. 58.
35. Nghiêm Toàn, *Việt Nam Văn Học Sử Trích Yếu 2*, Sài Gòn: Vĩnh Bảo, 1951.
36. Phạm Thế Ngũ. *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*: Văn học hiện đại 1862-1945. Đại Nam tb, s.d., tr. 85.
37. Song song với khuynh hướng trội bật hơn viết kinh sách bằng chữ Nôm và chữ Hán.
38. Phạm Thế Ngũ. Sđd, tr. 322.



GIẢI THOẠI VĂN CHƯƠNG (ĐỐI ĐÁP)

Hoàng Phùng Miên

Giai thoại 1

Đúng là tạo vật đồ tài. Hai thiên tài thi ca của Việt Nam là Nguyễn Du và Nguyễn Khắc Hiếu đều đã đau khổ tinh thần suốt cả một đời.

Thân phụ của Tản Đà vừa mất một thời gian ngắn thì thân mẫu của ông lại trở về nhà hát, đem theo người em gái đồng bào của ông, cô Trang. Đây là một vết thương lòng không bao giờ nguây nguôi được!

Không hiểu vì ngẫu nhiên hay cố ý trong việc đi tìm thú phong lưu, Trần Bình, bạn thơ văn của Tản Đà, một nhà Nho rất giỏi văn Nôm, một hôm đến nhà hát, gặp cô Trang, hỏi han nông nổi, rồi ứng khẩu làm bài hát nói "*Hỏi cô Trang*" và cất giọng hát:

Hỏi cô Trang
Có phải cô Trang em âm Hiếu?
Trong dáng ra yêu điệu con nhà.
Hỏi vì đâu nặng kiếp oan gia?
Bắt lưu lạc trời già kia cũng độc!

Cha Án Sát, anh làm Đốc học,
Nếp phong lưu bỗng chốc hóa truân chuyên!
Cất chén quỳnh nhớ bạn đồng niên!
Xui lòng khách bên đèn rơi nước mắt!

Vắng bạn cũ, thấy em như thấy mặt.
Ngừng roi châu lặng ngắt một hồi.
Đời mà đến thế thì thôi!
Nghĩ mình vinh hiển thương người lưu ly.
Hoa thơm em giữ lấy thì!

Thân phụ của Tản Đà là quan Án Sát Nguyễn Danh Kế, anh dì bà của Tản Đà là Nguyễn Tái Tích đậu phó bảng, đi Tri

huyện, sau được thăn Đốc học là bạn đồng liêu với Trần Bình cũng là Đốc học.

Các cụ nhà Nho xưa cho là bài hát nói ấy đã đánh dấu một cơ duyên kỳ ngộ và xót xa. Tuy lời thơ có phần hóm hỉnh, cảm động, chân thành. Song, chỉ chân thành ở chỗ nhớ bạn, chứ không phải ở chỗ thương người, lại hơi thiếu tế nhị là vô tình Trần Bình đã đưa cả cái gia phả của nhà bạn vào thơ ca, tức là nêu lên cái khổ tâm của cô Trang một cách sượng, mà sượng cũng vì chân thành (1).

Ngoài ra, Trần Bình không một lời an ủi hồng nhan.

Hơn nữa, ông lại khuyên nhủ cô Trang một cách vụng về, vô vị. Cánh hoa thơm này chọn đất sạch để mà rụng còn không được, nữa là giữ lấy thì (2).

Tuy ông có phần nản: "Đời mà đến thế thì thôi!" Nhưng, ông lại tự hào liền sau đó: "Nghĩ mình vinh hiển, thương người lưu ly," (3) làm cho cô Trang thấy sự vinh nhục tương phản mà tủi thân thêm.

Sinh bất phù hợp thời, cảm thương thân phận cô Trang, nay tôi - Ưu Quốc (giả thác) - làm bài thơ lục bát có ý ví cô Trang với thân phận nàng Kiều, vì cảnh gia biến, mà phải gửi thân vào chốn lầu xanh, lấy toàn ý trong truyện Kiều, thay lời cô Trang, trước là đáp lễ Trần Bình, sau là biện bạch và mỉa mai lại Trần Bình, như để cô Trang ngâm liền sau đó theo điệu kể truyện Kiều:

Lưu Lạc
(bài 44 trong Ưu Quốc thi tập)

Cho hay muôn sự ở đời,
Đều do tình cảnh ông trời gây ra!
Rõ ràng thực nữ tài hoa,
Kiều nhi cũng phải oan gia đoạn trường!
Em như hoa rụng bên tường
Ước gì Từ Hải mở đường tái sinh.
Đời người khi nhục khi vinh,
Cảm ơn bác đã hạ tình đoái thương.

Bùi ngủi hạt lệ như sương!
Tình này, nghĩa ấy khôn lường đực trong?
Đưa chân, nhắm mắt cho xong,
Kiếp xưa nặng nợ còn mong nổi gì!
Cũng liều một ả cầm thi.
(Hoàng Ưu Quốc)

Tôi đã dùng triết lý của truyện Kiều và triết lý hoàn cảnh của Taine, thay lời cô Trang, trả lời Trần Bình, lại mỉa mai là Trần Bình giả dối, "hạt lệ như sương" làm bộ khóc mà không có nước mắt. Cô nghi ngờ: tình cảnh của cô, cái nghĩa bè bạn của Trần Bình, đực trong, không ai hiểu nổi, không ai biết và nếu có thực sự xót thương thì cái chức Đốc học làm gì mà chẳng ra tay nghĩa hiệp, cứu được cô Trang ra khỏi thanh lâu.

Giọng kể truyện Kiều trầm buồn lột tả tâm trạng cô Trang lúc ấy.

Giai thoại 2

Hai câu ca dao sau đây rất giàu chất thơ, giàu hình ảnh trữ tình, tỏ tình tế nhị, kín đáo:

Hỡi cô tát nước bên đàng!
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?
Cô Cả, cô Hai đó ơi!
(ca dao)

Đây là một lối tỏ tình rất hay. Có người nói: tác giả hai câu ca dao này là Bằng Bá Lân. Nay, tôi nối tiếp hai câu ấy và làm thành hai bài thơ đối đáp, tỏ tình hoàn chỉnh:

Tỏ Tình
(bài 1)

Hỡi cô tát nước bên đàng!
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?
Trăng vàng đẹp mộng mùa thi

Theo anh về quách tát chi muộn màng!
-Thanh vân rộn rã bước đàng,
Anh về cò biển lộng vàng em theo!
(Ưu quốc thi tập, bài 48)

* * *

Tổ Tình
(bài II)

Hỡi cô tát nước bên đàng!
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?
-Ồm ờ anh hỏi làm chi?
Trở về đèn sách đi thi em nhờ.
Vinh quy bái tổ, biển cò,
Ngựa anh đi trước, bấy giờ em theo.
(Ưu Quốc thi tập, bài 49)

Nếu chỉ có hai câu ca dao cũ thì anh khóa nào đó đã ở thể
thượng phong, đàn anh.
Thêm bốn câu như trên, cô nàng chuyển thành ở thể đàn chị
và có ý khích cái chí của chàng trai.

Giai thoại 3

Trần Thi, một người con gái xinh đẹp, con quan, có tài thơ
văn mẫn tiệp. Mười chín tuổi, lấy chồng là Án sát. Chẳng may
chồng mệnh yếu. hai mươi sáu tuổi, góa chồng. Bà mở một ngôi
hàng bán sách ở phố tỉnh để nuôi con, cho khuây khỏa.

Bà có một người anh rể, con nhà khoa bảng, học đã giỏi, lại
thơ hay, ăn chơi nổi tiếng ở vùng bể, người có nước da bánh mật,
đôi khi có ý nọ kia với bà. Anh chàng được bổ Tri huyện, nhưng
được đúng năm năm thì bị cách chức, vì ông bố hoạt động cách
mạng. Sau, ông cụ chết trong tù. Từ đó, nhà giàu, anh chàng
càng ăn chơi dữ.

Một hôm, anh chàng lái xe hơi từ vùng biển, lên ăn giỗ ngoại gia, ghé thăm cô chủ ngôi hàng sách. Trần Thị phủ đầu bằng bốn câu tập Kiều:

Năm năm hùng cứ hải tần (4),
Một xe trong cõi hồng trần như bay.
Đến bây giờ mới thấy đây!
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình.
(Văn học dân gian)

Anh chàng cao hứng trả lời:

Chị cũng xinh mà em cũng xinh,
Hai tay anh muốn vịn hai cành.
Của trời mon mớn không thì uống
Vắng vẻ anh xin một chút tình?
(Ưu Quốc thi tập, bài 50)

Trần Thị tái mặt, hai tay run run, nhưng trấn tĩnh lại ngay, trả lời:

Nếp nhà tôi trọng tiết trinh,
Mon men chấm dứt cảm tình từ đây
Đừng vờ ngất ngưỡng tình say,
Gạo đây, muối đây ném ngay bây giờ.
Thù nhà, nợ nước sờ sờ,
Cánh bèo nam tử vật vờ trôi sông.
(Ưu Quốc thi tập, bài 50)

Đề cự tuyệt và nhắc nhở bốn phận làm trai cho người anh rể.

(1), (2), (3) Theo **Chơi Chữ** của Lãng Nhân
(4) Năm năm làm quan ở vùng bể.

NHÀ VĂN NGUYỄN NGỌC TU

Trần Hữu Dũng

Nếu bạn theo dõi văn chương Việt Nam mấy năm gần đây, và nhất là nếu bạn sinh trưởng ở miền Nam, hẳn bạn đã biết Nguyễn Ngọc Tu. Cô là một nhà văn nữ, còn trẻ (sinh năm 1977), quê quán ở Cà Mau và hiện vẫn sống ở vùng đất Mũi. Năm 2000, tập truyện đầu tay Ngọn Đèn Không Tắt của cô được giải Sáng tác văn học tuổi 20 lần II của Hội Nhà văn TP.HCM, và năm 2003 tập truyện Giao Thừa của cô cũng được một giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam. Ngoài ra cô còn là một khuôn mặt quen thuộc trên các tạp chí qua nhiều tạp văn, tạp bút....



Nguyễn Ngọc Tu, ngòi bút trẻ ấy, rõ ràng đã tạo được một chỗ đứng khu biệt cho mình. Nhiều người cho rằng cái độc đáo của Nguyễn Ngọc Tu là sự chân chất mộc mạc tươm ra từ mỗi truyện cô viết. Đúng, và dưới đây sẽ nói thêm. Song, trước hết, cái đầu tiên làm người đọc choáng váng (một cách thích thú), là nồng độ phương ngữ miền Nam trong truyện của Nguyễn Ngọc Tu. Nếu bạn là người Nam, và nhất là nếu bạn đã xa quê hương lâu năm, thì chỉ những chữ mà Nguyễn Ngọc Tu dùng cũng đủ làm bạn sống lại những ngày thơ ấu xa xôi ấy. Từ vựng của Nguyễn Ngọc Tu không quý phái hay độc sáng (như của Mai Ninh chẳng hạn) nhưng, đối nghịch, đó là một từ vựng dân dã, lấy thẳng từ cuộc sống chung quanh. Sự phong phú của phương ngữ trong tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tu là tích tụ của một thính giác tinh nhạy và trọn vẹn: nghe và nhớ.

Nhiều người nghĩ rằng, nói chung, văn chương miền Nam (dù gì cũng là vùng đất mới) không thể so được với sự chinh chu truyền thống của văn chương miền Trung, miền Bắc. Nguyễn

Ngọc Tư sẽ làm những người đó phải nghĩ lại. Đọc truyện của Nguyễn Ngọc Tư, họ sẽ khám phá rằng nếu dùng đúng chỗ, trong tay một tác giả cần trọng, phương ngữ mộc mạc miền Nam, giọng điệu dân dã miền Nam hoàn toàn có khả năng cấu tạo một nhánh văn chương đặc biệt, không giống, nhưng chuẩn mực không kém những miền khác. Mỗi truyện viết của Nguyễn Ngọc Tư là một bữa ăn văn chương thịnh soạn, dọn bày chu đáo, gồm toàn đặc sản miệt vườn, với những vật liệu hảo hạng, tươi sống.

Đàng khác, hiển nhiên, cái bất lợi của một tác phẩm nhiều phương ngữ là nó khó được những người không quen với phương ngữ ấy cảm nhận hoàn toàn (và tất nhiên còn là thử thách khó hơn cho người muốn chuyển nó sang một ngôn ngữ khác). Đối với những độc giả này, tác phẩm ấy chỉ là một công trình gọi tò mò, hoặc hấp dẫn vì lý do khác, mà phương ngữ là một chướng ngại cảm nhận.

Song, nhìn kỹ, sự hấp dẫn của truyện Nguyễn Ngọc Tư không phải ở kho từ vựng miền Nam dồi dào của cô, nhưng ở chỗ sử dụng phương ngữ tối đa và đúng chỗ vào những câu chuyện thật “miền Nam”. Đó là miền Nam của tình lẻ, của ruộng vườn, và nhất là của sông, của mưa (Dòng Nhỏ, Chợ Nổi Cà Mau - chút tình sông nước, Qua Cầu Nhỏ Người, Nhớ Sông, Nước Chảy Mây Trôi). Đó là miền Nam đã thái bình nhưng vẫn còn dấu chiến tranh - không ở sự điêu tàn vì bom đạn mà ở những vết thương trong đời người (Ngọn Đèn Không Tắt, Mối Tình Năm Cũ).

Trong cách chọn lựa tình tiết, cốt truyện, Nguyễn Ngọc Tư đã trung thành (một cách khó giải thích) với cái “tình tự” Nam bộ của quê hương cô. Chỉ những người sống và lớn lên ở một địa phương, thật sự mến yêu họ hàng làng xóm của mình, mới thể hiện tình tự với quê hương mình được như thế. Và, bởi ở đâu cũng có cái đặc thù, chính tính đặc thù lại là cái phổ quát nhất. Sự cá biệt của phương ngữ, khi được sử dụng để diễn đạt những tình tự phổ quát của con người, có khả năng vạch ra cái chung của cái riêng.

Câu nói của Vũ Hạnh về kịch miền Nam: “Sự giản dị, thoải mái và hồn nhiên của kịch miền Nam đều hướng về đạo nghĩa” (khi ông phê bình Kim Cương), cũng có thể áp dụng cho văn xuôi miền Nam. Nguyễn Ngọc Tư rất Nam như thế đó.

Văn của Nguyễn Ngọc Tư nghe như nhạc. Nhiều câu trong trẻo và buồn (nhưng không ghen ngào) như một bản vọng cổ hoài lang. Như cô viết: “Tự dưng nghe buồn, nghe thất vọng quá trời đất” (Một mái nhà), nhưng hình như cô không muốn người khác buồn theo cô. Giọng buồn của Nguyễn Ngọc Tư không là tiếng than vãn thì thầm của một người lớn tuổi, nhưng là một lời thốt, lửng lơ, đứt ngang, nhưng rất đủ, của một người trẻ bỗng nhiên phát giác những bất hạnh của cuộc đời, mà vẫn hi vọng. Văn Nguyễn Ngọc Tư là văn của lời nói. Cách ngắt câu của cô là cách ngắt của âm điệu. Cái tài của Nguyễn Ngọc Tư là đem những cảnh tượng rất bình thường, khoan lại, biến nó thành châu báu: “Cải qua cải lại, hai má con ngã ngửa ra, ủa, hơi đầu mà nói chuyện của người ta” (Nhà cổ).

Hồ Anh Thái, và vài người nữa, đã có khen “cách dẫn chuyện gọn gàng, sự cắt cảnh chuyên lớp chính xác” của Nguyễn Ngọc Tư, nhưng chưa thấy ai nói đến cấu trúc câu của cô. Mới và độc đáo. Lối bắt đầu với chữ “Mà,” rồi một dấu phẩy. Hoặc lối chen vào giữa câu một chi tiết trong ngoặc đơn: “Hai đứa tôi ngồi đầu đó (chỗ mà ai cũng nhìn thấy) nói chuyện chơi, có lúc, chẳng cần nói gì” (Nhà cổ). Hoặc lối đứt câu bằng một thán từ có âm bổng: “Sao tự nhiên em qua đây lằng xẹt vậy không biết?” (Lý con sáo sang sông).

Nhân vật trong truyện của Nguyễn Ngọc Tư hay khóc, và nhiều lúc cô khuyến khích nhân vật của mình khóc.

“Mãi dì Thắm không mở lời nói được, chỉ khóc là khóc, nước nở ồ ồ, nhìn cảnh mọi người xúc động, hỉ mũi rột rẹt nhưng không ai bước ra đỡ cho dì nín. Cho đến khi ông Mười xuất hiện, ông bảo, “mấy chú làm ơn dừng lại một chút” rồi cầm cái khăn rằn lau nước mắt cho dì Thắm, dì như trẻ con, lau khô rồi nước mắt lại trào ra. Ông Mười vẫn nhẫn nại chậm chiếc khăn lên khuôn mặt chớm già của dì, không nói gì hết, khuôn mặt bì sì

của ông hơi dùm lại, dường như ông cũng đau lắm, xót lắm” (Mối tình năm cũ).

Hay là:

“Nhưng không phải buồn Phương lấy vợ, tôi buồn là vì chiều nay, Nhân Phủ đã sụp đổ trong lòng.

Rồi họ, và cả má tôi đều bảo tôi khóc đi.” (Nhà cổ)

Nhưng, để ý: cái khóc của Nguyễn Ngọc Tư là vì thương yêu, không vì oán giận. Không phải là cái khóc nghẹn ngào, day dứt, ứ rữ. Đây là cái khóc ào ào như cơn mưa miền Nam, và người đọc biết (hay mong mỏi) chỉ khoảnh khắc thì mưa sẽ tạnh, nắng sẽ lên và nhân vật của Nguyễn Ngọc Tư sẽ quẹt nước mắt xông vai trở lại cuộc sống bận rộn của mình.

Chính vì Nguyễn Ngọc Tư còn trẻ, cô nhìn cuộc sống bằng cặp mắt trong sáng (khác với lạc quan) và trung thực. Cô không giả vờ dấn vào nội tâm như nhiều nhà văn (không chỉ ở Việt Nam) ham đòi thời thượng. Nhưng Nguyễn Ngọc Tư không ngây thơ “chuyện đời”. Cô nhìn, cô nghe, cô biết hết. Nguyễn Ngọc Tư là một chứng nhân trung thực và tinh nhạy. Không phải chứng nhân cho những vụ việc hung hăng, thô bạo, nhưng cho những mảnh đời đơn dị, bình thường. (Truyện Nguyễn Ngọc Tư không có người lừa đảo, không có kẻ sát nhân. Có lẽ trong truyện của cô cái tội lớn nhất là tội... ngoại tình!). Nếu lúc gần đây truyện của Nguyễn Ngọc Tư có “buồn” hơn, ấy không phải vì mắt cô đã nhạt đi màu hồng (hãy mong thế), nhưng vì tầm nhìn của cô nó xa hơn và, trong quãng không gian mở rộng đó, cô thấy thêm những chuyện đời dang dở. Cô không buồn hơn, nhưng lọt vào mắt cô là những mảng đời buồn hơn.

Nhưng đừng tưởng Nguyễn Ngọc Tư là người hời hợt. Quả vậy, những truyện – nhất là những truyện sau này – đều là về những mối tình không trọn. Chẳng phải đổ vỡ, nhưng không trọn. Những mối tình đó không phải chỉ của người già, mà còn là những mối tình của thế hệ cô (Ngôn Ngôn) – hay thứ tự phải ngược lại? Nhìn cho kỹ, sự dang dở đó không phải lỗi của ai. Nguyễn Ngọc Tư chấp nhận nhưng không than oán, mà cũng không ra vẻ cứng rắn kiểu anh hùng rơm.

Những cặp “tình nhân” (tạm gọi) trong truyện của Nguyễn Ngọc Tư không bao giờ hôn nhau (như cô sẽ hỏi: ai làm chuyện kỳ vậy?). Nhiều lắm, thì chỉ như: “Quý mặc áo đứt mất tiêu cái nút trên, lồ lộ ra mảng ngực rấp nấp. Trong Đậm nhiều khi dậy lên một cái gì rung rức khó tả, chỉ mong nép đầu vào đó để quên nhọc nhằn, để quên nỗi cô độc lủi lủi trong đời”. (Giao Thừa)

Hay là:

“Nó ngồi sau lưng thầy... mà lòng nghe dịu ngọt lạ thường, chợt nghe thềm đến rớt nước mắt được nép mặt vào lưng, được choàng tay ôm eo thầy”. (Nước Chảy Mây Trôi)

Phần nào, sự chuyên biệt của Nguyễn Ngọc Tư vào những truyện loại này có thể làm người đọc lo ngại. Chẳng lẽ nghiệp văn của cô sẽ khoanh trong thể loại những mối tình không trọn, những ký sự đồng quê? Quả là Nguyễn Ngọc Tư có tài thiên phú, cô viết rất nhanh, rất khoẻ (trong vòng ba năm đã ra bốn tập truyện ngắn). Nhưng cái đáng lo là chỗ đó. Người ta bắt đầu thấy quá quen thuộc với truyện của cô. Chúng na ná như nhau, và dù rằng mỗi truyện vẫn đáng đọc, vẫn cho người đọc những giờ phút thú vị, nhưng sao ấy, chúng không còn để lại cái ấn tượng sâu đậm của những truyện mấy năm đầu. Đến lúc nào đó, nhà văn không thể chỉ sử dụng cái thiên bẩm của mình. Nhà văn phải đổ mồ hôi, xót con mắt, lã ngón tay (hay cho độc giả cảm tưởng ấy). Sự quanh quẩn trong những không gian, hoàn cảnh quen thuộc có thể là cái chớp đèn vàng (nhưng chưa đỏ) trên con đường văn chương của Nguyễn Ngọc Tư.

Nhiều người so sánh cô với Sơn Nam. Nhưng Sơn Nam là người viết ký sự giỏi, hầu như là nhà nghiên cứu, nhà dân giả học chuyên nghiệp. Nguyễn Ngọc Tư không như vậy, cô là nhà văn chuyên môn. Những cây bút khác ở miền Nam liền trước Nguyễn Ngọc Tư (như Lê Văn Thảo, Nguyễn Quang Sáng) là thế hệ của chiến tranh dành độc lập. Tuy Nguyễn Ngọc Tư không phải mang nhiệm vụ đó nữa, quá khứ ấy được cô đưa vào truyện một cách rất tự nhiên (Mối Tình Năm Cũ, Ngọn Đèn Không Tắt). Có lẽ Nguyễn Ngọc Tư không biết là chính cái trẻ của cô, cái tính “tinh nhỏ” của cô đã cho cô một lợi thế rất lớn. Đó là cô không bị hành trang của thế hệ trước làm nặng vai, hay

bị ảnh hưởng của những người đi trước (trong thư riêng gửi một độc giả, Nguyễn Ngọc Tư cho biết chưa từng đọc Võ Phiến, chẳng hạn).

Một đặc điểm của Nguyễn Ngọc Tư là hình như cô đã chớm thấy sự khác biệt giữa cô – như một nhà văn – và những người khác (chẳng hạn như trong Một Mái Nhà, Nguyệt - Người Bạn Không Biết Viết Văn). Đây là một điểm tốt nhưng cũng là một dấu hiệu nguy hiểm. Tốt vì cô ý thức trách nhiệm (trong chừng mực nào đó) của mình, nhưng nguy hiểm vì nó có thể gây một tự giác quá độ về chỗ đứng của cô – như một nhà văn – đối với xã hội. Nhà văn, theo tôi nghĩ, vừa phải đứng trong vừa phải đứng ngoài dòng cuộc sống. Song Nguyễn Ngọc Tư lại có vẻ thành thật tiếc nuối cuộc sống bình dị của những người không viết văn. Đặt vấn đề cách khác, những nhà văn trẻ Việt Nam như Nguyễn Ngọc Tư, từ trước đến giờ vẫn sống với cái bẩm sinh của mình, sẽ ra sao khi biết được nhiều hơn về văn đàn (thế giới), khi ý thức hơn “nghề văn” của nhà văn? Đó là những câu hỏi lớn, định đoạt chỗ đứng tương lai của nhà văn đó trong khu vườn văn học.

Một cái “bệnh” của những người viết trẻ bây giờ là mặc cảm (hay đua đòi) phải dùng một bút pháp mới, mô tả xã hội tân thời (thường được xem như đồng nghĩa với lối sống thị thành), đôi khi phải làm ra vẻ biết nhiều, học rộng. Nguyễn Ngọc Tư không cần “làm dáng” kiểu ấy. Cái mới trong văn Nguyễn Ngọc Tư chính là cái cũ, cái lạ ở cô là tài khai mở những sinh hoạt thân thuộc trước mắt. Nguyễn Ngọc Tư không “vén màn” cho người đọc thấy cái chưa từng thấy, cô không dẫn dắt ta khám phá những ngõ ngách của nội tâm mà ta chưa từng biết (một điều cũng rất cần, nhưng để những nhà văn khác). Cô chỉ đưa ra một tấm gương rất trong, thật sáng, để chúng ta nhìn thấy những sinh hoạt, tình tự rất thường. Và qua đó, lạ thay, như một tiếng đàn cộng hưởng, ta khám phá cái phong phú của chính đời ta.

Tuổi trẻ của Nguyễn Ngọc Tư làm người đọc vừa mong đợi, vừa âu lo. Mong rằng tài năng của cô sẽ chín ra, sẽ lớn thêm. Nhưng lo rằng, với tuổi đời, giọng văn tươi mát đó sẽ không còn thích hợp với những đề tài có gam màu sậm hơn. (Nhưng khoảng cách hai năm, từ Ngọn Đèn Chưa Tắt sang Giao Thừa, sự tiến bộ

của cô – đúng ra là sự thích ứng với kinh nghiệm sống của cô, buồn hơn, thâm thúy hơn – làm người đọc hi vọng).

Chúng ta mong sự trưởng thành của Nguyễn Ngọc Tư sẽ là sự trưởng thành của thế hệ trẻ Việt Nam. Ta mong cô sẽ tiếp tục là một người ghi chép chân thật những chuyển biến của đời sống dân tộc. Nếu cô làm được điều đó thì chúng ta thật cảm ơn cô. Tài năng của cô đúng là thiên phú. Nguyễn Ngọc Tư là một "đặc sản" của miền Nam.

Trần Hữu Dũng
Department of Economics
Wright State University
Ohio - USA



HẠNH PHÚC

Nguyễn Nguyên



*Dịu dàng em hỏi anh
Thế nào là hạnh phúc.
Mơ màng anh sẽ đáp
Nó bàng bạc nơi nơi.
Nó giống như màu xanh,
Của lá non mơn mớn;
Nó giống như màu đỏ,
Tươi thắm sắc hoa đào.
Như rì rào tiếng sóng,
Dạt dào trên bãi sông,
Như thao thức nỗi lòng
Nhớ mong, rồi nhớ mong.*

01.01.06

VỀ THĂM MIỀN CHÂU THỔ SÔNG CỬU LONG

Xuân Vũ

Thằng Ô có kế hoạch tập luyện và tìm thêm để bổ xung giàn chó đi rừng như của Tư Nghinh. Công việc vĩ đại nhất sẽ là tậu một chiếc xuồng mõ. Đây là loại xuồng làm bằng một thân cây rừng mọc ruột, chó không phải bằng tre ghép lại như các loại xuồng khác.

Nhưng xuồng này, người ta chống phải giỏi dang, còn người ngồi xuồng cũng phải biết cách. Chống xuồng thì phải dùng cây xào nặn, dài hai thước rưỡi, dưới gốc có cái nặn hình chữ V lật ngược để khi cắm xuống bùn, mắc cái nặn nó sẽ không lún sâu. Nhờ vậy rút xào lên nhanh. Mùa nước ngập, xuồng bay trên mặt nước như tên bắn. Đám nai bơi, lội trong nước ngập tới mang tai (nên gọi là "săn nai ngập mang") chạy không kịp chiếc xuồng này. Xuồng phóng tới trườn cả trên lưng nó và người thợ từ xuồng vượt qua lưng nai ôm lấy cổ và đâm họng nó.

Nai mùa nước ngập thường tìm những gò cao đợi nước xuống để trở lại cuộc sống bình thường thên thưng. Ở U Minh có đến mấy chục cái gò. Ở đó nai gom lại lúc nhúc như gà trong sân sau. Chúng chỉ chạy tránh thợ săn chó không chống cự như heo rừng. Cho nên mùa nước ngập, mỗi chuyến đi, thợ săn có thể hạ được năm ba con là thường. Chỉ cần người chống xuồng cho giỏi.

Lâm mơ ước đi một chuyến để làm Tarzan rừng U Minh, như Tarzan trong phim hát bóng. Tưởng tượng lúc ngồi trên xuồng, thằng Ô chống như bay đuổi theo con thịt, cái phút Lâm sẽ nhảy qua lưng con nai ôm cổ nó, Lâm thích lắm. Nghe anh Tư Nghinh thuật lại, Lâm càng nôn nao. Lâm sẽ đóng vai kếp trên sân khấu chó không làm khán giả nữa.

Lâm thấy mình có khả năng tổ chức những cuộc săn bằng súng, vì loại này không có cả mưu trí lẫn dũng ảm. Chiến đấu không khó khăn thì thành công không có vẻ vang gì. Nhưng phải chờ kỳ bãi trường tới. Chờ kỳ này thì hết ngày giờ rồi.

Một buổi sáng Lâm quá giang ghe Nò của dượng Ba đi ra Rạch Giá để hôm sau đi xe hơi lên Sài Gòn nhập học. Đáng lẽ thì ghe Nò ra biển xúc cá như thường lệ, nhưng dượng Ba đưa ra Rạch Giá để sửa chữa cột buồm và mua vài ngư cụ cần thiết.

Thằng Ô cũng đi theo đưa tiễn anh đi học. Nó cầu nhàu:

-Anh học cái gì ở trên mà năm nào anh cũng đi mất biệt chín tháng anh mới về?

Lâm thấy thương nó, tội nghiệp nó, nhưng làm sao trả lời cho nó hiểu được?

Thằng Ô càng bắt gắt hơn:

-Đâu anh ở nhà như tôi coi có được không?

Lâm đành làm thinh.

Thằng Ô vác rương đồ cho Lâm đem xuống ghe dượng Ba. Máy người bạn Nò đùa:

-Tụi tui chờ cậu tuốt ra biển coi Nò rồi đi cũng kịp mà cậu Lâm?

Lâm cũng đùa:

-Ồ, đi ra cho tôi lặn bắt vài chục cặp cá đường đem về Sài Gòn coi!

Lâm đi xuống bến. Thằng Ô bơi ra vàm để lên ghe dượng Ba. Máy con thằng bè, nhan sen chạy theo chân Lâm kêu "cò cá cò cá" tiếng kêu quan thuộc, thân mến. Con Địa, con Vít chạy quần theo chân Lâm tới bến cho đến khi thằng Ô tách bến, chúng không theo được mới trở về nhà.

Lâm dặn thằng Ô:

-Mày ở nhà xúc cá cho chim ăn kéo nó đói nó bỏ đi hết!

Ghe của dượng Ba rộng lớn, bốn người chèo, lại còn giương buồm nên lướt rất nhanh. Lòng Lâm xao xuyến buồn. Cuộc chia tay nào, bất cứ lý do gì và dù có hẹn ngày tái ngộ cũng buồn.

Thuở chưa có Kinh Làng, nên ghe đi đường biển để đến chợ Rạch Giá. Trời đất mênh mông, ghe lướt bênh bồng. Dượng Ba từng biết nỗi buồn của đứa học trò xa nhà. Dù mai đây gặp lại bạn bè, nhưng lòng nó vẫn cứ buồn tênh.

Ngồi trong mui ghe với Lâm, bỗng nhiên dượng hỏi:

-Trường có dạy địa dư tính mình không cháu?

-Dạ không có, hay có nói tới Rạch Giá là một tỉnh giáp với biển Thái Lan và tỉnh Bạc Liêu. Chỉ có thể thôi. Ngoài ra không có chi tiết nào nữa hết.

Dượng Ba móc túi lấy miếng giấy gói trà vuốt phẳng phiu trên sàn ghe và bảo:

-Để dượng nói cho cháu rõ đôi nét về vùng này, kéo mai cháu đi lưu lạc rồi quên mất nó đi. Dượng biết rằng đứa cháu học trò Việt Nam nào cũng học địa dư và lịch sử nước Pháp nhiều hơn địa dư và lịch sử Việt Nam. Dượng cho đó là một điều thiếu sót cố ý của người ta chớ không phải lỗi ở học trò. Khi rời mái trường về nhà rồi đi làm ăn, thì dượng mới "học" địa dư của tỉnh mình một cách thực tế hơn!

Nói xong, dượng rút bút ra bắt đầu phác học và cắt nghĩa.

-Đây là bờ biển Rạch Giá. Nó bắt đầu từ Rạch Chưn Qui.

-Sao cháu nghe nói là Rạch Kim Qui hà dượng?

-Tên cổ cựu của nó là Rạch Chưn Qui, vì nó có một ngọn nhưng đổ ra biển bằng năm nhánh xòe ra như chưn con qui, nên mới có tên Rạch Chưn Qui, nhưng chính ông Biện Độ, người Bến Tre vô làm Biện cho ba cháu bấy giờ đó, thảo tờ trình gởi lên ông Chủ quân Gò Quao xin sửa đổi lại là Rạch Kim Qui cho có văn hoa. Ông chủ quân chấp thuận liền. Từ đó, trên giấy tờ thì kêu là Kim Qui, nhưng người ta vẫn gọi là Chưn Qui.

-Còn sông Trèm Trẹm thuộc về tỉnh nào, dượng Ba?

-Sông Trèm Trẹm thuộc về tỉnh Bạc Liêu. Để dượng kể tiếp về bờ biển Rạch Giá từ Rạch Chưn Qui lên tới chợ Rạch Giá cho cháu nghe. Bắt đầu từ thứ Nhứt ở đây. Từ kinh thứ Nhứt đến kinh thứ Mười. Đây là những con kinh đào (canal) vùng này được gọi là Miệt Thứ. Đến kinh thứ Mười thì chấm dứt Miệt Thứ, bắt đầu rạch (ruiseau). Kế tiếp kinh thứ Mười là Rạch Xẻo Nhào, Rạch Xẻo Lá, Rạch Xẻo Lúa. Kế Rạch Xẻo Lúa là Rạch Thuồng Luồng. Nơi đây chính bà cố của cháu là Nguyễn Thị Thanh, tức bà nội vợ của dượng và bà nội của ba cháu đắp lập nghiệp đầu tiên. Cháu rõ chưa nào?

-Dạ rõ!

-Khi ông nội vợ của dượng, tức là cô nội của cháu là ông cụ Lâm Quang Ky ra nộp mình chết thay cho cụ Nguyễn Trung

Trực, ông cố của cháu phải mang hai cái gông, một cái cho ông Nguyễn, một cái cho chính cụ và bị trảm thủ ở Cầu Cá, cách chợ Rạch Giá hai cây số. Hai cây số ấy dân Tà Niên trải chiếu bông để cụ bước lên trên đường ra pháp trường một cách hiên ngang. Một chiếc chiếu bông đã in dấu chân của ông cụ đã được dân làng Tà Niên nhặt lên đem về cất giữ như một dấu tích thiêng liêng. Hôm nọ cháu hỏi cuộn gì treo trên vách bàn thờ đây! Khi ngôi nhà thờ cất xong thì bài vị của cụ Nguyễn và cụ Lâm được đặt lên bàn thờ và chiếc chiếu bông kia cũng được treo lên bàn thờ như một linh vật.

Dượng Ba thở dài và tiếp:

-Lúc đại biến, bà cố của cháu mới có hai mươi tám tuổi một nách ba con. Lúc đó ông nội của cháu hãy còn nằm trong bụng của bà cố. Sau ngày tuần tiết của ông cố, bà cố buồn bèn dắt bông con đi tìm chỗ để sống chôn vùi đau thương của một thiếu phụ trẻ mà có lẽ cũng để tránh cặp mắt dò xét của người đời. Bà cố đi dọc bờ biển và đến một nơi hoang vu, bây giờ gọi là Rạch Thuồng Luồng đó.

Ông nội của cháu, tức nhạc phụ của dượng ra đời nơi căn chòi ở vàm Rạch Thuồng Luồng này. Ngôi nhà của ba cháu ngày nay chính ba cháu cất trên nền chòi ngày xưa do bà cố đắp lên đầu tiên. Thuở đó chưa có người ở, thú rừng dạn như chó mèo, rần rít kênh kênh nên gọi là Rạch Thuồng Luồng. Thuồng Luồng tức là rần hổ mây, một loại rần độc hại được xếp ngang hàng với cạp: "Nhứt Hồ nhì Mây" đó cháu! Cũng trên cái nền nhà ở vàm Rạch Thuồng Luồng đó, cháu khóc tiếng khóc chào đời. Như vậy, dượng không nói, cháu cũng biết rằng cháu chính là giọt máu bốn đời của nghĩa sĩ Lâm Quang Ky và sanh ra ở vàm Rạch Thuồng Luồng.

Dượng Ba ngưng ngang, mắt ngó ra biển trắng xóa. Sóng reo ào ạt bên mạn thuyền. Nước tạt cả vào trong mũi, văng trên tờ giấy. Dượng Ba quệt ngang mắt rồi tiếp:

-Mảnh đất U Minh vùng này đã thấm biết bao mồ hôi và huyết lệ của các bậc tiền bối và của chính ông bà mình đó cháu.

Rồi dượng Ba kể tiếp một hơi, vừa kể vừa chỉ trên bản đồ:

-Kể rạch Thuồng Luồng là Rạch Gọ Ghe, Rạch Mương Đào, Rạch Chà Và thiết, Rạch Chà Và giả, Rạch Cây Thông, Rạch Bán Cú, Rạch Sâu, Rạch Chun Qui, Tiểu Dừa là rạch cuối cùng mới có sau này, giáp với làng Khánh Lâm thuộc tỉnh Cà Mau.

Dượng Ba tiếp:

-Có những cái tên chẳng có ý nghĩa ra sao nhưng nó mang tình quê hương đậm đà với người dân vùng này vì đời sống của họ dính liền với những địa danh ấy. Như cháu vậy, Thuồng Luồng nghe không có vẻ gì khủng khiếp cả. Trái lại nó càng thân mật, phải không? Và đó là nơi quê cha đất tổ, nơi cháu sinh ra đời. Rạch Thuồng Luồng và Rừng U Minh đối với dượng có kỷ niệm sâu sắc hơn bất cứ ở đâu trên thế giới này. Cháu từng học câu chuyện, một người nọ đã từng đi nhiều nơi trên thế giới, khi trở về quê hương bà còn xúm lại thăm và hỏi ông ta nơi nào đẹp? Ông ta đáp ngay: có nhiều nơi đẹp, nhưng không nơi nào đẹp bằng quê hương mình. Câu nói đó đúng với tất cả mọi người trên thế gian chứ không riêng gì dượng cháu mình.

Lâm bỗng nhiên được nghe một bài học địa dư và tình quê hương một cách bất ngờ và thấm thía. Còn dượng Ba thì nói một cách say sưa như nói với chính mình.

-Khi cháu mới sanh ra thì Rạch Thuồng Luồng hãy còn rất thưa người. Ba cháu tiếp tục làm ruộng của bà cố để lại ở Rạch Ông, giáp với đất của bà Hoàn Tắc. Ở đây có chừng hai trăm mẫu, rồi ba cháu khai khẩn ba trăm mẫu ở Rạch Xẻo Đồi. Người tứ xứ đến đây lập nghiệp rất nhiều. Có những người làm giàu nhờ đất này, cũng có người từ xa đến mua đất và ở luôn đây. Để dượng kể sơ cho cháu nghe vài nơi mà dượng biết rõ từ hồi nó còn là rừng rậm. Bây giờ họ là những người có tiếng tăm vùng này.

Ở Kinh Nhứt có ông Cả Cự, ông Chủ Hùng và ông Tư Điền. Ông Tư Điền có đứa cháu ngoại tên là thằng Vi đậu Tú Tài, nên gọi là Tú Tài Vi.

Ở Thứ Ba, có ông Xã Bắng, ông Ba Chính, ông Hội Đồng Mười.

Ở Thứ Năm có ông Hà Mỹ Báu, làm Cai Tổng, sau lên chức Phủ hàm gọi là ông Hàm Báu.

Ở Thứ Sáu có ông Biện Năm, ông Võ Thái Bình, rể của bà Ba Quyền là một tay nhà giàu cho vay lớn không thua Chà Xả tri.

Ở Thứ Bảy có rất nhiều điền manh, nhà cửa đông đúc. Ở đây còn có một cái rạch ăn thông ra gọi là Rạch Bần, tuy là "bần" nhưng có một ông nhà giàu ở Sài Gòn mà xuống mua đất rồi ở đây luôn. Đó là ông Cả Cang. Ông Cả đẹp người và có học thức.

Ở Thứ Tám có ông Huyện Vẹn, có con đi Hà Nội học, đỗ bằng cấp Médecin Indochinois. Ông có người con gái lớn là cô Hai Sốc lấy chồng Bác Vật Hiên. Em của cô là cậu Cao Thiệu Vũ tức cậu Năm Vũ cũng đỗ đạt cao, đẹp người, cậu có người con gái rất đẹp nổi tiếng khắp Hậu Giang tên là Cao Thị Nguyệt.

Ở Thứ Chín có ông Quan Hưng. Sau này ông có Xã Hơn tới, vô tuốt trong ngọn lập nên một cái chợ gọi là chợ Xã Hơn.

Ở Thứ Mười không có gì, nhưng nhà dân rất đông, điền mam rất nhiều. Đến kinh Thứ Mười thì tới Rạch Xẻo Nhàu lớn, Rạch Xẻo Nhàu nhỏ, Rạch Xẻo Lúa, rồi tới Rạch Thuồng Luồng của cháu, như đã kể trên. Đặc biệt là ông thầy thuốc Toàn ở Thứ Tám đem máy cày về cày đất của ông đầu tiên ở vùng này. Rạch Thuồng Luồng là nơi bà cố đến đầu tiên mai danh ản tích. Vài Nghĩa Quân thương ông cố đã đến cất chòi cho bà cố ở, lúc đó bà sắp sanh ra ông nội cháu là con thứ Năm của ông cố bà cố. Từ đó tới nay đã hơn một trăm năm đó cháu. trong những bài học lịch sử ở nhà trường cháu sẽ không thấy phương danh của các anh hùng Nguyễn Trung Trực và Lâm Quang Ky nhưng trong lòng người dân thì những dòng chữ ấy ghi khắc mãi như những nét vàng son của dân tộc.

Dượng Ba trở tay ra ngoài khơi mờ mờ hình dáng khác nhau của những hòn núi con nổi trên mặt biển và nói:

-Dượng vẽ theo sự tai nghe mắt thấy của dượng chứ không theo ai hết. Cái vùng ven biển này bây giờ cháu thấy ruộng rẫy xanh tươi còn bay thẳng cánh nhưng khi cháu mới sanh thì chỉ là bãi hoang mọc đầy cây xà be, cây cau rừng, cây tràm, cây đước tràn lan xen lẫn nhau, dưới chân là dây cóc kèn, ô rô, dây choại, cây dớn dây bịt như một tấm thảm thiên nhiên mênh mông trải dọc khắp bờ biển.

Những loại cây này xanh tốt lạ thường vì chúng mọc trên đất nạc. Đất nạc là phù sa của sông Cửu Long lấy từ trên Tây Tạng càng ngày càng dày đặc khi qua Thái, Lào và Miên đổ ra giữa Cửu Long Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên.. Nhưng tại sao phù sa ấy không bồi vùng Tiền Giang mà lại chảy xuống đây đắp cho vùng vịnh Rạch Giá mình? Là vì lưu lượng của dòng nước có luân và đi theo gió. Có khi nước và gió ngược chiều nhau. Nước chảy lên, gió thổi xuống và phù sa một nửa trôi theo gió một nửa trôi theo nước. Cháu thấy những lát đất đỏ tươi mịn này nằm dọc khắp bãi biển, đập chân lên nghe nhuyễn như bột bánh vậy. Đó là đất nạc. Chính đám cây hoang kia mọc trên bãi đất nạc này cho nên xanh tốt hơn cả cây mình trồng. Dẹt, đước, tràm.. rụng trái trôi theo nước lớn, đến nước ròng vướng nằm lên bãi và nảy mầm mọc lên. Cá ngát ngoài biển vào ăn trái tràm trái đước, mình cầm câu nhay lăm. Cá ngát, cháu biết không?

-Dạ cháu với thằng Ô câu đước hoài, nấu canh chua với trái bứa thì ngon tuyệt.

Dường Ba tiếp:

-Trong số cây rừng có một giống cây hình dáng giống cây mật hay cau rừng nhưng nó dẻo hơn cau mật cật và cau rừng. Người khỏe mạnh dùng nó gánh một đầu một tạ lúa, cây đòn gánh oằn xuống nhưng không gãy. Đó là đòn gánh làm bằng cây xà be.

Người ở tứ phương đến đây lập nghiệp phá rừng cấm ranh, ai phá đước bao nhiêu lấy bấy nhiêu. Khi làm chủ xong họ đốt rừng, tro đổ xuống chân đất nạc làm cho đất càng thêm màu mỡ. Ban đầu trồng rẫy, vài mùa mới cấy lúa. trúng lắm! Ở đây ai cũng dư ăn dư để, ai cũng có ruộng rẫy chứ không có ai tay trắng đâu!

Để bảo vệ ruộng rẫy của mình, ai cũng săn heo bắt thú, không để chúng tự do cắn lừa, đào khoai. Một mặt khác, người ta hợp sức nhau đắp bờ ven ngăn nước mặn, không cho nước biển tràn vào ruộng rẫy. Hồi cháu mới sanh ra thì rừng đã lấn ra biển một cây số. Bây giờ lấn thêm một cây số nữa. Nhưng phải nói, người anh hùng chống giặc nước mặn là cây mắm.

Lâm nghe dương Ba nhân cách hóa cây mắm một cách tài tình thì lấy làm thích thú, nhưng muốn hiểu thêm nên hỏi:

-Nghĩa là sao hả dương?

-Nó như thế này! Đước, đọt, trầm, xà be, mật cật và các thứ cây khác thì không chịu nổi nước mặn mà rụi hết. Chỉ có cây mắm là mình đồng xương sắt mà thôi. Mắm mọc ngoài bờ rừng bảo bọc các loại cây kia. Nước mặn không giết được nó, mà chỉ làm cho nó chắc thêm lên. Không có giống cây nào như cây mắm. Thân nó cong queo, da nó sần sùi, nhánh nó không sưng sẽ nhưng nó lại là gan lì tướng quân đứng ở tuyến đầu chống nước mặn bảo vệ ruộng. Ở bên Tây người ta trồng cây thông

để bảo vệ những đồi cát thơ mộng của họ. Cháu đọc tiểu thuyết thì thấy những đồi thông xanh đẹp như thế nào. Nhưng cây thông chỉ chống gió bão còn cây mắm của mình vừa chống bão vừa ngăn nước mặn. Cây đước, cây vẹt, cây trầm, mật cật, xà be, ô-rô có kèn sóng là nhờ cây mắm đó chớ!

Như bị xúc động bởi một nỗi niềm sâu xa, dương Ba nói liên miên không dứt mạch:

-Bây giờ mình có hộp quẹt máy, có dầu lửa, muốn nhúm lửa nấu cơm chẳng khó khăn gì. Chớ ngày trước ông bà mình đâu có hộp quẹt máy và dầu lửa. Thậm chí, gội đầu và giặt quần áo cùng dùng nước tro chớ đâu có xà bông! Bà con mình dùng cây mắm để cầm lửa.

Lâm hỏi ngay: "Cầm lửa" là sao hả dương?

Dương Ba cười ngất:

-Nghĩa là làm sao cho lửa đừng tắt! Dân Sài Gòn không có biết gì hết!

-Làm sao, dương?

-Dùng củi mắm, chỉ củi mắm mới giữ được lửa. Còn các thứ củi trầm, củi đước đều không giữ được lửa.

-Củi nào mà không cháy hả dương?

-Cháy rồi rụi tàn! Củi nào cũng vậy cả. Riêng củi mắm thì không tàn. Cháu hiểu chưa?

-Cháu vẫn không hiểu.

-Đúng là dân Sài Gòn! Nghĩa là củi mắmm một khi đã cháy thì không bao giờ tàn. Đầu cây củi bao giờ cũng đỏ tươi hòn than. Chỉ cần thổi một hơi là lửa bật lên ngon.

Lâm gật gù:

-Cháu hiểu rồi. Nếu không có dựng giải nghĩa thì cháu tưởng củi mắmm cũng như củi dừa củi già.

-Vì tính chất đặc biệt cầm lửa của nó.

Dựng Ba ngưng chuyện, móc thuốc quăn hút thì có người bạn Nồ đem cà phê vào cho dựng Ba và Lâm. Dựng Ba hỏi:

-Tới đâu rồi chú?

-Dạ cũng gần tới chợ rồi dựng Ba!

Dựng Ba trở tay ra biển rồi nói tiếp:

-Bị nói chuyện củi lửa mà suýt quên cái hòn, nhiều lắm không kể hết. Dựng chỉ nói qua mấy cái hòn mà bà con thường biết hoặc dựng đã từng đặt chân đến mà thôi. Trước nhất là Hòn Tre ngay ở cửa Rạch Giá. Tây nó gọi là Ile Tekere. Trên Hòn Tre tức hướng Bắc là Hòn Nghệ, trên Hòn Nghệ là quần đảo Bình Trị (Archipels Bình Trị) trên đó là Hòn Đất, nằm trên đất liền, ngang Hòn Đất là Hòn Chông. Đi lên phía Bắc xa hơn nữa là Hòn Phú Dự, Hòn Mô rồi tới Hòn Phú Quốc nằm cuối cùng trên Vịnh Xiêm La. Bây giờ trở lại Hòn Tre để làm chuẩn. Đi về phía Nam của Rạch Giá là Hòn Sơn Rái, Tây nó gọi là Ile Tamassou. Đi xuống dưới thì đụng quần đảo Koh Tron, mình thường gọi là Cỏ Tròn, Tây gọi là Archipels Poulo Dama, xuống tận cửa Sông Ông Đốc gần Bãi Bùn thì có Hòn Chuối, Hòn Khoai, v.v..

Lâm hỏi:

-Còn Archipels Poulo Panjan nằm ở đâu hả dựng?

-Đó là Hòn Thổ Châu. Địa danh Thổ Châu do Vua Gia Long tặng, có nghĩa là đất quý. Thổ là đất. Đất đầy châu ngọc. Có thể không hiểu đổi lại là "Thủ Chu", không có nghĩa gì hết! Đảo này ở gần trên Phú Quốc, Tây cũng còn gọi là Poulo Panjan. Những nhà địa lý ngoại quốc cho những hòn đảo là câu chuỗi ngọc thạch, đem lại nét đẹp lẫn sự giàu có cho Rạch Giá mình.

Dựng Ba hút thuốc phì khói xanh um nhìn ra biển, nói giọng mơ màng:

-Đất Nam Kỳ phì nhiêu và mỹ lệ vô cùng. Để mắt vào tay kẻ khác thật là đáng tội. Chính vì không bảo vệ nổi mảnh đất châu ngọc Nam Kỳ mà cụ Phan Thanh Giản đã uống thuốc độc tự tử, và chính vì không bảo vệ nổi nó mà Đề Đốc Nguyễn Tri Phương tuấn tiết ở đồn Kỳ Hòa. Cũng chính vì quyết giành lại dải đất châu ngọc mà cụ Nguyễn Trung Trực đốt tàu Esperance, hạ đồn Kiên Giang và những đồn khác nữa.

Dượng Ba thờ dài, vẽ mặt đăm chiêu. Dượng trò Hòn Sơn Rái, tiếp:

-Sau khi ông cố tuấn tiết. Cụ Nguyễn vô cùng xúc động và quyết trả thù cho bạn. Cụ đã ra Hòn Sơn Rái để tiếp tục công cuộc cứu nước. Đội Nghĩa Quân của cụ làm cho quân Pháp lo sợ một Nhật Tảo và một Kiên Giang thứ hai sẽ xảy ra. Chúng biết không tiêu diệt được Nghĩa Quân nên hằng ngày chúng bắt thường dân ra trói thúc ké bắn thả xác trôi sông, trước tình cảnh đó, cụ Nguyễn đau lòng nên ra nạp mình để cứu lương dân. Thành ra hai vị Chủ Tướng và Phó Tướng đều hy sinh trong cùng một năm. Ông cố vào tháng Tư, ông Nguyễn vào tháng Mười. Giống như lịch sử đã lặp lại "Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi", có nghĩa là giỗ Lê Lai bữa trước, giỗ Lê Lợi hôm sau!

Dượng Ba kể tiếp câu chuyện thì ghe cũng sắp vào cửa sông. Dượng trò phó xá đông đúc trên chợ:

-Một trăm năm cũng mau. Mảnh đất này đã từng in dấu chân của ông cố trên con đường từ chợ ra Cầu Cá!

Dượng Ba tắt ngang, nghẹn ngào. Giây lâu lại tiếp:

-Đi vào chừng một cây số rưỡi, về phía tay trái là Cầu Cá, nơi đó.. đó cháu!

Bỗng một người bạn Nò thò đầu vào. Dượng Ba hỏi:

-Có chuyện gì không chú?

-Dạ có người thay tay

Nghe dượng kể chuyện hay quá, nãy giờ cháu ngồi ngoài gió thổi nghe không rõ, bây giờ muốn vô trong, nhân tiện xin mời điếu thuốc.

-Bộ không có chú nào có hộp quẹt hay sao?

-Dạ, đũa nào cũng có. Nhưng gió lớn quá, lửa không bật được.

Dượng Ba trở xuống cà ràng ở sau lái, bảo:

-Khỏi cần hộp quẹt, lửa kia kìa.

Người bạn Nò đưa tay rút nhẹ câu củi mắh còn hơn gang tay, thổi thổi rồi kê vào đầu điều thuốc mắp mắp, lửa lên xanh um, thơm phức, làm Lâm tưởng nhớ đến làn hơi khói trong lễ giỗ hôm nào.

-Dượng kê tiếp đi dương Ba!

(Trích GIỌT MÁU BÓN ĐỜI của XUÂN VŨ)



Dãy lớp sân sau Trường LNH

CẢI LƯƠNG HỒI NĂM

Nguyễn Nguyệt Ánh
(Nguyễn Đình Chiểu 1954-1961)

Làng tôi dựa lưng vào con sông cửa Tiểu, cách cửa biển không bao xa nên mùa nước mặn kéo dài tới tám, chín tháng. Mùa nước ngọt ngắn ngủi không đủ làm đất đai phì nhiêu, dân làng lại thừa thớt, nhà cửa ít ỏi, lụp xụp, từ đầu làng đến cuối làng chỉ dài độ một cây số. Nói chung, làng tôi nhỏ hẹp nghèo nàn.

Vào cuối thập niên '40, ba má tôi mở một tiệm tạp hóa nhỏ nhỏ để bán các thứ lặt vặt như nước mắm, dầu lửa, đường, muối, kim, chỉ.... cho dân làng.

Đây là tiệm tạp hóa thứ hai trong làng sau tiệm của một chú Tiểu minh hương, lại do người Việt làm chủ nên thường được dân làng chọn làm nơi lui tới tập họp chuyện trò.

Lúc đó tôi còn nhỏ lắm, trí nhớ chưa bao nhiêu nên hình ảnh sâu đậm nhất tôi còn giữ lại đến bây giờ là những buổi chiều trời chạng vạng, hầu hết người trong làng, nhất là đàn ông trung niên, đến ngồi chật cả gian nhà trước rộng rãi của chúng tôi, trừ một góc nhỏ bên trái bày đồ chạp phô. Có khi học ngồi lan ra cả ngoài sân trên những chiếc ghế đẩu, vừa hút thuốc rê, vừa uống nước trà do má tôi mời, vừa lim dim mắt thưởng thức những bài vọng cổ, những tuồng cải lương phát ra từ chiếc máy hát để trên bộ ván gỗ giữa nhà.

Chiếc máy hát dây thều quay tay duy nhất trong làng, rất ngộ nghĩnh với hình con chó thối kèn. Con chó ngồi xồm, quá nhỏ bé so với chiếc kèn có cái loa thật to mở rộng trước mặt nó. Mãi về sau này lớn lên tôi mới biết đó là dấu hiệu của hãng điện tử RCA mà tới bây giờ đôi khi chúng ta vẫn còn thấy. Chiếc máy hát thô sơ cổ lỗ, cứ mỗi lần chạy hết một mặt đĩa lại phải thay một cây kim, phải quay dây thều một lần. Người được hân hạnh làm các việc đó là Tư Thành, người chị cô cậu của tôi, một thiếu nữ có nhan sắc.

Vớ tuồng cải lương đầu tiên tôi được nghe là tuồng *San Hậu* với thằng út cà lăm “giàu út ăn, khó út chịu,” với những tên “sãi

mầm” không lo tu hành chỉ lo danh lợi. Vở tuồng được bình dân hóa, tinh thần trung hiếu tiết nghĩa vẫn còn nhưng mất tính cách đài các vương giả vì những lời đối thoại của các vai tương đối bình dân. Đó là tất cả những gì tôi nhớ về tuồng cải lương *San Hậu*. (Tôi nhấn mạnh là tuồng cải lương *San Hậu*, vì chúng ta còn có tuồng hát bội *San Hậu* rất bác học đã được đưa vào chương trình của trường đại học Văn Khoa sau này.)

Bài vọng cổ đầu tiên tôi được nghe không nhớ tên tựa là gì, và vì nghe mỗi ngày nên dù lúc ấy còn quá nhỏ tôi vẫn còn nhớ được nguyên văn cho đến ngày nay:

(ngâm thơ)

*Trời chiều băng lãng bóng hoàng hôn
Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn
Gác mái ngư ông về viễn phố
Gõ sừng mục tử lại cô thôn
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi
Dặm liễu sương sa khách bước dồn
Kẻ chốn chương đài người lữ thứ
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn*

(vọng cổ câu 1)

*Khách địa bơ vơ, mỗi khi giương mắt lệ sầu...
nhìn theo mấy cánh chim chiều...
lướt dặm băng ngàn trở lại nơi tổ ấm cành xưa,
ta luống tuổi thân trôi nổi bèo bọt nơi cầu sương điểm cỏ.*

Nếu tôi không lầm thì bài vọng cổ này viết theo nhịp 8, lời lẽ cô đọng trau chuốt rất súc tích và trữ tình. Bài thơ quen thuộc của bà Huyện Thanh Quan được cô Tư Sạn, một giọng ca tài danh thời đó, ngâm lên rồi bắt qua câu vọng cổ, nghe sao mà buồn thấm thía.

Tôi không còn nhớ năm nào cửa tiệm chụp pho cũng là nhà ở của gia đình tôi bị đốt cháy trong chiến tranh. Tôi không còn cơ hội để nghe đĩa hát cải lương nữa.

Ba tôi tha phương cầu thực, mẹ con tôi che một gian nhà nhỏ dựa vào bên hông tường của ngôi nhà gạch lớn nhất làng để làm chỗ đỡ mưa, đỡ nắng. Ngôi nhà gạch này có nền cao hơn ngực, là nhà thờ của một họ lớn có con trai làm trạng sư ở Sài Gòn, có

con gái lấy chồng làm lớn trong quân đội Pháp, lúc đó gần như bỏ hoang, chỉ có một bà già mà tôi gọi là bà Cố, và vợ chồng ông Mốt, cũng đã già, giữ phận sự nhang đèn thờ cúng. Nhờ tá túc bên cạnh nhà thờ này tôi được coi tuồng cải lương trên sân khấu lần đầu tiên trong đời.

Năm đó, bà Cố đã quá già không biết sẽ theo ông theo bà lúc nào, bà không còn đủ sức để ra chợ coi cải lương nữa, ông bà Mốt có ý định diễn cải lương ngay trong làng để bà Cố coi cho vui, biết đâu chừng lại là lần cuối bà Cố được coi cải lương.

Người được giao cho việc tổ chức trình diễn lần đó là Năm Thầy Hù. Cậu Năm là một tay đòn cò đòn gáo có hạng đã từng đem tuổi thanh xuân trải dài theo đường lưu diễn của một gánh hát lớn, nay có tuổi trở về làng làm nghề hót tóc, do đó có tên Năm Thầy Hù. Cậu có người con gái đẹp, tức là chị Tư Thành cũng đã có lúc theo cha đi gánh hát, nhưng học nghề chưa xong thì nhan sắc kiều diễm của chị lọt vào mắt một ông chủ xe đồ Sài Gòn – Lục Tỉnh nên chị phải bỏ nghề về làm bé ông ta. Năm đó chị giận chồng có hai vợ mà thương không đồng, lại buồn vợ lớn ý quyền ăn hiếp nên xách va ly về ăn Tết với gia đình.

Chị rất thích vai Điêu Thuyền lúc còn ở gánh hát nên cậu Năm chọn tuồng *Phụng Nghi Đình*. Vai Lữ Bố giao cho anh Hai Đá, một thanh niên to lớn, mạnh khỏe, ca vọng cổ rất mùi; vai Đổng Trác do chú Bảy Thành đóng. Chú là bạn thân của cậu Năm Thầy Hù. Ngoài ra những vai phụ khác như cha của Điêu Thuyền, Lý Nhu, quân sĩ và tì nữ... được giao cho mấy thanh niên thiếu nữ ham ca hát trong làng. Ai nấy đều hăng hái tập dợt chờ ngày trình diễn.

Sau ngày ông Táo về trời năm đó, tuồng *Phụng Nghi Đình* được ra mắt dân làng. Sân khấu là hàng hiên ngôi nhà thờ lát gạch được dựng bốn bên bằng những tấm vải màu. Những tấm giấy vẽ phong cảnh đều là tác phẩm của Năm Thầy Hù. Khoảng sân rộng trước nhà thờ được đặt ghế cho khán giả ngồi coi. Đêm đó đèn măng xông đốt sáng trung, chị Tư Thành đem hết nỗi hờn duyên tui phận của riêng mình vào vai Điêu Thuyền làm cho nhiều người rớt nước mắt. Riêng tôi còn nhớ dáng điệu tức cười của chú Bảy Thành khi hai tay phải ôm cái bụng phê Đổng Trác

độn bằng hai cái gối, lại phải rượt Lữ Bố Hai Đá chạy vòng sân khấu nên đã đưa chân đá Lữ Bố thay vì cầm kích mà đâm như tuồng đã quy định. Khán giả cười muốn bể bụng và bà Cố cũng có được một ngày vui. Mấy tháng liền sau đó ai nấy còn trầm trồ nhắc nhở.

Nhưng người ra đi vĩnh viễn không phải là bà mà là Năm Thầy Hù vì bệnh lao mà cậu đã mắc trong những ngày ăn quán ngủ đình theo gánh hát. Tuồng *Phụng Nghi Đình* được cậu cho trình diễn là tâm nguyện cậu đã đạt, cậu đã yên lòng nhắm mắt.

Từ đó về sau tuổi đời càng lớn tôi có rất nhiều dịp coi cải lương trên sân khấu do các nghệ sĩ tài danh như Năm Châu, Phùng Há, King Chung, Út Trà Ôn, Út Bạch Lan, Minh Chí, Việt Hùng, Hữu Phước, Thanh Nga, Thành Được, Bạch Tuyết... thủ diễn, nhất là về sau này khi gia đình tôi bỏ làng lên tỉnh lập nghiệp. Nhưng những bài bản tôi nhớ nhiều nhất vẫn là những bài nghe từ lúc nhỏ như bài hoài tình này trong tuồng *Muôn Dặm Tìm Chồng*

(hoài vãn)

Chồng tôi nay ở nơi hà phương

Chàng ơi sức em mỗi mòn

Xông lốt dặm trường

Tìm cho ra bóng tình lang

Hay lời than thân của người đàn bà đang dở nửa chừng xuân phải chịu tủi hờn vì cô đơn lẻ bạn:

(nói lối)

Băm sáu tuổi hương phai phấn lợt

Nặng tình riêng nên chỉ thấy nước non sâu

Mười tám năm nắng giải mưa dầm

Đau dạ thiếp họa chăng trời đất biết

Sao lại biết gìn trinh giữ tiết

Mà chẳng như ai bướm tới ong lui

Rồi những dịp từ tỉnh về thăm quê, tôi còn được tham dự những buổi đờn ca ngay trong đêm có đám giỗ hoặc đám cưới. Tất nhiên ca vọng cổ là nhiều nhất, nhưng những bài dài như *Văn Thiên Tường* cũng đôi khi được chiếu cố.

Người ca hay được cả nam nữ già trẻ trong làng ái mộ lắm không khác gì những mầm non mầm già của làng tân nhạc sau này. Đàn đệm thường có lục huyền, đàn sến, đàn cò, đàn gáo, vĩ cầm và độc huyền, nhưng chỉ một hai thứ cũng xong.

Thử tưởng tượng một nhóm dân quê quần áo đơn sơ, đi chân đất hay guốc dép sơ sài cùng ngồi túm tụm một cách ầm cúng trong một gian nhà nhỏ, đèn đuốc tù mù, rồi kẻ đờn người ca, nhất định là không có máy vi âm hoặc dàn âm thanh điện tử nào trợ lực cả, nhưng mọi người đều say mê nên có khi kéo dài đến gần sáng mà không mấy ai than mệt.

Về sau này, khi văn chương cải lương vọng cổ tiến tới một khúc rẽ không còn thích hợp với tâm hồn tôi, tôi âm thầm rút lui tầm mắt quan sát của mình sau nhiều năm theo dõi. Đó là lúc mà người nghệ sĩ cổ nhạc đem làn hơi thiên phú của mình để vô những câu vọng cổ rất dài, hàng mấy trăm chữ, để biểu diễn một nghệ thuật phi nghệ thuật và phần nội dung rỗng tuếch không còn súc tích gì nữa.

Đó là lúc vọng cổ 32 nhịp chín mùi đổ độ mẫn khai, người ta canh tân hóa bằng các điệu tân cổ giao duyên mà theo ý tôi lời ca vọng cổ chỉ là lời “diễn nghĩa” luộm thuộm lê thê không cần thiết cho lời ca tân nhạc vốn đã không lấy gì làm cô đọng.

Như học giả Vương Hồng Sển nói “không ai biết rồi cải lương sẽ đi về đâu,” vọng cổ càng ngày càng biến cải và xa dần tâm hồn tôi. Có lẽ vì tôi đã trưởng thành? Hay thứ ca nhạc “nhà quê” này không thích hợp với người “học mới” như tôi? Dù sao tôi vẫn chân thành nghĩ rằng vọng cổ cải lương có cái hay của nó và nếu chịu khó theo dõi để loại trừ những tuồng tích bài bản chỉ có giá trị ngắn hạn thì chúng ta cũng có thể tìm được những tinh hoa của bộ môn văn hóa này.

Một tuồng cải lương hay đâu chỉ là tuồng làm khán giả rơi lệ mấy lần, vỗ tay mấy lượt, mà chính là những bài học luân lý nhân nghĩa, những cảnh đời vui buồn được cô đọng trong các xuất hát vài tiếng đồng hồ, trong sáu câu réo rắt mà phổ thông đến nỗi ai cũng có nghe có biết.

Muốn như vậy người ta phải có công đào cát tìm vàng. Trong số tuồng tích bài bản hỗn độn như hậu trường một sân khấu từ

trăm năm nay, số có giá trị thì ít như vàng, còn số nên đào thải thì nhiều như cát.

Ở thời đại mà thì giờ rất quý hiếm như hiện nay đâu còn mấy ai để ý tới số vàng vọng cổ cải lương nhỏ nhoi còn bị chôn vùi đó, cho nên trong lòng tôi chỉ còn chút kỷ niệm ấm êm của một thời tuổi nhỏ với vài ba bài bản được nghe lúc đầu đời để ngàn năm còn mãi trong tâm tưởng.



Lớp học dãy nhà thiếc có từ cuối tn '40 chiếm khoảng cuối sân giữa 2 dãy lầu Nam và Bắc trước khi 2 dãy lầu này được cất nối tiếp thêm vào cuối tn '50 và cuối tn '60.



BẾN LẠC HỒNG

Mặc Nhân

Thời điểm: Cuối thập niên 1970 và đầu 1980

Bến Lạc Hồng: Từ xa xưa có tên gọi là Cầu tàu hoặc lộ Hàng Dương hoặc đơn giản Mé sông. Bến Lạc Hồng được gọi chính thức vào khoảng năm 1958. Dưới thời thuộc địa nói đây là Ga xe lửa Mỹ Tho – Sài Gòn. Bên kia Ga xe lửa là con đường trải đá đỏ nhìn qua cồn Rồng. Một số băng đá còn đến năm 1975. Một số cây dương hiện còn đứng vững, tuổi thọ trên trăm năm. Ngoài ra, có một cây đa cổ thụ đã bị giông thổi ngã vào năm 1973, một cây bồ đề được trồng lại nay đã to lớn.

Nhà thơ Xuân Diệu: Nơi mé sông này nhà thơ Xuân Diệu có thời ở Mỹ Tho đã ngồi ở băng đá ngâm nga những vần thơ mà Ông sáng tác. Chính tác giả đã được nghe cổ thi sĩ đọc hai câu thơ trữ tình nổi tiếng thời bấy giờ.

*Đôi mắt người yêu ôi vực thăm
Ôi! Trời xa vắng trán người yêu.*

Tình không bến đỗ

Phần I

*Mỹ Tho có bến Lạc Hồng
Có bầu trời rộng có dòng Trường Giang
Chiều tà rũ bóng thùy dương
Đò ngang qua lại, trên đường lại qua
Riêng tôi từ độ xa nhà
Hắm hiu sự nghiệp xót xa sự tình
Còn đâu chí nguyện bình sinh
Cửa nhà bỏ trống, chữ tình bỏ không
Ngày ngày tôi đến Lạc Hồng
Sáng chờ nước lớn chiều trông nước ròng.*

Mỗi chiều một gói lạc rang
Lấy mùi hương lạc xóa tan nỗi phiền
Một gói lạc, một đồng tiền
Mà em bán lạc hồn nhiên vui cười
Tuổi em chỉ độ chín mười
Vành môi trái ấu mắt ngời ngời đen
Tóc bôm bê mắt hạt huyền
Được nghe em nói huyền thuyên ấm lòng

Em tôi lỡ vận cũng đồng
Mẹ em mất sớm ba không việc làm
Bỏ trường bỏ lớp mấy năm
Ngày ngày em bán lạc rang tảo tần
Cũng cùng trong chốn bụi trần
Sao đành bỏ mặc một mầm chồi non
Mọi phần tôi đã lo toan
Đưa em đi học cho tròn ước mơ

Phần II

Cây bàng trước cổng bao mùa lá
Giờ học đưa em mỗi sáng chiều
Tôi cũng nôn nao chờ trước cổng
Lòng tôi từ đấy đỡ cô liêu
Mái tóc bôm bê nay đã dài
Mượt mà óng ả phủ bờ vai
Áo xanh thanh thoát màu sư phạm
Mào áo giáo sinh đẹp tuyệt vời
Mùa này phượng nở mùa thi cử
Tôi đã đưa em đến cổng trường
Tôi đã chờ em rùng sáu bữa
Biết em thi đỗ nghĩ mà thương

Đoạn gấm dệt rồi khung cửi dư
Tôi rơi vào cánh luật thừa trư

Sáu năm trốn cuộc tình ngang trái
Lại phải đương đầu cảnh thực hư
Tôi đến chào em lời tiễn biệt
Em cầm tay nói chẳng nên lời
Tay em hơi nóng truyền trong máu
Đôi mắt em hờn để lệ rơi
Tôi thoáng nhìn gương đầu đã bạc
Vóc gầy tàn tạ nét chơi vơi
Có người thì sẽ từng than thở
“Em chỉ là người em gái thôi”
Sáng sớm Lạc Hồng như đợi tôi
Để tôi kết thúc một đoạn đời
Tôi mua tấm vé tàu không bến
Chỉ có lượt đi chẳng có hồi.



Hai nữ sinh này hớn hờ dạo mát tại Công Viên Lạc Hồng ngày nào... Nhưng làm sao biết họ đang dạo chơi sau giờ học hoặc giờ trống vì giáo sư bình hay ...cúp cua? Chỉ có chị Trịnh Thị Hồng Ngọc đang ở San Jose, Cali, và chị Lê Thị Hiền ở Việt Nam hiện nay biết thôi... (Hình chụp khoảng giữa TN '60).

CHỢ MỸ THO

Huỳnh Quốc Minh

Từ thôn quê đến thành thị ở Việt Nam, đi đến đâu người ta cũng đều thấy Chợ, vì đây gần như là huyết mạch của đời sống con người. Làng, xã, huyện nhỏ thì chợ nhỏ, tỉnh thành lớn, chợ lớn theo để đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân ở tại nơi chốn đó. Hầu hết chợ búa lớn nhỏ đều có xây một nhà lồng chợ ở trung tâm phố chính và mang tên của đại phương, ngoại trừ một số ít chợ lấy tên đặc biệt chẳng hạn như Cổ Đô Huế ở miền Trung có Chợ Đông Ba, trong Nam thì có Chợ Bến Thành tại Sài Gòn. Tuy nhiên, ở các tỉnh và thành phố lớn, mỗi nơi ngoài chợ chánh còn có thêm vài chợ phụ nhỏ nữa để thuận tiện phục vụ cho đời sống quần chúng nơi khu vực đó, như thành phố có cái tên Đẹp và Thơm là Mỹ Tho thì có Chợ Cũ, Chợ Đồng Sanh, Chợ Vòng Nhỏ, Chợ Hàng Cồng, Chợ Lò Heo ở đường Trần Quốc Tuấn gần bùng binh ngã tư lớn mà đối diện là đường Ông Bà Nguyễn Trung Long.

Tôi còn nhớ vào giữa thập niên 50, lúc đó tôi chưa đầy 10 tuổi, ngôi Chợ Mỹ Tho do Pháp xây cất tuy còn kiên cố, vì bề ngoài nhìn thấy có rất nhiều cọc sắt lớn nhỏ sơn màu xanh lá cây từ trên tới dưới. Mặc dù chợ chỉ có một tầng trệt, nhưng mái nhà hai tầng bằng ngói, có một khoảng thông hơi và ánh sáng ở giữa, mà tầng trên là hình chóp nón dài theo hình chữ nhật của ngôi chợ khá cao. Nhìn tổng quát thì lối kiến trúc không đẹp. Diện tích bên trong nhà lồng chợ có mái che lại không rộng lớn, bởi phần chợ lộ thiên song song dọc theo hai bên chiều dài của nhà lồng chợ đã bằng phân nửa bên trong. Có lẽ vì thế mà chính quyền địa phương đã cho phá hủy toàn bộ để xây cất lại ngôi Chợ Mỹ Tho mới.

So với ngôi chợ cũ thì mái che chợ mới thấp hơn. Hệ thống thoát hơi phía trên lại không được rộng lớn, vì thế mà buổi trưa nắng rất nóng nực. Ngôi chợ mới từ phía có bốn cổng rộng lớn ra vào với cửa sắt, ban đêm được đóng khóa lại và sáng sớm có người trực trong Ban Quản Lý chợ ở cổng phía đường Nguyễn Huệ đi mở cửa. Ngôi Chợ Mỹ Tho hình chữ nhật, chiều ngang

của mỗi bên có một cổng chánh. Phía trên là một thành vách khá cao mà trên đỉnh có dựng ba chữ CHỢ MỸ THO thật to bằng xi măng sơn màu đỏ tươi. Còn cổng ra vào hai bên chiều dài có phần hẹp và thấp hơn chừng một nửa hai cổng chánh. Trên cổng mỗi bên có xây một bức tường hình chữ nhật lớn chừng 3m x 2m, ở giữa có chữ nổi lớn cũng sơn màu đỏ tươi, một bên là CỬA NAM, còn bên kia là CỬA BẮC. Đối diện trực tiếp qua con đường nắng với cửa này là tiệm buôn bán của Ba Mẹ tôi ngày xưa. Con đường phía bên CỬA NAM cũng vậy, hai dãy phố lầu thương mại hai tầng cùng mang tên là đường Võ Tánh được xây cất giống nhau, nhưng số nhà chẵn, lẻ khác nhau. Mặt ngoài đường và bên trong xung quanh nhà lồng chợ, đều là những tiệm buôn nhỏ xây đầu lung thống nhất với nhau, mà phần lớn đều bán tạp hóa và hàng vải tơ lụa. Ở giữa trong nhà lồng chợ có một đường đi khá rộng lớn được ngăn đôi từ cổng ra vào cửa Nam đến cửa Bắc, một bên dành cho các sạp bán basar, kim chỉ, giày dép, va-li, túi xách mà phần lớn là sạp vải với cổng chánh hướng ra chợ cá giáp với con sông dài. Nhìn chung thì với lối kiến trúc cũng như sự phân chia sắp xếp các gian hàng buôn bán bên trong và phía ngoài rất mỹ quan.

Phạm vi CHỢ MỸ THO tính ra cũng khá rộng lớn, bao gồm từ Chợ Hàng Bông phía đường Nguyễn Huệ đến trước rạp hát Vĩnh Lợi, rồi từ bên trái rạp hát đến ngã ba bờ sông đường Trưng Trắc. Trên con đường dài này từ dốc cầu quay cho đến ngã ba đường Châu Văn Tiếp rồi quanh trái giáp vòng lại tới Chợ Hàng Bông. Cộng thêm hai con đường ngắn Võ Tánh dọc theo hai bên chiều dài của nhà lồng chợ, cùng một đoạn ngắn đường Lê Đại Hành ở giữa, giao tiếp với ngã ba đường Nguyễn Huệ và ngã tư Lê Lợi. Ngoài ra, từ dốc cầu quay phía Chợ Cũ bên phải là con đường Phan Thanh Giảng chạy dài cho tới Bến Đò, một bên là dãy phố buôn bán, còn phía bờ sông đều là những vựa cá, vựa bán trái cây và nông sản phẩm cũng tấp nập không kém bởi ghe xuồng, đồ máy chuyên chở đầy ắp hàng hóa dài dọc theo bờ sông từ các cùng phụ cận đối.

CHỢ MỸ THO trước năm 1975 được xem là một chợ sầm uất nhất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, vì địa thế nằm gần

thủ đô Sài Gòn hơn các tỉnh miền Hậu Giang, nên phương tiện vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ cũng như đường thủy vô cùng thuận lợi.

CHỢ MỸ THO sau một đêm vắng vẻ yên tĩnh thì trở mình bừng sống dậy khoảng 3 giờ sáng, với đủ mọi thứ tiếng động ồn ào khá lớn. Bắt đầu từ khu chợ cá khi những ghe cá ở trên sông chạy bình bịch từ các địa phương nhỏ thuộc tỉnh lỵ Mỹ Tho và Bến Tre tấp nập đổ tới, công với tiếng đồ máy chạy đưa khách từ miền thôn quê lân cận của hai tỉnh nhiều sông rạch này lên CHỢ MỸ THO để bỏ hàng. Chiếc xe máy xay nước đá của depot Chú Cầu không ngừng nổ máy nghe chác óc để cung cấp nước đá bào cho bạn hàng cá. Những cái máng thiết to và tròn cạnh đáy đựng cá của mấy bà bán cá ban đêm xếp chất chồng lên được thả xuống đất nghe xốn cả tai. Vài chiếc xe hàng chở về Sài Gòn. Tiếng nói chuyện to lớn cũng như lời mặc cả giá tiền của những bà bán cá phải nói là như... bể thùng thiếc giữa không gian vào buổi sáng thật sớm. Lâu lâu cũng không tránh khỏi những cuộc chửi lộn lớn tiếng tục tĩu ì xéo trong chốc lát rồi ngưng. Đó là chuyện xảy ra rất bình thường, vì họ là dân “hàng tôm, hàng cá” mà! Tiếp theo đó, trên khắp các nẻo đường hướng về CHỢ MỸ THO, từ Cầu Quay phía bên Chợ Cũ, đường Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Lê Đại Hành, Lê Lợi, rùng người mà phần đông là các bà, các cô trong vườn gồng gánh rau cải, hoa quả, trái cây đồ xô ra chợ bán, có người còn buộc cây đuốc đang cháy lửa trên đầu đèn gánh để soi đường đi. Song song đó, những chiếc xe xích lô, ba bánh chất đầy rau cải, trái cây từ hướng Bến Xe Mới vội vã chạy xuống chợ. Tất cả tạo nên một quang cảnh vô cùng sống động chuẩn bị cho một buổi chợ sáng.

Bên ngoài còn nhá nhem tối, tiết trời thật mát dịu vào buổi sáng đầy sương mai. Dưới ánh đèn đường yếu ớt, đông đảo bạn hàng buôn bán xung quanh chợ nhôn nhao bày những chiếc sạp, dựng mái che hoặc trưng những cây dù bằng vải ny long cho gian hàng của mình. Nhiều người còn đốt những cây đèn khí đá hoặc đèn dầu để thấy đường bày hàng ra. Trong nhà lồng chợ, nơi khu vực bán thịt rộng lớn, những phần nửa con heo xẻ ra từ lò heo được xe ba bánh râm rộ chở đến. Tiếng hô to để thiên hạ

tránh đường của những người khuôn vác nặng nhọc, công kênh không ngớt vang dậy bởi ngổn ngang người qua lại. Tiếng dao to búa lớn nghe lạnh người của các bạn hàng thịt không ngừng thi nhau phía chia xương thịt, trên những tấm thớt không lồ bằng gốc cây to. Khu bán tạp hóa gần đó cũng bắt đầu lảng xảng bày biện đủ thứ đồ hàng xén ra. Còn phía bên bán vải vóc có vẻ nhàn hạ, sạch sẽ cũng như sự sắp xếp, bày trí thì tương đối gọn gàng và ít bận rộn hơn, nên từ 7 giờ chủ sạp mới ra mở cửa hàng của mình, vì khách của họ gần như không thấy vào giờ này, ngoại trừ một số ít người miền thôn quê đi đồ máy lên thật sớm để mua sắm.

Gần chợ cá dọc theo bờ sông là một dãy tiệm nhà sàn đều bán chén, đĩa, lò than, cà-ràng, khạp, lu nước chất đầy thiếu điều không có đường đi trong nhà. Họ mở cửa tiệm cũng rất sớm, vì khách hàng của họ phần đông đều từ trong vườn ra đi chợ. Những xe hủ tiếu, quán cà phê, tiệm nước Cao Thăng và Kỳ Hương gần chợ đã có khách ngồi ăn uống một cách ngon lành!

Đoạn đường Trung Trắc từ chợ cá đến ngã ba đường Châu văn Tiếp gần cây cầu gỗ bắt qua bên kia sông là những sạp bán gà, vịt con kêu chíp chíp không ngừng nghe rất vui tai. Tiếp đến là các gian hàng bán đồ thủ công nghệ được đan bằng tre, bằng mây như thúng, rổ, cạp xéo v.v... Đến hàng gia cầm gà vịt là thấy bắt đầu có mùi dơ bẩn rồi! Nhiều con gà, vịt bị buộc chân dính từng chùm với nhau nằm la liệt dưới đất, một số ít được nhốt trong các lồng tròn bằng tre. Thỉnh thoảng có những con gà trống đứng hiên ngang cất tiếng lớn gáy sáng. Kế đến là chỗ bán của những người lái heo còn tồi tệ hơn nữa về mặt vệ sinh. Những chú lợn sữa được chủ quan tâm cho ở trong mấy cái chuồng nhỏ khối chữ nhật có lưới kẽm. Phần lớn mấy anh Trư Bát Giới bị trói chặt chân nằm lẩn lóc vẩy vũng trên những lớp rơm mỏng dưới đất, một số khó chịu kêu la như đang bị cắt cổ không bằng, có con còn phóng uế tại chỗ bừa bãi, nhiều con thì đưa cái bụng phệ sang một bên nằm ngủ mà ngáy khó khò...

Khoảng đường Nguyễn Huệ gần đầu chợ đến ngã ba đường Võ Tánh là khu vực ưa thích và quen thuộc của các bà, các cô, vì nơi đây tập trung nhiều sạp hàng ẩm thực ăn uống rất thơm ngon

như: cháo lòng, cháo cá, bánh xèo, bánh giá, bánh đậu, bún bì, thịt nướng, chạo tôm, gỏi, bì cuốn, chè đậu, chè thưng, bánh ít nhun đậu, nhun dừa, bánh tét nhun đậu, mớ, chuối, bánh quy, bánh khoai mì, bánh da lợn, xôi, bắp v.v... Con đường Võ Tánh số nhà chẵn phía Cửa Nam nhà lồng chợ là những sạp bán nón lá, kim chỉ, đồ dệt, mây, chiếu nằm mà ở góc ngã ba đường Nguyễn Huệ, sát tường bên hông của tiệm thuốc Bắc Thọ - Nam Đường, có một kiosque đặc biệt của chú Bảy Ích chuyên bán các loại bánh tây và trái cây nhập cảng từ Pháp, Hongkong như: nho, táo, lê, củ năng, vải khô, hồng khô, hột dưa v.v... Còn con đường ngắn số lẻ bên phía Cửa Bắc chỉ bán rau cải mà thôi! Chạy dài từ đầu chợ trên con đường Nguyễn Huệ đến rạp hát Vĩnh Lợi là những sạp bán kim chỉ, guốc, nón lá, áo quần may sẵn. Bên phải khoảng giữa dãy phố, có tiệm buôn độc nhất địa phương Vân Phát Hằng chuyên bán khá đầy đủ tất cả các loại rượu mạnh, thực phẩm đồ hộp, pho mai, mứt, bánh kẹo nhập cảng v.v... không khác nào như một shop ở nước ngoài. Con đường phía trái dẫn đến ngã ba bờ sông là khu bán trái cây, nhưng nơi này bán không nhiều và ngon bằng ở đoạn đường ngắn Lê Đại Hành tiếp giáp hai đầu với đường Nguyễn Huệ và Lê Lợi. Còn Chợ Hàng Bông trái cây với khối lượng lớn thường bán sỉ cho những bạn hàng mua đi bán lại.

Những dãy phố tiệm buôn của người Hoa xung quanh chợ có thói quen thường mở cửa lúc 6 giờ sáng, nhưng thật ra vào giờ đó chẳng mấy tiệm có khách vào mua. Không riêng gì tại CHỢ MỸ THO mà hầu hết ngành thương mại ở các tỉnh thành lớn nhỏ tại Việt Nam đều do người Hoa nắm giữ. Đó chẳng qua vì họ có biệt tài buôn bán, tháo vác, chịu cực giỏi và có tinh thần đoàn kết.

Nói về CHỢ MỸ THO năm xưa mà không nhắc đến chợ đêm thì quả là một điều thiếu sót. Hồi nhỏ, các chị em tôi rất thích chợ đêm, vì quanh năm suốt tháng chỉ thấy chợ ngày, nên khi gặp chợ đêm thì lấy làm vui thích lắm! Hàng năm, CHỢ MỸ THO chỉ có ba buổi chợ đêm vào ngày 27, 28, 29 tháng chạp Âm Lịch. Trước Tết một tuần, những đoạn đường thuộc phạm vi chợ, người ta thấy đầu tiên hai bên lề đường cách khoảng xa xa có hai

cái lỗ nhỏ sâu được đào sẵn đối diện song song với nhau. Qua hôm sau, tất cả các lỗ đó đã được dựng lên những cây cột cao chừng 6 mét. Mấy ngày kế tiếp, những sợi dây chì được nối liền ở phía trên giữa hai cây cột, rồi có dây điện và sau cùng ở chính giữa có gắn một cái bóng đèn tròn. Đó là diễn tiến những giai đoạn để chuẩn bị đèn đuốc cho ba buổi chợ đêm vào cuối năm. Thực sự thì với những cái bóng đèn nhỏ được treo cách khoảng như thế, không đủ sức để tỏa sáng cho các khu vực chợ rộng lớn, nhưng nhờ có sự phối hợp với đèn đường và ánh sáng từ trong nhiều tiệm buôn dọc theo hai bên phố tăng cường thêm.

Số với chợ ngày, dĩ nhiên chợ đêm không náo nhiệt bằng. Những hàng ăn uống bán buổi sáng, cùng nhiều sạp khác trên đường Nguyễn Huệ dài cho tới rạp hát Vĩnh Lợi được rút lui, nhường chỗ cho các gian hàng bán rượu, trà, bánh mứt, kẹo, quà, pháo Tết v.v... Giới trẻ rất thích thú được dịp đi dạo chơi chợ đêm, còn những người có gia đình thì tìm thấy được phần nào không khí mùa Xuân sắp đến qua sự mua sắm chuẩn bị cho ba ngày Tết. Chợ đêm được kéo dài đến chừng 11 giờ là thấy thưa thớt người đi. Các bạn hàng rau cải, trái cây thì đến trái chiều, giăng mùng đơn sơ ngủ bờ ngủ bụi dưới mái hiên những tiệm buôn dọc theo phố để qua đêm, chờ sáng hôm sau mới lái từ trong vườn chở hàng ra bán tiếp. Lác đác đâu đó, người ta nghe được những tiếng pháo nổ đi đùng mà lẽ ra lệnh cho đốt pháo được cho phép kể từ chiều 30 Tết đến hết ngày mùng ba.

Những ai có đi CHỢ MỸ THO vào buổi sáng 30 Tết thì đã biết, trên bốn đoạn đường ngắn bao xung quanh nhà lồng chợ, rùng người chen lấn chật cứng như nêm chưa từng thấy mà chỉ có thể nhích đi từng bước mà thôi! Tình trạng móc túi cũng thừa cơ hội này mà nảy sinh ra không ít. Vì sau Tết mấy ngày, chợ mới buôn bán trở lại bình thường, nên thiên hạ cần phải mua thêm nhiều nhu yếu phẩm dự trữ. Chừng 2 giờ chiều, chợ bắt đầu thưa người, từ bạn hàng trong nhà lồng chợ đến những người buôn bán bên ngoài đều đóng cửa, dọn dẹp về nhà lo chuẩn bị đón Giao Thừa. Xe chữa lửa của Sở Phòng Hỏa Cứu Hỏa bắt đầu tiến vào chợ cá ở bờ sông để rửa chợ cuối năm ăn Tết.

Mùng một Tết, CHỢ MỸ THO hoàn toàn ngưng hoạt động. Nhan nhản ở những góc phố, nhiều chiếc xe hủ tiếu, nước đá bán đắt như tôm tươi mà phần đông khách của họ là trẻ em mặc áo quần mới, mặt mày vui vẻ hơn hờ vì trong túi có được nhiều tiền mới lì xì. Qua ngày mùng hai thì chỉ có một số rất ít người bán rau cải dọc theo chợ cá. Đến mùng ba, mùng bốn thì quang cảnh chợ đông thêm hơn. Nhà lồng chợ bắt đầu mở cửa, nhưng các sạp bên trong bán vẫn còn rất ít. Đến ngày mùng năm, mùng sáu, đa số tiệm buôn bán tại chợ đã khai trương hơn một nửa và đến ngày mùng mười thì chợ nhóm trở lại bình thường.

Thời gian thấm thoát qua mau... Mới đây mà đã gần 30 năm dài xa Việt Nam. Vài lần về thăm quê nhà, trở lại thành phố Mỹ Tho thân yêu, nơi tôi sinh ra và lớn lên. Những lúc rỗi rảnh, tôi thường yêu cầu thân nhân chở đi vòng quanh khắp mọi nẻo đường lớn nhỏ để tìm lại dấu chân của mình năm xưa. Đi đến đâu, tôi cũng đều có cảm tưởng như đang phảng phất ít nhiều kỷ niệm của một thời thanh xuân đầy hoa mộng, không khỏi khiến tâm tư tôi bồi hồi xao xuyến... Khi xe chạy ngang đại lộ Hùng Vương góc đường Ngô Quyền, ngôi Trường “tà áo dài” rất dễ thương Lê Ngọc Hân bên này, đối diện gần đó là trường Nguyễn Đình Chiểu mà ngày xưa tôi ái mộ nhất. Quẹo trái sang đường Lê Đại Hành thì nhà cửa, tiệm buôn có phần khác lạ nhiều hơn xưa. Đến cuối đường rẽ sang phải là ngôi chợ hai tầng mới được xây cất sau này mà bên trong rất vắng người mua. Từ chợ cá đến những con đường xung quanh nhà lồng, chợ nhóm rất thưa thớt khác hẳn thời trước, người bán nhiều mà người mua thì lại quá ít. Tình thiệt mà nói, trầm ngâm đứng nhìn ngôi chợ “thiếu thiện cảm” này, tâm trí tôi không khỏi liên tưởng đến hình ảnh ngôi chợ cũ thân thương đầy kỷ niệm với gia đình ba mẹ tôi đã một thời vang bóng: CHỢ MỸ THO.

Nhớ đến phố CHỢ MỸ THO

Nhớ trường Lê, Nguyễn, Thầy, Cô, bạn bè.

TÌNH THU TRÊN XỨ MỸ

Nguyễn Tấn Hưng

Lào xào gió thổi như mưa
Lá vàng rơi rụng biết vừa vào thu
Đưa em về cõi sương mù
Lối mòn vi vút tình thu vẹn tròn
Thương em ngày tháng còn son
Theo chồng chinh chiến lên non xuống ghềnh
Đường về xứ Mỹ buồn tênh
Đáy bắc Rạch Miễu lênh đênh giữa dòng
Bao năm một cánh tiên bồng
Lá thu rơi rất buồn không Vĩnh Tràng?
Còn Rộng một chuyến đò ngang
Nước Cửu Long khoác cho nàng rửa chân
Chợ Cũ trăm nẻo xa gần
Bến Tầm Ngựa, vừa lá thân vẫn còn?
Cầu Quay nổi bước chân son
Con đường Trung Trắc đi mòn tuổi thơ
Đại lộ Hùng Vương từng giờ
Nguyễn Đình Chiểu học trò mơ mộng nhiều
Đài Chiến Sĩ đáng mỹ miều
Ngó dinh Tỉnh Trưởng bóng chiều về tây
Em về cầu Bắc, ô hay
Cây Xăng anh bước chia tay hai đường
Nước ngọt mùi hai Giếng thương
Cho ai tắm mát phố phường rong chơi
Vòng Nhỏ, Vòng Lớn một trời
Vòng đai xứ Mỹ ngàn đời như xưa...

Lào xào gió thổi như mưa
Lá vàng rơi rụng biết vừa vào thu
Đưa em về cõi sương mù
Lối mòn vi vút tình thu vẹn tròn
Thương em ngày tháng còn son
Theo chồng chinh chiến lên non xuống ghềnh
Đường về xứ Mỹ buồn tênh

KHI ĐI DU LỊCH CHỌN MÁY DIGITAL CAMERA HAY DIGITAL CAMCORDER

Huỳnh Chiếu Đăng
huy017@juno.com

Hôm nay tôi bị cảm cúm (quá sớm cho năm nay chẳng, đang mùa nóng mà) không dám ló ra ngoài nên ngồi đây viết ít hàng để quý bạn nào thích thì đọc chơi, may ra cũng giúp được chút xíu nào về hai thứ máy móc đang lan tràn trong mọi gia đình hiện nay. Đó là máy digital camera và digital camcorder. Giống như những bài viết xưa nay, tôi dùng từ ngữ tay ngang ai đọc cũng hiểu. Tôi không dịch những từ ngữ chuyên môn từ tiếng ngoại quốc ra tiếng Việt vì không biết dịch sao cho phải. Thấy có người dịch máy digital camera là “máy chụp ảnh số”, tôi chưa bắt chước kịp nên đành để nguyên. Tất cả những bài viết của tôi chỉ nhắm vào người bình thường giống như tôi, nghĩa là chơi “cho có như người ta”, nhưng mê thì không mê, máy móc quá đắt tiền chỉ nhìn chơi thôi chứ không “ham”. Riêng các bạn nhà nghề cũng như các amateur thì xin đừng có đọc, lỡ đọc thì đừng cười. Những máy móc đề cập đến ở đây cũng chỉ dành cho người tay ngang không liên hệ nhiều đến máy móc đắt tiền dành cho nhà nghề. “Bái tổ” xong rồi, xin mời quý bạn đọc cái email sau đây từ một thân hữu:

Kính chào Anh Đăng,

Chúc mừng Anh nhận được nhiều feedbacks cảm tạ bài viết “Cách Cứu Vớt Data Khi Máy Computer Bị Hư” vừa rồi của Anh. Bài có nhiều điều thật đúng và thật nhiều dụng chạm, nhất là với các Ông chủ tiệm (!) Việt Nam sao khó khăn quá, ...(bỏ một đoạn)

Bây giờ, thưa Anh Đăng, hỏi Anh vấn đề khác nhé!

Khi đi du lịch xa, Anh thích đem theo digital camera hay digital camcorder?

Tôi có gì sai trật không? Khi tôi nghĩ tôi nên mua digital camcorder hơn là digital camera!

Lý do, theo sự hiểu biết "chưa tới" (may be), tôi nghĩ digital camcorder giúp tôi record nhiều scenes, activities và "vẫn có thể

chụp được still photos, cho dù không excellent, perfect được như digital cameras".

Thế thì, câu hỏi là "Digital Cameras" hay là "Digital Camcorders", khi mình đi du lịch, du ngoạn một chỗ nào đó, có một không hai?

Anh có kinh nghiệm nhiều, xin Anh Đăng vui lòng hướng dẫn.

Nghĩa.

Để góp ý cho câu hỏi trên, có lẽ tôi nói sơ qua về hai loại máy này trước.

1. Máy Digital Camera:

Là máy chụp ảnh theo kỹ thuật digital. Hình ảnh được ghi dưới dạng một computer file, nghĩa là chúng ta có thể gửi nó qua email, post nó lên internet, in nó ra giấy và edit nó dễ dàng bằng computer. Với máy ảnh dùng film thì muốn gửi nó qua email hay post lên webpage quý bạn phải biến nó thành dạng digital trước. Thông thường là dùng scanner để đưa nó vào computer. Đây là một "tai họa" cho những người thường nhận ảnh qua email như tôi. Có nhiều bạn scan nó với DPI quá lớn, gửi qua email chỉ cần scan chừng 96 DPI thôi. Có người lại save hình scan dưới dạng BMP hay TIF, hai dạng file này lớn khổng lồ, làm cho nhận một tấm ảnh cả buổi chưa xong. Mà thôi chuyện này đã nói ở các bài viết trước đây rồi nay chỉ nhắc để các bạn lưu ý thôi.

Hầu hết các máy digital camera ngày nay đều có khả năng quay video. Nếu quý bạn cần khả năng này của máy digital camera, thì khi mua máy nên lưu ý mấy điều sau:

a. Thời gian quay một đoạn video liên tục thay đổi tùy máy máy digital camera. Có máy quay được cho tới hết memory (thí dụ như Nikon Coolpix 5900). Có máy chỉ giới hạn file video lớn tối đa là 1GB (thí dụ Canon PowerShot A95). Có máy giới hạn thời gian mỗi lần quay là 3 phút (thí dụ Canon PowerShot G5). Tức là với máy G5 mỗi lần bấm máy quay video chỉ thu được đoạn film dài tối đa 3 phút. Sau 3 phút máy tự động dừng lại, muốn quay tiếp quý bạn phải bấm lần nữa. Nhưng nói chung máy

nào cũng cho phép quay video nhiều đoạn tách rời nhau cho tới khi nào hết memory thì thôi. Do đó dùng máy digital camera để quay video đôi khi bị giới hạn trong trường hợp quay các bài diễn văn hay các buổi giảng dạy... Với máy digital camcorder thì máy chỉ dừng lại khi hết memory, khi hết băng, khi đã ghi đầy DVD disk, hay khi đã ghi đầy hard disk.

b. Quý bạn cũng cần lưu ý là cái máy digital camera quay video có độ mịn (resolution) cỡ nào. Với đĩa DVD movie bán ngoài thị trường thì hình ảnh có độ mịn là 720 x 480 (30 frames/giây = f/s). Đây là con số cao nhất hiện giờ, con số càng cao movie càng sắc nét. HD TV bắt bằng antene hay satellite hoặc cable có độ mịn cao hơn. Tương lai gần người ta sẽ bán máy hát và đĩa H-DVD (high definition digital video disc). Có nhiều máy digital camera hiện giờ ghi hình đẹp gần bằng đĩa DVD, nghĩa là ghi được tới cỡ 640 x 480 với 30 f/s (thí dụ Canon Sx IS, Casio Exilim EX-S600, Nikon Coolpix S6). Một số máy digital camera chỉ có khả năng quay được ảnh mịn bằng máy VHS tức là 320 x 240, 30 f/s (thí dụ: Olympus C-50 Zoom). Tất cả chi tiết về độ mịn về thời gian tối đa một lần quay đều có ghi rõ trong specification của mỗi loại máy ảnh. Để quý bạn dễ so sánh, độ mịn các máy ghi video thông thường như sau: của DVD (Digital Video Disc) là 720 x 480, của VCD (Video Compact Disc) là 352 x 240, của SVCD (S là Super) là 480 x 480, của máy ghi băng VHS là 320 x 240. Ngoài ra thì máy digital camera sản xuất gần đây quay được đến 30 frames/giây, cũng có máy chỉ quay tới 15 frames/giây thôi, tức là trong 1 giây số ảnh hiện trên monitor là 15. Với cỡ 15 frames/giây này thì những hình cử động nhanh có khi bị “cà giựt” kiểu như phim đen trắng thời ciné mới ra đời.

c. Ngoài ra quý bạn còn phải lưu ý là các monitor của digital camcorder đều di động được, quay được nhiều góc độ khác nhau theo ý muốn. Đa số monitor của máy digital camera dính liền với mặt sau máy, không di động được, ngoại trừ một số nhỏ máy digital camera như nhóm Canon Sx IS, Canon A620 và Panasonic Lumix FZ30. Monitor không di động được làm cho

quí bạn bạn khó lấy hình. Thí dụ khi quí bạn đứng sau đám đông, có thể đưa cái Canon Sx lên khỏi đầu mà chụp ảnh hay quay video, với FZ30 không làm vậy được, monitor có góc quay giới hạn. Monitor quay được rất cần khi quí bạn muốn đặt máy hình gần mặt đất để cho ảnh cô dâu chú rể có font là nền trời xanh mây trắng trên cao. Với máy ảnh thông thường quí bạn phải nằm dưới đất mới chụp được loại ảnh này. Nói ra quí bạn chưa hình dung được, nhưng nếu nhìn thấy cái máy digital camera của nhóm này thì thấy liền.

d. Cần lưu ý thêm là có loại máy digital camera thu được âm thanh stereo, có loại thu được âm thanh mono có loại chỉ thu movie không thu được âm thanh. Nói chung đa số máy digital camera ghi âm thanh mono kèm theo movie. Số máy digital camera ghi được âm thanh stereo hiện giờ còn rất hiếm, trong khi đó các máy digital camcorder đều ghi âm thanh dưới dạng stereo. Hai máy máy digital camera ghi âm stereo là Canon S2 IS và Canon S3 IS. Tới hôm nay tôi chưa biết có cái máy digital camera nào ghi âm stereo khác, chắc là còn vài máy nữa.

e. Đa số máy digital camera không có optical stabilizer hay digital stabilizer (giữ cho hình không rung nhiều khi người quay run tay). Ngoại trừ một số nhỏ như nhóm máy Canon Sx IS (x là con số 1, 2 và 3), hay Panasonic FZ7, LZ5, FX9 và Sony DSC-H5. Hầu hết các digital camcorder đều có digital stabilizer một số có cả optical stabilizer. Nên chọn optical stabilizer (tại sao, tôi có giải thích rõ điều này ở những bài viết trước).

f. Đa số máy digital camera không zoom được khi quay video. Động cơ zoom nằm gần micro sẽ ghi rất mạnh vào movie, khi xem lại nghe y như có cái máy cưa đang chạy ngay bên cạnh. Máy có khả năng zoom khi quay video là nhóm Canon S1, S2, S3, vì chúng dùng ultrasound motor (USM) để zoom, và các máy zoom bằng tay (thường là Sony và Panasonic). Độ optical zoom của máy digital camera thường chỉ tới tối đa 15x (máy hiệu Samsung), Canon S2, S3 Panasonic FZx có optical zoom là 12x.

Đừng để ý tới digital zoom ở máy digital camera, gần như vô ích khi chụp still image, khi quay video thì tạm sử dụng được.

2. Máy Digital Camcorder:

Là máy ghi movie và các media có khả năng chứa hình ảnh dưới dạng digital (computer file) như là mini DVD (thí dụ Panasonic VDR-D250), như là hard disk (thí dụ JVC GZMG77US), như là Mini DV (tape nhỏ xíu, ngày nay có vẻ lỗi thời rồi). Các máy digital camcorder ngày nay đều có khả năng chụp ảnh still image. Tuy nhiên ảnh thu được thường khá nhỏ pixel so với máy digital camera. Thông thường chừng 1.3 Mpix trở lại (có vài máy ghi được tới 3 Mpix). Màu sắc và phẩm chất ảnh thu được nói chung không so được với máy digital camera. Dùng máy digital camcorder để chụp ảnh bị “vướng” tay chân vì không dùng kiểu chụp manual hay program được. Thường thì máy digital camcorder ghi ảnh vào flash memory như là compact flash, memory stick (canon), secure digital.

Movie thu được từ digital camcorder có thể chuyển vào computer để edit, cắt xén rồi viết vào DVD để xem trên TV. Với máy ghi video analog như VHS, như Sony 8, chúng ta phải chuyển ra dạng digital mới đưa vào computer được. Các đặc tính còn lại đã phân tách ở phần trên nên tôi không đề cập lại nơi đây.

Ở digital camcorder nên quan tâm vài điều:

a. Nên lưu ý là optical zoom của digital camcorder có khi rất cao, trung bình cũng là 20x. Và máy nào cũng có khả năng zoom trong lúc quay video. Đừng quan tâm tới digital zoom nhiều, tuy nhiên ở camcorder digital zoom không làm mất phẩm chất movie nhiều, như khi chụp still image. Digital zoom của digital camcorder có khi tới 200x. Với độ zoom này, quý bạn không thể cầm máy trên tay mà quay video được đâu, ảnh chao đảo dữ lắm, phải dùng chân máy. Khi zoom xa hình ảnh thu được giống như thu qua một làn khói vì không khí ngày nay thường không trong suốt.

b. Với loại máy digital camcorder ghi movie trực tiếp vào mini DVD, quý bạn nên lưu ý là có khi ghi xong rồi không play

lại được, ai từng chơi máy DVD recorder đều biết chuyện này. Ngoài ra thời gian ghi video chỉ có vài mươi phút là đầy đĩa mini DVD. Trong khi đó máy digital camera có thể ghi tới 1 giờ (nhóm Canon Sx), có nhiều máy máy digital camera ghi video lâu hơn một giờ, ghi cho đến khi nào hết memory mới dừng lại. Với máy digital camcorder dùng media là hard disk thì gần như không có giới hạn thời gian. Hard disk của các máy này nhỏ nhất cũng là 20GB, ghi được tới mấy chục giờ movie. Chúng ta thường tưởng cần quay video đến hàng giờ đồng hồ. Thật ra khi đi du lịch mỗi lần bấm máy quay, chúng ta chỉ quay có một vài phút mà thôi. Trường hợp ghi các buổi trình diễn thì mới cần ghi một đoạn movie liên tục dài cả tiếng đồng hồ để âm thanh không đứt mất.

3. Khi Đi Du Lịch Nên Chọn Loại Nào Mang Theo?

Nếu phải mang theo một máy thôi thì nên chọn cái nào? Sau đây là ý kiến cá nhân của tôi thôi, có khi chưa chắc đã phù hợp với nhu cầu của một số quý bạn.

a. Theo chỗ tôi biết thì khi đi du lịch xa chúng ta có khuynh hướng quay video thật nhiều. Hình như trong bụng hơi “tham” sợ bỏ sót thì uống, quay để về nhà xem lại. Khi về nhà chúng ta chỉ xem lại có một hoặc hai lần rồi nói thảm cất để đó về già xem lại. Khi về già thì chúng ta không có thì giờ để xem lại hàng đống video ghi từ TV, copy của bạn bè, mua ngoài chợ, và quay video khi đi du lịch. Mà cũng có khi lấy mấy cái băng video đã quay lúc trước ra xem, thì thấy chóng mặt do hình ảnh chao đảo lung tung, lúc trẻ đâu có như vậy. Lắm khi đi du lịch chúng ta không thường thức đường xa cảnh lạ ngay tại chỗ, mà cứ lo nhìn vào cái monitor nhỏ xíu, bận rộn thu hình. Nhân đây xin hỏi quý bạn cái vật quan trọng hàng thứ hai sau cái máy ảnh, nó không đắt giá chi cả, mà thường bị bỏ quên trong ngành chụp ảnh và quay video là vật nào? Đó là cái chân máy ảnh. Quý bạn thấy các movie nhà nghề không bao giờ hình ảnh rung rung hay nghiêng ngả hết. Trong ngành quay phim này, quý bạn thích “manual” (tức là quý bạn cho rằng và định ninh rằng phải chụp manual ảnh mới đẹp) không có chỗ đứng phải không? Máy digital camcorder

thường là hoàn toàn automatic mọi mặt. Hỏi nhỏ quý bạn là khi về già, quý bạn xem lại các video kỷ niệm ghi vào thuở thanh xuân, thì tâm trạng lúc đó như thế nào.

b. Hình chụp still image thường được chúng ta thích ngắm hơn. Có nhiều lý do mà trong đó có lý do là xem hình ít mắt thì giờ hơn xem phim. Ít có ai dám bỏ 2 tiếng đồng hồ để ngồi xem phim quay chuyển đi du lịch của chúng ta cả. Vậy mà có mấy người dám ngồi coi cái DVD Ảnh Và Nhạc của tôi dài 3 tiếng một hơi bỏ ngủ luôn, mà không phải chỉ xem một lần, xem luôn hai lần liên tiếp. Chuyện thật chứ không đùa như thông lệ đâu, có một số bằng hữu đọc bài này biết rõ mà.

Đọc tới đây chư vị tưởng tôi không thích quay video khi đi du lịch chứ gì. Không hẳn vậy đâu. Ngày nay khoảng cách giữa máy digital camera và digital camcorder được thu ngắn lại. Tuy rằng máy digital camera quay video kém hơn là máy digital camcorder. Ngược lại thì máy digital camcorder chụp ảnh still image kém xa máy máy digital camera. Nhưng nếu quý bạn chọn lựa thật kỹ thì quý bạn gần như có được cả hai trong cùng một máy. Với digital camcorder thì tới nay tôi chưa thấy có cái nào chụp ảnh đẹp và dễ dàng bằng máy digital camera đầu so với cái digital camera khá rẻ tiền. Nhưng với máy digital camera thì quý bạn có thể chọn được cái có khả năng quay phim gần như digital camcorder. Có vài máy như vậy hiện nay, ở đây tôi đưa ra cái thí dụ là máy máy digital camera Canon Powershot S3 IS (từ đây xin gọi là Canon S3).

Tôi xin nói rõ vài đặc tính tiêu biểu mới nhất của máy digital camera hiện giờ, để quý bạn dễ so sánh khi cần mua các loại máy máy digital camera dùng để quay video. Canon S3 có optical stabilizer (quan trọng khi quay video và chụp ảnh) có optical zoom 12x (cũng không đến nổi tệ, máy ảnh thường chỉ có zoom 3x hay 4x thôi). Kế đến âm thanh ghi vào là stereo. Máy Canon S1 cũng y như vậy nhưng chỉ ghi mono thôi. Về phẩm chất thì movie thu được từ các máy S1, S2, S3 đẹp gần bằng DVD, nghĩa là nó ghi video đến 640x480, 30 frames 1 giây. Nói chung thì những máy máy digital camera giá trung bình năm nay 2006 đều ghi video đến 640 x 480. Còn cái khả năng độc đáo nữa mà hình

như chỉ có nhóm Sx này có mà thôi, đó là chụp ảnh trong khi đang quay video. Canon S3 có 2 nút bấm, nút video và nút bấm chụp ảnh riêng biệt. Trong lúc đang chụp ảnh, quý bạn bấm nút video thì movie được thu ngay tức thì, cho tới khi quý bạn bấm lần thứ hai thì nó ngưng lại. Đa số máy digital camera còn lại muốn quay video thì phải vận nút lại hoặc setup lại từ trong menu, mất cả phút đồng hồ, có khi cảnh muốn quay đã qua mất rồi. Với Canon S3 trong khi quay video, quý bạn bấm nút chụp ảnh, video vẫn quay liên tục không gián đoạn, mà máy vẫn chụp ảnh still image như thường lệ. Tuy rằng Canon S3 chỉ là máy digital camera, nhưng nó giống như hai máy máy digital camera và digital camcorder nằm chung trong một body. Canon S3 zoom được cả digital lẫn optical trong khi quay video. Nhưng Canon S3 còn có khả năng rất lạ, theo tôi biết, thì chưa máy digital camcorder nào có. Đó là khả năng chỉ thu âm mà không ghi hình hay ảnh kèm theo, y như một máy thu âm thông thường. Để làm chi, với tôi thì rất cần cho các buổi seminar, các buổi hội họp, các lớp học. Thí dụ vào đám cưới quý bạn tò mò muốn nghe lại hai họ đọc diễn văn, ban huấn từ, ngâm thơ hay nghe một “thực khách” lên hát bản “Đôi Thông Hai Mệ” ra sao, quý bạn cứ để cái Canon S3 trên bàn tiệc rồi bấm nút thu âm. Dùng bông gòn dút cả hai tai lại cho bớt ồn, khi tan tiệc về nghe lại đỡ nhức đầu hơn. Canon S3 ghi âm dưới dạng stereo WAV, âm thanh hay như audio CD nghe quý bạn, không phải ghi âm kiểu các máy MP3 kém phẩm chất đâu. Nó cũng có thể ghi dưới dạng MP3 để tiết kiệm memory. Canon S3 có thể ghi âm mấy tiếng đồng hồ liên tục cho tới hết memory thì mới ngưng. Riêng video chỉ ghi được liên tục cho mỗi lần bấm máy là 1 giờ, hay cho tới khi video file lớn bằng 1GB.

Chắc quý bạn tò mò tại sao tôi lấy Canon S3 làm thí dụ. Vì hai lý do, nó không quá đắt tiền và có nhiều đặc tính đứng ngoài các máy máy digital camera khác. Nếu tôi lấy thí dụ ở các máy khác thì có khi thiếu vài option đặc biệt của máy digital camera hiện nay. Lấy Canon S3 làm thí dụ thì sẽ không bỏ sót đặc tính nào cả. Canon S3 còn nhiều khả năng khác mà tôi chưa kể hết ra đây. Giá cả hiện giờ là \$450 tại vài tiệm, thí dụ Costco, lựa kỹ có

khi mua được khoảng trên \$300. Nhưng xin quý bạn lưu ý là Canon Sx khá to con, không mỏng và nhẹ như đa số máy máy digital camera ít option hơn.

Nếu tôi đi du lịch tôi sẽ mang cái Canon S3 theo là đầy đủ, hình khá đẹp, mà video cũng không thua chi digital camcorder cả. Cái monitor của Canon S3 quay được y như đa số monitor của digital camcorder. Mà có lỡ hết pin thành linh, cứ vào tiệm tạp hóa bên đường mua 4 cục pin AA là xong. Mà thích nhất là trong tiệc cưới dùng cái Canon S3 nghe thể cho hai cái tai nhét đầy bông gòn của chúng ta.

4. Kết Luận:

Để trả lời cho câu hỏi nên mang theo máy loại nào tôi xin “ba phải” như sau. Nếu quý bạn thích xem video thì khi đi du lịch nên mang máy digital camcorder, khi cần cũng chụp được nhiều ảnh kỷ niệm. Nếu quý bạn thích nhiếp ảnh thì nên mang máy digital camera. Nhưng dầu mang theo máy gì đi nữa cũng đừng quên là chúng ta đi du lịch, ngắm cảnh tại chỗ, thờ không khí tại chỗ, thưởng thức các món ăn tại chỗ vẫn hay hơn là về nhà xem lại. Riêng tôi mang máy hình theo cũng chỉ để lấy một số hình ảnh kỷ niệm có người trong đó. Riêng ảnh đẹp của địa phương, tôi tin là tôi không đủ khả năng chụp đẹp như các tấm ảnh bán trong các quán ven đường 1 đô 3 tấm đâu. Mua các ảnh này hay hơn là chụp. Nhiều khi chụp cũng không đến nổi tệ, nhưng thường chúng ta không có thì giờ, đến nơi không đúng giờ phù hợp để chụp ảnh không có ánh sáng đúng mong muốn. Chụp sai giờ khắc cũng y như chụp người đẹp đứng ngoài nắng giữa trưa vậy. Nhất là quý bạn dùng máy có optical zoom mạnh như cái Canon S3 mà chụp portrait, thì từ đó trở đi, người đẹp thấy quý bạn cầm cái máy ảnh là lảng xa liền.

14-Aug-2006.

MỘT CHUYỀN ĐI

Nhất Anh TAV

Phi trường Toronto/Canada, một sáng cuối đông. Tôi ngồi chờ lên máy bay Lufthansa đi Tây Bá Linh, “West” Berlin.

Một cô chiêu đãi viên bảo tôi đợi. Thì ra mình là người hành khách cuối cùng. Máy bay chỉ còn một chỗ duy nhất, và cô đưa tôi tới ghế bìa business class. Tôi chưng hửng và cô chúc tôi Bon Voyage. Người đàn ông bên trái tôi chào hỏi lịch sự. Anh ta là chủ một công ty buôn bán nhà ở Vancouver, rồi anh giới thiệu với tôi người ngồi cạnh anh là ba của anh, giáo sư văn chương Pháp đại học Toronto, mới vừa hưu trí, bây giờ về thăm quê ở Prague. Không biết anh ta nghĩ thế nào mà hai cha con đổi chỗ, ông giáo sư qua ngồi kế tôi. Ông bắt đầu câu chuyện bằng tiếng Tây. Ông mời tôi ăn nho. Ông bảo tôi rằng ông thường đi du lịch, và hề đi là ông đem theo trái nho rất tiện là vì khỏi gọt cắt mà lại vừa miếng ăn, không đầy bụng. Tôi hơi khựng vì nhớ câu “Làm thân con gái chớ ăn trầu người” rồi nghĩ bụng mình đâu là con gái, mà người ta đâu có mời trầu, mời nho mà. Ông phải mời ba lần tôi mới dám nhận, ông bảo ăn cho thấm giọng, đỡ khát. Nho nhỏ xiu, dòn kháy, ngọt lịm, làm như có một sự hài hòa nào đó với cách ông nói. Ông mê đi du lịch là vì ông bị thi hài Baudelaire thôi miên qua bài thơ tuyệt diệu “L’invitation au voyage” với mấy câu đầu:

“Mon enfant, ma soeur,
Songe à la douceur
D'aller là-bas vivre ensemble!
Aimer à loisir,
Aimer et mourir
Au pays qui te ressemble!”

Rồi ông chú thích, đối với Baudelaire, “la femme aimée est la soeur d’élection”. Cũng không khác gì với Việt Nam mình đâu, hề yêu một phụ nữ thì gọi bằng “em”. Rồi đọc tiếp hai câu cuối:

“Là, tout n'est qu'ordre et beauté,
Luxe, calme et volupté.”

Du lịch là người yêu, người đẹp. Cảnh lạ đường xa là tuyệt mỹ, là thanh thán, là thoải mái. Tôi không dám nhai mạnh, nuốt thật chậm để thưởng thức lời giảng của ông giáo sư đang nói say sưa. Thế là tôi được học thêm về thế nào là du lịch, hợp ý tôi quá. Như vậy tôi có thêm lý do để đi đó đi đây.

Tới giờ ăn. Hai cha con lại đổi chỗ. Anh chàng này hỏi tôi có thích câu chuyện ba anh nói không. Tôi trả lời rằng, hồi nhỏ có học qua mà đâu hiểu được thâm thúy như vậy, chỉ mơ được như Ulysse sau một đời viễn du thì trở về quê hương mà chết. Không ngờ khi bỏ nước ra đi mất mát quá nhiều nhưng bù lại tôi có được thiện duyên mỗi năm làm một cuộc viễn du. Ông bà tôi nói “Đi một tácc đàng học một sàng khôn”, tôi mới học được cái thú du ngoạn của ba anh.

Anh ta nói xin lỗi madame nhe, ba tôi hay bị méo mó nghề nghiệp lắm. Chúng tôi chỉ ghé qua Berlin rồi thì đi Prague, quê hương của ba tôi, lần này ông về thăm thầy xưa bạn cũ. Ba tôi sẽ thăm ông Vaclav Havel, hai người là bạn học hồi nhỏ. Qua anh chàng này tôi được biết Havel là thần tượng của dân Tiệp Khắc, đem lại hòa bình cho đất nước, tách rời Czechoslovakia thành hai nước độc lập mà không tốn một giọt máu. Havel là một kịch tác gia, con nhà văn giải quyết rắc rối có khác. Tôi liền tưởng đến Mahatma Gandhi chủ trương bất bạo động để dành lại độc lập cho Ấn Độ. Tôi hằng cầu nguyện cho Việt Nam có được một Gandhi!

Người con mời tôi đi Prague. Mọi việc anh ta lo liệu rất ân cần. Tôi từ chối. Người cha tha thiết hơn. Làm gì gặp được khách đồng hành mà lại đồng điệu. Ông nói Frankfurt – Prague chỉ hơn một giờ chim bay, tới Prague vài tiếng đồng hồ rồi trở lại Berlin. Người con lại thêm vào: có khi một phút mà thành thiên thu. Họ không lay chuyển tôi được. Lý do là tôi không muốn thất hứa. “Tha hương ngộ cố tri” là niềm vui sướng khó tả.

Chia tay và trao đổi địa chỉ. Họ hẹn gặp tôi một ngày đẹp trời ở Vancouver.

Mấy ngàn dặm đường bay như gió thoảng. Phi cơ đáp xuống phi trường Berlin đúng giờ. Không phải qua sở di trú và quan thuế khiến tôi ngờ ngợ. Đây rồi vợ chồng người bạn năm xưa mà khi xa cách không một lời trao đổi. Nhìn tôi, anh ấy bảo: “Đào hoa y cừu tiểu đồng phong”. Vẫn cái lẳng đãng thuở nào!

Trên đường phố Berlin, tơ tuyết còn giăng mắc trên cành cây trụi lá, hoa tuyết phát phơ đưa người vào cõi mộng. Tương hợp này chưa từng có trong mơ. Thực hay mơ đây?



NHU' NƯỚC TRONG NGUỒN

Nguyễn Văn Sâm

'Cao cao chi tổ, viển viển chi tông, thúc bá đệ huynh, cô nhi tử muội nhà bấy ra nghe tao chửi thơ nè...

'Sóng bủa thuyền câu lướt dập, nhà sập bìm bìm leo, đéo mẹ tổ chó đẻ nó cũng leo theo...Tổ cha ông bà nó...chơi với khi, khi vô dít, chơi với con nít, con nít lòn mặt, không bằng tuổi lẻ của tao mà bấy bày đặt nói ra nói vô để gia đình tao hục hặc xáo xào...'

Tiếng chửi của bà Hương giáo Hải ngọt như tiếng ca của mấy cô danh ca Ba Bé, Tư Sạn trong đĩa hát Asia cất lên đằng kia, lan trong gió chiều, tỏa ra phía đầu này cù-lao đánh dấu sanh hoạt đặc biệt của xóm mà má tôi xác định rằng thì là 'đi bốn biển chín châu cũng không dễ dàu gì gặp'. Mỗi lần bà Hương trở tài là mỗi lần tôi và bằng dân thiên hạ ở đây khoái chí tở: vừa giải trí vừa đổi thay không khí nhàm chán của một nếp sống trầm trầm trong vùng đất nhỏ bằng bụm tay lọt giữa con sông rộng kéo dài trước đó. Sồn sồn người nhưng du dương giọng, bà Hương có tiếng chửi không khác mấy tiếng hát ru em trưa nắng, mùi mẫn như bài ca dạ cổ hoài lang từ phu tướng lên đường, đã điệu còn hơn nghe mấy con nhỏ xóm dưới kéo vuốt lên cao ngất nhọn lều như kim chích nhẹ nhẹ, nhột nhột vô tim, lẫn lẫn tới từng sợi dây thần kinh trên khắp cùng thân thể, mấy tiếng chót của một câu hò ruột. Nói có hơi quá, nhưng còn khoái hơn nghe trai gái mèo mỡ đối đáp trững giỡn lúc giã gạo đêm trăng. Chứng kiến tụi nó ỡm ỡ trao tình bằng miệng hò mắt liếc tôi khoái lổ tai thì có mà bằng bụng thì không. Tôi nhớ tới tấm thân tôi. Con trai khi dễ coi như chẳng cùng loài cùng lứa, kiểu thẳng Lai, thẳng Chệt nào lạc loài trong xóm. Con gái đi ngang qua không cần biết tôi đương đứng đó, đương có mặt. Không đứa nào ngó thẳng vô mặt tôi mà biết mắc cỡ bối rối, trong khi đó đối với mấy thằng khác cỡ tuổi tôi, mấy con nhỏ này thường khi hành động kiểu như bị hớp hồn: quỳnh quáng, tiêng được tiêng mất, cà-lăm cà-lập, vuốt-vuốt tóc, kéo-kéo áo, đỏ mặt cúi đầu ngó-ngó xuống ch ưnthấy mà phát nực. Có đứa còn lấy ngón cẳng cái chà-chà dưới đất thiếu điều

chết cha khoảnh đất chỗ đang đứng, trí óc bay bổng mất tiêu, mười điều hỏi trả lời ăn-trét hết tám, chín. Lũ quỷ này một trăm đứa như một, đi ngang tôi như bước qua khúc cây mục nằm chặn đường đi, như đi vòng một vũng nước dơ cần tránh, ngó tôi như ngó một gò mồi, một đồng đất, một cục đá tảng; tỉnh rụi. Tôi hỏi, tôi chào tụi nó cũng trả lời bả-lả bô-lô vài ba câu vậy, nhiều khi vui vẻ thân mật nữa là khác, nhưng mà qua con mắt vừa nháy nháy vừa suy nghĩ của tụi nó, chém chết tôi cũng thấy chàng ràng trước mặt một điều gì đó như là tội nghiệp, như là thân mật bằng tình anh chị em chòm xóm láng giềng nổi lên trong lòng.

Tôi với tụi nó đồng trang lứa chớ bộ, mặc dầu tôi không xỏ người bự-xộn như thằng Quang, nhưng đâu phải teo nhách không nên hình nên dạng đâu. Chỉ hèn dứa một chút vì bận-bịu cặp nặng thôi. Làm gì có cái tình tình khiết đó giữa trai tân gái mọn không cùng máu mủ. Đứa nào mà có dính líu một chút xiu bà con, thứ đồ bà con xa mứt tí tè chống bầy sào không tới, vừa đi vừa nhai rồi liệng cả chục miếng trầu cũng còn xa-lơ xa-lắc, kiểu má tôi với thiếu của nó cùng một đầu ông cổ, mà hể phải đối đáp thân thiết tới câu thứ nhì thì tụi nó dờ giọng xa-xa, gằn-gằn, kiểu cắt ruột m áu mủ, lại còn làm bộ ngây thơ thân tình theo kiểu bà con. Nực tiệt, nhiều khi ước sức tôi muốn đá cho một đá hay xán cho một bạt tay mới đã nư.

Bởi vậy tụi nó trai gái hát hò, nghe thì nghe chớ tôi không kết cho lắm. Bà Hương giáo chữ thì lại là chuyện khác à nhe! Lạ lạ, hay hay. Thường thức mà không thấy tức tức ghét ghét ganh ganh bụng, nghe mà thanh thản, thơ thới lòng. Tôi tinh táo uống hớp từng âm thanh giai điệu, tôi bàng hoàng lạ lẫm về sự phong phú thần sầu của làn hơi con người ta trong việc vuốt tiếng láis giọng. Đó là chưa kể về mặt ý nghĩa, câu chữ ở đây như ẩn hiện chập chờn một yếu tố đặc biệt gì đó khiến cho mình khoái rơn, nhiều khi muốn nhảy dựng lên, muốn cười thật lớn. Nếu lâu ngày mà bà ta không lên tiếng tôi dám cá một ăn mười là nhiều người thấy thiếu thiếu thềm thềm lỗ tai kiểu như bữa nào bà ngoại lật đật đi xóm, quên đem theo ô trầu chắt lưỡi than thềm miệng.

Tôi ra chỗ ngạch cửa ngồi chống mỏ vãnh tai về mé nhà bà Hương. Cả tháng nay sức mấy mà được thanh nhàn! Bữa nào như bữa này, cơm nước rồi ngồi xạo sự chưa đầy một tiếng đồng hồ, ghé chur a nóng đã lo dỡ mùng chun vô, mấy bả hổi còn quá cha chạy giặc. Trong mùng ánh sáng lờ mờ đọc lén giòi lăm hết một hồi truyện đã nhướng hết lên, buông xụi sách, chổng cẳng ngáy.

Cả tháng nay giận chuyện gì không biết mà ba tôi ăn dầm nằm dề bên Mỹ Tho, cuối tuần cũng không thèm đi đồ về thăm má tôi với ngoại. Má tôi thì bỏ lúng nhà cửa ở bên cho chó chạy, qua ở bên này với bà ngoại tôi chỗ tôi ở thuở giờ, mặt một đồng, lăm-lăm lì-lì. Má tôi và bà ngoại, hai người đàn bà này tôi ngày xầm xì nhỏ to. Khác với mọi lần, không ai thèm hỏi han, đếm xỉa gì tới tôi. Nhà như có đại tang, ai cũng ngồi đầu ngồi đó một đồng, chừ ự. Mất vui. Lúc trước nhiều khi hứng chí, tôi thường làm tuồng hay hát hò ngêu ngao theo mấy bộ đĩa làm cho căn nhà như có nhiều người tùng tam tứ ngũ đập bôn đập bát, bây giờ cả ngày tôi nằm bẹp trên ván ngựa gỗ tới ngón lui tới rách nát cả chục trang trước, vắng mẹ nó năm sáu tờ sau mấy cuốn Gia Long Tầu Quốc, Hoàng Tử Cảnh Như Tây, Giọt Máu Chung Tình của cái ông Tân Dân Tử nào đó, nhiều khi mấy giờ đồng hồ làm biếng không thèm mở miệng, cần lăm thì ậm-à ậm-ừ cho qua. Thằng Quang anh tôi thì coi mòi kỳ hai người đàn bà đó hơn, không cho chạm mặt. Nó tránh nhà trên, móc vông dưới bếp, đưa tòn-ten kéo-kẹt, lâu lâu làm xấu kéo căng lên gãi sồn sột, thờ dài thường thượt như đầu thảo hụi bị tay em giựt tới tán gia bại sản nằm tiếc của thờ ra. Cái thằng mới buồn chuyện gì có vài ba bữa mà coi bộ xuôi cò, như chết chưa chôn, luôn luôn n thủ chai dầu gió trong túi độ chừng mười lăm phút, nửa giờ thì móc ra quẹt một cái lên lỗ mũi, mặt dầu dầu. Nó hết còn vãnh mỏ hí hứng khoe mình từng làm tưới xươi đám con gái ở xứ này ngay khi tụi nó trái trâm vừa mới lu-lú độn vải, theo cái câu rộng đồng thì gió thổi lên, khi vui con chị khi buồn con em. Tôi tò mò muốn biết chuyện gì xảy ra trong cái nhà này nên vừa hỏi vừa chọc nó tại sa o không lội đi nữa, lội vô vườn thiên hạ làm cái chuyện hoa thơm nhô cả cụm, không để lọt con nào như nó từng

tuyên bố mà nằm lê lết như chó què ở nhà. Hỏi gì hỏi. Nói gì nói. Chọc gì chọc. đá gì đá. Nó day mặt chỗ khác giả câm giả điếc không trả lời trả vốn gì hết. Tôi phải sử dụng cách tam khí Châu Do ngâm nga sông dài con cá lội biệt tăm.... rồi nín thính, dềnh dàng. Nó ngó tôi, chờ đợi câu tiếp. Ngu sao? Tôi chuyển mục Sài Gòn xa chợ Mỹ cũng xa, rồi lại làm thi nh một hồi lâu ớn, từ từ rót nước, uống từng ngụm nhỏ theo dõi sự khoái trá trong lòng mình bằng "nỗi đợi chờ và bức tức của địch thủ". Nó theo dõi tôi từng cử chỉ tôi biết chứ sao không, nhưng giả đồ không biết. Phải dạn miệng mới được. Tôi đưa tay quẹt mồ, liếc mắt ngâm câu kệ, đâm thâu vô tim nó 'Em đông xứ Huế thành đô, như cá biển hồ bao thuở gặp nhau'. Thằng lẫn lộn nhiều, bị chạm nọc, phản ứng chì lăm: chụp chiếc guốc lòng mức nặng chình chịch phang lẹ như bà xẹt về phía tôi bắt kẻ trúng trật. Hú vía! Nếu không lẹ tay đưa cây nặng lên đỡ thì chắc lỗ mũi ăn trầu, cái đầu xia thuốc bừa đó chứ hổng chơi. Vậy là trúng ngay boong rồi. Tôi bung miệng cười lén, nó ngâm cán búa rồi, thất tình con Nhàn vì nàng cuốn gói ra đi.

Bữa nay nó đi xứ lai xứ để nào ngay sau khi dẫn ba hột com chiên hồi tung bùng sáng, chắc là đậu chén ghiền ăn từng xu nhỏ tiền xu ở đâu đó đằng nhà mấy chị đàn bà góa vô công rồi nghề số ng bằng huê lợi vườn. Má tôi thì đi dò qua bên coi chừng chừng hể ông thiếu gì thì lo, bỏ lúng xốt ruột. Nhà vắng vẻ trông trải vậy mà tự do, vừa hóng gió mát chập tối vừa nghe bà Hương chửi thơ thì đã như tiên. Mới dứt bữa còn no nhưng muốn ngồi lâu mà không buồn miệng tôi lọc cọc xuống bếp lục lọi. Có năm sáu củ khoai lang nóng hổi, tôi quơ đại quơ đùa mấy miếng lá chuối khô đâu đó bọc lại ơ hờ, ngó đáng bên ngoài lò cái vỏ tim tím bên trong. Tôi cạp nhẹ lớp vỏ tim tím, bùi bùi, thơm thơm. Bẻ hai củ khoai ra, ngó khối trắng bóc lên từ giữa lớp ruột trắng bóc đầy bột, tôi hé răng cắn một miếng nhỏ, lim dim mắt, ngâm miệng chịu đựng cái nóng muốn lột lưỡi rớt răng. Vậy đó, ở đời có những cái khoái đau đớn mà cứ theo đuổi hoài, con người ta thiệt kỳ cục không hiểu nổi. Thằng anh tôi siêng niêng vì điếm cờ bạc đốt cháy túi, vì bị con gái cho leo cây tha mỡ bò. Và tôi,

mấy cái chuyện lật vật như ăn khoai lang nóng nghe chửi nghe hò, dòm con gái rồi nghĩ bấy tới tức tức (d. x) phải bùm mà chịu.

Vợ anh Bảy Nhanh, thợ đào cối, bụng tô cơm bự chẳng ra ngồi ở ngoài hàng ba vừa nhai nhép nhép vừa tùm tùm cười một mình thầm ý. Mấy đứa con nít đã xúm xít như đâm thịt trâu toi đông nghịt ngo ài hàng rào nhà bà Hương, lần xô đẩy háy kêu réo vui còn hơn nhóm chợ. Thiên hạ ở xóm Cây Dừa này cũng ưa nghe chửi dữ tợn ha? đâu phải riêng một mình tôi đâu?

Vậy mà Bà ngoại tôi nghe tiếng nặng lọc cọc lên xuống trên nền nhà ngó ra đã thấy tôi ngồi tréo ngoài hóng mỏ đã lật đặt réo ngược réo xuôi biểu đi vô. Bà già lo xa kiêu mấy người gần đất xa trời! Nghe thiên hạ chửi mình, mới bực mới tức, chớ nghe thiên hạ chửi thiên hạ thì khoái lổ tai chớ có hại gì đâu? À! Tới chỗ vui! Bà Hương giáo quẹo vô chỗ chánh... Ví von nhiều, tôi nghĩ là không ai đủ trí nhớ để kịp thời ghi lại. Tất cả đều nhằm vô con chó đẻ 'đa sự em chồng của bà'. Cô ta động mỗ động mã nên theo leo ton hót gì đó cho ông Hương giáo đỡ thừa bà về trách nhiệm chuyện con Nhân cuốn gói ra đi. Giọng bà hay lắm, chữ nghĩa lại bất ngờ, ví von theo kiêu về các thứ bánh, trái, cá... nhiều khi tôi buột miệng tính khen phải lệ tay bùm, sợ bà ngoại ngày. Cũng là tại con Nhân hết, tôi thấy nó cặp bồ với thằng Quang lâu lắm rồi. Nhiều đêm hẹn hò ngoài bụi chuối sau hè nhà lớn, xề xề bụi môn, chờ cho trăng lặn anh chị mùi mẫn, cụp lạp. Không biết tại sao mà nửa chừng con nhỏ bỏ nhà trốn đi để cho thằng anh tôi há mỗ thờ dài chết đứng chết ngồi, để cho má nó lớn hòng chửi... hết cả xóm.

Xóm này vậy không, đừng chuyện gì đâu không biết của hai người cũng ong óng lên như giặc chòm. Tháng rồi bà Năm Tỷ giao mận cho thêm Hai Rê đủ thiếu sao đó, hai đảng cãi cọ ba chục bội năm chục bộ i, đảng này nói đảng kia lật lọng, đảng nọ nói đảng kia làm bộ quên... Vậy là cả xóm nghe chửi đầy lỗ tay. đầy trời thiên hạ ở đây vậy đó, tin nhau bằng lời, không lẽ gạch chữ thập, lẫn tay h ay chạy lại mượn người biết chữ viết trên giấy tín chỉ đến chừng có chuyện, sư nói sư phải, vãi nói vãi hay, dậy giặc hoài hoài. Có điều dễ thương là năm bảy bữa nửa tháng hai đảng lại chị chị tui tui, cười mon nói ngọt. Có lẽ ở cái cù-lao

nhỏ bằng hột mít này, quanh đi quẩn lại cũng có bấy nhiêu người, không nói ra nhưng ai cũng thấy một điều là giận cách mấy cũng thấy mặt nhau thường bữa, kéo thẳng ra thì ông bà xưa hai đàng không bà con cũng là anh em bạn. để rồi coi, chuyện này không kéo dài đâu, êm ru bà rù liền bây giờ. Tiếc là tiếc con Nhân ra đi, mà ra đi kiểu này thì có trời mới biết chừng nào nó mới trở lộn về. Uổng thiệt. Ngồi trong nhà thấy nó thấp thoáng bên kia, ngực một ngực, lồ lộ thiếu điều cắn xé áo nhảy ra ngoài, tôi cũng đã cảm nhận nỗi vui vui tràn ngập lòng, đời thiệt thòi như được trút bớt vài phân.

Bà ngoại nắm tay tôi kéo vô nói hay ho gì mấy cái chuyện chửi lộn mà phải chạy tuốt ra sân vãnh lỗ tay ra húng. Vừa thôi chớ bà nội! Ở ngoài này với ở trong nhà có khác gì đâu? Nghe thêm vài câu chửi bậy thì cũng đâu tới nỗi hư thân mất nết. Thân tôi mà còn sợ hư cái nỗi gì chớ? Trời bắt vậy thì nó vậy, không hư mà cũng không tốt lành gì đó. đời tôi kể như bỏ rồi. Bỏ từ lúc mới i biết khóc đêm tui thân thua sút chúng bạn. Biết bao nhiêu chuyện tui bạn trang lứa làm được dễ dàng mà tôi thì cố gắng trầy vì tróc vảy cũng ạch đụi lệt đệt; leo cây là một, lội sông là hai, u mọi, đá lon, đá banh, đá cầu là ba, bốn...

Ồi thôi, đủ thứ thua sút người. Tôi nhe răng cười, trì lại. Không phải không nghe lời, dễ duôi. Tôi muốn chứng tỏ với bà tôi đã lớn, có quyền hưởng những tự do cần thiết. Thăng Quang đó, lớn hơn tôi có hai tuổi chớ mấy, giỏi rầy la nó đi. đường ngách nào cũng biết, chuyện chơi nào cũng nhúng tay. Cả ngày xạo sự đầu trên xóm dưới, mười một mười hai giờ đêm đã đời tôi ổng ngoái mới bò về, khi thì chui đặng nhà đặng ngủ vùi, khi thì vô nhà này lục cơm, xin tiền rồi đi nữa. Có ai rầy la mắng mỗ gì đâu? Nó chỉ trên chum tôi có cái thân hình thôi còn tật xấu thì áp lằm, nói láo dằng trời ai cũng chạy mà ai cũng làm thình, coi như chuyện đương nhiên. Tôi chê nó đực chưa chắc tôi đã trong, nhưng tức quá, không sao khỏi nghĩ tới sự khác biệt giữa hai anh em chỉ sanh ra trước sau không đầy hai năm mà số phận vô cùng chênh lệch. Trong khi tôi không bao giờ có tới năm đồng dăn bóp, nó phải có vài tờ giấy con công mới chịu êm, không thì nẹo trèo trẹo. Phân bì thì mười miệng như một nói nó khác tôi khác.

Tại sao khác mới được chứ? Tôi cũng người vậy chứ bộ cây cỏ sắt đá hay thú cầm gì sao? Tôi trì mạnh hơn khi nghĩ tới đó. Miệng tôi vẫn cười cười. Bà ngoại tôi giá giá tính đánh vô tay tôi. Nói nào cho ngay, nếu có đánh bà đánh như phui bụi chứ gì, tôi biết quá còn lạ gì chuyện này, nhưng mà cũng làm bộ năn nỉ cho bà vừa lòng nại có ngồi ngoài trước sân cho mát, đi ngủ bây giờ đâu được, nóng quá, người chứ đâu phải gà mà mới đỏ đèn đã chun vô chuồng, thêm nữa tiếng chửi động vô lỗi tai ai mà chộp mắt được.

Bà ngoại buông tôi ra, không quên điểm mặt dọa một dọc đủ thứ, nào là liệu hồn, lớn rồi có thân phải giữ, ngồi đây muỗi tha, nghe chửi bậy bạ không nên... Tôi khựng ngang. Lớn? Con nít? Không biết rõ lắm. Nhưng tôi muốn mình là con nít hoài. Lớn mà làm cái quỷ gì?

Vậy mà có được cho đâu! 'Chuối non giú ép chát ngằm, trai tơ đòi vợ khóc thầm thâm đêm.' Tôi không khóc thâm đêm nhưng hai năm gần đây như cọp chạm môi, quen với thịt người, tôi bị ma đưa lối quy? dẫn đường lúc nào không biết mà sống với thói hư tật xấu buông thả theo sự dậy giặc của xác thịt. Nhiều đêm vô mùng lạo xạo, ngoa nguây vọc nát tằm thân khổ sở thèm khát của mình cho đến khi đã đời mệt thiếp nằm ngủ vùi mới chịu!

Tiếng chửi thành linh ngắt ngang như máy hát đứt dây thiều, như lò lửa đương bùng bùng mà ai đó hắt vô cả thùng thiếc nước. Vậy là có ai đó báo ông Hương giáo đã về gần tới. Cứ hể ông về tới xa xa thì bà tắt giọng chửi ngang xương như vậy đó. Còn hể bà đã miệng thì xuống giọng từ từ, kéo dài giọng chã chệt như hết dây thiều, uống một ngụm nước, thở vài ba cái rồi bắt trớn lại như cũ.

Tôi đợi một lúc hơi lâu, thấy êm re. Chắc chắn là mình đoán trúng. Tự nhiên tôi thấy thương thương ông Hương giáo. Cả đời ở khít bên người vợ biết chửi có vắn có điệu, có ca có kệ mà không bao giờ được thương thức. Giống như ông già tôi ở có bộ đĩa hát tuồng 'San Hậu, Nguyệt Kiều thứ ba' mà không bao giờ có thời giờ nghe vì còn phải bận bịu với mớ sách tiếng Tây tàu chớ qua cả thùng mỗi tháng.

Lắm khi tôi nghĩ bắt tức cười khan một mình, ông Hương giáo lo ăn ở cho đảng hoàng đế xóm giếng làng xã nể vì dầu sao mình cũng ở trong ban hội tề nên bị mất một cái hứng thú ở đời là nghe chửi bằng thơ. Tôi biết nếu có ai mết rằng bà Hương giáo chửi rủa thiên hạ dữ lắm thì chắc ông cũng bán tính bán nghi. Mấy chục năm nay có nghe bà chửi câu nào đâu? Chuyện kỳ thiệt, trong nhà không rõ ngoài ngõ đã tường. Như chuyện con Nhàn ông tuyên bố tới chừng đám cưới ông sẽ làm tiệc thiệt linh đình, đãi đằng bà con họ hàng ba bữa phủ phê, hạ ba con bò, heo gà vịt cá tôm cua không thềm kể. Bây giờ trót da me, nó ôm gói đông tuốt theo trai, muốn đãi một bữa cơm thường cho có vị cũng lấy con đâu ra làm có.

Nghĩ tới con Nhàn tôi nhớ tới con Bông con của vợ chồng Bảy Sự, tá điền của ngoại tôi. Tuần rồi không biết mắc mớ gì mà nó rảo qua lượn lại nhà nầy hoài. Hễ thấy dạng nó từ đằng xa là tôi lật đặt men men ra cửa ngóng. Nó đương sùng thẳng nào chọc nên coi bộ ngúng nguẩy, miệng lăm bằm, cặp môi nó chúm chím chu chu dễ thương cách gì. Không phải như tụi khác bị chọc buông tiếng nặng nề kiêu hàng tôm hàng cá. Cặp mắt nó tròn tròn, gò má nó phính phính hây hây coi hấp dẫn như trái mận hồng đào sắp chín tới, hờm hờm với mấy sợi gân nhỏ lí-tí thấy bắt thêm cắn. Nó qua khỏi nhà một đôi xa ớn mà tôi cũng còn bị bà giục, ngó theo lom tom thiếu điều rút con mắt. Ôi! Tròn trịa và hấp dẫn. Ôi! Hai cái tay đánh đồng xa dịu nhiều. Ôi! Cái bắt hạnh lớn lao của tôi. Tôi tức ba má tôi hỏi đó không lo săn sóc con cái cho đảng hoàng tử tể, giao khoán cho ke? ăn người làm dốt nát không biết chuyện bịnh tật thuốc men liều lượng nên tôi đến đổi... Con Bông con nhà bản hàn, không chùn giầy chùn dép cao sang như mấy cô đi học bên chợ Mỹ nhưng mà được ớn. Lại khôn nữa. Nói năng đâu ra đó, ai cũng mến chuộng. Ba nó, Bảy Sự, dân làng nhậu, bị ma men hành té mang bịnh hậu cả năm nay liệt giường không ra khỏi nhà. Má nó bán xôi cả ngày ở cầu bắc, một mìn nó lo chuyện nhà cửa, em út mà nghe nói sạch sẽ vén khéo lắm, ai tới cũng chặc lưỡi khen ngầm. Nó là loại ở nhà giúp mẹ giúp cha, lớn lên heo chồng thì sẽ là kiểu người đàn bà đi đâu thì kêu chồng đưa gói thiệp mang, đưa gươm thiệp vác cho

chàng đi không. Nội cái dung đã thấy đáng đồng tiền, thêm cái hạnh đó đốt đuốc kiếm đồ con mắt cũng không có tới hai, mấy cậu công tử nhà giàu bên chợ Mỹ mới xứng, thứ đồ các-ké ở hóc-bà-tổ này nhằm nhò gì. Bởi vậy tôi chỉ dòm theo thôi đã đủ mãn nhãn, mãn ý. Dòm theo. Không dám sờ sảng dòm từ đằng trước chiếu tướng như đối với mấy đứa khác. Cặp nặng ngáng chun căng với tay không tới đâu hết nên tôi chào thua, đứng xa xa mơ ước. Cây sào nổi tay người ta dài ra để hái trái chín. Cái dầm tạo khả năng cho con người di chuyển ghe xuống lướt trên mặt nước dễ dàng. Cặp nặng trái lại khiến tôi ngượng nghịu khổ sở, chêm khoảng cách vĩ đại giữa tôi với tụi cùng trang lứa. Mà lạ! Cả tháng nay má con Bông ưa qua rù rì với má tôi, mỗi lần đứng dậy xin phép về đều đỏ hoe cặp mắt. Má tôi nói vợ Bảy Sự qua năn nỉ mượn tiền chạy thuốc cho chồng và sang cái quán cơm ở cầu bắc để làm ăn sẵn dịp có người dọn nhà lên Sài Gòn, bán rẻ. Lạ thiệt chứ! Mượn, nói một hai lần chứ sao lại ngày nào cũng qua khóc lóc như nằm vạ, như bắt đền cái gì. Mà lần nào thím cũng qua tay không, không còn quà cáp biểu xén của ngon vật lạ trê nong, trê vàng, nhãn chà, chôm chôm tróc như hồi năm.

Muối nhiều quá, tôi đưa tay đập lộp bộp vô mặt, vô đùi. Mặc nghĩ lơ quơ quên là bà Hương giáo nín đã hèn lâu rồi. Bà ngoại tôi đã vận đèn xuống nhỏ hơn, luôn miệng cằn nhằn tôi giống con g ái mẹ, làm gì cũng chùng chình lớ rớ, vô thì vô, ở ngoài đó mà đập, lại còn mở cửa tắt hoát cho muối vô nhà. Bà dài dòng dây nhợ về chuyện vợ thằng Bảy Sự, theo bà, bà giải quyết cái một, đưa chút đỉnh nó làm gì nó làm, kéo dài làm chi cho vợ chồng cắn đắng.

Nghe thì nghe vậy mà mù-mờ như người đi trong sương sớm, bù trót không biết đầu đuôi ngọn ngành ra làm sao, tôi chỉ còn biết lỏ mắt ếch ra ngó. Hình như là bà chê trách má tôi thiếu thông minh, không biết giải quyết công việc cho phải cách hay gì gì đó tương tự... Chịu thua bà! Cho tiền thằng này cũng không dám bình-bỏ nói chi làm tài khôn cự lại bà để bình mẹ. Mà nghĩ cho cùng cũng hơi oan. Biết đâu má tôi đương kiếm cách nói sao cho ba tôi vui lòng giúp thêm Bảy đủ số thêm cần. Thêm hồi

nhỏ ở đợ cho ông bà ngoại tôi, lo giặt giũ, cơm nước và bầu bạn với má tôi. Chắc hai người hồi đó mền tay mền chun nên bây giờ bà già còn nghĩ chút tình, như ông ngoại tôi hồi năm nghĩ chút tình nhín cho hai vợ chồng họ cái thẻo đất góc vườn để cất nhà. Cái khó là ba tôi chê vợ chồng Bảy sự dốt nát rượu chè nên không bao giờ chịu nói chuyện quá một câu. Chuyện giúp đỡ tôi thấy có đường lỗ trớt, xa vời như nhiều đêm tôi nằm cong mình, ước ao đủ thứ, khi tỉnh dậy thấy mọi chuyện hoàn không...

Khách khứa rần rần mà tôi ngồi chỉnh ỉnh một đống không nhúc nhích cục cựa, dính khấn như bị đinh đóng xuống ghế, hai tay bấu lấy cái tay ghế dai như thể buông ra sẽ bị bay bổng khỏi cõi đời này. Không thể nào hình dung được có cái ngày hôm nay. Tôi là chàng rể, chàng chớ không phải thẳng, tôi mới nự thẳng nào đó kêu tôi là thẳng rể, thô tục, bình dân quá mất cái trang nghiêm đi, con Bông đẹp để khôn ngoan kia là cô dâu. Quá xa muôn trùng nỗi ước mơ tội nghiệp của tôi hai ba năm trời dần đặc từ ngày biết lớn. Ngoài trí tưởng tượng phong phú chuyện trời ơi đất hời này nọ xảy ra trong xóm của tất cả người chung quanh vốn thính tay nhạy miệng thiên hạ sự. Từ lâu rồi tôi chỉ đứng xớ-rớ trước cửa nhà thềm thường, với cảm tưởng rung động ở từng sợi gân trong thân thể, ngó heo lũ con gái nhún nha nhún nhảy, để rồi sau đó nằm cong queo trong một góc giường nhắm mắt vẽ lại hình ảnh trong trí hết đứa này tới đứa khác. Thường thường tới đứa thứ hai thì tôi mệt lã, tìm đập thành thích như trống châu, ngủ thiếp đi lúc nào không hay, nhiều khi thức giấc bàn tay trái vẫn còn ướt mẹp đương nằm giữa hai bắp vế, thoảng hơi một mùi là lạ. Con Bông, con Nhàn và biết bao nhiêu đứa trang lứa khác đã đi qua đời tôi bằng trí tưởng tượng bệnh hoạn đó. Tôi cũng biết mình tự dối về một điều không có, như một gã nhà nghèo hãnh diện vì mỗi đêm đều nằm chiêm bao thấy mình lên xe xuống ngựa, xiêm y lụa là, vợ con đẹp để khôn ngoan. Con Bông, con Nhàn hay con gì khác chỉ thân thiết với tôi khi là sản phẩm của ước mơ, của tưởng tượng. Chỉ hiện diện đối với tôi trong một khoảnh khắc ngắn ngủi nào đó thôi. Sau đó là thực tế với một khoảng cách vừa thấy được nhưng vừa vô hình giữa chúng nó với tôi. Cảm tình là một ngôi sao xấu mọc dưới

vòm trời trong, tôi như gà chạy mất không dám đối đầu giáp mặt nói chuyện tay đôi tới câu thứ h ai với bất kỳ một đứa con gái nào, hướng hồ là cặp bồ mèo mỗ để được ôm ấp nó trum trum trong lòng như thằng anh tôi hay bất kỳ một đứa con trai nào khác.

Vậy mà bây giờ và về sau này, mãi mãi cho tới ngày tôi già cúp thùng thiếc chết xuống lỗ, con Bông là người đàn bà thuộc về tôi, ăn ở trong nhà tôi, chung đụng với tôi hằng bữa, sửa soạn cơm nước và săn sóc tôi. Tôi toàn quyền nựng nịu, hôn hít, chọc ghẹo, rầy la. Tôi toàn quyền dẫn nó đi xóm giềng, tiệc tùng, giỗ chạp. Tôi toàn quyền cấm cản không cho nó đi chỗ nào mà tôi không muốn. Tôi được sự hãnh diện ngất trời là như vậy mà cũng có vợ, mà vợ lại quá lịch sự người ngợ đứa, được ớn. Biết bao nhiêu thằng hơn hẳn tôi tò về, trái chín lại chẳng vô tay, tôi nằm dưới gốc, sung lại rụng ngay chóc vô miệng. Ai cũng cho tôi có phước ông bà để lại. Có người nịnh nọt nói trước mặt tôi rằng tôi nhờ cái đức của mẹ. Không tốn một lời chọc ghẹo, không mất một câu trao chuốt, tôi ngon lành chiến thắng ầm trợn một đoá mẫu đơn băng trinh, một nhành thược dược đang mơ màng thụy vũ... Tôi ngồi đây đã hèn lâu mà không ai nói gì tới. Cô dâu Bông ở trong phòng hợp cẩn lâu rồi mà ngạc nhiên người dẫn nó đáng lẽ đứng lại trước cửa phòng, mắc gì không biết bước đại vô, tới bây giờ vẫn chưa chịu trở ra. đàn gái cầm đầu là bà má vợ tôi, trước khi thúc thít đội khăn ra về hồi chiều đã lễ phép xin ba má tôi được để vài người ở lại với con Bông cho 'có bầu bạn' phút chót cho nó khỏi sợ lạ nhà. Tôi thấy cặp mắt ba tôi lò lỏn bằng cớ cái khu tô, mặt có sắc giận, ngó má tôi. Má tôi lập bập trong miệng tiếng gì không rõ rồi gật đầu nhẹ nhẹ mà coi bộ bất mãn lắm.

Từ đó ba má tôi cũng trầm ngâm ít nói ít cười. Bà ngoại tôi thì hết dóm tôi lại liếc vô buồng hợp cẩn. Chắc bà lấy làm lạ tại sao đàn gái lại ám quẻ giờ chót. Tôi thì không có ý kiến gì, ngó i không buồn tình nghĩ mông lung thiên địa cho qua buổi. đâu để coi, trong buồng bây giờ ngoài bà già dì của con Bông còn có hai cô dâu phụ, ba con nhỏ bạn của nó ở xóm tuốt ngoài rìa cù-lao. Mấy đứa này đứa nào đứa này đều bị tôi 'tưởng tượng' một vài

lần khi ban ngày nhõng nhảnh đi ngang qua nhà tôi, cười cười nói nói, cái quần lãnh đen lảng o dờm không thôi đã thấy mát rượi lòng, cái áo nút bóp căng thịt, cặp mắt bén ngọt như dao cạo... Tụi nó đóng đô trong đó trái thủ tục như vậy thì chắc như cua gạch cũng có chuyện gì trục trặc. Chắc là con Bông yêu sách không chịu làm dâu mà đòi ra riêng liền hay gì gì đó. Con nhỏ này cầu cao lắm. Thằng anh tôi năm ngoái không biết lấy tin từ đâu nói con Bông tuyên bố chẳng thà ế chồng chứ không chịu làm dâu nhà nào hết. Ai thương cưới thì phải cho ra riêng ngay từ đầu. Dâu con khó lòng. đụng chạm. Chắc là vụ này đây. Ai chứ con nhỏ này dám nửa chừng tung hê hết, cởi trả vòng vàng trở về nhà. Vái trời đừng có chuyện này, không thôi có mà lấy thúng đội hết cả lũ nhà tôi.

Lâu thiệt, chắc là họ thiết phục nó dữ lắm. Ở đời đâu có cái gì đạt được mà không tốn công? Tôi dư sức ngồi chờ. Bao nhiêu năm nay tôi quanh quẩn kiểu gà què bên cối xay trong nhà, bữa nay ngồi thêm vài giờ nữa đâu có gì phải ngán? Dư sức chơi! Trên bàn thờ, bộ chũn đèn bóng nhoáng, sắp nhiều từ hai cây đèn cây bụi xộn mà cái đĩa ngang không còn chứa nổi sắp chầy bò lằn xuống nắp bàn... Buồn tình tôi ngó mông ra cánh cửa mở rộng, chỗ vách mới được cắt ra gần cửa để cho nhà được thoáng hơn trong bữa tiệc cưới đầy khách khứa. Bên kia ông Hương giáo Hải đương ngồi chồm hỏm chống nước lụt trước mái hiên, tay cầm chặt xỉ đề. Chuyện lạ lòng chưa từng có trong cái đời 'giữ mình đảng hoàng của một người có vai vế thứ bậc trong làng trong xã'. Bà Hương giáo đi ra đi vô từ trong nhà tới hàng ba, mặt quạu đeo, liếc xéo về chỗ tôi ngồi coi bộ bực bội lắm. Thành linh bà ta cất giọng, tiếng chửi ca hát véo von, bay tự do trong không trung, đánh bật đi những tiếng nói tiếng cười của số thực khách còn vót vát giờ chót vài ba câu chuyện, sẵn dịp thuốc hút thả dằn, bánh trái ê hề, ăn uống có người mời mọc.

"Trời cao xanh thăm (tối hù chứ xanh thăm gì bà nội), chim hát véo von, nước chảy róc rách... đéo mẹ tổ nó giẻ rách nhà tao nó cũng hốt cũng thồn. Bà nội cha cả giòng cả họ nhà nó cái (l. X) con tao nó cũng cán cũng dọng. Nó dụ dỗ con tao lên rừng lên động, lên núi lên non, lên búa lên chợp, đem con tao đi bán đi

đợ lấy tiền nuôi cả phồn cả lũ nhà nó...Trời xanh xuống đây mà ngó, cái phường sống bằng (c. l. XX)...

Tôi thích nghe bà ta chửi bao nhiêu năm nay. Nhưng thiệt tình lần này tôi ngán tới bản hòng. đã lũng-bùng lỗ tai thì chớ lại thêm mắc cỡ đỏ mặt. Chửi khá dĩ còn tha thứ, chửi tục lớn tiếng trước bao nhiêu người thì không thể nào chấp nhận được. Làm tôi thất vọng, bà Hương đã phụ lòng tôi. Từ lâu có bao giờ tôi nghĩ mấy tiếng đó cùng với bao nhiêu là tiếng thanh bay xếp hàng theo vần điệu nhịp nhàng nhảy múa ra khỏi miệng bà? Là bà ta chửi ngay trước mặt chồng, trước mặt một ông Hương giáo điềm nhiên uống rượu như thị thiềng việc làm của vợ. Nhà ở cách nhau búng nhẹ cái tàn thuốc cũng tới, bên này địt bên kia cũng nghe nói theo kiểu mấy bà tròi ơi đất hời, tôi biết chắc mấy chục năm nay bà Hương kỳ chuyện đó như kỳ gọi đầu ngày rằm, mừng một. Vậy thì nguyên nhân phải là một biến cố lớn lắm.

Nhị vàng bông trắng lá xanh. Thiên tiên thấp thoáng bên màn. Phải duyên thì gả để dành làm chi? Con bấy tham sắc vô nghi. Dẫn đi dùi dập còn gì con tao. đéo mẹ tổ cả dòng cả lũ nhà bày, tao kiện tao t hura tới Bắc đẩu, Nam Tào...

Tôi hiểu rồi. Bà ta chửi cha mẹ tôi. Má tôi tên Sắc, ba tôi tên Nghĩa, bà xách mé kiểu này con nít còn ẵm ngửa cũng biết. Con kia cuốn gói đi mất biệt, thằng nọ ôm vàng vòng của mẹ lót lót theo sau. Chém cha họ cũng chung xuống chung nóp, vui thú tình tang thiên thai mây nước động đào! Và ở đây cả nhà tôi bị nghe chửi bằng giọng xóc-óc tục-tiu ghê-mình sồn-gáy trong ngày đám cưới. động trời thiệt. Cái số tôi vậy không hà. Thiên hạ vui đâu không biết để cái khổ cho mình đeo vô cổ. Nhưng mà nhờ vậy tôi mới khám phá ra được một chơn lý mới. Ngày xưa tôi thích nghe những câu chửi văn hoa thơ phú đó. Tôi náo-nức rạo-rực ngóng mỗ vành tai uống cho đã không chừa một tiếng nào kể cả những lên bổng xuống trầm của âm điệu từ khi bà mới cất giọng màu đầu. Bây giờ những câu này biến hoá thành hằng hà sa số đỉnh dài một tắc đóng vô lỗ tai tôi, xồn xang tới óc, xót xa tới tim ruột. Mới biết hồi đó mình ghiền chửi ước nghe, biết đâu rằng khi vần điệu ngọt ngào kia cất lên là cả một gia đình sâu nảo, ưu phiền, bực tức.

Cái lạ lùng của cặp vợ chồng già này bữa nay ám ảnh tôi không dứt được để nghĩ tới chuyện khác. Chuyện tôi ngồi trên trên ở đây như Khương Thượng chờ thời nè. Sao bà Hương chửi tùm-lum-tà -la dơ dáy trước mặt chồng không kiêng nể? Sao ông Hương ngồi chồm hồm chống nước lụt trước hàng ba uống rượu tu bằng xì kiêu như tay tổ hủ chìm Bảy Sự?

Phải có lý do. Con người ta hết sợ bị khinh khi, lỏng buông tay khẩu cho tiếng đời dị nghị sao cũng được khi ở trong tình trạng cực đại của sự tức tối và buồn thương con? Có thể lắm! Con Nhân bị dụ khi, chắc đã mang bầu nên phải ra đi không dám cưới hỏi. Ông bà Hương danh tiếng mấy chục năm nay cả cù-lao này ai cũng biết, vậy mà không được ăn miếng trầu, không được làm sui làm gia với người. Thiêm Bảy Sự cốt ở đợ nghèo lút đầu lút cổ, lại thêm mang của nợ ông chồng bệnh hoạn rề rề, nhà đốt đèn kiếm đồ con mắt cũng không ra một món đồ gì nên thân mà ngồi sui với ông cò-mi Q uận, mình đứng ngang hàng với con gái bà Hội-đồng... Cũng có thể bà Hương chửi vì thấy trước cái hậu vận bấp-binh của con gái mình. Mấy người lẻo-mép thể nào mà chẳng thọc mạch hay đánh dây thép lạt dừa lời tuyên bố của ba tôi từ thẳng con hào hoa nhứt xóm của ông? Hào hoa bằng của tiền cha mẹ, quen thói công tử luống xương, không có công ăn chuyện làm lại lẫn thân xứ người thì chỉ có nước bán vợ đợ con thôi. Một nhúm vàng đó cầm hơi được bao lâu đối với tay từng chum bạc chục trong trà đình tửu quán, đốt bạc trăm trong những đêm miệt mài đỏ đen? Số con Nhân đúng là cầm tinh con rệp. Mạt từ đường. Bim bịp kêu nước lớn em ơi! Em theo nó rồi dính khấn cái phận hẩm hiu.

Ông Hương thì bây giờ ngồi bẹp xuống đất rồi. đương ngó qua phía nhà tôi. Bên đó đèn dầu tiêm đẹp rất sáng mà cặp mắt ông ta còn sáng hơn. Cái sáng đo đỏ không thần sắc coi như ma nhập. Ngồi ở đây xa chớ ở bên đó chắc ớn thấy mồ tở. Tôi sợ mấy người uống rượu mà cặp mắt đỏ chạch như vậy; không ai biết được họ làm cái giống gì sắp tới! Gậy gỗ, cải lầy hay xách dao rượt thiên hạ chạy vắt giò lên cần cổ cũng không biết chừng. May mà không chứng cứ, chớ nếu không ông qua đây liều mạng

bắt đèn con thì còn rắc-rối hơn. Tôi biết tánh ông Hương, giữ tiếng nhưng cốt lư.u-đạn nhiều khi cũng ló ra ngoài.

Bà Hương bây giờ ngồi khuất trong cánh cửa hưng tiếng chửi vẫn lưu hành trong không gian về tứ phương tám hướng. Có một vài ngọn đèn dầu được thắp lên chấp-chới ở mấy căn nhà lụp xụp đằng cuối xóm. Tiếng chửi tốc họ dậy hay họ muốn đốt lửa lên để nghe cho rõ? Tôi thì ngán như ăn cơm nếp nát, hết còn hứng thú gì để nghe nữa. Má tôi ngồi xầm-xì với bà ngoại ở một cái bàn tròn đánh vệt-ni màu cánh kiến ngoài rạp che trước sân, coi bộ hơi áy-náy.

Chắc chắn mọi người đã hiểu đối tượng của tiếng chửi và cha mẹ tôi đang nuốt xuống những giọt đắng ngậm ngùi con đại cái mang mặc dầu cha tôi là một thứ cắc kè lửa của Quận, hương quán hương chủ trong vùng đều ngán.

Tự nhiên tôi nhớ trực trở về chuyện mình được cưới con Bông. Tôi khó lòng hỏi vợ, ai cũng thấy rõ bông điều đó. Con Bông nó lại đẹp đẽ, giỏi-giẩn. Rồi nó sẽ đứng ra cai quản cái sự nghiệp này. Ba má tôi sẽ chia phần lớn gia tài cho tôi nếu ông bà thấy con vợ tôi có thể quán xuyến được. Cha mẹ nào cũng thương con, luôn luôn tính trước công chuyện cho con. Nhưng má tôi đâu cần phải với cao chi tới một đứa nổi tiếng để cực thân bà? Hỏi đại con Bính con gái cai lục lộ Ôn thì chuyện dễ gấp mười lần. Họ ừ cả hai tay. Dì Ba của nó cà-rà với tôi về vụ này hoài, nói xa-xa gần-gần là dẫn mồi để kiếm cái đầu heo chó thịt ra là kiếm chỗ khá cho cháu mình. Tôi thì con nào lại không gặt? Có vợ là đươ.c rồi miễn không có chuyện ít môi miếng không có chum đựng như tôi. Chuyện cưới con Bông cho tôi, đànng gái ừ lâu ớn rồi bà ngoại mới chịu rĩ rãng. Sợ chuyện gì không biết mà giữ kín bưng. Tới chừng hay được chuyện má tôi phải tam bộ nhứt bái qua bên lo chừng từng chút một công việc tổ chức đám hỏi, lễ chạm mặt... mọi thứ gì nhứt nhứt điều phải bỏ ra, tôi vừa thương vừa tội nghiệp ba` già nên cần nhằn quá mức. Làm chi cho rình rang đình đám cực thân! Má tôi hiền từ chống chế là bề nào cũng cưới hỏi, làm một cái cho đáng một cái, 'nhứt cử tam tứ tiện'.

Má tôi đối với ai cũng vậy, ít nói, ít giải thích. Con gái ông Hội đồng mà! Bây giờ tuy luống tuổi một chút nhưng phong cách ngày xưa cũ vẫn phảng phất trong thói ăn nếp ở chưa tan biến hết. Bà lại là người quán xuyến, văn bài võ trận nên tính dẫu ra đó. Tam tứ tiện để tôi vừa có vợ ngộ bà vừa có dâu đủ khả năng bảo toàn cái cơ ngơi đồ sộ do ông bà để lại. Phải chi biết trước vụ t hăng anh tôi đây đưa rồi "tính kế" với con Nhân thì bà cũng đã giải quyết luôn rồi, tội nó khỏi cần dắcđứu nhau đi làm chi cho khổ thân, mà bà cũng khỏi buồnrầu ngồi nghe chửi. Con cái làm tội làm tình cha mẹ thiệt, bắt cha mẹ phải chịu đựng, phải giải quyết những khó khăn của mình....

Ngồi coi bộ lâu rồi đa! Bực mình quá tôi muốn đồ cộc làm trận làm thương rồi tới đâu tới nhưng ngó tới bộ mặt vừa đặng đặng sát khí vừa chừ-bực của ông già tôi, ngồi lạc lõng trong một cái bàn chung quanh không có ai, đâm nguội ngang. Một lần nữa, không biết là lần thứ mấy chục, tôi rót một ly nước đưa lên môi hớp từ hớp nhỏ.

Hồi này, đâu chừng cả tiếng đồng hồ trước, lúc còn chàng-vạng tôi, ai đó nói đã tới giờ họp cần bây giờ đồ đèn cùng khắp, mấy cây đuốc dầu chai tụi tá điền của bà ngoại gần chung quanh nhà đương bập bùng; ếch nhái đã rền rang ba hồi bảy chập mà cũng chẳng thấy người lớn nào ra lệnh cho tôi đóng tuồng đóng trò gì hết tron hết trội. Trong đời mới có lần này là một, ai mà biết phải làm cái giống gì? Tôi men men lại chỗ buồng, đứng vịn cửa làm bộ ngơ ngáo ngó mấy chùm bông bụi lá kết chữ tân hôn, loan phòng khi mấy con nhỏ can dân ở trong đó từ từ ké-né bước ra khỏi phòng mắt lăm lăm lét ngó tôi, sửa soạn ra về. Có tiếng thút thít bên trong và tiếng xầm-xì to nhỏ đứt nối. Không ai ngạc nhiên mấy cái chuyện đó. Con gái về nhà chồng trăm đứa như một, nức nở đứt nối kiểu thiếu nữ vu quy nhứt. Nhưng mà kìa! Sao nghe rưng chí anh hùng quá. Rì rì nhỏ to than van như một cây nước đá cục bị nắng lên từ từ tan thành nước hay đương bị con dao cưa khứa-khứa khóc than cho phận mình. Cũng có thể nói đó là tiếng khóc của một con sứa bị dạt nằm phơi mình trên bờ cát nóng tĩ tê cho số phận. đó không là giọng buồn bờ ngõ cho tương lai, đó, hiện thân của tuyệt mạng, của cắt thịt lóc da,

dồn trầu. đó, tiếng than của Tô nương hoàng hậu trước khi grom
Lục Yêm được mở bầu thoát ra. đó, tiếng than của oan hồn trở về
trần thế ní non với thân nhân. Tôi nóng nảy ruột gan như ai đó để
dưới bàn quang mình cái lò lửa thợ rèn . Lâu-lắc rì-mọ cái bà
già trầu di nó. Cà-rờ quá ai chịu cho thâu! Tới bây giờ mà cũng
chưa chịu chun ra. Tôi muốn xô cửa vô đuổi bà ta đi. Phải vượt
tóc an ủi nó, rồi nó muốn gì tôi cũng chịu cũng gặt. Tôi bất kể là
từ trước tới nay hai đứa chưa bao giờ nói với nhau câu nào. Tôi
không sợ nó cự lại làm cho sọc dưa ngày vui nhứt của đời tôi.
Bất chấp. 'Nín đi... Sao đại quá... Chỉnh ỉnh ra đó... đừng dễ
ngươi quá...'. 'Chẳng thà mang tiếng... Chồng con gì đâu chán
chết... Vội lại kỳ lắm... Nghĩ lại rồi... Không được... Ai đời...'
Mấy tiếng cuối câu đều nhỏ quá tôi nghe không rõ. 'Nói bậy. Cơ
nghiệp này rồi mầy sướng thân... Rửa mầy rửa mặt... Bè chuối
thả trôi sông... Làng xã hăm he... Cùi thô dễ nấu... Lá rụng về
cội... Ba má mầy chịu ơn người ta.

Im lặng một lúc thiệt lâu và tiếng thút thút tức tưởi cũng bớt
nhiều. Không gian ngưng đọng, ngay cả tiếng máy hát lập lại lập
đi bài Dạy Con Về Nhà Chồng do Cô Tư Sạn ca từ sớm tới giờ
cũng ngưng. Lặng trang. Chỉ còn tiếng đập thành thích gấp gấp
của tim tôi . Thôi được, vì con... Nhưng anh phải hứa thương...
Sau này vợ chồng ăn ở được không cũng tùy anh... tiếng nặng
tiếng nhẹ mịch lòng ...

Tôi bỏ ra ngoài ngồi lại chỗ cũ. Tay tôi ướt nhẹp mồ hôi,
dòm lại chỗ tay cầm cái nặng cũng ướt mềm. Tôi lại rót ly nước
đầy lần nữa. Uống hết ly nước mà tay tôi vẫn còn rung, bên tai
vẫn còn văng vẳng tiếng cái nặng chồng lịch kịch trên nền gạch
tàu mới lót lại để làm đám cưới. Ruột gan đau từng hồi. Trong
thâm tâm nó vẫn chê tôi. Mặc dầu nó đã hư. Ông bà mình nói
của rẻ là của thúi, đúng thiệt. Bên đó chịu gả nhờ nhà tôi khá giả
đã đành mà còn vì cái vụ này đây... Hèn chi... Rằng em nay đã
đàn bà, mâm trầu hủ rượu đều là của hôi. Không thì đời nào! đứa
con gái bị d-ậu mùa còn chê rậm rì thằng con trai cà khuynh mặt
em rồi có ngày lì, tay anh cán đá ông nội em trì cũng hồng ra,
huống chi con Bông lịch sự quá đôi, nếu chưa bị chắm mứt, chưa
bị xé rách màn, làm sao ba má nó chịu bắt gả cho tôi? Vậy mà cả

tháng nay tôi không thấu cái chơn lý sờ-sờ đó. Giọng khóc thể thâm nầy giờ của nó vì lưu-ly nửa nước nửa dầu, nửa thương cha mẹ nửa sầu căn dươn, tiến thoái lưỡng nan chớ không gì khác. Mà tại sao má tôi lại chủ trương cái vụ lùm xùm nầy chỉ cho thêm rắc rối? Kỳ thiệt. Ruồi bay qua còn biết đực cái, con Bông bị bóc vỏ, mang chuột tàu trong bụng má tôi phải biết chớ. Tôi vói lấy một cái nạng chống xuống đất đưa cầm dựa lên miếng cao su lót đầu nạng để thờ. Chán quá rồi. Tôi nghe mùi mồ hôi nách của mình, khăm khăm quen thuộc. Ngoài kia ánh lửa đuốc bập bùng ma trời. Trước mặt tôi một bầy con nít, nhiều đứa ở tuốt ngoài còn lâu lâu mới gặp, tò-mò tọc-mạch đứng ngó chết trân c hứ rề kỳ khôi đứng còn không vững. Một đứa con gái độ mười hai, mười ba xóc nách thằng em đầu độ chừng sáu bảy tháng. Thằng nhỏ mặt mày xỏ sữa dễ thương cách gì! Nó đưa tay quơ quơ như chào mừng tôi. Tôi mỉm cười nheo mắt méo miệng trũng giởn với nó. Nghĩ cho cùng thì huê. Hai đảng đều có tì vít, một đảng mất lé một đảng sút môi. Bù qua sót lại. Thôi được, có còn hơn không. Cuộc mua bán không lời không lỗ, tôi chấp nhận. Cũ người mới ta . Ai cười tôi chịu, thiên hạ bỏ mình lượm về chùi rửa lại xài. Tôi nhớ tới biết bao nhiêu lần trong đêm tôi tưởng tượng cái vóc dáng liên lạc chắc cứng của con Bông. Phải hành động như một thanh niên hào phóng rộng lượng.

Phải hiểu nếu từng hưởng được gì trong quá khứ thì đối với hiện tại sự từng hưởng đó đã trở thành ảo giác, cho rằng có cũng được, cho rằng không cũng xong. Ngược lại, hưởng bằng tưởng tượng trong quá khứ như tôi cũng có thể coi như có thiệt. Nhứt là cái thiệt đó đương hiện diện bên tôi và mãi mãi từ nay. được chứ sao không? Huống chi mấy cái tiếng ảnh, vợ chồng... của con Bông ngọt lịm như vậy biểu gì mà tôi không ừ, đòi hỏi gì mà tôi không chấp nhận? Những tiếng đó có thần lực biến đổi tôi tức thời thành người khác. Từ vị trí một người xa lạ đứng dưng tôi đã th ành một với con Bông 'vợ chồng' thành nỗi vui buồn của nó, nó thành một niềm thân thiết không thể tách rời của tôi.

Tôi bây giờ đây đã thành chỗ nương dựa và tin cậy của nó. Hỏi còn chờ gì nữa chớ? Tôi mạnh dạng đứng dậy nhảy ào tới cửa phòng, kêu ngọt tên con Bông như một cách thể nói chấp

nhận lời nó yêu cầu. Tôi cũng tính nói thêm con em là con anh, mình sẽ cùng lo cho nó, nhưng lụp-chụp chưa kịp hả họng thì đã lão-đảo té, may mà chụp kịp được cánh cửa, không thì đã chổng gọng. Lúc đó tôi mới biết phận mình bất toàn. Mới ý thức được nguyên tắc dựa nhau mà sống. Nhưng cũng lúc đó những âm thanh tình ái mà tôi vừa mới ngân vang bên chính tai mình 'cái ý thức tạo rõ ràng cho người tình' chảy mạn h trong tim tôi, cả hai ý thức đó bằng cách nào không biết, tức thời đỡ tôi đứng thẳng dậy, rạng rỡ, vui vẻ, tự nhiên như người bình thường. Và trời ơi! Con Bông vẫn còn thùng-thình trong cái áo cô dâu, cái bụng dưới một chút xịu gợn u như người mới ăn cơm no, mặt còn hoen ngấn nước mắt hót-hải, xót-xa vén màn bước ra, thiệt mau chớ không phải lụng khụng kiểu con gái mới về nhà chồng, dang h ai tay sẵn sàng đỡ tôi đứng dậy. Rồi bàn tay tiên nga mát rượi của nó để lên lưng tôi, qua mấy lớp áo nặng nề hình thức của đám cưới tôi vẫn nghe hơi ấm chạy tràn trề reo vui trong tim, hỏi có sao không anh, bộ anh quên cây nạng hả?

Tôi ngó vợ mà cảm giác máu chảy rần rần trên mặt không làm sao trả lời được. Chúng tôi đứng kề nhau như vậy hèn lâu. Hàng đuốc chai ngoài ngõ cháy bùng lên sáng tỏ hơn hồi nầy thập bội, vài cây còn nõ lách tách bắn tung tóe những đóm lửa nhỏ pháo bông chào mừng hai đứa tôi trong khi từng đoàn châu châu để nhũi đương trình diễn chào mừng bằng điệu nhạc luân vũ thiêu thân. Con Bông chúm-chím cười xén-lén. Tôi biết hai đứa tôi đã chí-tâm hòa đời mình với nhau kể từ giây phút đó. Thôi 'cá trong giỏ là cá mình', tôi không còn thấy gì phải thắc mắc bầu của ai làm gì cho mất công mất linh, cứ chấp nhận thực trạng với cõi lòng rộng mở như vậy mới mong hưởng trọn niềm vui sau này. Tiếc tiếc cho cái thằng mắc toi nào đó đang tay đập đồ hạnh phúc của mình khi quất ngựa chuối truy ph ong. Tôi, tôi sẽ vui với những gì nó đang tâm bỏ lại không phải vì cái hình hài của con Bông tôi từng ao ước mà chính vì cử chỉ chăm sóc lo lắng của nó vừa rồi. Từ đây tôi thật sự trút bỏ xuống đầ 't niềm bất hạnh của đời mình bằng sự giúp sức của bàn tay âu yếm đó.

Tôi đẩy nhẹ con Bông trở vô buồng, nó quay lưng đi, kiểu quy phục, nương dựa. đưa tay tiếp cập nạng do má tôi trao tới,

tôi bắt thóp được nụ cười của bà một nụ cười của người đương lo âu phấp phồng bỗng biết được mình thoát nạn, một nụ cười biểu đồng tình một chuyện gì đó không được tốt lắm cái kiểu bà làm lơ hời đó khi biết tôi làm ngang giựt con đế lửa của con một người tá điền hay khi không khi không tôi đỡ chứng thoi thẳng nào đó một thoi thiếu điều sắt máu mũi rồi đứng cười. Một luồng ánh sáng chói chang như lần sét đánh trước khi trời gầm bùng lên trong óc tôi, nối kết lại tất cả các dữ kiện từ lâu tưởng chừng không có gì liên lạc: thằng Quang với con Nhân rủ nhau ra đi mặc dầu dần cảnh trước-sau để che mắt thiên hạ, ông bà Hương giáo Hải quá thất vọng đến nỗi không cần giữ gìn phong cách của mình cố tạo bấy lâu nay, cha mẹ tôi ngấm ngấm xào-xáo rồi chịu nhin nhục nghe chửi bới xỏ-xiên cuối cùng dẹp bỏ tự ái chấp nhận làm sui hạ mình với người từng là kẻ ăn người làm, con Bông có bầu và câu nói của bà dì nó lá rụng về cội, ba tôi nhứt quyết từ thằng Quang, câu nói úp úp mở mở của bà già nhứt cử tam tứ tiện... Tôi biết hết. Tôi biết má tôi xấu-mình biết bao nhiêu đêm để lo tính kế vẹn toàn cho cả trăm cả ngàn chuyện trái nghịch nhau như vậy. Mẹ! Lòng mẹ bao la như bầu trời; lai láng như nước trong nguồn, vô tận tuyệt, tới bây giờ con mới cảm nhận được một cách cụ thể. Tôi ngó mẹ bằng cặp mắt cảm ơn như hồi còn nhỏ khi té được bà ẵm lên ôm ấp trong lòng nựng nịu. Bà già tôi nở nụ cười thiệt hiền, thiệt bao dung, cặp mắt rực lên một trời thương mến.

Tôi khoát màn bước hẳn hoi vô phòng hợp cẩn. Cặp mắt hột nhân chờ đợi tôi nói một câu gì. Bàn tay tự tín của người chồng vỗ vỗ nhẹ lên bả vai con vợ mình. Căn dươn nầy ai bút cho rồi, ông tơ ông buộc dẫu lên trời cũng theo. Tôi sung sướng ngụp lặn trong hai niềm vui đương vây chặt, quên lưng phần số đen đui từng đeo đẳng triền miên, quên lưng cái nặng như cục đá tảng cột trên lưng người tù khổ dịch, từ trước nhần nay.

Nguyễn Văn Sâm
(San Marcos, Texas, March 1997)

TÀO KHÊ NƯỚC CHẢY

Nguyễn Xuân Thiệp

Chờ Cự Cừ và lão bộc đi khỏi, Tâm khép cổng lại. Con Vàng theo sau cô. Nó chui vào nằm dưới gầm giường, mồm gác lên chiếc guốc mộc, mắt nhìn ra chỗ ánh nắng ngoài sân.

Trong nhà hoàn toàn vắng vẻ. Cô đèn thấp nhang trước bàn thờ mẹ, cúi lạy, đoạn lấy từ dưới tủ thờ ra cái túi cói. Mở túi, cô cầm trên tay xấp lụa, cái gương soi, hộp phấn, chiếc lược gỗ hồng tâm... Một mùi hương nhẹ thoảng, lẫn với mùi nhang tỏa khắp nhà.

Trời đã ngả về chiều, nhưng nắng quái còn rực bên kia sông. Cây lựu đầu hè lấm bụi, im ắng. Tiếng súng từ đồn binh của lính Pháp thỉnh thoảng vọng về lẻ loi. Hình như phía đàng Đông, cơn giông thẳng năm đang chuyển bụng. Không khí trong ngôi nhà cổ nóng bức, đặc quánh lại. Mồ hôi tươm ướt manh yếm trong của cô. Trong ánh sáng đổ xuống từ vuông cửa sổ, Tâm nhìn những món đồ trên tay với đôi mắt ráo hoảnh. Cái gương soi và hộp phấn là của anh ấy mua ở trên phố phủ tạng cô nhân dịp ngày rằm trẩy hội chùa Thầy, cách đây dễ cũng đã dăm năm. Chiếc lược có cái cán dài và nhọn là do anh ấy tự tay làm trong những tháng xuôi ngược miền thượng du với một vài đồng chí. Gỗ hồng tâm rắn, sắc, lên nước, ứng màu đỏ sậm. Cô quý chiếc lược lắm, bởi nó có tấm lòng và cả máu của anh ấy. Còn đây, xấp lụa Tô Châu anh ấy mua nhân chuyến sang Tàu gặp gỡ một vài nhà lãnh đạo Trung Hoa.

Cô còn nhớ hôm ấy, hỏi mẹ cô còn sống, anh từ Quảng Châu về trong trang phục nho sinh. Vào nhà, vừa kịp chào Cự Cừ và trao đổi một hai câu ngắn, anh xin phép gặp cô. Xa cách lâu ngày gặp lại, lòng cô như chiếc lá sen dưới cơn mưa đầu mùa. Anh cầm tay cô, mỉm cười, trao tấm lụa. Má cô nóng ran vì hạnh phúc. Kịp lúc đó, mẹ gọi cô xuống bếp phụ làm bữa ăn. Buổi tối, anh ở lại dùng cơm, nói chuyện với Cự Cừ tới tận khuya. Trước khi đi, anh ấy mở túi đeo vai lấy ra một xấp giấy, đưa cô và dặn một vài điều, bảo hãy cẩn thận, rồi từ biệt. Nghe tiếng chân anh xa dần, không hiểu sao nước mắt cô ứa ra. Trước ngày chuẩn bị

khởi nghĩa, cô còn gặp anh ấy một vài lần. Lần nào cũng vậy, thật ngắn ngủi. Chỉ kịp nhìn nhau, thăm hỏi vài lời, dặn dò đôi câu. Rồi anh đi. Dáng anh cao gầy, tóc xõa xuống vai, như cây thông đầu gió.

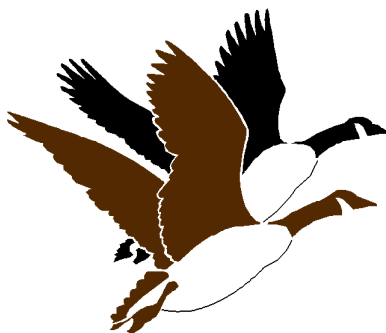
Lần cuối, anh đến bằng ngựa, trong chiếc áo màu chàm, lúc cô ở chợ huyện chưa về. Anh vội thúc ngựa đi tìm cô. Gặp nhau giữa đường lúc cơn giông núi đổ ập xuống. Cô ngồi sau lưng anh trên mình ngựa chạy trong cơn giông. Mưa như roi, quất vào lưng, vào mặt. Rừng vầu xô giạt, xẻ ra từng luống lớn. Một cây cổ thụ bên đường bật gốc, phơi màu đất đỏ máu dưới cơn mưa. Cô ôm cứng ngang người anh, gục đầu vào vai, nhắm mắt lại. Mùi mồ hôi đầm hơi mưa, bốc lên nồng gắt. Ngựa chạy vào núp mưa bên tòa miếu cổ. Tóc và quần áo cô ướt đầm, rũ xuống như tàu chuối xanh. Mưa xối xả, quặn thắt và hân hoan. Đầm trong cơn giông giăng xé bầu trời, thân thể cô cơ hồ tan ra trong mùi nhục cảm.

Nắng chiều đã nhạt. Bên nương ngô, tiếng người gọi nhau mơ hồ vọng lại. Tâm vẫn ngồi với tấm lụa và chiếc lược trên tay. Một sợi tóc rụng xuống trong chiều. Cô nhìn sững những đường vân đỏ trên lược, thần thờ vuốt cái chuôi dài, nhọn bén của nó. Cuộc khởi nghĩa đổ vỡ như mùa nhãn bị cơn giông ruồng phá. Anh ấy và các đồng chí bị bắt lúc đang họp. Khắp nơi, từ thôn ổ đến kẻ chợ xô xao rồi nín bật. Nhà nhà đóng cửa, đêm không dám thắp đèn. Đã hết chờ đợi Xếp cờ và biểu ngữ lại Chôn giấu súng ống, gươm dao. Bít kín tiếng người. Lúc trời bật sáng cũng là lúc tiếng hô cuối cùng tắt nghẹn trên đoạn đầu đài. Cụ Cử nói với cô: “Mười mấy người, con ọ Có cả anh ấy nữa..” Cô đã thấy, đã nghe. Tiếng sấm ran chớp giạt từ xa vọng lại xé nát lòng cô. Có lúc lòng cô cơ hồ trống rỗng, vô hồn, vô cảm.

Đứng trên đồi, nhìn quanh là đồi cọ vàng xơ xác, những mái nhà cheo leo bên sườn thung lũng, dãy Hoàng Liên Sơn trùng điệp, xanh mờ. Pháp trường đã được thu dọn, chỉ còn mấy cây cột và màu đất hoen ố. Trong nắng trưa, từ đồi nhìn xuống, cảnh vật trơ lì, bất động. Thình thoảng cô nghe tiếng mõ trâu từ bên kia đồi. Cơn gió xa về thổi bốc lên từng đám bụi. Trên cao, mấy cánh chim đen lượn vòng, đâm bổ xuống, rồi vút bay đi.

Buổi chiều ở Yên Bái về, cô đem đốt hết giấy tờ và cả tấm ảnh của anh ấy. Đêm qua, một mình đứng bên bờ ao, nghe tiếng cá đớp mồi dưới mặt bèo, cô tự hỏi còn gì nữa. Anh ấy đã đi, đi mãi... Cô nhìn lên trời, tìm chuỗi sao tinh đầu. Có phải chỗ kia, nơi vệt sáng mờ kéo dài, là giải Tào Khê không? Một con ếch từ bờ đất ẩm nhảy tòm xuống nước, âm thanh dội lên ngân ngui rồi chìm dưới khóm lau sậy... Cô xếp mấy món đồ lại, cho vào túi cói cùng với đám quần áo cũ. Vẫn còn trên tay cô tấm lụa vàng và chiếc lược gỗ. Cô cẩn thận trải tấm lụa ra giường. Nắng đã tắt bên sông. Cô bắt đầu cởi khuy áo, kéo vạt yếm sang một bên. Tay phải cầm chiếc lược gỗ hồng tâm, cô ấn đầu cán của nó vào khoảng dưới ngực. Chỗ da màu ngô non lồm xuống, sâu và nhọn.

Sáng hôm sau, khi bóng đêm tan trên những gốc nhãn trong vườn, hàng xóm nghe tiếng chó sủa từ bên nhà cụ Cử. Con chó vàng rên rì, tru tréo liên hồi. Mọi người bảo nhau chạy sang xem. Họ thấy một đường máu thẫm đen chảy từ trong vách ra tới gốc cây lựu. Và cuối hè năm ấy, gốc lựu bên hiên nhà trở hoa, đỏ rực cả một vùng.



CÁI CHẾT CỦA MỘT CUỒNG SĨ

Nguyễn Nhi

Xưa có vị vua bị oán nghịch, đêm ngày nếm mật nằm gai, thu tập binh mã, tìm cơ phục quốc. Một khuya mơ màng, bỗng nghe gọi giật, nhác thấy một tướng quân, mình mặc giáp bào, tay thủ trường đao, hiện ra cùng đám mây ngũ sắc. Tường rằng: “Muốn đoạt thiên hạ, hãy hiến mỹ nhân.” Nói rồi biến mất. Tỉnh giấc, biết gặp thần linh, vua y lời dạy. Nàng khóc than thống thiết hồi lâu, đoạn chọn lấy con dao, tự đâm một nhát ngập tim. Vua truyền mai táng trọng thể, lại sắc phong làm thần. Nhân ngày đại cát, vua cho lập đàn tế đất trời rồi thống lãnh ba quân, xuất chiến hồi triều. Ngờ đâu vận nước chưa yên, ý trời không thuận, nhà vua đánh đâu thua đấy. Kẻ địch hung hãn truy đuổi nhà vua tận chốn thâm sơn.

Quần thần bỏ hàng, binh sĩ rã ngũ, vua cô thân đơn kiếm tả xung hữu đột, vượt thoát trùng vây. Người không lương, ngựa không cỏ, bên tẩu mấy ngày đêm, xảy thấy đã về đến ngôi mộ người ái thiếp. Vua đắm ngực than: “Trời hại ta! Trời hại ta!” rồi kiệt sức ngã quỵ, cảm chắc mạng vong. Bỗng thấy vị thần hôm trước hiện ra, mặt mày thiếu nảo. Vua trách: “Ta đã tuân ý thần, hiến cho ái thiếp, mà giờ cơ sự thế này, thần giải thích sao đây?” Thần rằng: “Ta đã nhầm! Than ôi, làm thần như ta mà cũng có khi nhầm lẫn! Quan quân bỏ vua vì nghĩ rằng vua bắt nhân bắt nghĩa, xử người yêu dấu vô tội mà còn thế kia, sau này biết đối với bọn chúng sẽ ra sao? Trẫm sự tại ta nên giờ thân ta cũng cùng đường, nào khác chi vua. Thượng đế đây ta xuống cõi người, lại buộc làm điều cực khó, có vừa ý trời mới mong phục vị.” Vua hỏi điều gì, thần đáp: “Thượng đế bảo ta hãy chọn lựa giữa mỹ nhân và thiên hạ. Ôi, ngày trước ta cũng đã bảo vua như thế!” Lại hỏi: “Khó chi, ta đã gây chuyện không hợp lòng trời, sao thần không làm ngược lại?” Thần đáp: “Bỏ cả thiên hạ, chọn mỹ nhân chẳng? Càng nghịch ý trời! Giết một đã là ác, lẽ nào ta dám phạm điều đại ác? Ôi, có lẽ ta phải bị đọa đầy cho đến ngày mật thế!” Vua hỏi thăm về ái thiếp, thần rằng: “Nàng chẳng xứng sống với ta. Chính nàng đã khiêu nại với thiên đình. Thượng đế đã phong nàng làm nữ thần. Chẳng phải chính vua cũng đã sắc phong cho nàng sao?” Nói ngao ngán rồi biến mất. Vua hồi tỉnh, biết thế đã cùng, rút thanh kiếm gây tự đâm một nhát giữa tim, gục đầu xuống chân mộ người ái thiếp.

BÊN BỜ THƯƠNG NHỚ

Lê Ngọc Trùng Dương

*Dạo ấy tan trường buổi học về
Đường chiều theo bước, gót em thơ
Anh đến trao chi lời ước hẹn,
Em về thao thức những đêm mơ.*

*Quê em, phố núi xanh gió lộng,
Đường đèo qua mấy nẻo trên cao,
Thác Prenn, hồ Xuân Hương thơ mộng
Vườn Bích Câu, hoa đẹp muôn màu.*

*Rồi những ngày vui ta bên nhau
Mất môi sầu mộng má anh đào,
Đắm say trong cuộc tình giông bão
Cho hồn lạc lối, nẻo chiêm bao.*

*Thứ bảy, ta đi vào điểm mộng
Rừng Ái Ân lưu dấu nụ hôn,
Hồ than thở trong chiều gió lộng,
Cà phê Tùng, nhạc khúc thiên thu.*

*Khi anh xa thành phố sương mù
Mắc biếc ưu sầu giọt nắng thu,
Người đi giá lạnh đau niềm nhớ
Hiu hắt vành môi lỡ nụ cười.*

*Gió buốt từng cơn thổi lạnh lòng
Phương người nơi ấy có vui không?
Hay đã quên đi lời ước hẹn
Ân tình sâu kín vẫn hoài mong.*

*Rồi bụi thời gian cũng phủ mờ
Chôn vùi kỷ niệm những ngày thơ,
Mình em ray rứt nghe hồn vỡ
Kỷ niệm tình yêu tuổi đại khờ.*

*Có những chiều hiu hắt rữ buồn
Mình em đơn lẻ nhịp chân buồn,
Thầm nhớ thuở nào ta chung bước
Đôi bóng kẻ nhau dạo phố phường.*

*Yêu người em đã bao lần khổ
Ân tình mộng mảnh tựa sương tan,
Chờ mong mòn mỏi từng đêm trắng
Tình đã tàn phai, mộng lỡ làng.*

CHÁT...!

Phùng Nhân

Mấy ngày nay cả xóm Nhị Tỳ Quảng Đông Mỹ Tho bắt đầu bàn tán, khi người ta biết tin là con gái của ông Hai Tiểu ghe câu mực, đã Chát được một thằng Việt kiều Mỹ sắp sửa bay về. Trước là để nhìn mặt cho rõ dung nhan, sau nữa là làm đám cưới. Đó là một cái tin nóng hổi giựt gân, bởi vì từ đầu năm tới nay thì trong xóm lưới này đã có tới bốn đứa lấy được Việt kiều. Nhờ Chát trên mạng mà tụi nó quen nhau, rồi mua vé máy bay vọt về làm đám chớ không cần gì mai mối.

Nhứt là con Bé Sáu con của thằng Ba Mắm đã lấy được Việt kiều Úc đang hoàng, “còn” còn được bảo lãnh đi qua nước Úc với diện hôn thê. Chẳng bao lâu thì viết thư gởi về cho biết, đời sống bên đó hiện nay thật là sung túc. Thực phẩm Á Châu, rau quả, cá mắm, hủ tiếu, thịt quay, phở, bò kho họ bán không thiếu một thứ gì. Nhứt là ở thành phố Cabramatta, với phố Bankstown, Marrickville, Fairfield, Liverpool. Người Việt của mình xúm lại ở thật đông, y như ở xóm Nhị Tỳ Quảng Đông Mỹ Tho, hay trên chợ Thạnh Trị chỗ bến xe đò cũ ngày xưa chớ không có gì khác biệt. Nhứt là có tiệm Phở An trong phố Bankstown, tụi Tây đầm nó xúm vô ăn vậy thôi nườm nượp tới ngày. Có đứa còn tập cầm đũa thật dễ thương, chớ không có cái cảnh chê bai nước mắm biển hôi rình, thành thử ra cuộc sống ở đây thiệt là dễ huê và thân mật.

Những lá thư thông báo tình hình giàu có ở xứ người, họ cứ tiếp tục đồn ra như nước rỉ, làm cho cơn sốt lấy chồng Việt kiều rung lên từng chập, họ cứ cho rằng ở nơi ngoại quốc là một xứ thần tiên. Có người còn lanh trí mượn mấy lá thư đó về đọc chơi, để cả nhà nghe mà biết được cái xứ của người ta đang giàu có. Thế là cơn dịch Chát Internet lại đồn ra như sấm, như cơn dịch cúm gà hiện nay đi tới đâu cũng nghe người ta bàn tán. Có người còn thêu dệt, cho là chánh phủ nước Úc Đại Lợi họ rất nhân từ. Thủ tướng thương con dân cũng như con đẻ, thất nghiệp mà cứ hai tuần lễ thì đến nhà băng lãnh tiền một lần. Gặp bữa nào trụi

trắc máy Computer bị hư, nhập tiền lương thất nghiệp trễ chừng vài giờ thì mấy cô làm nhà bằng xo ri (sorry) vậy thôi quá xá...

Trước cái làn sóng Chát đang nổi lên thu hút các cậu, các cô, các bà mỗi ngày. Mấy người có máu mua bán kinh doanh, nên ngoài đường Đinh Bộ Lĩnh hiện giờ lại mọc lên thêm hai tiệm nữa. Thế là từ nơi xóm Lưới, bước ra tới cổng Nhị Tỳ Quảng Đông, thì đã có mấy cái quán Internet đón mời. Tuy nó không có trang trí đèn nháy, đèn mờ như mấy cái quán cà phê, chớ mới nhìn vào thì thấy cũng thật là bắt mắt. Có tiệm sang trọng gắn quép cam (Webcam), để cho tụi nó ngồi Chát nhìn thấy mặt với nhau mới ngộ. Báo hại mấy đứa con gái trong xóm Nhị Tỳ, Lăng Ong, Miếu Bà Chúa Xứ, xóm Lưới ở ngoài mé sông từ trước tới giờ thì sống với nghề chẻ nghêu, xẻ khô cá chỉ vàng. Bây giờ lại mộng mơ, được Chát với mấy anh Việt kiều bên Úc quốc. Báo hại mấy cây đòn gánh, cùng với giống thúng, thau nia, dãi cân có lúc bị bỏ cù lẳng. Bởi vì mắc mê đi Chát, đâu có còn nhớ tới việc bán buôn như hồi trước nữa.

Thì vào sáng hôm nay gia đình ông Chín Bông, bao một chiếc xe Van cá mập đi lên tận sân bay Tân Sơn Nhứt Sài Gòn để rước Việt kiều. Nghe đâu con nhỏ này đã Chát được Việt kiều Mỹ trong mấy tháng qua. Ngày hôm nay nó mới trở về đây, để xin cưới hỏi. Y như cái cảnh Sơn Tinh, Thủy Tinh đi cưới vợ thuở nào, vì trong xóm Lưới có một đứa bị phụ tình, nên nó đứng trong xóm ca hát nghêu ngao thấy mà tội nghiệp!

Không biết sao mà con gái thời nay thiệt dạn, thẳng Việt kiều này với con nhỏ mới quen nhau. Mà khi bước xuống xe thì tụi nó nắm tay nhau, như hai vợ chồng đã ăn ở với nhau coi rất là hạnh phúc. Làm chòm xóm có người đổ kỵ, họ buông lời độc địa sầm xì. Cho rằng cột mà lại tìm trâu, chớ cái thời con gái của họ thì đâu có ai sờ sòng như vậy...

Những lời ác ý đó như gió thoảng mây bay, bởi những trận Chát cuồng phong đã thổi về tới khắp hang cùng ngõ hẻm. Còn những bà mai mối cho tụi Đại Hàn, Đài Loan, Singapore, Mã Lai, Indo thì họ cũng châu chực kể bên. Hễ thấy đứa con gái nào mà thân thể vú móm nở nang, thì họ tìm cách đi theo dụ dỗ cho bằng được. Nên mỗi tháng trên công viên Đầm Sen Sài Gòn, làm

đám cưới cả mấy trăm cặp lận mà. Chơi cái điệu này chừng vài năm nữa thì mấy đứa thanh niên con nhà nghèo ở đây, thì tụi nó phải chịu cảnh ở giá hết trơn. Chớ con gái đâu còn mà đi cưới...

Khấp con hẻm từ trên bến Tầm Ngựa, chạy dài xuống tới hẻm Bà Xẩm đều rạo rức đón chờ. Hễ con nhỏ nào mà ăn bận quần áo thời trang, thì họ nghĩ chắc con nhỏ này vừa mới Chát được một thằng Việt kiều ở đâu bên Mỹ, bên Úc, bên Đức, bên Tây. Chớ họ có biết đâu, mấy cái đứa thất nghiệp tới ngày chẳng biết làm gì. Nên tụi nó mở máy lên mà tìm bạn bốn phương, “chát” cho đỡ buồn ngày tháng.

Lâu lâu cũng có một đứa Việt kiều có được việc làm, nó lấy Holiday rồi bay về Việt Nam vông lộng xênh xang. Nhưng không có nhiều, mà chỉ đếm được trên đầu ngón tay thôi. Chớ còn phần đông, thì tụi nó thất nghiệp kinh niên. Nếu có việc làm thì giờ đâu có rảnh rang, mà ngồi ôm cái Computer thức trắng hết đêm này qua đêm khác...

Nhưng ở trong xóm lưới này lại có bà Hai Tâm, đang có hai cô con gái tới tuổi cặp kê rồi mà chưa kiếm được tấm chồng. Nên hễ nghe có cái đám Việt kiều nào thì bà ta lợi tới. Thiệt là bốn phen làm mẹ làm cho nó quá sức nặng nề, ngoài bốn phen cho con bú mớm nuôi nấng tới lớn khôn, rồi còn phải kiếm cho được Việt kiều mà gả. Chớ còn gả cho mấy thằng đi câu mực, lưới đèn, cào đôi thì có nước ăn mày. Bởi đánh bắt ồ ạt kiểu này tôm cá sắp tuyệt chủng tới nơi, chỉ có kiếm được một tấm chồng Việt kiều thì mới sướng. Vì đồng đô la nó sẽ giải quyết mọi vấn đề, kể cả việc tu bổ tân trang. Từ những cái môi mỏng vánh, rồi làm cho nó trề ra để trở thành khêu gợi. Hoặc ngực lép như cái bánh bèo, chỉ cần chịu bỏ ra vài triệu bạc Việt Nam, thì sẽ trở thành trái bưởi năm roi, hay trái dưa hấu đang tròn nơi Lộ Xoài Chợ Gạo...

Riêng phần ông Hai Tâm thì đã sống với nghề tài công chạy ghe cào tới mấy đời rồi, nên tánh tình của ông cũng đơn giản như cuộc sống ở đây. Hễ tới con nước thì ông cầm lái chiếc ghe cào chạy ra biển cả. Đánh bắt xong mần con nước thì cầm lái chạy về, tháng nào nhờ Trời thương thì tôm cá trúng no nê, còn tháng nào đánh bắt thất thì ngồi âm thầm vá lưới nơi trước cửa...

Thì sáng hôm nay cũng vậy, sau một cử cà phê đậm đầu ngày. Ông cùng với thằng con trai phành miêng cào ra ngòi vá. Bời đi đánh bắt hôm tháng rồi bị va vào mấy dây rạn san hô, làm đứt diềng chì nên tét cho mấy khúc. Trong lúc ông đang buồn miêng mới xuống vài câu vọng cổ giải khuây, để xua tan bao nỗi buồn bực đắng cay, vì làm gần chết mẹ mà nghèo vẫn hoàn nghèo, ham một chiếc xe Dream mà chờ hoài không sao sắm nổi. Còn thằng con thì lo vá rút cho xong, để buổi chiều nay còn ôm con gà nòi đi đá nữa. Bời ngày hôm qua tụi nó đã thua hết một con, bị gà của ông Hai Chiếm mới thả vô ăn giòn nập. Làm cho tụi nó tức muốn cànch hông, nên chạy xuống nhà ông Bé Em nài bắt lại con điều, định chiều nay ôm đi phục hận.

Trong lúc thằng cha thì đang ca vọng cổ, còn con thì đang lo nghĩ đến mấy độ gà nòi; làm cho quang cảnh nhà cửa cũng vắng teo. Bời cái thằng con út thì đang đi học, còn xéo lên mé trên một chút thì cái đám vá lưới của Ba Cho. Thịnh thoảng mấy bà cũng nói chuyện ôm sòm, chắc có lẽ hồi hôm này đang xem phim Hàn Quốc. Rồi bị ông chồng vô ý phá ngang, kêu réo vô buồng ngủ sớm hay sao, mà bị mấy bà kia chọc ghẹo rồi cười lên nghe nắc nẻ.

Còn xéo vô phía trong một chút, thì lại có hăng bánh kẹo của cô Út Diệu cũng đang xen đường đặc xuống chảo rồi, nên mùi mạch nha, mùi đậu phộng lại bay ra thơm phức. Làm cho trong ruột trong gan mấy bà vá lưới cũng thấy nao nao. Bời ngòi vá lưới ngoài nắng, lúc nào cũng nghe thêm đường với muối, nên trong miêng của họ lạt lạt mắc thêm. Nhưng họ cũng ráng dẫn lại chớ biết làm sao, bời ngòi vá lưới một ngày chỉ có ba chục ngàn, thì làm sao mà dám mua quà ăn vặt ở đây cho nổi.

Đó là tình cảnh của mấy bà ngòi vá lưới ở đây, biết gia cảnh và thân phận của mình không thể đua đòi cùng thời cuộc. Nên họ chịu lép vế một bề, không dám nghĩ tới cái cảnh sung sướng giàu sang, mà chỉ mong sao được mạnh giỏi hằng ngày, để tới nước đi lại ngòi đây vá lưới. Rồi khi tới đến, đi xuống cảng cá mua thêm vài chục kí cá chỉ vàng. Dem về nhà ngòi thức xẻ khô, để kiếm thêm đồng ra đồng vào cho đủ sống.

Trong lúc đó thì bà vợ ông Hai Tâm, sau khi chích thuốc đau lưng dưới nhà cô Tám Hồng. Rồi xách giỏ đi chợ về với côi lòng thơ thối hân hoan, bởi sáng hôm nay bà ta đã có một số lượng thông tin, về mấy cái đám cưới của Việt kiều. Với một số lượng thông tin Chát trên mạng trong mấy tuần lễ vừa qua, mà nguồn tin nào cũng làm cho bà nô nức.

Nên bà vừa bước vô tới nhà để giỏ đồ xuống đất xong, rồi đi ra sân ngõ ông chồng nói lớn:

- Này Ba thằng Cước. Hồi này tui ngồi đợi tiêm thuốc ở nhà cô Tám Hồng. Nghe cổ nói con Sen con của ông Hai Bắc, lên Sài Gòn làm chỉ có hơn một năm nay. Vậy mà bữa hôm nó dẫn một thằng bò về, mua cho Hai Bắc nào là tủ lạnh, ghế xa lông, với xây thêm chái bếp bằng gạch nữa đó...

Ông Hai Tâm đang bực bội trong lòng, đàn bà gì tới giờ này mà chẳng nấu cơm, còn đứng đó nói tào lao thiên hạ. Nên ông đâm mạnh cây ghim vô mắt lưới, nói:

- Hai cha con tui ở nhà mần mệt chết mẹ. Còn bà thì đi xanh xạch tối ngày, mặt trời lên trưa trở trưa trật rồi mà chẳng chịu nấu cơm. Đứng ở đó mà nói tào lao thiên địa...

Bất ngờ bị chồng mắng, bà ta cười hề hề nói vớt:

- Cha nó sao hay quạu quá hè. Tui đi chợ chòm hòm ngoài Nhị Tỳ vô, định chích một mũi thuốc nhức lưng rồi về. Nào ngờ nghe cô Tám Hồng kể chuyện con ông Hai Bắc lên Sài Gòn chẳng có bao lâu, vậy mà nó dẫn một thằng bò về sắm sửa cho cha mẹ đồ đạc lót trong nhà nhiều quá xá...

Ông Hai Tâm ngược lên, hỏi vặn:

- Bộ bà nhìn thấy con người ta được như vậy, rồi nôn ruột nôn gan đó phải không?

Bà vợ nhìn ông cười cười, rồi vả lá:

- Thấy con gái người ta lạnh lợi khôn đại bất ham. Còn nhìn lại hai đứa con của mình, tối ngày nó chỉ có biết chẻ nghêu, xẻ cá chỉ vàng không biết đến khi nào nó mới khôn cho bằng thiên hạ...

Ông Hai Tâm để tấm lưới xuống, nói gằn:

- Việc đó để tui lo. Tui đã chấm thằng Chúc đi ghe cào với tui rồi, chừng nào hai đứa nó lên vọi với nhau thì tui gả...

Nghe tin sét đánh đó, bà vợ muốn tá hỏa tam tinh. Nên bà sà xuống nói nhỏ:

- Đừng ông. Để thùng thằng rồi tui nhờ người dẫn nó đi lên Sài Gòn làm mướn kiếm chồng. Hoặc tui để dành tiền cho hai đứa nó đi ra tiệm Chát kiếm Việt kiều, chớ đừng gả cho mấy đứa râu mực, hay ghe cào thì sau này cực lắm...

Ông Hai Tâm biết bà vợ mình đang ăn phải bả, nên ngược lên nói gần từng tiếng:

- Tôi nói cho bà biết. Con người ta thì đi lên Sài Gòn kiếm bồ giàu có dắt về, mua sắm cho cha mẹ tù lạnh để chạy nước đá lạnh uống chơi. Còn con gái của bà mà cho lên Sài Gòn chỉ chừng vài tháng, thì tui sợ nó đem Tiêm La, Lậu Mũ, Cù Pháo về nhà đó biết chưa? Đừng có thấy con người ta chun guốc chun giày, rồi ở đây rậm rật...

Bà vợ bị chạm tự ái, nên dẫu môi lên cự lại:

- Cái ông này ăn nói kỳ hôn. Nói năng sàm sỡ không sợ người ta cười. Nếu ông không chịu cho nó lên thành phố Sài Gòn, thì tui để dành tiền cho nó đi tập Chát kiếm Việt kiều cho ấm tấm thân. Chớ lấy chồng râu mực, cào lười làm gì mà cho khổ...

Ông chồng để cây lẹm xuống bấp đùi, nói lớn:

- Con người ta có học, có hành. Chữ nghĩa nó lầu thông. Còn con của mình hồi nhỏ tới lớn, bà bắt tui nó đi bán ghê; bây giờ bắt nó đi học Chát thì làm sao học được. Nó có biết cái máy Computer lớn nhỏ, tròn méo ra làm sao. Bà tưởng đứa nào hề cứ muốn chồng Việt kiều, là Chát thì có đó hả. Coi chừng gặp mấy đứa trật búa trật rìu ở trên Sài Gòn giả bộ xuống đây, nó chát cho một cái bụng bầu rồi thì mới khổ!

Bà vợ chừng như đuối lý, nhưng chẳng chịu thua còn vót vát:

- Thì việc gì cũng vậy, mình cho nó học từ từ. Chớ có ai biết sẵn trong bụng mẹ biết ra, mà ông lo làm chi cho xa dữ vậy. Hễ con người ta Chát được, thì con mình Chát được. Việc đó ông yên trí, cứ để tui lo. Cho hai đứa nó Chát chừng vài tháng, nếu không kiếm được Việt kiều, thì tới chừng đó mình gả cho nó bạn

lưới, bạn câu, bạn cào, bạn rôi. Chớ có trể tràng gì mà ông lo dữ vậy...

Ông Hai Tâm hầm hừ thêm vài tiếng, rồi nói:

- Không lo xa để cho nó đi tắt về ngang, rồi vác cái bụng về đây cho bà nuôi nó hả?

Lần nào cũng vậy, hễ hai vợ chồng mà bàn đến vấn đề này thì gặp bế tắc hết trơn. Nên bà vợ không thềm cãi nữa, rồi lo te rẹt đi vô nhà quét dọn một hồi. Đó cũng là một cách hạ hỏa của mấy bà mỗi khi bức bối. Còn ông chồng thì không nói không rằng, mong vá cho xong mấy khúc bể này, rồi đi đổ vài lên xóm Lãng Ong, rủ thằng cha Năm Chích nhậu chơi. Vì dân đi làm nghề biển mà ngồi vá lưới như vậy, thì cuồng chân chịu đời gì nổi.

Trong khi đó thì con hẻm chỗ cây me, hầm cá vồ của ông Ba Đê đặc cứng người ta đứng sắp hàng chờ đợi. Người thì cầm miếng giấy, mà mặt mày nhăn nhó như khi ăn phải ớt hiểm chín cây. Có người lại đi tới đi lui, dường như là đang đau bụng mót. Đó là một buổi sáng thường lệ ở trong xóm lưới mỗi ngày, nhờ vậy mà mấy cái hầm cá tra này mới nuôi mau lớn. Có người còn nhờ chất thải của con người, mà mua sắm vàng lá nữa đó ghen. Bởi cá tra có khi hút, lên tới bốn năm chục ngàn một kí lô vậy đó...

Nhưng kể từ khi đất cát nền nhà mắc mỗ tăng lên vùn vụt mỗi ngày. Huê lợi ao cá tra, cá vồ bây giờ thu hoạch chẳng bao nhiêu, nên người ta đã mượn mấy chiếc ghe bên cồn Tân Long bơm đất cát dưới sông san lấp hết mấy hầm cá tra ngay chỗ nhà ông Chín Địa rồi. Bây giờ họ đi dòn về cầu trá của ông Ba Đê, nên mấy con cá này bây giờ bày đặc kén ăn. Tụi nó cứ làm bộ bơi lội nhờn nhờn nhìn trời nhìn đất, nhìn mấy cái mông dít coi lớn nhỏ vậy mà. Chớ còn hồi trước cầu cá quá nhiều, hễ chỗ nào trống là họ đào hầm thả cá xuống nuôi, nên đã thiếu ăn khi có người ta đi cầu vừa ngồi xuống. Thì tụi nó nhào lên ăn móng rần rần, khi phân trong người vừa mới xổ ra, thì tụi nó cời lung với nhau để mà giành giựt.

Còn hôm nay thì đất cát mắc mỗ, người ta đã tận dụng hết mấy khoảnh đất sau hè, để cất nhà cho con cái ra riêng. Nên mấy

cái hầm cá vồ ở trong xóm này bị người ta lấp đi gần hết. Chớ còn hồi trước kia từ dưới hẻm Cầu Cui chạy lên, là một vườn ngâu tươi tốt xanh um lúc nào cũng trở bông thơm phức. Còn con xẻo từ ngay chỗ nhà bà Lý Tịnh chạy vô, thì nước sạch trong veo. Khi con nước lớn đầy mà, thì lũ nhỏ tụ hợp với nhau bơi lội. Ấy vậy mà khi chiến tranh nổi lên được vài năm, thì dân ở dưới Bình Đại, Thới Thuận, Vũng Luôn, Lộc Thuận họ chạy lên tản cư đông nghẹt. Cái mương nước sạch, đã trở thành một cái mương sinh. Có biết bao nhiêu sán lải, sán móc câu hằng đêm người ta dẫn con nít ra ngồi si ngoài đó...

Rồi đúng một cái hòa bình thống nhất đất nước chợt đến, bà con ở đây có giã về quê đâu được vài năm. Nhưng họ sợ đói quá, rồi cũng mò về ở đây mua ve chai, hay đi đào bịt nylon vậy mà sống được. Ngày hôm nay thì dân số ở xóm này đông khời nói nữa rồi, bởi có kiêng cử gì thì cũng phải có ít lắm là ba đứa con. Nên hết ra riêng thằng lớn, thì lại lo cho thằng nhỏ. Đời sống cứ vậy mà xoay dần, cho đến hôm nay chỉ còn có một cây cầu cá tra của ông Ba Đê trong xóm này nữa rồi thôi. Nếu mai một ông ta san lấp để lấy mặt bằng, thì không biết bà con ngồi ở đâu để ỉa nữa...

Đứng trước tình cảnh đó, chắc có người cũng phải lo xa. Ấu đó cũng là cái nạn khổ của đám dân nhược tiểu nghèo nàn, mọt để dành tiền đủ cất căn nhà che nắng che mưa là mai. Chớ đâu đám nghĩ tới cái cảnh làm cầu tiêu máy, ngồi ỉa xong rồi bấm nước rút nghe cái rột. Nhưng nói là nói vậy, ở trong xóm này toàn là hẻm hóc. Làm cầu tiêu máy rồi biết xả nó chảy về đâu, còn làm hầm để tiêu hủy phân mai một nó đây, biết mức đem đổ ở đâu cho được.

* * *

Bà vợ ông Hai Tâm quét dọn một hồi mà cũng chưa hết tức, nên bà ta lo làm cá nấu com. Đợi đến khi com chín, cho ông ăn no nhậu vô ba hột, rồi hãy tìm cách nói ngọt sau. Chớ còn trong lúc này thằng chả đang bực, mà mình cứ đứng nói đang ca hoài, sợ thằng chả nổi nóng rồi chửi rùm lên thì hư chuyện. Mặc dầu trong bụng đã tính kỹ như vậy, mà sao bà cũng thấy hơi tung tức

rồi kêu xe ba bánh lòi ra tới ngoài cửa Nhị Tỳ, sẽ có xe hơi rước đi chở về trên thành phố Sài Gòn, hoặc mấy tỉnh miền Trung, hay trên mấy tỉnh cao nguyên nấu canh chua ăn ngọt ngắt. Chớ họ đâu có biết mấy cái đầu cá này, trước khi được nấu canh chua. Thì nó phải trải qua một trận ruồi bu, rồi vòi con nào con này mập ú bò ra vậy thôi lúc nhúc...

Ở xóm lao động này có một người sướng nhưt, làm ăn tà tà mà lại kiếm tiền ngon. Đó là hai vợ chồng ông Mười Tri bán cà phê và bánh kẹo. Kèm theo hai cỗ máy chơi ghem (game). Báo hại con nít ở xóm này, hễ có được đồng nào thì đem vô cúng hết. Có ngày hai cỗ máy này đem lại lợi tức cũng hơn một trăm ngàn, còn bà vợ của ông ta thì chuyên trị bán cà phê với nước dừa tươi. Bất cứ cái đám vá lưới nào, hễ tới cử trưa kêu mấy ly thì bà ta cỡi xe đạp bung lên đem tới.

Không biết cái bà này học cách cỡi xe đạp một tay hồi nào, còn tay kia thì bung một cái mâm cà phê, có khi lên tới cả chục ly chớ đâu có ít. Vậy mà bà ta cứ đạp như một người đang xiếc trên những con đường hẻm ngoằn ngoèo, chưa khi nào thấy bà ta bị trật tay làm đổ, nên công việc bán buôn nhỏ nhoi như vậy mà tiền phát đều đều. Không chừng đợi năm tới hạp tuổi, hai vợ chồng này cũng dám cất căn nhà đồ bê tông lên hai tầng...

Cái xóm lao động ở đâu thì cũng vậy. Người ta sống với nhau sỏi lỏi thật lòng. Chớ không như những con đường cái giàu sang, hay những khu gọi là cư xá cư xiếc gì đó của gài then đóng. Mà họ cứ hú nhau ới ới suốt ngày, khi thì nhậu với nhau một miếng khô hắc cầy vừa mới kiếm được đây, hoặc một đĩa gỏi đu đủ trộn với tôm khô, nhậu vô thật là bá chấy. Rồi cười nói ca hát tối ngày, có khi còn kể chuyện tiểu lâm, như mấy cái chuyện gả em vợ nghèo ba năm ráng chịu.

Tình cảm như vậy cứ tiếp tục lưu truyền, từ đời cha cho tới đời con, rồi qua tới đời cháu không làm sao rút ra cho được. Cho nên ở trong cái xóm lưới này, ngày hôm nay cũng có người khá giả, vậy mà cũng không nở bỏ đi đâu. Mặc dầu cũng có năm trúng tôm, trúng cá mua một cái nhà lầu ngoài mặt tiền để ợt. Vậy mà họ cũng không đi, chỉ sửa sang nói rộng nhà cửa thêm

cho có tiện nghi, để mỗi khi nằm ngủ nghe tiếng sóng ngoài sông vọng về dỗ giấc...

Nhưng giàu hay nghèo mà ở trong xóm này thì đời sống cũng cực khổ giống nhau, cũng lo vá lưới, vá chài, trét ghe làm nghề trên biển. Còn con gái, đàn bà thì phải thức khuya, để lo chẻ nghêu gánh ra chợ ngồi bán mỗi ngày. Hoặc tới đầu con nước chực chờ dưới cẳng cá, để mua cá chỉ vàng về xẻ khô bỏ mồi. Cho đến ngày hôm nay thì cái xóm lưới này, từ con hẻm Nhị Tỳ Quảng Đông đi ra tới bến thầy Hoài, thì dân cư cứ chen chúc với nhau mà sống.

Lâu lâu lại có đám cưới Việt kiều trong xóm diễn ra, lúc đó thì cả xóm dường như đang lên cơn sốt. Nhứt là mấy cái đám Việt kiều sang, họ cứ bao giàn cho bên nhà gái mặc tình mới bao nhiêu khách cũng được. Cứ vậy mà lượm bao thơ, còn tiền trả nhà hàng thì chàng rể ề lưng ra trả nợ...

Nhưng có đám dân xích lô, ba bánh, Honda ôm đánh hơi được, họ phục kích đánh một trận để đời. Số là hôm đó là ngày đám cưới con của ông Hai Lộc, Việt kiều Úc ngon lành. Từ bên Úc đi về làm sui với Ba Thuận ở dưới xã Tân Mỹ Chánh này đây, nên mấy dân ba bữa nói trên bèn lên đồ cối rồi thản nhiên đi dự tiệc. Báo hại nhà hàng Chương Dương họ phải sắp xếp thêm bàn, còn bên nhà gái nhìn thấy khách lạ thì cứ tưởng đó là khách của đàn ông. Bên nhà trai nhìn thấy, cũng tưởng đó là họ hàng bên đàn ông. Đợi khi mãn tiệc, khách khứa ra về mới xé bao thơ. Thì mới té ngựa, chỉ đựng toàn là giấy nhựt trình cất nhỏ.

Đó là những chuyện cười ra nước mắt, ở trong một cái xóm lưới này. Nó cứ liên tục xảy ra. Vì là xóm dân lao động hằng ngày, nên có biết bao nhiêu chuyện va chạm với nhau trong cuộc sống. Từ chuyện ông này có vợ nhỏ, bà kia đang hú hí với ai. Họ nghe được thì cứ việc thông tin khắp xóm. Nhờ vậy mà từ xóm trên cho tới xóm dưới, họ không thềm đọc nhựt trình. Vậy mà chuyện gì họ cũng biết hết trơn, ngay như mấy cái chuyện tham nhũng ở ngoài Hà Nội họ cũng đều biết hết.

Rồi có một chuyện thật đau lòng, khi cái chuyện đó lại đổ bể ra, làm cho nguyên một xóm lưới đều sa nước mắt. Số là con Mộng Thắm, con của ông Sáu Hùng ghe rồi cũng giàu có ở đây.

Con nhỏ này đã có chồng, có tới hai mặt con. Vậy mà nó mê trai, nhần tâm kêu tình địch mướn du đãng dụ đi uống cà phê đêm chết ở dưới ngay lộ tề. Rồi tụi nó khiêng xác thằng nhỏ đem đúc xuống chiếc máy cày, sau đó tri hô lên là nó nhậu say chạy xe Honda tự gây ra tai nạn...

Cái câu “đa kim ngân phá luật lệ” làm cho bà con ở đây thấm thía vô cùng, khi ở nhà thương lớn trên tỉnh Tiền Giang, họ cũng làm giấy chứng thương y như vậy. Mặc dầu trong lúc tụi nó đánh đập thằng kia, mấy người bán quán gần đó họ đã nhìn thấy hết trơn, nhưng không có ai dám đứng ra làm chứng. Bởi cái đám du đãng ở đây nó rất dữ dằn, ngoài cái tánh khát máu hung hăng. Tụi nó còn được bao che, bởi toàn là những đứa con ông cháu cha rất là quyền lực.

Cũng bắt đầu từ bữa đó tới nay, trong xóm bớt đi cái nạn đua đòi. Mấy cái tiệm Chát ngoài đường Đình Bộ Lĩnh cũng hơi ế khách. Nhưng cái danh từ “Chát” nó lại hiện ra trong tất cả mọi nhà, rủ đi ăn nhậu người ta cũng hô rủ nhau đi Chát. Chửi lộn với nhau một cách ì xèo, thì họ cũng nói là tụi nó đang Chát với nhau. Hay đánh cờ tướng thì thầm, người ta cũng nói hai ông già đang ... chát với nhau rất là thân mật.

Rồi có ông trung sĩ Ba, năm nay lỡ tai nghênh ngang. Mà có cái tật ghiền rượu tới ngày, đi tới đâu hễ thấy động dao động thốt thì ông ta tập vô rất ư là tích cực. Sáng nào cũng vậy, ông ta đi suốt từ hẻm Cầu Cui lên tới bến ông thầy Hoài, rồi vòng ra tới ngoài cửa Nhị Tỳ Quảng Đông, hễ thấy bà nào tóc tai chải gỡ gọn gàng, thì ông ta chồm miệng vô nói lớn:

- Hồi hôm này “Chát” được mấy cái? Mà buổi sáng hôm nay coi vui quá vậy ta...

Nói xong rồi ông ta không đợi trả lời, cứ theo con hẻm mà đi. Bỏ mặc sau lưng những lời chửi mắng. Bởi có bà mắc cỡ họ cũng cộc cằn, nên họ chửi rửa rất độc địa thâm sâu. Nhờ ông ta lẳng tai, nên cũng dễ. Chớ còn không thì chắc cũng cự nự rần rờ, có bà thì dạn dĩ dám nói chơi. Đưa hai ngón tay lên trời, còn nói lớn là làm hai phát lộn. Ông trung sĩ có tức hờn. Mà hỏi cái gì nghe lẳng xẹt...

Rồi cả xóm cười ngất thật vui, khi họ cũng đang nhớ lại hồi hôm nầy, mình cũng chát cho một phát chớ bộ. Đó là những cử chỉ thân thiện mỗi ngày, lâu lâu cũng có một vài tin giựt gân, là con nhỏ đó không chồng mà sao có chửa vậy ha...

Thế là trong xóm lưới cực khổ âm thầm, làm cái gì người ta cũng nói Chát hết trơn. Thậm chí có bà đang ngồi vá lưới, thằng nhỏ chạy lại kêu về. Mấy bà kia liền vọt miệng hỏi theo. Có Cha mày ở nhà đó không vậy nhỏ?

Hể thằng nhỏ nói có, thì mấy bà cười ngất với nhau. Rồi ghẹo. Chắc thằng chả kêu bà về nhà dệt Chát cử trưa, nên bà lo te rẹt đi về liền chớ đâu dám cãi. Thiệt là đồ mắc dịch, như vậy mà vui. Chớ còn không bắt họ ngồi làm thình vá lưới tối ngày, thì tấm lưng nhức mỏi làm sao chịu nổi. Ấu đó cũng là những thang thuốc trị bệnh mỗi ngày, mà dân nghèo trong xóm lưới ở đây đang áp dụng.



Dãy lớp học 3 phòng này có từ ngày ngôi trường mang tên Collège de Mytho mới thành lập (17-3-1879). dãy lớp học này mặt hướng về đường Lê Lợi.

LỘN SÒNG LỘN DĨA

Lê Tấn Lộc

Nửa đêm, tay lính kín Tây dựng đầu ông anh Lợi của tôi dậy trong bót “nóc bằng” (Ở Bạc Liêu có hai bót nhốt người tình nghi hoạt động chống Pháp: bót “nóc bằng” để tra khảo, bót “nóc nhọn” để chờ giải tòa), dùng vỏ xe đạp bằng cao su đặc quất túi bụi vào người anh, làm anh sụm hai ba cái sườn non và văng hai cái răng cửa. Chỉ vì khi lục xét, nó moi được từ trong bóp anh ra tờ giấy bạc mới – 5 xu – do anh lì xì tôi dịp Tết mà tôi đã gửi lại anh giữ, trên đó tôi đề tên tôi để anh khỏi lẫn lộn với tiền khác. Chẳng may lúc bấy giờ mật thám Tây đang truy lùng tên trưởng ban ám sát thành của V.M. trùng tên họ với tôi! *Lộn sòng... học xì dầu*, mở màn cho một loạt *lộn đĩa* chóng mặt.

Lúc được đầu mười bốn tuổi, tôi si tình mê một Trường Nhi, bạn cùng lớp ở Vãng (1) Long. Yêu một chiều, đau khổ tinh thần dĩ nhiên, nhưng thể xác còn đau đớn gấp ngàn lần. Anh Lợi – phần nào nhớ lại lúc bị lính kín “dợt” vì tôi, “dần” tôi một trận nên thân tới gãy bốn cây cột giăng mừng ghé bó vì mắt mắt với ông chủ sở, ba của cô gái cung, sau khi đọc lại toàn bộ tình thư tôi gửi cho nàng, mà nàng đành đoạn trao cho cha già để ông này trả cho anh tôi, với lời phê bực tỏ chàng, đở lòm: “Lũ ma trời!” (Bande de feux follets!), gạch đứt đậm nét. *Chẳng thương thì chớ sao đành giết nhau!*

Bốn năm sau, bạn bè viết thư giữa tôi thê thảm, cho rằng tôi đặt điều Trường Nhi chơi khăm tôi. Chẳng hiểu vô tình hay cố ý, Nhi kết hôn với một người vừa trùng tên vừa trùng họ, trùng luôn chữ lót với tôi! “Mày quá lố đó nghe, thằng cà khịa, thằng bạn viết. Chữ in ràng ràng đây con. Ai trồng khoai đất này hả mày? Bây giờ lấy nhau rồi, tụi bây còn tính bày trò kiểu cọ nào thêm nữa chẳng?” Khi không bị chửi oan, trong lúc mình đang lão đảo như con chim bị trúng đá nặng thung khi nhận được hồng thiếp. Mắc cười hơn nữa là có mấy anh chị đồng môn sốt sáng gọi quà cưới về nhà tôi. *Lộn sòng... mắc dịch!*

Năm hai mươi tuổi, tôi thấp tùng anh Lợi “khắc tinh” của tôi đi màn văn nghệ văn gừng “tranh đấu” với mấy cô thơ ký của

chàng: đơn ca, song ca, hòa ca, hợp tấu, diễn kịch.... Xôm tụ ghê! Kề vai cộ về chẳng thể nào tránh đụng với cái khung cảnh “hiếu” tình mờ mờ ảo ảo của sân khấu về khuya, lúc khí thế “đấu tranh” đã loãng. Nhưng tiến xa hơn nữa thì thiệt tình tôi không tha thiết mấy, cũng chẳng dám. Nói ra khó tin, chớ chừng tuổi đó rồi mà tôi vẫn còn nguyên xi chưa cắt chỉ! Trong bầy tiên nữ nghệ sĩ tài tử này, tôi “kết” Phương nhưt. Coi bộ cô ta có vẻ chịu đèn tôi lắm, cũng “pha, cốt” lia lịa. Bỗng đi một dạo không hát hò nữa, tôi cũng quên dần Phương và bắt đầu thả dề chỗ con nhà làm ăn lương thiện, định bụng neo thuyền lãng tử. “Thuyền tình (đang) lung linh trong khói sương lam” thì bỗng nhiên một buổi sáng nàng thôn nữ đến động cửa nhà, liệng tờ báo Tiếng Chuông vô mặt tôi, dậm cẳng khóc ré, rồi thót lên xe máy nhôm dọt mắt. Ba chun bốn cẳng rượt theo nàng một lát tôi thấm mệt, thua buồn thả bộ lững thững về nhà, cúi lượm tờ báo lật ra, liếc vô chỗ có khoanh bằng viết chì đỏ, với cả chục cái chấm than bao quanh “Tin Mừng”:

Nhận được hồng thiếp báo tin cô Nguyễn Xuân Phương thành hôn với cậu Lê Tấn Lộc (...)

Trời đất Quý thần ơi! Anh đây sao em không lấy mà đi lấy tên anh chi vậy Phương! Em đừng chồng khỏe re, anh mất tình lãng xẹt. *Lộn đĩa... trào máu!*

Tới tuổi hai mươi mốt, thấy mình có vẻ chững chạc hơn trước, tôi bèn “thành đô giả biệt” quay về xứ Văng (1) tìm vợ cho cha mẹ yên lòng, vững bụng mần ăn. Lúc còn học ở trung học, tôi ưa rà rà trước cửa nhà Nguyệt Minh và thường bắt gặp nàng tựa cửa chải tóc, vu vơ ngó trời xanh bao la. Đẹp thùy mị, đẹp như tranh. “*Suối tóc buông lơ xỏa má hồng*”, tôi gồng mình đề thơ vậy đó để ca ngợi người thiếu nữ bên song cửa. Đôi khi thấy nàng tha thướt đi ngang nhà, tôi mỉm cười đón gió và cũng được nàng mỉm cười trả lễ, kín đáo gật đầu chào. *Tình trong như đã, mặt ngoài còn e??* Chưa kịp trở ngón ruột “*quí dưới chân hoàng hậu dâng trái tim*” (học thuộc lòng tài tử Errol Flint) thì con gà nuốt dây thung Kiệt, em tôi, đã xê vô Nguyệt Ánh, em nàng. Còn chêm tôi cứng họng luôn: “Hai anh em của hai chị em coi sao đừng đại ca? Kỳ chết!” Tôi đành rút lui, hút gió hồng

kêu. Trớ trêu thay, một lần nữa tên tôi lại xuất hiện không phải chỗ trên thiệp cưới của Nguyệt Minh. *Lộn sòng...xót xa!*

Ba lần xuất quân, ba lần thiên hạ ăn ốc mình đồ vỏ. Tôi nghĩ thầm: “Ồ Việt Nam coi bộ không khá về đường tình duyên. Sẵn dịp mình được chọn đi Pháp du học, nên hướng về mấy cô đầm đĩa thử thời vận”. Vậy mà chút xíu nữa cũng khỏi đi Tây luôn: Khi lấy lời khai để lập hồ sơ xuất cảnh, thầy cảnh sát hỏi tôi có phải là con ông Cựu Thủ Hiến Nam Việt (thời Bảo Đại). Tôi bực mình vặn lại: “Sao ông không hỏi tôi câu đó lúc ông còn tại chức. Bây giờ ông lưu vong, Ngô Tổng Thống lại có tánh đa nghi. Bộ ông muốn hại đời tôi sao mà cột tên ông vô tên tôi? *Lộn dĩa... quá date!*”

Sau “bao năm từng lê gót nơi quê người”, trở về nhà đời tôi lặn lội lao đao, khi chiến hào ngập thuốc súng, ngổn ngang vỏ đạn, lúc quán rượu ngập đầy khói thuốc, la liệt vỏ chai... Cũng may, chưa có cơ hội hoặc “xanh cỏ” hoặc “đỏ ngực”... Khi ở nhà binh đã lục lục tầm thường, lúc ra “xi vin” tôi cũng tầm thường lục lục, những tưởng sẽ yên lặng sáng xách ô đi, chiều chiều xách ô về, tà tà cho tới ngày dưỡng lão. Bất ngờ, “đất bằng nổi sóng”:

Đúng ba mươi lăm tuổi, chó ngáp phải ruồi, tôi may mắn được mang râu đội mũ, có dịp vui chơi xả láng hơn trước đây (Y như lời phê điểm của cấp trên lúc tôi còn bận đồ kaki: “*Sĩ quan trẻ tuổi có khả năng chỉ huy, thích chơi hơn làm việc*”!). Đại úy muôn năm chẳng oan ức gì cho lắm). Một bữa có thằng bạn cho tôi số điện thoại để lấy hẹn với một em, được mô tả thơm như múi mít, có cái tên nghe rất ướt át gợi tình:

-Dạ Lan nghe đây! Tiếng em êm ả rót vào tai tôi.

-Dạ chào cô! Tôi đáp. Anh Danh nói tôi điện thoại mời cô đi dạ vũ ở nhà anh Thứ. Xin cho tôi được vinh dự làm chevalier servant cô (hiệp sĩ hầu cận?) đêm nay. Thưa cô, xin phép được giới thiệu, tôi là...

-Thôi nghe cha nội! Bộ cha chưa “đã” sao mà còn theo chọc phá tôi hoài vậy? Cái gì quý nhất đối với con gái, tôi đã cúng cho cha rồi, cha còn ức hiếp gì nữa? Bên nhà bằng thiếu gì người đẹp

sẵn sàng chờ cha ban ơn mưa móc. Để tôi yên, nghe chưa? Đủ rồi!

Có tiếng cúp điện thoại. Tôi ngẩn ngơ tò te. Trời Phật! Cái gì vậy bà con? Từ thuở cha sanh mẹ đẻ tới nay, tôi chẳng hề biết đếm tiền. Gọi Danh mới biết Dạ Lan lộn tôi với ông chóp be bên Việt Nam “Thôn” Tình, con ruột ngài cựu Thủ Hiến Nam Việt! *Lộn sòng, trời đánh!*

Nhưng rồi, nhờ sự dàn xếp của Thứ, tôi cũng cần kệ Dạ Lan. Em và tôi càng lúc càng khấn khít dữ dội. Một bữa em điện thoại tới chỗ tôi làm:

-“Tổng” Lộc hả? Đêm wa cung sung sướng há! Sáng nay em còn bần thần, ê ăm mình mẩy. Đồ qui! Kiêu cọ tẩn thân luôn! Cung đau lưng dữ lắm hông? Nhớ ăn tắm bổ nhiều nhiều nghen. Em chờ cung ở Ritz tới nay đó!

-Allô? Cô nói gì tôi chẳng hiểu gì hết! Tôi là Phụ tá...

-Thôi đi tía non! Đừng có “mần tuồng” nữa, được không? Em quạu lên bây giờ đó. Đừng bắt em chờ lâu đa. Đúng 8 giờ tối nhé! Bái bai...

Tội nghiệp ông phụ tá của tôi. Ông hằm hằm đẩy cửa văn phòng vào gặp tôi, phân trần có ai điện thoại vào quấy rối cơ quan và đề nghị tôi chỉ thị Ban Thanh tra tìm hiểu sâu rộng nội vụ để truy nguyên kẻ phá hoại (!?)

Tôi cười thầm. Ông đâu biết tôi đã cho Dạ Lan số điện thoại của ông. Ai biểu ông trùng tên với “chef” chi! Dẫu sao ông cũng “đã” được ba mươi giây, vì người đẹp vô tình tỉ tê cho ông nghe vài pha cụp lặc khỏi trả tiền. *Thính dâm!* Lâu lâu mới được ăn ốc để người khác đồ vô. *Vui này đã bỏ đau ngấm xưa nay! Lộn sòng... đỡ đạn!*

Bận khác, có người nhờ cô thủ quỹ phòng tập Tự do đưa tôi một thư tay. “Chó con, cục cưng của em!, thư viết, Em muốn một lần nữa thân xác bầu vú chó con, tâm thần em chết điếng trong *tiếng rên ư ử* của chó con...” Người tôi hùng hực lửa khi đọc tiếp đoạn kể. Ông phụ tá “nhĩ dâm” mà bắt tôi đang ngờ nghếch với lá thư trong tay, chắc sẽ trả đũa tôi “thị dâm”! Tôi, chó con... rên ư ử? Phần nào thôi chó em! Tuy ngờ ngờ cái gì “trật chĩa”, tôi vẫn đến điểm hẹn (hiệu kem L’Impériale, đường

Tự Do) như tác giả “đâm thư” yêu cầu, dù tôi chẳng rõ dung nhan mùa hạ của em ra sao. May thay, trong số khách ăn cà-rem hôm đó, chỉ có một cô trông rất “angélique” ngồi cu-ki. Tôi rề rề lại trình thư cho mỹ nhân. Cô em Bắc kỳ nho nhỏ cũng dễ tính, mời tôi ngồi và nói ngay đang chờ một người tên Lộc thật, nhưng “Lộc” này “đô” con và gồ ghề hơn tôi nhiều (Trời mới hiểu những kẻ yêu nhau: bực con mà kêu là chó con!) Khi đã rõ sự nhầm lẫn vô duyên của cô thủ quỹ, em cười nhẹ, tình bơ nói: “Sự thể đã vậy thì... cho nó vậy luôn! Âu cũng là số kiếp”. Ai ngờ câu nói vô tâm của em lại thành sự thật. Một thời gian dài, tôi muốn mặt kiếp luôn vì em. *Lộn đĩa... tưởng ngon xơi, ai dè lãnh thọ dài dài!*

Đang dở sống dở chết vì viên thuốc độc có bọc đường, qua tặng bất ngờ, như đùi gà rút xương chấm muối tiêu sẵn, từ trần nhà rớt vô bâng hòng mình, một bữa, tôi lại nhận một thư tay khác do văn phòng trường tôi dạy chuyển giao. Thư viết “Thằng chó đẻ! Đồ xỏ lá ba que! Mày đẻ con nít trong bụng bà rồi bỏ trốn hả? Bà chờ mày đúng một tháng nữa. Mày không giải quyết ổn thỏa, bà sẽ cho đàn em đâm mày bỏ mẹ.” Ký tên *Cathy xù*. Tôi tá hỏa tam tinh, tra vội tự điển trong đầu. Và yên tâm thấy chẳng có cố nhân nào có cái tên xù lông dữ vậy (Tổ cha nó! Hết chó con tới chó đẻ!). Rồi chợt nhớ trong lớp tôi dạy có một tay bụi đời vừa bỏ học, trùng tên, trùng họ, trùng luôn chữ lót với mình. Tuy vậy, để phòng hờ bà xẹt bắt từ, tôi vẫn kè kè theo cây dù mà cán đã được biến chế thành dao bấm. *Lộn sông... nẩy lửa, có thể bị lòi ruột như chơi!*

Thế nhưng “động mà qua”. Tôi hơi yên bụng thấy lâu lắm rồi không có vụ “lộn sông” vì cái tên “duyên số” của mình nữa. Nhưng rồi hè đỏ lửa, hiệp định Paris, đứt phim, “đăng ký học tập” tuần tự nối tiếp nhau như một ván cờ sắp đặt trước:

Bước vô trại cải tạo, tôi tưởng chắc đã xù bài, được nghiệp chương lộn đĩa lộn sông vì làm lộn họ tên. Ai ngờ! Suốt bảy tháng liền, tên sĩ quan “chấp pháp”, do Bộ Nội Vụ gởi xuống tra hỏi tôi về... liên hệ cha con với ngài cựu Thủ hiến Nam Việt và về các bí mật trong Ngân Hàng Việt Nam Thương Tín! Tôi hết lời “thành thật khai báo” cha tôi là Lê Minh Châu (lại thêm một

cơ hội cho hấn hoành hợ: Tại sao cha Lê Minh mà con Lê Tấn?..), một ông thợ mộc nghèo. Từ xưa tới nay, tôi chỉ hành có hai nghề: nghề tay mặt là gõ đầu trẻ, nghề tay trái là giặc nói. Nghề nào cũng chỉ có *nói* chứ không có *làm*. Hấn vẫn không tin, khư khư quả quyết tôi man khai lý lịch. Hấn bảo tôi mô tả công việc hằng ngày của tôi. Tôi khai: “Tay mặt cầm cục phấn, tay trái cầm mùi lau, dưới chân là bục gỗ, trước mặt là đám học trò...”

-Thế sau *nưng* anh nà cái *rì*?, hấn ngắt lời tôi.

-Tầm bảng đen, tôi tình thật trả lời.

-Anh bôi bác *tré* độ hử? Hấn giận dữ đập bàn quát tháo. Anh không *tráp* hành nghiêm *trình* làm việc với cán bộ phải không? Cũng *rể* thôi. Biệt *ram* cho anh hết ngoan cổ. *Nê Tấn Nộc* mà không quan hệ với *Nê Tấn Năm* thì *niên* hệ *mí* ai?

Thời gian ba tuần nằm thui da trong “cô nếch”, tôi mới rõ ý của tên chấp cung: Hấn muốn biết sau tấm bình phong làm thầy giáo (mặt nổi) thực sự tôi làm gì bí ẩn (mặt chìm). May nhờ có ông phụ tá của ông Ngân Hàng (cùng nhót chung trại) lên nhận diện và xác nhận với bọn thẩm vấn tôi không phải là “chef” của ông, nếu không chắc tôi đã mập mình! Tôi quả có duyên với cha con ngài cựu Thủ hiến! *Lộn đĩa... Chó má!*

Đã hết đầu. Khi ra trại cải tạo, tôi cố gắng tìm phương tiện chạy lên Lái Thiêu thăm Danh trại gà năm xưa. Tuy tiếp tôi niềm nở, nhưng Danh không được vui. Vô lai rai ba sợi, Danh lôi ra một xấp báo Tin Sáng có đăng một loạt bài bốc thơm chế độ (ký tên Lê Tấn Lộc!) thấy lên bàn, hăm hực lớn tiếng: “Vậy là hết ý kiến. Hồng lễ tao cấm cửa mày. Thằng Thứ mà đọc được, chắc nó trốn trại ra kiếm mày. Bọn bè ai nấy đều chung hừng...”

-Trời đất! Nghe tao nè Danh: Tao mới ra tù có mấy ngày, mày biết không? Trong tù tao có đọc mấy bài này, đăng cách đây hai ba năm. Có thằng cũng dạy Triết (đâu ở miệt Hậu Giang) trùng tên họ với tao. Nó bây giờ là ủy viên ủy hòn trong Hội tri thức yêu nước yêu cát gì đó. Mày mà nghĩ tao “ba mươi” còn chửi tao nặng hơn là tưởng tượng tao “pê-đê”!

-Tao đã hồ nghi có thằng đội lốt mày hoặc trùng tên họ với mày. Thấy nó chêm bậy bạ ba cái tiếng Tây ba xì ba tú, trật lất

tao đã nghi nghi. Cũng may. Nếu thật mày viết mấy cái thứ gì rách đó, chắc tui tao đội quần hết cả đám.

Lộn sòng... bể mặt!

Đến lúc định cư ở Montréal, cái nghiệp dĩ trùng tên vẫn chưa buông tha tôi. Một đêm, ông bạn cùng sinh hoạt cộng đồng kêu điện thoại báo có người loan tin tôi nói dốt. Lý lịch tôi kê khai để nhập hội hoàn toàn láo khoét: Tôi chỉ là tên giáo quèn dạy trường Nông Lâm Súc ở Bình Dương, chẳng hiệu triệu hiệu tráng, trường khu trường môn, “bọt bon” xọt biếc gì ráo. Lại trùng tên nữa! Trường tôi quả có sát vách với trường Nông Lâm Súc, nhưng tay Lộc kia, khi ở Biệt Động Quân bị thương động não, đầu cứ chút chút lại lắc lắc, nên có hên danh là “Lộc lắc”. Để phân biệt, khi xưa bè bạn gán cho tôi cái tước hiệu khó khá là “Hiệp sĩ say”. Qua bên này đại dương, “lắc” hay “say” gì cũng rửa. Lắc lư hay say sưa gì cũng “mâm xôi” (même chose). Người tung tin tuy cũng là thầy giáo, nhưng ở ngành kỹ thuật, Lúc giáp mặt với tôi, anh ta mới biết mình lộn: “Ông này đâu phải “Lộc lắc”, bạn tôi!” *Lộn sòng... sẵn mình và te tua*, vì nó trùng hợp với thời điểm tôi bị khủng hoảng tinh thần trầm trọng!

Lần chót có sự lằm lộn nữa (mong thay) là lúc tình cờ tôi gặp lại đứa học trò cũ, năm cuối ở Sài Gòn, trước khi hạ màn, nam sinh, xin nói rõ, kẻ lộn nữa, khi đời tôi đang đà xuống dốc thảm thương trên xứ tuyết.

-Em tưởng thầy đã chết lúc “đứt phim”, người học trò cũ bùi ngùi kể, nên em đã lấy tên họ thầy đặt cho đứa con đầu lòng của tui này, để mỗi lần gọi tên nó em nhớ tới thầy... Lê Tấn Lộc!

Rất thương yêu xin nhớ gọi dùm tên! *Lộn đĩa... mát lòng!*

Lần trùng hợp thứ mười ba sắp tới, nếu có, chẳng rõ định mệnh sẽ dành cho tôi sự ngạc nhiên nào đây, tuyệt vời hay thảm nào: Một cố nhân được nữ thần Fortuna đãi ngộ đúng mức, leo lên tới tột đỉnh danh vọng làm Đệ Nhứt Phu Nhơn một vương quốc ở châu Phi, chợt nhớ tới “người xưa” (ngẫu nhiên trùng tên với tôi) mà chạnh lòng triệu hồi lộn tôi sang cho hưởng lộc trời chăng? Hoặc giả một cố nhân khác, đã nuôi hận nghìn đời với “kẻ bạc tình”, chợt nhớ phải rửa nhục bên thuê người treo non vượt biển, lội suối băng rừng đến tìm tôi thanh toán lằm chăng?

Hồi cổ nhân chưa hề quen, nhưng biết đâu sẽ gặp vì “lộn
đĩa!! Chúng ta vốn vô can trong sợi dây oan nghiệt “ơn đền oán
trả”, duyên phận cũng không mà duyên nợ cũng không. Nhưng
duyên kiếp, duyên số có lẽ sẽ phải còn vương mắc nhiều oan trái,
bởi cứ:

*Lộn làm làm lộn lộn làm
Lộn lẽ mấy phát, lộn làng mấy phen
Nửa đêm tối lửa tắt đèn
Lộn liên lần nữa, oan khiên kiếp nào!*

-
- (1) Vĩnh Long, đọc trại Vãng Long để tránh Phụ Húy
Vĩnh Thụy, tên tộc của Cựu Hoàng Bảo Đại.
-



Dãy lầu Bắc (đường Ngô Quyền) hình thành từ năm 1918.
Sau đó dãy lầu này được cất nối tiếp thêm năm 1968 để đáp ứng
nhu cầu gia tăng sĩ số học sinh.

VÀO NƠI GIÓ CÁT

Nguyễn Tấn Hưng

Từ ngày có duyên may gặp gỡ Hồ Điệp, có cơ hội để mắt đến Tường Vi, cũng như có dịp làm quen với những cô gái khác ở lứa tuổi xấp xỉ em mình, duyên dáng và đáng yêu hơn... người trong mộng, Hiếu đã lần lần thay đổi vị trí, thái độ với Hoài Hương. Chàng đã thật sự muốn coi Hoài Hương như là chị kết nghĩa, đúng với cái nghĩa trung thực của nó. Mà kể ra đóng vai em cũng có lợi lắm, Hiếu nghĩ! Vì không có người chị nào lại không thích bảo bọc cho em! Quà cáp và tiền bạc, hiển nhiên là chuyện rất thường tình. Nhứt là từ khi chàng sắm được chiếc xe gắn máy hiệu Mobiclette bình vuông, xăng nhớt coi như đã có người sẵn sàng yểm trợ trong những chuyến đi xa!

Thình thoảng Hiếu vẫn lang bang theo Khúc, Phan Điệp Khúc, về nhà hai bà chị Dương Châu, Hoài Hương chơi và đôi khi ăn cơm, ngủ đêm lại đó. Đây là ngôi nhà lá năm gian, nền tráng xi-măng, lợp lá, vách ván, rộng rãi khang trang cất theo kiểu đưa đầu song ra ngoài lộ, đường Trịnh Hoài Đức, thị xã Mỹ Tho. Nguyên gian đầu được lấy làm phòng khách. Sa-lông nệm mút và tủ búp-phê cửa kiếng, tủ đứng bằng gỗ quý chung bày la liệt trông rất là sang trọng, giàu có. Trên vách cũng như trên đầu tủ và mặt bàn đầu đầu cũng có ảnh và tượng Chúa, Đức Mẹ đồng trinh. Ngay giữa phòng, một hành lang dài được mở ra, chạy xuyên qua ba gian nối tiếp, với sáu phòng ngủ nằm hai bên dành cho gia đình con cái. Gồm hai ông bà già, hai bà chị Dương Châu, Hoài Hương, và ba đứa nhóc mới biết đạp xe đạp, mới biết chạy bộ, mới biết đi lững cừng đã lục tục rời ra khi ông già từ già bùng biển, cách mạng để trở về thành. Đừng nói người Minh Hương không tham gia kháng Pháp, cứu nước mà làm. Sau cùng, cái hành lang thông thương đó lại trở ra ngay giữa gian cuối dùng làm nhà bếp. Phía sau nhà có trồng nhiều mía, chuối, cam, quýt và rau cải.

Bởi chỗ chơi thân với nhau lâu ngày nên lần lần Hiếu biết rõ dụng ý của ông bà già. Sở dĩ ông bà cất một lô năm căn liền tù tì như vậy là vì trong tương lai, ông bà sẽ sửa sang lại, ngăn vách

đâu ra đó dựng cho mướn. Một khi ngôi “lâu đài tình ái” với kiểu vờ do chính tay ông vẽ lấy, giống giống như một tòa nhà cổ kính của lính viễn chinh Pháp ngày xưa, sẽ được xây cất xong. Gồm nền đúc đá xanh cao tới ngực, cột xây xi-măng cốt sắt, tường tô hồ, lợp ngói âm dương, và có cột thu lôi trên chóp đỉnh. Dự án này sẽ được hoàn tất trong nay mai trên mảnh đất trống giồng, hiện thời trông toàn là cà nâu, nằm đối diện bên hông phòng khách.

Mà sở dĩ ông bà già định chơi trội so với láng giềng bà con cô bác quanh vùng là tại vì ông bà có tiền. Thứ nhứt phá sơn lâm, thứ nhì đâm hà bá, một đàng là tiền rừng, một đàng là bạc biển... và ông đã không ngần ngại chọn cho mình cái nghề thứ nhứt: nghề làm cây trên rừng. Mỗi chuyến đi rừng của ông trung bình đầu cũng cả tháng, cho nên không mấy khi Hiếu gặp mặt ông, một ông bác đứng tuổi tóc hoa râm, bụng phệ như chú ba tàu lai, mặt gộc. Mà có ông về thì mất vui, vì tánh ông có vẻ nghiêm khắc, không cởi mở với con cháu. Những ngày có mặt ông, từ lớn đến nhỏ ai nấy đều xếp ve, ăn nói nhỏ nhẹ rụt rè. Riêng phần Hiếu, nếu đụng mặt ông thì chàng tìm cách vọt càng sớm càng hay...

Đêm nay, trong khói hương nghi ngút tỏa ra từ ba cây nhang trầm cắm trong chén gạo, cả bọn đang lim dim nhắm mắt nghe Hoài Hương ngân nga, lâm râm khấn nguyện bằng những câu thơ:

... Mỗi người một nghiệp khác nhau
Hồn xiêu phách lạc, biết đâu bây giờ
Hoặc hồn ẩn dọc bờ, dọc bụi
Hoặc hồn nương ngọn suối, chân mây
Hoặc là bụi cỏ, bóng cây
Hoặc là cầu nợ, quán nầy bơ vơ
Hoặc hồn tựa Thần từ, Phật tự
Hoặc hồn nương đầu chợ, cuối sông
Hoặc là thơ thần đồng không
Hoặc nơi gò đồng, hoặc vùng lau tre
Mấy thu chịu nhiều bề thấm thiết
Dạ héo khô, gió rét căm căm

*Dãi dẫu biết mấy trăm năm
Khóc than dưới đất, ăn nằm trong sương
Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn
Tắt mặt trời, lẩn thần dò ra
Lôi thôi ăm trẻ, dất già*

Có khôn thiêng hời, lại mà chứng minh... (*) chúng tôi thành tâm cầu khẩn các vị khuất mặt khuất mày quanh quẩn đâu đây, xin hãy về ngay, trước là trà nước cháo rau và sau đó nhập vào bàn cơ này để chúng tôi có đôi lời muốn hỏi...

Bốn ngón tay trở chụm vào miếng cơ làm bằng ván hòm, cắt theo hình trái tim, vừa được rửa sạch sẽ bằng rượu đốt, *alcohol*. Miếng cơ này do Hiếu tự làm lấy và đã sử dụng rất nhiều lần từ mấy năm qua. Đến nỗi mặt trên trông có vẻ sần sùi như vậy nhưng mặt dưới thì láng lẩy như gỗ mun được đánh bóng. Đó là thành quả của một chiều mưa gió ùng ùng, cả bọn ngũ qui gồm đủ Tài, Thịnh, Khúc và Hiếu cùng kéo nhau đến nhà Hòa, Lê Phú An Hòa, để rú nhau vào đất Thánh Tây tìm mả lạng, ván trôi. Phải đào lên trong cơn giông tố bão bùng, sấm sét bủa giăng thì cơ làm mới linh, không biết tên nào đã đưa ra ý kiến quái đản đó, bây giờ Hiếu đã quên mất! Mà thiệt, miếng cơ của Hiếu làm linh lắm! Có thể vì không phải lấy từ nắp hòm hay vách hông mà là đáy hòm, ngay tại vùng đỉnh đầu, nơi hồn xiêu phách lạc xuất nhập từ cõi âm. Đã vậy, không biết cái hòm đó của ông Tây bà Đầm nào chịu chơi hết sức, đã nhiều lần không quản ngại đường xá xa xôi, rú bạn bè của mình tận chốn phương Tây, có cả Victor Hugo, Rimbaud, Verlaine về làm thơ tình bằng tiếng Tây đọc điếc con ráy luôn, vì bọn Hiếu chỉ hiểu lơ mờ.

Thường ngày chỉ cần dứt câu *có khôn thiêng hời, lại mà chứng minh...*, hoặc một hai phút sau lời khẩn vái thì miếng cơ mở máy chạy vù vù trên bàn cơ đã có vẽ sẵn vòng chữ mẫu tự ABC hình cong cong như trái chuối tả quạ. Bữa nay mắc chứng gì không biết, lạ quá, hình như điển lực của Dương Châu, Hoài Hương, Khúc và Hiếu đã tản mát nơi đâu mà hơn năm phút qua, miếng cơ không chịu nhúc nhích chi hết. À, Hiếu hiểu ra rồi, rõ ràng là bà Hương nói thiếu một câu quan trọng. Phải nói “Nam mô A di đà Phật” trước khi “chúng tôi thành tâm cầu khẩn...”

nhưng tại vì bà là người công giáo, mê xây cơ đã là quá lắm rồi, nói chi đến mấy chữ thuần Phật giáo đó, coi bộ hơi ngượng miệng, tội lỗi là cái chắc! Chàng rút tay ra, nói giả lả, nhắc chừng chuyện khác:

- Hê, nôi chè chín chưa chị Hương? Có lẽ kỳ này thánh thần, ma quỷ không tin lời khấn nguyện của chị rồi. Họ sợ chị hứa ầu đó! Mọi khi mình có thèo lèo cút chuột làm quà, bữa nay có chè mà... xui quá, chưa ai chịu đi mức lên hết.

Tất cả thu tay về, Hoài Hương nháy mắt sang chị mình:

- Đi đi bà Châu, Hiếu nó nói đúng đó! Nhớ đi nhẹ nhẹ nhen bà, để lờ lử nhỏ bên kia phòng mà thức dậy thì kể như hỏng hết mọi việc.

Hiếu biết là chị Hoài Hương đang sợ ma. Mà cũng lạ, tuy bà là người sợ ma nhưng bà cũng là người hay đề nghị xây cơ nhứt. Và luôn luôn kéo mọi người về xây cơ trong phòng mình. Vì khi cơ chạy rồi thì còn lâu mới sai bà đi đâu được. Bà ngồi riết một chỗ trong góc, cho tới khi đi ngủ. Cùng lắm, nếu có đi đâu thì cũng phải rủ Hiếu đi chung. Chị Dương Châu trả lời:

- Nôi chè mới bắt lên bếp chưa tàn cây nhang, đâu đã chín mà kêu mức lên mức xuống!

- Ôi, kệ nó mà! Chỉ có đậu xanh, khổ tai, bột bán... thì cho họ ăn sống sống một chút cũng không sao. Mình sinh bụng chớ họ đâu biết sinh bụng là gì. À, nhớ nhẹ tay với chén bát một chút nhen bà, không khéo bị bà già phát giác, rầy la cho một mách thì lại thêm phiền!

Khúc nói vô:

- Đi đi chị Châu! Nếu chị sợ ai đó hớp hồn chị bắt từ thì để thằng em đi theo yểm trợ cho.

Vừa nói xong Khúc đứng dậy nắm tay Dương Châu kéo đi.

Còn lại hai người, dưới ánh sáng lung linh mờ ảo phát ra từ chiếc đèn bong bóng lớn để trên đầu tủ lũng, Hiếu nhìn Hoài Hương như ngây như dại. Thì ra bà cũng đẹp, cũng dễ thương đó chớ! Hèn gì cũng lắm đũa theo! Chỉ cần cái khuôn mặt thon thon với nước da mịn màng sáng sủa, cái sóng mũi dọc dừa nhỏ bé, cùng đôi môi chúm chím như lúc nào cũng cười là đủ rồi. Đã vậy, lại bày đặt bận thêm cái áo ngắn sát nách đến vai, đưa

nguyên cánh tay dài nảo nuốt. May là cổ áo cắt theo kiểu sơ-mi con trai, không phải loại hở ngực vừa rộng vừa sâu như áo tắm, nên cũng đỡ... Mà ngay bây giờ, ngay giây phút này đây đúng là cơ hội thuận tiện đã đến, để Hiếu có thể giúp Tài, có thể làm tròn nhiệm vụ do thằng bạn thân của mình cân trọng giao phó. Phải trao liền cái lá thư tỏ tình, với những cánh hoa màu hồng nhạt trên gốc trái, đang nằm sâu trong túi quần của Hiếu. Nhưng chẳng biết sao, chàng vẫn ngần ngừ chưa muốn ra tay. Có phải chăng Hiếu đang bị sự hờn ghen chi phối? Chàng không thể tìm ra câu trả lời!

Không như thời gian trước đây, với sự biểu đồng tình phần nào đó của Hoài Hương, Hiếu vẫn hay lợi dụng những giây phút riêng tư như thế này để đụng chạm thịt da! Tay khều tay, chân dẫm lên chân dựa vào một duyên cớ không chính đáng gì cho lắm! Một con muỗi tưởng tượng đang chích trên bả vai ai chẳng hạn! Nhưng lần này chàng tìm cách đánh trống lảng:

- Để Hiếu mở cửa sổ cho mát mát chút nghen chị Hương. Ở trong này coi bộ nóng nực quá.

Hoài Hương chẳng nói chẳng rằng, choàng tay bó gối, ngồi lặng im thín thít. Đôi mắt mơ màng ngó mông vào khoảng không trước mặt! Có một đôi thay nào đó từ phía Hiếu chẳng?

Cánh cửa sổ làm bằng khung cây, đóng ván thẳng đứng như ván bồ kho, được gắn chặt vào vách bằng hai cái bản lè bên trên nóc cạnh. Khi xụp xuống, bên ngoài nhìn vô, thấy y như một tấm bồ kho liền lạc. Hiếu chỉ cần lấy cây song chõai cạnh dưới ra xa là xong. Bên ngoài mé hiên trời tối đen như mực, gió phả lên người, lòn vào phòng mát rượi. Đó đây còn nghe tiếng xào xạc của cành lá chạm vào nhau. Một cánh vạc lạc bầy bay ngang, kêu oang oác thất thanh trong đêm vắng...

Không bao lâu, bỗng có tiếng ồn ào của chị Dương Châu:

- Đây, có chén chè đây, con quí! Làm biếng nhót thây! Lần nào xây cơ cũng vậy, nó kiếm đường ngồi tuốt trong góc kia!

Đỡ lấy chén chè nóng, khói hương nghi ngút đặt xuống cạnh cái "ư nhang", rồi chẳng phân nản gì những lời Dương Châu vừa nói cả, Hoài Hương chỉ biết hồi:

- Thôi mà, lẹ lẹ ngồi xuống bàn đang tắt đèn làm lại, hết ngày hết giờ mà còn ở đó trách với móc, bà giỏi dữ. Á, kỳ này để cho Hiếu khăn vái đó, chị không thêm cầu nguyện nữa đâu.

Không gì trở ngại hết! Mà cũng không cần phải ngâm nga theo lời đưa đám ma như chị, để Hiếu đọc thần chú trong âm thầm là đủ. Nhưng tất cả nên nhớ là phải tập trung tư tưởng, để hết tâm trí của mình vào việc lớn mới được à nghen. Xong chưa, một, hai, ba...

Hiếu đọc thầm bài thơ, đâu được bảy tám câu chàng chợt quên lửng nửa chừng, đành phải ngưng ngang lên tiếng:

- Miếng giấy chép bài thơ đâu chị Hương, mau mau đưa đây, Hiếu không thuộc bài.

Cả bọn buông tay, ngả người ra sau, cười ngặt nghẽo. Cười tróc mỡ sa, cười ra mỡ bụng, nhất là Hoài Hương. Trong nước mắt ràn rụa:

- Trời đất ơi, bữa nay coi bộ tổ trác! Đi lại mở ngăn tủ bàn viết của chị đằng kia kìa, Hiếu ơi...

Hiếu đứng dậy bước lại kéo hộc bàn, “thình” bài thơ để ngay trước mặt. Chị Dương Châu phen nản:

- Thôi nghen, lần này đừng ai đùa giỡn nữa!

Hiếu trình trọng bật hộp quẹt đốt thêm ba nén nhang mới. Bốn ngón tay lại hân hoan chụm vào một chỗ. Hiếu lâm râm khăn vái và chẳng bao lâu miếng cơ di động, chạy từ từ.

Mọi người mở mắt ra, Hiếu hỏi trước:

- Xin ngài làm ơn cho biết danh tánh!

Cơ chạy nhanh dần, rà lên mặt chữ ABC và năm dấu, sắc huyền nặng hỏi ngã. Cũng như những chữ “Giáng”, “Thăng”, và bảng kê thứ loại linh hồn sống trong cõi vô hình “Thánh, Thần, Tiên, Quỷ, Ma.” Tốc độ cơ càng lúc càng tăng.

Rồi từ từ ráp chữ:

- Ta là Nam Cực Lão Ông!

Khúc ra về ta đây hiểu biết:

- Nam Cực thì chỉ có Nam Cực Tiên Ông chứ sao lại Nam Cực Lão Ông? Chẳng hay Lão Ông thuộc về thành phần nào, Tiên hay Thánh vậy?

Cơ chạy xẹt đến bảng phân loại, dừng ngay tại chữ:

- Quì!

Hoài Hương ré lên:

- Á, ghê vậy! Nhưng mà..., hiện thời ông đang sống ở đâu?

Cơ tà tà ráp chữ, tiết lộ tung tích:

- Ta hiện đóng đô ở gốc cây trôm phía bên kia đường!

Khúc lại không đồng ý, phân trần với bạn:

- Ở bên kia đường làm gì có cây trôm, hả mậy Hiếu? Nam

Cực Lão Ông xạo hoài!

Cơ tức mình chạy nhanh, ráp chữ đáp lời:

- Ta không xạo!

Hiếu cho biết:

- Có cây trôm thiệt đó chứ! Nhưng xít xuống xóm em út của bà Sáu Gà một chút, bộ mầy không nhớ à?

Hoài Hương coi bộ hơi hoảng vía, xen vào:

- Thiệt vậy hả Hiếu? Thôi, Nam Cực Quì Ông làm ơn thảng đi cho con nhờ!

Cơ giận dữ liền xẹt vào chữ “Thắng” mất dạng. Hiếu cần nhân:

- Ê, cái bà này làm người ta cực hứng! Chưa hỏi được Quì Ông câu nào hết mà đã đuổi cổ ông đi! Đã vậy không lịch sự mời người ta uống hớp nước trà, ăn muổng chè cháo gì ráo trước khi cho người ta dời gót. Làm như vậy mang tội chết ghen!

Hoài Hương chanh chua:

- Thôi đi Hiếu ơi, thiếu gì người nói chuyện, ai lại đi nói chuyện với quì với ma chứ?

Chị Dương Châu giải bày, lý sự:

- Cái con nhỏ này kỳ cực quá, thì ở cỗi âm ty cũng như ở cỗi dương trần, hễ có người vậy thì phải có người khác! Đừng nói quì ma mà xa lánh người ta! Vì coi chừng, có những thứ quì ma hiền lành hơn những hạng thánh thần ác độc!

Hoài Hương cắt ngang:

- Thôi, làm ơn đừng nói nữa, bà! Hãy im lặng giây lát xem có oan hồn uổng tử nào nhập vô nữa không?

Cả bọn lại lìm dìm, tựa hồ như mơ ngủ.

Mặc dù với đầu óc ưa chuộng khoa học, nhưng cho đến bây giờ Hiếu không thể giải thích tại sao miêng cơ lại có thể chạy

xung quanh bàn cơ được! Vì điện lực và từ trường phát ra trong người? Cũng có thể đó, nhưng đâu có mạnh dữ vậy! Vì từ trường hướng dẫn hành động? Cái này có vẻ siêu hình, trừu tượng quá! Nhưng mà, bất cứ ai ai nếu đã có một lần xây cơ, thì đều phải công nhận rằng: ở ngoài cõi đời ô trọc này còn có cái cõi đời vô hình huyền bí. Đúng vậy! Hay, nói theo thuyết bất nhị, thì hai cõi đời kia chỉ là một cũng nên! Chỉ tại vì con người vốn là phàm phu tục tử, mắt thịt tai trần thì làm sao mà nghe thấy được những gì cần phải nghe thấy. Và đó là điều phải mặc nhiên chấp nhận, như một định đề, không cần hoặc không thể chứng minh. Và lại, cần gì phải chứng minh, cứ xem cái cơ đã bắt đầu chuyển động kia kìa...

Lần này Khúc giành hỏi trước:

- Xin hôn cho biết thánh thần hay là qui ma vậy?

Cơ trả lời ngay:

- Thần!

Xin thần cho biết danh tánh?

Cơ chạy nhanh, rập vắn:

- Thành Hoàng Ấp Bắc!

Khúc cũng không tin:

- Quanh thị xã Mỹ Tho này đâu có Ấp nào gọi là Ấp Bắc!

Vậy chứ Ấp Bắc ở đâu vậy, thưa thần?

Cơ chạy vòng vòng mà không chịu trả lời Khúc! Ấp Bắc? Hiếu nhớ mang máng hình như có cái địa danh đó, nhưng chẳng biết nó nằm đâu. Ở miệt Cai Lậy, Cái Bè thì phải? Và là tên của một trong những khu trù mật, dinh điền mới thành lập cho dân di cư! Nhưng tại sao có chuyện phải giữ bí mật kia chứ? Chẳng lẽ thần ta lại sợ tiết lộ tung tích của mình thì lũ học trò này sẽ rủ nhau kéo đến đó phá làng phá đình của thần hay sao? Nhứt qui, nhì ma, thứ ba học trò mà! Nhưng, bỗng nhiên, Hoài Hương hỏi sang chuyện khác:

- Chẳng hay cuối năm nay con thi đậu không vậy, thần?

- Chà, bà này lo lót cho thần dữ ha, xưng con ngọt lịm, Hiếu nhủ thầm. Nhưng không phải ăn gian và hối lộ với thần mà được thần cho toại ý đâu. Vì cơ nhong nhong chạy rập thơ như vậy:

Học tài thi mạng,

*Hồng nhan đa truân,
Thiên cơ bất khả lậu!*

Hê, rõ ràng thần ta chơi xấu, ăn hiếp người đẹp quá. Chẳng đáng dừng, để binh vực bà chị, Hiếu giõn cột xen vào:

- Ông thần cà giựt này nói chị thì rớt đó chị Hương! Mà này, xin hỏi thần vậy chớ đáng phu quân tương lai của chị Hương tên gì vậy?

Hoài Hương giẫy nảy:

- Á, Hiếu hỏi chuyện chi tầm bậy quá? Chị không chịu đâu!

- Ê, đừng có rút tay ra ghen chị Hương, làm vậy nó mất linh. Coi kìa, từ từ, để cơ ráp chữ xem nào!

Hiếu có ý định sẽ đẩy cái cơ ráp chữ theo ý mình. Cũng nên qua mặt thánh thần một chút chớ, chàng nghĩ!

Mà thử hỏi, cõi huyền vi kia thật sự đang được chủ động bởi ai? Đáng thiêng liêng, hoặc nói khác, Đức chí tôn tối cao nhất chắc phải là ông Trời! Rồi mới tới Phật, Chúa, Tiên, Thánh, Thần, những người nói chung coi như có phép thần thông quảng đại, đang thông dong cùng mây gió nơi chốn tiên bồng, tận chín tầng không. Kế đến, loài người lúc nhúc trong cõi ta bà này. Và sâu thẳm dưới kia là mười tầng địa ngục với đầy đủ nạ quỷ, súc sinh. Đại khái như vậy!

Ngẫm nghĩ lại ông Trời cũng ác độc thiệt, ổng đã phái không biết bao nhiêu người xuống trần để cứu nhân độ thế, lập không biết bao nhiêu mối đạo để răn dạy người đời làm lành lánh dữ mà lại cứ dửng dưng, đùa giỡn một điều: cho hồn ma ăn cháo lú trước khi đầu thai. Phái chi ông Trời đừng làm vậy thì mọi người trên cõi đời này, không cần khuyên bảo, đều tự biết mình phải làm gì ngay! Rồi những Phật, Chúa cũng như Tiên, Thánh, Thần kia coi bộ cũng ích kỷ không kém: có mỗi cái điển quang thấy được mọi giới mọi tầng, luôn cả cõi vô hình, mà cứ khư khư giữ lấy làm của riêng. Phái chi các ngài đừng làm vậy thì mọi người trên cõi đời này, khỏi cần dụ dỗ, đều không ai không muốn mình được lên thiên đàng, khi đã nhìn ra cái địa ngục ma chê quỷ hờn, đối khổ rách rưới kia.

Ý, mà nói vậy chớ không phải vậy! Sắc tức thị không, không tức thị sắc kia mà! Vì lẽ có tên nào đó các có không chịu

nghĩ như Hiếu, thì sao? Nếu hấn muốn tìm hạnh phúc trong thú đau thương, muốn được ngụp lặn trong chốn bùn nhơ, tanh tưởi kia thì phải xử như thế nào? Cũng phải lắng nghe tiếng nói và thỏa mãn đòi hỏi của hấn chứ! Nhứt là, nếu hấn đại diện cho một đám đông!

Khó hiểu quá! Mà thử nghĩ, con người ta phải sống ra sao nếu cùng lúc thấy được bóng dáng tiên đồng ngọc nữ trên cao và nanh gút dạ xoa quỷ dữ dưới thấp, kể cả những con siêu vi trùng đang ngo ngoe tìm đường sống? Chắc phải chết sớm quá! Vì sẽ có người ăn không dám ăn, ngủ không dám ngủ, chơi không dám chơi, thờ không dám thờ!

Có lẽ sự ảnh hưởng tâm linh của Hiếu trên cái cơ rất mạnh. Vì mỗi khi Hiếu do dự, phân vân không quyết định được điều gì thì cái cơ kia cứ chạy vòng quanh, không ngừng lại một chữ nào, một dấu nào hết! Bây giờ, Hiếu sực nhớ ra là mình có bốn phận phải “gả bán” Hoài Hương cho bạn, cho Tài. Vì nó đã lậm bùa mê thuốc lú, ăn ngủ không yên. Tình yêu là vậy, khổ đau thương nhớ. Tương tự là kia, xanh xao vàng vố. Đã bao lần Tài mở lời nhờ Hiếu mỗi mai. Được, chàng sẽ cho bạn mình toại nguyện.

Trong âm thầm, Hiếu liền dùng chỉ lực ấn mạnh, trì kéo mũi cơ hướng về chữ... T. Xong, mọi người đồng ý ghi nhận chữ T. Chỉ cần hai chữ và một dấu nữa thôi: A, I và dấu huyền. Nhưng, có lẽ bằng một linh tính sẵn có nào đó, Hoài Hương vội lấy tay che mắt. Nhưng Hiếu biết rõ hơn ai hết, đôi mắt nai tơ kia vẫn tiếp tục theo dõi kỹ càng qua kẽ hở của ngón trỏ và ngón giữa. Vì không làm như vậy thì ngón tay vịn vào cơ sẽ rơi xuống bàn cơ. Miếng ván hình trái tim xoay quanh đôi ba vòng rồi chỉ thẳng về hướng chữ... A. Mọi người tiếp tục nối vắn thêm chữ A, thành TA... Nhưng, bỗng dưng, Hoài Hương rút tay ra, than thở:

- Thôi, mọi tay quá rồi, ba người cứ xây tiếp đi...

Cái cơ đang chạy ngon trớn, bỗng trở nên yếu xìu, Hiếu gạt ngang:

- Cái gì? Bộ chị không muốn chị Dương Châu, thằng Khúc và Hiếu biết người tình không chân dung của chị là ai hả? Ý da, mà Hiếu đã đoán ra rồi, chị hết đường chối cãi rồi nghen!

Dứt lời, Hiếu cười ra tiếng. Hoài Hương phản đối:

- Hiếu ăn gian, chị không chịu đâu!

Hiếu chọc thêm:

- Đừng làm bộ, úi chà, coi chừng ghét của nào trời trao của đó đó!

Nhưng rồi Hiếu lại phân vân, tại sao chị Hoài Hương làm vậy chứ? Không lẽ bà chị đã “nặng tình” với mình đến thế hay sao? Mà thiệt ra, Hiếu cũng không hiểu nổi nỗi lòng của bà! Vì bà cũng bí mật lắm, ngoài Hiếu ra, biết bà đã quen đã thương và đã mến những ai nữa đây? Với Hiếu, tình của Hoài Hương dành cho chàng chưa hẳn là tình yêu. Ngược lại, với Hoài Hương, Hiếu cũng vậy, lơ lơ lửng lửng giữa ngã ba đường, tình yêu không ra tình yêu, tình chị em lại cũng không hẳn là tình chị em. Vì nếu là tình yêu, thì bấy lâu nay có lẽ cả hai đã đi đến tận cùng, mút chỉ rồi. Đâu mà dậm chân tại chỗ như thuyền đi nước ngược. Còn nếu là tình chị em, thì có lẽ không gần gũi thân mật đến là như vậy. So với chị Dương Châu kia chẳng hạn, khác xa! Mà thôi, chị Dương Châu cũng đang nhướng mắt, nạt vội Hoài Hương:

- Để tay vô con qui, không thấy cái cơ hết xí-quách rồi sao?

Hoài Hương đặt ngón tay lên cơ trở lại, đưa đề nghị mới:

- Thôi để cho bà Châu đặt câu hỏi đi!

Khúc vuốt lưng Dương Châu, phụ họa:

- Ủa, hỏi tiếp đi chị hai! Chần chờ gì nữa? Lại ông chồng sắp cưới của chị là ông tướng tài ba hay ông thiên lôi trật búa nào phải không?

Dương Châu đáp tình bơ:

- Ôi, ba cái chuyện lắm cẩm đó mình biết quá rồi, để chị hỏi chuyện khác quan trọng hơn...

Mọi người chờ đợi, lắng nghe. Suy nghĩ trong giây lát, Dương Châu nói tiếp:

- Xin thần cho biết bao giờ con lập gia đình!

Khúc bật cười vang:

- Trời đất qui thần ơi, hóa ra chuyện quan trọng của đàn bà, con gái chỉ là chuyện chồng con, chuyện đàn ông, con trai! Nhưng chị Châu thì coi bộ chịu chơi, dám nói công khai. Ha

ha... hoan hô hai tay. Không như chị Hương làm bộ rụt rè, e lệ. Ha ha...

Quả thiệt, Khúc nói đúng lắm, Hiếu nghĩ. Nhưng chàng chỉ cười thầm trong bụng, không dám cười ra tiếng tỏ cử chỉ đồng ý với thằng bạn mình, mà làm mất vẻ... trang nghiêm đi. Không đúng sao được khi sự thành bại của người đàn bà Á Đông nói chung, người đàn bà Việt Nam nói riêng, còn đặt nặng vào tài năng lèo lái của đức ông chồng. Chỉ cần một bước, con nhỏ gánh nước có thể trở thành bà. Và ngược lại, chỉ cần hụt một bước, chính bà đó lại sẽ rơi vào đáy giếng. Bảo đảm những nghi vấn, những thắc mắc lớn lao dành cho ông thầy bói, cho bà ngồi đồng, cho người giải sâm... của những cô gái đang thời mới lớn chỉ tụt chung vào bốn chữ: tình duyên, gia đạo. Chuyện xây cơ này cũng vậy, nãy giờ Khúc và Hiếu có thêm hỏi câu gì cho mình đâu! Chỉ có Hoài Hương và Dương Châu là những người mong mỏi và cần biết cái “tình duyên, gia đạo” tương lai của mình...

Và, dĩ nhiên, lần này Thành Hoàng Ấp Bắc cũng không gì phải dấu diếm hết đối với chị Dương Châu, thân ra tay chỉ đạo:

- Vào tuổi 22.

Mọi người để mắt vào Dương Châu, chờ đợi! Có lẽ bà chị đang tính nhẩm chuyện sang ngang của mình. Không mấy chốc, xong, Dương Châu hỏi tiếp:

- Xin thân cho biết người đó tánh tình, tướng mạo, tuổi tác ra sao?

Thôi mà, biết quá rồi hỏi mãi, Hiếu nhủ thầm. Ai lại không rành chuyện thâm yêu trộm nhớ... ra mặt của bà Dương Châu và anh chàng thư sinh quê quán xứ Thủ Thừa tên Dương Kinh Thanh ở trọ đi học ngoài đầu chợ, Chợ Cũ nói trắng ra. Cái anh chàng đang luyện thi Tú Tài đôi, năm thứ hai vì rớt đủ hai kỳ trong năm thứ nhứt. Cái anh chàng có thằng em trai tên Dương Năng Sáng, học cùng cấp với bọn Hiếu nhưng khác Ban, Ban ẹ nhứt cho đám con trai, Ban C, và khác sinh ngữ, sinh ngữ một Anh văn. Nhưng, người anh thì dễ ưa còn thằng em thì hơi khó chơi. Bởi cậu ấm Sáng nhà ta luôn luôn ra về ta đây, phách lối chỉ vì có ngón đàn ghi-ta hơi quái dị một chút: ngón đàn tay trái

mà lại quyến rũ, ngọt dịu. Những kẻ có tài thường hay có tật, Hiếu kết luận như vậy! Lẽ đương nhiên, không riêng gì Hiếu, mọi người đều biết rõ mối liên hệ tình cảm mật thiết giữa chị Dương Châu và anh Thanh, cho nên sức mạnh tâm linh như đã phần nào ảnh hưởng trên câu trả lời của cơ:

*Đương sự tuổi con rồng,
Sống đời đầu bạc răng long,
Giàu sang phú quý thì không!*

Tuổi con rồng thì quả trùng y chang. Còn hai vấn đề kia thì hà hồi phân giải, vì là chuyện tương lai. Nhưng, với ba câu thơ bất thành văn tự này số phận của chị Dương Châu coi bộ đỡ hơn bà Hoài Hương nhiều, nếu Thành Hoàng nói đúng. Gì mà “học tài thi mạng, hồng nhan đa truân, thiên cơ bất khả lậu!” Tội nghiệp người chị dễ thương hiền hậu của Hiếu quá! Thi cử thì lao đao, tình duyên thì lận đận, cái điều này bà dám uống thuốc chuột vào cuối năm nay lắm. Hiếu phải tìm cách khuyên giải, rằng, cuộc đời này vẫn đẹp như mơ, đừng tự tử bất ngờ ghen chị!

Nhưng mọi người đang lắng nghe Khúc phân giải ngọn ngành:

- Số chị Châu chẳng giàu sang phú quý thì phải rồi, ai biểu lấy chi cái tên học trò dài lưng tốn vải. Thôi, chị nghe lời Khúc đi, hãy đổi ý lấy đại cái ông thầy cãi hoặc ông chủ vừa, chủ hãng nào đó có hơn không...

Ngừng lại giây lát, Khúc đề nghị thêm:

- Mà như vậy, tại sao mình không để chị Hương hỏi thử ông thần những câu tương tự như chị Châu vậy để coi ông trả lời ra sao, hã? Hỏi đi chị Hương! Chị mà không hỏi thì để Khúc hỏi giùm cho, nhưng chỉ sợ nó hồng linh nghiệm mấy thì uống công Khúc lắm đó!

Hoài Hương có vẻ buồn rầu:

- Thôi, hay là mình giải tán cái mục xây cơ này đi, đi xuống bếp ăn chè còn sướng hơn!

Để hóa giải ánh mắt không vui kia, Hiếu giả lả bằng cách ra tay trở tài nguy biện:

- Rồi, đúng là “thuở trời đất nổi cơn gió bụi, khách má hồng nhiều nổi truân chuyên...,” mới đó mà chị Hương đã tin ông thần Thành Hoàng Ấp Bắc chắc như “đinh đóng thuyền” vậy ta ơi. Nè, ông nói “học tài thi mạng” chỉ có nghĩa là kể từ giờ phút này chị có quyền phê phỡn, ăn no ngủ kỹ, khỏi cần phải ra công mài mài kinh sử gì ráo, đến cuối năm đi thi vẫn đậu. Còn “hồng nhan đa truân” hả, cũng chỉ có nghĩa là ông khuyên chị từ nay hãy giữ cái đẹp tự nhiên, đừng có son phấn lựa là, áo nhiều quần hàng chi hết, thì cái nhan sắc kia nó sẽ bớt hồng đi một chút, và lẽ tự nhiên, nhờ đó mà đỡ cho chị cái cảnh gian truân phải chạy đôn chạy đáo, tìm đâu ra tiền đăng mà mua sắm các thứ xa xỉ phẩm linh kinh kia! Có đúng vậy không, Khúc, chị Châu?

Tuy hiểu ý Hiếu muốn nói gì, nhưng Dương Châu lại đồng lòng với Hoài Hương, bàn trót:

- Nghĩ đi là vừa, chị cũng đã mỏi tay quá rồi Khúc, Hiếu ơi! Xin mời thần ghé lại ăn chè, uống nước xả hơi rồi thùng thảng tự tiện thăng giùm.

Cơ chia mũi chạy đụng vào chén chè, ngưng một chút, lùi sang phía chung nước, và cuối cùng quay về vòng tròn có chữ “Thăng” và nằm im một chỗ. Mọi người thu tay về. Hiếu nhồm dậy, vươn vai, thở dài. Mới chín mười giờ tối, còn sớm quá để đi ngủ. Mà chắc là chàng sẽ không ngủ lại đây đêm nay! Sau khi ăn chè, có lẽ Hiếu sẽ rủ Khúc tản lần ra phố. Ở đó có dòng Cửa Long, sông sâu gió mát, bên cạnh bến Cầu Tàu. Ở đó có mùi chiên xào, thơm nứt mũi tỏa ra từ dãy quán ăn dọc theo đường Trung Trắc, bên bờ Bảo Định giang. Ở đó đập diu tài tử, giai nhân... Làm sao mà nằm nhà, phòng không mộng quạnh cho được chứ!

Nghĩ đến lá thư của Tài còn nằm trong túi quần mà Hiếu lấy làm phân vân, tấn thối lưỡng nan, chưa biết phải giải quyết ra sao. Cái thằng thiệt là tệ, mặt mày sáng sủa bánh bao như vậy mà sao lại nhát gái như thỏ đế. Ý là đã gặp nhau một lần ở chùa Vĩnh Tràng rồi mà không dám ngang nhiên tiến tới. Rồi lại bao nhiêu lần Hiếu bảo “mày hãy theo tao” vậy mà nó chẳng chịu đi. Bây giờ còn bày đặt viết thư tâm tình cời mở làm chi không biết nữa. Nói cho ngay, không thương thì thôi, càng thương nhiều

chắc lại càng run. Với Hiếu cũng vậy, thử hỏi nếu đứng trước mặt Hồ Điệp hay trước mặt Tường Vi thì chàng có run hay không đây? Không run thì không thương! Bởi vậy Tài mới mượn đến lời thư, kẻ cũng có lý do! Nhưng mà kẹt thiệt, thư trao tận tay nó khác xa lắc xa lơ với thư dán tem cò. Hiếu biết phải nói gì đây khi trình ra lá thư kia với chị Hoài Hương, người mà chàng cũng có chút chút mến yêu? Đâu phải với mỗi thân tình chị em em em kia mà nhờ vào đó, nhờ vào tiếng nói của Hiếu, thì Tài lại có thể lọt được đáy mắt xanh? Coi chừng bị phản phé thì nguy! Và lại, khổ quá, Hiếu không muốn chính mình công khai giết chết cái “tình em” để trao “duyên chị” cho thằng bạn mình! Phải để cho nó chết trong âm thầm, phải làm lễ bàn giao trong lặng lẽ thôi!

Hoài Hương bỗng nhắc nhở, đùa vui:

- Đi xuống bếp, Hiếu! Nhanh tay còn chậm tay hết à nghen!

Không phải làm khách, nhưng trong băng khuâng, rã rời Hiếu đáp nhanh:

- Ủa, chị đi trước đi. Hiếu sẽ theo chị xuống đó ngay!

Thật ra, Hiếu trả lời như vậy vì chàng vừa nảy ra một ý kiến rất hay trong đầu. Phải rồi, chàng sẽ mở hộc bàn viết của Hoài Hương và đặt lá thư tỏ tình kia của Tài, mà chàng chẳng hề biết nội dung, nằm nhẹ nhàng trên tờ giấy chép bài thơ xây cơ. Chắc chắn Hoài Hương sẽ đọc và chắc chắn nàng sẽ khám phá ra ai là người đã làm cánh nọ đem tin. Hừ, có thể mà chàng nghĩ mãi không ra. Một cách êm đẹp, ổn thỏa nhất để đưa “duyên chị” lẫn “tình em” vào nơi gió cát...

(*) Trong Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh của Nguyễn Du.



VƯỜN ME ĐẬU PHỘNG

Hồng Lan

Mỗi chiều, cứ trời bắt đầu chạng vạng tối là má Lê nhắc chừng nàng đi lừa bầy vịt nằm cạnh bờ ao trước ngõ. Bà gọi lớn:

- Lê, Lê à! Sao bây không lo đi kiếm mấy con vịt đặt dẫn nó về chuồng nhốt lại? Để quên tối nay nó sẽ đẻ bầy ngoài đó à ghen!

Lê nghe má mình thường xuyên kêu như vậy, nhưng lúc nào nàng cũng nhớ công việc sau cùng phải làm trong ngày của mình, công việc lừa vịt, trước khi rủ đám bạn cùng lứa chơi nhảy nhà, chơi trốn kiếm, chơi cút bắt, hay thỉnh thoảng đi tắm chung ở cái ao trước nhà. Trong đám bạn thân cùng xóm của Lê, có thằng Tuyền, thằng Lâm, con Mại, con Thiều. Đám tụ này thường hay tới nhà Lê để nói chuyện hoặc bày trò chơi sau bữa cơm chiều. Sân nhà Lê rất thoải mái vì có bóng mát che phủ bởi những cây li-cu-ma, cây ô-môi xen lẫn vài cây nhãn và măng cầu xiêm.

Nhưng bữa nay đặc biệt hơn, cả bọn định chơi trò giựt đầu trái dẹt. Bên cạnh bờ ao của nhà Lê có ba bốn cây dẹt thiệt lớn, thường cho bông và trái dẹt vào đầu mùa hè, khoảng tháng 5, tháng 6. Dẹt là một giống cây rất hữu ích, thường mọc ở những nơi có đất bùn nhão, ẩm ướt như gần sông rạch, ao hồ. Công dụng chính của nó là dùng để giữ đất cho khỏi bị lở, nhằm chống lại sự soi mòn của nước lũ, mưa giông. Rễ của cây dẹt mọc cao trên mặt đất và kết tụ lại thành chùm bao quanh thân cây. Cũng chính nhờ vào loại rễ đặc biệt này, cây dẹt còn có công dụng như dùng làm ổ cho cá tôm trú ẩn. Thân cây dẹt mọc thẳng đứng, da cây dẹt có màu xám mốc, lá dẹt có một màu xanh đậm, hình dài và nhọn ở chót lá.

Tuyền bày đặt ra điều anh chị bự bắt cặp với Lâm, chấp luôn ba đứa con gái gồm con Mại, con Thiều và Lê. Lê hỏi lại cho chắc:

- Tuyền, mấy với thằng Lâm muốn thua thiệt hả?

Ý mình là con trai mạnh bạo hơn tụi con gái, Lâm phụ hoạ với Tuyền ra vẻ tự phụ, khinh khỉnh nói:

- Chấp hết ba đũa tụi bây đó, tụi tao chỉ cần hai đũa thôi...

Lê giao điều kiện:

- Ê, nếu như tụi bây thua thì hai thằng bây phải công ba đũa tao đi một vòng sân. Còn như tụi bây ăn thì... thôi, huê.

Lâm la lên:

- Cha! Sao mà khôn quá vậy ta? Đâu có được, nếu tụi bây thua thì tụi bây phải công lại hai thằng tao. Có bằng lòng không?

- Để tụi tao bàn lại cái đã.

Lê muốn nói nhỏ với hai đứa bạn nên kéo con Mai, con Thiều ra chỗ khác. Làm bộ cho ra vẻ vậy thôi chứ hai con nhỏ này khờ ịch, mọi chuyện thường giao cho Lê quyết định. Lê hỏi sơ sơ cho có hỏi rồi đưa ra điều kiện mới:

- Nè, hai đứa bây lớn hơn tụi tao, cho nên tụi tao không công nổi. Như vậy hén, nếu tụi tao thua... tụi tao sẽ chịu một chậu tạt nước dưới mé mương.

Hai đứa Tuyền, Lâm cười cái rần ra vẻ đồng ý, trong khi Thiều với Mai hơi ngán vì tụi nó sợ ướt đồ về nhà bị đòn. Lê trấn an lũ bạn gái:

- Tụi mày đừng có lo, tao sẽ dứt chấu hai đứa nó cho tụi bây coi. Tụi bây biết sao hôn, tao đã lựa mấy trái dẹt tốt có cái đầu lớn và chắc chắn lắm.

Trái dẹt dài cỡ chừng một ngón tay, có một màu xanh sậm. Phần trên của trái dẹt có một cái chụp giống như cái nôm nôm cá. Bên trong cái nôm cá đó có một điểm tròn như hạt tiêu màu ngà, dính liền với thân dẹt trông giống như đầu thầy chùa. Con nít hay gọi như vậy cho tiện. Cuộc chơi rất đơn giản, mỗi đứa cầm một trái dẹt và tìm cách gác làm sao cho gãy đầu thầy chùa của trái dẹt trên tay đối thủ.

Mở màn trước tiên Lê với Tuyền và Lâm với Mai. Còn con Thiều thì chờ khi nào Lê hoặc Mai mỏi tay, nhảy vô tiếp ứng. Trò chơi này kể cũng vui, nhứt là những lúc đầu trái dẹt bị sút gãy, văng ra. Lê đắc thắng, hí hửng cười vang vì Tuyền chưa kinh nghiệm bằng nàng. Những trái dẹt bị mất đầu được xếp thành đống, bên trai cũng như gái, và được thường xuyên đếm đi đếm lại. Nếu bên nào có 20 trái bị gãy thì bên đó thua.

Lê đã mõi tay nên nằng rẻo con bạn:

- Ê, Thiều! Chuẩn bị xong chưa, nhào vô thể tao một chút coi!

Thiều sấn tới, lẹ làng cầm trái dẹt đánh vào đầu trái dẹt của Tuyền lia lịa. Thấy con nhỏ Thiều hăng quá Tuyền cũng ớn. Liếc mắt nhìn vào đồng dẹt bị sút đầu coi bộ cũng đã khá nhiều, Tuyền ra kế hoãn binh:

- Ê, để tao nghỉ tay một chút đã!

Nhưng Lê không chịu:

- Nè, phải tiếp tục à ghen! Bộ mấy tính ăn gian hả Tuyền?

Nãy giờ Lâm với Mai tranh hùng cũng không thua gì tụi Tuyền với Lê. Tuy nhiên Lâm cũng dở hơn Mai, nó cũng đang bủn rủn tay chân tới nơi nên sẵn trốn kêu luôn:

- Nè, tao thấy tụi mình nên nghỉ xả hơi một chút cái đã, tụi bây ơi...

Lê làm tới:

- Tụi bây muốn nghỉ thì nghỉ luôn đi, chớ còn ngừng rồi chơi tiếp tụi tao không đồng ý. Trời nhá nhem tối rồi bộ tụi mày không thấy sao? Mà thôi, nghỉ đi!

Vì mõi tay, tất cả đều tán thành ý kiến của Lê. Nhóm nào lo nhóm đó, gom những trái dẹt bị sút đầu hoặc bể từng mảnh nhỏ đầu để tính coi được bao nhiêu trái.

Tuyền tuyên bố:

- Tụi tao có 18 trái bị hư, còn đám tụi bây có bao nhiêu?

Kiểm điểm xong đâu đó, Lê kêu lớn với giọng đắc thắng:

- Tụi bây kể như thua rồi, tụi tao chỉ hư có 15 trái thôi!

Mai với Thiều hòa nhau vỗ tay âm ỉ, cười vui khoái chí từ. Mai nói:

- Lẹ lên, mau mau lại đây công tụi tao! Lẹ lên đi, không thôi tối rồi tụi tao còn phải đi về nhà nữa chớ! Mà tụi tao không cho hai đứa bây thiếu chịu đâu ghen!

Lúc chơi thì sợ nhưng tới hồi thắng cuộc rồi thì tụi con Mai, con Thiều lại giành phần được công trước như giặc.

Lê tăng hăng, giao kết:

- Hai đứa bây ở xa, tao nhường cho hai đứa bây được công trước đó. Phần tao chờ công sau chót cũng không sao! Nhưng

mà hai thằng Tuyền và Lâm mỗi đứa bầy phải thay phiên nhau công tào nửa đoạn sân tào mới chịu và như vậy công bằng hơn phải không?

Hai đứa Tuyền, Lâm đều gật đầu đồng ý với Lê. Tức thì con Thiều ngồi trên lưng của Tuyền và Mạ ngồi lên lưng Lâm cho hai đứa đi vòng quanh sân. Mạ với Thiều được dịp la ó vang rân của kẻ chiến thắng. Lê đứng nhìn mà cảm thấy hơi tội nghiệp cho Tuyền với Lâm.

Nghe tiếng giỡn trâng, la ó trước sân má Lê vội vã bước ra cửa rây:

- Đám bầy có biết tới rồi không mà còn ở đó la hét om sòm vậy hả? Không sợ ma quỷ thánh thần quở phạt hay sao chứ?

Nhưng ngay lúc đó bà cũng đã để ý và lấy làm lạ là thấy Tuyền đang công Lê trên lưng đi vòng vòng sân. Bà liền hét, gọi Lê vô nhà:

- Lê, vô đây tao biểu! Con gái gì lớn chồng ngồng mà không biết mắc cỡ, còn cặp bè, cặp bạn với đám con trai chơi giỡn tới ngày. Bầy biết bầy bao nhiêu tuổi rồi chưa mà đứa này còn dám công đứa kia, hả?

Thiệt tình, Lê chưa hề nghĩ đến những điều má mình vừa nói. Nàng cũng chẳng màng, chỉ biết rằng tuổi trẻ thân mật, tự nhiên với nhau là đủ. Nàng vội vàng phân bua để cho chúng bạn khỏi phiền:

- Tụi nó cũng như con mà, má! Làm hết công chuyện rồi thì má hãy để tụi con chơi với nhau. Tự trường tới này con sẽ đi lên tỉnh học thì đâu có còn gặp tụi nó thường được nữa.

Tuy Lê có giải bày như vậy nhưng tất cả như bị cụt hứng cho nên bọn Tuyền, Lâm và Mạ, Thiều đều cùng muốn kiếu từ, bỏ ra về. Và lại, mình mấy đứa nào đứa này cũng dầm ướt mồ hôi vì chạy giỡn cả buổi, cần phải tan hàng trở về nhà tắm rửa lại lần nữa.

Lâm lên tiếng:

- Thôi, tụi tao về.

Thấy bốn đứa bạn lũ lượt kéo nhau đi, Lê nói vội:

- Ê, ngày mai tụi bầy tới chơi tiếp nghen! Thằng Lâm mày còn thiếu nợ tao đó!

Lâm nói gặng lại:

- Ủa, chiều mai tao với thằng Tuyền sẽ tới đây để phục thù!

Lâm cười ầm lên như mới vừa thoát được con nợ. Tuyền cũng cười phụ họa theo. Trong khi Mai, Thiều nghe tới đó thì liền ngắt ngang:

- Còn khuya tụi bây mới gỡ lại được, đừng có hòng!

Bước lần theo lối mòn trong xóm, đám bạn Lê lần khuất sau những chòm cây xa xa. Nhưng tiếng nói cười bọn chúng vẫn âm vang vọng lại trong bóng tối của con đường thiết vắng vẻ, cô liêu. Lê băng khuâng đi vòng quanh kiểm điểm lại cửa nẻo trong nhà và đóng lại. Xong, nàng bước vào nhà sau rửa mặt, rửa tay, rồi vô buồng thay đồ cho sạch sẽ một lượt nữa trước khi đi ngủ. Nàng cũng không quên coi lại mấy cái đèn chong, coi có còn đủ dầu hay đã cạn để mà châm thêm dầu.

Đạo này, ba Lê thường khi về nhà rất tối, vào khoảng 9 hay 10 giờ đêm. Vì là lúc đầu mùa làm ruộng, cho nên ba Lê cùng với người em bà con chú bác là chú Tám Xem phải lo dọn đất để gieo mạ. Má Lê và nàng vẫn phải thức chờ đợi hâm nóng cơm với đồ ăn lại khi ba nàng về đến nhà. Tất cả đồ ăn dành riêng cho ba nàng đều đã được chứa phần, nằm gọn trong cái mâm có đặt chiếc lồng bàn bằng tre đan. Thiết ra cũng chẳng có gì là cao lương mỹ vị, mọi thứ đều nấu bằng rau cải tươi tốt do bàn tay của má Lê trông lấy, chăm sóc sau nhà. Cá thịt thì mỗi sáng chạy ra chợ, cũng gần. Bữa nay má Lê làm nhiều món ăn đặc biệt. Món mắm cá rựa chưng với củ hành tây, mỡ, đường, tiêu, tỏi, ớt. Món cá bống kèo ướp gia vị với củ hành tiêu, bột nghệ, tàu vị yếu, đường, tiêu rồi để lên trên một lớp lá cách và lá chuối tươi bọc ngoài đem nướng trên than hồng. Món bắp chuối luộc xé phai, xé nhỏ ra như thịt gà rồi trộn với rau thơm, đường giấm, củ hành xắt nhuyễn. Tuyệt diệu, đây là những món ăn thông thường của miền quê tuy đơn giản nhưng hấp dẫn, thấm đượm không kém bất cứ món ăn nào.

Vào khoảng tháng 6 tháng 7 trời hay mưa liên tu bất tận, rất thuận tiện để cho dân làng khởi công cày bừa vì hầu hết đất ruộng đều ngập nước. Mùa này, ba má Lê thường hay thức dậy

thiệt sớm. Thói quen của hai ông bà là thích uống nước trà bàn chuyện lửa thóc, ruộng nương, công cấy, công mạ.

Thấy mặt Lê vừa bước ra, ông liền dặn dò:

- Kỳ nghỉ hè ba tháng này con ở nhà phụ với ba má chút đỉnh việc ruộng nương nghe không? Con lớn rồi mà tối ngày chỉ biết ăn chơi, cả nhổng là coi không đặng chút nào đó. Con có thể phụ với ba đứng bừa hay ngồi trực, công việc này nào có khó khăn gì. Thằng Kiệp mặc dù nó coi trâu, nhưng khi trâu bận cày bừa thì nó cũng phải làm bờ hay nhô cỏ dọc theo ruộng. Người ta làm không nghỉ tay mà con không thấy sao?

Mới nghe qua tuy hơi ngán ngẫm nhưng đồng thời Lê cũng lấy làm thích thú! Hồi nhỏ tới giờ nàng chưa hề đụng tay vào công việc cày sâu, cuốc bẫm. Nhưng bây giờ nghe ba nàng nói vậy, nàng nghĩ biết đâu đây cũng là dịp tốt để học hỏi và tìm hiểu qua thể nào là nổi khó nhọc, vất vả của nhà nông, có thể rất khác với những công việc vườn tược rầy bái mà nàng đã làm hằng ngày ở quanh nhà. Cũng là một dịp để nghe tận tai tiếng "thá, ví" của chú Tám và ba nàng điều khiển đôi trâu. Nhớ tới những lần roi cày vun vút trên không, nàng cũng tội nghiệp cho kiếp trâu đen kia không ít.

Lê thường thấy chú Tám Xem đứng bừa đi trước rồi mới đến ba nàng ngồi trực đi sau. Cặp trâu đi trước là cặp trâu cổ to lớn, sừng con nào con nấy bự chù dù, cong vút và nhọn lều. Mặc dù nàng không ớn mấy con trâu cổ đó mấy, nhưng đi sau vẫn lợi hơn vì lỡ có té xuống ruộng cũng không bị trâu đạp.

Lê không ngần ngại cho ba nàng biết:

- Cũng được ba, con muốn ngồi trực thay vì đứng bừa vì con sợ không quen sẽ bị trượt té xuống bùn non...

Sáng hôm sau, sau khi ăn vội chén cơm nếp nấu với nước cốt dừa và muối mè mà má Lê đã lo sẵn từ ban sáng, nàng vào thay một bộ đồ bà ba, quần vải ú với chiếc áo vải ba-tít trắng cũ đã ngả màu ngà xen lẫn nhiều đốm mủ chuối, mủ dừa mà nàng thường mặc đi vườn. Nàng không quên lại gần bên vách của nhà vừa vỏ để lấy chiếc nón lá cũng đã bạc màu xám xịt đội lên đầu. Tóc nàng dài nhưng bây giờ đã được kẹp lại gọn gàng ở

phía sau ốt. Nàng bỗng sức nhớ thường khi ba nàng đi ruộng vẫn hay mang theo một mớ roi tre để đánh trâu, nàng hỏi chừng:

- Ba có cần đem theo roi trâu không ba?

- Ừa, con nhớ ôm cho ba năm ba cây. Tao với chú Tám mày cần chớ sao không cần, bây biết rồi mà còn hỏi vòng vo quá vậy!

Ba Lê đã uống trà xong, ông liền đứng dậy ôm bình nước mưa mà má nàng đã chuẩn bị sẵn trên bàn. Bình nước này có da lằng màu vàng giống như cái tìn nước mắm nhưng có vôi, có nắp đậy bằng nút cắt bần lớn, chứa cỡ ba lít. Ông còn lấy thêm ba cái chén chung lớn cũng bằng sành, màu trắng có vẽ cảnh trúc màu xanh đậm, đựng trong cái rổ nhỏ đan bằng tre.

Lê nổi gót theo ba nàng đi nhanh như chạy trong khu vườn dừa, qua mấy đoạn cầu tre bắc ngang qua mương, rạch. Không khí của buổi sớm mai có vẻ mát dịu, những giọt sương còn đọng trên cành cây ngọn cỏ, phản chiếu long lanh qua ánh bình minh vừa ló dạng ở phương đông. Nàng cảm thấy lòng mình thoải mái, tươi vui trong bầu trời êm ả đó. Một bầy dơi đi ăn trái chín cây ban đêm đang bay vờn vàng trở về tổ ấm. Thỉnh thoảng có một vài chú sóc kêu chí chớo rượt đuổi nhau trên cành cây lý, cây khế của nhà hàng xóm.

Lê mãi mê ngắm nhìn cảnh vật thiên nhiên mà không ngờ mình đã đi gần tới chuồng trâu nhà cất gần thửa ruộng lớn. Ba nàng đang hỏi thằng Kiệp lừa trâu ra cho chú Tám bắt cái ách lên cổ nó, cặp từng cặp và không quên buộc vòng hai sợi dây luộc luôn bên dưới cổ mỗi con một cách cẩn thận. Xong xuôi, bốn phận của Kiệp là ôm bó roi, rồi hét cho hai cặp trâu từ từ băng xuống ruộng đi đường tắt. Ba nàng vác cái bừa và chú Tám Xem vác cái trục đi theo bờ đề quanh ruộng. Riêng phần nàng thì bây giờ phải chăm lo mấy thứ linh kinh, kể cả cái bầu nước lạnh và mấy cái chén chung.

Chẳng bao lâu đoàn tùy tùng tới địa điểm khởi công. Chú Tám và ba Lê lui cui lo gắn bừa, gắn trục vào phía sau mỗi đôi trâu. Xong xuôi, chú Tám đứng trên cái bừa cho trâu đi trước. Trục cũng đã được gắn xong và nàng được phép ngồi lên ghế trục, một cái ghế tròn vừa đủ chỗ cho một người. Vì vậy ba

nàng phải đi dưới ruộng để điều khiển đôi trâu. Chú Tám phải cho cặp trâu của chú đi chậm lại cho ba nàng bắt kịp.

Lê đề ý cách nhip roi trâu của chú Tám cũng như của ba nàng, cùng những tiếng la: thá, ví. Thì ra cũng điệu nghệ đó chớ! Muốn quẹo bên phải thì la: thá, thá, thá... Còn muốn qua trái thì hét: ví vô, ví vô, ví vô... Hai đôi trâu đi thiết ăn khớp với nhau, chỉ cách khoảng chừng ba bốn sải tay, mặc dù chốc chốc cũng có con đứng lại nghinh con kia và không chịu đi, hai cái sừng cong vút chạm mạnh vào nhau cộc cộc, nghe ớn ớn. Thỉnh thoảng cái trục bị vòng lên, sụp xuống vì cán qua những cục đất còn nguyên làm cho nàng thót ruột. Trong lúc ba nàng và chú Tám lo bừa, trục đất thì thằng Kiệp lo dọn chuồng trâu. Nó dùng xuống xúc phân trâu trong chuồng đem đổ ra ngoài đất trống, gom lại thành đồng. Lấy cây chổi làm bằng mấy nhánh ráng khô bó lại để quét sạch những đồng rơm vụng trâu ăn qua đêm.

Đi vòng vòng ruộng được chừng hai ba công đất, ba Lê với chú Tám Xem ngừng lại cho trâu nghỉ xả hơi chừng mười lăm, hai mươi phút. Độ vài tiếng đồng hồ người lẫn trâu đều thấm mệt. Nàng vội vàng lội lên bờ mẩu bầy bình nước, rót ra từng chén một cho ba nàng với chú Tám uống giải khát. Nàng cũng khát quá chừng và chờ lúc ba nàng với chú Tám uống xong, chẳng ngần ngại nốc luôn mấy ngụm đầy.

Vàng thái dương đã lên cao, qua khỏi lũy tre xanh một cây sào. Sinh hoạt của đồng ruộng bỗng trở nên linh động, vui tươi hơn vì có mấy con cò trắng và vài con cườm, sáo nhập bọn, chạy nhảy quanh quẩn để kiếm cá, kiếm dế, kiếm trùng. Lâu lâu lại bay lên đáp xuống một cách nhẹ nhàng, uyển chuyển. Ở cánh đồng kế bên, có người đàn ông đang đi vòng vòng đắp mấp lổ mội dọc theo bờ đê, không cho nước trong ruộng mình chảy qua ruộng khác. Xa xa, đó đây cũng có nhiều cặp trâu cày, bừa, trục.

Lúc mặt trời lên cao chừng xéo xéo đỉnh đầu là ba Lê với chú Tám Xem tháo trục, tháo bừa, tháo ách, thả trâu ra nghỉ, kể như đã xong cho một ngày làm. Lẽ ra thằng Kiệp phải đi theo đàn trâu để trông chừng chúng ăn cỏ xung quanh khóm ruộng trống, nhưng bữa nay ba Lê có ý định để nàng ở lại tập giữ trâu,

thay thế cho Kiệp về ăn cơm trưa. Khi nào Kiệp trở lên thì nàng mới được trở về nhà ăn cơm sau. Ba nàng dặn dò thêm:

- Bầy nhớ dùm chừng, theo dõi mấy con trâu ăn cỏ dọc bờ đê, đừng cho nó đi đâu nghen!

Trong lòng Lê cũng hơi phập phồng vì chưa bao giờ nàng biết coi trâu, cỡi trâu. Chỉ một vài lần nhìn trâu chém lợn từ đằng xa. Nhưng nàng cũng tự tin nơi mình:

- Ruộng chưa có cây lúa thì đâu có gì mà ba phải lo! Nó chỉ ăn cỏ dọc bờ đê thôi chứ đâu có chỗ nào có cỏ nữa đâu mà ăn. Với lại con giữ dùm cho thằng Kiệp một lát chứ đâu phải nguyên cả buổi đâu nà! Ba nhớ nói với nó ăn cơm lẹ lẹ lên nghen, con cũng đói bụng lắm rồi đó!

Mọi khi không có Lê thì ba nàng vẫn phải dùm chừng trâu cho Kiệp về ăn cơm và làm những công việc nhẹ như đắp bờ, dọn cỏ quanh ruộng. Bữa nay sau khi nhún nhủ với nàng mấy lời, ông cùng chú Tám liền vác mỗi người một món, cái bừa và cái trục, đem trở về cất lại ở chuồng trâu, rồi đi thẳng về nhà.

Như vậy vấn đề dọn đất kê như yên một mối, bây giờ ba Lê chỉ còn lo chuyện nhổ mạ, cấy lúa cho mùa ruộng năm nay. Cùng lúc nghĩ trưa, trâu của những ruộng khác, chủ khác cũng đã men theo các bờ đê dồn về một hướng, con đường vào đất thánh nằm sát bờ kinh. Trong đó chắc có nhiều cỏ non, nàng nghĩ. Cùng đi theo đám trâu đông nghẹt đó hiển nhiên có nhiều đứa chăn trâu, trai cũng như gái, cùng chạng tuổi với nàng. Vừa thấy mặt Lê là bọn chúng liền rủ nàng cùng đi vô Giồng Me hái me dốt ăn với muối ớt. Bọn thằng Đầu, Đạt, Phước, con Dân, con Lua... nàng cũng biết mặt, cũng quen. Tụi này chuyên môn giữ trâu, đầu từ hồi còn nhỏ độ 9, 10 tuổi. Nghe tụi nó rủ rê ăn me nàng cũng thích, nhưng mục đích chính là muốn đi theo để cho biết xóm làng ở Giồng Me. Tụi thằng Đầu, thằng Đạt doc xúi, dụ dỗ nàng đủ thứ:

- Mày biết hông Lê, ở Giồng Me có loại me đậu phộng ăn ngon hết chỗ nói! Mày đi theo đám tụi tao thì mày khỏi phải hái, tụi tao sẽ hái cho mày ăn đã đời!

Bởi mấy lời ngọt ngào như lúc nào cũng sẵn lòng của tụi bạn, Lê chấp thuận cùng đi ngay. Tuy nhiên, Lê cũng đang lo lo

cho mấy con trâu và trách nhiệm giữ gìn chúng nó của mình. Lê phân trần cùng đám chăn trâu:

- Nè, còn mấy con trâu thì tụi bây tính làm sao đây? Ai coi chừng trâu, hử? Rủi nó đi lạc, hay có chuyện gì xảy ra thì phải làm sao?

Thằng Đẩu nhanh nhẩu:

- Ôi, mấy khối có lo chi hết, cả bầy trâu đó sẽ vô trong đất thánh ăn cỏ chớ có đi xứ nào được! Mấy cứ yên chí đi, đi với tụi tao là hông có gì hư hại hết.

Lê nghe mấy lời trấn an hữu lý của Đẩu nên cũng bớt đi sự lo ngại về đám trâu. Cả bọn kéo nhau đi dọc theo đường mòn của bờ ruộng đầy bông cỏ may xen lẫn bông mắc cỡ màu hường nhạt. Trên đầu có những tàn cây trâm bầu che mát. Vì mãi nói chuyện huyên thuyên nên nàng vô tình đụng vào những cụm mắc cỡ, những cánh lá liền e ấp khép lại. Ông quần nàng từ đầu gối trở xuống cũng bị cỏ may ghim vào chi chít. Nàng cảm thấy nhột nhột khó chịu, nên ngồi vội bên vệ đường gỡ ra từng cái một. Một chú nhái con vì nghe tiếng động bất thành linh nhảy tòm xuống ruộng phóng đi nơi khác để lại vài vết chân nho nhỏ in lên mặt bùn non.

Không mấy chốc kẻ trước người sau đã đến nơi dự định, tụ tập dưới bóng mát của những cây me thiệt lớn, cành lá sum suê mọc gần nhau như thể đây là... vườn me, rừng me. Không xa lắm về hướng đông có vài mái nhà tranh đơn sơ, mộc mạc hiện ra trong chòm dừa, cau lá ngọn. Lại có tiếng gà tre gáy lãnh lót đầu đây giữa buổi trưa hè làm cho nàng cảm thấy bồn chồn, lo lắng. Nhưng tiếng của Đẩu đã đánh tan nỗi lo sợ của Lê:

- Ê, tụi mày nghe đây, bây giờ để tao với thằng Đạt leo lên hái me cho, còn thằng Phước với con Lụa chạy rút về nhà tụi bây lấy muối và hái ớt, chịu chưa?

Tất cả đều đồng ý làm theo, ai lo phận nấy, chỉ còn có mỗi mình Dân và Lê ở dưới gốc me. Hai đứa rủ nhau lại một cái cộ phế thải gần đó ngồi nghỉ chun trên tấm vạt có mấy miếng tre đã gãy lìa. Chẳng biết cái hương vị của me đậu phộng ngon ngọt thế nào, Lê đang chờ đợi để thưởng thức! Thực ra đây là lần đầu tiên nàng dám đánh bạo gia nhập cùng bọn chăn trâu. Nàng cảm

thấy cuộc sống của tụi nó rất ư là an phận, không so sánh hay than phiền gì về cái nghèo của mình.

Im lặng một hồi lâu, Dân e dè hỏi Lê:

- Ít khi tao thấy mày lên ruộng, sao vậy Lê? Bộ mày sợ dính bùn hả? Đâu mày đưa bàn tay, bàn chân của mày cho tao coi...

Miệng nói tay chụp, Dân cầm lấy bàn tay Lê, bóp bóp, giơ lên, để xuống ngắm nghía đồng thời đưa mắt liếc qua bàn chân rồi cất giọng rành rẽ như một bà coi tướng số:

- Tao thấy bộ gió của mày mai một chắc không có làm ruộng, làm vườn gì được đâu. Tay chân đậm đà, đậm đuột mềm xèo như bún thiêu thì hẳn ăn cái nổi gì? Chắc là mày muốn làm cô giáo, phải không Lê?

Lê cũng muốn nói lên sự thật đó, nhưng nằng sợ sự chênh lệch về hoàn cảnh sống của mỗi đứa mà làm buồn lòng bạn chẳng? Nằng không muốn để cho những đứa bạn ruộng rẫy của nằng mang cái mặc cảm quê mùa, chơ chát. Nằng thần nhiên trả lời:

- Làm sao mà biết được chuyện tương lai, mậy! Bộ mày tính làm bà thầy bói hả Dân? Mà thôi, bỏ qua chuyện đó qua một bên đi, bây giờ hãy lo tính chuyện ăn me sắp tới kia kìa, mày có ăn me đậu phộng lần nào chưa?

Dân không trả lời Lê, im lặng trong giây phút, rồi bỗng dưng reo lên:

- Ê, tụi nó đem muối ớt tới rồi cà! Đầu ơi, Đọt ơi, thôi đừng hái nữa, đem me xuống đi.

Đầu và Đọt nghe tiếng kêu, bèn một tay chuyền cành tuột xuống, tay kia túm vạt áo đẩy me. Hai đứa chạy lại cộ đồ tười ra trên tấm vạt. Me chín, me dọt, me già, me non, ôi thôi đủ thứ.

Lê hỏi:

- Ê, me nào là me đậu phộng đâu? Từ hồi nhỏ tới giờ tao chưa có nghe ai nói tới me đậu phộng hết!

Dân liền đáp:

- Thì me này là me đậu phộng chứ me nào! Mày không thấy loại me này nhỏ trái, mắt tròn tròn như cái hột đậu phộng sao? Mày cù lần quá Lê ơi! Mà tao nghĩ tại mày tới ngày cứ ru rú ở trong nhà, trong vườn nên không rành mấy thứ này cũng phải!

Đạt lại tiết lộ thêm một bí mật nữa:

- Mày biết hông Lê, giòong me này toàn me đậu phộng, nhưng có mấy gốc me đậu phộng ngon nhứt của ông chủ vườn chỉ có mình tao với thằng Đẩu biết thôi! Là cây này đây, tụi tao hái lên đó, tụi bây ăn xong nhớ đừng có nói cho ai biết nghen! Nếu ông chủ biết được, ông sẽ cột đầu cả đám tụi mình ở đây, chớ không riêng gì tao với thằng Đẩu, nghe chưa tụi bây?

Đạt cầm giơ lên chùm me hình vòng cung có mắc nhỏ, no tròn, thiệt tươi, bao bọc bởi một màu phấn nâu, mớ mớ ngà ngà của thời mới chín tới, thời kỳ trở thành me dốt. Còn phần me của Đẩu hái thì lẫn lộn khác nhau, lớn có nhỏ có, không đồng nhứt.

Lựa với Phước cũng đã mở ra bọc muối ớt đỏ ối gói trong miếng lá chuối non, xanh mơn. Không chần chờ gì nữa, cả bọn đã cùng nhau túm lấy từng trái me đậu phộng chùi vô áo sơ sơ, chấm vào thốt muối ớt cắn ăn một cách ngon lành. Thằng Đạt vừa ăn vừa nói thêm:

- Tụi bây không biết ăn me gì hết! Me đậu phộng đúng ra không cần chấm với muối ớt gì cả, chỉ cần ăn không như vậy thôi! Ăn không như tao đây thì mới thấy cái vị ngọt ngọt, chất chất và beo béo của nó. Đã lắm!

Thằng Phước còn làm ra vẻ người sành điệu hơn:

- Mày nói vậy có nghĩa là mày cũng không biết cách ăn me! Phải nói me đậu phộng thì chỉ có ăn với nắm ruốc là hết sảy! Nhà đứa nào có nắm ruốc, hả?

Trong giây phút này, không riêng gì Lê, tất cả đều quên mất đi trách nhiệm chăn trâu của mình, tất cả chỉ còn thấy những trái me trước mặt. Nãy giờ vì mãi lo ăn nên Lê lặng thinh. Bây giờ nghe Phước nói như vậy nàng cũng muốn phát biểu ý kiến. Nàng nói phân hai:

- Tao thấy ăn me cách nào cũng có cái ngon riêng của nó, chỉ tùy theo ý thích của mỗi đứa mà thôi, đồng ý không? Tao thích ăn với nước mắm đường!

Chẳng đứa nào thêm trả lời trả vốn gì hết vì đang cơn ăn. Vậy mà sau khi tất cả đều... no bụng, đồng me còn lại cũng cỡ

hơn phân nửa. Cả đám chặn trên gồm Đầu, Đọt, Phước và con Lụa đều đồng ý để cho Lê đem về nhà cho má Lê nấu canh chua.

Phần vì muối mặn, phần vì ớt cay, nên sau khi ăn xong tất cả lại khát nước. Đầu lên tiếng:

- Đứa nào theo tao đi vô xóm xin nước uống không?

Như chợt nhớ điều gì, Lê vội ngăn:

- Ê, bộ tụi mày muốn khiến chết hay sao mà đòi uống nước lạnh hả! Tao nghe má tao nói nếu giữa trưa nắng ăn chua mà đi uống nước lạnh thì nguy hiểm lắm, trước sau gì cũng không khỏi xách quần chạy ra đồng. Hay là tụi mình chịu khó nhịn khát một chút đi rồi hãy về nhà uống nước nấu sôi cũng không muộn!

Lụa phân vân:

- Tao chịu hết nổi rồi! Bộ mày không khát hả Lê? Còn tụi bây thì sao, Đầu, Đọt, Phước?

- Ôi, chuyện gì chứ xách quần ra đồng thì ngày nào tao chẳng làm, đi bây!

Cả bọn coi lời nói của Lê như pha và chính Lê cũng bỗng hơi nghi ngờ lời nói của má mình, khi Đầu làm đầu tàu chạy vô nhà thiềm Hai Lưu xin nước uống.

Cả bọn đã tụ hợp lại chỗ cũ sau khi nốc mỗi đứa một gáo nước mưa đầy. Dưới tàn cây rợp bóng của vườn me cùng ngọn gió hiu hiu thổi giữa trưa hè, Lê vẫn thấy bầu không khí chung quanh mình mát mẻ, trong lành. Tiếng rì rào của lá me chạm vào nhau nghe u u, thiết dịu dịu, êm tai. Màu xanh non mướt của lá me trên cao trông sao mà tươi mát, mơ màng, thơ mộng...

Nhưng, bọn Đầu với Phước đã đề nghị trò chơi mới:

cút bắt. Mãi mê theo đám chặn trâu, Lê không còn nhớ là mình phải ngó chừng mấy con trâu. Cứ được dịp nàng gặt đầu đồng ý. Rồi thêm con Lụa, thằng Đọt cũng tán thành luôn. Nhưng trước khi chơi, cả bọn phải ra công tìm đứa... rượt trước, bằng cách thông thường của trẻ con rất nhà quê: đánh tù tì ra cái gì, ra cái này. Chỉ có ba món ăn xoay vòng nhau là kéo cứt bao, bao bao búa, và búa nện kéo. Đứa nào thua sau cùng thì đi bắt mấy đứa chạy lẻ bạn một mình, vì hai đứa nếu... lỡ nắm tay nhau thì không được quyền bắt. Cuộc chơi cút bắt thật là vui và mặc

dầu thỉnh thoảng phải ôm nhau, bảo vệ lấy nhau nhưng không ai màng đến ý tới sự đụng chạm giữa trai với gái...

Bổng Đầu lên tiếng:

- Chết rồi Lê ơi, ba mày với thằng Kiệp sắp tới rồi kìa! Tao thấy bóng chú Tư đi gần đến cây sung rồi đó!

Như cái máy hát hết dây thiều, Lê ngừng chạy. Nàng đi lại cộ lấy mớ me trên tấm vật bỏ vô chiếc nón lá rồi lẹ làng, bươn bả đi đón ba nàng trước sự ngỡ ngàng, luyến tiếc của đám bạn chẵn trâu.

Gặp ba nàng, Lê hỏi ngay:

- Sao ba để thằng Kiệp ăn cơm lâu quá vậy? Cả một hai tiếng đồng hồ luôn, con chờ hoài không thấy nên mới nhập bọn đi hái me với mấy đứa tụi nó.

- Ba sai nó phụ đóng hai tấm vật cho hai cái cộ mới để chuẩn bị cho ngày mai đem lên ruộng, nên mới có hơi lâu như vậy. Mấy con trâu của mình đâu sao tao không thấy?

- Chắc nó theo đàn trâu của mấy đứa tụi nó vô đất thánh ăn cỏ rồi ba!

- Thôi để đó cho thằng Kiệp, con đi về nhà lo tắm rửa, cơm nước rồi phụ công việc nhà với má con đi!

Đưa tay vẫy đám bạn chẵn trâu, Lê quay lưng vừa đi vừa nhảy cò cò trên con đường mòn dẫn vào xóm. Nàng cảm thấy trong lòng dâng lên một niềm vui buồn lẫn lộn, mệnh mông khó tả. Có thể nói đây là một kỷ niệm rồi sẽ ăn sâu vào tiềm thức của nàng. Buổi trưa này, nàng không ngờ mình được dịp chạy giỡn trong vườn me đậu phộng, với lũ bạn chẵn trâu cùng lứa. Sự thân mật, tự nhiên của Đầu, Đọt, Phước, Dân và Lụa đối với Lê sao nồng nàn, tươi mát như những cánh đồng bao la, bát ngát ngoài kia. Và mặc dù tình bạn giữa lũ bạn chẵn trâu và nàng chỉ xảy đến trong bất chợt, ngắn ngủi nhưng rồi nó sẽ vững bền, gắn bó như những mắc me tròn tròn, nho nhỏ gắn chặt vào nhau như trái đậu phộng đang treo lủng lẳng trên cành.

Tuy không nói ra nhưng Lê thừa biết rằng vườn me đậu phộng đã vẽ lên ký ức tuổi thơ của nàng những nét thật đậm và chắc chắn sẽ làm nàng nhớ mãi...

CON ĐỐC

Nguyễn Nhi

Tôi lại về đứng bên này con dốc
Cây trăm năm sao khắc khoải như người
Người trăm năm cũng cànhrơ theo lốc
Lá rơi hoài trên nỗi nhớ không nguôi

Tôi lại về đứng bên này con dốc
Núi trăm năm sao tàn tạ như người
Người trăm năm cũng đã mòn rêu mốc
Cứ lặn hoài xuống vực nhớ không thôi

(Con dốc xưa tôi đặt tên dốc Đợi
Cho trăm năm tôi gổ đá nên lời
Con dốc nay đều hiu con dốc Nhớ
Dốc trăm năm chặn mất nẻo đường tôi)

Tôi lại về ngóng sang bên kia dốc
Em trăm năm chim vỗ cánh qua đèo
Con dốc lạnh nằm nghe trăng gió khóc
Tôi trăm năm về đổ mộng tàn theo.



CÂY SỐ 16

Cao Thanh Phương Nghi

*Bài viết “Cây số 16” là sáng tác đã trúng giải **cuộc thi 30 Năm Tị Nạn** và đã được đăng trong “30 năm Tị Nạn và Chuyện Đời Tôi” do **Người Việt** xuất bản.*

Thường vào khoảng tháng Giêng, tháng Hai là bệnh viện tôi lại đón những sinh viên các trường lân cận về thực tập. Bao giờ tôi cũng được giao một vài sinh viên để hướng dẫn vì tôi là một y tá lâu năm trong nghề. Tôi rất thích thú nhìn những tân sinh viên ấy. Các bạn ạ, có lẽ chúng ta ít khi nhận thấy cái già của mình, trừ khi ta nhìn thấy những người trẻ trung ấy. Trông họ mới non nớt làm sao. Từ dáng đi, cách đứng thấy đều hăng hái, nhanh nhẹn và cởi mở, đặc biệt, vẻ mặt họ lúc nào cũng toát lên vẻ chờ đợi. Háo hức chờ đợi những cái mới mẻ, bất ngờ mà ở những người lớn tuổi hơn phần lớn là thái độ e dè hoặc đối phó. Thoại là người sinh viên Việt Nam có đầy đủ những nét ấy. Gặp Thoại lần đầu tiên tôi đã có cảm tình ngay.

Tôi hỏi: “Sao em không làm nghề gì mà chọn cái nghề y tá chỉ cho cực?”

Thoại nói: “Em mới qua được mấy năm. Phải học nghề gì sớm có việc làm. Ba má em còn dưới quê chị ạ.”

Tôi hỏi: “Ở Việt Nam em làm gì?”

Thoại kể: “Em ra bác sĩ ở Đại học Y khoa Huế, nhưng không có việc làm. Những bệnh viện lớn ở tỉnh đủ người rồi. Em đi làm Y tế học đường được mấy tháng, nhưng chán lắm. Em ở nhà lấy vợ.”

Tôi lại hỏi: “Vậy sao em qua được đây?”

Thoại nói: “Ba vợ em đi H.O. trước rồi bảo lãnh con cái qua sau.”

Tôi thắc mắc: “Không lẽ các bác sĩ ra trường như em không tìm được việc làm gì đúng với khả năng chuyên môn của mình hay sao?”

Thoại nhăn mặt: “Thiệt ra thì cũng có, nhưng phải về xã, về huyện...”

“VẬY em không về xã, về huyện sao?” – Tôi cố hỏi.

Thoại thờ dãi: “Chị ơi, về xã, về huyện thì lấy gì ăn?”

Tôi không hỏi nữa. Câu nói như có cái móc cào vào vết đau đã nằm sẵn trong tim. Đã lâu lắm cái ngày tôi còn trẻ trung tươi mát như người sinh viên ấy với những ước mơ mà mẹ tôi vẫn gọi là đại đột còn hơn cả làm mai hay mượn nợ. Năm mười tám tuổi tôi thi rớt Đại học Y khoa và được nhận vào trường Trung học Y tế thành phố. Trường mới của tôi gồm toàn những học sinh vừa rớt Đại học ở cái thời bên Việt Nam người ta gọi là “học tài thi lý lịch”. Rồi thôi, hình như chẳng có ai buồn. Ở cái tuổi ấy chúng tôi chẳng coi sự gì cho ra đầu ra đuôi.

Cùng lớp với tôi có Hoàng, cũng là bạn trong xóm. Bác Hanh – ba Hoàng – chuyên vá xe đạp nên Hoàng cũng kiêm luôn nghề ấy. Cái tên Hoàng “lốp xe” cũng từ đó mà ra. Nhà Hoàng đến chín anh em. Ngoài Hoàng và thằng Út là con trai, còn khoảng giữa là bảy chị em gái. Nhà Hoàng nhỏ lắm, không có bàn ghế giường tủ gì cả, nhìn vào chỉ có cái sàn xi măng. Ăn cơm cũng đó, tối ngủ cũng đó. Ấy thế mà bác Hanh có tấm hình đám cưới ngày bác còn trẻ rất đẹp, lồng trong khung kính, treo trên tường. Chẳng biết có bao giờ bác nhìn tấm hình ấy hay không. Chỉ thấy bác ngồi vá xe đạp, chốc chốc lại quay vào gạt gông. Bác hay nói với mọi người: “Vợ tôi nó ngu lắm.” Bác gái chẳng khi nào trả lời. Chiều nào bác cũng gánh ché đậu đen đi bán trong xóm.

Hoàng hiền lắm, đôi khi có vẻ ngây ngô. Trong lớp có 28 học sinh thì 26 là nữ rồi. Được vài tuần thì anh chàng nam sinh thứ hai kia trốn biệt, còn lại mình Hoàng giữa đám con gái và chỉ biết cười cho qua chuyện khi có ai chọc ghẹo. Có lẽ nhờ ở trong gia đình có quá nhiều con gái nên Hoàng chẳng lấy gì làm khó chịu. Anh cứ tỉnh bơ trong khi bọn con gái chúng tôi cảm thấy mất tự nhiên, nhất là khi học về cơ thể phụ nữ. Đi thực tập còn buồn cười hơn. Bệnh viện phụ sản, đầy ăm ắp đàn bà con gái. Hoàng cảm quyền sở với cây viết đi tới đi lui trong thật thảm hại. Đã vậy, có lần một bà cụ cứ giãy nảy nhất định không chịu lên bàn khám bệnh vì trong sổ thực tập sinh có một anh con trai là Hoàng. Chúng tôi phải xúm vào năn nỉ bà cụ. Rồi đợt thực tập

cũng xong. Cái tên Hoàng “lốp xe” được đổi thành Hoàng “nữ hộ sinh”. Tôi thấy anh không phàn nàn gì về cái tên mới này. Anh lạc quan và tin tưởng ở nghề nghiệp của mình.

Hai năm sau Hoàng và tôi ra trường với tấm bằng y tá thực thụ. Khó khăn nhất là vấn đề phân công nhiệm sở. Ai cũng muốn ở lại thành phố.

Hoàng nói: “Tôi đi đâu cũng được, miễn là không phải ở nhà.”

Trời đã chiều cái ước muốn dễ dãi ấy. Anh được điều đi làm việc ở một trạm y tế miền núi gọi là cây số 16, thuộc huyện X., tỉnh Lâm Đồng. Người được phân công cùng nhiệm sở với Hoàng là... tôi.

Mẹ tôi dậm chân kêu trời: “Con tôi đang ở thành phố sao lại đẩy lên cái xó xỉnh miền núi ấy.”

Bà ngoại tôi nói: “Con gái đi xa nguy hiểm lắm, lại đi chung với thằng Hoàng. Trai gái gần nhau như lửa gần rơm. Tốt nhất là cho nó ở nhà lấy chồng.”

Ba tôi nói: “Nó vừa học xong ra trường, không lẽ không cho nó đi làm việc.”

Mẹ tôi khóc thút thít. Bà ngoại ra vào ca cẩm mãi cái câu “lửa gần rơm”. Tôi mới ra trường, còn tươi roi rói như con cá vừa vớt dưới sông lên mà phải chịu ngồi nhà lấy chồng à? Tôi năn nỉ và hứa với mẹ tôi rất nhiều, rằng học sinh mới ra trường đều phải nhận việc ở xa, sau 2 năm sẽ được chuyển về thành phố, rằng... đủ thứ hết. Nói riết mẹ tôi đành miễn cưỡng để tôi đi. Năm ấy tôi vừa tròn 20 tuổi.

Trạm xá miền núi chỉ có một nhân viên duy nhất là chị Lương, y sĩ thường trực. Chị đã trên 40, có vẻ nhà quê và khá luộm thuộm. Ngày đầu tiên đến tôi thấy chị đang ngồi bệt dưới đất chẻ những thanh tre nhỏ nhỏ trên tấm thớt gỗ như người ta vẫn ngồi róc mía. Tôi hỏi chị chẻ tre làm gì, chị nói để làm dụng cụ khám phụ khoa.

“Hàng tuần chỉ có một bác sĩ đến đây khám bệnh vào thứ hai và thứ tư – chị Lương nói – những ngày còn lại chúng ta phải tự điều động công tác. Trước mắt chúng ta phải thực hiện

cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch cho đồng bào miền núi theo chỉ thị của phòng y tế huyện.”

Mọi thứ đối với tôi đều mới mẻ, đều như chờ bàn tay tôi chạm vào, cả nghề nghiệp lẫn tình cảm. Ngày thường chúng tôi loay hoay làm việc. Bệnh nhân nhiều hay ít, nặng hay nhẹ gì thì cũng chỉ có chùng đó thuốc. Những hôm rảnh rỗi tôi hay theo Hoàng và mấy đứa con của chị Lương vào chơi trong rẫy bắp, rẫy khoai. Chẳng hiểu thế nào mà một hôm chị Lương lượm được một bài thơ của Hoàng. Bài thơ có tựa là “Hoa bắp”, viết rất giản dị:

*“Hoa bắp im lìm
Đứng xanh ngắt ngắt
Vườn ai cửa đóng
Anh về, cô miên”*

Chị Lương đọc thơ xong bảo: “Thôi chết, thằng Hoàng tương tư cô nào rồi.”

Tôi giấu luôn bài thơ không trả lại cho Hoàng, không hiểu sao tôi lại thấy buồn khi nghe Hoàng đã phải lòng ai đó. Có lần kia mấy cô gái địa phương dúm mặt vào nhau cười rầm rích: “Anh y tá ơi, anh có vợ chưa mà đi biểu người ta sinh đẻ có kế hoạch?”

Chị Lương nói chen vào: “Anh này chưa có vợ nhưng có người yêu rồi.”

Mấy cô kia chưa chịu buông tha: “Người yêu của anh là ai vậy?”

Chị Lương nhìn tôi tủm tỉm cười. Tôi và Hoàng bắt giắc nhìn nhau đỏ bừng mặt. Hoàng ấp úng: “Ồ... tôi...”

Mấy cô kia vừa đi vừa kéo dài cái giọng nhão nhọt: “Anh y tá ơi, khi nào đám cưới nhớ mời tụi em...”

Mấy hôm sau tự nhiên tôi thấy mắc cỡ khi gặp Hoàng, nhất là khi chiều đến chỉ có tôi và anh ngồi ăn cơm trong chái bếp của trạm xá heo hút giữa rừng. Bữa cơm thật sơ sài. Tôi nói: “Chiều nay chỉ còn chút tép rim và canh bầu thôi.”

Hoàng nói: “Vậy mà Hoàng ăn rất ngon. Râu tôm nấu với ruột bầu, Nga có nhớ cái câu...” Hoàng chợt dừng lại như lỡ lời.

Tôi luống cuống nghe tim đập thành thích. Có phải Hoàng định nói là *chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon*.

Tôi nói mà không hiểu mình định nói gì: “Hoàng thích thơ lắm à?”

Hoàng bẽn lèn: “Hôm trước Hoàng có viết cho Nga bài thơ nhưng làm mất rồi.”

Tôi hỏi: “Bài thơ gì?”

Hoàng đáp: “Bài Hoa bắp.”

Tôi nghe mặt mình nóng ran. Có cái gì rất lạ len vào tim tôi mà trước đây chưa hề có. Tôi nhìn Hoàng và thốt nhiên hoảng sợ bước vội ra sân. Rừng núi vẫn bạt ngàn, cô tịch với những “bếp nhà sàn thở khói âm u.” Tôi ôm ngực thở dốc, Hoàng ơi.... Nhưng rồi thôi, tất cả hình như chỉ có thế. Mỗi tối Hoàng vẫn yên lặng xuống ngủ trong kho để thuốc và giấy tờ linh tinh và sáng ra chúng tôi lại bắt đầu một ngày làm việc mới. Cái ngọn lửa gần rơm kia chưa kịp cháy bùng lên thì gia đình tôi được đi đoàn tụ với chị tôi ở Hoa Kỳ. Tôi không có lý do gì để lưu lại.

Chị Lương nói: “Nga cứ về thành phố trước nhưng khoan báo nghỉ việc. Đề số lương thực của em ở lại cho thằng Hoàng lãnh thêm vài tháng gạo nữa.”

Hoàng nhất định không chịu: “Đừng làm vậy. Lỡ rắc rối cho Nga.”

Tôi buồn rầu nhìn cái khạp gạo đã vét gần cạn và cảm thấy như mình là người có lỗi. Một bên là trạm xá miền núi không có điện, không có đủ thứ, một bên là cái gì tôi chưa biết, nhưng chắc chắn phải hơn rất nhiều.

Mẹ tôi bảo: “Con ơi, con không muốn đi vì con chưa biết đói là gì, lúc nào con cũng có gia đình bao bọc sau lưng.”

Tôi buồn lắm, buồn như chưa bao giờ buồn. Tôi cảm thấy như mình vừa bắt được một cái gì đấy và đã đánh mất ngay. Tối hôm ấy tôi chập chờn không sao ngủ được. Trong trí tôi hiện lên hình ảnh những đêm Hoàng hấp tấp gọi tôi dậy rồi cả hai vừa trùm áo lạnh, vừa vơ lấy cái túi cứu thương chạy vào trong xóm núi. Tiếng trẻ thơ oa oa khóc chào đời trong những ngày đói kém nhất. Những ca mổ không đủ bông băng và thuốc sát trùng. Trời còn tối mịt tôi lẳng lặng gom góp đồ đạc, viết vài chữ để lại cho

Hoàng rồi rón rén mở cánh cổng bằng nửa của trạm xá bước thẳng ra ngoài. Tôi cầm cây đèn pin, nhìn thật lâu vào cây cột mốc có hàng chữ: “Cây số 16” như nhìn một người tôi vừa chớm yêu là đã phải xa, một người yêu mà có phải vì quá nghèo đã không giữ được bước chân tôi?

Mười mấy năm sau tôi chưa lần nào trở lại trạm xá miền núi cô đơn ấy. Cuộc sống mới khóa lấp dần những kỷ niệm xa xôi. Tôi có viết thư về cho Hoàng nhưng có lẽ thư thất lạc, tôi không nhận được thư trả lời nào cả. Thời gian chồng chất lên những nỗi buồn và mong nhớ vu vơ. Nhiều khi tôi không hiểu mình đang sống hay cuộc sống đã nuốt chửng mình. Một hôm tôi nhận được bức thư từ xa. Mắt tôi nhòe đi. Thư của Hoàng.

“Cây số 16, ngày.... tháng.... năm....

Tình cờ gặp một bạn cũ, biết được địa chỉ của Nga nên Hoàng viết thư thăm Nga đấy. Nga khỏe không? Hoàng vẫn còn làm việc ở trạm xá cũ, nay đã tăng cường thêm hai bác sĩ và hai y tá mới ra trường, cũng lớ ngớ như bọn mình ngày trước ấy mà. Chị Lương đã về hưu rồi. Hoàng đã có vợ và hai con. Sáng hôm ấy mới hay Nga đã đi. Hoàng bước vào thấy căn phòng trống trơn. Mà Nga vội quá nên bỏ quên lại một vật, Nga còn nhớ là cái gì không? Nga bỏ quên lại cái ống nghe đấy...”

Nước mắt tôi trào ra. Sự ra đi, những lý lẽ, những cái đúng và không đúng bây giờ đối với tôi không có ý nghĩa gì nữa cả. Tôi chỉ thấy nhớ, cái nhớ thôi thúc đến sôi ruột, đến bồn chồn. Sau bức thư ấy tôi liên lạc lại được với Hoàng. Tôi về thăm gia đình anh và đóng góp vào việc xây dựng trạm xá. Thật ra chỉ như muối bỏ biển nhưng ít ra tôi thấy mình đã làm được một cái gì. Tôi đặt bàn tay lên cây cột mốc ngày xưa và cảm thấy lòng mình mềm hơn bao giờ hết. Những rung động ngày nào chỉ còn là kỷ niệm nhưng tôi biết là tôi thương nơi ấy, cho đến suốt cuộc đời. Mỗi ngày đi làm, nhìn tòa nhà đồ sộ của bệnh viện, tôi không thể nào không nhớ tới trạm xá miền núi heo hút kia. Bên tai tôi lúc nào cũng như còn nghe câu nói của Thoại: “Chị ơi, về xã, về huyện thì lấy gì ăn?”

ĐÌNH MỆNH

Nguyễn Trần

Tính đến nay, Bình đã định cư ở thành phố Toronto (Canada) được hơn ba năm và chàng làm việc tại hãng sản xuất phụ tùng xe hơi cũng bằng ngần ấy thời gian. Vào đầu thập niên 80, nền kinh tế Canada còn tương đối ổn định nên tìm một việc làm lương trung bình không phải là chuyện khó khăn lắm, do đó Bình đã vớ ngay được cái job hiện giờ và cày mót chỉ từ những giây phút đầu tiên hít thở không khí tự do trong khi hầu hết các “đồng thuyền nhân” còn đang chờ học lớp Anh Văn ESL.

Lý do Bình phải nôn nóng tìm việc làm cũng dễ hiểu thôi. Chàng còn cả một gánh nặng gia đình, vợ và bốn con đang kẹt lại ở Việt Nam. Hồi tưởng lại những ngày đen tối lúc chưa vượt biên, chàng vẫn còn rung mình như vừa trải qua cơn ác mộng kinh hoàng. Sau khi liều lĩnh vượt trại cải tạo ở Long Khánh, Bình đã trốn tạm nhà Bà Dì ở Ngã Ba Cây Thị Gia Định và dùng giấy tờ lý lịch giả do Hằng, vợ chàng mua từ ngay chính tên Công An phường.

Tội nghiệp cho Hằng, từ đó phải xuôi ngược gian truân, xoay xở tảo tần để nuôi một ông chồng sa cơ thất thế và bốn đứa con thơ mà đứa lớn nhất chưa tới 10 tuổi và đứa nhỏ nhất mới lên ba. Nếu ngày xưa, Ông Tú Xương cảm thương vợ:

“Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng”

thì ngày nay Bình càng xót thương Hằng nhiều hơn vì nếu so sánh hai sự hi sinh với nhau thì Bà Tú chỉ phải vất vả cực nhọc vì sinh kế, vợ chàng ngoài ra còn phải đương đầu với những khó khăn dưới thể chế mới.

Ông bà mình thường ám chỉ sự ứng biến của con người qua câu nói “ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.” Bình thấy quả thực đúng với hoàn cảnh của Hằng hiện nay, ngày trước nàng rất ít tiếp xúc ngoài đời, suốt ngày chỉ quanh quẩn ở nhà lo việc bếp núc săn sóc chồng con chứ nào có lanh lợi tháo vác và nhất là có nghị lực như bây giờ để vượt qua bao khó khăn sóng gió cuộc đời.

Tình trạng lơ lửng của Bình rất nguy hiểm và khó có thể kéo dài nên vào cuối năm 1979 lúc phong trào đăng ký vượt biên rầm rộ, Hằng mới bảo chàng:

-Anh à! Của cải mình dành dụm bấy lâu nay cũng được 15 cây vàng đủ để anh đăng ký vượt biên. Nếu may mà anh đến được bến bờ tự do thì bảo lãnh mấy mẹ con em qua sau, chứ ở lại trong tình trạng núp lén này thì có ngày chúng bắt anh mất và hơn nữa tiền bạc hao hụt dần thì cũng chết thôi.

Là con người rất nặng tình cảm gia đình, Bình cương quyết từ chối ngay đề nghị của vợ:

-Vết hết tài sản cho anh đi rồi em và các con làm sao mà sống. Anh nhất định không đi đâu hết, sống chết cùng có nhau.

Nhưng sau đó, bà dì và Hằng thuyết phục mãi, vả lại dù chàng vì thương vợ con mà ở lại thì cũng không làm sao cho tình thế khá hơn mà còn làm vướng bận lo lắng cho bao người thân yêu với cái lý lịch trốn trại của chàng. Thế là sau cùng Bình đành đau đớn búi gói lìa xa vợ con với bao ân tình để vượt biên tìm tự do.

Đã hơn ba năm trôi qua nhưng chàng vẫn còn nhớ rõ mồn một hình ảnh Hằng rung rung nước mắt tiễn đưa chàng ra đi. Trách nhiệm của chàng đối với người ở lại thật lớn lao. Chính vì thế, Bình đã làm việc rất hăng say, ngoài 5 ngày full time ở hàng phụ tùng xe hơi, chàng còn làm buổi chiều cho một restaurant ở downtown với nhiệm vụ “rửa chén” và được chia một phần tip hầu có đủ tiền gửi về cho gia đình và dành dụm để bảo lãnh vợ con sau này. Thời giờ Bắc Mỹ vốn đã eo hẹp cho mọi người, riêng đối với người cày hai jobs như chàng thì lại càng tất bật vội vã hơn. Công việc hàng ngày của chàng giống như chạy show, vừa xong việc chính ở hãng phụ tùng xe hơi là chàng chạy thẳng tới restaurant để “lái đĩa bay” tới khuya mới về nhà lại phải tự lo việc bếp núc cho ngày hôm sau và cứ thế ngày này qua ngày nọ, tuần này nối tiếp cho tuần sau. Hầu như chàng không còn một lạc thú nào cho riêng mình. Nhiều lúc nghĩ lại, Bình không ngờ đời mình lại bước vào một khúc quanh tẻ tã thế này. Nhưng rồi nhớ đến vợ con đang khắc khoải trông chờ, chàng thấy phần khởi trở lại ngay với bức tranh kỷ niệm tuyệt vời xa xưa.

Sinh ra và lớn lên tại Mỹ Tho, sau khi học hết ban Trung Học tại trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu, Bình trúng tuyển vào Học Viện Quốc Gia Hành Chánh Sài Gòn và khi vừa tốt nghiệp, chàng lập gia đình với Hằng cô hàng xóm và cũng là người yêu đầu đời. Chàng trai Võ An Bình sau đó nhận nhiệm sở đầu tiên là Phó Quận ở một tỉnh miền Tây với tất cả lý tưởng hăng say của một cán bộ hành chánh trẻ trung. Từ đó con đường hoạn lộ rộng mở với một tương lai huy hoàng thì bỗng mất ra ngày 30 tháng Tư đã thay đổi cuộc sống của người dân miền Nam, trong đó có gia đình chàng. Theo cơn nổi trôi của vận nước, chàng phải vào trại học tập lao động, đến một ngày vì không chịu đựng được nỗi khổ cực trong trại, chàng liều lĩnh trốn thoát và sau cùng nhờ vào sự hi sinh của Hằng và các con, chàng đã vượt biên đến đảo Bidong, Mã Lai. Thời gian ở đảo tương đối nhàn rỗi, Bình phải làm tạp dịch hằng ngày vì chàng làm thông dịch viên cho đồn Cảnh Sát Mã Lai. Lâu lâu mới có một vụ phóng vấn đại diện tàu mới tới, vài vụ thừa gởi quýt tiền vượt biên, nấu rượu lậu, tố cáo Việt Cộng trà trộn, ẩu đả nhau.... thì họ mới cần đến chàng còn ngoài ra thì chàng cứ tà tà rong chơi với trời phiêu lãng. Nhưng mà với tâm trạng thương nhớ vợ con, chàng rất nôn nóng đi định cư. Chính vì thế chàng đã hăm hở đi Canada thay vì chờ Mỹ thì quá lâu.

Giờ đây mặc dù vất vả nhọc nhằn nhưng Bình rất vui sướng vì giúp đỡ gia đình thoát khỏi cảnh đọa đầy đói khổ ít ra về phương diện vật chất và hơn thế nữa, ánh sáng tương lai của một ngày đoàn tụ vừa lồ lộ ở cuối đường hầm.

Tội nghiệp Hằng thư nào viết sang cũng khuyên chàng giữ gìn sức khỏe, đừng làm việc quá sức mà sinh bệnh (mặc dù chàng giấu biệt cái vụ cày 2 jobs vì sợ nàng buồn). Hằng cũng ái ngại không ai lo miếng ăn giấc ngủ cho chàng và còn nhắc chàng đừng gởi tiền về nhiều quá vì mẹ con nàng đủ xài rồi, phải để dành tiền cho tương lai đoàn tụ.

* * *

Trời Canada đã vào thu, lá vàng rơi ngập mọi nẻo đường phủ kín trên thảm cỏ trải dài màu hắt hiu âm đạm. Vài chiếc lá chơ

vợ cuối cùng bám víu vào thân cây xơ xác như muốn níu kéo thêm chút cuộc sống phù du ngắn ngủi về chiều. Trời Thu thê lương buồn bã như đang run rẩy theo ngọn gió heo may se lạnh làm tê tái hồn người. Cảnh vật đìu hiu quanh quẻ như thế mà lòng Bình hôm nay như hân hoan như mở hội. Không vui sao được khi chàng vừa thi đậu cuộc phỏng vấn nhập quốc tịch Canada, có nghĩa là chàng đã hội đủ điều kiện bảo lãnh vợ con sang đoàn tụ cùng chàng, điều mơ ước duy nhất mà chàng ấp ủ từ lâu và cũng là động lực thúc đẩy chàng cày hai jobs. Bình thấy trời Toronto rực sáng huy hoàng hơn mọi khi.

Nếu cụ Nguyễn Du diễn tả tâm trạng u buồn của Kiều qua câu thơ:

“Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”

thì Bình cũng xin phép cụ cho sửa lại một chút để phù hợp với tâm trạng của chàng:

“Người vui cảnh có buồn đâu bao giờ”

Việc đầu tiên chàng phải làm là đánh điện báo tin mừng này cho Hằng và các con và sẽ xúc tiến thủ tục bảo lãnh mẹ con nàng. Như vậy là thời gian chờ đợi ngày đoàn tụ gia đình đã thu ngắn lại.

Chính sách di dân của Canada thời bấy giờ còn dễ dàng, hơn thế nữa việc đoàn tụ vợ con là ưu tiên một nên Bình hoàn tất thủ tục bảo lãnh nhanh chóng. Mặc dù lúc nào cũng lo nghĩ đến vợ con, nhưng khi đặt bút ký vào tờ sponsorship, Bình có cảm tưởng trách nhiệm mình nặng nề hơn, do đó chàng lại phải làm việc nhiều hơn nữa.

Tiền saving trong account đã tương đối khá nhưng chàng vẫn chưa yên tâm. Một vợ bốn con là cả gánh nặng chứ nhất là phải lo cho các con ăn học đến nơi đến chốn. Tất cả làm chàng hình dung cả một khó khăn trải dài trước mắt. Chàng phải xin làm thêm giờ rửa chén ở restaurant tới khuya. Đời chàng thêm vất vả nhọc nhằn. Hi sinh cho người thân yêu là nền tảng đạo lý của Á Đông. Bạn bè ai cũng bảo chàng là workoholic thì chàng cãi lại là familoholic.

Hãng phụ tùng xe hơi nơi Bình đang làm ở miền Bắc Toronto càng ngày càng phát triển, hãng cần tuyển thêm nhiều

công nhân. Trong dịp tuyển dụng này, Bình mong có thêm nhiều đồng nghiệp người đồng hương, chàng có rủ rê mấy người bạn quen vào nhưng tất cả đều có việc làm ổn định nên chẳng ai chịu nộp đơn xin việc. Hiện nay, toàn hãng chỉ có năm người Việt Nam là Văn, Nghĩa, Điền, bà Chi và chàng. Văn cùng lứa tuổi với Bình lúc nào cũng oang oang nhắc lại thời hoàng kim khi còn dạy tại trường Trung học kiểu mẫu Thủ Đức. Nghĩa và Điền thì còn quá trẻ để chia sẻ tâm tư với thế hệ Bình. Còn bà Chi chắc nhỏ hơn chàng năm ba tuổi nhưng luôn luôn khép kín, xa cách và rào đón như sợ bốn thằng đàn ông nhào dzô tấn công. Thật là buồn năm phút. Từ đó, tương quan giữa chàng và bốn đồng nghiệp chỉ là sự chào hỏi qua loa, ậm ừ chiếu lệ.

Một hôm vào giờ ăn trưa, Bình bỗng trông thấy một khuôn mặt lạ, đó là người đàn bà Á Châu thật đẹp nhưng hơi buồn khoảng 40 đang ngồi một mình ở góc cafeteria. Chàng biết ngay đây là nhân viên tân tuyển và hi vọng đó là một người Việt Nam. Hai hôm sau, trong lúc bấm time card buổi sáng để vào làm, Bình trông thấy người đàn bà đó đang bối rối nhìn chàng như muốn nhờ điều gì, chàng sốt sắn hỏi:

-You have any problem? Are you Vietnamese?

Nàng mừng rỡ trả lời:

-Dạ phải! Chắc ông cũng vậy? Tôi bị mất punch card.

Tình hân hoan chào mừng đồng hương mới rồi đưa nàng vào phòng kế toán lấy card khác. Tới lúc ăn trưa, chàng đến ngồi chung bàn với nàng để company. Trong buổi sơ giao, Bình biết nàng tên Hạnh vừa mới được nhận vào làm từ mấy ngày nay trong department assembly. Mặc dù mới quen nhau, nhưng không khí câu chuyện có vẻ thân tình cởi mở. Hạnh mừng vì trong những ngày đầu nhận việc mà đã có người gọi chuyện bớt thấy xa lạ bởi ngỡ còn Bình vui vì có đồng nghiệp mới xinh đẹp thân thiện.

Thấm thoát thế mà Hạnh đã vào làm gần nửa năm và mối giao hảo giữa nàng và Bình càng thân thích hơn. Chồng nàng là sĩ quan QLVNCH đã bỏ mình ở trại cải tạo Đầm Đùn vào năm 1979 vì bệnh tật và kiệt sức. Sau đó nàng phải cạy cục vay mượn

thân quyền bạn bè để có đủ tiền đưa hai con vượt biên và định cư tại Toronto hơn hai năm nay.

Nơi xứ lạ quê người với những bước đầu rụt rè lo âu và hai bàn tay yếu đuối, người góa phụ đáng thương đã phải phấn đấu ngược xuôi trước cuộc sống vội vã vô tình để lo cho hai đứa con gái trạc tuổi con Bình ăn học đàng hoàng. Nhiều lúc nhớ lại thuở đất còn chiến chinh và chồng bận chinh chiến nhưng thỉnh thoảng vẫn còn có ngày về phép san sẻ vui buồn cùng vợ con, Hạnh không khỏi chạnh lòng thăm thía nỗi buồn thân phận qua hai câu thơ của ai đó:

*“Khi xưa chinh chiến mình sum họp
Nay đã thanh bình lại biệt ly.”*

Để lo sinh kế gia đình nhất là tiền thuê một apartment hai bedroom cũng phải \$300/tháng, Hạnh phải làm mọi thứ việc với mức lương tối thiểu như may mặc, babysitter, bồi bàn, cashier... Mãi sau này, nhờ người quen chỉ dẫn, nàng mới xin được việc làm tại hãng phụ tùng xe hơi này.

Từ nhà nàng đến hãng nếu lái xe thì chỉ mất hơn 15 phút, nhưng vì Hạnh phải lấy bus (đến ba chuyến nhất là chuyến bus thứ ba đến hãng là loại bus làng rất thưa thớt chậm trễ) nên nàng phải mất hơn một tiếng rưỡi đồng hồ.

Một hôm, Hạnh lỡ một chuyến bus nên tới hãng trễ gần nửa tiếng. Tony, gã supervisor người Ý đã tàn nhẫn to tiếng rầy la mắng nhiếc nàng trước mặt mọi người làm nàng tủi thân khóc nức nở. Bình thấy việc bất bình vội can thiệp ngay, chàng nói thẳng với Tony mặc dù lỗi của Hạnh nhưng nàng mới phạm lần đầu chỉ đáng cảnh cáo thôi, hơn nữa nó không có quyền la lối nạt nộ nàng vì đó là một hình thức harassment. Thằng Tony vốn nể nang Bình từ trước và nghe thấy tiếng harassment nên bỏ đi. Thực ra, cái ghế supervisor của nó lẽ ra là của chàng, số là năm trước khi ông supervisor Dale về hưu, chủ hãng thấy Bình vừa có khả năng vừa chăm chỉ nên muốn chàng lên thế, nhưng vì lương chẳng cao hơn bao nhiêu, vả lại làm supervisor thì phải rotate shift khi sáng khi chiều thì kẹt cho cái job rửa chén của chàng. Thế nên chàng từ chối và nhờ đó thằng Tony như “mèo mù vớ cá

rán” đó thôi. Nhân vụ rắc rối đó, Bình thấy tội nghiệp cho Hạnh vô cùng nên chàng mới nói:

-Đây là lần đầu chị đi trễ nhưng chắc chắn không phải là lần cuối cùng vì chuyện trễ bus là chuyện rất thường xảy ra. Và nếu chị còn đi trễ nữa tôi e rằng chị sẽ gặp khó khăn. Tôi có ý nghĩ này từ lâu nhưng tôi không tiện nói ra vì sợ chị hiểu lầm, nay thì sự thể đã như thế rồi thì tôi đề nghị là chị để tôi đưa rước chị đi làm mỗi ngày hầu tránh chuyện trễ nải. Nghe nói nhà chị ở đường Jane thì cùng trên đường tôi đi làm nên cũng tiện lắm.

Hạnh thấy vô cùng xúc động trước tấm lòng của Bình thực sự muốn giúp nàng. Vừa tránh nạn trễ xe có thể mất việc, vừa khỏi phải đứng đợi bus lâu lắc nhất là dưới trời Đông buốt giá. Tuy nhiên nàng cũng không khỏi áy náy:

-Thế thì phiền cho anh quá. Và lại anh đâu có thì giờ.

Bình ngắt lời:

-Vừa là đồng hương, vừa là đồng nghiệp, mình giúp nhau được việc gì thì cứ giúp, chẳng có gì mà chị ngại cả.

Trước nhiệt tình của Bình, Hạnh chấp nhận nhưng đặt điều kiện:

-Vậy thì cảm ơn anh nhiều nhưng nói trước là anh phải cho tôi share tiền xăng nhé.

Bình cười:

-Chị làm như business không bằng. Thì cũng trên đường tôi đi làm chứ có hao hụt gì mà tiền với nong.

Kể từ đó, Bình đưa rước Hạnh đi làm ngày hai chuyến. Công việc tài xế này có làm Bình mất ít nhiều thì giờ nhưng chàng thấy vui vì giúp được Hạnh. Ngoài ra mỗi sáng thứ bảy chàng còn đến đưa giúp Hạnh đi chợ cho cả tuần. Và để đáp lại, Hạnh mang theo cả phần ăn trưa luôn cho Bình. Lúc đầu chàng còn dè dặt vì sợ tiếng thị phi của mấy đồng nghiệp cũ thì Hạnh bảo:

-Có gì đâu. Thế nào thì tôi cũng mang thức ăn cho tôi thì luôn tiện mang thêm cho anh vậy thôi. Vậy chớ anh đã giúp tôi quá nhiều đó sao.

Bình nghe thấy xuôi tai nên đành chấp nhận.

Nếu một người đàn ông bảo rằng không rung động trước sắc đẹp phụ nữ thì hoặc là anh ta nói dối hoặc anh ta có “vấn đề”.

Bình đôi lúc cũng thấy lòng xao xuyến khi đứng trước mặt Hạnh nhưng tình yêu thương vợ con mãnh liệt nhiệm mầu đã đưa chàng vượt qua mọi rung cảm của con tim. Dòng đời cứ thế mà trôi, mức độ giao du giữa Hạnh và Bình từ từ ra chiều thân mật hơn mà Bình tự tin với lá chắn tình nghĩa vợ con nên đã không nhận thức được cho tới một hôm Văn khuyến cáo chàng:

-Chà! Lúc này coi bộ ông bà âu yếm nhau quá nhỉ! Ngồi ăn mà liếc mắt đưa tình như muốn nuốt trọn hồn nhau.

Bình giật mình chống chế:

-Đừng nói bậy bạ, người ta rất đàng hoàng đứng đắn, còn tôi thì đang trông chờ đoàn tụ với vợ con đó cha.

Văn vẫn không buông tha:

-Đồng ý là người thì đứng đắn người thì chờ đoàn tụ vợ con nhưng tình yêu khi nết lửa rồi thì có Trời mà cản.

Tuy vững tin lòng mình nhưng kể từ đó, Bình thấy hơi mất tự nhiên mỗi khi tiếp xúc với Hạnh. Có phải chăng Văn đã khơi động nỗi niềm sâu kín tận cõi vô thức của chàng?

Sau thời gian dài làm việc quá sức, Bình sút người thấy rõ, chàng mất đi gần 20 pounds. Hạnh lo lắng cứ giục chàng đi bác sĩ nhưng chàng mãi lao theo dòng công việc mà lơ đi cho đến một hôm đang làm việc, Bình cảm thấy khó thở và xây xẩm mặt mày rồi té xuống bất tỉnh luôn. Tony gọi ambulance khẩn cấp đưa chàng tới bệnh viện, bác sĩ phải làm CPR, cho chàng thở oxygen, chuyển nước biển, đo áp huyết thử máu... Mãi đến hai tiếng đồng hồ sau chàng mới hồi tỉnh lại, qua đôi mắt lơ đãng một môi chàng bắt gặp khuôn mặt Hạnh đầm đìa nước mắt đang lo âu nhìn chàng.

Cuộc đời con người, trong những phút giây ồm ầu trầm trọng thập tử nhứt sinh mà có được một người bên cạnh sẵn sàng chia sẻ thì nỗi cảm kích xúc động nó lớn lao biết dường nào. Trong tâm tình đó, Bình khẽ gọi:

-Hạnh!

Hạnh mừng rỡ xiết chặt tay Bình:

-Anh! Anh tỉnh lại rồi! Anh thấy trong người thế nào?

Bình thều thào:

-Còn hơi mệt.

Hạnh định nói tiếp thì bác sĩ ngăn lại:

-Thưa bà, ông ấy còn yếu lắm, xin bà để ông ấy nghỉ.

Một lúc sau, bác sĩ cho biết là Bình không bệnh gì cả. Đó chỉ là hậu quả của sự làm việc quá sức overwork mà thôi. Cần tịnh dưỡng một tuần là bình thường trở lại nhưng từ nay đừng nên làm việc quá nhiều.

Trong suốt tuần lễ Bình nghỉ ở nhà, Hạnh đã thật vất vả vừa đi làm vừa đến chăm sóc nấu ăn cho chàng khiến Bình cảm kích xúc động vô vàn nhưng cũng không kém phần ái ngại:

-Đi làm bằng xe bus đã cực nhọc quá rồi mà còn tới đây lo đủ thứ chuyện coi chừng bệnh thì khổ.

Hạnh nhẹ nhàng nói:

-Bác sĩ đã bảo tịnh dưỡng thì phải nghe lời. Đừng lo nghĩ gì nhiều mà ảnh hưởng tới sức khỏe.

Sau đó, Bình trở lại làm việc, nhớ lời bác sĩ dặn, chàng bớt giờ “chút đỉnh”, trước kia sau khi xong việc chính ở hãng phụ tùng xe hơi, chàng làm tiếp ở restaurant tới 12:00 giờ khuya, bây giờ chàng chỉ làm tới 9:00 giờ tối, rút ngắn được ba tiếng.

Ngày hôm đầu tiên trở lại, Hạnh đã hỏi chàng:

-Đã xin nghỉ ở restaurant chưa? Nhớ lời dặn của bác sĩ hôn?

Bình ngập ngừng:

-Chưa! Thôi để từ từ đã. Bớt giờ lại rồi.

Hạnh ngoe nguẩy:

-Không bỏ hẳn được cái job ấy sao. Phải lo sức khỏe chứ. Bị một lần chưa tổn à!

Bình lại ấp úng:

-Cần tiền quá biết làm sao bây giờ.

Hạnh giận dữ:

-Coi tiền hơn cả mạng sống nữa. Muốn làm gì thì làm đi. Hồng nói nữa đâu.

Hai người cứ toàn là nói trống không với nhau. Ông bà mình rất ghét trai gái nói trống vì cho rằng phải có tình ý với nhau. Thực vậy, kinh nghiệm cho thấy hễ đàn ông đàn bà mà nói trống thì chém chết là đã có “tình trong như đã mặt ngoài còn e”.

Cả Bình và Hạnh cũng nhận ra cái lối nói chuyện bất thường này và cũng thấy cõi lòng rung động ngất ngây mặc dù chưa nói

với nhau một lời yêu thương. Có giây phút nào đó, cả hai cùng ý thức rằng tình yêu mong manh như sương khói, như áng mây trời lững lờ vô tình trôi để lại một vùng cô đơn quanh quẽ hắt hiu ngậm ngùi vì bao nhiêu ngang trái bủa giăng. Biết làm sao hơn khi mà:

*“Ta gặp nhau sao quá muộn màng
Cầm bằng như lờ chuyển đồ ngang”*

Cố giữ cho mối tình trong sáng cao thượng, hai kẻ yêu nhau muộn màng đã phải hi sinh đè nén trong khổ đau dẫn vật và những xót xa bàng hoàng vì cái hệ lụy trái ngang cuộc đời.

Cho tới bây giờ, Bình nhớ tới câu nói “lửa gần rơm lâu ngày cũng bén” mà thấy giựt mình cho mối liên hệ giữa Hạnh và chàng. Nào ai học được chữ ngờ mà khi học được rồi thì đã muộn.

* * *

Thời gian trôi nhanh như bóng câu, thắm thoát thế mà hồ sơ bảo lãnh vợ con Bình đã được gần hai năm. Mọi thủ tục phỏng vấn khám sức khỏe bên Việt Nam cũng hoàn tất. Một hôm nhân viên Sở Di Trú phone báo chàng biết là vợ con chàng đã có tên trên chuyến bay KLM trong tháng tới để đoàn tụ gia đình.

Ngay trên đầu dây, Bình đã reo mừng vui sướng vì sắp được sum họp cùng vợ con thân yêu sau bao năm trời xa cách. Chàng đã chẳng từng làm việc cật lực đến suýt cả nguy hiểm đến tính mạng vì mơ ước đó hay sao? Chàng sẽ thương yêu lo lắng cho Hằng và các con tận cùng để bù lại những cơ cực, sự hi sinh vừa qua.

Nhưng sau đó, chàng chợt thấy lòng băng khuâng chùn lại khi nhớ đến Hạnh. Làm sao mà nói với nàng đây hỡi Trời! Sao đời lắm bi lụy u sầu như vậy. Lòng chàng ngồn ngang trăm mối tơ vò với nỗi buồn bàng bạc. Ngày xưa chàng thường nghe câu hát ru em:

*“Trông trâu thì phải khai nương
Làm trai hai vợ phải thương cho đồng”*

Chàng không tài hiểu nổi làm sao mà mấy ông hai vợ “thương cho đồng” cho được. Riêng chàng chưa có vợ.

cảnh “thuyền trưởng hai tàu” nhưng chỉ mới có “ngoại ô đèn vàng” như thế này mà đã nhức đầu thấy mờ luôn. Tình cảm là một ý niệm có tính cách thiêng liêng chiếm hữu và ích kỷ nữa chứ nào phải là cái bánh, quả cam sao mà chia cho đồng đều. Hơn nữa, về phía hai người đàn bà có chung một chồng thì đồ bà nào nghĩ rằng chồng mình thương mình hơn con quý cái kia đâu.

Trở lại chuyện chuẩn bị đón tiếp vợ con, việc đầu tiên chàng phải làm là gặp superintendent nơi đang ở để xin dời từ cái bachelor sang apartment ba bedrooms. Cũng may là vào thời điểm đó ít người thuê nên còn phòng trống cho chàng ngay. Sau đó, chàng lo mua sắm bàn ghế, giường ngủ, đồ nhà bếp... để chuẩn bị cho tổ ấm gia đình.

Điều làm chàng bối rối nhất là không biết phải mở lời làm sao với Hạnh đây. Sau cùng Bình cũng phải đối diện với sự thực, một sự thực nát lòng, trong một bữa ăn trưa ở hăng, chàng run run khơi mào câu chuyện:

-Hô sơ bảo lãnh gia đình xong hết rồi.

Hạnh hồi hộp khẽ hỏi:

-Vậy là chị Hằng và mấy cháu sắp qua với anh?

Bình cúi đầu xuống nói thật nhanh:

-Ừ! Tuần tới mấy mẹ con qua rồi.

Mặc dù biết thế nào rồi cũng có ngày này nhưng sao Hạnh vẫn thấy đau nhói trong lòng, cô họng khô đắng, mặt mày xám và tay chân bủn rủn, nàng thần thờ kêu lên:

-Thiệt hả!

Rồi nấc lên nghẹn ngào qua đôi mắt rung rung nhìn chàng. Bình đau khổ nói trong tuyệt vọng nào nể:

-Hạnh ơi! Anh yêu em nhiều lắm, nhưng định mệnh đã an bài cho chúng ta như vậy rồi. Đa tạ tình em và nguyện cầu ơn trên ban phước cho em quên đi chuyện tình trái ngang này và tìm được một hạnh phúc mới. Từ đây đến cuối đời, anh không bao giờ quên em đâu.

Giọng Hạnh buồn rầu đứt quãng:

-Em cũng yêu anh vô vàn và em cầu chúc anh êm ấm cùng vợ con. Thôi! Hãy quên em để lo chu toàn gia đình. Dù cho ở bất

cứ phương trời nào, em cũng luôn cầu mong anh chị nhiều hạnh phúc an bình.

Nói xong nàng vụt bỏ chạy để lại đằng sau một vùng trời thê lương sâu thẳm và trước mắt là một khoảng không gian đen tối mịt mùng trong khi Bình đau đớn nhìn theo. Kể từ đó, Hạnh cố né tránh Bình, nàng ăn trưa ngay tại chỗ làm chứ không ngồi ở cafeteria như trước và cương quyết không đi xe chung với lý do sợ vợ chàng hiểu lầm cho dù Bình đã năn nỉ hết lời. Bình cũng buồn rầu không kém, con người tình cảm dần vật đã khiến chàng như kẻ mất hồn mỗi khi nhớ đến những chua cay mà Hạnh đang gánh chịu. Thời gian chậm chậm qua đi trong nặng nề u uẩn cho hai người yêu nhau không lối thoát.

Sau cùng ngày đoàn tụ đã đến. Chiếc KLM 1403 của hãng hàng không Hòa Lan sẽ tới phi trường Lester Pearson ở Toronto lúc 17:00 giờ. Bình xin về sớm nửa buổi để chuẩn bị đón vợ con.

* * *

Chiếc jumbo khổng lồ KLM từ từ hạ cánh mang cả một khung trời mới lạ và hạnh phúc cho ít nhất là năm hành khách: Hằng và bốn con. Sau khi hoàn tất thủ tục nhập cảnh, Hằng được người thông dịch viên thân thiện bảo:

-Xin chúc mừng bà và các cháu đến Canada đoàn tụ cùng ông nhà. Bây giờ tôi sẽ đưa tất cả đến phòng đợi ở terminal. Hi vọng rằng ông Bình đã có ở đó rồi.

Nhưng khi tới nơi thì không thấy bóng dáng Bình đâu hết. Một lúc sau anh thông dịch viên ân cần nói:

-Chắc là kẹt xe vào giờ cao điểm nên ông Bình tới trễ. Tôi về văn phòng đi trú có chút việc, bà và các cháu cứ tiếp tục chờ ở đây, có gì thì đến gặp tôi nghe.

Ngồi chờ thêm gần tiếng nữa mà vẫn chưa thấy chồng, mấy đứa con sốt ruột hỏi mẹ:

-Sao Ba không đến rước mình hả Mẹ.

Hằng tuy bối rối nhưng cố trấn an các con:

-Chắc Ba đang bận con à! Ráng chờ chút đi con. Thế nào rồi Ba cũng đến.

Mặc dù sốt ruột nhưng mấy đứa nhỏ nghe lời Mẹ cũng tạm yên tâm, chúng ngơ ngác nhìn hành khách qua lại vội vã, ngắm những cửa hàng rực rỡ mà chúng chưa từng thấy có ở Việt Nam và luôn miệng trầm trồ:

-Cha! Cái gì cũng đẹp hết. Vậy là sống ở đây sướng lắm.

(Thì nhà văn Trà Lũ đã chẳng gọi đất Canada là vùng đất thiên đàng đó sao!)

Đã hơn một tiếng rưỡi đồng hồ mà vẫn chưa thấy tăm hơi Bình, không thể chờ đợi hơn nữa, Hằng nóng lòng tìm tới văn phòng di trú hỏi thăm. Lần này đến lượt anh thông dịch viên ngạc nhiên:

-Ủa! Ông ấy vẫn chưa đến đón à! Thôi để tôi phone tới nhà xem sao?

Rồi anh nhấc phone gọi, chuông reo đến 5,6 lần mà vẫn không ai trả lời. Anh quay lại trấn an Hằng:

-Chắc là kẹt xe nữa rồi. Thành phố lớn như Toronto thì chuyện kẹt xe một, hai tiếng là thường lắm. Thôi để tôi dẫn bà và các cháu trở lại phòng chờ đợi chúng ta cùng chờ vậy.

* * *

Sau khi nghỉ ngơi một lúc cho khỏe người, Bình nhìn đồng hồ đã 16:10, cũng đã gần giờ Hằng và các con tới Tronto, chàng đảo mắt nhìn lại cái apartment đã dọn dẹp tươm tất để đón Hằng và các con, chàng cũng không quên nấu món ăn sườn khèo mà nàng thích và món cơm bì mà cả bốn con chàng đều thèm. Sau khi make sure mọi việc ok, chàng ra xe để tới phi trường đón vợ con. Hôm nay phải là một ngày vô cùng quan trọng với chàng vì được sum họp vợ con thân yêu sau hơn 5 năm trời nhớ thương xa cách. Cùng lúc đó, tim chàng se lại khi nhớ đến một người hiện đang khắc khoải u sầu. Lái xe trên xa lộ 401 mà lòng chàng ngổn ngang trăm mối, đầu óc quay cuồng và nhức như búa bổ. Phần vì mấy đêm mất ngủ, phần thì rầu buồn những éo le ngang trái của một cuộc tình vừa chớm nở đã chia phôi vô vọng. Chàng thấy thương yêu Hằng và các con đã chịu đựng cả chuỗi ngày cơ cực khổ đau để hi sinh cho chàng đồng thời chàng cũng thấy tội nghiệp xót xa cho Hạnh với cuộc tình không lối thoát. Những

dòng suy nghĩ miên man làm hồn chàng như phiêu lãng bỗng bênh rồi trong một tích tắc nào đó, chàng bỗng xây xẩm mặt mày và.... Trời ơi!!! Xe chàng lạng qua lane bên cạnh vừa đúng lúc xe truck 20 wheelers khổng lồ đang lao tới. Vì quá bất ngờ và quá gần, tài xế chiếc truck trailer chỉ còn buột miệng kêu lên “Oh! My God!” rồi cởi lên chiếc Honda nhỏ nhắn của Bình. Chiếc trailer vô tình đè bẹp và kéo xềnh xệch xe Honda độ cả trăm thước rồi mới từ từ ngừng lại giữa tiếng la hoảng loạn của những người chung quanh. Thân xác Bình tan nát từng mảnh vụn trong khối sắt Honda giờ đã cong queo bẹp dúm dưới lòng xe truck.

* * *

Đã 9 giờ tối, Hạnh chuẩn bị đi ngủ để ngày mai còn đi làm sớm. Nàng cũng dự định sẽ xin chủ hãng nghỉ việc kể từ tuần tới và đi thật xa để khỏi phải nhìn những kỷ niệm đau thương của mối tình lỡ làng. Đang còn thêm thếp thì bỗng tiếng chuông điện thoại reo liên tục làm Hạnh giật mình chụp lấy phone, bên kia đầu dây, giọng Văn hốt hải đứt đoạn:

-Chị Hạnh! Chị Hạnh! Chị hay tin gì không?

Hạnh hốt hoảng:

-Tin gì anh?

Văn run run nói:

-Anh Bình đã... chết hồi chiều vì tai nạn xe hơi rồi chị à!

Hạnh thét lên kinh hoàng:

-Trời ơi! Thiệt vậy hả anh?

Rồi quăng cái điện thoại và té xiu xuống sàn nhà. Hai đứa con gái nàng nghe tiếng la thất thanh của Mẹ vội vã chạy vào phòng đỡ nàng dậy. Cô gái lớn hốt hoảng nhặt chiếc phone còn nằm lăn lóc dưới đất định gọi 911 thì Hạnh ngăn lại vừa khóc nức nở rên rĩ:

-Anh ơi! Sao anh bỏ em mà đi vậy anh? Làm sao mà em sống được nữa đây. Trời ơi! Sao tàn nhẫn thế hồi Trời!

Mặc dù biết rằng việc Bình đoàn tụ với vợ con cũng đã là một sự vĩnh biệt đối với nàng nhưng ít ra chàng cũng còn hiện hữu trên cõi đời này và biết đâu nàng còn thỉnh thoảng gặp lại người thương dù chỉ một thoáng qua đường chứ đang này thì

thực sự là ngàn thu vĩnh biệt rồi. Trong phút giây đau khổ tột cùng, hình như có một cái gì thiêng liêng xui khiến nàng sức nhớ lại vợ con chàng đã đến Toronto chiều nay, Hạnh tức tốc gọi xe taxi chạy thẳng lên phi trường Pearson giữa lúc Hằng và bốn con đang ngồi ngơ ngác lo âu. Hạnh nhận ra họ ngay vì đã từng thấy hình gia đình Bình. Nàng chạy lại hỏi giọng đầy run run xúc động:

-Xin lỗi chị là Hằng, vợ anh Bình?

Hằng run mình khi chợt trông thấy đôi mắt đầm lệ của Hạnh. Nàng linh cảm chuyện chẳng lành nên hỏi vội:

-Dạ phải, tôi đây. Cô có biết anh Bình đâu không?

Như một phản ứng nhạy cảm tự nhiên Hạnh ôm chầm lấy Hằng khóc lóc thảm thiết:

-Chị ơi! Anh Bình đã tử nạn xe cộ chiều nay rồi.

Vừa nghe xong hung tin, hai đầu gối Hằng ngã quy xuống, nàng chị kịp thét lên kinh hoàng:

-Trời! Anh ơi!

Rồi lịm người trong tay Hạnh trong khi mấy đứa nhỏ nghe tin Ba mất cũng òa lên khóc náo ruột. Định mệnh tàn nhẫn đã biến cuộc trùng phùng hạnh phúc thành ra phút ngàn thu vĩnh biệt.

Nhiều hành khách từ các chuyến bay muộn cũng đổ xô lại lo lắng hỏi, “What happened?” trong khi anh thông dịch viên đang cuống quýt vỗ về mấy đứa trẻ xấu số.

* * *

Ngoài trời mưa bắt đầu nặng hột, cơn mưa trái mùa (giữa Hè) không mời mà đến như cũng khóc thương cho thảm kịch đau đớn vừa xảy ra. Những giọt mưa đan kín nhau như một bức tường mờ đục chắn nẻo đường tương lai của Hằng đáng thương vàng vò và của bốn đứa trẻ bơ vơ ngơ ngàng. Ánh đèn neon rực sáng soi rõ hình bóng hai người đàn bà đau khổ đang ôm nhau cùng khóc thương cho người chồng, người yêu đã bỏ họ đi về vùng miền viễn. Ngoài trời cơn gió giá băng rít lên từng hồi như muốn gợi những tiếng kêu tuyệt vọng “Anh ơi! Anh! Ba ơi! Ba!” vào cõi không gian mịt mù.

Lời kết:

Câu chuyện trên đây hoàn toàn hư cấu mà tác giả chỉ cốt cho hoa lá cành trắng trên lều vải để quý vị và các bạn mua vui cũng được vài trống canh. Tuy nhiên trên bình diện đạo đức luân lý Á Đông, quý vị và các bạn phán xét thế nào về Võ An Bình. Có hai cách phê phán:

1-Bước tội: Trước sự thương yêu và hi sinh hết mực của Hằng, lẽ ra Bình phải chung thủy trung thành tuyệt đối với vợ, trong lòng chàng phải không còn hình bóng người đàn bà nào khác, cho dù chàng thuộc giống đa tình đào hoa thì cũng phải cố mà dẹp hết mọi cám dỗ, đằng này chàng đã xao xuyến trước bóng sắc của Hạnh, mặc dù chỉ là một hình thức ngoại tình trong tư tưởng nhưng cũng là sự phản bội vợ con.

2-Bệnh vực: Đành rằng Bình có những phút giây giao động trước Hạnh nhưng sau đó chàng biết dừng lại đúng lúc mà không gây ra một tội lỗi nào. Và cũng chính vì lòng thương yêu vợ con, chàng đã không tiến xa hơn nữa, thiết tưởng đó cũng là sự hi sinh cao thượng theo đạo lý con người.

Riêng người viết không đồng ý với sự lung lạc tình cảm của Bình, sự thể như vậy đủ chứng tỏ chàng không xứng đáng với tình yêu thánh thiện và đức hi sinh cao đẹp của Hằng. Chính vì thế định mệnh đã khiến xui chàng không được sum họp cùng vợ con.

Toronto đầu Xuân 2006
Nguyễn Trần.



MÙA XUÂN TÌNH YÊU ĐẾN!!!...

Đông Nghi CBL

Nàng đang
nằm đó, dáng
thon mềm
thanh thản
mỉm cười với
ánh trăng êm
dịu, tỏa ánh
sáng qua
khung cửa sổ,
đâu đây thoang
thoảng mùi
hương của hoa



Anh Đào làm nàng ngây ngất. Và ngoài kia tiếng suối chảy róc rách càng làm nàng cảm thấy tâm hồn thật lắng đọng, bình yên. Nàng nhắm nghiền mắt lại lim dim mơ màng hồi tưởng về dĩ vãng...

Ba mươi năm trôi qua... có phải chăng là quá đổi muộn màng cho sự mong chờ một tình yêu thật sự đúng nghĩa của nó? Hình như đối với nàng những nôn nao, háo hức của một giai đoạn chuyển tiếp cho một tình yêu đậm đà, chín mùi, đam mê hơn bao giờ! Tuy không có được những nụ cười e ấp dấu sau vành nón lá nghiêng nghiêng, hoặc những lúc ngượng ngùng len lén chò chàng dưới hàng me xanh mướt hay hàng phượng vĩ thắm màu hạ đỏ của những buổi tan trường hoặc dưới khung viên của trường đại học thì thắm mùa Xuân, tình tự mùa Đông và...

Thuở ấy đã trôi qua thật xa rồi, nàng tưởng chừng như đã bỏ nàng đi biệt tăm, xa tít mù khơi... nhưng rồi thật là huyền diệu. Vào một sáng mùa xuân khi những giọt sương mai lắng đọng thành những chuỗi thủy tinh lỏng lánh trên cành hoa Anh Đào trắng xóa... thì hình như âm thanh tình yêu chợt đến với nàng, đến một cách rạng rỡ, tươi thắm. Định mệnh một lần nữa đã đánh thức nàng vượt khỏi những cơn mộng mị quái ác, những

đêm thở dài trần trọc cô đơn, thêm da diết một nụ hôn nồng nàn, say đắm hoặc một vòng tay ôm ấp thật rạo rực, đam mê!!!... Chàng từ đâu đến đã làm xáo trộn cuộc sống thâm lặng của nàng. Chàng là ai? Nàng không cần tìm hiểu sâu xa, chỉ cảm nhận một điều là từ khi có chàng thì mắt nàng long lanh, rạng rỡ hơn, má nàng hồng thêm, môi nàng tươi thắm hơn bao giờ hết. Nàng không còn bị quan như trước nữa. Có phải chăng tình yêu đã đến với nàng? Tuy muộn màng nhưng thật trọn vẹn hạnh phúc, tim nàng đã bùng lên cơn sốt nóng, hồi sinh trở lại... Nàng tưởng chừng như trẻ đi hơn 10 tuổi so với số tuổi hơn ngũ tuần của nàng. Nàng thấy thời gian như ngừng đọng. Ôi, âm thanh tình yêu tuyệt vời sâu lắng...

Nàng tận hưởng hương vị ngọt ngào tốt cùng của tình yêu nồng cháy này. Cảm ơn Thượng Đế đã tạo cơ hội cho chàng và nàng đến gần với nhau. Người tận phương Bắc, kẻ đầu phương Nam thế sao vừa gặp nhau mà cứ ngỡ như đã quen nhau từ kiếp nào? Tình yêu của chàng và nàng thật vô cùng lãng mạn, đam mê một ngày không hàn huyên thì có cảm tưởng như thiếu vắng một cái gì đó mơ hồ không diễn tả được... Chàng thương khế bảo nàng rằng có khi cả đời mãi đi tìm một đối tượng để tôn thờ, chăm sóc, thương yêu, hòa hợp, thông cảm, quả thật khó khăn vô cùng! Ước gì hai ta sẽ mãi mãi là hơi thở của nhau.

...Bây giờ mỗi sáng khi ánh bình minh rạng rỡ chào đón một ngày mới sắp đến, nàng cảm thấy yêu thương đôi chim nhỏ nhắn – luôn tia lông cho nhau, quấn quít, ca hát líu lo trên cành Anh Đào khe khẽ đánh thức nàng dậy... hơn bao giờ hết vì chúng làm nàng nhớ chàng nhiều không thể tả được!

Xin cảm ơn Thượng Đế đã đem niềm vui sức sống tràn đầy đến cho nàng, để cho nàng còn cảm thấy đời vẫn đẹp như những nụ hồng sớm mai, luôn luôn được vuốt ve mơn trớn bởi những làn gió xuân tình...

Nàng không còn những ray rứt, khắc khoải đợi chờ người trong mộng nữa.

Mùa xuân đã đến với nàng. Nàng đã tìm được tình yêu, tình yêu muộn màng, tình yêu cuối đời!!!...

Salem, mùa xuân tình yêu

RU TÌNH

Minh Hằng

“...Ru cho bầy lá nhỏ, rụng đầy một mùa thu”

Tháng mười một, con đường vòng theo công viên ngập đầy xác lá. Năng buổi chiều vàng hươm màu mật ong trải dài theo bãi cỏ đến tận cuối đồi. Đám ngỗng trời bình yên đang rìa lông cho nhau ở mép hồ dưới những tàn cây. Mùa thu nơi đây thật đẹp và cũng thật buồn.

- Anh, mình nói gì với nhau đi chứ, thí dụ như anh yêu em.

- Anh đã nói điều đó với em từ lâu.

- Từ đó đến nay đã biết bao nhiêu điều thay đổi. Em không chắc lắm anh vẫn còn yêu em.

- Thế còn em? Có điều gì đã đổi thay rồi chẳng?

- Không. Dù rằng chúng ta đã cãi cọ nhau nhiều lần kịch liệt. Nhiều bận như có vẻ anh muốn xa lánh, hắt hủi em, và nhiều đêm, nhiều ngày em đã khóc.

- Xin lỗi em, thật tình anh không cố ý làm em buồn. Đời sống ở đây khó quá. Thế còn người bạn ngày xưa mà em mới vừa liên lạc trở lại?

- Giữa anh ấy với em chỉ là tình bạn, tình anh em.

- Thế ư!

- Anh không tin em sao? Anh ấy đã có gia đình và em cũng đã có anh.

- Những điều đó không nhất thiết là những trở ngại trong tình cảm. Người ta cũng có thể yêu nhau mà không cần phải đến với nhau. Điều anh muốn nói là những trở trăn trong trái tim. Nếu có, anh cũng không trách em.

- Anh ấy chỉ an ủi và động viên em khi buồn, anh ấy sợ em sinh bệnh.

- Như thế có nghĩa là... khi nào buồn thì em tìm đến với anh ấy? Và anh ấy rất quan tâm đến em? Ngôn ngữ đó nghe ra như những người tình đang lo lắng về nhau. Anh không có ý đả cày với em đâu. Anh chỉ muốn tìm hiểu xem em đang ở đâu? Em đang đứng trước ngã ba đường có phải không?

- Ô, xin lỗi anh, em không nghĩ thế, muốn thế. Anh ấy chỉ xem em như em gái. Anh khó quá, muốn nói với anh nhiều lúc em không biết phải làm sao. Em vẫn yêu anh, em sợ phải xa anh.

Những chiếc lá khô vàng lạo xạo dưới những bước chân nghe lảng đảng buồn rầu. Mùa thu đã đến thật đậm bất ngờ như mới vừa từ tối hôm qua. Chỉ cần một đêm, một đêm thôi sáng ra con đường đã ngợp ngụa lá rơi. Sự đổi thay nhiều lúc đến cũng dễ và đột ngột như chiếc lá cuối thu, mới hôm qua còn ở trên cành.

- Em là đàn bà. Trái tim em vốn mềm yếu, dễ tủi, dễ hờn thích nghe những lời dịu ngọt. Muốn nghe anh nói yêu em dù đó là lần thứ mười ngàn lẻ một. Muốn được anh ôm dù đó là vòng tay đã cũ, đã quen. Nhưng đã từ lâu, từ rất lâu anh không còn là người mà em quen từ trước. Anh hay im lặng buồn rầu. Anh đi về như chiếc bóng. Em không hiểu có điều gì đã làm anh phiền muộn. Công việc, đời sống có quá nặng trên vai anh? Hay em đã là nỗi bức mình trong đời sống đa diện của anh? Dù như thế nào trong sâu thẳm trái tim em, anh vẫn là niềm vui nỗi buồn của em. Khó mà nghĩ rằng em không còn yêu anh nữa, Anh tin em đi, em chưa yêu ai ngoài anh mặc dù anh rất là đáng ghét. T không phải là mẫu người em thích. Anh ấy thích em ngày xưa điều đó có, còn bây giờ dù có là gì thì những giới hạn buộc ràng cũng không thể cho phép T đến với em hoặc ngược lại. Anh ấy vốn là con người mẫu mực nguyên tắc và cẩn trọng. Không như anh, bạt mạng cóc cần.

- Anh lý luận nghe kinh khủng quá. Khi em có anh rồi thì em không thể có người đàn ông khác là bạn được chẳng? Nếu vậy thì anh có thể vừa là bạn em được không? Em quá tham lam anh nhỉ? Có thể nào anh vừa là người chồng, người tình và là người bạn của em? Em có quá ngây thơ không anh?

Tháng mười một, trời trong không một gợn mây. Sự tĩnh lặng sáng lên ở đường viền quanh mặt hồ. Trời và đất giao nhau qua cái mặt phẳng và lặng lẽ ấy như có, như không. Trên chiếc ghé gỗ giữa bãi cỏ mênh mông em và anh thật nhỏ bé. Hai chúng ta như một điểm khuyết cho nét chấm phá trong bức tranh thủy mặc của Trung Hoa đẹp đến tội tình.

- Có một ngày xưa nào đó, anh đã là bạn của em. Thời đó rồi qua, qua mau bởi tình cảm không thể dẫm chân tại chỗ. Thứ tình cảm bạn bè đó rất dễ biến động và đổi thay. Trong một thuận hợp của cơ hội, anh không nén được lòng mình và đã tình nguyện làm người tình của em. Anh và em đã là người tình tuyệt vời của nhau qua những năm và tháng. Thời gian không dừng lại. Ta không thể giữ mãi nguyên một hiện trạng của tình cảm. Anh không thể là bạn của em, cũng chẳng thể là người tình của em mãi mãi. Muốn bó buộc bên nhau bền chắc hơn, chúng ta phải là vợ chồng. Mỗi vị trí tình cảm đòi hỏi một trách nhiệm và cách ứng xử khác nhau. Em trách anh không còn lãng mạn như xưa, và em cứ loay hoay đi tìm những cảm xúc cũ. Thật ra trong tình yêu, ngôn ngữ hoặc những điều kiện ngoại thuộc là những điều không cần thiết lắm. Những người yêu nhau thường không bận bịu về chuyện trời nắng hay mưa. Thế nên khi em bắt đầu thấy cần thấp lên một ngọn nến, thềm cắm một đóa hoa hồng trong bữa ăn tối thì khi đó tình yêu giữa em với anh bắt đầu có dấu hiệu mòn giũa. Anh không cấm em giao tiếp với người khác. Điều đó không thể được, nhưng lấp ló khuôn mặt của người thứ ba đó là cơ hội của một ngõ rẽ chực chờ. Cần thiết cho em chăng? Thêm một tình bạn bên lề? Từ bao lâu nay em có bao giờ cần điều đó? Dĩ nhiên chuyện chẳng có gì, bởi đó chỉ là tình cảm anh em theo lời em nói. T hay C chỉ là ngọn nến hay đóa hoa hồng em muốn thấp sáng lên trên bàn ăn lâu nay vốn quá đơn giản. Tuy nhiên điều anh thấy xa hơn là anh không còn khả năng lấp khóa ước vọng của em. Anh hiểu thôi, cuộc đời vốn chẳng bao giờ đơn giản, cuộc tình lại càng rối rắm và bất nguyên tắc nên con người cứ mãi bàn tán mò mẫm để dò đường. Anh yêu em. Thật ra trái tim của anh cũng dễ vỡ và mù lòa như trong những chuyện tình đăng trên tập san lá cải. Có lẽ anh cũng sẽ rơi nước mắt khi em khuất nẻo trong cái ngõ rẽ mập mờ dễ ghét đó.

Chiều xuống thật chậm. Những chiếc lá còn lại đỏ ối hoang mang. Mặt hồ đen sậm bí hiểm. Con đường vòng tròn kéo dài, dài mãi bất tận. Lối ra khỏi công viên bắt đầu từ phía đỉnh đồi. Có lẽ hình như nó đã được tính toán cẩn thận. “Về thôi em, dù gì thì ta cũng đã có một buổi chiều ở tháng mười một bình yên.”

“Ru em chờ em nói, trên môi tình xót xa...”

Lê Ngọc Hân ngày ấy

Nguyễn Trần Trác

Ngày ấy là ngày nào nhỉ? Bạn , anh hay chị có thể cho tôi biết ngày ấy là ngày nào không? Tôi chắc chẳng ai có thể xác định được một ngày để mọi người cùng đồng ý. Lý do đơn giản thôi , vì mỗi người có một “ngày ấy” khác nhau. Thậm chí , với cùng một người, thì ngày ấy cũng không phải mọi lúc như nhau. Bạn không tin ư ? Bạn chưa bao giờ ở trong một tình huống như thế ư ? Có đấy , bạn ạ. Hãy nhớ lại khi bạn là cô học sinh lớp đệ tam Lê Ngọc Hân ở tuổi mười lăm, mười sáu (năm ấy, là năm học nào nhỉ? Thôi , cứ cho là năm học 67-68 đi), có bao giờ bạn nghĩ tới ngày ấy , thí dụ , là một ngày của năm một chín tám năm không ? Chẳng bao giờ ờ, vì ngày đó, đối với cô học trò tuổi 16, còn qua xa xôi; nhưng cũng ngày ấy, nếu bây giờ nhìn lại, tôi chắc bạn sẽ ngậm ngùi : sao thời gian nhanh quá! Vậy thì , “ngày ấy” mà tôi muốn kể với bạn là ngày nào ?

Đó là buổi sáng một ngày đầu tháng 10 năm 1967 khi tôi xuống Mỹ Tho để dạy học. Những ngày đầu tiên bước chân vào nghề dạy học đẹp làm sao! Ngôi trường Lê Ngọc Hân êm ả nằm sau hàng me xanh mượt trên con đường nhỏ Ngô Quyền, thành phố Mỹ Tho yên bình, xinh xắn bên con sông Tiền nước cả mênh mông. Mỗi buổi sáng sớm khi còn hanh hao lạnh , trên con đường qua cầu Quay , hay các con đường như Hùng Vương , Ngô Quyền, những tà áo trắng đổ về ngôi trường nữ như những cánh bướm.

Người tôi gặp đầu tiên để trình sự vụ lệnh là bà hiệu trưởng, thời gian đó là bà Diệu Thông. Người thứ hai tôi phải trình diện là cô Nguyễn thị Hạnh - người xinh xắn trắng trẻo - giáo sư Pháp văn, để lấy thời khóa biểu. Cô Hạnh cho biết : Tiếc là anh về trường hơi trễ , thời khóa biểu đã sắp xếp xong. Vậy nhờ anh dạy hộ hai lớp đệ tam, một lớp B, một lớp A , và sáu lớp đệ lục. Đồng thời , nhờ anh dạy luôn cả vạn vật hộ (trong khi tôi là giáo sư lý hóa). Đạo đó, lớp đệ lục học sinh phải học con cào cào , con châu chấu , con ve sầu , hoa bông bụt ,... còn vạn vật đệ tam thì địa chất học. Thế là, ngoài bài giảng Lý Hóa , hàng tuần tôi phải

“tụng” trước bài văn vật để sau đó vô lớp dạy cho học trò tụng sau. Được cái là tôi vẽ hình cũng hơi hơi có hoa tay nên khi vẽ con bướm bướm hay cái hoa bông bụt trên bảng, tôi lại chịu khó dùng phấn đỏ, phấn xanh,... vài em học trò nhỏ có lẽ cũng cho điểm thầy là “dạy được”. Các em học trò học đệ lục năm đó (Đào thị Hoàng Oanh, Phạm thị Lê, Phạm thị Ngọc Sương, Trần Ngọc Thanh, Đoàn Ngọc Nga, Nguyễn Thúy Phượng, Trịnh Thúy Quỳnh, Chung Bích Đào, Lê thị Hà, Bạch Cúc, Nguyễn thị Kim Ngân, Kim Cúc, Kim Yến, Dương thị Kim Liên, Kim Đơn...và bao nhiêu em khác) chắc năm nay đã ở tuổi 50 hay 51; các em đệ tam (Nguyễn thị Thúy Nga- cô học trò giỏi lớp đệ tam B có vẻ nhút nhát nhưng luôn dơ tay xung phong lên bảng sửa bài tập, viết vở bằng mực tím với nét chữ phóng khoáng, Trần thị Mai – lớp A₂, siêng năng, giỏi giang, chữ viết nghiêm cẩn, Chung Bích Thủy- lớp A₄ - học sinh giỏi, viết chữ rất đẹp...vv) bây giờ chắc đã ở độ tuổi 53 hay 54. Đạo ấy, có nhiều gia đình, cả mấy chị em đều học Lê Ngọc Hân (như chị em Chung Bích Thủy, Chung Bích Ngọc, Chung Bích Đào, Chung Bích Phượng hay chị em Lê Mỹ Dung, Lê Mỹ Hạnh, Lê Mỹ Ngôn, Lê Mỹ Công – cô học trò nhỏ với đôi mắt nai vàng ngơ ngác).

Học kỳ đầu tiên trôi qua. Thầy trò chia tay, tôi về Sài Gòn nghỉ Tết. Rồi biến cố Mậu Thân – người chết, nhà cháy. Hết nghỉ Tết, trường mở cửa lại, tôi trở xuống Mỹ Tho trong khi tiếng súng vẫn còn ầm ầm, thỉnh thoảng vọng lại từ phía Bến Tre. Tình trạng khẩn cấp khiến nhiều giáo sư, trước bị động viên và được biệt phái trở về dạy học, nay được gọi trở lại quân ngũ. Nhiều lớp không có thầy dạy. Cô Hạnh, giám học, đề nghị tôi trả lại các lớp đệ lục để lên dạy cả sáu lớp đệ tam (một lớp Đệ tam B, năm lớp Đệ tam A). Thật là một học kỳ với bao nỗi thăng trầm nhưng bao giờ cũng vui.

Tôi vốn được đào tạo ngành Lý Hóa nhưng khi học ở Đại học Sư phạm thấy các bạn bên Việt Hán hay làm thơ, nên đôi lúc tôi cũng tếu toáy bắt chước các bạn. Sau này tôi ghi lại học kỳ đầu tiên mà mình dạy học ở Mỹ Tho bằng mấy dòng như sau:

Ta xuống Mỹ Tho một buổi sáng
Trời trong , gió mát, cây tươi xanh
Nắng đùa riu rít trên ngàn lá
Học trò áo trắng đẹp như tranh

Nửa năm ta dạy lớp đệ lục
Học trò xinh xắn, hồn như gương
Thương đàn chim nhỏ ,ta thường ngắm
Tung tăng chân sè lúc tan trường

Từng đôi mắt sáng ngậy thơ lạ!
Từng giọng chim non riu rít vui
Ta nghĩ đời ta rồi mãi mãi
Vui cùng phấn trắng bảng đen thôi

Tết đến xa trường về thăm nhà
Thốt nhiên bình biến nổi phong ba
Học đường ngơ ngác nhìn dâu biển
Nhiều thầy đi lính, học trò xa

Vào năm , ta lên dạy đệ tam
Bỏ đàn chim nhỏ lòng vương vương
Những con chim bé chừng lưu luyến
Đôi mắt giương to, ôi, dễ thương!

Thế rồi năm học kế tiếp và năm học kế tiếp,...

Hè năm ấy, tôi nhận được sự vụ lệnh cử đi gác thi tú tài một tại ngay chính điểm thi là Nữ Trung học Lê Ngọc Hân Mỹ Tho. Một buổi , vào gác thi ở một phòng thi ban B, hôm đó học sinh thi một môn phụ , sử địa hay vạn vật gì đó. Một số giáo sư trẻ mới ra trường thường có thái độ gác thi rất nghiêm túc, vì họ quan niệm rằng : nếu để xảy ra sự quay cóp thì kỳ thi sẽ không còn công bằng. Tôi là một trong số các giáo sư có quan niệm như thế. Vì vậy , tôi gác thi rất chặt chẽ . Buổi thi tiến hành được một lúc thì tôi phát hiện một em nữ hình như đang chép tài liệu dấu

trong học bàn. Tôi tiến đến gần , yêu cầu em học sinh đưa tài liệu ra và tịch thu mang lên bàn giám thị. Tưởng thế là xong nhưng chỉ độ mười phút sau lại thấy em này cứ nhìn xuống gì đó ở học bàn để chép. Khi tôi xuống gần thì em tự động , không chờ tôi yêu cầu , cười cười , đưa ra một sấp tài liệu khác. Làm sao khác được , đành phải tịch thu lần hai thôi. Cuối cùng , buổi thi căng thẳng cũng qua. Tôi thở phào nhẹ nhõm.

Ngày khai trường năm học mới, buổi học đầu tiên của lớp đệ nhất B, tôi dành ít phút để nói về kế hoạch học tập , đồng thời , để thầy trò làm quen với nhau , thì thấy một em cao lêu nghêu ngồi ở dãy bàn cuối lớp giơ tay, tôi làm dấu hiệu đồng ý để em đặt câu hỏi thì thấy em đứng lên cười cười : Thầy có nhớ em không , thầy? Tôi bèn nhận ra cô bé : có phải cô bé quay bài trong kỳ thi vừa rồi không ? Cả lớp ồ lên : Chết rồi, Lệ tẩy rồi nhé! Đúng là cô bé mà hai lần tôi đã tịch thu tài liệu trong kỳ thi tú tài một vừa qua.

Sau vài tuần dạy ở lớp đệ nhất và một hai kỳ cho làm bài kiểm tra, tôi phát hiện một điều thú vị : đó không phải là cô học trò lười biếng mà là một cô bé thông minh, một học sinh giỏi của lớp. Tên của em là NS. Sau khi đỗ Tú Tài hai, em lên học đại học ở Sài Gòn, tôi có gặp lại em một lần và sau đó , không có dịp nào khác. Cách đây hai năm, tôi dự một buổi họp mặt Thầy, Cô và các cựu học sinh Lê Ngọc Hân do một nhóm học trò cũ tổ chức tại Mỹ Tho , có gặp vài em cùng học một lớp với NS ngày xưa và hỏi thăm thì được biết NS hiện ở Mỹ. Ôi, đất Mỹ rộng lớn mênh mông mà chỉ biết như vậy thì cũng như không!

Cuối học kỳ , sau khi thi học kỳ một xong là đã gần nghỉ Tết. Năm đó, Ban đại diện học sinh LNH xin phép mở hội chợ Tết trong sân trường. Tôi được gian hàng của lớp đệ nhất mời làm giáo sư cố vấn. Chức thì như vậy nhưng thực ra hầu hết công việc đều do các em tự tháo vát. Công việc nặng nhất của giáo sư cố vấn trong tối hội chợ hôm đó là phải đứng trấn thủ ở sau chiếc bàn kê ở cửa chính gian hàng để bảo vệ cho đám học trò , tôi phải gồng mình dùng hết sức để giữ cho chiếc bàn khỏi bị đẩy xô vào trong (vì các cậu Nguyễn Đình Chiểu xô đẩy ghê quá!). Các em học sinh tham gia tổ chức gian hàng chợ Tết ngày xưa, bây

giờ đã ở độ tuổi 55, 56 (các em còn nhớ những kỷ niệm này không ?)

Trong hội chợ , còn có gian hàng “ Bàn tay ngọc”. Ba người có bàn tay đẹp nhất tham gia vào gian hàng này. Các chủ nhân của các bàn tay ngọc ngồi sau những tấm màn xanh, đưa cánh tay ra phía trước qua các lỗ thủng được khoét sẵn trên màn. Các khách tham dự trò chơi phải bỏ tiền mua các chiếc vòng để ném. Nếu chiếc vòng quàng được vào một bàn tay đẹp thì sẽ được một phần thưởng. Trước tấm màn xanh , những cánh tay đẹp như những đóa hoa bằng ngọc thạch với những búp tay thon nhỏ xinh xinh đã làm nao lòng các cậu học sinh Nguyễn Đình Chiểu khiến gian hàng luôn luôn nhộn nhịp , hào hứng. Cậu nào cũng hy vọng chiếc vòng của mình sẽ choàng vào được một bàn tay đẹp nào đó. Nhưng có một điều mà các bạn tham dự trò chơi này không biết , đó là : trong ba bàn tay ngọc của gian hàng năm ấy , có một bàn tay rất đẹp của một nữ giáo sư dạy triết của trường Lê Ngọc Hân.

Ba mươi chín năm đã trôi qua kể từ ngày ấy. Những ngày chúng ta còn rất trẻ, lòng còn rất hồn nhiên, nhìn đời qua những lăng kính sắc màu rực rỡ. Ngày ấy , chẳng bao giờ chúng ta nghĩ tới những thăng trầm , những ly biệt , những hoang mang , thao thức mà mình đã phải trải nghiệm như trong thời gian vừa qua. Những ngày xưa ấy đẹp làm sao ! Nhưng , như một câu thơ cổ Trung Hoa : Quân bất kiến Hoàng Hà chỉ thủy thiên thượng lai bồn lưu đảo hải bất phục hồi! (Bạn có thấy nước sông Hoàng Hà từ trời cao rơi xuống , xuôi dòng chảy ra biển cả, chẳng bao giờ trở lại) những ngày xưa của Lê Ngọc Hân cũng như dòng nước ấy. Các đồng nghiệp ở Lê Ngọc Hân xưa, nay kẻ còn người mất, người góc biên , kẻ chân trời. Các giáo sư già ngày ấy , như bác Đặng Vượng, bác Huệ nay mạnh yếu ra sao? Bạn Nguyễn Văn Lộc , giáo sư Triết nay thế nào ? Tôi đã hỏi thăm nhiều người nhưng không ai biết địa chỉ của ông bạn triết gia; chỉ mang máng biết rằng hiện nay bạn vẫn tự tại vui với cảnh nghèo, như thầy Nhan Hồi ngày xưa , đầu đó ở Vĩnh Long. Các cô học trò nhí nhảnh ngày nào cũng phiêu tán khắp nơi, bây giờ có em đã về hưu ,

nhiều em rất thành đạt nhưng cũng có em vẫn “ bên trời lận đận” .Lâu lâu bạn bè gặp được nhau đã là một hạnh phúc.

Hồi các nàng Lê Ngọc Hân phương Nam, dù bạn đang ở đâu- đang ở Việt Nam hay ở Âu Châu hoặc Bắc Mỹ- nếu có một dịp nào đó , bạn đặt chân lên đất Thăng Long, thì hãy tìm đến xã Ninh Hiệp, huyện Gia lâm, hỏi thăm người dân địa phương để đến thắp một nén nhang trước một nấm đất hoang sơ và hãy dành một phút để tưởng nhớ tới người đang nằm dưới lòng đất lạnh, vì nấm mộ điều tàn ở trước mặt bạn chính là nơi an nghỉ của nàng công chúa bạc phận đất Thăng Long : Lê Ngọc Hân.

Sài Gòn , đầu mùa mưa 2006

* * * * *

Nhớ Mẹ

Thảo Trân

*Mẹ ơi tha tội con rày
Chưa v ề thăm Mẹ dạ này chẳng yên*

Chiều hôm sương phủ đầy Trời
Nương theo tầm mắt về nơi quê nhà
Mẹ ngồi chờ đợi con xa
Bên khung cửa sổ tóc hoa rổi bông
Tủi mình thân phận long đong
Phương trời cách biệt Biển Đông ngàn trùng
Lòng đầy tâm sự nảo nùng
Thầm mong gặp Mẹ tận cùng nhớ thương!
Nơi này tâm sự vấn vương
Con lo thu xếp lên đường về thăm
Mẹ già xa cách bao năm
Thương Con nhớ Cháu bóng tằm mịt mờ
Sương che làm áng trắng mờ
Phủ lên mái tóc bạc phơ tháng ngày

Viết cho Lê Ngọc Hân

Kim Oanh 12B 1971

Đã hơn 26 năm xa xứ và cũng đã có đôi lần về lại quê hương nhưng chưa lần nào tôi về thăm lại trường cũ, LNH dấu yêu, chưa lần gặp lại thầy cô, chưa lần hội ngộ lại với bạn bè, không phải là đã vọng bản nhưng với cái tính hay thương vay khóc mượn tôi sợ lắm sự gặp lại rồi phải nói lời chia tay, sợ lắm cái điều là buổi tiệc vui nào rồi cũng phải tàn. Mỗi lần có các em từ Mỹ sang thăm, hay sang Mỹ thăm tụi nó, mỗi lần đưa con ra sân bay sang Mỹ du học, mỗi lần sang đó thăm nó trở về Đức tôi thấy cứ như là một nửa hồn tôi chết, cứ lơ lơ lửng lửng đến mấy tuần sau mới hồi phục lại được “nội lực”. Mà như các bạn cũng biết ở xứ người này luôn chạy đua với cuộc sống, với cái đồng hồ mà cứ kiểu gửi gió cho mây ngàn bay sau mỗi lần thăm viếng ai của tôi chắc có ngày là bị mất job, thế nên dù thương tha thiết nhớ thật ngút ngàn nhưng tôi vẫn chưa dám một lần trở lại.

Lần này về lại CA tình cờ tôi được cô tôi dúm vào tay quyển đặc san NDC-LNH, bao nhiêu kỷ niệm thời áo trắng, những thân thương tuổi học trò chợt hiện về, lật từng trang sách đọc từng chữ viết để thấy cả một thời thơ ngây như sống lại.

Nhớ làm sao sân trường LNH với hàng cây xanh mát, không biết quán nước của chị Bảy chị Tám giờ đã ra sao, (hai chị này chắc giờ đã tay bông tay bế, bà nội bà ngoại của một đàn cháu rồi), nhớ dãy nhà dành để dựng xe, nhớ các dãy lầu mà suốt 7 năm trời tôi đã vào học... nhớ và nhớ thật nhiều.

Tôi vốn đi ban B nên văn chương thực tình mà nói chắc cũng ngắc như những vòng tròn quỹ đạo, những Hyperpol, những Parabol mà thầy Mạnh Tường ngày xưa vẫn vẽ. Tuy nhiên vào cuối năm cuối tức là năm lớp tôi học lớp 12B cũng bắt chước bạn bè làm thơ để viết bao lần kỷ niệm, tới giờ này đã hơn 35 năm tôi còn nhớ những câu thơ lục bát hay xà bát gì đó của tôi:

12B năm cuối cùng trung học,

Nhớ thương nhiều xin ghép chặt từ đây

Để ngày mai nhìn lại những trang này...

Già rồi nên chỉ còn nhớ được chừng đó, đọc lại thấy thật quê thật cái lương nhưng cũng thật là thú vị mới biết dù sao ta vẫn là ta.

Vì là dân ban B nên tính tình tôi cũng thật nghịch ngợm, nhớ sau khi đậu Tú Tài I được ông nội tôi mua cho chiếc xe Honda để làm chân đi học không phải lội bộ hay xe đạp nữa, khỏi phải ca bài đường trường xa chạy dốc không lên (dốc cầu quay vì nhà tôi ở bên Chợ Cũ), từ đó ta đây thật oai phong sáng nào cũng lo làm điệu dù rằng chẳng đẹp tí nào (giờ thì thấy tại không đẹp nên mới làm dáng đó mà) nên thường hay đi trễ. Lúc đó trường có nội qui là không được chạy xe trong sân trường, nhưng vì đến trễ nên ta cứ hiên ngang phóng xe vào mặc cho chú Huỳnh hay chú gì đó tôi không còn nhớ tên, (xin lỗi chú nha) chạy theo sau la ới ới, tôi quăng đại một quyển tập có tên và lớp cho chú làm vật thể chặn, dừng xe chạy nhanh vào lớp, hạ hồi phân giải trước sau gì thì nằng dẫu dù xấu mấy cũng phải gặp mẹ chồng thôi (được mời lên phòng giám thị).

Hết giờ tôi và con bạn thân thiếu não bước từng bước lên phòng giám thị gặp bà Phạm thị Sáu, một giám thị lâu năm của trường, với một tướng tá thật nghiêm nghị với một khuôn mặt thật hiền lành mà bây giờ tôi mới thấy thôi chứ hồi đó thì trái ngược, để ca bài ca con cá năn nỉ xin lỗi hứa từ nay em không dám tái phạm nữa nhưng cứ phạm tái hoài.

Đôi khi thì cũng được tha đôi khi thì cũng bị giảng bị rầy, khi được tha thì thấy sao tướng cô thật là phúc hậu, nhưng nói nhỏ nhỏ ngày xưa thì người ta nói là tốt tướng nhưng bây giờ (xin lỗi cô nếu cô ở một nơi nào đó đọc được những dòng chữ này) chắc bác sĩ bắt cô phải diet đó.

Cùng năm đó cô Ngọc Hương là giáo sư hướng dẫn của lớp tôi, cô đang mang thai đầu lòng thật hạnh phúc thật dễ thương nhưng tôi cứ nghịch ngợm nhái tướng mang bầu của cô làm các bạn cứ cười ngặt nghẽo, đôi khi muốn hỏi cô: cô ơi, vác cái bụng bự như cái lu cô có thấy nặng và mỏi lưng không, em mà như vậy chắc có ngày em té bật ngựa đưa 2 chân lên trời. Sau này thành gia lập thất tôi mới biết thể nào là cái thú vị của người sắp làm mẹ, cô ơi đừng giận em khi đọc tới đây nha cô.

Tôi thì sợ nhất là môn Việt văn và môn Triết, trước khi về lại Đức tôi có ghé qua trung tâm Thúy Nga và gặp được thầy Lai, nhìn lại thầy sau hơn 30 năm xa cách cả một sự đổi thay đầu thời gian không chừa một ai, muốn nói câu xin lỗi nhưng không mở lời được, các bạn có biết không ngày xưa tôi ghét nhất là Triết nên không thêm học, không thêm chuẩn bị gì hết, mỗi lần bị thầy kêu lên bảng hỏi: triết học là gì thì cứ ngỡ ngáo trả lời thưa thầy triết là cái gì mà em không biết, nhìn thầy vừa giận vừa buồn lúc đó tôi lại thật thấy khoái trong lòng vì đã ghẹo được ông thầy nổi tiếng là khô khan hay triết lý vì đây môn triết mà lị.

Tôi nghĩ lúc đó các thầy cô thật hiền hòa thật bao dung nên tôi dù thật nghịch ngợm phá phách nhưng chưa lần nào bị trách phạt, có lẽ vì như vậy cho nên tôi giờ này dù tóc đã điểm sương, đã sắp sửa thành bà nội nhưng tính hay cãi bướng cãi ngang này cũng vẫn còn. Đôi khi tôi chợt nghĩ cũng may là tôi không học Luật chứ nếu không với cái tài cãi này thay vì cứu được thân chủ trắng án thì đã hại thân chủ bị tù không chừng, thật hú vía! Tôi còn nhớ những năm đầu mới đến Đức chưa quen với đời sống, phong tục tập quán, thói quen của người bản xứ, vốn sinh ra từ VN, một xứ sở luôn ẩm áp, nhà lại rất bình thường làm gì có phòng riêng nên đối với tôi ra vào phòng phải đóng cửa, hai chữ này thật xa lạ như hai chữ triết học (lần nữa em xin lỗi thầy Lai) nên tôi cứ quên hoài. Có lần con bạn đồng nghiệp tức quá hỏi tôi: Bộ Vietnamese mà nhà nghèo quá không có cửa nên sao không thấy mà đóng cửa, thế là tôi nổi máu lì lên trả lời thật ngang: tao không cần phải làm vì mỗi lần tao ra vào đều có người đóng cửa cho tao. Đúng là con gái ban B LNH phải không các bạn, nói năng cứ như là toán học.

Ngày xưa ông bà mình vẫn thường nói mỗi cái nòi đều có một cái nấp (tôi nhớ đại khái là như vậy), thế nên tôi hay cái lấy phải ông chồng cũng thật là cãi hay cũng là dân NĐC lại là giống nòi nữa đó vì tôi làm dâu cho một giáo sư khả kính của chúng ta, giáo sư Nguyễn anh Bồn dạy Pháp Văn của NĐC, một vị thầy mà các bạn nào ngày xưa có học đều nhớ với câu nói: “Đời khổ lắm các em ơi.” Sau này về làm dâu cho thầy đôi khi nghĩ tới câu nói này tôi đều nói thầm trong lòng đúng là đời khổ lắm nên thầy

đã chọn đúng con dâu mà lúc còn đi học chọc phá thầy nhiều nhất, nhưng có lẽ thầy đã quên hay vì quá vị tha nên chưa bao giờ nghe thầy than phiền hay trách móc gì tôi dù rằng tôi biết tôi là con dâu tương đối hơi chua. Đúng là ghét của nào thì trời trao của đó tôi đã gặp được kỳ phùng địch thủ LNH đầu với NĐC, ông xã tôi cãi lung tung, cãi ngang cãi dọc, cái gì cũng cãi, đôi khi, tức quá tôi nói: tiếc là chính phủ VNCH không biết anh chứ nếu biết sớm thì đã mời anh làm đại diện để đàm phán với chính phủ MTGP rồi và với cái tài nói ngang, nói lên nói xuống này chắc có lẽ giờ này chúng ta không phải làm kẻ lưu vong.

Và cứ thế LNH cãi với NĐC cãi cho tới ra đời 2 thằng con, những tinh hoa ưu tú của từ hai trường mẹ mà chúng tôi đã mang theo sang đến trời Âu, truyền sang lại được cho các con. Vì thời cuộc vì vận nước nổi trôi nên chúng tôi đành gác lại những gì do các thầy cô đã dạy, xếp bút nghiên lao vào cuộc sống tha hương, ngày cày hai ba job để vun đắp cho thế hệ nối tiếp.

Cũng không thật hổ danh con dòng cháu giống, hai con tôi thật làm xứng danh:

1 LNH cộng 1 NĐC = 2 ƯU TÚ

Sau nhiều năm vất vả các con tôi nay đã ra trường làm việc (nói nhỏ không dám khoe khoang nhưng xin được chia sẻ niềm vui cùng các thầy cô khả kính và các bạn thân yêu của LNH và NĐC, chúng tôi tuy chỉ là 2 học sinh tầm thường của niên khóa lúc đó, tôi thi đậu Tú Tài “với điểm BT còn ông xã tôi thì vừa đủ một chữ Thử xem chút là rớt”, nhưng mà hai đứa con tôi là bác sĩ, có bạn nào cho là chúng tôi khoe không, nếu có thì cũng xin chịu) chỉ muốn nói lên ở đây một lời nói thật thiệt thà, một lời cảm ơn thật hết lòng, những gì mà hai trường mẹ đã đào tạo cho chúng tôi, chúng tôi đã sử dụng để gửi tới một thế hệ sau.

Viết lên những dòng chữ này tôi nghe thật nhớ, thật thương những ngày xưa cấp sách và cũng thấy là các con chúng tôi tuy thành công hơn chúng tôi nhưng có một thứ mà chúng không sao có được, đó là những thơ ngây hồn nhiên của thời cấp sách của chúng ta, chúng không biết thế nào là “áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc, áo nàng xanh anh mến là sân trường”, hoặc là “thơ thần

chờ em trước cổng trường, không gặp em thì thấy vắng vương”, không biết thế nào là trang thư xanh viết gửi anh... vì bây giờ với bao nhiêu tiện nghi hiện đại nào là Internet, nào là Cellphone, Computer... nghĩ thật ra thấy cũng hối tiếc phải không các bạn? Bởi thế chúng tôi luôn hãnh diện và tự hào là dân LNH và NĐC.

Dòng đời thì vẫn cứ mãi trôi, mong là mai này sẽ có lần hội ngộ cùng tất cả các bạn của ngày xưa. Nhớ thật nhiều và thương thật nhiều ngàn đời LNH.

Đức Quốc những ngày cuối hạ 2006

* * * * *

Tình xưa

Minh Nguyệt (Hawaii)

*Người của ngày xưa. Nguyệt của anh.
Một lần xa xứ ngút non đồi
Đêm nay trăng rụng mùa thay đổi
Biển ở đây buồn sóng mênh mông
Người của ngày xưa. Trăng của anh
Trăng khắp nhân gian sáng quê nhà
Quê hương nghìn dặm muôn phương nhớ
Sóng vỗ trăng giăng bạc mái đầu
Người của ngày xưa. Giờ ở đâu?
Hãy hãy màu má ánh xuân hồng
Thì thôi mây nước phù vân ấy
Trả hết cho người sắc vơi không
Người của ngày xưa. Giờ xa xăm
Mây trôi cuối nẻo biết đâu tìm*

NHỮNG KHOẢNG CÁCH

(Hạ Đổ Chung Bích Phượng)

1/ **THẦY TÔI:** Nhớ lại thời con gái trước năm 1975 mặc chiếc áo dài trắng và đi học trường Lê Ngọc Hân – đã hơn 30 năm rồi! nhưng bao kỷ niệm trường lớp, bạn bè, Thầy Cô vẫn không phai nhạt. Lần này, tôi chỉ muốn chia sẻ tí xíu kỷ niệm về âm nhạc vì có lẽ sự ra đi của Thầy Tường đang làm tôi xúc động.

Từ lớp 6 đến lớp 12, tôi đều tham gia vào những chương trình Văn Nghệ do Thầy Tường và Thầy Hồng đảm trách vào dịp nghỉ hè. Tôi nhớ thần tượng của tôi lúc đó là chị Nhàn, chị Kim Tuyền, chị Kim Yến... vì các chị hát rất hay qua những nhạc phẩm “Đồn Vắng Chiều Xuân” “Những Đồi Hoa Sim” ... Còn tôi và các bạn thì Hợp ca, Vũ và đóng Kịch... Tôi phục Thầy Tường lắm nhưng rất sợ Thầy. Đôi khi nhìn Thầy kéo violin, khuôn mặt khó khăn, bắt cần người chung quanh, chỉ miên man kéo đàn theo nốt nhạc, tôi cảm thấy như mình vừa gần vừa xa cái thế giới âm nhạc của Thầy, có nhiều năm tôi không dám ghi tên vào danh sách đơn ca trong chương trình văn nghệ của Thầy mặc dù tôi rất thích.

Trong lớp học, dù không phải là học sinh xuất sắc nhưng tôi tương đối học cũng khá. Hầu như các môn Việt Văn, Anh Văn, Pháp Văn, Vạn Vật, Triết, Hoá Học, Sử Địa, Hội Hoa và Nhạc... môn nào tôi cũng thích, ngoại trừ môn toán Hình Học. Đặc biệt, giờ học mà tôi vừa thích vừa sợ là giờ học Nhạc với Thầy Tường. Tôi bị Thầy Tường “khê tay” 2 lần vì viết notes nhạc sai. Thầy Tường rất ít cười, hình như lúc nào da mặt cũng ửng đỏ và rất mê “kéo đàn violin”. Tôi còn nhớ có lần tôi dán mắt nhìn Thầy nâng cây đàn nhỏ bé lên vai, nhắm mắt, tay Thầy run run chạm nhẹ vào dây đàn, rồi kéo tới kéo lui một cách thận trọng, say mê.

Có lần tôi cùng chị Ngọc đến nhà chị Nhàn chơi, và say sưa nghe chị tập dợt một bài hát do Thầy hướng dẫn. Giọng của chị rất “dây” và “trầm”, còn tiếng đàn violin của Thầy thì cao vút. Khi về nhà mà bên tai vẫn nghe một kết hợp âm thanh tuyệt vời làm tôi nhớ mãi. Đã bao lần tôi định thu hết can đảm để

“phỏng vấn” Thầy về lý do chọn nhạc cụ vĩ cầm (violin) làm bạn đồng hành, và muốn Thầy giải đáp những thắc mắc của các nhóm bạn chúng tôi về đời tư của Thầy, nhưng vừa đến gần thì tim đập thình thịch trước nét mặt nghiêm khắc của Thầy, đành không dám.

Nói chung, tôi thích Âm Nhạc từ lúc học Tiểu học, trình diễn bài hợp ca đầu tiên khi học lớp 5 là “Saigon đẹp lắm, Saigon ơi, Saigon ơi! ...”, còn bài tình ca đầu tiên vừa hát vừa mắc cỡ là bài “Biển Tình”. Khi lên Trung học, tôi bắt đầu thích những bài của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn như “Tình Nhớ” “Hạ Trắng” “Diễm Xưa” “Như cánh Vạc Bay” “Cát bụi”... Vào năm 1975, tôi phải tiếp tục học cho xong lớp 12 trong giai đoạn biến chuyển đất nước. Những bài hát tập dợt cho chương trình văn nghệ năm ấy là những bài phải phù hợp với chế độ mới, nên có những bài hợp ca, tôi phải dùng “head voice” để hát những notes cao khi solo ở phần giữa. Tôi nhớ khi trình diễn thì mọi người rất thích nhưng Thầy Tường thì lại không, vì Thầy nói với người bên cạnh là Thầy thích nghe giọng thật, không quen nghe “giọng óc” nghe khó chịu lắm. Thế là tôi lại buồn 5 phút!....

Thời gian trôi qua...tôi sống ở hải ngoại, thích viết văn làm thơ khi rảnh rỗi, nhưng mấy năm gần đây, tôi viết nhạc và sống gần với âm nhạc hơn. Thỉnh thoảng, tôi vẫn nghĩ thoáng qua về Thầy Tường khi đặt bút lên giấy để viết xuống những notes nhạc dấu đen, dấu trắng ...Có lần tôi chợt nghĩ, khi nào hoàn tất CD thì sẽ về VN để tìm Thầy kính tặng và nghe Thầy phê bình góp ý. Tôi sẽ mạnh dạn đến gần Thầy và hỏi chuyện thật nhiều, không còn nhút nhát như xưa, bỏ mất bao nhiêu cơ hội học hỏi và tiến thân. Nhưng bây giờ Thầy đã không còn trên thế gian. Tuy hiểu rằng Thầy đã lớn tuổi, ai cũng phải “sinh lão bệnh tử” nhưng tôi cũng buồn và thương tiếc lắm!.

Thời trung học, Thầy là người dạy nhạc đầu tiên cho nhiều nữ sinh LNH, trong đó có tôi mặc dù lúc ấy, tôi cảm thấy như bị một bức tường vô hình cản trở sự tiến bộ của mình. Khi trưởng thành, tôi sống ở Mỹ, Thầy vẫn sống ở VN và có lẽ Thầy đã quên tôi vì làm sao nhớ hết quá nhiều học sinh LNH đã từng học Nhạc với Thầy. Tuy nhiên, tôi vẫn không quên công lao của

Thầy đã giới thiệu, hướng dẫn tôi và các bạn vào khu vườn nghệ thuật âm nhạc đầy màu sắc quyến rũ với những cung bậc đầu đời. Tôi vẫn nhớ đến tính cách và phong thái đặc biệt của một người Nhạc sĩ khó tánh trên dòng sông âm nhạc, và người nhạc sĩ này cũng là người lái đò xuôi ngược đưa chúng tôi về nơi hoa thơm cỏ lạ có tiếng nhạc êm đềm...

Khi Thầy dạy tôi nhạc thì tôi không dám đến gần Thầy - Khi tôi hết học nhạc thì Thầy và tôi ở quá xa - Khi tôi viết nhạc, đi theo bước chân của Thầy thì Thầy không còn hiện hữu. Mỗi mỗi là những khoảng cách! Nhưng nghĩ lại, đó là những khoảng cách dễ thương giữa tôi và Thầy, vì nó vô hại, vì khoảng cách không phải trống rỗng mà đọng đầy những dấu hỏi quan tâm về Thầy từ xưa cho đến bây giờ - tôi đang nhớ đến Thầy chung quanh những notes nhạc trắng đen thương tiếc.

2/ **BA TÔI:** Người mất vào tháng 6 năm 1997, nghĩa là hơn 9 năm tôi lìa xa ba tôi, nhưng khoảng cách âm dương giữa người sống và người chết cũng được lấp đầy bằng thời gian thương nhớ. Mỗi lần thức khuya làm việc, tôi nhớ lại ngày xưa khi thức khuya học thi, Ba tôi hay ép tôi ăn mì gói và uống nước dừa xiêm cho có sức học bài. Tôi rất sợ ma, nhưng bao giờ cũng mong được thấy Ba tôi hiện về, vì hầu như má tôi và các chị em tôi ai cũng được ít nhất một lần được Ba đứng nhìn, xoa đầu hay kéo chân trong giấc ngủ. Mỗi lần nghe kể, tôi tức lắm, vì khi ba tôi còn sống, người “cung” tôi nhất nhà, cho nên tôi thắc mắc là tại sao tôi không được gặp Ba 9 năm nay. Đôi khi, tôi tự an ủi rằng có lẽ Ba biết mình nhát quá nên sợ mình bị té xỉu nếu thấy Ba về thăm.

Tôi có để hình Ba tôi và Ba của T trên bàn đọc sách ở góc phòng thư dẫn. Hai người cha cùng tuổi và đi về thế giới bên kia trước sau 1 năm. Mỗi khi đi ngang qua để bước vào phòng ngủ, tôi nhìn Ba nhoèn miệng cười một cái. Khi có chuyện buồn, tôi nhìn Ba mà khóc và cảm thấy vui bớt. Khi tôi bối rối điều gì thì tôi lại chịu trận, không dám nói với Ba vì sợ Ba giúp mình thì sẽ bị hao tổn khí lực của người, không siêu thoát được. Tôi không để hương đốt nhang như má tôi, nhưng

đêm nào T hoặc tôi cũng thấp nền lưng linh trên bàn vì sợ người khuất bị lạnh.

Mãi cho đến một đêm vào cuối tháng 5, thì tôi được gặp Ba tôi trong giấc ngủ – Tôi thấy Ba tôi mặc áo choàng màu lam, có dây thắt ngang bụng, tay áo rộng như một phật tử, đầu đội mũ vải như một vị quan văn. Giữa làn khói toả như sương như mây, Người đứng nhìn tôi và mỉm cười hiền hòa, nhân ái như khi còn sống. Tôi mừng quá kêu lên “Ba!” và chạy lại định ôm người, nhưng Ba tôi nhẹ nhàng đi phớt qua, miệng vẫn mỉm cười, tôi chỉ được nắm cánh tay Ba thôi và thật lạ! trong giấc mơ, mà tôi cảm giác được hơi ấm của Ba tôi len vào tay mình làm tôi choàng tỉnh và nằm thao thức tới sáng, không dám ngủ lại vì sợ bị quên đi giây phút quý giá, thiêng liêng này, sợ khi thức dậy thì không kể cho Má tôi đầy đủ chi tiết được.

Ba Má tôi là người dạy tôi tiếng nói, miếng ăn đầu đời. Ba tôi rất thích nghe nhạc êm êm trước khi ngủ, cũng như rất vui và hân diện khi nghe tôi kể về những sinh hoạt văn nghệ của mình. Do đó, tôi rất tiếc vì hôm nay không còn cơ hội chia sẻ dòng nhạc của mình cho Ba tôi nghe, để được thấy Ba vui cười rồi từ từ thêm thiếp ngủ. Có người nói với tôi rằng Ba tôi đã đắc đạo, qui tiên. Có người cho là Ba đã siêu thoát... Không biết tôi có còn gặp Ba trong giấc mơ nữa không, nhưng miễn sao Ba tôi được vui trong cuộc hành trình mới của người là tôi cảm thấy hạnh phúc. Ôi! Khoảng cách dễ thương tuy xa mà gần giữa 2 cha con như đang được sưởi ấm

3/ **BAN TÔI:** Từ lúc ấu thơ đến thời niên thiếu, tôi may mắn không phải cực khổ, chỉ lo đi học, ăn chơi, thức khuya học bài và đi ngủ. Trong những giờ phút đó, khi đến trường, tôi gặp Thầy Cô, bạn bè. Về nhà, gặp Ngoại, Ba Má và các anh chị em ...đủ làm tôi ấm áp, vui vẻ và không có gì lo lắng ngoài chuyện học hành để được điểm cao và thi đậu. Trong lớp tôi, có một số bạn thân, nhưng cũng có một số bạn mà tôi ít nói chuyện, cố giữ một khoảng cách mà lúc đó tôi cũng không hiểu vì sao.

Bây giờ nhìn lại, tôi ước gì mình quay ngược thời gian để xoá những khoảng cách đó, để tôi gặp lại tất cả và cười giòn với bạn bè, kéo một đám vào chơi “đánh đũa” với Mỹ Xuân như thời tiểu học, hay “cúp cua” đi ăn chè/sinh tố với Phi Phượng, Thu Nga, Thanh Hương, Hoàng Oanh, Bạch Yến..., hay bàn luận về “Top ten” khi nghe nhạc Mỹ với Phương Dung... hay cố gắng theo kịp các bạn giỏi như Huệ Nhi, Ngọc Trừng, Nguyễn Thị Trùng, Uyên”Bắc Kỳ”, La Kim Oanh, Tiêu Ngọc Phụng Có lẽ khi nghĩ đến kỷ niệm học trò, những khoảng cách với một số bạn bè thời trung học làm cho tôi khó chịu nhất, vì giờ đây không cách gì thu nhỏ lại được như ý muốn. Trong khi đó, khoảng cách giữa cuộc sống và cái chết dường như đang từ từ rút ngắn lại... theo sự gia tăng tuổi tác của mình.

Thời niên thiếu, tôi chưa ý thức được ranh giới của bờ sinh tử. Câu hát “Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi, rồi một mai tôi trở về thành cát bụi” của nhạc sĩ TCS, bây giờ thì ai cũng hiểu và cảm thấy bình thường nhưng ngày xưa, mấy nhỏ bạn và tôi đều xuýt xoa ca ngợi về ý tưởng mới lạ trong nhạc của ông. Có lần, tôi đã nghe một người nói: “Khi mở mắt chào đời, cũng là lúc bước dần đến cõi chết”, thì lúc ấy tôi mỉm cười và bước đi, không thắc mắc hay bàn cãi, vì tâm tư đang bận rộn với nhiều mơ ước khi hướng nhìn về những cánh phượng hồng đang khoe màu rực rỡ trên đường phố ... Ý niệm sống và chết đối với cô nữ sinh tuổi 16 “teenager” như tôi vào thời điểm ấy thật mơ hồ, bị tôi và mấy nhỏ bạn cho là “ triết lý” mâu thuẫn, bí quan và không muốn mất thời giờ suy nghĩ gì cả.

Cách đây khoảng mấy tuần, tôi có đến tiễn đưa Má của Phương Dung về bên kia thế giới. Thầy Đăng, Thầy An, anh chị Hội Trưởng Vĩnh cùng các anh chị trong Ban Chấp Hành NDC/LNH, và nhiều anh chị khác ở Nam Cali đều có mặt để chia buồn với gia đình. Phương Dung hôm ấy khóc sưng mắt nên cũng không nói chuyện nhiều với tôi như lúc tôi vào thăm Bác gái ở Bệnh Viện Garden Grove. Tôi hiểu tâm trạng Phương Dung rất thương Bác gái, đã bỏ công việc ở Canada để qua Mỹ phụ lo cho Bác.

Trước Lễ Di Quan, tôi và nhiều người hiện diện đã bị “touched” bởi lời chia sẻ của chị P.A, đại diện cho gia đình. Chị P.A là chị thứ 5 trong gia đình của Phương Dung, bạn tôi, và em của Chị Phương Quê trong Ban Chấp Hành. Thường thường, tôi cũng ít có dịp tiếp xúc nhiều với chị nên cũng có một khoảng cách. Tuy nhiên, hôm ấy, tôi cảm thấy mình thật gần với chị, có lẽ cái “chân lý” mà chị tìm ra dù muộn màng sau khi má chị mất nhưng đã mang tôi đến gần chị hơn.

Hôm ấy, chị P.A đứng trước quan khách và bộc lộ những tâm tình “rất thật” khi chị chia sẻ những sinh hoạt, ý nghĩ và mẫu đối thoại của 2 mẹ con. Chị kể rất nhiều nhưng tôi chỉ nhớ điểm chính về 2 người mà bà không an tâm là: chị P.A về tình thần và em trai về vật chất. Chị P.A làm cho mọi người rất cảm động khi chị “ngộ”, phải mất đi một người mẹ và bao nhiêu năm để chị tìm được chân lý cuộc sống (sống không phải chỉ là để chinh phục và ước mơ có nhiều tiền). Chị đã hứa trước linh cửu Má mình rằng sẽ thay đổi cái nhìn và cách sống để bà không còn lo lắng dưới suối vàng. Sau giờ phút ấy, tôi lái xe đi về mà lòng vô cùng cảm phục sự can đảm của chị - đã dám nói sự thật và không ngại ngừng phơi bày trước mặt mọi người cái ham muốn và ích kỷ của bản thân mình dù trong quá khứ, và lòng quyết tâm của chị - đang cố gắng chuyển sang tính cách tốt đẹp của sự phát tâm và hướng thiện. Khoảng cách giữa tôi và chị không còn nữa. Chị thật dễ mến và những quyết tâm của chị vẫn chưa trễ quá, vẫn còn thời gian thực hiện được.

Từ 3 tiêu đề nêu trên về *Thấy tôi – Ba tôi- và Bạn tôi*, **Những khoảng cách** của tôi tuy xa mà gần, tuy thật lại ảo, tuy sừng sững như núi nhưng cũng mờ khuất như sông, tuy sờ sờ trước mặt nhưng có thể biến mất dễ dàng khi được vun xới hay lấp đầy bằng những chân tình. Có hay không? Còn hay mất? Tất cả đều do trái tim mình...không cần thời gian tính.

Gửi Mỹ Tho,

NTT

Này Mỹ Tho ơi, em có biết
Ta vẫn yêu như tự thuở nào.
Bao nhiêu năm cách sông ngấn núi,
Mơ ngày về tắt dạ nao nao.
Này Mỹ Tho ơi, em hiền thực,
Thương làm sao áo trắng dịu dàng.
Lê Ngọc Hân tan trường yêu điệu,
Lá me vương quần quít mang mang.
Mang mang cả lòng người Đình Chiểu
Viết tên em đầy vở học trò,
Mong tan học theo em về ngõ,
Thương em nắm nốt vạt bài thơ.
Những bài thơ ngại ngừng không gửi,
Giữ đây rưng kỷ niệm tuổi xanh.
Mấy mươi năm bồi hồi đọc lại,
Thương cuộc tình sao trót mong manh.
Giờ đây tuy cách xa vạt dậm,
Tuổi đôi mươi chông chát bao lần,
Tìm vẫn trẻ đập hoài nhịp cũ,
Nhớ Mỹ Tho như nhớ cố nhân.
Hẹn cố nhân một ngày trở lại
Ôm hôn từng gốc phượng sân trường,
Vuốt ve từng thềm rêu trơn mát,
Mơn man từng bằng phần thân thương.
Nhắm mắt ước một giây trẻ lại,
Vòng tay ngồi cuối lớp cùng em,
Nghe thầy giảng sử xanh nước Việt
Có cụ Đồ, công chúa Ngọc Hân.
Rời hãnh diện ta dân Hồng Lạc,
Mấy mươi năm chưa mất gốc nguồn,
Dầu lưu lạc lênh đênh tám hướng,
Mong ngày về nói lại tình thương.
Và Mỹ Tho ơi, em nhớ nhé,
Ta vẫn yêu như tự thuở nào,
Đón ta về một ngày đẹp nắng,
Lệ trùng phùng hạnh phúc dâng cao

MỸ THO – QUÊ HƯƠNG & CON NGƯỜI

NGUYỄN THÁI BỬU
Cựu học sinh NĐC 1956-1963

Em yêu, Anh sẽ kể Em nghe chuyện Mỹ Tho, quê hương thân yêu lắm điều tự hào và hãnh diện. Mỹ Tho ngày xưa là tỉnh Định Tường bao gồm cả Gò Công, Rạch Miễu cho đến Cầu Ba Lai, mà bọn anh thường đến vớt cá lia thia ở Sông Ba Lai, luôn cả Bình Đại nữa. Thành phố Mỹ Tho được bao bọc bởi sông lớn Tiền Giang và dòng Bảo Định hiền hòa, lại thêm có hai giếng nước to lớn, chứa nước cho dân Mỹ Tho đủ nước ngọt để uống khi mùa nước lợ, là mùa nước biển tràn sâu vào đất liền, khiến nước sông hơi mặn mặn. Anh ước mong sẽ có ngày đào sâu thêm lòng giếng, xây gạch chung quanh giếng và một ngôi nhà thủy tạ giữa giếng để chúng ta được đứng giữa hồ nước mênh mông, lên tiếng ca tụng đất nước và con người Mỹ Tho hiền hòa, để được thích thú ngắm những con chim còng cộc sần cá bay lên cho đến ngút tầm mắt, trong sự thắc mắc vui vui là tại sao dân Mỹ Tho mình lại gọi là giếng nước, trong khi nó là một hồ nước to lớn. Thôi thì Ông Bà Ngoại anh cũng như bà con lối xóm gọi là giếng nước thì mình cũng gọi là giếng nước, Em nhé.

Trong cuộc sống ly hương, anh luôn hoài niệm về dòng Bảo Định Giang hiền hòa ôm vòng thành phố Mỹ Tho thương yêu mà ở ngoại quốc chúng ta ít thấy được, cũng như nhìn những khu nhà đất liền, giá trị tăng cao nhờ có một hồ nước thiên nhiên hoặc nhân tạo, anh bâng khuâng nhớ đến hai giếng nước to lớn ở trung tâm thành phố Mỹ Tho mình.

Em yêu, ngoại trừ các cơ sở vật chất của giáo hội Thiên Chúa như nhà thờ lớn Mỹ Tho mà tiếng chuông rền vang mỗi buổi bình minh, Trường Taberd cho nam sinh, Trường Jeane D'are cho nữ sinh, nhà Dưỡng lão chiếm lĩnh một diện tích to lớn nằm dọc dài đại lộ Hùng Vương, quê mình còn có nhiều chùa ở xa thành phố như chùa Đạo Thạnh, chùa ở bót số 8 mà anh quên tên, nhất là Chùa Vĩnh Tràng, một ngôi cổ tự đã được U.N.E.S.C.O. công nhận là di sản văn hóa thế giới, nên được cấp

ngân khoản trùng tu, hai cổng chùa nghiêng nay đã được sửa lại ngay ngắn, sơn phết thật đẹp. Chùa Vĩnh Tràng cũng là nơi mà người bạn cùng lớp với anh tên Lý Ngọc Hòa, trú ngụ ở chùa để đi học, bị giết chết vì lý do chính trị, mà đầu đó trong đặc san Nguyễn Đình Chiểu có bạn đã nhắc tới. Lý Ngọc Hòa là một học sinh tầm thường, học không giỏi, nhưng có sức khỏe. Anh là đệ tử ruột của Thầy Tính dạy Pháp văn và môn thể dục dụng cụ, anh rất gan dạ để luyện tập các thế nguy hiểm trên parallèle. Cái chết của Lý Ngọc Hòa đã gây một chấn động to lớn trong lớp học sinh lúc đó và đám tang của Lý Ngọc Hòa đã được Tỉnh Trưởng Nguyễn Trân cho tổ chức rất là trọng thể.

Ở trung tâm thành phố, nằm trên đường Ngô Quyền, có chùa Phật Ân, mà có người kể chuyện, Thầy dạy toán Trần văn Át mỗi khi đi ngang chùa, đều xuống xe đạp, dỡ nón cầm tay, nghiêm trang dẫn xe đạp đi qua chùa, mới đội nón lên, tiếp tục đạp xe...

Em yêu, Anh kể điều này không phải để nịnh Em đâu, mà Em hãy hãnh diện đi, vì điem qua sử sách, Em sẽ thấy Quê hương mình là quê hương của Hoàng Hậu, mà Hoàng Hậu thì nhất định phải đẹp, phải không Em? Này nhé, bà Từ Cung, hoàng hậu Nam Phương của vua Bảo Đại... và sau cùng là Đế nhất phu nhân của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn văn Thiệu. Em yêu, Em biết không, kể từ ngày Thiệu úy Thiệu mới tốt nghiệp quân sự, ra trường, vác ba lô về trấn đóng Cầu Vỹ, gần chùa Vĩnh Tràng, rồi nhờ thích ăn “canh chua cá khô tộ” mà mọc gốc ở Mỹ Tho, để rồi cũng nhờ phúc đức của nhà vợ góp phần nên được trở thành Tổng Thống VNCH. Anh nói phúc đức nhà vợ là vì Tổng Thống phu nhân là con gái của Thầy năm Thương, một thầy thuốc cứu nhân độ thế ở Mỹ Tho mình, và ngôi nhà xưa to lớn của gia đình Bà Thiệu là nơi trú ngụ của nhiều học sinh theo học Nguyễn đình Chiểu và đa số học sinh ngày xưa “ăn cơm tháng” ở nhà Bà Thiệu đều được “Chị Bảy” giúp cho đạt được những địa vị phù hợp với khả năng. Và Em yêu ơi! Em có biết không, anh đã gặp quá nhiều người xuất thân từ các trường học Mỹ Tho ở các cơ quan quyền lực cao nhất nước.

Em yêu, anh đã nhìn Em và cựu nữ sinh Mỹ Tho rồi, bây giờ Anh “kiểm điểm” với quý Thầy Cô khi kể chuyện về Tổng Thống Trần văn Hương. Chuyện về “Bác Sáu Hương” đã có nhiều người kể rồi, anh chỉ nhấn mạnh điều Tổng Thống Trần văn Hương là cựu học sinh rồi thành cựu giáo sư Le Myre de Villers, tiền thân của Trung học Nguyễn đình Chiểu, hai lần làm Đô trưởng Sài Gòn, hai lần là Thủ Tướng, Phó Tổng Thống và cuối cùng là Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa mà đức hi sinh, tư cách và thái độ sống của người quân tử đã làm rạng danh người miền Nam.

Em yêu, Tiến sĩ Nguyễn Thanh Liêm đã kể cho chúng ta nghe sự đóng góp của dân Mỹ Tho trong lãnh vực giáo dục trên bình diện quốc gia, anh sẽ kể em nghe những đóng góp của người Mỹ Tho về các phương diện khác. Em biết không, tỉnh Mỹ Tho mình ưu tiên hưởng các tiện nghi điện nước trước các địa phương khác là do quyết định của kỹ sư Dương Kích Nhưỡng, con trai của “Ông Đốc Cáp”, bà con Mỹ Tho mình thường gọi ông hiệu trưởng Dương văn Cáp như thế. Kỹ sư Dương Kích Nhưỡng lúc đó là Tổng Trưởng Giao thông Công Chánh với sự tiếp tay đắc lực của kỹ sư Nguyễn văn Danh, chánh văn phòng Bộ Giao Thông Công Chánh đã có những quyết định lý thú chẳng hạn như khi Thụy Điển viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa hai nhà máy chế biến rác thành phân bón, thì có ba thành phố lớn được ưu tiên một, còn một thì giữa Sài Gòn và Mỹ Tho, thôi thì cho Mỹ Tho trước, còn Sài Gòn đợi kỳ sau, khi nào có nhà máy công suất lớn hơn! Chuyện kể kỹ sư Dương kích Nhưỡng mải miết làm việc ở văn phòng, tính toán toán, thiết lập các dự án kiến thiết và tái thiết hạ tầng cơ sở để phát triển kinh tế. Bằng uy tín cá nhân, đầy đủ khả năng chuyên môn và tính thanh liêm nổi tiếng, kỹ sư Dương Kích Nhưỡng đã tranh thủ được sự giúp đỡ của các nước và các cơ quan viện trợ trên thế giới cho các dự án kiến thiết cho nước mình. Em biết không để giúp cho sự phát triển các đồng bằng sông Cửu Long, quốc lộ 4 đã được xây dựng lại, mà quan trọng nhất là đoạn tới Mỹ Tho mình. Từ Sài Gòn về, muốn đi về miền Tây Hậu Giang, xe sẽ không đi ngang qua ngã ba Trung Lương, mà rẽ mặt ở ngã tư Lương Phú, thuộc xã Thân

Cửu Nghĩa, ngang qua phi trường Bến Tranh, chạy thẳng xuyên qua xã Tam Hiệp (Chợ Bung), rồi bắt lại quốc lộ 4. Còn từ Hậu Giang về Sài Gòn vẫn theo lối cũ, đi ngang qua ngã ba Trung Lương. Và Em biết không, dân Mỹ Tho mình đã từng có một dự án thành lập Tổng Kho ở ngã ba Trung Lương, hàng hóa ở Sài Gòn và miền Trung về, lúa gạo, cây trái, tôm cá ở miền Tây lên, tập trung ở đó để được công ty phân phối đi khắp nước.

Sau ngày 30-4-1975, kỹ sư Dương Kích Nhưỡng với chức vụ sau cùng là Phó Thủ Tướng đặc trách tái thiết, là người tù cao cấp nhất ở trại tù 15-NV Long Thành.

Kể đến Anh kể cho em nghe chuyện một người phụ nữ tài giỏi của Mỹ Tho. Đó là Cô Lý Hoa. Cô xuất thân là Cô giáo ở trường Tiểu học Châu Thành Mỹ Tho trường (Cầu bắc). Từ bỏ nghề nhà giáo, Cô chuyển sang ngành hành chánh. Trong cuốn đặc san NĐC 2005, có bạn đã kể vài chuyện về Cô Lý Hoài , cho biết Cô đã mất tích trên đường vượt biên. Kính thưa Cô, Bửu xin dâng lên Cô nén hương tưởng nhớ và biết ơn, vì Cô biết không, ngày Cô làm Tổng Thanh Tra Bộ Tư Chánh, một lần Cô xuống Thanh Tra Nha xô số Kiến Thiết, vợ con tên Nguyễn thị Trạch, cựu nữ sinh Lê Ngọc Hân 1957-64, phụ trách toàn bộ tài chánh, bị Cô quay tơ bởi, về nhà mặt buồn so, khi hiểu chuyện, con bảo vợ con thưa với Cô: “Thưa Cô, chồng con ngày xưa là học trò của Cô ở trường tiểu học Cầu bắc Mỹ Tho.” Chỉ một nhìn nhận vậy thôi, Cô đã xếp lại mọi việc, tất cả đều tốt đẹp. Và Cô ơi, chắc vợ con cũng đã có dịp đến thăm hỏi và chào Cô ở dưới đó, vợ con cũng mất tích trên đường vượt biên. Và Bửu kính xin Cô một cái hẹn vào một buổi mai đẹp trời nào đó, sau khi trang trải hết nợ trần gian, con được sum họp cùng vợ con, chúng con xin đến thăm Cô để được nói lên lời cảm ơn muôn màng của đứa học trò nhỏ bé ngày xưa...

Cũng trong một đặc san NĐC-LNH, anh bạn kể về trường xưa có nhắc đến Thầy Nguru. Anh học với Thầy Nguru năm lớp 3 trường Tiểu học Cầu bắc Mỹ Tho. Năm đó, ngoài phần thưởng hạng nhất lãnh ở trường tiểu học, anh còn được vào tham dự lễ phát phần thưởng ở trường trung học Nguyễn đình Chiểu, lãnh thêm phần thưởng đặc biệt của “Đức Đồng Cung

Thái Tử Bảo Long”, nên lòng anh lúc nào cũng nhớ ơn và ủng hộ triều Nguyễn. Sau này, có dịp về thăm Tòa Thị chính thị xã Mỹ Tho, anh gặp Thầy Nguru làm việc ở đó. Chắc Thầy làm việc cho vui sau khi hưu trí của ngành giáo dục. Và anh cũng có lời giới thiệu Thầy Nguru với Phó Thị Trưởng Lê văn Thêm, “Đây là Thầy của tôi ở Tiểu học!”

Em yêu, còn nhiều chuyện dân Mỹ Tho mình “ngon” lắm Em, khó có ai hiểu đáp được. Anh kể em nghe “vụ án đường” Em nhé! Đường là đường cát mà Em thường nấu chè và pha cà phê mỗi sáng đó! Trước năm 1975, đất nước chiến tranh nên thường xảy ra nạn khan hiếm thực phẩm, xăng dầu, đường, gạo..., bọn con buôn thừa cơ tăng giá, đầu cơ tích trữ. Nhưng trong vụ án đường, các thương gia ở Mỹ Tho chỉ là nạn nhân của một cuộc tranh chấp chính trị. Ông Nguyễn văn Ngân là phụ tá Tổng Thống được giao phụ trách tổ chức Đảng Dân Chủ muốn lấy Công ty Đường làm cơ quan kinh tài của Đảng, nên muốn “búng” chức Giám đốc Công ty Đường của Ông Nguyễn Khắc Thành là người của Phong trào Phục hưng miền Nam dưới tàn che của “Phủ cây tùng” của Phó Tổng Thông Trần văn Hương. Hai thương gia buôn bán đường là “Ba Đại” và “Chín Mang Lý” cùng với Nguyễn văn Xinh tức chủ tiệm may Văn Minh đã mua và tích trữ một lượng đường to lớn. Họ đã bị Cảnh Sát Sài Gòn bắt giữ. Anh nhớ rất rõ buổi điện đàm của Đô trưởng Sài Gòn Chuẩn tướng Đỗ Kiến Nhiễu với Phụ tá Tư lệnh Cảnh Sát đặc trách tư pháp Phạm Kim Quý, can thiệp để xin tại ngoại hầu tha cho cho ba thương gia nói trên. Và trong một phiên tòa sau đó, 2 bản án tử hình khiếm diện dành cho ông Nguyễn văn Xinh và ông Ba Đại còn Bà Chín Mang Lý làm ăn chân chính, uất ức nên phát điên. Tuy bị kêu án tử hình nhưng họ đã thoát khỏi lưới pháp luật. Chủ tiệm may Văn Minh Nguyễn văn Xinh thì nghe nói sống trong xứ đạo Hồ Nai, còn ông Ba Đại sống ung dung ở tư dinh của Đô trưởng Sài Gòn. Và “ngon” hơn nữa, ngày cô con gái của ông Ba Đại du học Nhật Bản về thăm quê nhà, thì ông được Cảnh Sát hộ tống ra đón con gái ở phi trường Tân Sơn Nhất. Sau này hai người cũng định cư tại Hoa Kỳ, nghe nói ông

Văn Minh đã mất ở California và ông Ba Đại cũng đã mất ở Houston, Texas vì bệnh.

Em yêu, kể chuyện xưa đã hoài niệm một quá khứ huy hoàng của quê hương Mỹ Tho mình, Anh mong có ngày chúng ta họp mặt đại hội học sinh Mỹ Tho ở quê nhà, mình sẽ chặn đường Ngô Quyền và Lê Đại Hành để làm khu họp mặt, Thầy Cô và bằng hữu khắp nơi tìm về, kể lễ khúc nối, hàn huyên tâm sự. Chúng mình sẽ đi thăm lại các vườn mận hồng đào nổi tiếng ở ngã ba Trung Lương. Anh sẽ đưa Em đi thăm xã Trung An, làng Đạo Thạnh mà bọn anh thường đi đá banh, gọi là “đá châu ăn thịt chó” hoặc xa hơn nữa là đến Cái Bè - cạ đá - banh để về đêm tham dự đèn ca ăn cháo cá. Chúng mình sẽ theo Thầy Nguyễn văn Đậu về thăm Tân Hiệp để nhớ lại những buổi trình diễn văn nghệ gầy gầy để xây dựng trường tiểu học Phú Mỹ.

Và Em yêu ơi. Anh không thể nào quên những ngày cắm trại tuyệt vời ở những đêm trăng sáng, trên các cánh đồng lúa chín thơm ngát, vàng óng của đất nước mình, ở một thuở thanh bình. Mong lắm một ngày về Em ơi !



Phụ Bản Tranh

Chung Thanh Thủy



Hai bản nhạc sau đây của Thầy Tân Văn Công, cựu nhân viên trường NĐC, và của Thầy Đoàn Duy Tường bút hiệu Tương Huyền.

CHIẾN THẮNG XOÀI MÚT RẠCH GẦM

Marcia di Agitato Mặc Nhân Tân Văn Công

Này con sông linh thiêng. Này con sông vinh quang. Ta nhớ nơi đây đã có một lần đây
(Tứ) Rạch Gầm hò reo. Từ Xoài Mút loa vang. Muốn bóng quân ta xuất chiến cuối thuyền tập
sông. Này phương Nam thân yêu. Này biên cương thiêng liêng. Đã một lần bị xâm chiếm bởi quân tham

LIÊN KHÚC

Tiếng vọng Sông Tiền

Khúc 1 : Chiến thắng Xoài Mút Rạch Gầm

Tác giả : Mặc Nhân Tân Văn Công

Khúc 2 : Tưởng niệm

Tác giả : Tương Huyền

TƯỜNG NIỆM

Tương Huyền

Maestoso

Tiến Giang bao la. Ngàn liếng gió rì. Muốn bóng quỉn ta như còn hiển
hách. Triều dâng dâng lên. Ngàn sóng lấp lánh. Như thấy bóng dáng cả trăm vạn
thuyền. Trời cao cao xa. Sừng sững đứng khi. Kia Đức Quang Trung ra oai thần
vũ. Rồi hai trăm năm và mai mai sau. Ngàn năm Xoài Mút sông Thuồng Rạch
Gầm Sa... át... a... Tiếng thét sắt sắt lừng vang Sa...
át... a... Tiếng thét sắt đất càng vang. Đặt dáo vọng lên không gian Ngàn
lòng người dân phương Nam. Ngàn đời đời sông linh thiêng cùng người xưa đầu tá. Sứ
vàng lừng danh Quang Trung. Nhịp triều hòa chiến chiến thắng. Tưởng niệm người xưa uy dũng Anh
Rit... Moderato
nhang chưa mờ (Tiến)

Fine

Tình yêu đã chết trong tôi

Trần Thu Hà và niềm cô đơn của Nguyễn Ánh Chín

Đặng Lữ

Đêm lắng xuống thật yên, chắc là đã nửa đêm về sáng. Bài hát cuối cùng trong DVD Paris by Night 83 đã chấm dứt từ lâu, nhưng âm hưởng đó, hình ảnh đó vẫn còn lay lắt mãi như ánh trăng thượng tuần mong manh lãng đãng. “Tình yêu đã chết trong tôi” Giọng người ca sĩ trẻ xoáy vút lên cao, cao ngất. Tiếng piano dồn dập, gấp khúc của Nguyễn Ánh Chín người đuổi theo tình yêu quay quắt, miên viễn của mình. Bỗng dừng tất cả, tất cả đột ngột im lặng, tuyệt tình trong thinh không. Tình yêu đã chết, cuộc đời đã hết, người ca sĩ ngộp ngựa trong vũng tối tuyệt vọng của lời ca. Người nhạc sĩ chậm buồn cúi xuống trên bàn phím, một đời tóc đã bạc phơ. “chỉ còn cô đơn, bơ vơ, tiếng hát lạc loài...” Từ quảng vắng, rớt xuống, những nốt dương cầm rời rã, chậm, nhẹ như gió lay. *Cô đơn....* cuộc hành trình đó từ đây *bơ vơ* không còn chủ đích. Nghiệp dĩ, *tiếng hát đó lạc loài*, thôi, xin tan loãng vào hư không. Chẳng còn chi... Chẳng còn chi, xin cho tôi quên đi dĩ vãng, dù kỷ niệm có mãi êm đềm. Xin cho tôi quên đi ngày xưa, tháng cũ, xin cho tôi ngày mai mù sương bên ngoài song cửa để cứ mãi lênh đênh. *Tình yêu đã chết trong tôi, chỉ còn cô đơn, bơ vơ, tiếng hát lạc loài.* Người đời một mai kia có nhớ, chỉ xin nhớ niềm cô đơn với tình yêu thần thánh của người nghệ sĩ, và tiếng hát đó ngất lịm trong mệnh chung. Giọt nước mắt lăn xuống trong vội vã cúi mặt. Tiếng hát đã qua đi, nhưng nỗi buồn đã in dấu. Sợi tóc còn xanh của người ca sĩ trẻ rủ xuống, đôi vai gầy cong, nặng nỗi buồn giao hưởng của người viết nhạc và người ca. Trần Thu Hà thật xuất sắc tự bao giờ.

Cô đơn vốn là niềm bi tráng, nguồn thi hứng oái ăm của người nghệ sĩ khó thể chia sẻ và cảm thông. Lạ thay! ở đây nỗi buồn tưởng như hiểu được, cảm được, diễn tả được lại càng *bơ vơ*, man dại hơn hết trong chót vót giọng ca đột ngột lịm tắt nửa chừng.

Tình yêu đã chết trong tôi.

Danh Mục

THƯỜNG MẠI

Bác Sĩ NHA KHOA
HUỲNH DƯƠNG QUANG

Tốt nghiệp DDS tại UCLA năm 1999
Hội viên ADA, CDA và OCDA

- ▶ Nha Khoa Tổng Quát – Nha Khoa Thẩm Mỹ
– Nha Khoa Nhi Đồng
- ▶ Tẩy trắng răng trong 1 giờ bằng tia sáng đặc biệt
- ▶ Phòng mạch trang bị hiện đại đúng tiêu chuẩn Hoa Kỳ



Có máy **i-glasses** (mắt kiến TV)
high resolution để xem phim lúc
chữa răng.

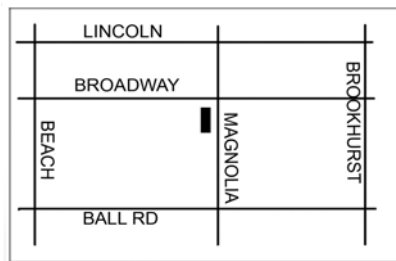
Trẻ em không sợ, không khóc khi
gặp Nha Sĩ.

Nhận Medi-Cal và hầu hết các loại bảo hiểm
Tiền mặt giá cả nhẹ nhàng.
(714) 952-3746

Giờ Làm Việc:

- Thứ Hai, Ba, Năm, Sáu: 9AM-6PM
- Thứ Bảy: 9AM-3PM
- Thứ Tư và Chúa Nhật: đóng cửa

321 S. Magnolia Ave
Anaheim, CA 92804





**DIANNE
SKIN CARE**

9349 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683
(*Nằm trong Winn Beauty Salon*)
(Work) 714-899-9592
(Home) 714-531-5136

Một nơi uy tín về chữa trị da nám, mụn, xóa vết nhăn, với đầy đủ dụng cụ máy móc tối tân, dụng cụ khử trùng cẩn thận. Dùng toàn những loại kem, thuốc Skin Care Products có phẩm chất cao, thích hợp với từng loại da.

Eyelash Extension: Nhận nối dài, training và cung cấp supplies cho việc nối dài lông mi, giữ lâu trên 3 tháng.

Căng Da Mặt: Face Lift \$50/1 treatment.

Micro-Dermabrasion: \$50/1 treatment: Mài phẳng những vết nhăn, rỗ, nám.

Xăm Thăm Mỹ: chân mày, viền mắt, viền môi, nguyên môi xinh đẹp với kỹ thuật mới nhất.

Bôi Dầu Trang Điểm cô dâu, phù dâu, dạ hội, dùng toàn mỹ phẩm nổi tiếng, giữ trọn ngày không phai.

Lột Da Mặt bằng được thảo Green Peel của Đức \$350. Sau 5 ngày sẽ có một làn da tuyệt đẹp.

FACE LIFT Tin Mừng... Tin Mừng... Không chích, không đau, căng da mặt bằng Botinol Serum. Xóa hết mọi nếp nhăn sau 4 lần trị liệu. Kết quả 100% giống như chích Botox.

ĐẶC BIỆT ON SALE:
Máy Micro Dermabrasion: \$5,000
Máy Super Sonic: \$1,000

NHẬN CUNG CẤP TẤT CẢ CÁC LOẠI MÁY TRONG PHÒNG FACIAL



8231 Westminister Blvd., Westminister, CA 92683
(Nhà gạch đỏ, góc đường Westminister và Monroe, đối diện Tượng Đài Chiến Sĩ Việt-Mỹ)
(714) 898-7579 * Beeper: (714) 758-6868
E-mail: liemhdoesq@yahoo.com

Luật Sư ĐỒ HIẾU LIÊM (California và Hawaii)

* Cử Nhân Luật Khoa, Đại Học Sài Gòn (1974)
* Cao Học Chính Trị, Hawaii University (1976)
* Tiến Sĩ Luật Khoa, Hawaii University (1983)

* Nguyên Phó Giám Đốc và cố vấn pháp luật
cho Ngân hàng International Savings và Ngân hàng
American Savings.
* Nguyên Phụ Tá Chánh Án Tòa án Tiểu bang,
Bộ Tư Pháp Hawaii và Sở Thuế Vụ California.

THƯƠNG TÍCH CÁ NHÂN:

* Xe cộ, máy bay, trượt ngã, chó cắn...
* Bất cẩn y tế (do Nha sĩ, Bác sĩ hay nhà
hướng)

ĐẶC BIỆT VỀ TAI NẠN XE CỘ:

Nếu quý vị bị lỗi oan do phức trình cảnh sát sai
lầm, hay văn phòng Luật Sư không bênh vực
được cho quý vị 100% phải, hoặc Luật sư từ
chối ra tòa. Quý vị có thể mang đến văn phòng
chúng tôi để được giúp đỡ, với hơn 23 năm
kinh nghiệm, chúng tôi đã mang lại nhiều
thắng lợi về vang cho những thân chủ có hồ sơ
bị các văn phòng khác từ chối.
Riêng trong các tai nạn chết người, chúng tôi
không những kiện người lái xe mà cả hãng sản
xuất xe và CAL TRANS, và đã mang lại cho
thân chủ tiền bồi thường lên đến nhiều triệu
Mỹ kim.

HỢP ĐỒNG:

* Mua, bán cửa tiệm hay thành lập công ty, tổ hợp
* Tranh chấp thương mại, bội tín.

TRANH TỤNG ĐỊA ỐC:

* Tranh chấp địa ốc trong vấn đề mua bán

HOẠCH ĐỊNH DI SẢN:

* Di chúc, (will) tín quỹ (Revocable living trust)
* Đổi tên

PROBATE:

* Xin tòa chuyển nhượng hay phân chia di sản
khi người thân chết để lại tài sản nhưng không
có hay có di chúc (Will)

HÌNH SỰ:

* Các tội đại hình, tiểu hình
* Xóa bỏ tiền án

GIA ĐÌNH:

* Ly dị, ly thân, hủy hôn thú, lệnh cách ly
(Restraining Order)
* Tranh tụng về tài sản và cấp dưỡng
* Lập khế ước tiền hôn nhân

PHÁP SÀN:

* Cá nhân, Công ty. Giúp giữ lại nhà, xe, và
tiền lưu trí, 401-K
* Chapter 7 & 13



TAI DUC DUONG, D.D.S.

GENERAL DENTISTRY

(805) 486-6383

629 COOPER ROAD, SUITE A
OXNARD, CALIFORNIA 93030

MONDAY-FRIDAY, 10A.M.-7P.M.
SATURDAY, 10A.M.-3P.M.

BÁC SĨ NHA KHOA

HUỖNH THIÊN TÀI

2363 Ulric Street, Suite A - San Diego, CA 92111

(Vùng Linda Vista - Tại góc đường Ulric St & Linda Vista Rd
phía sau Bank of America và tiệm Liquor)

Tel: (858) 279-8665

- NHA KHOA TỔNG QUÁT
- SẴN SÓC VÀ CHỮA TRỊ
RĂNG MIỆNG
- LÀM RĂNG GIẢ
- KHÁM RĂNG ĐỊNH KỲ



NHẬN MEDI-CAL & BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC

9:00 AM đến 5:30 PM • Nghỉ ngày Thứ Tư & Chủ Nhật



15022 Moran Street, Westminster, CA 92683

Tel: 714. 894-7002

Công Ty Đông Phương sản xuất đậu hủ và sữa đậu nành, dùng máy móc tối tân nhất tại Quận Cam, bảo đảm sản phẩm tinh khiết, bổ dưỡng và vệ sinh theo đúng tiêu chuẩn y tế và không pha chế hóa chất.

MỞ CỬA MỖI NGÀY TỪ 7:30 SÁNG TỚI 8:30 TỐI



Bác Sĩ
NGUYỄN THÀNH HIỆP, M.D.
Chuyên Trị

BỆNH NGƯỜI GIÀ

- ◆ Diplomate, American Board of Internal Medicine
- ◆ N.Y.U. Fellowship-trained, Board Certified Geriatrician
- ◆ Cựu Học Sinh Trường Nguyễn Đình Chiểu
- ◆ Cựu Học Sinh Trường Tiểu Học Tân Mỹ Chánh, Ông Văn Đăng Hưng Phước, Chợ Gạo, Định Tường
- ◆ Bằng Chuyên Khoa Nội Thương Hoa Kỳ
- ◆ Bằng Hậu Chuyên Khoa Sinh Học Tuổi Già & Bệnh Người Già
- ◆ Giảng Viên Nội Thương Viện Đại Học Nữ Uớc
- ◆ Viện Đại Học Créteil, Pháp
- ◆ Bác Sĩ Giải Phẫu Chính Trực, Bệnh Viện Bình Dân Saigon
- ◆ Cựu Nội Trú các Bệnh Viện, Đại Học Y Khoa Saigon

Giám Đốc Y Khoa Viện Hưu Dưỡng San Diego

**Săn sóc tại các bệnh viện lớn:
ALVARADO, GROSSMONT, SHARP**

4419 Euclid Ave. Suite # 105, San Diego, CA 92115

Tel: (619) 582-2079 • Fax: (619) 582-2075

BÁC SĨ NHA KHOA
DƯƠNG ĐỨC TRÍ D.D.S.

· Tốt nghiệp Nha Khoa tại University of Oklahoma, Hội viên
American Dental Association - Hội viên California Dental Association

9105 E. Valley Blvd., Rosemead # 201

(626) 286-7478

NHA KHOA TỔNG QUÁT

TRÁM RĂNG - NHỔ RĂNG - LẤY GÂN MÁU

LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI

NHA KHOA THẨM MỸ

NHA KHOA NHI ĐỒNG

KHÁM RĂNG NHẬP HỌC

SẴN SÓC TRẺ EM MỚI MỌC RĂNG

PHÒNG NGỪA SÂU RĂNG

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

Cameo Hair & Nail Designs



1728 N. Tustin, Suite B
Orange, CA 92865
(714) 974-7877
Behind Chevron Gas Station

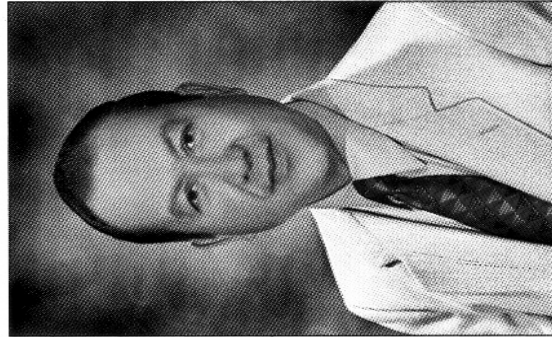
Open Monday - Friday: From 9:00AM - 7:00PM
Saturday: 9:00AM - 6:00PM Sunday: 10:00AM - 4:00PM

BÁC SĨ TRUNG CHÍNH
CHINH V. HUYNH, M.D.

(714) 839-2896

9411 Bolsa Ave., Suite B
Westminster, CA 92683
(Cạnh tiệm cơm chay VẠN HẠNH)

Real Estate Agent
(714) 345-7133



TỔ HỢP LUẬT SƯ

ĐẶNG ĐÔNG NGHI (SAMANTHA) & Associates, P.C

6919 SE 82nd Ave., Portland, OR 97266

Office : (503)777-6487 Fax : (503) 772-2204

Giờ làm việc : Thứ Hai- Thứ Sáu : 8AM-5PM

Thứ Bảy : : 9AM-1PM

Tham Khảo Miễn Phí – Cố Gắng Hết Lòng Để Bảo Vệ Thân Chủ

Mọi Việc đều Được Giữ Kín Đáo- Lệ Phí Phải Chăng

Chuyên về :

Luật Gia Đình : Ly Dị, Quyền Săn Sóc Con, Cấp Dưỡng, Án Lệnh Ngăn Cách.

Luật Khai Phá Sản : Chapter 7

Luật Về Địa Ốc : Bất Động Sản, Nhà Đất, Tranh Tụng Giữa Chủ Nhà và người Thuê.

Luật Di Chúc và Ủy Thác : Cố Vấn Trong Việc Phân Chia Tài Sản, Làm Di Chúc, Ủy Thác.

Luật Di Trú : Vợ hay Hôn Phu, Hôn Thê

Luật Xây Cất : Xây Cất Không Đúng Cách

